

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
APR 2 6 2001
CURRENT SERIALS

7
4-2001

CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY ĐỒNG NAI

Địa chỉ : Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại : 061.861443 - 861870

- Doanh Nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập, đơn vị thành viên của Tổng Công Ty Giấy Việt Nam.
- Các đơn vị trực thuộc :
+ Chi nhánh Kontum (tỉnh Kontum).
+ Lâm trường Nguyên liệu giấy Trị An (tỉnh Đồng Nai).
+ Lâm trường Nguyên liệu giấy Bảo Liên (tỉnh Lâm Đồng).
+ Lâm trường Nguyên liệu giấy Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng).
- Công ty có năng lực sản xuất cây giống bạch đàn và keo lai. Qua phương pháp chọn và nhân giống vô tính bằng công nghệ giâm hom, mỗi năm công ty có thể sản xuất :
+ Tại vườn ươm Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai : 10 triệu cây giống/năm.
+ Tại vườn ươm Đaktô - tỉnh Kontum : 20 triệu cây giống/năm.

HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ · INTERNATIONAL TRADE FAIR · CẦN THƠ - VIỆT NAM

Đạt huy chương vàng về tiêu chuẩn chất lượng tại Hội chợ Triển lãm Quốc tế Cần Thơ – Việt Nam 2000

- Công ty nhận cung cấp cây giống keo lai và bạch đàn hom theo nhu cầu cho các đơn vị, hộ gia đình trồng rừng hàng năm.
- Công ty đã và đang thực hiện Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy, phục vụ nguyên liệu cho ngành công nghiệp giấy phía nam : Đầu tư thâm canh trồng rừng Thông, Keo lai, Bạch đàn trên địa bàn các tỉnh Lâm Đồng, Đaklak, Kontum và Đồng Nai.
- Công ty cần sự hợp tác liên kết với các đơn vị, hộ gia đình có đất rừng sản xuất, để đầu tư trồng rừng nguyên liệu giấy trên địa bàn các tỉnh phía nam.



Luống Giâm Hom vườn ươm cây giống Keo lai - Công ty nguyên liệu giấy Đồng Nai

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 613 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

7
4-2001

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	Thông báo Hội nghị lần thứ 11 (lần 2) BCH Trung ương Đảng khóa VIII	3
	LÊ KHẢ PHIÊU - Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc, ra sức thi đua thực hiện tốt mọi nhiệm vụ, góp phần vào thắng lợi Đại hội IX của Đảng	5
	NGUYỄN ĐỨC HÀ - Ghi nhận qua đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành phố	7
	VŨ TRỌNG KIM - Thế hệ trẻ Việt Nam mãi mãi đi theo con đường của Đảng và Bác Hồ vĩ đại	10
	LÊ THANH ĐẠO - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động thanh niên	13
	NGUYỄN MINH HIỂN - Chống mù chữ và phổ cập giáo dục - sự nghiệp to lớn và lâu dài của toàn xã hội	17
	PHẠM TIẾN DUẬT - Quặng của thời gian	21
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN TIẾN THỦ - Về diện mạo và bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện nay	24
	NGUYỄN QUỐC THẮNG - Suy nghĩ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và kiện toàn tổ chức của Quốc hội	28
	NGUYỄN CẢNH HỒ - Bàn về thực chất của kinh tế tri thức	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THÁI BÌNH - Trà Vinh - một chặng đường xây dựng và phát triển	37
	TRẦN ĐỨC - Lối ra của các nông trường quốc doanh ở nước ta	39
	HẢI NINH - Qua hai bờ đại dương, thế hệ điện ảnh trẻ Việt Nam tự khẳng định	43
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN VĂN HẢI - Trung thực	48
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	TRUNG NHƯƠNG - Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	49
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	BUN-THOỒNG DI-VI-XAY - Phát triển nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở CHDCND Lào	51
	NGUYỄN VIẾT THẢO - Chiến thắng Hy-rôn - 40 năm nhìn lại	53
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	- Về triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở nước Nga	56

Bìa 1 : *Thành phố Đà Nẵng đang được mở rộng và đổi mới* Ảnh : QUỐC KHÁNH

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

* Сообщение 11го Пленума (2ая сессия) ЦК КПВ (VIII созыва). ЛЕ ХА ФИЭУ: Развивать славные традиции Партии и нации, всемерно соревноваться за лучшее выполнение всех задач, внести вклад в успешное увенчание IX Съезда Партии. НГУЕН ДЫК ХА: Замечания из конгрессов делегатов провинциальных и городских партийных комитетов. ВУ ЧОНГ КИМ: Молодое поколение Вьетнама всегда будет следовать путь, проложенный Партией и Великой Дядей Хо. ЛЕ ТХАНЬ ДАО: Увеличить руководство Партии над мобилизацией молодежи. НГУЕН МИНЬ ХИЕН: Анти-неграмотность и расширенное обучение являются крупномасштабным и долгосрочным делом всего общества. ФАМ ТИЕН ЗУАТ: Руда времени. НГУЕН ТИЕН ТХУ: О физиономии и сущности современного капитализма. НГУЕН КУОК ТХАНГ: Мысли о дальнейшем обновлении, повышении деятельной эффективности Национального Собрания. НГУЕН КАНЬ ХО: Обсуждение о сути экономики знаний. ХАЙ НИНЬ: Пересекая иной океанский берег, молодое поколение Вьетнамской кинематографии утверждает себя. БУН ТХОНГ ЗИ-ВИ-САЙ: Развитие сельского хозяйства в течении индустриализации, модернизации в Лаоской Народной Демократической Республике. НГУЕН ВЬЕТ ХАО: Хиронская победа – 40-летний ретроспективный взгляд на нее.

CONTENTS

* Information of the 11th Plenum (2nd session) of CPV Central Committee (VIIIth tenure). LÊ KHẢ PHIÊU: To develop the Party's and Nation's glorious traditions, to emulate to the utmost to have all tasks fulfilled the best way, to make contribution to the successful crowning of the IXth National Party Congress. NGUYỄN ĐỨC HÀ: Notes from the congresses of representatives of provincial and municipal Party committees. VŨ TRỌNG KIM: The younger generation of Vietnam will for ever follow the path laid by the Party and Great Uncle Ho. LÊ THANH ĐẠO: To increase the party's leadership in regard of youth mobilisation. NGUYỄN MINH HIỂN: Anti-illiteracy and education dissemination are great and long-run cause of the whole society. PHẠM TIẾN DUẬT: Sediment of time. NGUYỄN TIẾN THỦ: Regarding the physiognomy and essence of contemporary capitalism. NGUYỄN QUỐC THẮNG: Thoughts about subsequent renovation, enhancement of activity efficiency and organisation perfection of the National Assembly. NGUYỄN CẢNH HỒ: Discussion regarding the essence of knowledge economy. HẢI NINH: At other side of the ocean, the younger generation of Vietnam's cinema asserts itself. BUN THOÁNG DI-VI-XAY: Development of agriculture during industrialisation and modernisation in the People's Democratic Republic of Lao. NGUYỄN VIẾT THẢO: The Hyron victory - a forty-year retrospective look at it.

SOMMAIRE

* Communiqué du 11e Plénum (2e tour) du Comité central du PCV issu du VIIIe Congrès national. LÊ KHẢ PHIÊU: Faire valoir des traditions glorieuses du Parti et du peuple, nous efforcer de bien réaliser toutes les tâches, afin de contribuer au succès du IXe Congrès national du Parti. NGUYỄN ĐỨC HÀ: Aperçu à travers des congrés de représentants des sections provinciales et municipales du Parti. VŨ TRỌNG KIM: La jeune génération vietnamienne va toujours dans la voie choisie par le Parti et l'Oncle Ho. LÊ THANH ĐẠO: Renforcer la direction du Parti dans la mobilisation auprés de la jeunesse. NGUYỄN MINH HIỂN: La lutte contre l'analphabétisme et la généralisation de l'enseignement - une grande œuvre à long terme de toute la société. PHẠM TIẾN DUẬT: Le "Minerai" du temps. NGUYỄN TIẾN THỦ: Sur la physionomie et la nature du capitalisme à l'heure actuelle. NGUYỄN QUỐC THẮNG: Réflexion sur la nécessité de continuer le renouveau, élever l'efficacité des activités et perfectionner l'organisation de l'Assemblée nationale. NGUYỄN CẢNH HỒ: Sur la nature de l'économie du savoir-faire. HẢI NINH: La jeune génération du cinéma vietnamien s'affirme à travers les festivals internationaux des films. BUN THOÁNG DI-VI-XAY: Le développement agricole dans le processus d'industrialisation et de modernisation en RDPL. NGUYỄN VIẾT THẢO: 40e Anniversaire de la victoire de Girón - un regard rétrospectif.

SUMARIO

* Comunicado del 11 Pleno (segunda vez) del Comité Central del Partido (VIII Legislatura). LÊ KHẢ PHIÊU: Desplegando las gloriosas tradiciones del Partido y pueblo a esforzamos en realizar victoriosamente todas las tareas a fin de contribuir nuestro granito de arena en la victoria del IX Congreso del Partido. NGUYỄN ĐỨC HÀ: Notas através de los Congresos de representantes del Partido en las provincias y ciudades. VŨ TRỌNG KIM: La nueva generación de Vietnam seguirá siempres el camino trazado por el Partido y nuestro Tío Hồ. LÊ THANH ĐẠO: Reforzar la dirección del Partido en la movilización en la Juvenud. NGUYỄN MINH HIỂN: La lucha contra el analfabetismo y la generalización de la enseñanza - una gran obra y de largo plazo de toda la sociedad. PHẠM TIẾN DUẬT: El "mineral" del tiempo. NGUYỄN TIẾN THỦ: Sobre la fisonomía y naturaleza del capitalismo en el día de hoy. NGUYỄN QUỐC THẮNG: Algunas reflexiones sobre la necesidad de continuar la renovación, mejorar la eficacia de las actividades y perfeccionar la organización de la Asamblea Nacional. NGUYỄN CẢNH HỒ: Reflexiones sobre la naturaleza de la economía intelectual. HẢI NINH: La nueva generación del Cine vietnamita se afirma ella misma a través de los Festivales de Cine internacionales. BUN THOÁNG DI-VI-XAY: El desarrollo agrícola en el proceso de industrialización y modernización en la R.P. de Lao. NGUYỄN VIẾT THẢO: La victoria de Girón - una vista retrospectiva después de 40 años.

目录

* 党中央委员会第八届第十一次(二次)会议公报 • 黎可漂: 发挥我党我民族的党光荣传统 努力展开竞赛, 切实落实各项任务, 为党的第九届全国代表大会的胜利贡献力量 • 阮德河: 各省、市党代会概述 • 武仲金: 越南青年一代永远沿着伟大的党和胡伯伯指引的道路前进 • 黎清道: 增强党对动员青年工作的领导 • 阮明显: 反文盲及教育普及 — 全社会重大长远的工作 • 范进麟: 时间的"矿" • 阮进守: 目前资本主义的面貌及本质 • 阮国胜: 有关继续革新, 提高国会活动的效果及建全其组织的看法 • 阮景胡: 论知识经济的本质 • 海宁: 通过各届国际电影节, 越南电影界青年一代自我肯定 • BUN THOONG DI-VI-XAY 老挝人民民主共和国在工业化、现代化进程中发展农业 • 阮曰草回顾 Hy-rong 大捷 40 周年.

Digitized by Google

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

TIẾP tục công việc của Hội nghị Trung ương 11, Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) đã họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 13-3 đến 24-3-2001.

Các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đã tham dự Hội nghị.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã đọc lời khai mạc và bế mạc. Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) tiếp tục xem xét, hoàn chỉnh các văn kiện và chuẩn bị dự kiến giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX của Đảng. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và dân tộc, dân chủ thảo luận và đã thành công tốt đẹp.

1 - Hội nghị Trung ương tiếp tục thảo luận, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng, các đồng chí lão thành cách mạng, các cơ quan khoa học và các tầng lớp nhân dân để hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng : Báo cáo Chính trị ; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 2001 - 2005 ; Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 11, đúng Ngày kỷ niệm thành lập Đảng 3-2-2001, Bộ Chính trị đã cho công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng Dự thảo Báo cáo Chính trị đã được bổ sung để nhân dân đóng góp ý kiến.

Sau một tháng công bố Dự thảo Báo cáo Chính trị, các tầng lớp nhân dân sôi nổi góp ý kiến với Đảng, thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn. Hàng triệu thư của các tầng lớp nhân dân ở trong nước và ngoài nước gửi về Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan chức năng của Đảng và các cơ quan truyền thông đại chúng đóng góp ý kiến, từ những quan điểm chính trị, phương hướng lớn cho tới những câu chữ cụ thể trong dự thảo văn kiện. Hàng nghìn ý kiến về các vấn đề khác nhau đã đăng và truyền phát công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ban Chấp hành Trung ương vô cùng xúc động trước tình cảm của nhân dân đối với Đảng, với đất nước, bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tấm lòng của nhân dân với Đảng.

Digitized by Google
28 87 AA XL2 1935

Ban Chấp hành Trung ương đã một lần nữa khẳng định quyết tâm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng, tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp hợp lý trên cả 10 vấn đề lớn trong Dự thảo Báo cáo Chính trị. Những ý kiến tâm huyết về những biện pháp thực hiện cụ thể sẽ được tiếp thu trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Dự thảo Báo cáo Chính trị đang tiếp tục được nhân dân đóng góp ý kiến. Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục lắng nghe, thảo luận, tiếp thu và sẽ hoàn chỉnh một lần nữa tại Hội nghị Trung ương lần thứ 12 để trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

2 - Theo quy chế tổ chức của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ chuẩn bị về đường lối, phương hướng, dự kiến nhân sự để trình Đại hội lựa chọn và bầu vào Ban Chấp hành Trung ương mới, Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) tiếp tục nghiên cứu, giới thiệu những đồng chí ưu tú, tiêu biểu cho ý chí và trí tuệ của Đảng, đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm với nhân dân, có năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng ; nhấn mạnh chất lượng và tiêu chuẩn ; bảo đảm tính kế thừa, liên tục, có đổi mới, không chỉ chuẩn bị cho việc lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX mà còn chuẩn bị cho các đại hội tiếp theo. Nhất thiết không giới thiệu vào cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng những người không đủ tiêu chuẩn, nhất là thiếu bản lĩnh chính trị, có biểu hiện cơ hội, tham vọng, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, mất đoàn kết, quan liêu, tham nhũng, làm việc kém hiệu quả, thiếu trách nhiệm với nhân dân.

3 - Trên cơ sở thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Hội nghị đã nghiêm túc tự phê bình và phê bình trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương và các Ủy viên Trung ương, thi hành kỷ luật thuộc thẩm quyền với hình thức cảnh cáo về chế độ trách nhiệm đối với các đồng chí : Đoàn Văn Kiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc Tổng Công ty Than Việt Nam ; Hoàng Đức Nghi, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi ; Hà Quang Dự, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục - Thể thao ; kỷ luật khiển trách về trách nhiệm quản lý đối với đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Lê Văn Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

4 - Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khai mạc vào ngày 19-4-2001.

Đại hội lần thứ IX của Đảng là Đại hội trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đất nước, tăng cường đại đoàn kết dân tộc, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc, góp phần vào thắng lợi của Đại hội lần thứ IX của Đảng mở đầu thế kỷ và thiên niên kỷ mới.❑

Digitized by Google

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC, RA SỨC THI ĐUA THỰC HIỆN TỐT MỌI NHIỆM VỤ, GÓP PHẦN VÀO THẮNG LỢI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG *

Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU

Sau 10 ngày làm việc khẩn trương, tích cực, với tinh thần dân chủ, đoàn kết, ý thức trách nhiệm cao, Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) đã hoàn thành chương trình đề ra là tiếp tục xem xét, hoàn chỉnh dự thảo các văn kiện và chuẩn bị giới thiệu về nhân sự trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX là chuẩn bị về đường lối xây dựng, phát triển, bảo vệ đất nước và đường lối xây dựng Đảng trong những năm đầu của thế kỷ mới. Do nhiệm vụ hệ trọng đó, tất cả các tổ chức đảng và đảng viên, từ chi bộ tới Ban Chấp hành Trung ương đã dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ cho công việc này. Bàn việc Đảng là bàn việc của dân, bàn việc của nước. Cho nên các tầng lớp nhân dân thuộc nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp, thuộc nhiều dân tộc, tôn giáo, ở khắp mọi miền và kiều bào ta ở nước ngoài đã đóng góp những ý kiến tâm huyết và phong phú, thể hiện khối đại đoàn kết bền vững của dân tộc, niềm tin yêu của nhân dân đối với Đảng, Đảng với dân là một ý chí.

Hầu hết các ý kiến của đảng viên, nhân dân đều tán thành những nội dung cơ bản của Dự thảo Báo cáo Chính trị ; đồng thời bổ sung, phân tích, lý giải, làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề quan trọng. Đặc biệt là những ý kiến phân tích về sự kiên định đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nạn tham nhũng, quan liêu mà nhiều người cho là một nguy cơ lớn cản trở sự phát triển của nước ta, đe dọa sự trường tồn của chế độ ta ; về phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân ; nâng cao trí thức và tay nghề cho người lao động, bồi dưỡng thế hệ trẻ ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ; quan tâm đến vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị thiên tai đe dọa ; về sự công bằng xã hội, giữ nghiêm kỷ cương ; nâng cao tri thức đi đôi với trau dồi đạo đức, quan tâm đúng mức nhiều hơn nữa các vấn đề xã hội...

Nhân dân và đảng viên đặc biệt nhấn mạnh phải tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cả ở cấp chiến lược và các tổ chức cơ sở, yêu cầu đảng viên, cán bộ Đảng và Nhà nước phải có tác phong đi sát dân, sát cơ sở, phải thực sự rèn luyện, học tập, nâng cao phẩm chất cách mạng vì hạnh phúc của nhân dân.

---

* Bài Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 11 (lần 2), khóa VIII, ngày 24-3-2001. Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Ban Chấp hành Trung ương đã trân trọng và nghiêm túc tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp đúng đắn của nhân dân, hoàn chỉnh thêm một bước dự thảo các văn kiện trình Đại hội. Còn nhiều ý kiến góp ý về những biện pháp rất cụ thể ở nhiều lĩnh vực, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tiếp thu trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX.

Việc tiếp thu, tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân và đảng viên không phải chỉ là công việc của Văn phòng Trung ương và Tiểu ban văn kiện. Các đại biểu và đoàn đại biểu các địa phương, các đơn vị được cử tham gia Đại hội Đảng phải dành thời gian lắng nghe và đọc các ý kiến đóng góp, nghiên cứu, tổng hợp, chuẩn bị với tinh thần trách nhiệm cao nhất để tham gia vào các văn kiện khi dự Đại hội Đảng toàn quốc. Đảng viên, cán bộ, các cấp ủy, các cơ quan chính quyền và đoàn thể cần nghiêm túc tiếp thu các ý kiến đóng góp, khắc phục khuyết điểm, đưa vào chương trình hành động các đề xuất đúng, rèn luyện xây dựng bản thân, xây dựng chỉnh đốn Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị, củng cố, xây dựng tổ chức, rèn luyện đảng viên, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm 2001.

Cùng với việc chuẩn bị dự thảo các văn kiện, việc chuẩn bị giới thiệu nhân sự trình Đại hội là một công việc hết sức quan trọng.

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục quán triệt phương hướng chuẩn bị nhân sự mà các Hội nghị Trung ương trước xác định, tích cực chuẩn bị giới thiệu trình Đại hội để Đại hội lựa chọn, bầu vào Ban Chấp hành Trung ương mới những đồng chí xứng đáng, đủ tiêu chuẩn, tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh, phẩm chất đạo đức của Đảng ta, nhân dân ta, vừa bảo đảm được tính kế thừa, tính liên tục, giữ vững sự ổn định chính trị, vừa có sự đổi mới, phát triển ; coi trọng chất lượng và tiêu chuẩn, đồng thời có số lượng và cơ cấu hợp lý.

Bộ Chính trị đã trình Trung ương những kết quả bước đầu việc chuẩn bị giới thiệu nhân sự, cung cấp cho Trung ương những tài liệu, thông tin cần thiết để Trung ương xem xét, quyết định. Các đồng chí Ủy viên Trung ương, với tinh thần trách nhiệm cao, đã nghiên cứu, thảo luận, cân nhắc để chọn ra phương án tốt nhất. Đây là cơ sở cho các bước chuẩn bị tiếp theo, để tới Hội nghị Trung ương 12, sẽ hoàn tất công việc chuẩn bị giới thiệu nhân sự trình Đại hội IX xem xét, quyết định.

Trong quá trình chuẩn bị giới thiệu nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã tiến hành với tinh thần nghiêm túc tự phê bình và phê bình trên cơ sở nguyên tắc Đảng và tình đồng chí, lắng nghe ý kiến của các đồng chí lão thành, ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, cả ở nơi công tác và nơi cư trú, kết luận rõ một số trường hợp có đơn thư tố cáo và thi hành kỷ luật một số đồng chí có sai phạm, thể hiện tinh thần dân chủ, đoàn kết, thẳng thắn, trách nhiệm cao, giữ nghiêm nguyên tắc và kỷ cương của Đảng.

Đại hội IX của Đảng là đại hội trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân mà hạt nhân là Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại, góp phần vào thắng lợi Đại hội IX của Đảng, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị 11 (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương.❑

Digitized by Google

GHI NHẬN QUA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

NGUYỄN ĐỨC HÀ

Thực hiện Chỉ thị 54-CT/TU ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội IX của Đảng, sau khi đã chỉ đạo hoàn thành đại hội đảng bộ các cấp dưới, từ đầu tháng 12-2000, các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương đã khẩn trương chuẩn bị và tiến hành đại hội đại biểu đảng bộ ở cấp mình. Phần lớn các tỉnh, thành phố đã tiến hành đại hội đảng bộ trong tháng 12-2000 và tháng 01-2001, trong đó, nhiều nơi đại hội vào những ngày đầu của năm mới, của thế kỷ và thiên niên kỷ mới. Đến ngày 15-3-2001, đại hội đại biểu của 61 đảng bộ tỉnh, thành phố và 10 đảng bộ khối trực thuộc Trung ương, nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã hoàn thành.

Nhìn chung, đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành phố đều tiến hành trên dưới 3 ngày ; các đảng bộ khối, đảng bộ trực thuộc Trung ương tiến hành từ 2 đến 3 ngày và thực hiện đầy đủ 4 nội dung quy định trong Chỉ thị 54 - CT/TU của Bộ Chính trị. Theo báo cáo của các cấp ủy đảng ở địa phương, qua trực tiếp tham dự ở một số đại hội và theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng, chúng tôi ghi nhận được một số vấn đề từ đại hội đại biểu đảng bộ ở các tỉnh, thành phố như sau.

Trước hết, không khí chính trị ở các địa phương trong những ngày diễn ra đại hội đảng bộ khá sôi động, thực sự là ngày hội của đảng bộ và nhân dân địa phương. Trên dọc các tuyến đường chính đi về tỉnh lỵ và ở các khu đông dân cư đều được trang hoàng lộng lẫy, có nhiều cờ, hoa, pa nô, áp phích biểu ngữ tuyên truyền về đại hội ; địa phương nào cũng tổ chức nhiều điểm vui chơi giải trí như : thi đấu thể dục - thể thao, biểu diễn văn nghệ ngoài trời..., tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân. Nhiều nơi đã phát động các phong trào thi đua và tập trung chỉ đạo, hoàn thành sớm một số công trình để chào mừng đại hội, làm cho đại hội của đảng bộ thu hút được sự chú ý của dư luận và ghi dấu ấn đậm nét trong đời sống chính trị - xã hội của đảng bộ và nhân dân địa phương.

Hai là, việc chuẩn bị các văn kiện đại hội được các cấp ủy tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện sớm. Các báo cáo trình đại hội như : Báo cáo Chính trị, báo cáo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tổng hợp ý kiến từ đại hội đảng bộ cấp dưới vào các Dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng được chuẩn bị kỹ và bổ sung, hoàn chỉnh nhiều lần, tập hợp khá đầy đủ ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên. Báo cáo Chính trị ở nhiều nơi ngắn gọn, súc tích, bám sát vào những mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ trước để liên hệ, kiểm điểm. Ngoài Báo cáo Chính trị trình trước đại hội, một số nơi còn có báo cáo giải trình những giải pháp để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Báo cáo Chính trị đã đề ra hoặc có các đề án, chương trình lớn nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ về kinh tế, xã hội và xây dựng Đảng nêu trong Báo cáo Chính trị như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Tuyên Quang...v.v. Không khí thảo luận khá sôi nổi, thẳng thắn ; mỗi đại hội thường có trên

Digitized by Google

dưới 30 ý kiến tham luận, một số nơi chia tổ thảo luận nên đã có trên 100 ý kiến phát biểu ở tổ và hội trường. Nói chung, các ý kiến phát biểu đều được chuẩn bị kỹ, một số ý kiến có chiều sâu, đồng thời đề xuất được những vấn đề có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Nhiều đại hội đã dùng phiếu biểu quyết gửi trước cho đại biểu nghiên cứu về những vấn đề lớn trong Báo cáo Chính trị, vừa tập trung được trí tuệ và đề cao trách nhiệm của đại biểu, vừa tiết kiệm được thời gian của đại hội.

Ba là, công tác nhân sự được các cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ, dân chủ và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương, thể hiện rõ những quan điểm chỉ đạo đổi mới trong Chỉ thị 54-CT/TU của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 14-HD/TCTU của Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Nhiều nơi đã tập trung chỉ đạo, giải quyết tích cực những vấn đề nổi cộm ở địa phương sau tự phê bình và phê bình, đặc biệt là số cấp ủy viên đương nhiệm và số đồng chí dự kiến sẽ tham gia cấp ủy khóa tới ; một số đồng chí có khuyết điểm đã bị xử lý kỷ luật hoặc tự nguyện xin rút khỏi danh sách tái cử Ban Chấp hành, tạo được không khí đoàn kết trong đại hội. Một số nơi đã chủ động luân chuyển cán bộ theo quy hoạch trước khi tiến hành đại hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công công tác các cấp ủy viên sau đại hội. Việc bầu cử cấp ủy và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX ở hầu hết các đại hội chỉ tiến hành một lần là đủ số lượng, với số phiếu khá tập trung và cơ bản thống nhất với sự chuẩn bị của cấp ủy đương nhiệm, trong đó nhiều đồng chí cán bộ chủ chốt đạt tỷ lệ phiếu cao. Danh sách giới thiệu Ban Chấp hành của cấp ủy và danh sách bầu cử cấp ủy khóa mới ở các đại hội đều nhiều hơn số lượng cấp ủy cần bầu, số dư bình quân chung là trên 10% (nơi có số dư cao nhất là 23%, ít nhất là 9%).

Bốn là, số lượng và chất lượng cấp ủy có một số thay đổi so với nhiệm kỳ trước. Nhìn chung, số lượng cấp ủy nhiệm kỳ này giảm so với nhiệm kỳ trước. Ngoài một số tỉnh, thành phố lớn như : Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An, số cấp ủy mới được bầu từ 49 đến 51 đồng chí (tương đương nhiệm kỳ trước), còn các tỉnh, thành phố khác chỉ bầu từ 41 đến 47 đồng chí. Trong số cấp ủy mới được bầu, số mới tham gia bình quân chung chiếm trên 30%, một số nơi từ 50 đến 60%. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy tăng hơn so với nhiệm kỳ trước, một số nơi đạt khá cao như : Tuyên Quang : 26,6%, TP Hồ Chí Minh : 19,6%, Kiên Giang, Bến Tre, Tiền Giang : 17%, Kon Tum : 16,2% v.v. Nhiều cấp ủy đã quan tâm chỉ đạo để tăng thêm số cấp ủy viên trẻ, bảo đảm 3 độ tuổi như yêu cầu Chỉ thị của Bộ Chính trị đề ra. Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ của cấp ủy khóa này cao hơn nhiều so với nhiệm kỳ trước. Một số nơi 100% cấp ủy viên có trình độ đại học và trên đại học như Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh... Sau khi bầu cử Ban Chấp hành, các đại hội đều lấy phiếu giới thiệu của đại biểu đại hội với chức danh bí thư cấp ủy theo quy trình hướng dẫn của Trung ương và cơ bản đều thống nhất với sự chuẩn bị của cấp ủy khóa trước. Trong thời gian tiến hành đại hội, hầu hết các cấp ủy mới được bầu đã họp phiên đầu tiên để bầu Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó bí thư, Ủy ban kiểm tra và Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy. Hầu hết các tỉnh, thành ủy đã bầu đủ số lượng Ban Thường vụ, Phó bí thư và tiến hành phân công công tác cho các cấp ủy viên.

Năm là, công tác tổ chức và điều hành đại hội được chuẩn bị chu đáo, các nội dung trình ra đại hội đều được văn bản hóa, thể hiện tinh thần tiết kiệm và thực hiện đúng các nguyên tắc, thủ tục theo quy định. Ở hầu hết các đại hội, đại biểu đại hội đều trực tiếp hát Quốc ca. Nhiều nơi đã tổ chức truyền hình, truyền thanh trực tiếp phiên khai mạc và bế mạc đại hội để nhân dân theo dõi. Ngay sau khi bế mạc đại hội, ở một số địa phương đã tổ chức mít tinh hoặc có các đoàn đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân đến chào mừng thành công đại hội, biểu thị quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của đại hội đảng bộ đã đề ra.

Digitized by Google

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm và kết quả nêu trên, chúng tôi thấy còn có một số mặt hạn chế và thiếu sót như : Báo cáo Chính trị ở một vài đại hội còn dài và dàn trải ; việc đánh giá những yếu kém trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chưa thật sâu sắc, còn né tránh những vấn đề nổi cộm sau tự phê bình và phê bình ; chưa tạo được không khí tranh luận trong đại hội để tìm ra giải pháp, động lực nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu chủ yếu mà đại hội đề ra. Thời gian dành cho thảo luận ở một số nơi còn ít ; trong thảo luận còn nặng về nội dung kinh tế - xã hội ; ý kiến đóng góp về công tác xây dựng đảng, vào báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành còn ít.

Trong công tác nhân sự, một vài nơi còn biểu hiện tư tưởng cục bộ địa phương, thiếu đoàn kết, thống nhất trong nội bộ. Có nơi đưa danh sách chuẩn bị Ban Chấp hành mới của cấp ủy đương nhiệm để các đại biểu tham khảo trước khi đại hội tiến hành ứng cử và đề cử không đúng tinh thần hướng dẫn của Trung ương. Một số nơi do chưa giải quyết dứt điểm những đơn thư tố cáo, những vụ việc tồn đọng sau tự phê bình và phê bình hoặc còn có biểu hiện gò ép, chưa thật sự dân chủ nên chưa bầu đủ số lượng Ban Chấp hành và Ban Thường vụ. Một số đồng chí là cấp ủy viên đương nhiệm được giới thiệu tiếp tục tham gia cấp ủy khóa mới nhưng không trúng cử hoặc trúng với số phiếu thấp. Có đồng chí tuy trúng cử nhưng dư luận vẫn còn dị nghị và chưa thật đồng tình. Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng tỷ lệ cấp ủy viên là nữ bình quân chung mới đạt 11,8%, nhiều nơi chỉ từ 6 - 8%, không đáp ứng yêu cầu Chỉ thị của Bộ Chính trị đề ra. Số cấp ủy viên ở trong độ tuổi trẻ (dưới 40 tuổi) còn rất thấp, ngoài một số ít cấp ủy đạt tỷ lệ trên 10%, phần lớn chỉ đạt từ 5 - 8%, có cấp ủy không có đồng chí nào trong độ tuổi dưới 40, làm cho tuổi bình quân của nhiều cấp ủy cao hơn so với tuổi bình quân của đầu nhiệm kỳ trước.

Trong tổ chức và điều hành đại hội, có nơi không phân công các đồng chí cấp ủy đương nhiệm tham gia sinh hoạt với các đoàn mà thành lập đoàn đại biểu riêng của Ban Chấp hành cũ. Một số nơi cơ cấu Đoàn chủ tịch đại hội quá đông, nhưng sự phân công thiếu cụ thể, nên có đồng chí không thể hiện rõ vai trò điều hành ở đại hội. Việc kiểm phiếu ở nhiều nơi tiến hành chậm, một số nơi còn có những sai sót, nhầm lẫn, làm cho thời gian kiểm phiếu kéo dài, tạo không khí căng thẳng trong đại hội.

Căn cứ vào yêu cầu, nội dung Chỉ thị 54-CT/TU của Bộ Chính trị, trên cơ sở kết quả đại hội ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương, nhất là việc thực hiện những nội dung mới trong chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp lần này, chúng tôi thấy : tuy còn có một số mặt hạn chế, thiếu sót nhất định, nhưng về cơ bản, đại hội đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương nói riêng và đại hội đảng bộ các cấp nói chung đã đạt kết quả tốt, cơ bản đáp ứng được những yêu cầu chủ yếu mà Chỉ thị của Bộ Chính trị đề ra. Có được kết quả trên là do sự chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát, kịp thời, thường xuyên của Bộ Chính trị ; sự chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc của các cấp ủy đảng trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội ; sự tham mưu chủ động, tích cực và khá đồng bộ của các Ban Đảng Trung ương, nhất là việc ban hành Hướng dẫn quy trình công tác nhân sự cấp ủy ; việc tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm kịp thời, ở các thời điểm trong quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện ở các cấp ; có sự tham gia tích cực, với tinh thần trách nhiệm cao của đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Những kết quả bước đầu về thực hiện tự phê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn đảng là yếu tố rất quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi cho công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy. Sự thành công của đại hội đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương chính là kết quả của đại hội đảng bộ các cấp dưới đồng thời cũng là cơ sở và điều kiện quan trọng góp phần vào sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. ❑

Digitized by Google

THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM MÃI MÃI ĐI THEO CON ĐƯỜNG CỦA ĐẢNG VÀ BÁC HỒ VĨ ĐẠI

VŨ TRỌNG KIM *

Cho tới mùa xuân này, 70 năm hào hùng, sôi động đã trôi qua kể từ khi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ra đời trong sự chăm lo rèn luyện ân cần của Đảng ta và Bác Hồ kính yêu. Trong thời gian gần một thế kỷ ấy, thành công nổi bật nhất, mang ý nghĩa dân tộc và thời đại sâu sắc nhất chính là Đảng ta và Bác Hồ đã dày công đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ trẻ nước ta thành lớp lớp chiến sĩ cách mạng kiên cường, tiếp nối theo nhau chiến đấu hy sinh vô cùng oanh liệt trên con đường cách mạng vẻ vang vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong đêm tối nô lệ lầm than, vào thời điểm mà tổ chức Đoàn mới vẻn vẹn có *"8 cháu hiếm hoi"* do Bác Hồ đào tạo, giáo dục, người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi Lý Tự Trọng đã dõng dạc tuyên bố trước tòa án của bọn thực dân đế quốc rằng : *"Con đường của thanh niên chỉ là con đường cách mạng, không thể có con đường nào khác"*. Các thế hệ tiếp bước theo anh dưới ngọn cờ của Đảng coi câu nói bất tử ấy như là bản tuyên ngôn hành động của tất cả những người trẻ tuổi khi đón nhận được ánh sáng của mặt trời chân lý.

Được tập hợp trong đội tiên phong chiến đấu của mình là Đoàn TNCS Đông Dương do Nguyễn Ái Quốc và Đảng của Người trực tiếp lãnh đạo, các thế hệ thanh niên đã không quản máu chảy, đầu rơi vùng lên trong cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh vang dội. Và tiếp theo, cũng trên con đường được lựa chọn đúng đắn đó, họ đã góp phần xương máu làm nên Bắc Sơn, Ba Tơ, Nam Kỳ khởi nghĩa vô cùng oanh liệt bất chấp gươm súng, ngục tù của đế quốc để tiến tới cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thần kỳ mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc ; hình thành nên nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam châu Á.

Giá trị lớn lao, kinh nghiệm vô giá do các thế hệ thanh niên cách mạng mang lại chính là sự kiên định vững vàng đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn bó chặt chẽ lòng yêu nước nồng nàn với khát vọng phấn đấu vì chủ nghĩa xã hội, con đường duy nhất đúng đắn để tự giải phóng mình khỏi mọi áp bức, bóc lột. Đó là sự lựa chọn công khai, không hề run sợ trước gươm súng và mọi uy lực của kẻ thù - sự lựa chọn bằng trái tim và cả khối óc.

Đối với thanh niên ta không có con đường nào khác là tự nguyện, hiến dâng tuổi thanh xuân cho tổ quốc. Từ Võ Thị Sáu hát vang quốc ca trên địa ngục Côn Đảo, Trần Văn Ơn tấm gương học sinh sinh viên chống giặc khủng bố trên đường phố Sài Gòn, La Văn Cầu nêu cao lá cờ đầu thi đua giết giặc lập công cho đến Ngô Mây ôm bom diệt địch, Tô Vĩnh Diện hy sinh chèn pháo v.v..., và cả một thế hệ đã đứng lên để cuối cùng làm nên một Điện Biên chấn động địa cầu. Chín năm đầy gian khổ, hy sinh ấy, nhân dân và thế hệ trẻ nước ta lập nên kỳ tích vĩ đại như Bác Hồ đã dạy : *"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh"*.

Miền Bắc được giải phóng chưa bao lâu trong khi miền Nam còn phải tiếp tục đấu tranh chống Mỹ và bè lũ tay sai và liền sau đó, cả nước lại cùng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất TU Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đứng lên chống Mỹ, cứu nước. Tuổi trẻ Việt Nam một lần nữa lựa chọn cho mình con đường *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* theo lời Bác Hồ dạy. Đó là Nguyễn Viết Xuân với lời hô bất tử : "Nhằm thẳng quân thù, bắn" ; là Nguyễn Văn Trỗi với 9 phút cuối cùng làm nên lịch sử ; là Lê Thị Hồng Gấm chiến đấu kiên cường đến hơi thở cuối cùng. Trần Thị Lý bất khuất trước sự tra tấn dã man của kẻ thù... Tuổi trẻ hiểu rằng lịch sử đã đặt dân tộc đứng trước sự đương đầu với tên đế quốc giàu mạnh bậc nhất thế giới mà chính thế hệ họ phải gánh vác những trọng trách lớn lao. Với khí phách anh hùng của lớp người mang dòng máu bất khuất của cha ông, hơn 7 triệu lượt đoàn viên, thanh niên đã xung phong đăng ký tham gia 2 phong trào *"Ba sẵn sàng"* và *"Năm xung phong"* cùng chung một lời thề với nhân dân và Tổ quốc : *"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"*.

Truyền thống vẻ vang ấy đã nâng bước cho thế hệ thanh niên ngày nay quyết một lòng theo Đảng phấn đấu vượt qua những năm tháng khó khăn, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ những ngày đầu miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất đến nay, nhiều tấm gương đoàn viên, thanh niên nước ta đã minh chứng điều đó bằng tinh thần lao động, chiến đấu hy sinh quả cảm, bằng tinh thần "xung phong - tình nguyện" với nhiệt huyết của tuổi thanh xuân.

Mọi thắng lợi của Đoàn và phong trào thanh thiếu niên nước ta qua các thời kỳ cách mạng khác nhau đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng. Đứng trước những bước ngoặt của lịch sử cũng như qua từng thời kỳ đấu tranh của dân tộc và giai cấp bao giờ Đảng ta và Bác Hồ kính yêu cũng chỉ ra con đường đi tới và định hướng tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu của thanh niên ; cũng như nhiệm vụ xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn nhằm bảo đảm chức năng là lực lượng xung kích và đội hậu bị của Đảng. Từ một nhóm nhỏ, đoàn viên hiếm hoi trong những ngày đầu cách mạng, nay Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tập hợp trong đội ngũ của mình hơn 4 triệu đoàn viên, đó là bước phát triển vượt bậc từ sự nối tiếp con đường của cha ông chúng ta đã lựa chọn. Có được sự trưởng thành như vậy, trước hết là do Đoàn ta, các thế hệ thanh niên nước ta trong bất cứ hoàn cảnh nào, thuận lợi cũng như khó khăn, kháng chiến cứu nước cũng như hòa bình xây dựng đều luôn luôn một lòng theo Đảng, xiết chặt hàng ngũ dưới ngọn cờ của Đảng, kiên trì con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

* *
*

Bước vào thời kỳ cách mạng mới mà mục tiêu là đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp phát triển nhanh và bền vững, nhiều vấn đề đang được đặt ra cấp thiết đối với công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

Để thế hệ trẻ mãi mãi đi theo con đường của Đảng và Bác Hồ vĩ đại, xứng đáng với niềm tin của nhân dân ; để Đoàn TNCS Hồ Chí Minh luôn bảo đảm vai trò lực lượng xung kích cách mạng và là đội hậu bị tin cậy của Đảng, trong thời gian tới, nhiệm vụ công tác của Đoàn và phong trào thanh niên sẽ rất nặng nề song cũng rất vẻ vang.

Trước hết, tổ chức Đoàn các cấp cần ra sức tăng cường công tác chính trị tư tưởng ; tích cực chăm lo bồi dưỡng cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên về quan điểm, đường lối đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN của Đảng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Quan điểm, đường lối CNH, HĐH của Đảng chính là ngọn cờ chỉ đường phấn đấu cho thế hệ trẻ nước ta, nên việc học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của các cấp bộ Đoàn. Bên cạnh việc học tập, quán triệt quan điểm, đường lối chung của Đảng về kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh... cần tổ chức nghiên cứu, nắm vững và vận dụng đường lối công tác vận động thanh niên của Đảng trong thời kỳ cách mạng mới mà tinh thần cơ bản là ra sức đào tạo, bồi dưỡng và tích cực phát huy mọi tiềm năng của thế hệ trẻ nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN thắng lợi.

Trong điều kiện tăng cường Nhà nước pháp quyền, Đảng tiến hành công tác vận động thanh

Digitized by Google

niên thông qua hệ thống chính trị của đất nước trong đó Nhà nước có vai trò rất quan trọng. Với trách nhiệm là người quản lý toàn bộ sinh hoạt xã hội, Nhà nước thực hiện quá trình quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên thông qua việc hoạch định chiến lược, chính sách, ban hành luật và các văn bản pháp quy, hình thành cơ chế v.v... nhằm tạo điều kiện cho thế hệ trẻ học tập, rèn luyện, cống hiến, trưởng thành. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp cần phát huy tốt vai trò tham mưu đề xuất với Đảng và Nhà nước các vấn đề của thanh niên và công tác thanh niên như đã nêu trên, đồng thời phát huy vai trò tích cực, chủ động trong cơ chế phối hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng để bồi dưỡng và phát huy tốt nhất nội lực dồi dào của thanh niên, giúp thanh niên nâng cao trình độ về mọi mặt, nhất là trình độ học vấn, chuyên môn, khoa học, kỹ thuật, công nghệ để phát triển nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao phục vụ cho quá trình CNH, HĐH đất nước. Đây chính là quá trình xã hội hóa công tác thanh niên theo đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng mới.

Để thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu nêu trên, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hướng vào việc xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức quần chúng gần Đảng nhất, là tổ chức của những người cộng sản trẻ tuổi. Bác Hồ dạy rằng : *"Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đoàn cũng phải được củng cố vững mạnh"*. Để Đoàn mạnh thì mỗi thành viên trong tổ chức Đoàn phải mạnh, tức là không ngừng nâng cao chất lượng đoàn viên. Chất lượng đoàn viên được thể hiện trước hết ở sự giác ngộ về lý tưởng phấn đấu, ở tính tiên phong, gương mẫu trong hoạt động và trong đời sống cũng như trong mối liên hệ chặt chẽ với thanh niên. Vừa qua, số lượng đoàn viên mới được kết nạp ngày càng tăng, đây là điều đáng mừng. Nhiều địa phương, đơn vị đã làm tốt công tác bồi dưỡng và chú trọng đến vấn đề nâng cao chất lượng, song cũng còn có nơi, có lúc chưa thực sự quan tâm đến vấn đề chất lượng. Thời gian tới, tất cả đoàn viên mới đều phải được học tập chương trình chính trị cơ bản và được giao nhiệm vụ cụ thể, được đánh giá qua quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời với việc nâng cao chất lượng đoàn viên, vấn đề đặt lên hàng đầu hiện nay và những năm tới là phải khẩn trương nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Đoàn về mọi mặt. Cùng với việc đào tạo căn bản về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ thanh vận, cần giúp cho cán bộ Đoàn "tắm mình" trong phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ. Họ vừa là người đề xuất công việc, vừa là người tổ chức thực hiện công việc ; tổ chức cần mạnh dạn giao trách nhiệm cho những cán bộ có ý chí cách mạng, có tâm huyết với công tác thanh niên. Đội ngũ cán bộ Đoàn có vai trò rất quyết định trong quá trình đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn. Yêu cầu cấp bách và lâu dài là phải đầu tư công sức xây dựng tổ chức cơ sở của Đoàn, thực hiện dân chủ hóa, văn hóa hóa trong sinh hoạt Đoàn ; chú ý phát huy sáng kiến của đoàn viên trong việc đề ra nhiệm vụ cụ thể theo phương châm quan tâm đến những lợi ích chính đáng của đoàn viên, thanh niên như học tập, rèn luyện phẩm chất, đạo đức lối sống, giải quyết việc làm và tổ chức các hoạt động văn hóa tinh thần v.v...

Hiện nay, phong trào thanh niên tình nguyện đã phát triển với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng. Chúng ta cần tiếp tục tổ chức cho đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia vào các đội hình hoạt động, góp phần tích cực thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị nhằm mở ra nhiều cơ hội cho thanh niên cống hiến và trưởng thành. Phát huy truyền thống vẻ vang của Đoàn và phong trào thanh niên qua 70 năm xây dựng, trưởng thành, Đoàn ta cần đẩy mạnh hơn nữa hai phong trào lớn *"Thanh niên lập nghiệp"* và *"Tuổi trẻ giữ nước"*, tổ chức nhiều hoạt động xã hội mang tính quần chúng rộng rãi, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia phong trào thi đua yêu nước *"Rèn đức, luyện tài, lập nghiệp, giữ nước"* đem sức trẻ và tài năng cống hiến cho Tổ quốc, luôn luôn xứng đáng là thanh niên thời đại Hồ Chí Minh quang vinh.❑

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG THANH NIÊN

LÊ THANH ĐẠO *

THẤM nhuần những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn coi công tác vận động thanh niên là một bộ phận quan trọng trong công tác vận động quần chúng, coi thanh niên là lực lượng "rường cột của nước nhà" và chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành hạt nhân đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên gắn bó với công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, trong suốt hơn 70 năm qua kể từ khi Đảng ta ra đời đến nay, công tác vận động thanh niên luôn luôn là nhiệm vụ cách mạng có tính chiến lược của Đảng.

Để thực hiện được các nhiệm vụ của cách mạng cần có lực lượng quần chúng đông đảo đủ sức khắc phục những khó khăn, thử thách, giành thắng lợi quyết định. Đoàn kết, tập hợp lực lượng quần chúng hăng hái nhất, mạnh mẽ nhất, hùng hậu nhất chính là thanh niên. Đó là một vấn đề có ý nghĩa sống còn của cách mạng. Trải qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, trong những thời điểm thử thách quyết liệt, Đảng ta luôn luôn tập hợp thanh niên, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, giáo dục thanh niên thành một lực lượng hùng hậu, tiên phong cách mạng. Cũng chính qua các phong trào hành động cách mạng mà thanh niên khẳng định được chỗ đứng của mình trong sự nghiệp cách mạng của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã có quan điểm hết sức đúng đắn là xây dựng tổ chức thanh niên trung kiên gần Đảng, vừa làm nhiệm vụ là đội dự bị chiến đấu của Đảng, vừa là cầu nối giữa Đảng với quần chúng thanh niên, giúp Đảng tập hợp, giáo dục đông đảo thanh niên hiểu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về đường lối, chính sách của Đảng, vận động tổ chức họ đi theo Đảng làm cách mạng. Những năm đầu mới được thành lập, tư tưởng về đoàn kết, tập hợp quần chúng theo từng đối tượng đã được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đề ra. Nguyễn Ái Quốc đã thành lập ra nhóm bí mật đầu tiên, chuẩn bị cho việc thành lập tổ chức Đảng và tổ chức Đoàn sau này. Ngay trong nhóm bí mật chỉ có 9 người, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cũng đã chia thành 3 đối tượng cụ thể. Đó là : "Trong số hội viên đó (hội viên của nhóm bí mật 9 người), có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản. Chúng tôi còn có 2 đoàn viên dự bị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Lê-nin".

Chúng ta thấy, ở đây trong tổ chức một hội quần chúng, mà đó lại là một tổ chức bí mật, thì hạt nhân của nó vẫn là những đảng viên cộng sản, tiếp đến những đoàn viên thanh niên, sau đó mới đến những hội viên khác. Tư tưởng đó luôn xuyên suốt quá trình xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng ta. Thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 - 1939), bằng nhiều phương pháp và hình thức thích hợp theo từng đối tượng thanh niên lúc công khai, nửa công khai, khi bí mật để tập hợp đông đảo thanh niên đi theo Đảng. Đảng luôn coi trọng việc đi sâu vào các tổ chức như hội thể thao, hội đọc sách báo, cứu tế, các câu lạc bộ v.v... để lôi kéo, vận động quần chúng thanh niên. Đảng chủ trương : "Cần chen vào trong các đoàn thể thanh niên cách mạng tiểu tư sản, cải lương, phản động, nhất là "hướng đạo đoàn", kéo quần chúng trong các đoàn thể ấy sang phe thanh niên cộng sản" ; chú trọng đến nữ thanh niên, thanh niên người dân tộc thiểu số... coi họ như là đối tượng của sự vận động cách mạng, nghĩa là hết thảy các đối tượng thanh niên.

Thời kỳ 1939 - 1941, căn cứ vào tình hình phát triển của phong trào, Đảng đã chủ trương vận động các tầng lớp thanh niên tổ chức ra thanh niên phản chiến và thanh niên phản đế để đấu tranh chống đế

* Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương

Digitized by Google

quốc chiến tranh, đòi hòa bình, giải phóng dân tộc, đòi việc làm. Thanh niên phản chiến và thanh niên phản đế được tổ chức bí mật, trong đó có những nhóm thanh niên cộng sản làm nòng cốt, không tổ chức thành hệ thống mà do đảng bộ cùng cấp trực tiếp lãnh đạo. Tháng 6 năm 1949, trong hoàn cảnh kháng chiến chống Pháp đang diễn ra, Đảng đã triệu tập Hội nghị thanh vận đầu tiên để xây dựng và củng cố Đoàn Thanh niên Cứu quốc, làm hạt nhân của phong trào thanh niên cứu nước, cứu nhà.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, bên cạnh Đoàn Thanh niên Cứu quốc, chúng ta còn thành lập tổ chức Đoàn Thanh niên Việt Nam làm nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp, thống nhất thanh niên các giới. Thời kỳ đầu, hai tổ chức thanh niên này vẫn sinh hoạt độc lập. Đến Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 4 bàn về công tác Việt Minh và Liên Việt, Đảng ta mới chủ trương để Đoàn Thanh niên Cứu quốc tham gia Đoàn Thanh niên Việt Nam và là trụ cột thúc đẩy mọi hoạt động của Đoàn Thanh niên Việt Nam. Thời kỳ này, Đoàn Thanh niên Việt Nam còn có các tổ chức thành viên như thanh niên kháng chiến, sinh viên Việt Nam, học sinh đoàn, thanh niên công giáo v.v... Đoàn Thanh niên Việt Nam vừa là mặt trận đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp thanh niên, vừa là một hội quần chúng của thanh niên bao gồm các tổ chức thanh niên và các cá nhân, những người không muốn tham gia các tổ chức thanh niên theo từng đối tượng, nhưng tự nguyện gia nhập Đoàn Thanh niên Việt Nam. Năm 1968, trong Nghị quyết 181 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác vận động thanh niên đã khẳng định vai trò của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam là đội quân xung kích cách mạng thực hiện mọi nhiệm vụ và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, là đội hậu bị của Đảng, tham gia xây dựng Đảng, kiện toàn Đảng, đào tạo lực lượng hậu bị cho Đảng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, cách mạng chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, trong suốt 20 năm, Đoàn mang tên Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam. Đến năm 1970, để ghi nhớ công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ thanh niên cách mạng Việt Nam, Đoàn được vinh dự mang tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh. Sau đại thắng mùa xuân 1975, Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quyết định Đoàn mang tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Được Đảng và Bác Hồ tập hợp, tổ chức, lãnh đạo, giáo dục, Đoàn Thanh niên và các thế hệ thanh niên Việt Nam trưởng thành trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng gian khổ và anh dũng của dân tộc, đã xây dựng nên những truyền thống cách mạng vô cùng vẻ vang. Đó là truyền thống tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với Đảng, một lòng một dạ tiến lên theo Đảng làm cách mạng đến cùng. Đó là truyền thống của đội quân xung kích cách mạng, dám lao mình vào những nơi khó khăn gian khổ, dám đón lấy những nhiệm vụ nặng nề, kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ Đảng giao cho.

Sau khi nước nhà được hoàn toàn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, trong điều kiện mới, Đảng ta tiếp tục có các nghị quyết về phong trào Đoàn và công tác thanh niên. Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) đặt vấn đề : "Tập hợp thanh niên một cách rộng rãi bằng nhiều loại hình tổ chức linh hoạt khác nhau theo đối tượng, nghề nghiệp, nhu cầu và sở thích để làm những việc có ích cho xã hội và cho tuổi trẻ. Chú ý thích đáng những đặc điểm của nữ thanh niên, của thanh niên các dân tộc, các tôn giáo, thanh niên quân đội, thanh niên học sinh, thanh niên các vùng khác nhau của đất nước".

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, khóa VI chỉ rõ : "Đảng cần hướng dẫn sự đổi mới nội dung hoạt động của các đoàn thể và tổ chức quần chúng vào việc đoàn kết đoàn viên, hội viên cùng nhau chăm lo lợi ích thiết thực của mình và góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng" và "ở cơ sở các đoàn thể cần coi trọng việc tập hợp quần chúng (trong và ngoài đoàn thể) bằng những hình thức linh hoạt (nhóm, tổ, câu lạc bộ...) hoạt động theo những nội dung thích hợp".

Trong những năm đổi mới đất nước theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, dưới tác động của cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình phát triển kinh tế - xã hội, sự chuyển giao công nghệ và phát triển thông tin và hội nhập quốc tế đã có những chuyển dịch về cơ cấu xã hội, xuất hiện những nhu cầu mới trên bình diện rộng đối với thanh niên nước ta. Trong khi đó công tác vận động thanh niên mặc dù đã có nhiều cố

Digitized by Google

gắng, tiến bộ nhưng vẫn chưa theo kịp những chuyển biến trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, phương thức đoàn kết, tập hợp, giáo dục thanh niên còn ít hiệu quả. Nhận thức về công tác vận động thanh niên còn chưa sâu sắc, chưa đầy đủ trong nhiều cấp ủy đảng, chính quyền và trong xã hội. Nhiều nghị quyết của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên chậm được tổng kết, rút kinh nghiệm. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng chưa được quan tâm thỏa đáng, chưa cụ thể. Tình trạng "khoán trắng" công tác thanh niên cho Đoàn Thanh niên hay cho cấp ủy viên phụ trách thanh niên còn khá phổ biến. Nhà nước còn chậm thể chế hóa và cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng thành pháp luật và các chính sách về thanh niên, thiếu đầu tư thỏa đáng cho công tác thanh niên, xử lý các vấn đề thanh niên chưa sát với nhu cầu đổi mới của Đoàn Thanh niên và của thế hệ trẻ. Bản thân Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cũng bộc lộ nhiều thiếu sót, khuyết điểm trong nội dung, phương thức hoạt động, trong công tác tổ chức và cán bộ, chưa đủ sức hấp dẫn đoàn viên và thanh niên, chưa gắn chặt được việc xây dựng Đoàn Thanh niên với xây dựng Đảng, chưa coi việc xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh là một nội dung trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Vấn đề đặt ra trong giai đoạn cách mạng hiện nay khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là việc tiếp tục tổ chức, tập hợp đông đảo thanh niên dưới ngọn cờ của Đảng. Nếu trước đây cuộc đấu tranh diễn ra trên trận tuyến trong thế đối mặt với kẻ thù, khốc liệt, nhưng ranh giới rõ ràng trước cái sống cái chết thì ngày nay, trong điều kiện mới, có những phức tạp, khó khăn mới. Sự phức tạp của tình hình hội nhập quốc tế, thực hiện cơ chế kinh tế thị trường, việc quản lý đất nước vẫn còn nhiều khó khăn, lúng túng, nhiều tệ nạn xã hội, nhiều yếu kém khuyết điểm trong tổ chức Đảng tác động xấu, làm giảm lòng tin của thanh niên và phong trào thanh niên. Đó là chưa nói đến thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, nhằm lôi kéo, làm xói mòn niềm tin của thanh niên bằng lối sống thực dụng, bản năng, thực hiện được âm mưu giành giật thanh niên, lợi dụng họ để chống phá sự nghiệp cách mạng.

Vấn đề đoàn kết, tập hợp thanh niên vì thế không chỉ là một vấn đề quan trọng của Đảng mà còn là chính nhu cầu của bản thân thanh niên, vừa là nhiệm vụ, vừa là nhu cầu và đòi hỏi sống còn của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Cả về mặt lý luận cũng như mặt thực tiễn, sự tồn tại và phát triển của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không thể tách rời lực lượng quần chúng thanh niên đông đảo. Họ vừa là lực lượng tham gia đắc lực mọi hoạt động của Đoàn, vừa là nguồn bổ sung hùng hậu cho đội ngũ của Đoàn. Thông qua công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên, Đoàn sẽ không ngừng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, thực sự trở thành tổ chức thanh niên cộng sản, có chức năng là cầu nối giữa Đảng với thanh niên, giúp Đảng giáo dục thanh niên, chăm lo giải quyết các quyền lợi của thanh niên ; đồng thời động viên khả năng to lớn của toàn bộ thế hệ trẻ phục vụ sự nghiệp chung, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Việc tiếp tục đổi mới toàn diện công tác vận động thanh niên của Đảng gắn với đổi mới tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên, xây dựng và thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước đối với thanh niên là hết sức quan trọng và cấp bách để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng tôi xin nêu một số giải pháp :

Một là, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng lãnh đạo công tác vận động thanh niên thông qua các chủ trương, nghị quyết và kế hoạch cụ thể do các cấp ủy trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên. Đảng viên trẻ cần tham gia sinh hoạt Đoàn, làm nòng cốt cho phong trào thanh niên. Coi trọng việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên và nêu gương tốt trong đoàn viên, thanh niên sống, học tập, lao động theo gương Bác Hồ vĩ đại. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh bằng việc phát huy vai trò, vị trí của tổ chức Đoàn ; có quy hoạch và chính sách về công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ Đoàn và quan tâm phát triển đảng viên trong thanh niên, làm tăng nguồn sinh lực mới cho Đảng, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Hai là, tăng cường quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển thanh niên, tạo môi trường điều kiện thuận lợi để bồi dưỡng và phát huy tiềm năng của thanh niên, vì sự phát triển và tiền đồ tươi

Digitized by Google

sáng của dân tộc. Sớm xây dựng và ban hành Luật Thanh niên tạo ra cơ sở pháp lý cho việc quản lý nhà nước về công tác thanh niên, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của thanh niên, quy định trách nhiệm của nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội, gia đình và mọi công dân đối với sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Thực hiện các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên như : các chính sách về giáo dục - đào tạo và bồi dưỡng thanh niên, dạy nghề, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe cho thanh niên ; chính sách xây dựng đời sống văn hóa thanh niên..., mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế... ; các chính sách nhằm phát huy thanh niên xung kích tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc ; các chính sách xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên, chăm lo, tạo điều kiện về đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, ngân sách cho công tác vận động thanh niên. Những chính sách này cần được thể hiện trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010) kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và trong kế hoạch hàng năm mà Đại hội Đảng lần thứ IX của Đảng sắp thông qua.

Ba là, công tác thanh niên không chỉ là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân theo chức năng, nhiệm vụ và đối tượng vận động của mình cần có chương trình, kế hoạch cụ thể, chủ động phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công tác vận động thanh niên, trong từng thời kỳ, trong từng lĩnh vực và phong trào hoạt động, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp đối với việc giáo dục, bồi dưỡng và phát huy vai trò của thanh niên.

Bốn là, để thực hiện tốt công tác vận động thanh niên có hiệu quả thì vai trò của gia đình và xã hội là rất quan trọng. Từ trong mỗi gia đình, thanh niên được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hình thành nhân cách về lao động, lẽ phải, tình thương và trách nhiệm của con người với gia đình, quê hương và đất nước. Giáo dục cho thanh niên ý thức công dân, ý thức duy trì và phát triển nòi giống, ý thức trách nhiệm cộng đồng. Động viên thanh niên tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục thanh niên là gia đình, nhà trường và xã hội. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển phẩm chất và năng lực một cách toàn diện cả về trí, đức, thể, mỹ, góp phần xây dựng một thế hệ thanh niên mới "vừa hồng, vừa chuyên", đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm là, tăng cường hơn nữa vai trò và nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, là tổ chức chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Là thành viên của hệ thống chính trị, là "trường học xã hội chủ nghĩa" của thanh niên, là người đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của thanh niên Việt Nam, do đó Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ :

- Đoàn kết, tập hợp, giáo dục thanh niên sống có hoài bão, có lý tưởng cách mạng ; giáo dục truyền thống dân tộc ; giáo dục ý thức công dân, ý thức tự giác xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu xứng đáng với danh hiệu Đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải là niềm vinh dự, tự hào của thanh niên Việt Nam.

- Động viên và tổ chức cho thanh niên xung kích, sáng tạo tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước bằng các phong trào thanh niên tình nguyện xung kích vào nơi khó khăn gian khổ, đi vùng sâu, vùng xa, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, làm đường, trồng rừng, khai thác biển khơi, xung kích đi vào khoa học, công nghệ hiện đại, góp công sức vào việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Coi trọng việc xây dựng và củng cố tổ chức đoàn cơ sở. Các hoạt động của Đoàn phải hướng về cơ sở. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của tổ chức Đoàn các cấp từ trung ương đến cơ sở, theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát huy trí tuệ và tính sáng tạo của đoàn viên thanh niên ; xây dựng tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ Đoàn chủ động, đoàn kết, gương mẫu, sâu sát cơ sở, gần gũi với quần chúng thanh niên. Đi đầu trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức Đoàn và đoàn viên cần đi sâu vào các cơ sở yếu kém, nhất là vùng có nhiều thanh niên theo tôn giáo, thanh niên các dân tộc thiểu số để đoàn kết, tập hợp họ, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần có kế hoạch chương trình cụ thể trong việc phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức quần chúng ; với gia đình để thực hiện tốt công tác tập hợp, đoàn kết và giáo dục thanh niên trong giai đoạn cách mạng hiện nay. ❑

Digitized by Google

CHỐNG MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC - SỰ NGHIỆP TO LỚN VÀ LÂU DÀI CỦA TOÀN XÃ HỘI

NGUYỄN MINH HIỂN *

TRONG suốt 10 năm qua, thực hiện Luật phổ cập giáo dục tiểu học, các Nghị quyết Đại hội lần thứ VII, lần thứ VIII của Đảng và Chỉ thị 01/CT-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), với sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, các đoàn thể, ngành giáo dục cùng với các tầng lớp nhân dân đã kiên trì tiến hành công cuộc chống nạn mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và đã đạt được kết quả tốt đẹp, đáng tự hào.

Thành tựu mà Đảng và nhân dân ta đạt được trong thập kỷ chống nạn mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học 1900 - 2000 không chỉ là kết quả phấn đấu mười năm qua mà còn là kết quả của cả một quá trình lâu dài, 55 năm diệt dốt và nâng cao dân trí, kể từ 1945 đến nay.

Ngay sau khi tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 8-9-1945, Chính phủ lâm thời đã ra Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ, khẳng định việc học chữ là bắt buộc, không mất tiền, cấp tốc xóa mù chữ, xem sự dốt nát là một trong ba thứ giặc : giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Ngày 4-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi chống nạn thất học. Xuất phát từ luận điểm : Muốn giữ vững nền độc lập, muốn cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải biết quyền lợi, bổn phận của mình, phải có kiến thức, mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi : người chưa biết chữ phải coi học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của mình, người biết chữ có nghĩa vụ dạy người chưa biết chữ, phụ nữ phải học tập, thanh niên phải đi đầu. Lần đầu tiên, một chiến dịch xóa mù chữ được tiến hành rộng khắp trong cả nước. Từ đó đến nay, suốt 55 năm, kể cả trong những năm chiến tranh, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc xây dựng nền tảng học vấn tối thiểu cho toàn dân để trên cơ sở đó không ngừng phát triển sự nghiệp giáo dục nhằm mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Trải qua ba chiến dịch chống nạn mù chữ : chiến dịch đầu tiên 1945 - 1946 và những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến dịch thứ hai 1955 - 1958 và những năm chống Mỹ cứu nước, chiến dịch thứ ba 1975 - 1978 và những năm 80, mặc dù nạn mù chữ dần dần bị thu hẹp, phần lớn trẻ em đã được đi học, song có những hạn chế về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em và xóa bỏ về cơ bản nạn mù chữ trong cả nước vẫn chưa thực hiện được.

Năm học 1989 - 1990, cả nước còn trên 2 triệu người ở độ tuổi từ 15 đến 35 chưa biết chữ (chiếm 12% dân số trong độ tuổi), trên 2 triệu trẻ em từ 6 đến 14 tuổi chưa đi học (chiếm 20% tổng số trẻ em trong độ tuổi). Hầu hết số người chưa biết chữ và trẻ em thất học tập trung ở những địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, như vùng núi cao, vùng ven biển, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Đội ngũ giáo viên tiểu học vừa thiếu về số lượng, vừa bất

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

cập về trình độ. Cả nước thiếu hàng chục nghìn giáo viên tiểu học. Số giáo viên tiểu học chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo chiếm 42%. Phần lớn số anh chị em này mới có trình độ lớp 5, lớp 9 hoặc lớp 12 và chỉ qua các khóa đào tạo cấp tốc vài ba tháng hoặc chưa đến một năm. Chất lượng giáo dục tiểu học rất thấp. Tỷ lệ lưu ban, bỏ học trên 21%. Hiệu quả đào tạo sau 5 năm chỉ đạt 40%. Mạng lưới trường lớp tiểu học còn có những mảng trống, có những bản trắng, có cả xã trắng. Cơ sở vật chất của trường tiểu học còn rất đơn sơ, phòng học còn tạm bợ, hàng nghìn phòng học phải sử dụng để học 3 ca trong một ngày.

Trước tình hình đó, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã quyết định thành lập Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ (Bộ Giáo dục làm nòng cốt, có sự tham gia của 10 bộ, ngành). Chương trình mục tiêu quốc gia chống nạn mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học đã được hoạch định và ngày 2-1-1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Chỉ thị 01/HĐBT chính thức cho triển khai thực hiện. Năm 1991, Quốc hội đã thông qua Luật phổ cập giáo dục tiểu học. Tiếp đó, liên tục trong mười năm, các kỳ Đại hội lần thứ VII và VIII của Đảng, các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 (khóa VII) và thứ 2 (khóa VIII) luôn luôn kiên định quyết tâm thực hiện mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Quyết tâm đó đã được cụ thể hóa thành chương trình hoạt động trong các Nghị quyết của các đảng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường ở tất cả các địa phương.

Luật phổ cập giáo dục tiểu học và các Nghị quyết của Đảng từng bước đi vào cuộc sống đã nâng cao nhận thức của toàn xã hội về tầm quan trọng của công tác chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, xác định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền, các tổ chức và mỗi công dân. Ở các địa phương, từ tỉnh đến cơ sở xã, phường đều thành lập các ban chỉ đạo, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền, để tập hợp và huy động các ban, ngành, đoàn thể tham gia công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Hằng năm, Bộ Giáo dục sau này là Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ cũng như các ban chỉ đạo các cấp đều có kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá thường xuyên và kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ở các đơn vị. Việc chỉ đạo và kiểm tra sát sao của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ, sự kết hợp giữa các cơ quan hữu quan ở trung ương và địa phương đã làm cho công tác chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

Trong hoàn cảnh ngân sách rất hạn hẹp, Nhà nước vẫn dành khoản kinh phí đáng kể, mỗi năm từ 10 đến 40 tỉ đồng cho Chương trình mục tiêu chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoản kinh phí đó đã được ưu tiên cấp cho những tỉnh khó khăn và vào những năm gần đây, đã được tập trung dành cho các tỉnh chưa được công nhận đạt chuẩn để địa phương giải quyết những tồn đọng, thực hiện đúng tiến độ đã đề ra. Ngoài ngân sách của trung ương, hằng năm các địa phương cũng dành một khoản kinh phí đáng kể từ ngân sách của mình cho công tác chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Điều đáng quý là Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh, sau khi thực hiện được mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đã vận động nhân dân quyên góp và trích ngân sách địa phương để hỗ trợ các tỉnh miền núi khó khăn hàng tỉ đồng. Ngoài ra, nhiều nguồn tài trợ của các tổ chức đoàn thể, các cá nhân trong nước và nước ngoài cũng huy động để bảo đảm tiến độ, thực hiện mục tiêu chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, các ban chỉ đạo các cấp đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, hội khuyến học và lực lượng vũ trang huy động các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp cho công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, như vận động người chưa biết chữ và trẻ em đi học, quyên góp học phẩm và sách giáo khoa để trợ cấp cho học viên xóa mù chữ và học sinh nghèo, tổ chức mở lớp xóa mù chữ cho người lớn, lớp học tình thương cho trẻ em thất học và trực tiếp tham gia giảng dạy. Cùng với nguồn ngân sách nhà nước và công sức của cán bộ, công chức, các tầng lớp nhân dân đã đóng góp hàng nghìn tỉ đồng, hàng triệu ngày công để xây dựng cơ sở vật

Digitized by Google

chất phục vụ cho công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Ngoài ra, công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học của nước ta còn được các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ giúp đỡ, viện trợ dưới nhiều hình thức.

Sau một thập kỷ kiên trì phấn đấu, đến giữa năm 2000, công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học nước ta đã đạt được kết quả rất khả quan : tất cả 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 596 trong số 614 (tức là 97,06%) huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh, 10 141 trong số 10 376 (tức là 97,74%) xã, phường, thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ; 94% dân số trong độ tuổi 15 - 35 biết chữ ; bảo đảm tỷ lệ 90% trẻ em 14 tuổi tốt nghiệp tiểu học.

Có được những thành tựu to lớn về chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học như ngày hôm nay trước hết là do dân tộc ta có truyền thống hiếu học. Truyền thống đó lại được khơi dậy và nhân lên gấp bội nhờ đường lối phát triển giáo dục và chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Chủ trương chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học thể hiện trong Luật phổ cập giáo dục tiểu học và các văn kiện khác của Đảng và Nhà nước đã đi vào cuộc sống, được các cấp ủy đảng và chính quyền quán triệt, tổ chức thực hiện, tập trung chỉ đạo và trở thành mục tiêu phấn đấu của từng địa phương và cơ sở.

Chương trình mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đã được lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, tạo điều kiện để các ngành, các cấp phối hợp trong hành động cụ thể, huy động được sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân. Nhiều chính sách của các địa phương cũng đã phát huy tác dụng tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu, tiến độ xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Ngành giáo dục đã phối hợp đồng thời ba mục tiêu xóa mù chữ cho người lớn, phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em và tổ chức các hoạt động giáo dục sau xóa mù chữ ; thực hiện đa dạng hóa về chương trình, tài liệu học tập cũng như về phương thức huy động và tổ chức lớp học phù hợp với hoàn cảnh của người lớn và trẻ em thất học, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút họ tham gia vào việc học tập. Chỉ tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đã được các cấp quản lý giáo dục xác định là một trong những tiêu chuẩn thi đua mà mọi địa phương và cơ sở đều phải phấn đấu thực hiện. Trong suốt mười năm, đội ngũ cán bộ giáo viên làm công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đặc biệt là anh chị em công tác ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã kiên trì bám lớp, bám bản, vượt qua mọi gian khổ, thể hiện rất rõ tinh thần trách nhiệm và đức hy sinh, mang tri thức văn hóa đến cho đồng bào và con em các dân tộc.

Có thể khẳng định : sự lãnh đạo của Đảng, sự tập trung chỉ đạo của Chính phủ và các cấp chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các đoàn thể, sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân đã giúp cho ngành giáo dục làm trọn trách nhiệm nặng nề và rất vẻ vang là thực hiện mục tiêu chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Trong những thành quả to lớn của một thập kỷ chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, có công lao của ban chỉ đạo các cấp, của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ chuyên trách xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, của các cô giáo, thầy giáo trong cả nước đã không ngại khó khăn gian khổ, đóng góp nhiều công sức cho công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Bên cạnh đó, công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ở nước ta còn được sự giúp đỡ quý báu về vật chất và tinh thần của các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ của các nước, bạn bè quốc tế và đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

Thành tựu to lớn của công cuộc chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong 10 năm qua là rất cơ bản, tạo tiền đề cần thiết để giáo dục nước ta tiếp tục phát triển nhằm đạt trình độ cao hơn trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn chưa thật vững chắc và không đồng đều. Các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đã có 100% số xã, huyện đạt chuẩn với trên 97% trẻ em trong độ tuổi đi học, trên 99% trẻ em 6 tuổi học lớp một, trên 98,5% trẻ em 14 tuổi tốt nghiệp tiểu học, gần 90% trẻ em 11 tuổi tốt nghiệp tiểu học. Trong khi đó, đối với các tỉnh miền núi phía

Digitized by Google

Bắc, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, một số chỉ tiêu mới đạt ở mức cập chuẩn, cần phải tiếp tục phấn đấu giữ vững và hoàn thiện.

Trước tình hình đó, trong mười năm tới, một mặt cần duy trì, củng cố và phát huy thành quả chống nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, mặt khác phải tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục để đạt các mục tiêu cao hơn về dân trí, nhân lực và nhân tài, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đối với bậc tiểu học, cần tiếp tục xóa mù chữ và thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học ở 235 xã hiện còn chưa đạt chuẩn. Từng bước thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy - học tập để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng nhà trường tiểu học theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm để bậc tiểu học phát triển bền vững theo yêu cầu của Luật Giáo dục.

Đối với công tác chống mù chữ, các địa phương cần tiếp tục phát hiện và tạo điều kiện cho người chưa biết chữ trong độ tuổi 15 - 35 học tập để đạt tiêu chuẩn quy định. Nâng tỷ lệ người biết chữ trong đồng bào dân tộc và chị em phụ nữ. Phấn đấu đưa tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 đạt 96% vào năm 2005 và đạt tỷ lệ 97% vào năm 2010. Thực hiện xóa mù chữ chức năng và tổ chức các hoạt động giáo dục sau xóa mù chữ để giúp cho người đọc có khả năng vận dụng tri thức vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình và bản thân. Mở rộng quy mô và đa dạng hóa phương thức giáo dục không chính quy đáp ứng yêu cầu học tập thường xuyên của nhân dân, bảo đảm giáo dục thật sự dành cho mọi người để xây dựng một xã hội học tập.

Kỳ họp thứ tám, Quốc hội khóa X vừa qua đã nhất trí thông qua Nghị quyết về chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên phạm vi cả nước. Đó không chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục mà còn là một trong những nhiệm vụ trung tâm trên lĩnh vực giáo dục của toàn Đảng, toàn dân ta trong mười năm đầu của thế kỷ XXI. Chính phủ đã xác định đây là một chương trình mục tiêu trọng điểm quốc gia và sẽ dành ngân sách thỏa đáng để thực hiện.

Để thực hiện tốt chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, ngành giáo dục cần tập hợp một cách rộng rãi các nhà khoa học, các nhà giáo, các cán bộ quản lý giáo dục có tâm huyết, có trình độ, có kinh nghiệm và am hiểu giáo dục phổ thông tham gia biên soạn, thí điểm, thẩm định, chỉnh lý chương trình sách giáo khoa, làm cho chương trình và sách giáo khoa mới kế thừa những ưu điểm và khắc phục được những hạn chế của chương trình và sách giáo khoa hiện hành. Chương trình mới nhất thiết phải góp phần tăng cường tính liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học để thực hiện phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân, tăng cường tính cân đối về cơ cấu nguồn lực. Rút kinh nghiệm của các lần cải cách giáo dục trước đây, việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông cần bảo đảm yêu cầu thực hiện đồng bộ với việc nâng cấp, đổi mới, chuẩn hóa trường lớp và trang thiết bị dạy học, cải tiến việc tổ chức đánh giá và thi cử, bảo đảm chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, chấn chỉnh và kiện toàn công tác quản lý giáo dục.

Thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở, ngành giáo dục cần tập trung vận động và tiếp nhận tất cả trẻ em tốt nghiệp tiểu học hằng năm cũng như trẻ em đang học dở trung học cơ sở vào học. Các cấp quản lý giáo dục và các trường trung học cơ sở cần phối hợp với các tổ chức và gia đình học sinh tiến hành xây dựng các hình thức học tập thích hợp cho các cháu không có điều kiện học tập tại nhà trường chính quy. Toàn ngành giáo dục phấn đấu để bảo đảm đến năm 2010, hầu hết thanh niên, thiếu niên nước ta đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết tuổi 18.

Thế kỷ XXI đang đặt ra trước dân tộc và đất nước ta những thách thức và cơ hội mới, đòi hỏi ngành giáo dục phải vươn lên để thực hiện những nhiệm vụ nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang. Vì vậy, hơn lúc nào hết, toàn ngành giáo dục cần có quyết tâm cao để duy trì, củng cố, phát huy những thành quả đã đạt được, sẵn sàng thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.❑

Digitized by Google

QUẦNG CỦA THỜI GIAN

PHẠM TIẾN DUẬT *

I

TRONG hồi ký của mình, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã kể lại : *"Cụ Hồ Học Lãm bấy giờ (1930) là sĩ quan cao cấp trong Bộ Tổng tham mưu của Tưởng Giới Thạch. Có lần cụ từ Nam Kinh xuống Thượng Hải, gặp chúng tôi rồi đưa nhau vào tiệm ăn cơm. Trong lúc trò chuyện cụ ngỏ ý : "Phong trào ở nhà cao như thế, nếu Đảng cần thì cho tôi về nước cầm quân đánh Pháp"* (1).

Là một người sinh sau đẻ muộn, tôi không biết cụ Hồ Học Lãm là ai mà đã đứng chân trong Quốc dân đảng ở Trung Hoa lại có lòng yêu nước thiết tha đến như thế. Và cũng vô tình thôi, tôi gặp trên *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Đảng* (2) một tư liệu trực tiếp là lá thư của cụ Hồ Học Lãm, sau khi được các đồng chí trong Ban vận động chuẩn bị Đại hội thành lập "Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh" (theo sự chỉ đạo của Bác Hồ từ Pác Bó) mời họp, đang ốm nặng tại bệnh viện Tĩnh Tây, cụ Lãm viết : *"Tôi có lời chúc mừng Đại hội, chúc mừng các đồng chí, vì dân tộc, vì quốc gia, vì cách mệnh mà trèo non vượt suối đến tham gia Đại hội ngày nay. Tôi không thể thân hành đến chúc mừng các đồng chí và giúp việc với các đồng chí, đó là điều tôi vô cùng tiếc, nhưng thân thể không kiện khang..."*, tiếp sau đó là các kiến nghị thành tâm và sôi nổi : *"... Muốn đạt được mục đích ấy, công việc trọng yếu là tuyên truyền tổ chức, võ trang dân chúng, chuẩn bị khởi nghĩa, từ khởi nghĩa từng địa phương đến khởi nghĩa toàn quốc. Cuộc cách mệnh không phải một vật ở ngoài đem vào được. Chúng ta phải căn cứ vào sức lực của dân chúng. Cách mệnh là ở đó, sự thắng lợi là ở đó"*. Lá thư được viết tại Quế Lâm ngày 20 tháng 3 năm 1941. Khi ấy và cả đến khi mất, cụ Hồ Học Lãm chỉ là một chí sĩ yêu nước, không phải là đảng viên cộng sản.

Tôi tò mò đi tìm tài liệu về một nhân vật huyền thoại. Rằng Hồ Học Lãm là học trò trực tiếp của cụ Phan Bội Châu. Và rằng năm 1909, chính Phan Bội Châu đã cùng Hồ Học Lãm rời Nhật Bản sang Trung Quốc. Rằng Hồ Học Lãm là bạn học cùng lớp với Tưởng Giới Thạch và còn giỏi hơn Tưởng Giới Thạch mấy cái đầu. Tại Bộ Tổng tham mưu của Tưởng, Hồ Học Lãm là một trong số ít sĩ quan cao cấp có tài thao lược ở cấp chiến lược về mặt quân sự...

Tôi đi tìm tài liệu về cụ Hồ Học Lãm không chỉ gặp một nhân vật lịch sử mà còn gặp được cả một dòng họ yêu nước và cách mạng. Có thể nói tên lịch sử của dòng họ Hồ ở Thổ Đôi Trang ngày trước, nay ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An là lịch sử bi hùng như chính lịch sử bi hùng của dân tộc ta một chặng đường dài.

Cụ Hồ Học Lãm có hai người con gái, nay còn một người, đó là nghệ sĩ thanh nhạc, nhà giáo nổi tiếng Hồ Mộ La. Nhiều ca sĩ được Nhà nước phong danh hiệu nghệ sĩ hiện nay đã là hoặc đang là học trò trực tiếp của bà, nhưng chính bà lại chẳng có danh hiệu gì. Nhưng có lẽ, giống như tính nết của ông bà, bố mẹ, bà Hồ Mộ La chỉ miệt mài cống hiến, miệt mài lao động, không quan tâm đến tư lợi, tư danh. Chị gái của bà Hồ Mộ La là bà Hồ Diệc Lan, là vợ của ông Lê Thiết Hùng (1908 - 1986), nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, một trong những người được Bác Hồ phong hàm cấp tướng đầu tiên của quân đội ta sau Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, một trong 8 người thành lập nhóm Tâm tâm xã (cùng với Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái...). Bản thân Hồ Diệc Lan cũng là một nhà cách mạng trẻ tuổi được Đảng Cộng sản Trung Quốc đào tạo tại Diên An, nhưng rất tiếc bà đã mất ngay khi còn trẻ. Bản thân ông Hồ Tùng Mậu là cháu, gọi cụ Hồ Học Lãm bằng chú. Tôi lần đếm thấy, chỉ một họ Hồ ở một xã thôi đã có tới gần

---

* Nhà thơ, Tổng biên tập Tạp chí Văn chương Việt Nam

(1) *Nhân dân ta rất anh hùng*, Hà Nội, 1965, tr 28

(2) *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Đảng*, số tháng 2 năm 1994

Digitized by Google

ba chục tên người được ghi trong lịch sử yêu nước và cách mạng ở cấp quốc gia hoặc ở cấp địa phương. Đó là Hồ Bá Ôn (1842 - 1883), người anh hùng liệt sĩ giữ thành Nam Định. Đó là Hồ Bá Kiện (1862 - 1915), người anh hùng liệt sĩ phá ngục Lao Bảo. Và đây nữa một ví dụ lớn về tấm lòng nhân dân là cụ cố Trần Thị Trâm mà dân chúng Nghệ An đã biến thành nhân vật dân gian là *O Lụa* hay *Cố Lụa* ; mẹ đẻ của Hồ Học Lãm. *Lụa* không phải là tên cha mẹ đặt mà là tên nghề của dân địa phương. Mồ côi cha rồi mồ côi chồng năm mới 25 tuổi, ở vậy chỉ để nuôi chí quật khởi đánh giặc, cứu nước. Với danh nghĩa là người đi buôn bán tơ lụa, cụ cố Trần Thị Trâm trực tiếp làm liên lạc hai cuộc khởi nghĩa lớn của nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Hương Khê và nghĩa quân Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế. Đích thân Phan Đình Phùng còn ủy thác cho *Cố Lụa* vượt rừng Lào, lội bộ sang Xiêm (Thái Lan) mua sắm vũ khí. Chỉ riêng cuộc đời của *Cố Lụa* đã là một tập sách dày với biết bao tình tiết ly kỳ.

Kỳ lạ thay nhân dân anh hùng. Dù là một ví dụ lớn nhưng họ Hồ ở Nghệ An cũng mới chỉ là một họ. Cũng chỉ một rẻo đất Thổ Đôi Trang ấy thôi còn có họ Nguyễn mà sau này có Nguyễn Minh Châu, nhà văn và ở giữa nhà văn và *An tâm cư sĩ* Nguyễn Thạc là trùng điệp các tên tuổi cách mạng và kháng chiến. Còn có họ Hoàng mà sau này có Hoàng Trung Thông, nhà thơ và giữa nhà thơ và *Hành khiển quan* Hoàng Khánh là trùng điệp các nghĩa sĩ, chiến sĩ họ Hoàng...

Đã là lòng yêu nước, bất kỳ từ ai, bất kỳ từ nguồn nào đều là quặng quý. Nhưng để quặng quý thành kim loại quý thì khó khăn thay, bởi đây là cả một công cuộc hoàn kim của cả một dân tộc. Bao nhiêu củi lửa của quá khứ mà quặng quý đâu phải lúc nào cũng thành kim. Thầy trò Phan Bội Châu - Hồ Học Lãm đã phải rời Nhật Bản thế nào, để rồi tới lúc già yếu Hồ Học Lãm mới rút ra được bài học mà tôi đã trích ở đầu bài : *"Cuộc cách mạng không phải một vật ở ngoài đem vào được"*. Ở đoạn sau lá thư ấy, Hồ Học Lãm còn nói rõ hơn cái bài học máu lửa của sự hoàn kim kia : *"Nhưng các đồng chí biết chắc rằng sự ngoại viện có thể giúp chúng ta chiến thắng kẻ thù mau hơn và dễ hơn, chứ không bao giờ thay thế cho sức lực toàn dân chúng ta được"* (3). Cái đăm chiêu ấy của Hồ Học Lãm đã âm ỉ hình thành. Và suốt một thời gian dài, cụ đã âm ỉ nuôi giấu các chiến sĩ cộng sản trong nước sang sống ngay trong nhà mình.

Càng tìm đọc, nghiền ngẫm lịch sử, càng thấy kỳ lạ. Rằng nếu chặng đường ấy không có sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc, Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta, nếu không có sự ra đời của Đảng Cộng sản thì không biết công cuộc củi lửa của sự hoàn kim còn vất vả thế nào, cơ cực thế nào. Cũng nói thêm rằng, chính Bác đã sớm phát hiện sự quý giá của con người uyên bác và nhiệt thành Hồ Học Lãm và chính Bác đã thiết lập quan hệ hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp với gia đình Hồ Học Lãm suốt cả một chặng đường dài.

Quặng quý của lòng yêu nước trong nhân dân ta lúc nào cũng sẵn có. Vấn đề của người được dân ủy thác cầm quyền là phải biết trân trọng từ trong sâu thẳm của hồn vía mình và hồn vía giang sơn đối với nguồn quặng quý và biến quặng quý ấy thành kim loại sinh động của đời sống đất nước, đời sống cộng đồng.

II

Nói đến quặng, nói đến sự hoàn kim trên nghĩa tinh thần lại bỗng nhớ đến sự kiện vật chất gây ầm ĩ trong dư luận hồi tháng 2, tháng 3 vừa qua. Sự kiện một công ty nọ cho nhập qua cảng Hải Phòng hơn 5 ngàn tấn vật chất có sắt vụn. Tôi không đi sâu vào sự việc hoặc là kinh tế, hoặc là môi trường này, nhưng quả thật, cụm từ *rác thải công nghiệp và rác thải dân dụng* đã làm tôi trằn trọc mất ngủ. Tôi chỉ chú ý đến khía cạnh xã hội của câu chuyện ngỡ là nhỏ nhặt kia. Những người thích *đồ đồng* thì rất thích mua *đồng nát* mà không quan tâm đến sự *nát đồng*. Nếu quả có chuyện nhập khẩu rác thải thì là câu chuyện dưới gầm trời này thật hiếm ; chỉ có một chút lòng tự trọng đã phải thấy xấu hổ. Nhưng nếu không phải *rác thải* mà chỉ là *phế liệu có rác thôi* thì đỡ đau lòng hơn, nhưng dù sao thì vẫn có rác. Công cuộc củi lửa trong đời sống kinh tế bây giờ đâu dễ dàng gì. Phế liệu kèm theo rác đã có mà chính phẩm kèm theo rác có hay không ? Hàng hóa trong đó có xe máy được nhập theo kênh đại ngạch, theo kênh tiểu ngạch và cả kênh buôn lậu nữa, bao nhiêu phần trăm là chính phẩm, bao nhiêu phần trăm là rác thải ? Ai cũng bảo giá hàng công nghiệp Việt Nam quá đắt vì giá "đầu vào" quá cao. Vậy trong cơ cấu giá thành, bao nhiêu phần trăm là giá vật liệu tất yếu và bao nhiêu phần trăm giá "vật liệu rác thải" ? Có giá rượu, giá bia, giá đặc sản trong một ki-lô sắt,

(3) Thư đã dẫn. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Đảng*, tháng 2 năm 1994

Digitized by Google

một ki-lô xi măng, trong một tấm vải hay không ? Tại sao trong chất lượng vật phẩm hàng hóa Việt Nam cái phần chính thì tốt mà cái phần phụ thì xấu, làm cho chất lượng chung thành xấu ? Với một cái áo, vải tốt, may cắt khéo, khuy tốt nhưng chỉ xấu. Cái nhà thì tốt, cái cửa thì xấu. Phần thân máy, bệ máy thì tốt nhưng ốc vít thì xấu. Vậy trong chất lượng ấy có vấn đề rác hay không ?

Không biết rác thải công nghiệp và rác thải dân dụng đã thực nhập khẩu vào ta hay chưa nhưng rác thải văn hóa, theo con đường lậu và cả không lậu nữa đã nhập khẩu rồi. Không nói đến những băng vi-đi-ô đen mà toàn xã hội đã cố gắng truy quét. Tôi muốn nói đến những điệu nhạc, những điệu nhảy xa lạ với Việt Nam được các nhà thương mại văn hóa làm thành đồ "nhái" được trình diễn công khai hiện nay. Chưa bao giờ trang phục của các ca sĩ trẻ, nhân danh nhạc trẻ, lại quá nhố nhăng như hiện nay. Họ nhân danh tính dân tộc mà bôi xanh, bôi đỏ, tung vẽ hình *sắc sắc không không*, hình *bát quái*, chả biết là dân tộc nào ; không biết là da đỏ bên Mỹ hay da vàng bên Hàn Quốc. Người làm cũng không biết. Họ chỉ cốt thu hút được đám thanh niên đông đảo của đường phố, là được. Nhiều người có trách nhiệm cũng thấy phân vân và hoang mang. Hay đấy chính là cái mới. Ai phản đối cái vong bản, cái nhố nhăng nhập khẩu thì bị chê là bảo thủ, cũ kỹ. Ủng hộ cái nhố nhăng vừa được tiếng lại vừa có tiền. Cái đó, nói theo nghĩa đen là *rác thải tinh thần*. Nói là *rác thải* không oan vì những cái gọi là "mới" ấy, phương Tây thải loại từ lâu rồi. Và, nếu ai luôn luôn thích cái bên ngoài, cái ngoại nhập thì lấy ngay thế giới bên ngoài làm ví dụ. Đâu chỉ có ta mới bảo vệ *tính Việt Nam* trong văn hóa của mình. Người Triều Tiên chẳng hạn, họ bảo vệ thế nào văn hóa của họ. Ở Hàn Quốc chỉ có một Hội Nhà văn bao trùm toàn lãnh thổ Nam Triều Tiên mà cái tên hội của nó rất dài : HỘI NHÀ VĂN HÀN QUỐC BẢO VỆ VĂN HÓA DÂN TỘC. Tôi hỏi ông Chủ tịch Hội Nhà văn, tại sao phải đặt tên dài như thế thì ông ấy bảo rằng "để nêu rõ mục tiêu của cả hội chúng tôi". Hay cứ xem truyền hình của các quốc gia Đông - Nam Á xem họ hát gì, múa gì đủ thấy ta phải tự lo cho ta như thế nào. Có lẽ, trên thế giới chỉ có một nước không tuyên truyền văn hóa dân tộc, ấy là nước Đức. Bây giờ, học sinh, sinh viên Đức không thuộc dân ca Đức. Nhưng họ có lý do của họ. Nhiều giáo sư người Đức giải nghĩa với tôi : bằng chủ nghĩa dân tộc, nước Đức đã lâm vào họa phát xít, cho nên chúng tôi phải tuyên truyền văn hóa quốc tế. Thế còn đi một nhẽ. Khổng Tử ngày xưa nói một câu hiện thực, không hề ngoa ngôn : "Nhạc thịnh thì xã tắc thịnh, nhạc suy xã tắc tất suy". Trong chữ *nhạc* của Khổng Tử bao gồm cái gì là nhạc và cái gì na ná như nhạc.

Ở ta, có được một nghị quyết như Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 (khoá VIII) về văn hóa và văn học nghệ thuật là một cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, là tổng kết lớn của truyền thống dài ngày kết hợp với các nhu cầu của chặng đường mới. Một nghị quyết dù lớn đến đâu, dù sát hợp cuộc sống như thế nào, nếu chỉ trên mặt giấy thì mới chỉ tồn tại ở trạng thái quặng quý. Nó phải được đi vào cuộc sống và ngược lại, cuộc sống phả hơi thở vào trang giấy thì quặng quý mới có thể hoàn kim được.

III

Thế kỷ XX đã qua đi được mấy tháng rồi mà xem ra, trên phạm vi toàn cầu, việc tổng kết thế kỷ, trong đó có việc tổng kết các sự kiện lớn có tác động lớn đến lịch sử tư tưởng, chưa được quan tâm, hoặc chưa quan tâm đúng mức của các quốc gia. Hình như nhân loại đang lúc quá bận rộn với công việc thường nhật. Bên cạnh những lời đẹp đẽ về toàn cầu hóa và công nghệ cao thì dân chúng châu Phi, nhiều vùng châu Á, một phần cư dân châu Mỹ và châu Âu nữa, vẫn đói. Các vị chiêm tinh, các nhà tư tưởng, các nhà văn, các nhà thông thái ngồi im mà đảo mắt nhìn các cuộc chạy của các chủ nhà băng, chủ hãng, các nhà sáng chế kỹ thuật vùn vụt chạy quanh, rối mắt. Giặc cũ vơi đi lại có thêm giặc mới ; mở rộng *không lưu* có thêm *không tặc*, phát triển *tin học* có thêm *tin tặc*. Trong ngôn ngữ ngoại giao quốc tế, chưa bao giờ thấy xuất hiện nhiều ngôn ngữ theo *phong cách chân thành* và *phong cách sám hối* đến thế - nhưng ẩn chứa sau đó vẫn thật nhiều mưu tính.

Nếu chỉ vẽ ra bằng mấy đường nét như thế thì chả khác gì chỉ thấy sóng mặt nước mà không thấy đáy nước.

So với một trăm năm trước, nhân loại đã tiến một bước cực kỳ lớn lao. Một trong những sự kiện nổi bật, chi phối toàn cầu là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời của Liên bang Xô viết. Tính hiện thực của chủ nghĩa xã hội về mặt thể chế còn được chứng minh lần thứ hai trong thế kỷ : chính quyền của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

VỀ DIỆN MẠO VÀ BẢN CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN NAY

NGUYỄN TIẾN THỦ *

Kết thúc thế kỷ XX, nhân loại đã bước vào thiên niên kỷ thứ III, nhưng tính chất của thời đại vẫn không hề thay đổi, quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) trên phạm vi toàn thế giới với những mâu thuẫn cơ bản của thời đại vẫn vừa âm ỉ vừa sục sôi, dưới những hình thức mới. Bởi vậy, việc nhận rõ diện mạo và bản chất của CNTB hiện nay là vấn đề vừa nóng bỏng vừa chiến lược trong toàn bộ tiến trình cách mạng nhằm đẩy mạnh quy luật tất yếu toàn nhân loại tiến lên CNXH và chủ nghĩa cộng sản (CNCS).

Nhận diện CNTB, đánh giá đúng bản chất và xu thế của nó là vấn đề hết sức phức tạp. Trong khuôn khổ bài viết nhỏ này, chúng tôi hy vọng góp một cách nhìn nhận diện mạo và bản chất trong sự vận động của CNTB hiện nay.

Chúng ta biết, càng về cuối thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ càng diễn ra như vũ bão trên thế giới, trước hết ở các nước tư bản phát triển ; đã tạo ra sự nhảy vọt về năng suất lao động và phát triển lực lượng sản xuất. Những thành tựu đó là của trí tuệ loài người, cố nhiên, không thể phủ nhận vai trò của giai cấp tư sản. Họ đã coi trọng đầu tư cho khoa học, biết tổ chức, sử dụng lực lượng các nhà khoa học, ứng dụng những thành tựu mới của cuộc cách mạng đó vào sản xuất, quản lý nền kinh tế. Các nước tư bản phát triển đứng đầu thế giới về nhiều ngành khoa học - kỹ thuật mũi nhọn và công nghệ tiên tiến như vật lý, sinh học, tin học... đi sâu vào cấu trúc của vật chất, của cơ thể sống, tạo ra nhiều nguồn năng lượng mới, chế tạo ra nhiều vật liệu không có sẵn trong tự nhiên, thay thế một phần lao động con người bằng máy tính điện tử, bằng người máy... sản phẩm hàng hóa dồi dào, phong phú, giá thành hạ, hoạt động dịch vụ đa dạng, thuận tiện, mức sống của người dân trong các nước tư bản phát triển có phần được cải thiện.

Và để thích nghi với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất ngày càng có tính chất xã hội hóa trong nước và trên phạm vi thế giới, với xu thế quốc tế hóa kinh tế, CNTB lại tiếp tục tự điều chỉnh, cả về cơ cấu kinh tế, một phần nào đó về quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng, để tồn tại và có cả những bước phát triển, gây ra không ít mơ hồ, ảo tưởng, lầm lạc cho không ít người.

Phải thấy rằng, CNTB hiện đại đã từng bước tìm cách thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng cơ cấu, thay đổi cơ cấu ngành, cơ cấu sản phẩm, cơ cấu lao động nhằm thích nghi với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ. Nhiều ngành mới có hàm lượng tri thức cao ra đời và phát triển nhanh với tỷ trọng lớn, như điện tử, vi điện tử, công nghệ sinh học, dịch vụ... trong khi những ngành công nghiệp truyền thống như dầu lửa, sắt thép... phát triển có phần chậm lại. Cơ cấu sản phẩm cũng thay đổi, tăng nhanh những sản phẩm tốn ít nguyên nhiên liệu, tỷ trọng chất xám trong sự cấu thành giá trị ngày càng lớn. Việc đào tạo nâng cao trình độ trí tuệ, sử dụng những phát minh sáng tạo của công nhân được coi trọng hơn, tỷ lệ công nhân "cổ xanh" giảm đi, tỷ lệ công nhân "cổ trắng" và đội ngũ các nhà quản lý, làm dịch vụ tăng lên.

Điều dễ thấy là, về quan hệ sản xuất tuy bản chất cốt lõi của nó không hề thay đổi nhưng CNTB có sự điều chỉnh nhất định về cả quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý lẫn quan hệ phân phối. Cùng với quá trình toàn cầu hóa kinh tế, xu hướng độc quyền hóa vẫn tăng lên ghê gớm với sự ra đời của các conglomerat, các công ty đa quốc gia và siêu quốc gia khổng lồ,

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trong đó 200 công ty lớn nhất nắm gần một nửa sản lượng công nghiệp, 62% ngoại thương, 88% công nghệ hiện đại của thế giới. Nhiều nhà nước tư bản trong từng khu vực liên kết thành "liên bang các quốc gia" ; tư bản, lao động, hàng hóa được tự do di chuyển trong phạm vi "liên bang" đó. Và năm 1999, với đồng tiền chung châu Âu, CNTB đã tạo ra một sợi dây tài chính liên kết, ràng buộc nhau chặt chẽ hơn và ngày càng phức tạp, tùy thuộc lẫn nhau hơn. Về quản lý, hình thành tầng lớp những nhà quản lý, đại diện cho chủ tư bản để điều khiển sự hoạt động của các công ty. Mặt khác, diễn ra quá trình ngược lại, quá trình phi độc quyền hóa với sự xuất hiện những xí nghiệp tư bản quy mô vừa và nhỏ, những hợp tác xã của các hiệp hội lao động. Tại nhiều nước tư bản, đang vừa diễn ra hiện tượng cổ phần hóa một số xí nghiệp tư bản, vừa có hiện tượng tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh. Trong quan hệ phân phối, do sản xuất phát triển, lợi nhuận của nhà tư bản tăng lên đáng kể, đặc biệt là dựa vào sự bóc lột thậm tệ nhân dân các nước thuộc thế giới thứ ba, nên tiền lương của công nhân các nước tư bản phát triển cũng được nâng lên : ngoài chi phí cho ăn, mặc, ở... còn tiền để dành, một bộ phận mua được cổ phần (ở Mỹ 10% ở Anh 12% người lao động có cổ phần), tuy rất nhỏ nhoi.

Thứ đến, về kiến trúc thượng tầng, xét trên lĩnh vực quản lý kinh tế, nhà nước tư sản đã giảm bớt sự can thiệp trực tiếp vào quá trình sản xuất, phân phối, mở rộng sự quản lý gián tiếp, thông qua các chính sách, công cụ, chương trình phát triển kinh tế..., ở một số nước cũng có quan tâm đến phúc lợi công cộng, bảo vệ môi trường sinh thái. Trước sự biến đổi, thích nghi của CNTB hiện đại, nhiều quan điểm đánh giá và rút ra kết luận khác nhau. Bên cạnh những quan điểm đúng đắn dựa trên lập trường và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ sự phát triển những nguyên lý cơ bản trong những điều kiện mới của thời đại, còn không ít những quan điểm hoặc là sách vở, giáo điều không thấy sự vận động mới trong CNTB hiện đại ; hoặc là cơ hội, xét lại, ca tụng một chiều CNTB và phạm phải những sai lầm, lệch lạc.

Chẳng hạn, một số học giả cho rằng : bản chất CNTB đã thay đổi ; nó không còn là CNTB, chủ nghĩa đế quốc. Nó đã là một xã hội mà ở đó lực lượng sản xuất phát triển rất cao, quan hệ giữa người với người hướng vào quan hệ hợp tác, bình đẳng, nhà nước không còn là nhà nước của giai cấp tư sản mà là "nhà nước phúc lợi chung", "lo toan cho tất cả mọi người như nhau" (!) Họ cho rằng, "lý luận giá trị thặng dư và sản phẩm thặng dư của C.Mác chỉ còn là một "dấu tích lịch sử không thể áp đặt cho lịch sử đương thời" (!) Vẫn kiểu "bình mới rượu cũ" với lập luận rằng : hiện nay tư bản không còn bóc lột công nhân, quan hệ giữa tư bản và lao động là quan hệ hai bên cùng có lợi, công nhân được "phân phối theo lao động", lợi nhuận, lợi tức của nhà tư bản là do tiền vốn, máy móc, do lao động quản lý, "chịu rủi ro" trong kinh doanh mà có.

Lại có quan điểm nêu lên : CNTB chưa thay đổi hoàn toàn về chất nhưng đã có những "biến đổi có tính bản chất" ở các tầng dưới (hạ tầng cơ sở) và tầng trên (kiến trúc thượng tầng). Với sở hữu cổ phần, "công nhân đã từ người làm thuê trở thành ông chủ". Công nhân giờ đây "tham gia quản lý xí nghiệp", CNTB "tôn trọng nhân cách con người" (!), Trong CNTB hiện đại, đang diễn ra các cuộc "cách mạng về thu nhập", "cách mạng về phúc lợi". Nhà nước tư sản là một nhà nước đứng trên các giai cấp, nó "đảm bảo công bằng xã hội" (!) Họ cho đấy là "những nhân tố, những mầm mống thuần túy của CNXH và CNXH có thể sử dụng ; và chỉ cần điều chỉnh, cải tiến ít nhiều ; không cần thông qua đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội" (!). Hơn thế nữa, do bị choáng ngợp trước sự phát triển của CNTB hiện đại, không ít người, kể cả một số nhà khoa học quan niệm rằng : CNTB là đỉnh cao phát triển của xã hội loài người, nó còn những khuyết tật, nhưng có thể tự điều chỉnh và tiếp tục tự điều chỉnh để khắc phục những khuyết tật đó. CNTB sẽ tồn tại vĩnh viễn, CNXH chỉ là một ảo tưởng do những người sáng lập chủ nghĩa Mác nghĩ ra mà thôi (!)

Kỳ thực, chẳng ai lấy làm lạ về những quan điểm đó. Đấy không chỉ là quan điểm của những nhà kinh tế học, xã hội học tư sản mà còn là quan điểm của một số người vốn là những người mácxit. Họ nhân danh "đổi mới tư duy lý luận", "khắc phục bệnh giáo điều", "đi từ xã hội hiện thực để tiếp cận chân lý" nhằm bảo vệ chủ nghĩa tư bản.

Vấn đề được đặt ra : những biến đổi, thích nghi về diện mạo của CNTB hiện đại có làm thay đổi bản chất của CNTB không ? Và CNTB có tồn tại vĩnh viễn, như ai đó tung hô không ?

Digitized by Google

Nói bản chất của CNTB, chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi thì điều sơ đẳng trước hết phải chứng minh được rằng, mục đích của nền sản xuất TBCN không còn là giá trị thặng dư, không còn là sự thống trị của tư bản độc quyền nhằm thu được lợi nhuận độc quyền cao nữa. Nhưng thực tế vẫn cho thấy, CNTB dù có biến đổi, thích nghi như thế nào thì cơ sở tồn tại của nó vẫn là chế độ chiếm hữu TBCN về tư liệu sản xuất, quan hệ giữa tư bản và lao động vẫn là quan hệ bóc lột và bị bóc lột. Tiền không thể tự nó đẻ ra tiền. Máy móc của nhà tư bản dù tự động hóa, rôbốt hóa không thể hoạt động nếu không có sự tác động của lao động. Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, sự bóc lột của giai cấp tư sản càng mở rộng qui mô, người lao động làm thuê ở những vùng ngoại vi - các nước đang phát triển và kém phát triển càng bị bóc lột nặng nề hơn, tính chất bóc lột có khi còn khốc liệt hơn. Không phải ngẫu nhiên mà trên khắp các diễn đàn kinh tế quan trọng, hầu hết các nước đang phát triển cùng chung tiếng nói phản đối những hành vi "đế quốc về kinh tế" của các nước tư bản phát triển. Rõ ràng là, học thuyết về giá trị thặng dư - phát hiện vĩ đại của C. Mác vẫn giữ nguyên tính thời sự của nó. Đó là sự thật không thể chối cãi và phủ nhận. Bất cứ ai đều thấy, trong xã hội tư bản hiện đại, nếu giá trị thặng dư tuyệt đối có xu hướng giảm đi thì giá trị thặng dư tương đối lại tăng lên rất lớn. Tỷ suất giá trị thặng dư những năm 40 của thế kỷ này vào khoảng 200%, đã tăng lên hơn 300% năm 1990 và gần 500% năm 1999. Đời sống những người có việc làm được cải thiện, nhưng khoa học kỹ thuật càng phát triển, số người lao động bị vất ra hè phố, số người nghèo khổ ngày càng đông. Theo thông báo chính thức, số người sống dưới mức nghèo khổ ở Mỹ khoảng 32 triệu, ở Tây Âu khoảng 44 triệu. Mức chênh lệch giữa thu nhập của giai cấp công nhân với thu nhập của giai cấp tư sản không ngừng tăng lên. Theo báo cáo của Ủy ban ngân sách hạ nghị viện Mỹ, trong thập niên 80, thu nhập của 1/5 tổng số gia đình giàu có ở Mỹ chiếm 43,7% thu nhập quốc dân, tăng 24%, còn 1/5 tổng số gia đình nghèo khổ chỉ chiếm 4,6% thu nhập quốc dân, giảm 11%. Và tới thập kỷ 90, con số về sự chênh lệch ấy càng nới rộng. Độc quyền và cạnh tranh, đặc trưng cơ bản nhất của CNTB, không những không thay đổi mà còn biểu hiện ở trình độ cao với sự phát triển của các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia, sự xâm nhập và cạnh tranh nhau gay gắt giữa các trung tâm của thế giới tư bản. Chúng bòn rút tài nguyên và bóc lột cùng cực nhân dân nhiều nước thuộc thế giới thứ ba. Không những vậy, CNTB còn chính là thủ phạm gây ra cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng và cực kỳ nguy hiểm, gây ra những chi phí khổng lồ về quân sự, lãng phí ghê gớm sức người, sức của. Chỉ trong vòng 50 năm nay, hơn 100 cuộc chiến tranh cục bộ đẫm máu và hàng trăm cuộc đảo chính phần lớn là đổ máu, do CNTB chủ mưu hay can dự. Và những cuộc chiến tranh này đều xảy ra ở thế giới thứ ba, nơi người ta cần nhất là hòa bình và lương thực, chứ không phải vũ khí và xung đột giết người. Theo tài liệu của Liên hợp quốc, thế giới thứ ba, bao gồm 2/3 dân số toàn cầu, có hơn 500 triệu người bị đe dọa chết đói, 1,6 tỉ người sống trong cảnh khốn cùng, 600 triệu người thất nghiệp, 800 triệu người mù chữ, hàng năm có nhiều triệu trẻ em chết vì đói khát.

Nhất là, trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, chính các nước TBCN đã đem quân xâm lược các nước nhỏ như Grê-na-da, Pa-na-ma, tiến hành chiến tranh vùng Vịnh, tấn công vô cớ I-rắc, làm rối loạn Nam Tư và Trung Đông ; thực hiện "diễn biến hòa bình" đối với các nước XHCN ; sau thời kỳ "chiến tranh lạnh" vẫn tăng cường các khối quân sự, chi phí quân sự ở mức cao, tiếp tục chính sách "cái gậy và củ cà rốt", xác lập cái gọi là "trật tự thế giới mới" do Mỹ chi phối... Tất cả điều đó chẳng phải đã nói lên bản chất chính trị phản động của chủ nghĩa đế quốc đó sao !

Ở tầng sâu hơn, xét về quan hệ sở hữu, những xí nghiệp tư bản vừa và nhỏ, những hợp tác xã nếu không phải là vệ tinh của các công ty tư bản độc quyền thì cũng không thể thoát ra ngoài sự lũng đoạn của các công ty đó cả về đầu vào và đầu ra. Tỷ lệ cổ phần mà công nhân mua được, ở từng xí nghiệp và trên toàn xã hội, chiếm một phần vô cùng nhỏ bé so với cổ phần của tư bản. Người công nhân có cổ phần hưởng một phần lợi nhuận của công ty, điều đó đâu có thể biến họ từ người làm thuê trở thành ông chủ, có chăng nữa cũng chỉ là chủ hình thức. Vì đã là chủ sở hữu thì phải có quyền sử dụng, quyền định đoạt ; với một tỷ lệ cổ phiếu thấp, làm sao người công nhân có thể có tiếng nói quyết định đối với việc quản lý, phân chia lợi nhuận của công ty ? Đó chẳng qua chỉ là một hình thức huy động vốn và cột chặt người

Digitized by Google

công nhân vào cỗ máy tư bản. Cái gọi là "công nhân tham gia quản lý xí nghiệp, tư bản tôn trọng nhân cách con người" chỉ là những lời hoa mỹ, còn về thực chất, xí nghiệp vẫn là của những ông chủ, người làm thuê được tôn trọng trong khuôn khổ, còn có lợi cho việc tạo ra lợi nhuận cho nhà tư bản mà thôi. Trong xã hội có giai cấp, nhà nước bao giờ cũng chỉ là nhà nước của giai cấp cầm quyền thống trị. Không có và không thể có một nhà nước siêu giai cấp, "nhà nước phúc lợi chung". Nhà nước của giai cấp tư sản chủ yếu là bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, trong tình hình mới nó có thể và cần thiết phải quan tâm đến điều kiện lao động và sinh hoạt của người dân, nhưng chi phối sự hoạt động của nó không thể ai khác là tầng lớp tư bản tài chính và ngân hàng.

Hơn nữa, nếu sự biến đổi, thích nghi của CNTB không phải là từng bước trao quyền sở hữu, quyền quản lý từ tay giai cấp tư sản sang tay giai cấp công nhân, xóa bỏ chế độ chiếm hữu TBCN về tư liệu sản xuất thì không thể coi đó là những biến đổi mang tính bản chất. Đúng vậy. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, V. I. Lê-nin, khi phân tích sự chuyển đổi giai đoạn của CNTB từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn tư bản độc quyền. Người viết : Chủ nghĩa đế quốc xuất hiện như là sự phát triển và sự kế tục trực tiếp của những đặc tính cơ bản của CNTB nói chung. Nhưng CNTB trở thành chủ nghĩa đế quốc khi nó đã đạt tới một trình độ nhất định rất cao trong sự phát triển của nó, khi một số những đặc tính cơ bản nào đó của CNTB đã bắt đầu biến thành những đặc tính trái ngược với những đặc tính đó... Những biến đổi, thích nghi của CNTB hiện đại không phải là những đặc tính trái ngược với những đặc tính của chủ nghĩa đế quốc mà chỉ là sự phát triển về lượng của những đặc tính đó. CNTB hiện đại vẫn là CNTB độc quyền, nhưng CNTB độc quyền - nhà nước phát triển ở trình độ cao, là sự chuẩn bị vật chất càng đầy đủ hơn cho CNXH.

Vậy là, CNTB không thể tồn tại mãi, không phải là sự kết thúc của lịch sử loài người. Nó đã từng điều chỉnh và có thể còn điều chỉnh, nhưng là sự điều chỉnh, thích nghi trong nội tại chế độ tư bản. Những điều chỉnh đó có thể xoa dịu được những mâu thuẫn vốn có, kéo dài sự tồn tại của CNTB, chứ không thể xóa bỏ được những mâu thuẫn đó. Và do vậy, CNTB cũng không thể từ quá độ lên CNXH mà không thông qua đấu tranh giai cấp và thông qua cách mạng xã hội, cũng như các giai cấp bóc lột trước đây, không bao giờ giai cấp tư sản tự nguyện nhường quyền sở hữu tài sản, nhượng lại chính quyền cho giai cấp công nhân. Song cũng cần phải thấy rằng, CNTB là một giai đoạn rất quan trọng trong tiến trình lịch sử phát triển của xã hội loài người, nói như C. Mác là "tất yếu nhất thời", có quy luật ra đời, phát triển và diệt vong của nó. Do đó, chúng ta không thể sùng bái một cách mù quáng hoặc phủ định nó một cách sạch trơn mà phải có thái độ khoa học nghiêm túc kế thừa có phê phán và chọn lọc những kinh nghiệm mà CNTB đã tích lũy được trong việc phát triển sản xuất, tổ chức và quản lý kinh tế... như V.I.Lê-nin đã từng chỉ rõ.

Qua sự phân tích trên đây, có thể kết luận rằng, về bản chất, quan hệ sản xuất TBCN dù có điều chỉnh như thế nào vẫn là sở hữu tư nhân TBCN. Nhưng trong khi tồn tại và phát triển, trái với ý muốn chủ quan của các nhà tư sản, CNTB đã tạo ra một cách khách quan những tiền đề và yếu tố cho CNXH ngay từ trong lòng nó, trong mỗi bước đi của nó. Những thành tựu của cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất mà CNTB hiện nay đã tạo ra và lợi dụng để duy trì sự tồn tại của nó đang dần vượt khỏi sự kiểm soát của chính nó. Nhất là, tính chất xã hội hóa lực lượng sản xuất ngày càng cao trong lòng CNTB, như những phương tiện mà CNTB tạo ra hay đang lợi dụng để duy trì tạm thời sức mạnh và chỗ đứng của mình, lại trở thành phương tiện chống lại nó, dẫn nó đến bước tự phủ định nó, một cách tất yếu, dù sớm hay muộn. Diễn đạt theo C. Mác, lực lượng sản xuất hiện đại đang "nổi dậy" chống lại phương thức sản xuất TBCN, chống lại quan hệ sản xuất, phân phối và trao đổi tư sản. Địa vị lịch sử của CNTB phải đến hồi kết thúc. Hiện nay, với sự ra đời của nền văn minh tin học, sự phát triển sâu rộng của kinh tế tri thức, CNTB càng bộc lộ rõ sự lỗi thời của nó, mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư sản với lực lượng sản xuất tin học hóa và kinh tế tri thức ngày càng trở nên gay gắt ; và do đó, càng tỏ rõ sự cần thiết phải có CNXH và tất yếu phải chuyển thành CNXH, thông qua những cuộc cách mạng không ngừng với những dạng thức mới. Và không nghi ngờ gì, loài người nhất định sẽ đi tới CNXH và CNCS, như một tất yếu. Đó là quy luật. ❑

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CỦA QUỐC HỘI

NGUYỄN QUỐC THẮNG *

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội luôn gắn bó chặt chẽ với đổi mới bộ máy nhà nước ; là một phần trong sự thống nhất vận hành của cả hệ thống chính trị.

Nhìn nhận về quá trình này có thể thấy vai trò của Quốc hội ngày càng được khẳng định trong đời sống chính trị của đất nước. Hoạt động của Quốc hội dân chủ hơn, thiết thực hơn, hiệu quả hơn, giảm nhiều tính hình thức. Khối lượng công việc mỗi ngày một lớn nên thời gian kỳ họp của Quốc hội tăng nhiều, từ trên dưới 1 tuần, đến nay thường là trên dưới 1 tháng. Trên các lĩnh vực hoạt động đều có những bước tiến mới, đặc biệt là công tác lập pháp đã có những kết quả quan trọng, góp phần phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta. Cơ cấu, tổ chức của Quốc hội có những thay đổi đáng kể, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Kiện toàn các cơ quan của Quốc hội, thành lập thêm các ủy ban và quy định rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này trên các lĩnh vực theo hướng vừa chuyên sâu, vừa cụ thể. Chú trọng tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Củng cố, nâng cao năng lực của bộ máy tham mưu, giúp việc. Những thành quả đổi mới là cơ bản và quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của Quốc hội nói riêng và của bộ máy nhà nước nói chung, làm nền tảng thúc đẩy cho các bước đổi mới tiếp theo. Tuy nhiên, khi đề cập đến hoạt động của Quốc hội, không thể không xem xét các mặt hạn chế, các nguyên nhân cản trở việc nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

Chúng ta chưa có được một chiến lược lập pháp cho giai đoạn chuyển đổi nền kinh tế nhằm định hướng các lĩnh vực tập trung giải quyết, với bước đi, thời gian phù hợp ; với điều kiện cụ thể của nước ta ; với yêu cầu hội nhập khu vực và tham gia cạnh tranh phát triển kinh tế trên quy mô toàn cầu. Tốc độ xây dựng luật chưa đạt được so với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Nhiều văn bản pháp luật cần thiết còn chậm được ban hành. Số lượng văn bản pháp luật đang trong giai đoạn nghiên cứu chuẩn bị còn rất nhiều. Chỉ tính riêng trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa X, tổng số dự án trong chương trình lên tới 133 và tới nay đã được hơn nửa nhiệm kỳ nhưng mới thông qua được 17 luật, 16 pháp lệnh, con số thấp hơn nhiều so với dự kiến và cũng còn cách xa so với yêu cầu của thực tiễn. Quy trình làm luật tuy chặt chẽ nhưng vừa chưa được thực hiện đầy đủ, vừa quá phụ thuộc vào trình tự, tốn nhiều thời gian mà chưa thực sự kiểm soát được chất lượng và kỹ thuật soạn thảo.

Trong giám sát còn tồn tại cách hiểu khác nhau về giám sát tối cao, về tầm quan trọng và vị trí, vai trò của giám sát trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Trên thực tế vẫn còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Quốc hội ; dường như có sự tách biệt hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp Quốc hội và hoạt động giám sát tại kỳ họp Quốc hội. Phương thức thực hiện hoạt động giám sát còn đơn điệu. Kết quả mang lại từ hoạt động giám sát chưa rõ ràng, hiệu quả hoạt động giám sát chưa cao, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

Trên lĩnh vực quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, mặc dù có những bước cải tiến trong quy trình phục vụ, nhưng việc trình Quốc hội xem xét, quyết định một số lĩnh vực phần nào còn hình thức, chủ yếu dựa vào các số liệu, báo cáo có sẵn, chưa có thời gian thỏa đáng cũng như cách thức, quy trình xem xét một cách toàn diện, với sự hỗ trợ thẩm định, đánh giá sâu của các cơ quan chuyên môn trên những tiêu chí cụ thể. Đặc biệt, việc xem xét và quyết định ngân sách nhà nước có những bất cập giữa yêu

* Chuyên viên pháp lý, Văn phòng Quốc hội

Digitized by Google

cầu thực hiện nhiệm vụ mà Hiến pháp quy định cho Quốc hội với thời gian, phương thức xem xét và khả năng đáp ứng yêu cầu của cơ quan chuyên môn.

Những tồn tại nêu trên là những tồn tại của quá trình đi lên, quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong bối cảnh chúng ta đang tìm kiếm, khai thác các cơ hội phát triển, vượt qua những khó khăn thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đòi hỏi tự thân trong hoạt động của bộ máy nhà nước, việc tiếp tục đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội là yêu cầu bức thiết, là tất yếu khách quan. Yêu cầu này đặt ra những vấn đề chủ yếu cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội thời gian tới như sau.

Thứ nhất, đẩy mạnh hoạt động lập pháp.

Trong hoạt động của Quốc hội, thời gian dành cho công tác lập pháp thường chiếm một tỷ lệ rất lớn. Ở kỳ họp giữa năm khoảng 3/4 thời gian và kỳ cuối năm khoảng 2/3 thời gian. Tuy nhiên, thời gian này chỉ là thời gian cuối cùng dành cho việc thảo luận và thông qua các dự án, trước đó dự án đã qua các bước soạn thảo, thẩm tra và cho ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, muốn rút ngắn thời gian làm việc của Quốc hội, bên cạnh việc nghiên cứu cải tiến khâu xem xét thông qua tại kỳ họp, trước hết và quan trọng nhất là phải nâng cao chất lượng chuẩn bị dự án. Nhiệm vụ này có vai trò quan trọng của cơ quan thẩm tra.

Nội dung công tác thẩm tra rất lớn, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức trí tuệ tập thể của hội đồng và các ủy ban. Giải pháp trước mắt là tăng thời gian làm việc của tập thể hội đồng và ủy ban trong công tác thẩm tra. Đồng thời, hội đồng và ủy ban thẩm tra dự án luật như cách thức Quốc hội xem xét thông qua theo từng chương, từng điều và toàn bộ dự án. Kết quả này sẽ là báo cáo thẩm tra cuối cùng trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đưa Quốc hội xem xét, thông qua.

Một thực tế trong việc thực hiện chương trình xây dựng pháp luật là nhiều dự án được Quốc hội quyết định thông qua nhưng lại không được chuẩn bị tốt và bị lưu lại qua nhiều kỳ họp. Trong khi đó, có những dự án không nằm trong chương trình, nhưng lại được bổ sung và được xem xét, thông qua do đã được chuẩn bị kỹ lưỡng. Bên cạnh đó, việc xây dựng chương trình dài hạn còn có những bất cập, do chủ yếu dựa vào dự kiến danh mục dự án của các cơ quan, cá nhân có quyền trình dự án luật, pháp lệnh và các kiến nghị về luật nên chưa thấy được, thể hiện được chiến lược lập pháp trong giai đoạn "chuyển mạnh sang quản lý kinh tế - xã hội bằng pháp luật". Trong đó cần khẳng định những lĩnh vực gì cần ưu tiên tập trung đầu tư công sức, thời gian để giải quyết, lĩnh vực nào sẽ có nhiều thay đổi, lĩnh vực nào tương đối ổn định, lĩnh vực nào cần giảm bớt việc ban hành pháp lệnh. Việc xây dựng chương trình cả nhiệm kỳ cần chỉ ra những định hướng lớn, những mục tiêu chính trong công tác lập pháp nhằm thể chế hóa kịp thời đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, theo sát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với thực trạng của hệ thống pháp luật và khả năng cho phép trong hoạt động của Quốc hội. Việc xây dựng chương trình cần đáp ứng yêu cầu cụ thể là tập hợp đầy đủ các sáng kiến xây dựng pháp luật không bị giới hạn, quy định bởi số lượng cho mỗi kỳ họp và có thể bổ sung dự án trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở định hướng chung, yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với công tác lập pháp, và chất lượng dự án được chuẩn bị để lựa chọn các dự án trình Quốc hội quyết định chương trình hằng năm. Cách làm như vậy sẽ giảm sự thay đổi và nâng cao tính khả thi của chương trình, mối liên hệ giữa xem xét, ban hành các văn bản cụ thể với chiến lược lập pháp sẽ rõ ràng hơn, với bước đi cụ thể hơn.

Làm thế nào đưa pháp luật vào cuộc sống nhanh hơn và hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn là một yêu cầu của việc đổi mới hoạt động của Quốc hội. Dĩ nhiên, công việc này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như việc tuyên truyền giáo dục pháp luật, nâng cao trình độ dân trí ; khả năng kinh tế cho phép ; năng lực tổ chức thực hiện ; việc phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật ; việc nghiên cứu tổng kết và sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định không còn phù hợp với thực tiễn... Nhưng từ góc độ lập pháp, vấn đề này cũng đặt ra một số yêu cầu là : muốn văn bản sớm đi vào cuộc sống thì các quy định của pháp luật phải cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện, văn bản hướng dẫn thi hành phải được ban hành trước thời hạn luật có hiệu lực, đặc biệt coi trọng việc tổng kết thực tiễn, lấy ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp để xây dựng luật, pháp lệnh ; đồng thời tránh tình trạng cầu toàn, mong muốn điều chỉnh phạm vi rộng lớn, bao quát hết các đối tượng, thực hiện trong thời gian dài... dẫn đến đưa ra một số quy định nặng về nguyên tắc, không sát với thực tế, thể theo nguyện vọng nhưng chưa phù hợp với khả năng, trình độ quản lý và sự phát triển của đất nước, rất khó có thể thực hiện hoặc thực hiện với hiệu quả không cao. Mặt khác, do thiên

Digitized by Google

hướng "tự nhiên", cơ quan soạn thảo thường chú ý bảo vệ quyền lợi của bộ, ngành mình và xây dựng những quy định thuận lợi trong hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực "mình" chịu trách nhiệm mà chưa chú ý thỏa đáng tới lợi ích chung. Khắc phục những hạn chế này, đòi hỏi sự phối kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm tra và các cơ quan hữu quan ngay trong quá trình chuẩn bị nhằm giải quyết tốt các vấn đề liên quan, hạn chế tối đa những kẽ hở, nâng cao tính khả thi của dự án.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát.

Giám sát là hoạt động thường xuyên của Quốc hội. Các cơ quan của Quốc hội, góp phần bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh, tác động lớn đến hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ thực sự của người dân. Đây cũng là lĩnh vực còn nhiều hạn chế, vẫn là vấn đề có tính bức xúc.

Một nguyên nhân của tình trạng này là sự thiếu hoàn thiện của cơ chế giám sát, vai trò, vị trí của các chủ thể chưa được phát huy ; phương thức, đối tượng, nội dung và hiệu quả pháp lý của hoạt động giám sát chưa được xác định rõ. Để xây dựng cơ chế giám sát có hiệu quả, cùng với việc nghiên cứu ban hành Luật giám sát của Quốc hội, cần xem xét hoạt động giám sát trong mối liên hệ thống nhất từ hoạt động của mỗi đại biểu, mỗi cơ quan của Quốc hội và của Quốc hội. Từ đó, xây dựng quy trình tổng thể, từ việc xem xét các báo cáo, cử đoàn đi giám sát, xây dựng báo cáo kết quả giám sát và kết thúc khi kiến nghị giám sát được thực hiện. Mục đích của hoạt động giám sát là góp phần bảo đảm luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thực hiện nghiêm chỉnh. Chính vì vậy, báo cáo kết quả hoạt động giám sát là chỉ ra được lĩnh vực nào, ở đâu, trong thời gian, phạm vi nào pháp luật chưa được thực thi nghiêm chỉnh ; trách nhiệm đó thuộc về ai và phương hướng khắc phục như thế nào. Đây là vấn đề lớn, không chỉ đòi hỏi cơ chế, hành lang pháp lý rõ ràng, cụ thể, mà còn ở chính năng lực tổ chức, triển khai thực hiện và xa hơn nữa là cơ cấu, tổ chức của các cơ quan của Quốc hội thích ứng với yêu cầu hoạt động thường xuyên và chuyên sâu.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giám sát có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát. Trong thực tế, hoạt động giám sát thường bị cắt khúc hoặc chỉ đơn thuần xem xét các báo cáo, hoặc chỉ cử đoàn đi địa phương, bộ, ngành nghe báo cáo... Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng giám sát cũng chưa được theo dõi có hệ thống, toàn diện từ khi hình thành chương trình giám sát, đánh giá kết quả hoạt động giám sát. Khắc phục tình trạng này, trước tiên cần quan tâm thích đáng việc xây dựng chương trình giám sát cho các cơ quan của Quốc hội. Quá trình này sẽ giải quyết một bước các vấn đề về phạm vi, thời gian, địa điểm, lựa chọn các phương thức giám sát, sự phối kết hợp giữa các cơ quan hữu quan, đặt mục tiêu cho hoạt động giám sát. Mặt khác, tăng cường sự chỉ đạo, điều hòa phối hợp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, coi trọng việc tổ chức thực hiện chương trình giám sát, đẩy mạnh hoạt động giám sát chuyên đề, tiến hành trong một thời gian dài trên địa bàn rộng và đi đến các kiến nghị cụ thể về cơ chế, chính sách pháp luật, về Hội đồng quản lý nhà nước... trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong điều kiện phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta như hiện nay, việc đẩy mạnh hoạt động giám sát, xử lý văn bản trái pháp luật là yêu cầu hết sức bức thiết không chỉ nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật mà còn góp phần làm cho pháp luật phù hợp, phản ánh được điều kiện kinh tế. Trên thực tế, hoạt động này còn mờ nhạt, chưa được tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nên có tình trạng nhiều văn bản pháp luật chậm được ban hành, tính ổn định chưa cao, chưa kịp thời phát hiện những mâu thuẫn, chồng chéo, trái pháp luật. Để đẩy mạnh hoạt động giám sát văn bản, thường xuyên tiến hành rà soát và hệ thống hóa văn bản pháp luật, thực hiện việc giải thích luật để có cách hiểu, áp dụng thống nhất. Các cơ quan của Quốc hội cần có kế hoạch giám sát văn bản trong từng lĩnh vực, phối hợp giữa các cơ quan của Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm sát, Bộ Tư pháp và bộ chuyên ngành để kịp thời xử lý các quy định không còn phù hợp với thực tiễn hoặc trái pháp luật.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới việc phục vụ Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Các quyết định của Quốc hội về những chính sách cơ bản của đất nước thể hiện bằng nghị quyết, trong đó đặc biệt quan trọng là nghị quyết về nhiệm vụ hằng năm và về ngân sách nhà nước.

Việc xây dựng nghị quyết của kỳ họp Quốc hội, trên thực tế vẫn còn những bất cập, bởi lẽ bước vào kỳ họp mới xây dựng dự thảo nghị quyết nên có rất ít thời gian cho công tác chuẩn bị. Vả lại chưa thực hiện đầy

Digitized by Google

đủ các quy định của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật như quy định ở các Điều 31, 32, 33, 35, 46 về vai trò của cơ quan chủ trì soạn thảo ; việc thẩm tra nghị quyết và trình tự xem xét thông qua. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Quốc hội xem xét thông qua nghị quyết, cần tiếp tục cải tiến quy trình theo hướng vừa thực hiện tốt các quy định của luật, vừa căn cứ vào đòi hỏi thực tế đặt ra đối với việc xây dựng nghị quyết xác định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan hữu quan và hoàn thiện quy trình xem xét, thông qua tại kỳ họp...

Quyết định ngân sách nhà nước là vấn đề hết sức quan trọng, đặc biệt về dự toán ngân sách hằng năm có liên quan chặt chẽ với nghị quyết nhiệm vụ hằng năm, tạo tiền đề, cơ sở để thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp đề ra. Vì vậy, khi trình Quốc hội thảo luận cần kết hợp chặt chẽ giữa việc xem xét các vấn đề chung về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước với việc thảo luận các nội dung, chỉ tiêu giải pháp được đưa vào nghị quyết và làm rõ hơn mối quan hệ giữa bố trí ngân sách với việc thực hiện các nhiệm vụ đề ra. Trên cơ sở đó nghiên cứu trình Quốc hội xem xét, thông qua việc phân bổ ngân sách cụ thể hằng năm như quy định của Hiến pháp.

Thứ tư, nâng cao chất lượng việc tổ chức, phục vụ kỳ họp Quốc hội.

Kỳ họp Quốc hội là hình thức hoạt động chủ yếu của Quốc hội, là một mắt khâu quan trọng trong hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời còn là cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn thể hiện thống nhất sự lãnh đạo của Đảng, ý chí, nguyện vọng của cử tri và hoạt động của mỗi đại biểu Quốc hội. Kỳ họp Quốc hội là thời điểm cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất xem xét, quyết định các vấn đề theo chức năng nhiệm vụ. Vì vậy, hiệu quả kỳ họp phụ thuộc rất nhiều vào quá trình chuẩn bị trước đó mà trách nhiệm không chỉ thuộc các cơ quan của Quốc hội, mà còn là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, của các cấp, các ngành và của mỗi đại biểu Quốc hội. Trong điều kiện hiện nay và trước yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức, phục vụ kỳ họp cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết tốt một số nội dung chủ yếu sau :

Kiểm soát chặt chẽ quá trình chuẩn bị các nội dung, dự án, báo cáo trình Quốc hội. Giai đoạn này có vai trò hết sức quan trọng của các cơ quan thẩm tra, thẩm định các dự án, báo cáo. Thời gian của kỳ họp dài hay ngắn, nội dung của kỳ họp có đạt được yêu cầu không, phụ thuộc rất nhiều vào kết quả chuẩn bị. Việc chuẩn bị cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề kỹ thuật văn bản, về truyền tải thông tin chuyên ngành, các số liệu, dữ kiện, các phương án thể chế hóa chính sách. Nâng cao chất lượng các dự án, nếu các dự án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, thì dứt khoát không đưa vào chương trình kỳ họp.

Khi Quốc hội thông qua chương trình chính thức của kỳ họp, việc phối hợp giữa các cơ quan hữu quan phục vụ tổ chức kỳ họp là yếu tố rất quan trọng đưa đến thành công của kỳ họp. Đặc biệt quan tâm đến công tác tập hợp, tổng hợp, ý kiến thảo luận ở tổ, đoàn, ở hội trường của các đại biểu Quốc hội. Việc tiếp thu, chỉnh lý, giải trình cũng hết sức quan trọng, thể hiện tính nghiêm túc, trung thực trong quá trình làm việc, phản ánh được công sức, trí tuệ chung của các đại biểu Quốc hội. Thực tế tiến hành kỳ họp cho thấy, đối với các dự án, báo cáo được tiếp thu, chỉnh lý kịp thời, giải trình đầy đủ sẽ hạn chế thời gian xem xét, thảo luận và kết quả thông qua với số phiếu cao. Để làm tốt việc này cần nâng cao vai trò của Đoàn thư ký kỳ họp cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm tra, với các biện pháp phối hợp chặt chẽ xác định rõ trách nhiệm tiếp thu, giải trình đối với từng loại vấn đề. Trong những trường hợp cần thiết có thể thành lập các tổ giúp việc ngay từ đầu kỳ họp huy động sự tham gia trực tiếp của các đại biểu Quốc hội và đội ngũ chuyên gia của các cơ quan hữu quan phục vụ có hiệu quả cho công tác điều hành tại kỳ họp.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội tập trung xem xét việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Thực tiễn cho thấy, đổi mới hoạt động của Quốc hội gắn liền với đổi mới tổ chức. Yêu cầu tăng cường thời gian hoạt động của tập thể hội đồng và các ủy ban thường xuyên hơn, chuyên sâu hơn, giải quyết đáng kể các vấn đề trước khi trình Quốc hội, thì cơ cấu, thành phần và chức năng, nhiệm vụ hoạt động của hội đồng, các ủy ban như hiện nay còn có chỗ chưa thích hợp. Mỗi cơ quan này chỉ có từ 2 đến 3 thành viên chuyên trách, các thành viên khác không chuyên trách lại giữ các trọng trách ở các bộ, ban, ngành hoặc ở các cấp chính quyền địa phương nên khó có thể tham gia các hoạt động dài ngày. Thực tế cho thấy có những dự án mà thời gian thẩm tra lại ít hơn thời gian Quốc hội xem xét thông qua. Mặt khác, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Tổ chức Quốc hội những năm qua cho thấy Ủy ban

Digitized by Google

Kinh tế và Ngân sách, Ủy ban Pháp luật thường phải đảm nhận một khối lượng công việc rất lớn, bao trùm và liên quan trực tiếp đến nhiều lĩnh vực mà ủy ban khác đảm nhiệm. Nếu thực hiện hết các yêu cầu đặt ra thì sẽ không đủ sức và không đủ quỹ thời gian, nhất là tiến hành vào cùng một thời điểm của kỳ họp. Điều này hạn chế nhiều đến hiệu quả công việc và là một trong các nguyên nhân dẫn đến giải pháp tình thế tiến hành công việc theo bề rộng, không đủ điều kiện để tiến hành công việc theo bề sâu. Để giải quyết vấn đề này, cần nghiên cứu tổng kết việc thực hiện Luật tổ chức Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội để có kiến nghị sửa đổi bổ sung kịp thời theo hướng giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu, thành phần và tiêu chuẩn chất lượng đại biểu ; yêu cầu về khả năng và thời gian cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Tăng số lượng đại biểu chuyên trách của hội đồng và các ủy ban ; xem xét chức năng nhiệm vụ của hội đồng và các ủy ban để có cơ cấu hợp lý, thích hợp với hoạt động chuyên sâu và thường xuyên hơn.

Tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động. Là cơ quan thường trực của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hòa phối hợp các hoạt động của các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị nội dung kỳ họp. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đòi hỏi Ủy ban Thường vụ Quốc hội dành nhiều thời gian hơn nữa cho công tác này, nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, đặt ra những yêu cầu nhiệm vụ cho các cơ quan hữu quan và xem xét, đánh giá kết quả định hướng cho quá trình chuẩn bị. Các cơ quan tham mưu nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

Cuối cùng là vấn đề nâng cao năng lực tổ chức và triển khai thực hiện của các cơ quan phục vụ của Quốc hội. Đây là yếu tố hết sức quan trọng trong điều kiện số đại biểu hoạt động chuyên trách còn ít, phần lớn là kiêm nhiệm. Nâng cao năng lực của bộ máy, trước hết và quan trọng là nâng cao khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ viên chức để có được đội ngũ cán bộ có trình độ cao, có tầm hiểu biết rộng, có tâm huyết với nghề nghiệp và sự nghiệp của đất nước. Điều đó đòi hỏi phải thực hiện các quy trình tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, chế độ đãi ngộ, chế độ trách nhiệm. Giải quyết tốt vấn đề này sẽ thúc đẩy và tạo sức mạnh tổng hợp cùng chung sức hoàn thành các nhiệm vụ. ❑

QUẶNG CỦA...

(Tiếp theo trang 23)

và Liên Xô tuy sụp đổ nhưng vẻ đẹp hiện thực của tư tưởng ấy không mất mà còn rực sáng và không một thế lực nào có thể dập tắt được. Không chỉ ở Việt Nam, ở Trung Quốc hay ở Cu Ba, tư tưởng tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội là quặng quý dồi dào ở tất cả các vùng trên thế giới. Nó đang được hoàn kim, dường như không chỉ một cách, để nhân dân lao động được cầm trên tay.

Thế nhưng, theo tôi, cái nổi lên ở những ngày này chưa phải là chủ nghĩa quốc tế mà là các lợi ích quốc gia. Cứ bằng vào các sự kiện, thì hình như nhân loại đã qua thời kỳ *"khắc xuất"* mà đang bước vào thời kỳ *"khắc nhập"*. Chỉ vài ba thập kỷ vừa qua, nhiều nước theo gương Việt Nam đã giành được độc lập. Nhiều nước bị chia cắt đã được tái thống nhất hay đang trên đường tái thống nhất. Nhiều cộng đồng khu vực đã xuất hiện và đang xuất hiện (Bên cạnh Liên minh châu Âu, đang có cuộc vận động Liên minh châu Phi...). Cứ bằng các sự kiện ấy ngỡ đâu như thiên hạ sắp đại đồng rồi. Không đâu. Đấy chẳng qua là hình dáng cả các nước lớn đang biến ảo, cố gây ảnh hưởng. Và các nước bé muốn thách thức lại đấy thôi. Cứ nhìn vào các chuyến đi tấp nập nước này qua nước kia như con thoi của các nguyên thủ quốc gia trong những ngày này đủ thấy họ lo lắng thế nào cho quốc gia họ ở vào chặng đường mới không ít gay gắt này.

Các quốc gia ấy, họ vì chính họ mà xác lập đường đi, nước bước cho họ thì chính ta, ta há chẳng vì đất nước ta, nhân dân ta, dân tộc ta mà ta hoạch định, xác lập đường đi vững chãi của chính ta hay sao ?

Thì con đường ấy, con đường đi trên thế kỷ mới với cả các lộ trình tỉ mỉ đã có đây rồi : đó là Nghị quyết mà Đại hội lần thứ IX của Đảng sẽ thông qua. Có thể gọi tên Nghị quyết ấy, theo ý riêng của tôi, là Nghị quyết IX của toàn Đảng, toàn Dân cho thế kỷ mới. *Toàn Đảng* thì đúng rồi sao lại thêm chữ *toàn Dân* ? Đó là hiện thực. Nghị quyết ấy, ngay từ lúc khởi thảo, nhân dân đã cùng với Đảng của mình, xây dựng, chỉnh sửa. Có lẽ đây là lần đầu, một nghị quyết được hoàn kim ngay từ đầu bởi nó không chỉ được xây dựng bởi tâm hồn và trí tuệ của toàn Đảng mà nó còn ấm nóng hơi thở của Nhân dân. ❑

Digitized by Google

BÀN VỀ THỰC CHẤT CỦA KINH TẾ TRI THỨC

NGUYỄN CẢNH HỒ *

Thời gian gần đây, do xuất hiện nhiều cách tiếp cận khác nhau về kinh tế tri thức nên các ý kiến đề xuất về chủ trương đối với kinh tế ấy cũng khác nhau. Bước đầu có thể xếp cách hiểu về kinh tế tri thức vào ba nhóm quan niệm, và tương ứng là có ba đề nghị về chủ trương đối với kinh tế tri thức, như sau :

Một là, kinh tế tri thức là nền kinh tế phát triển sau nền kinh tế công nghiệp. Nước ta đang phấn đấu để khoảng 20 năm nữa mới cơ bản thành nước công nghiệp, và phải vài chục năm tiếp theo mới trở thành nước có nền kinh tế tri thức. Do đó ở thời điểm này, việc đặt vấn đề xây dựng nền kinh tế tri thức, phải chăng chưa thực tế.

Hai là, kinh tế tri thức có thể xuất hiện trong nền kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn chuyển sang kinh tế công nghiệp. Sự xuất hiện này là có thể được, do lợi thế về khả năng trí tuệ của nhân dân ta, có thể nắm bắt nhanh chóng các tri thức và công nghệ mới nhất, đặc trưng của nền kinh tế tri thức, nên trong những thập niên tới, nước ta phải đi thẳng vào nền kinh tế tri thức, để rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

Ba là, nước ta đã có những cơ sở của kinh tế tri thức, biểu hiện ở công nghệ thông tin (CNTT) đã được áp dụng rộng rãi trong các ngành bưu chính viễn thông, ngân hàng, dầu khí, hàng không... các cơ quan quản lý của Nhà nước ; chúng ta đang xúc tiến xây dựng các khu công nghệ cao, các cán bộ của ta đã nhanh chóng nắm bắt và làm chủ các công nghệ hiện đại, dần dần đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Do đó, không nên đặt vấn đề "tiếp cận" hay "hướng tới", mà cần tích cực xây dựng và phát triển ngay nền kinh tế tri thức.

Để có thể bình luận các quan niệm và các ý kiến đề xuất về chủ trương đối với kinh tế tri thức nói ở trên, trước hết cần phân tích rõ thực chất của kinh tế tri thức.

Mọi nền kinh tế đều có các lĩnh vực sản xuất, lưu thông và tiêu dùng, hợp thành một hệ thống thống nhất, có tác động qua lại mật thiết, *trong đó lĩnh vực sản xuất có vai trò cơ bản.* Do đó, đánh giá trình độ phát triển của một nền kinh tế, phải căn cứ vào trình độ phát triển của lĩnh vực sản xuất, trong đó yếu tố có tính cách mạng nhất là công cụ sản xuất (CCSX).

Mọi CCSX đều có ba bộ phận : động lực, truyền lực và công tác. Bộ phận công tác (còn gọi là bộ phận chấp hành hay tác động) trực tiếp tác động lên đối tượng lao động để làm ra sản phẩm. Bộ phận truyền lực truyền năng lượng từ nguồn động lực đến bộ phận công tác. Ở CCSX thủ công, nguồn động lực là do sức cơ bắp của người lao động, còn bàn tay trực tiếp làm bộ phận công tác chuyển động (thí dụ : cái kim khâu tay). Nếu bộ phận công tác giao cho máy thực hiện - gọi là máy công tác, thì ta có công cụ nửa cơ khí (thí dụ : cái máy khâu đạp chân). Khi nguồn động lực cũng do máy cung cấp, đó là công cụ cơ khí (thí dụ : cái máy khâu chạy bằng điện). Trong công cụ thủ công và cơ khí, việc điều khiển CCSX hoạt động, đều do bộ óc con người đảm nhận.

Trong bộ Tư bản, C.Mác đã phân tích rất cụ thể vai trò của từng bộ phận nói trên trong CCSX và chứng minh rằng, cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII đã bắt đầu khi bộ phận công tác, vốn do bàn tay người thao tác trong công cụ thủ công, đã giao cho máy thực hiện, nhờ đó đem lại một năng suất lao động nhảy vọt, mặc dù nguồn động lực vẫn là sức người (công cụ loại này lần đầu tiên xuất hiện ở máy kéo sợi năm 1735). Còn máy hơi nước, tuy được phát minh, từ cuối thế kỷ XVII nhưng sau gần một thế kỷ cũng không dẫn đến cuộc cách mạng nào trong công nghiệp cả. Tuy vậy, sau khi có máy công tác, máy hơi nước đã phát huy tác dụng rất to lớn, thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ, thông qua việc

* TS. Quận Đống Đa, Hà Nội

Digitized by Google

cung cấp nguồn động lực cho các công xưởng tư bản chủ nghĩa cơ khí hóa (vì lý do này, nhiều người đã cho rằng cuộc cách mạng công nghiệp đã bắt đầu nhờ máy hơi nước, điều này không thật chính xác).

Như vậy, đặc trưng cơ bản của nền kinh tế nông nghiệp, nền kinh tế công nghiệp trước công xưởng là CCSX thủ công, còn của nền kinh tế công nghiệp công xưởng - sau này nói gọn là kinh tế công nghiệp - là CCSX cơ khí hay thường nói là máy móc.

Từ sau khi ra đời, cho đến khoảng giữa thế kỷ XX, sau gần 200 năm, công cụ cơ khí không ngừng được cải tiến và hoàn thiện, được nâng lên trình độ tự động dựa trên các thành tựu chủ yếu của *vật lý học cổ điển*. Việc điều khiển nhiều khâu trong công cụ cơ khí đã được tự động hóa (TĐH) ở mức thấp, dựa vào những cơ cấu kỹ thuật cơ - điện vĩ mô. Sự TĐH này được gọi là TĐH cứng vì tính linh hoạt kém và khó thực hiện việc TĐH toàn bộ một dây chuyền sản xuất. Hơn nữa, khi một dây chuyền đã được thiết kế cho việc sản xuất một loại sản phẩm nào đó, nếu muốn thay đổi kích cỡ, mẫu mã, kiểu dáng... thì rất khó khăn, tốn kém và mất nhiều thời gian. Vì vậy, việc TĐH này tuy có đem lại sự tăng năng suất lao động, nhưng chưa đưa đến một cuộc cách mạng trong sản xuất công nghiệp, nên được coi là bộ phận phát triển của cơ khí hóa (CKH).

Trong các năm 1939 - 1945, trước nhu cầu cấp bách trên nhiều mặt của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong đó có việc *điều khiển từ xa và tự động* các đạn pháo cao xạ, các tên lửa ..., các nhà khoa học ở cả hai phía đã phải đi sâu khai thác *vật lý học hiện đại* để giải quyết. Vật lý học hiện đại là ngành khoa học được hình thành trong 30 năm đầu của thế kỷ XX, khi nghiên cứu thế giới vi mô - nguyên tử, đã tạo ra một cuộc cách mạng trong các ngành khoa học tự nhiên, và trong nhiều năm tiếp theo là cuộc cách mạng trong các công nghệ ứng dụng các thành tựu của các khoa học ấy, đem lại những biến đổi to lớn, sâu sắc trong sản xuất và đời sống con người. Đó là cuộc *cách mạng khoa học - công nghệ* của thế kỷ XX. Khó có thể kể hết mọi thành tựu của cuộc cách mạng ấy, nhưng thành tựu vừa có tính cơ bản, vừa có tính tổng hợp là máy điều khiển tự động có khả năng làm những công việc trí óc trong chức năng điều khiển của con người, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho một cuộc cách mạng công nghiệp mới vào cuối thế kỷ XX.

Các máy điều khiển tự động đã mở ra hai công nghệ mới, có quan hệ mật thiết với nhau, xâm nhập lẫn nhau, ứng dụng rộng rãi không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà hầu hết trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội : đó là *công nghệ tự động hóa* (CNTĐH) và *công nghệ thông tin* (CNTT).

Trong lĩnh vực sản xuất, với các máy điều khiển tự động người ta có thể thực hiện TĐH ở từng máy và cả dây chuyền sản xuất, với tính linh hoạt, độ chính xác và năng suất lao động rất cao, nhờ dựa vào các cơ cấu kỹ thuật điện tử (vi mô). Sự TĐH này được gọi là TĐH mềm, cho phép tạo ra những dây chuyền, trên đó có thể thay đổi dễ dàng các sản phẩm khi cần, có kích cỡ, mẫu mã, hình dáng... khác nhau. Ngoài ra, còn có các hệ thống chuyên gia, một hình thức đơn giản của trí tuệ nhân tạo, được sử dụng để chẩn đoán nhanh chóng, chuẩn xác và sửa chữa kịp thời các sự cố kỹ thuật phức tạp, xuất hiện trong quá trình sản xuất. Nói chung, với máy điều khiển tự động còn có thể TĐH rất nhiều công việc khác nhau trong tổ chức và quản lý sản xuất, góp phần làm cho việc TĐH sản xuất đem lại một bước nhảy vọt về năng suất lao động. Việc TĐH sản xuất phải được thực hiện trên cơ sở của nền kinh tế công nghiệp CKH phát triển cao.

Nếu CNTĐH đem lại năng suất lao động cao trong lĩnh vực sản xuất vật chất, thì CNTT, trong đó máy điều khiển tự động quan trọng nhất là máy tính điện tử nối mạng quốc gia và quốc tế, có thể đem lại năng suất và chất lượng lao động cao trong các quá trình sản xuất phi vật chất, nói chung là trong công tác quản lý mọi hoạt động của xã hội, ngoài ra còn có tác dụng trong việc nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống (cần lưu ý là CNTT, thông qua các máy tính điện tử và công nghệ vi xử lý, là một trong những cơ sở để tạo ra các máy công cụ điều khiển số, cao hơn là các hệ thống tự động thiết kế, chế tạo CAD - CAM đã góp phần làm cho CNTĐH ngày càng hoàn thiện). Tuy có vai trò cũng rất to lớn, nhưng CNTT không đòi hỏi vốn đầu tư quá lớn như khi thực hiện cơ khí hóa và nhất là TĐH mềm nền kinh tế. Chính vì có đặc điểm này, nên CNTT được áp dụng rộng rãi ở mọi nền kinh tế nông nghiệp cũng như công nghiệp,

Digitized by Google

chậm phát triển cũng như phát triển ; tất nhiên nền kinh tế càng phát triển, hiệu quả càng cao. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, CNTT được khai thác ở mức rất cao trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội... nhất là trong các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thương mại, đem lại nhiều hiệu quả và lợi nhuận kếch sù. Ở Mỹ có những thanh niên chỉ với một máy tính nối mạng In-tơ-nét, có những tri thức cần thiết và đầu óc sáng tạo, đã trở thành tỉ phú trong một thời gian ngắn. Chủ nghĩa tư bản lợi dụng tính chất đặc biệt của tiền tệ, và dựa trên những hệ thống máy tính ngày càng tinh xảo đã tạo lập được một hệ thống tài chính - tiền tệ có vị trí độc lập, tách rời với hệ thống sản xuất, và các nhà tư bản tài chính đã kiếm lời trên hệ thống này ; có những nhà tỉ phú sử dụng nó như một quyền lực có thể đảo lộn kinh tế tiền tệ thế giới. Đặc điểm tình hình nói trên đã làm cho một số người ngộ nhận, cho CNTT là nhân tố quyết định nhất đối với sự chuyển dịch kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức (sau công nghiệp). Điều đó trái với quan điểm duy vật lịch sử, nói rằng của cải vật chất phải do các quá trình sản xuất tạo ra, sản xuất là cơ sở của đời sống xã hội, là động lực phát triển kinh tế. CNTT với khả năng góp phần TĐH công tác quản lý các hoạt động trong xã hội, tuy có đóng góp to lớn trong việc nâng cao NSLĐ xã hội, nhưng không thay thế được quá trình sản xuất vật chất, ở đó công nghệ TĐH mềm là yếu tố quyết định nhất. Và cũng do xác định không đúng vị trí và vai trò của CNTT, nhiều người đã tuyệt đối hóa vai trò của tri thức, lẫn lộn tri thức với thông tin, đưa ra những quan niệm như "sự sản sinh, phổ cập và sử dụng thông tin giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống", "lợi thế so sánh của một quốc gia giờ đây là trí tuệ, vốn và tài nguyên bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu", "thông tin là nguồn lực, nguồn tài nguyên của xã hội"...

Đề cao vai trò của tri thức ở thời nào cũng đúng, và nếu theo lối ẩn dụ, muốn nói tri thức là cái gì cao quý nhất, quyết định nhất đều được. Nhưng nếu coi đó là một quan điểm triết học thì không đúng. Quả thật cuộc cách mạng khoa học - công nghệ thế kỷ XX - khác hẳn với cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII, xuất phát chủ yếu từ kinh nghiệm, từ kỹ thuật - là thành tựu tuyệt vời của trí tuệ con người, được kết tinh trong một khối lượng đồ sộ các tri thức dựa trên nền tảng của các tri thức rất trừu tượng của vật lý học và toán học. Sự ra đời của máy điều khiển tự động, trong đó máy tính là quan trọng và phổ biến nhất - có thể làm được một số công việc trí óc, chủ yếu là do sự kết hợp hai loại tri thức đó. Sau khi có máy tính và hệ thống thông tin liên lạc hiện đại, tri thức của nhân loại càng tăng lên nhanh chóng ; ngay trong nền kinh tế công nghiệp, người ta tính ra cứ khoảng 10 năm thì khối lượng tri thức tăng lên 2 lần, và vào những năm 70 của thế kỷ này, 80 đến 90% tri thức nhân loại từ xưa đến nay là được hình thành trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Nhưng cần lưu ý là trong khối lượng tri thức to lớn đó, *đa phần là tri thức công nghệ*, tiếp tục được phát triển trên nền tảng của các tri thức khoa học cơ bản được hình thành trong nửa đầu của thế kỷ XX. Nói đến tri thức công nghệ, một mặt phải có tri thức khoa học cơ bản, và mặt khác không thể thiếu được, là những kinh nghiệm, những thủ thuật chuyên môn. Cả hai mặt nói trên đều không dễ gì có được, nhất là ở trình độ nhân tài. Đối với nước ta, do có lợi thế về khả năng trí tuệ, việc tạo ra được mặt thứ nhất tương đối thuận lợi hơn so với mặt thứ hai. Ngoài những khó khăn về cơ sở vật chất - kỹ thuật, về tổ chức và phương pháp đào tạo, hiện nay chúng ta đang gặp một cản trở lớn là nhận thức không đầy đủ về vai trò của tri thức công nghệ. Có một thực tế, nhưng ít khi được chú ý, lâu nay trong việc chuyển giao công nghệ các sản phẩm trong các liên doanh với nước ngoài, không bao giờ có sự chuyển giao 100%, tỷ lệ nội địa hóa tuy ngày càng nâng cao, nhưng có một số tỷ lệ phần trăm bao gồm những bí mật công nghệ bị giữ lại. Những bí mật này, nếu tự chúng ta không tìm ra được thì các sản phẩm do nước ta tự sản xuất, không thể nào có chất lượng cao, có thể cạnh tranh được với nước ngoài.

Tóm lại, kinh tế tri thức là nói về trình độ phát triển cao của nền kinh tế mà cơ sở kỹ thuật của nó là máy điều khiển tự động, với hai công nghệ cơ bản là CNTĐH và CNTT cho phép TĐH cả các quá trình sản xuất vật chất và phi vật chất. Thực hiện hai công nghệ này là nội dung chính của việc hiện đại hóa (HĐH) nền kinh tế, trong đó CNTĐH sản xuất vật chất là cơ bản.

Kinh tế tri thức chỉ mới ở giai đoạn đầu, trên thế giới chưa có nước nào đã có nền kinh tế tri thức với nội dung đầy đủ là thực hiện rộng rãi việc

Digitized by Google

TĐH sản xuất và tin học hóa toàn xã hội. CNTĐH và CNTT, do tác dụng to lớn của chúng trong việc nâng cao NSLĐ cá nhân và xã hội, đem lại những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, trong phong cách và nếp sống của con người và tất nhiên ảnh hưởng đến cả thượng tầng kiến trúc của xã hội. Do đó, việc HĐH nền kinh tế không đơn thuần chỉ là vấn đề kinh tế - kỹ thuật, mà còn là vấn đề chính trị - xã hội, nên sự thực hiện sẽ không đơn giản và chỉ có thuận chiều. Những vấn đề về HĐH cần được theo dõi và nghiên cứu trên cơ sở quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đề phòng ảnh hưởng của các quan điểm không đúng đắn của phương Tây, hiện đang rất phổ biến qua các phương tiện thông tin đại chúng và qua mạng In-tơ-nét.

Các nước phát triển hiện đang ráo riết mở rộng việc tin học hóa trong toàn xã hội, còn việc TĐH sản xuất đang được thực hiện bằng hai con đường : thứ nhất là "tái công nghiệp hóa" tức là áp dụng các công nghệ cao để HĐH nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các ngành công nghiệp vốn đã được cơ khí hóa ở trình độ cao. Thứ hai là tạo ra ngay những ngành công nghiệp mới trình độ hiện đại.

Ở các nước chậm và đang phát triển, do CNTT đòi hỏi tương đối ít vốn đầu tư, lại có thể áp dụng ngay để cải tiến công tác quản lý, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống, là những động lực quan trọng để phát triển kinh tế, cũng rất được quan tâm khai thác, tuy mức độ không được cao như ở các nước phát triển.

Từ những điều đã nói trên, chúng ta thấy :

- Nước ta tiến lên từ một nền kinh tế nông nghiệp thủ công, theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng, nhằm xây dựng đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp sau khoảng 20 năm nữa. Đề ra nhiệm vụ như vậy là đúng đắn. Trong quá trình công nghiệp hóa, chúng ta tranh thủ HĐH từng bộ phận trong sản xuất, và cần tận dụng lợi thế về khả năng tri thức của nhân loại để phát triển CNTT - nội dung thứ hai trong HĐH - một mặt để tăng năng suất, chất lượng lao động, cải thiện đời sống, mặt khác tranh thủ xuất khẩu phần mềm để góp phần tích lũy vốn. Hiệu quả của việc HĐH này đến đâu, có thể góp phần thúc đẩy và rút ngắn sự nghiệp công nghiệp hóa được mấy năm... , cần được tính toán kỹ, nhưng chắc không phải là nhiều lắm so với sự tích lũy từ chính sự nghiệp CNH. Dù sao cũng không được sao nhãng nhiệm vụ trọng tâm là CNH, gắn CNH với HĐH, chuyển cho được nền sản xuất thủ công lên cơ khí, nhất là đối với nền kinh tế nông nghiệp với gần 80% dân số của nước ta.

Cần nói thêm rằng, khi đề cập tới kinh tế hậu công nghiệp hay kinh tế tri thức là nói đến một nấc thang phát triển của lực lượng sản xuất, tuyệt nhiên không phải nói đó là một hình thái kinh tế - xã hội. Muốn xem xét về hình thái kinh tế - xã hội thì còn phải đề cập tới nhiều mặt khác, đặc biệt là mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất và phương cách giải quyết mâu thuẫn giữa hai mặt đó.

- Trở lại 3 ý kiến đề xuất về chủ trương đối với kinh tế tri thức ở nước ta ở đầu bài, có thể nêu lên mấy nhận xét :

Ý kiến thứ nhất là đúng khi nói rằng ở nước ta ở thời điểm này mà đặt vấn đề xây dựng nền kinh tế tri thức là chưa thực tế ; nhưng chỉ nói như vậy thì chưa đầy đủ ; nên nói thêm là cần tranh thủ thông qua việc HĐH, chủ yếu là về CNTT, để qua đó góp phần đẩy nhanh hơn sự nghiệp CNH và chuẩn bị một bước cơ sở kỹ thuật cho nền kinh tế tri thức sau này.

Ý kiến thứ hai cho rằng trong những thập niên tới, có nghĩa là trong khi chúng ta đang phấn đấu để cơ bản trở thành nước công nghiệp, cần đi thẳng vào nền kinh tế tri thức, dựa vào lợi thế về khả năng trí tuệ của nhân dân ta có thể nắm bắt nhanh chóng các tri thức về công nghệ cao, nhất là CNTT.

Ý kiến thứ ba, do quan niệm CNTT là cơ sở kỹ thuật chủ yếu của nền kinh tế tri thức, cũng đặt vấn đề ngay bây giờ đi thẳng vào xây dựng nền kinh tế này.

Căn cứ vào thực chất của nền kinh tế tri thức đã trình bày ở trên, cả hai ý kiến thứ hai và thứ ba này, cho rằng cần đi thẳng vào nền kinh tế tri thức là khó thực hiện được. Tuy vậy, trong điều kiện khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão hiện nay, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy nhanh, bản thân chúng ta cũng phải ra sức tranh thủ các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, từng bước xây dựng và phát triển các yếu tố của kinh tế tri thức, phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường công nghiệp hóa rút ngắn thời gian.❑

Digitized by Google

TRÀ VINH - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN THÁI BÌNH*

Được tái lập từ năm 1992, Trà Vinh là quê hương của ba dân tộc Kinh, Hoa và Khmer trong đó với hơn 30% số dân là người Khmer ; là nơi mà những điều kiện về tài nguyên, thổ nhưỡng... có nhiều bất lợi, so với các tỉnh bạn trong vùng nên là một tỉnh nghèo. Song, đây là mảnh đất giàu truyền thống đoàn kết, kiên cường trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc chống Pháp và Mỹ xâm lược. Gần một thập niên qua, phát huy truyền thống tốt đẹp đó, được sự hỗ trợ tích cực của trung ương, trong những năm qua đảng bộ và nhân dân Trà Vinh đã không ngừng nỗ lực vươn lên, tạo ra những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội...

Thứ nhất, *nền kinh tế tiếp tục phát triển với giá trị sản phẩm nội địa tăng trưởng ổn định.*

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Trà Vinh đạt bình quân : 8,45%/năm giai đoạn 1992 - 1995 và 8,87%/năm từ 1995 đến 2000. Sự tăng trưởng GDP trên là kết quả tổng hợp của việc thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở và nhất là sự năng động, sáng tạo của đảng bộ, sự vươn lên vượt khó của nhân dân. Điều đó cũng được thể hiện qua giá trị đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh hằng năm tăng 24,91%/năm, đã thật sự tạo nên một xung lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác nhau phát triển đồng bộ và toàn diện.

So với năm 1995, giá trị nông nghiệp tăng 6,01%/năm, sản lượng lúa năm 2000 đạt 954 000 tấn ; xây dựng cơ bản tăng 28,04%/năm; dịch vụ tăng 17,29%/năm ; lâm nghiệp tăng 5,75%/năm ; đã giao khoán thêm 2 780 ha rừng cho hộ dân quản lý và trồng mới 2 500 ha rừng tập trung, 30 triệu cây phân tán ; giá trị thuỷ sản tăng 10,86%/năm, trong đó năng lực đánh bắt xa bờ với 245 chiếc tàu loại 90 CV trở lên, nuôi trồng thủy sản tăng 17 300 ha, nhiều mô hình nuôi tôm sú, tôm càng theo mô hình công nghiệp đạt hiệu quả tốt ; giá trị công nghiệp tăng 4,26% ; các lĩnh vực hoạt động đối ngoại, thương mại, thông tin liên lạc, vận tải đường sông, bảo hiểm, du lịch, thu chi ngân sách, các hoạt động tín dụng ngân hàng... cũng phát triển khá. Đặc biệt, cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần trên địa bàn tỉnh chuyển dịch theo xu hướng giảm tỉ trọng giá trị nông - lâm - ngư nghiệp từ 76,38%/năm 1996 xuống còn 71,01% năm 2000 ; tỷ trọng giá trị công nghiệp và xây dựng tăng từ 13,85% lên 19,69%. Mặt khác, trong tiến trình đổi mới các hợp tác xã, đã phát triển thêm 50 hợp tác xã và 1 342 tổ hợp tác, nâng tổng số hiện có 82 hợp tác xã các ngành nghề với 5 734 hộ xã viên ; 4 860 tổ hợp tác sản xuất với 108 804 hộ thành viên, bước đầu có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng cường đoàn kết dân cư, tạo được sức mạnh cho các hộ nghèo vươn lên.

Thứ hai, *nhiều vấn đề bức xúc về văn hóa, xã hội được giải quyết có kết quả, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên.*

Là một tỉnh vùng sâu, trình độ dân trí chưa cao, nên ngay từ rất sớm đảng bộ và các ngành, các cấp rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Đến nay về cơ bản đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ trong toàn tỉnh, nhất là đối với người dân tộc Khmer ; đã hợp tác với các viện, các trường đại học, trung học trong cả nước tổ chức đào tạo tại tỉnh 28 chuyên ngành cho hơn 4 000 sinh viên và học sinh, các trung tâm dạy nghề của tỉnh, huyện và nhiều doanh nghiệp đã tích cực thực hiện đào tạo nghề cho người lao động. Hoạt động văn hóa - thông tin, văn học - nghệ thuật, báo chí và phát thanh, truyền hình có bước phát triển về cơ sở vật chất - kỹ thuật và trình độ nghiệp vụ đã góp phần đắc lực trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, động viên phong trào hành động của nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh, phát huy gương điển hình "người tốt, việc tốt" và đấu tranh chống tiêu cực xã hội ... Hiện nay đã

* Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh

Digitized by Google

xét công nhận 104 905 gia đình văn hoá, một phường văn hóa ; 234 ấp, xóm văn hóa và 51 cơ quan văn minh ; giảm tỷ lệ tăng dân số từ 1,98% (năm 1996) xuống 1,05%, và giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 42% còn 36% năm 2000.

Qua 5 năm thực hiện xóa đói giảm nghèo, Trà Vinh cũng đã tạo việc làm cho khoảng 60 000 người đến tuổi lao động và hơn 100 000 lao động thiếu việc làm. Hộ nghèo thu nhập dưới 60 000 đồng/người/tháng đã giảm từ 17,88% xuống còn 7,58% ; mở 117 lớp đào tạo nâng cao năng lực quản lý dự án phát triển ; xóa nghèo cho hơn 4 016 cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp và người nghèo ; giảm được 4 xã nghèo, nhất là đã nâng mức thu nhập bình quân đầu người trong toàn tỉnh từ 2 534 000 đồng/năm 1995 (tương đương 222 USD) tăng lên 4 514 000 đồng năm 2000 (tương đương 317 USD) ; sửa chữa và xây dựng mới được 80 000 nhà kiên cố và bán kiên cố, tăng đáng kể số hộ mua sắm xe gắn máy, xuồng máy, truyền hình, điện thoại ... Đặc biệt, công tác đền ơn đáp nghĩa, giải quyết chính sách các đối tượng có công với đất nước đã được các cấp, các ngành ở địa phương giải quyết kịp thời, chu đáo. Toàn tỉnh đã nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ và quy tập mộ liệt sĩ ; xây dựng nhà bia tưởng niệm ; vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa đạt trên một tỉ đồng ; xây dựng 884 nhà tình nghĩa và nhà tình thương ; tặng 576 sổ tiết kiệm và cấp 19 376 sổ bảo hiểm y tế ; có 70 xã, phường được công nhận thực hiện tốt việc nâng mức sống gia đình chính sách ; tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, 89 người già và trẻ mồ côi không nơi nương tựa, nuôi dạy 151 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Thứ ba, *hệ thống chính trị được xây dựng vững mạnh và ngày càng phát huy tác dụng tích cực trong việc lãnh đạo, quản lý các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh.*

Nhận thức tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống chính trị, trong những năm qua, bộ máy chính quyền các cấp ở Trà Vinh được củng cố và kiện toàn ; đội ngũ cán bộ công chức được tuyển dụng bổ sung, đào tạo và đào tạo lại, do đó phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đã từng bước được nâng lên. Trà Vinh đã tổ chức xong bầu cử chức danh trưởng ban nhân dân ấp, khóm và đã thực hiện thí điểm cải cách thủ tục hành chính theo quy trình "một cửa", "một cửa một dấu", bước đầu giảm bớt thủ tục hành chính phiền hà. Mặt khác, tỉnh cũng đã triển khai thực hiện rộng rãi quy chế dân chủ ở cơ sở đã có tác dụng động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, tăng cường quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội... Qua các phong trào cách mạng của quần chúng đã phát triển mới hơn 200 000 đoàn viên, hội viên ở các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, nâng tổng số người được tập hợp vào các tổ chức chiếm 68,55% dân số toàn tỉnh.

Công tác xây dựng Đảng có bước phát triển mạnh cả về lượng và chất, đưa số lượng các tổ chức, cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" tăng từ 59,26% năm 1995 lên 78,10% năm 1999 ; tổ chức đảng yếu kém giảm từ 4,21% xuống còn 1,55% ; có 15 517 lượt cán bộ được học tập về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Thực hiện khá tốt chế độ tự phê và phê bình trong nội bộ Đảng và đưa đảng viên ra phê bình trước quần chúng bước đầu đã có sự chuyển biến tốt trong việc củng cố, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt, việc triển khai cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) cơ bản đạt yêu cầu chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Những thành tích trên tuy vẫn còn khiêm tốn so với các địa phương khác trong cả nước, song, đối với Trà Vinh - một tỉnh được tái lập chưa đến 10 năm, trong điều kiện còn nhiều khó khăn thì đó là những thành quả quan trọng, tạo điều kiện, tiền đề cho sự phát triển tiếp theo. Từ thực tiễn của Trà Vinh trong chặng đường xây dựng và phát triển đã qua, bước đầu chúng tôi rút ra mấy bài học kinh nghiệm sau :

Một là, phát huy truyền thống đoàn kết của đảng bộ và quân dân trong tỉnh, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho nội bộ và nhân dân nhất trí với quyết tâm thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; đồng thời, cụ thể hóa nghị quyết cấp trên sát hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, của từng ngành. Nêu cao ý thức tự lực tự cường, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên trong và bên ngoài ; tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân - xem đó là yếu tố cơ bản để tiếp tục ổn định chính trị - xã hội.

Hai là, phải kết hợp tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện từng bước công bằng xã hội và quan tâm bảo vệ lợi ích người lao động theo hai hướng :

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp. Song, phải coi trọng công tác xóa đói giảm nghèo theo hướng phát huy tính tự lực vươn lên của hộ nghèo cùng với sự hỗ trợ của nhà nước, sự hướng dẫn, giúp đỡ của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và cộng đồng dân cư.

(Xem tiếp trang 50)

Digitized by Google

LỐI RA CỦA CÁC NÔNG TRƯỜNG QUỐC DOANH Ở NƯỚC TA

TRẦN ĐỨC

TRẢI qua nhiều năm xây dựng và phát triển, các nông trường quốc doanh đã khai phá được trên 60 vạn ha đất hoang hóa, mặt nước để đưa vào sản xuất, thu hút gần 37 vạn lao động. Đó là lực lượng nòng cốt để hình thành vùng chuyên canh sản xuất nông sản hàng hóa : vùng cao su miền Đông Nam Bộ có gần 100 nông trường, 20 vạn ha cao su, hằng năm sản xuất 95% sản phẩm cao su ; vùng cà phê Tây Nguyên có gần 80 nông trường chiếm hơn 30% diện tích, hằng năm làm ra trên 20% sản lượng cà phê cả nước ; vùng chè Trung du, miền núi phía Bắc với gần 2,5 vạn ha chiếm hơn 30% diện tích chè, sản lượng chè búp tươi chiếm gần 40% sản lượng chè cả nước ; vùng cây ăn quả ở Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình có gần 30 nông trường trồng cam, quýt, dứa với gần 2000 ha, hằng năm đạt sản lượng 1,5 - 2 vạn tấn quả.

Các nông trường đã sản xuất và cung ứng giống cây, giống con có chất lượng cao, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, trở thành trung tâm dịch vụ văn hóa - y tế - xã hội của vùng và là lực lượng quan trọng bảo vệ an ninh - quốc phòng, làm hậu cần tại chỗ trong thời chiến, nêu cao tinh thần chiến đấu, phục vụ chiến trường, lập nhiều thành tích xuất sắc.

Tuy có tiềm năng lớn về đất đai (năm 1986 cả nước có 457 nông trường quốc doanh, quản lý 1,2 triệu ha đất), và được Nhà nước đầu tư nhiều, nhưng kết quả sản xuất, kinh doanh không tương xứng, hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, đất đai, lao động, tiền vốn, cơ sở vật chất - kỹ thuật sử dụng rất lãng phí ; 20 - 30% vốn đầu tư bị thất thoát. Một số thiết bị máy móc mua sắm nhưng không sử dụng đến, bảo quản không cẩn thận để hư hỏng, máy móc đưa vào sản xuất, kinh doanh chỉ đạt 58% công suất.

Tổ chức sản xuất theo hướng chuyên canh máy móc, trở thành độc canh nên không sử dụng hợp lý đất đai, lao động, trang thiết bị, coi nhẹ khâu thu hoạch, bảo quản, chế biến, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Tổ chức bộ máy quản lý nông trường cồng kềnh, nhiều phòng, ban nhưng kém hiệu lực, quản lý sản xuất qua nhiều khâu trung gian dẫn đến trì trệ, kém hiệu quả. Hoạt động chưa thực sự gắn bó với địa phương, mâu thuẫn giữa một số nông trường và địa phương kéo dài, đất đai nông nghiệp do nông trưởng quản lý sử dụng không phải ít, trong khi dân cư địa phương lại thiếu đất canh tác.

Trong quá trình đổi mới, đặc biệt từ năm 1988 đến cuối năm 1993, các nông trường quốc doanh đã giao cho địa phương quản lý, sử dụng 281 404 ha, bằng 23,45% diện tích đất tự nhiên và 30% tổng diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước đã giao cho nông trường trước kia. Số còn lại được các nông trường sử dụng đạt gần 90%. Về tổ chức quản lý, cũng có những thay đổi cơ bản, 32 nông trường thuộc bộ quản lý và một số nông trường do cấp huyện quản lý đã được chuyển giao cho tỉnh quản lý. Cấp bộ chỉ còn quản lý các nông trường sản xuất giống cây, giống con, hoặc gắn sản phẩm với công nghiệp chế biến xuất khẩu. Hiện nay, cả nước có 56/61 tỉnh, thành có nông trường quốc doanh.

Căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ đã được rà soát lại, bổ sung và chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, các nông trường quốc doanh từ chỗ chỉ sản xuất độc canh đến nay đã có nhiều nỗ lực xây dựng cơ sở chế biến nông sản và làm dịch vụ. Nhiều nông trường đang đòi hỏi phải được tổ chức lại theo mô hình công ty và đăng ký lại doanh nghiệp theo Nghị định 388/HĐBT.

Điều đáng chú ý là bộ máy của các doanh nghiệp gọn nhẹ hơn, mỗi nông trường chỉ còn 2 - 3 phòng, ban với một số cán bộ trợ lý giám đốc khoảng 15 - 20 người, tỷ lệ lao động gián tiếp giảm xuống còn 4 - 5%, cấp đội chỉ còn 1 - 2 người. Số cán bộ dôi ra được chuyển sang làm dịch vụ khoa học - kỹ thuật, bố trí vào các khâu sản xuất phụ,

Digitized by Google

hoặc tổ chức cửa hàng cung ứng vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng. Hiện nay, các doanh nghiệp đã từng bước đổi mới quản lý theo các hình thức và mức độ khác nhau, từ chỗ tuyển chọn lao động theo biên chế chuyển sang hình thức ký hợp đồng giao khoán.

a - *Khoán hộ :* Thực hiện Nghị định 01/CP (ngày 01-01-1995) của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước, các hộ nhận khoán vườn cây, gia súc gắn liền với nhận khoán đất (ổn định 20 năm với đất cây hàng năm và 50 năm với đất cây lâu năm) để các hộ tự sản xuất, tự đầu tư và thu sản phẩm. Nông trường thực hiện hướng dẫn kỹ thuật, làm dịch vụ về giống, vật tư và vốn tín dụng, chế biến tiêu thụ sản phẩm. Khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng thì bên giao khoán căn cứ mức độ vi phạm để quyết định người nhận khoán phải bồi thường hoặc hủy bỏ hợp đồng.

Hộ gia đình có nhiệm vụ trích nộp sản phẩm cho nông trường để thanh toán các khoản : thuế sử dụng đất, khấu hao vườn cây và công trình phục vụ sản xuất đối với phần đất của hộ nhận khoán của nông trường, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bản thân người lao động, quản lý phí và các quỹ phúc lợi, khen thưởng của nông trường. Mức giao nộp trung bình chiếm khoảng 20 - 25% sản lượng cây hằng năm, 25 - 30% sản lượng cây lâu năm (do khấu hao vườn cây và mức thuế cao hơn), số sản phẩm còn lại được bán cho nông trường theo giá thỏa thuận, nếu nông trường không có nhu cầu thu mua chế biến thì hộ gia đình được tự tiêu thụ. Việc nhận khoán giao nộp sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm theo thỏa thuận giữa người lao động và nông trường là hình thức phổ biến nhất hiện nay : khoảng 527 000 ha, bằng 68,5% diện tích đang sản xuất giao khoán cho gần 10 vạn hộ gia đình nông trường viên và các hộ dân cư trên địa bàn. Mức khoán bình quân diện tích cho một lao động đối với cây chè : 0,3 - 0,5 ha ; cà phê 0,5 - 1 ha ; cam, chanh 0,5 - 1 ha ; cao su : 1,5 - 2 ha.

b - *Khoán theo công đoạn sản xuất :* Hình thức này được áp dụng phổ biến nhất ở các nông trường cao su thuộc Tổng Công ty cao su Việt Nam trong việc trồng, chăm sóc vườn cây thời kỳ kiến thiết cơ bản, chăm sóc vườn cây kinh doanh, cạo mủ cao su. Nông trường hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất, người nhận khoán được trả công theo sản phẩm khoán.

c - *Khoán thầu :* Về nguyên tắc, khoán thầu và khoán hộ đều giống nhau, nhưng khoán thầu không hạn chế về diện tích và giao gọn theo lô, hay khoán cả quả đồi. Người nhận thầu phải tự đầu tư vốn là chủ yếu, tự tuyển chọn lao động, sản phẩm làm ra bán cho doanh nghiệp và nộp trả doanh nghiệp các khoản thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

Nhìn chung, các hình thức giao khoán đều đạt hiệu quả tốt, nhưng nông trường phải có sự hỗ trợ tích cực, kịp thời, thường xuyên đôn đốc và kiểm tra sâu sát.

d - *Thí điểm bán vườn cây, gia súc cho hộ gia đình :* Thực hiện Nghị định 12/CP (ngày 2-3-1993) của Chính phủ về sắp xếp lại và đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, một số nông trường đã thí điểm bán vườn cây, đàn gia súc cho hộ gia đình để họ đầu tư, thu hoạch sản phẩm, doanh nghiệp làm dịch vụ cho vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thu mua nguyên liệu chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Việc bán vườn cây, gia súc cho hộ gia đình đem lại hiệu quả rõ rệt, năng suất cam, chanh tăng 10 - 15%, chè tăng 12%, cà phê tăng 20 - 30%, bò sữa tăng 10 - 20%. Nông trường Thống Nhất (Thanh Hóa) sau hơn 4 năm bán vườn cây cho hộ gia đình, năng suất cam, chanh từ chỗ chỉ có 6 tấn/ha đã tăng lên 30 tấn/ha, giá trị vườn cây tăng 5 - 7 lần. Sau khi trả hết nợ, vườn cây, gia súc thuộc sở hữu của hộ gia đình còn đất đai vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của nông trường. Có những hộ đã mạnh dạn đầu tư công của vào vườn cây, đàn gia súc nên đã phục hồi và phát triển nhanh chóng, tạo tiền đề cho các hộ nông dân phát triển kinh tế trang trại. Việc bán vườn cây, đàn gia súc cho hộ gia đình đã tạo điều kiện cho nông trường thu hồi vốn nhanh, giảm bớt khó khăn cho nông trường, vườn cây và đàn gia súc lại được duy trì, phục hồi và phát triển.

e - *Liên doanh, liên kết :* Hình thức này có thể vận dụng để xây dựng vườn cây lâu năm như trồng mới các vườn cây cao su, cà phê, chè hoặc doanh nghiệp cùng với các cá nhân, các tổ chức khác góp vốn xây dựng xí nghiệp chế biến nông sản, xây dựng kết cấu hạ tầng. Nông trường quốc doanh

Digitized by Google

Sông Hậu (Cần Thơ) giao khoán cho 2 500 công nhân nông nghiệp, bình quân mỗi hộ 2,5 ha để sản xuất lúa, trồng hoa màu, cây ăn trái và nuôi cá. Người nhận khoán phải nộp cho nông trường 460 kg thóc/ha/năm để trả thuế sử dụng đất và 1 030 kg thóc/ha/vụ cho thủy lợi phí và đầu tư cơ sở hạ tầng. Nông trường thực hiện các dịch vụ làm đất, tưới tiêu, giống, phân bón và bao tiêu sản phẩm cho các hộ nhận khoán theo giá thị trường. Các hộ nhận khoán thanh toán các chi phí dịch vụ đầu vào cho nông trường theo mức độ sử dụng thực tế, phần sản lượng còn lại thuộc về người nhận khoán, bình quân hàng năm từ 7 - 10 tấn lúa và các loại sản phẩm phụ như cá, gà, hoa màu và trái cây, trị giá khoảng 25 - 35 triệu đồng/năm. Như vậy, trong quá trình sản xuất kinh doanh trên 2,5 ha giao khoán, chủ thể pháp lý là Nông trường Sông Hậu, còn chủ thể kinh tế là công nhân nhận khoán và nông trường Sông Hậu. Nông trường được phát "bìa đỏ" (có quyền sử dụng đất) còn công nhân thì không được phát. Với phương thức nhận khoán trên đây, các doanh nghiệp nông nghiệp quy mô lớn liên kết với các hộ công nhân hoặc nông dân làm thuê dưới hình thức công ty dự phần đã tái lập trang trại gia đình trong lòng doanh nghiệp. Nên chăng các hộ nhận khoán cũng được cấp bìa đỏ, còn bản thân nông trường tuy cũng có "bìa đỏ" nhưng chỉ trên phạm vi đất được sử dụng để làm dịch vụ.

g - *Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý sản xuất :* Trong những năm đổi mới vừa qua, một số nông trường quốc doanh đã áp dụng nhiều giải pháp, tạo thế và lực phát triển mạnh mẽ. Ở 8 nông trường của Công ty cao su Đắc Lắc, theo luận chứng, Công ty phải bỏ ra 47 tỉ đồng để đầu tư phát triển, duy trì sản xuất kinh doanh. Trong khi chỉ được Nhà nước cho vay 9,8 tỉ đồng Công ty đã huy động nội lực được gần 40 tỉ đồng nữa, do vậy đã có vốn tiếp tục kinh doanh.

Ở Đắc Lắc, Công ty Chư Kpô đã dùng giải pháp khoán đến hộ gia đình, khuyến khích các hộ đa dạng hoá cây trồng. Bên cạnh 1 680 ha cao su, Công ty cho phép các hộ gia đình trồng 800 ha cà phê vườn trong vùng cao su và đã thu hoạch trên 1 400 tấn cà phê nhân xuất khẩu. Cây cà phê đã bổ sung cho cây cao su cùng tồn tại và phát triển góp phần tăng thu nhập của các hộ đạt từ 5 - 7 triệu đồng/hộ/năm.

Năm 1995, Lâm trường Nam Nung (Đắc Lắc) trồng thử nghiệm 3 ha cà phê Ca-ti-mo xen với cao su bước đầu thu được kết quả khá. Sau 18 tháng, cà phê Ca-ti-mo đã cho quả. Công nhân kết hợp chăm sóc cả 2 loại cây nên những tháng mùa khô, việc tưới nước cho cà phê đã làm tăng độ ẩm của đất, giúp cây cao su phát triển nhanh hơn so với những vườn cây trồng thuần 1 trong 2 loại này. Niên vụ cà phê 1997, trên 1 ha cà phê trồng xen, Lâm trường thu bói 4 tấn cà phê tươi ; đến niên vụ 1998, tăng lên 5 - 6 tấn quả, tương ứng 0,8 - 0,85 tấn cà phê nhân đạt giá trị khoảng 20 triệu đồng, trừ các chi phí gần 7 triệu cho cả 2 loại cây, người lao động còn được lãi trên 13 triệu đồng.

Ở Gia Lai, khi cây cao su bắt đầu đi vào khai thác cũng là lúc ngành cao su gặp khó khăn do mất thị trường Liên Xô và Đông Âu. Để duy trì được vườn cây cao su, Công ty Chư Sê đã giao một phần đất của Công ty cho công nhân sử dụng "làm kinh tế vườn hỗ trợ cây cao su", mỗi hộ gia đình từ 0,5 đến 1 ha. Công ty đã ươm cây giống cao su, tiêu, cà phê cấp cho hộ gia đình, hướng dẫn kỹ thuật làm vườn, tạo điều kiện cho các buôn làng dân tộc Gia Rai làm công nhân cao su nhanh chóng định cư xây dựng cuộc sống mới. Sau khi vườn cây cao su đã định hình, Công ty hướng dẫn, kiểm tra kỹ thuật chăm sóc và cạo mủ. Năm 1998, nhà máy chế biến của Công ty có đủ năng lực để chế biến thêm gần 100 tấn cao su liên kết trong vùng. Nhờ các giải pháp tổng hợp nêu trên, Công ty đã vượt qua khó khăn, bảo đảm việc làm ổn định cho hơn 1 700 công nhân, năng suất vườn cao su đạt 1,14 tấn/ha, lợi nhuận sản xuất kinh doanh cao su đạt 2,28 tỉ đồng, thu nhập của công nhân bình quân hơn 600 000 đồng/tháng.

Qua hai điển hình của Đắc Lắc và Gia Lai, chúng ta thấy kinh tế gia đình hỗ trợ kinh tế nhà nước đã đem lại hiệu quả thực sự, không những củng cố được kinh tế nhà nước, mà còn cải thiện được đời sống của cán bộ công nhân viên. Nhớ lại những năm 60, Đảng ta đã cho phép kinh tế gia đình tồn tại, mặc dầu là kinh tế phụ, nhưng nó đã bảo đảm cho các hộ xã viên khoảng 50% thu nhập trên mảnh đất 5% trong suốt 30 năm tập thể hóa nông nghiệp.

h - *Vai trò của công nghiệp chế biến đối với các nông trường quốc doanh.* Trước đây, công nghiệp

Digitized by Google

chế biến của các nông trường chủ yếu là sơ chế, các cơ sở tinh chế chỉ trên quy mô nhỏ, máy móc cũ lạc hậu, chất lượng chế biến sản phẩm thấp, không đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu. Ngày nay, đa số các nông trường đã xây dựng được cơ sở chế biến công nghiệp với nhiều trình độ công nghệ và quy mô khác nhau. Đặc biệt các nông trường sản xuất lương thực, chè, cao su, cà phê, rau quả..., các cơ sở này có khả năng sử dụng hết nguyên liệu của nông trường, ngoài ra còn thu mua, chế biến cho cả dân cư trong vùng góp phần nâng cao tỷ trọng nông sản được chế biến và xuất khẩu.

Tuy vậy, cơ cấu sản phẩm vẫn còn tình trạng chưa phù hợp với nhu cầu của thị trường. Lấy ngành cao su làm ví dụ. Cơ cấu sản phẩm sơ chế của ngành đang thực hiện là bất hợp lý : loại sản phẩm SVR 10, SVR 20 có thị trường tiêu thụ rất lớn, chiếm tới 70% tổng sản phẩm toàn thế giới, nhưng ở nước ta toàn ngành sản xuất chỉ đạt tỷ lệ 12%. Trong khi đó, sản phẩm SVR 3L, SVR 5L được xếp hạng là cao cấp, nhưng nhu cầu tiêu thụ thấp, sản xuất lại chiếm tới 73%, dẫn tới chỗ cao su Việt Nam tiêu thụ đã khó khăn lại càng thêm khó khăn. Tổng Công ty cao su Việt Nam đã thấy rõ việc đầu tư bất hợp lý và đang yêu cầu các công ty trực thuộc nhanh chóng thay đổi công nghệ sản xuất để chuyển đổi cơ cấu sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Coi trọng công tác quản lý theo thể chế : Công ty chè Trần Phú đã làm việc đó bắt đầu bằng giao khoán đồi chè cho từng hộ công nhân với thời hạn 50 năm, tiếp đến xây dựng 9 quy chế theo nguyên tắc dân chủ, công khai, đúng pháp luật (quy tắc quản lý vật tư, tài chính ; quy tắc quản lý lao động, quy tắc vận tải v.v...). Tất cả các quy chế đều được học tập phổ biến, niêm yết công khai để mọi người thực hiện, không có ngoại lệ, ai làm sai, làm thất thoát tiền, tài sản, vật tư thì phải đền bù hoặc bị xuất toán. Mọi hoạt động của Công ty từng bước đi vào nền nếp, biên chế gián tiếp của Công ty từ 15% giảm xuống còn 5%. Năng suất tăng nhanh từ 45 tạ/ha năm 1995 lên 81 tạ/ha năm 1998. Tổng giá trị hàng hóa từ 14,17 tỉ đồng năm 1995 lên 28 tỉ đồng năm 1998. Lương bình quân của toàn công ty cũng tăng nhanh, 1995 là 175 000 đồng/tháng/người, năm 1998 là 515 000 đồng/tháng/người, nhiều người đạt 1 000 000 đồng/tháng.

Để tiếp tục đổi mới nông trường, theo chúng tôi, nên tập trung theo hướng :

Một là, sắp xếp lại hệ thống nông trường quốc doanh theo 3 nhóm :

Nhóm 1 : Gồm những nông trường đang sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng vật tư, chuyển giao công nghệ, chuyên sản xuất nguyên liệu cho cơ sở công nghiệp chế biến xuất khẩu.

Nhóm 2 : Các nông trường sản xuất kinh doanh hoạt động bình thường cần chuyển đổi theo các hình thức phù hợp như cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu.

Nhóm 3 : Những nông trường bị thua lỗ kéo dài từ 2 năm trở lên, không trả được nợ đến hạn, không nộp đủ thuế cho Nhà nước, không trích đủ cho bảo hiểm xã hội và các quỹ khác theo quy định, thì xử lý tùy tình hình cụ thể (sản phẩm không có thị trường tiêu thụ, nông trường quá kém không có khả năng phục hồi thì cho giải thể, phá sản).

Hai là, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nông trường. Các nông trường cần quy hoạch lại sản xuất phù hợp với khả năng đầu tư theo hướng thâm canh, chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa sản phẩm. Nông trường chỉ giữ lại diện tích đất đã đầu tư còn diện tích đất chưa sử dụng và không sử dụng phải chuyển cho dự án khả thi.

Nông trường giao khoán đất, vườn cây, gia súc ổn định lâu dài cho hộ gia đình nông trường viên và hộ dân địa phương tại chỗ gắn với sản phẩm cuối cùng. Đồng thời, nông trường phải làm tốt chức năng hướng dẫn, kiểm tra, trợ giúp các hộ về vốn đầu tư cho sản xuất, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, tiêu thụ sản phẩm cho hộ gia đình.

Tóm lại, trong điều kiện của nước ta hiện nay, để tìm lối ra cho các nông trường quốc doanh cần hoàn thiện các hình thức khoán, trước tiên là khoán hộ, mở rộng thí điểm bán vườn cây, đàn gia súc cho hộ gia đình, thực hiện liên doanh liên kết, tiếp tục đổi mới phương thức quản lý sản xuất, lấy kinh tế gia đình hỗ trợ cho kinh tế nhà nước và ở những nơi có điều kiện thì đa dạng hóa cây trồng, phát huy vai trò của công nghiệp đối với các nông trường quốc doanh, cuối cùng rất coi trọng công tác quản lý theo thể chế.❑

Digitized by Google

QUA HAI BỜ ĐẠI DƯƠNG, THẾ HỆ ĐIỆN ẢNH TRẺ VIỆT NAM TỰ KHẲNG ĐỊNH

HẢI NINH *

VÀO những năm tháng cuối cùng và đầu tiên của hai thế kỷ, điện ảnh Việt Nam như lựa chọn cho mình một thời điểm thiêng liêng nhất để cất cánh bay lên. Cho đến bây giờ vẫn còn là một điều bí ẩn, tại sao một chùm phim hay của cả ba thể loại phim truyện, tài liệu, hoạt hình lại như một đàn chim én rủ nhau bay về hội tụ giữa khí thiêng đất trời Thăng Long ngàn năm văn vật để làm nên một mùa xuân điện ảnh. Chỉ hơn bốn tháng trời, nói theo cách hình tượng của điện ảnh, một chùm tác phẩm *Đời cát, Mùa ổi, Bến không chồng, Chiếc chìa khóa vàng, Vào Nam ra bắc, Chị Năm Khùng* (tài liệu), *Xe đạp* (hoạt hình) như một làn sóng mới tràn từ Đông sang Tây, từ bờ biển Thái Bình Dương đến Đại Tây Dương, không những đã khơi dậy một niềm vui, tự hào trong lòng khán giả Việt Nam mà còn gây được những dấu ấn bất ngờ cho đông đảo người xem phim nước ngoài.

Chúng ta đã từng được nghe những lời bình luận, phê bình, khen chê của hầu hết các báo chí trong nước. Nhưng hiếm có dịp chúng ta được nghe và nhìn một cách khá đầy đủ không khí và dư luận của những người nước ngoài xem phim Việt Nam ở Nhật Bản, Pháp, Đức... để có cơ hội một lần nhận lại diện mạo nền điện ảnh nước nhà sau những bước đi thật khó khăn, có lúc tưởng như không thể nào gượng dậy nổi.

Bộ phim *"Đời cát"* (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân) được mời tham dự liên hoan phim quốc tế (LHPQT) Fu-ku-o-ka đúng vào dịp kỷ niệm 10 năm của LHP này. Đây là một LHPQT không chấm giải, tiêu chí của nó là gặp gỡ nghệ sĩ, trao đổi nghệ thuật, giao lưu văn hóa, nhằm nâng cao vị trí điện ảnh châu Á lên ngang tầm quốc tế. Cũng ở LHP này, năm 1992, Ban tổ chức đã chiếu một chùm 9 phim truyện Việt Nam hay của thế hệ đàn anh như *Tướng về hưu* (Khắc Lợi) ; *Em bé Hà Nội* (Hải Ninh) ; *Cô gái trên sông* (Đặng Nhật Minh) ; *Xương rồng đen* (Lê Dân) ; *Thị trấn yên tĩnh* (Lê Đức Tiến)... Nhưng điều đã làm cho bạn bè nghệ sĩ và đông đảo người xem phim Nhật Bản "giật mình" vì hai đại biểu của Đoàn điện ảnh Việt Nam (Nguyễn Thanh Vân, Mai Hoa) bước vào cửa một LHP lớn của châu lục năm 2000 là hai nghệ sĩ trẻ, là "con cháu" của những nghệ sĩ có phim tham dự chỉ cách đây bảy năm thôi. Những năm tháng không dài ấy có giá trị như một bước đi của thời gian, một nhịp thở của một đất nước, khiến cho những người theo dõi hứng thú bất ngờ đến ngạc nhiên.

Ông, bà Ta-dao Sa-to là hai nhà hoạt động điện ảnh Nhật Bản rất nổi tiếng trên nhiều lĩnh vực phê bình, lý luận, giáo dục và lịch sử. Với tư cách Tổng giám đốc LHPQT Fu-ku-o-ka, ông Ta-dao Sa-to đã cùng vợ đi khắp châu Á trong 10 năm trở lại đây để chọn phim với một tiêu chí thật trong sáng : "Không thành kiến, không chống lại bất kỳ quốc gia nào. Giao lưu quốc tế thông qua điện ảnh đem lại sự thông hiểu giữa các dân tộc". Khi được hỏi cảm tưởng về bộ phim *Đời cát* của Việt Nam, ông Ta-dao Sa-to đã trả lời : "Tôi cho rằng tác phẩm rất chân thực. Không phải riêng tôi, mà rất nhiều người xem bộ phim này đều có cảm nghĩ như vậy. Nhất là bộ phim đã miêu tả vết thương chiến tranh đã qua. Những con người trong phim đã chấp nhận vết thương một cách chân thực và vị tha, với tư cách là một con người. Đó là giá trị nhân bản của bộ phim, thể hiện một tinh thần cao cả của con người Việt Nam".

Như những làn sóng từ bờ biển Thái Bình Dương, các phim Việt Nam lại dồn dập ở các LHPQT phương Tây. Đầu tiên là phim *Mùa ổi* (đạo diễn Đặng Nhật Minh) ở các LHPQT Lô-các-nô (Pháp - Thụy Sĩ), và ở Ben-gíc (Bỉ) ; phim *Đời cát*

* Nghệ sỹ nhân dân, Cục Điện ảnh

Digitized by Google

ở hai LHPQT A-mi-ơ và Ma-nôskờ (Pháp). Trong LHPQT Lô-các-nô phim *Mùa ổi* đã được tặng giải thưởng của Ban giám khảo (BGK) trẻ. Và trong LHP ở *Ben-gíc* phim *Mùa ổi* được tặng Giải thưởng đặc biệt của BGK.

Nếu ở LHPQT Fu-ku-o-ka phim *Đời cát* chỉ phải đối mặt với 50 phim của 17 quốc gia trong khu vực châu Á thì ở LHPQT A-mi-ơ phim *Đời cát* của Việt Nam phải nằm trong vòng đua với 300 phim truyện của toàn cầu, trong đó có những cường quốc điện ảnh như Pháp, Mỹ, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a, Mê-hi-cô... và chỉ chọn ra 11 phim dự thi. Cả châu Á chỉ có 2 nước Việt Nam, Ấn Độ có phim vào chung khảo. Lần đầu tiên phim truyện Việt Nam tham gia LHPQT A-mi-ơ. Tuy chúng ta đã có một số phim tham gia các LHP ở Pháp, song ở đây khi nói tới phim Việt Nam người ta chỉ biết đến những phim của Trần Anh Hùng (người Pháp gốc Việt) ; của Tony Bùi (người Mỹ gốc Việt) ; ấn tượng hơn là một số phim làm về đề tài Việt Nam của các đạo diễn Pháp chính cống như Pierre Schoendoeffer (Điện Biên Phủ) ; Régis Wargnier (Đông Dương) ; J. C Anneaud (Người tình)...

Chính vì vậy bộ phim *Đời cát* của Việt Nam như lọt vào một cuộc đua "vô tiền khoáng hậu".

Trong cuộc trao giải thưởng đoàn Việt Nam hồi hộp chờ đợi cái tên của mình. Vừa lo "xôi hỏng bỏng không", lại vừa mừng thầm, vì theo lệ quốc tế những phim được giải cao bao giờ cũng đọc cuối cùng và cái tên *Đời cát* được đọc bằng tiếng Pháp *La vie de sable* cũng vang lên gần cuối bằng danh sách giải thưởng, ngày trước bộ phim đoạt giải nhất "Vượt thời gian" (Time's Up) của nữ đạo diễn Tây Ban Nha - Đờ Cec-xi-li Ba-ri-ga. Khác với các LHPQT khác, LHPQT A-mi-ơ không đặt ra giải nhất, nhì, ba ; hoặc vàng, bạc, đồng, mà chỉ có Giải thưởng lớn (Ngựa thần vàng), sau đó là giải đặc biệt. Nhưng phim Việt Nam lại là một trường hợp đặc biệt lần đầu tiên một phim truyện đoạt hai giải quan trọng trong LHP này. Giải đặc biệt của BGK, và giải thưởng lớn của Tổ chức công giáo quốc tế (OCIC). Như đạo diễn Trần Anh Hùng nói giải thưởng của "OCIC" rất có uy tín ở châu Âu, cũng không phải có nhiều phim được tặng giải này.

Điều quan trọng ở đây là qua những giải thưởng có giá trị như vậy, khán giả Pháp và thế giới nhìn con người và cuộc sống trong phim như thế nào. Cũng có nghĩa là điều gì đang xảy ra trên đất nước Việt Nam sau chiến tranh. Không phải tự nhiên một thư ký trong Ban giám khảo LHP xem trong phim đã thốt lên : "Tôi thấy bàng hoàng sau khi xem phim..." đấy cũng là trạng thái chung trong khán trường hôm ấy. Qua "ô cửa *Đời cát*" để nhìn vào Việt Nam người xem ở đây "bàng hoàng" khi thấy chỉ trong một ngôi làng nhỏ ven biển thôi mà hậu quả chiến tranh đã để lại nặng nề đến như vậy. Có thể không còn những cảnh máu chảy, đầu rơi, làng xóm bị bắn phá, xong khi bom đạn đã im tiếng lại "tấy" lên bao nhức nhối cho con người trong ngôi làng nhỏ này. Những vết thương còn để lại trong tình yêu, trong các mối quan hệ vợ chồng, bạn bè, làng xóm... và con người ở đây phải đối phó như thế nào với cuộc sống tương lai.

Những sự hy sinh cao cả cho độc lập tự do và thống nhất đất nước Việt Nam ít nhiều người ta đã có dịp thấy trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Nhưng để khắc phục những hậu quả chiến tranh, trước tiên là băng bó các vết thương đang lên da non và làm giảm dần nỗi đau cho cả một dân tộc, tạo nên một cuộc sống bình yên, ít nhất là trong tâm hồn mỗi người, dấy lên những niềm vui nho nhỏ và đặt niềm tin vào tương lai, lại cần một thời gian dài hơn cả cuộc chiến tranh. Cuộc sống và mối quan hệ con người trong phim *Đời cát* làm cho người xem phim ở đây tin vào con người Việt Nam sẽ làm được điều đó, như họ đã làm được những điều thần kỳ trong chiến tranh. Những con người trong phim như nhân vật Thoa, Huy... đã hai lần hy sinh trong một đời người. Một lần hy sinh cho Tổ quốc, một lần hy sinh cho tình yêu, bạn bè, cho đồng loại. Lần hy sinh sau khó khăn hơn lần hy sinh trước, khi họ đã kiệt quệ cả sức lực, muốn được bấu víu vào tình cảm, những hy vọng mà họ đã chờ đợi, chôn nén trong lòng mình hàng chục năm trời trong âm thầm và lặng lẽ, trong cô đơn, xa vắng.

Cái tín hiệu đầu tiên đến với mọi người là "sự khổ đau được chia sẻ", là "tấm lòng cao quý vị tha" của con người Việt Nam, là "lòng tin vào cuộc sống, vượt lên quá khứ để đón nhận tương lai".

*

Từ bên kia Đại Tây Dương, những làn sóng điện ảnh Việt Nam lại dội về LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương ngay tại sân nhà - Hà Nội - Việt Nam. Có thể nói đây là cuộc ra quân rầm rộ nhất trong

Digitized by Google

lịch sử điện ảnh Việt Nam : 5 bộ phim truyện *Mùa ổi* (đạo diễn Đặng Nhật Minh) ; *Đời cát* (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân) ; *Bến không chồng* (đạo diễn Lưu Trọng Ninh) ; *Vào Nam ra Bắc* (đạo diễn Phi Tiến Sơn) ; *Chiếc chìa khóa vàng* (đạo diễn Lê Hoàng) ; ba phim tài liệu *Cao nguyên đá* (đạo diễn Lê Mạnh Thích) ; *Chị Năm Khùng* (đạo diễn Lại Văn Sinh) ; *Trầm tích Thăng Long* (đạo diễn Mai Trung Tuyến - quân đội) ; ba phim hoạt hình *Mào gà* (đạo diễn Hà Bắc), *Tiếng gọi của bầu trời* (đạo diễn Minh Trí), *Xe đạp* (đạo diễn Nguyễn Thị Phương Hoa).

Chúng ta sẽ không nhắc lại nhiều lần không khí sôi động, tưng bừng trong những ngày LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương và những âm vang thắng lợi của điện ảnh Việt Nam mà báo chí đã nói đến rất nhiều. Vấn đề còn lại để mọi người suy nghĩ là sau những vòng hào quang ấy chúng ta phát hiện được những gì về hướng đi cho điện ảnh, cả về mặt nghệ thuật và tổ chức lãnh đạo, về con người nghệ sĩ và đội ngũ sáng tác, tìm ra được những nguyên nhân dẫn đến sự thành công, nhằm khẳng định một bước đi của một giai đoạn, một bước tiến của điện ảnh Việt Nam.

Cái mạnh của sự ra quân lần này của điện ảnh Việt Nam là trong thời điểm LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương đã tập trung được một số lượng lớn tác phẩm của cả ba thể loại phim truyện, tài liệu, hoạt hình của hầu hết các hãng phim trong toàn quốc. Điều đó đã tạo điều kiện cho các tài năng nghệ sĩ, các tác giả, tác phẩm có dịp thử thách, cọ xát với các nền điện ảnh trong khu vực để các nghệ sĩ hiểu mình và hiểu người. Ở tầm vĩ mô là một dịp các nhà lãnh đạo có thể thấy những bước đi của nền điện ảnh dân tộc, thấy được hình dáng đường nét, tiềm lực và sức vươn của thế hệ nghệ sĩ mới, sau một thời gian được tôi luyện đã đến thời kỳ bứt phá, trỗi dậy.

Các giải thưởng trong LHP vừa mang tính đồng đều về chất lượng nghệ thuật, vừa mang tính đỉnh cao về tác phẩm. Chưa có LHP quốc tế nào, chỉ bằng vào một tác phẩm *(Đời cát)* lại có thể đoạt ba giải nhất cùng một lúc - tác phẩm, diễn viên chính, diễn viên phụ và hai giải đề cử cho diễn viên (Công Ninh) và nhạc sĩ (Phó Đức Phương). Và cũng chưa bao giờ phim tài liệu Việt Nam liên tiếp ba lần đoạt giải nhất trong cùng một LHP lớn của khu vực. *Chị Năm Khùng* đoạt giải cao nhất năm nay không chỉ chứng minh cho tài năng của đạo diễn trẻ Lại Văn Sinh, mà còn xác định một phương hướng đúng đắn trong chỉ đạo loại hình phim tân văn. Điều làm cho thắng lợi của chúng ta lớn hơn là đằng sau bốn giải nhất của phim truyện và phim tài liệu còn là hàng loạt đề cử các nghệ sĩ vào danh sách những người tranh giải rất hạn hẹp được trải rộng ra nhiều phim trong các thể loại khác nhau. Diễn viên Bùi Bài Bình *(Mùa ổi)*, quay phim Nguyễn Hữu Tuấn *(Bến không chồng)*, họa sĩ Phương Hoa (*Xe đạp* - hoạt hình), đạo diễn Lê Mạnh Thích *(Cao nguyên đá* - tài liệu).

Một nguyên nhân khác của sự thành công, giữ vai trò quyết định trong những tác phẩm là người nghệ sĩ, người sáng tạo, hầu hết các tác phẩm tham gia LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương lần này đều được các tác giả kịch bản, đạo diễn ấp ủ lâu năm, biết dựa vào thế mạnh của nhau, đặc biệt là đã gây được lòng tin cậy, yêu mến nhau từ buổi ban đầu, để tạo ra một sự hài hòa trong sáng tạo, mở ra một phong cách hợp tác mới giữa nhà văn - biên kịch và đạo diễn phim. Kể từ khi đặt bút viết chữ đầu tiên cho đến khi phim được hoàn thành *Bến không chồng* phải mất tới bảy năm ; *Đời cát,* sáu năm ; *Mùa ổi* cũng khoảng năm, sáu năm... lại trải qua một cuộc hành trình đầy thử thách của các cuộc tranh cãi, xét duyệt, tiền làm phim lúc có lúc không... Nếu họ không có một tình yêu, tâm huyết và lòng kiên trì của con người nghệ sĩ bảo vệ "đứa con" của mình đến cùng thì không thể đi tới đích được.

Nhưng điều phát hiện quan trọng nhất và cũng là điều đáng mừng nhất trong các tác phẩm dự thi là sức sáng tạo của các nghệ sĩ thuộc thế hệ thứ 3 của điện ảnh Việt Nam đã được nâng lên một chất lượng mới.

Trình độ nghệ thuật, kỹ năng nghề nghiệp dựa trên một trí lực tổng thể về văn học, triết học, mỹ học, chính trị và xã hội, đã cho phép một số nghệ sĩ có thể "tung hoành" theo ý muốn của mình, tránh được đường mòn và công thức, tạo cho mình một phong cách riêng biệt, một màu sắc theo ý muốn, giàu tính trữ tình và trí tuệ, đậm đà bản sắc dân tộc. Trước tiên người đạo diễn với tư cách là tác giả của bộ phim, đã có được một tư duy sâu sắc các quá trình và hiện tượng của thực tế để đưa vào tác phẩm những ý tưởng nghệ thuật, mà ở đấy người xem thấy cả những chiều sâu và chiều cao về con người và thời đại mình đang sống. Đấy là vấn đề tri thức -

Digitized by Google

đôi cánh của sáng tạo - đang đặt ra cho văn nghệ sĩ trong thế kỷ mới.

Nhiều người đã đi tìm nguyên nhân phim *Đời cát* của Việt Nam được tới 3 giải nhất, hai đề cử tranh giải và đặt một dấu hỏi về "sân nhà" ? Vì người ta thấy bộ phim *Tâm trạng khi yêu* đã tham dự LHPQT Can, một LHPQT lớn nhất toàn cầu, Lương Triều Vĩ - một ngôi sao điện ảnh Hồng Công đã chiếm giải nhất ; bộ phim chiếm luôn cả giải kỹ thuật, âm thanh. Cũng trong bộ phim *Tâm trạng khi yêu* tham dự LHP Trung Quốc ngôi sao Trương Mạn Ngọc lại chiếm giải nhất - Kim kê vàng - nhưng tại sao lại nhường ngôi cho *Đời cát* của Việt Nam ? Ta thử nhìn sang thế giới điện ảnh phương Tây để thấy rõ hơn về vấn đề này. Những đề tài bạo lực, tình dục đã trở thành một món ăn hằng ngày của người xem phim phương Tây đến mức nhàm chán. Những pha đánh đấm, hận thù, bi thảm, những kỹ thuật tân kỳ, người máy... giết người một cách tàn bạo, phi nhân, đã làm con người mất hết lòng tin vào cuộc sống.

Điện ảnh I-ran đã liên tiếp đoạt các giải thưởng lớn ở các LHP toàn cầu và khu vực, chinh phục thế giới bằng sự chân thực, hồn nhiên, trong sáng, giản dị đầy bản sắc riêng. Đấy là những bí quyết thành công của điện ảnh I-ran. Những kỹ thuật tiên tiến và hiện đại đóng vai trò hết sức quan trọng trong điện ảnh, song nhân tố quyết định vẫn và sẽ mãi mãi là con người.

Đến Việt Nam, bạn bè điện ảnh Châu Á - Thái Bình Dương tìm thấy một bầu trời yên tĩnh. Người ta tìm lại được những phẩm giá con người trong các phim Việt Nam - những tấm lòng cao quý, vị tha, những nỗi khổ đau được chia sẻ, những giá trị nhân văn trong mối quan hệ con người, xã hội. Người ta cũng thấy rất rõ một Việt Nam còn trăn trở, vật lộn với bao khó khăn vất vả, nhưng không làm mất đi tính nhân bản của con người. Với tình yêu cuộc sống họ vẫn hy vọng tái tạo một thế giới tốt đẹp quanh mình, ít nhất là sự yên tĩnh trong tâm hồn. Trong bộ phim Việt Nam đoạt giải thưởng cao nhất người xem thấy rõ điều đó.

Qua cuộc trao giải thưởng của BGK Liên hoan phim Châu Á - Thái Bình Dương công chúng thấy khá rõ thái độ bảo vệ bản sắc và giá trị văn hóa phương Đông của các nhà điện ảnh gạo cội châu Á. Cũng không phải chỉ những người châu Á nói đẹp cho nhau. Nhà phê bình điện ảnh Dave Kent - thành viên Ủy ban tuyển chọn của Liên hoan phim Niu-oóc nói về phim châu Á như sau : "Họ có thái độ nghiêm túc đối với những câu truyện họ kể lại, và những thể loại mà họ khai phá, trong khi đó thì phương Tây đã mất lòng tin vào những công thức cũ kỹ mà chưa tìm ra được cái gì khác để thay thế."

Còn một nguyên nhân không kém phần quan trọng là sự đầu tư có hiệu quả của nhà nước cho điện ảnh để có được chùm tác phẩm có giá trị nghệ thuật như vậy. Những tác phẩm với quy mô vừa phải, nhưng chất lượng nghệ thuật cao, sâu sắc về nội dung tư tưởng đang đem lại hiệu quả trong hoàn cảnh hiện nay của điện ảnh Việt Nam. Kể cả phương hướng xây dựng các công trình kỹ thuật sắp tới cũng cần tinh mà không cần to, tập trung có trọng điểm mà không tràn lan.

Và làm thế nào duy trì và phát triển được tài năng của cả một thế hệ đang đóng vai trò chủ lực hiện tại và trong tương lai đang là vấn đề của nền điện ảnh Việt Nam trong thế kỷ XXI.

*

Âm vang thắng lợi về các phim Việt Nam ở LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương chưa dứt thì làn sóng điện ảnh Việt Nam lại chuyển từ Đông sang Tây. Lần đầu tiên có tới 8 bộ phim Việt Nam tham dự "Diễn đàn quốc tế điện ảnh mới", nằm trong khuôn khổ của LHP Béc-lin - từ 7-2-2001 - 18-2-2001. Hầu hết các phim truyện có chất lượng nghệ thuật cao ở LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương đều được nhà điện ảnh Dorothee Wenner chọn tham gia diễn đàn này : *Đời cát, Bến không chồng, Mùa ổi, Vào Nam ra Bắc,* bổ sung thêm các phim *Ai xuôi Vạn lý* (đạo diễn Lê Hoàng), *Chung cư* (đạo diễn Việt Linh), *Ngã ba Đồng Lộc* (đạo diễn Lưu Trọng Ninh) và *Trở về Ngư Thủy* (đạo diễn Lê Mạnh Thích - tài liệu). "Diễn đàn quốc tế điện ảnh mới" chỉ làm việc giao lưu, trao đổi văn hóa giữa các nhà điện ảnh thế giới, không nằm trong chương trình phim chấm giải. Có thể coi đây như một cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu nhất của điện ảnh Việt Nam trong một LHPQT vào loại lớn nhất châu Âu.

"Diễn đàn" giới thiệu gần 300 bộ phim. Mỗi năm "Diễn đàn" (Forum) hướng tiêu điểm tập trung vào một nước, năm nay là điện ảnh Việt Nam. Trong số 58 phim được chọn tham gia "Diễn đàn",

Digitized by Google

có 9 phim của nhiều nước được chọn làm trọng điểm, trong đó có phim *Bến không chồng* của điện ảnh Việt Nam.

Có thể nói chưa bao giờ phim Việt Nam được khán giả phương Tây đón nhận nồng nhiệt như vậy. Tất cả vé bán trong các buổi chiếu phim đều hết, người xem phải xếp hàng để mua vé, một số rạp khán giả phải ngồi cả trên lối đi để xem. Khán giả xem phim hầu hết là người Âu.

Sau các buổi chiếu khán giả đều ở lại giao lưu với các tác giả - đạo diễn, để tìm hiểu về tác phẩm, các hoạt động của điện ảnh Việt Nam hiện nay, và tình hình xã hội Việt Nam... Có tới hơn 30 hãng phát thanh, truyền hình, các tờ báo, tạp chí lớn của Đức, Pháp đánh giá cao chùm phim Việt Nam ở "Diễn đàn". Các nhà báo Đức, Mỹ, Pháp, Anh... đều phỏng vấn các đạo diễn Lưu Trọng Ninh, Nguyễn Thanh Vân, Phi Tiến Sơn, Lê Mạnh Thích...,trong đó có nhiều cuộc truyền hình, truyền thanh trực tiếp. Nhiều nhà báo Mỹ đã đề nghị mang chùm phim Việt Nam này đem chiếu rộng rãi ở Mỹ.

Một điều mà từ trước tới nay điện ảnh Việt Nam chưa làm được là phát hành phim ra nước ngoài, thì thu hoạch lớn nhất của công tác phát hành ở "Diễn đàn" là Hãng phát hành "Những người bạn Đức" và Hãng phim Truyện Việt Nam vừa ký kết hợp đồng phát hành hai bộ phim *Đời cát, Bến không chồng* ở Đức và các nước khác theo mạng lưới chiếu bóng kinh doanh. Hãng phát hành phim Tiến bộ của Đức cũng đề nghị được làm đại lý phát hành phim Việt Nam ra nước ngoài...

Có thể hơi sớm để khẳng định "Điện ảnh Việt Nam đã mở được cánh cửa ra thế giới" nhưng sự xuất hiện một nền điện ảnh Việt Nam vào thời kỳ đổi mới đất nước, trước thềm thế kỷ XXI, và có được những nhận xét sau đây của thế giới phương Tây thật không dễ dàng. Tờ "Nước Đức mới" viết : "Điện ảnh Việt Nam đã đóng góp hiệu quả cho phần hấp dẫn nhất của diễn đàn..." Nhà báo Đa-ni-en-la Po-ga-đờ còn lật lại những trang sử cách đây hơn 20 năm trước với các phim *Hiện tại khải huyền* (Cô-pô-la) và *Hăn-tơ thân yêu* (Mai-cơn Xi-mi-nô)... để bình luận phần lớn phim Mỹ lúc đó đã có tác động tiêu cực của cuộc chiến tranh Việt Nam đến tâm lý người Mỹ : "mô tả những người Việt Nam như những kẻ khát máu, những hành động ngông cuồng tàn bạo của binh lính Mỹ trong bắn giết... Trong chùm phim Việt Nam đã có những bộ phim thành công về phản ánh cuộc sống mới thường ngày trên đất nước Việt Nam gần đây... Nếu như các bộ phim tuyên truyền trước đây chỉ ca ngợi cuộc chiến tranh anh hùng thì ngày nay các đạo diễn đã nói lên hậu quả của cuộc chiến tranh, những tác động sâu sắc nhất đến xã hội và tình cảm mang tính nhân loại..."

Tạp chí LHP phát hành hằng ngày đã viết : "... không thể hình dung được với số tiền đầu tư quá ít ỏi từ ngân sách nhà nước, trang thiết bị cũ kỹ, vậy mà các nhà làm phim rất có nghề. Điều đó chỉ có thể lý giải rằng chính bởi thái độ làm việc nghiêm túc và lòng đam mê cuồng nhiệt họ mới làm được phim trong điều kiện như vậy."

Và nhiều báo chí đều có chung một nhận định : "Một làn gió của điện ảnh Việt Nam đã thổi tới, một thế hệ tài năng đã xuất hiện !"

Không phải chỉ riêng LHPQT Béc-lin vừa qua mà từ LHPQT Lô-ca-nô, Fu-ku-o-ca, A-mi-ơ, Ben-gíc và LHPQT Châu Á - Thái Bình Dương, chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ Đông sang Tây, dư luận thế giới đang xem phim Việt Nam như một hiện tượng, như một sự "chuyển mầu". Cũng là đề tài chiến tranh đấy, nhưng được nhìn nhận bằng nhiều góc độ của một thế hệ trẻ, không chỉ có ca ngợi một chiều, mà họ nói về những tác động sâu đậm của cuộc chiến tranh với những số phận con người trong cuộc sống hiện nay. Nối tiếp các thế hệ đàn anh, những nghệ sĩ trẻ đang tiếp tục phát hiện ra những nét đẹp còn ẩn sâu trong thế giới tâm hồn của con người Việt Nam - giầu lòng nhân ái vị tha, giầu tính nhân bản, dung dị và trong sáng, đã dũng cảm vượt qua những nỗi đau chiến tranh, tìm lại sự yên tĩnh cho cuộc sống mới, và hướng về tương lai.

Chỉ trong vòng bốn tháng,các tác phẩm điện ảnh Việt Nam như những làn sóng tràn qua 7 LHPQT từ Đông sang Tây đã góp phần làm thay đổi cách nhìn của người xem trên thế giới, để lại ấn tượng một nước Việt Nam đang đổi mới với tốc độ khác thường, dù rằng người xem còn thấy cái nghèo, cái lạc hậu, những vấn đề nhức nhối trong xã hội, nhưng nó báo trước một sự thay đổi toàn diện và sâu sắc của một đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ.❑

Digitized by Google

TRUNG THỰC

NGUYỄN VĂN HẢI

Trung thực là một trong những đức tính đáng quý nhất của con người. Người có đức tính trung thực trước hết phải trung thực với chính mình, không tự dối bản thân và càng không thể dối với đồng chí, đồng đội, với tập thể. Trung thực là sống có trước, có sau, có tình, có nghĩa, thấy điều lợi thì làm, thấy điều hại thì tránh. Sống trung thực phải biết phân biệt đúng, sai, nhận rõ phải trái, phân minh thiện ác và hiểu được đâu là niềm tin chân chính, đâu là trò huyễn hoặc bịp bợm, dối trá. Người có tấm lòng trung thực luôn nghĩ, nói và làm những điều hay lẽ phải, hợp lòng người, tuân theo đạo lý và chuẩn mực tốt đẹp của cộng đồng và những quy ước của xã hội. Người trung thực thấy cái tốt, cái đúng thì giữ gìn, bảo vệ và cổ vũ, khích lệ để phát huy ; thấy cái sai, cái xấu, cái ác thì phê phán, đấu tranh để ngăn ngừa, hạn chế. Người có tính trung thực sống thư thái, ung dung, đàng hoàng, không phải ra luồn vào cúi, hay nịnh nọt, ton hót người khác để cầu mong hưởng lợi lộc, công danh phú quý cho bản thân. Mặt khác, người trung thực thường là người biết mình khi có ưu điểm thì phát huy, có nhược điểm, khuyết điểm thì thành tâm sửa chữa, khắc phục, không bao giờ tự bằng lòng và thỏa mãn với chính mình. Người trung thực luôn có ý thức phấn đấu vươn lên, ham học hỏi và cầu tiến bộ. Tính kiêu căng, ngạo mạn, khoe khoang, phô trương cũng như sự tham lam, ích kỷ, kèn cựa, vụ lợi hoàn toàn đối lập với đức tính trung thực.

Đối với những người đảng viên cộng sản, đức tính trung thực là tiêu chí hàng đầu để đánh giá, kiểm nghiệm tư cách đạo đức. Trong thực tế cuộc sống bộn bề phức tạp hiện nay, không ít người tự "đánh bóng" bằng chất "hào hoa phong nhã" để che đậy bao sự nhỏ nhen, ích kỷ và vụ lợi, nhân danh trung thực để làm điều gian trá. Có người "đội lốt lông công" để lừa thầy, phản bạn, moi móc của công, bêu xấu và hạ bệ nhau. Một số trường hợp sống với nhau "bằng mặt mà không bằng lòng", bên ngoài thì tỏ vẻ cởi mở, chan hòa , "anh anh, chú chú" nhưng bên trong thì ngấm ngầm giữ miếng, nghi kỵ, thậm chí hãm hại lẫn nhau. Thái độ thiếu trung thực kiểu đó như một thứ gặm nhấm đang làm hủy hoại tình thương yêu, đoàn kết thực sự giữa con người với con người. Đây chính là nguyên nhân làm sứt mẻ các mối quan hệ, làm cho có những người lúc đầu là bạn bè, đồng chí, về sau trở thành "đối địch, đối thủ". Tất cả những hiện tượng gây bè, kéo cánh, cục bộ địa phương, tham ô, hối lộ, sách nhiễu có một phần bắt nguồn vừa sâu xa, vừa trực tiếp do thiếu trung thực. Không ai có đức tính trung thực lại thiếu thái độ công tâm với cộng đồng, xã hội. Và càng không ai có tấm lòng trung thực lại đi "xà xẻo" tâm hồn, nhân cách đồng chí và đục khoét tài sản của nhà nước, mồ hôi, công sức của nhân dân.

Trong ba yếu tố "chân - thiện - mỹ" thì cái thật, cái đúng của con người luôn được đặt ra ở nấc thang giá trị hàng đầu. Vì cái chân thật, cái trung thực luôn là tiền đề, là cơ sở để xây dựng cái tốt, cái đẹp. Mặt khác, bản chất cái tốt, cái đẹp luôn hàm chứa trong nó cái chân thật đích thực và xác đáng. Lòng tự trọng, tự tôn của mỗi người chân chính đều có xuất phát điểm từ đức tính trung thực. Xã hội nào cũng vậy, khi đức tính trung thực được coi trọng và đề cao thì đó là nhân tố góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội và trở thành nền tảng của một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái. Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, nâng cao đức tính trung thực của con người sẽ hạn chế phần nào lòng tham lam, tính ích kỷ và sự bon chen, cạnh tranh gay gắt về lợi nhuận, đồng thời sẽ góp phần điều tiết lợi ích cho các thành viên trong xã hội bảo đảm có sự hài hòa, nhân đạo hơn. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã xác định trung thực là một trong những đức tính cao đẹp của người Việt Nam trong giai đoạn mới, là một yêu cầu, đòi hỏi cần phải có ở người cán bộ, đảng viên của Đảng. Đức tính trung thực của người đảng viên lúc này không chỉ là một yêu cầu về phẩm chất đạo đức cần có như một người công dân bình thường, mà đó là trách nhiệm, nghĩa vụ, bổn phận của người cộng sản với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, bởi người đảng viên là đại diện tiêu biểu về trí tuệ, lương tâm và danh dự của giai cấp và dân tộc.❑

Digitized by Google

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

TRUNG NHƯƠNG *

Bây giờ người ta mê xài tiếng Tây, tiếng Tàu quá cỡ ! Báo, đài xài trước, làng nước bắt chước xài theo. Có người nói vui rằng : các cơ quan thông tin nhà nước ta đang xây dựng phong trào "tái Tây hóa", "tái Tàu hóa" tiếng Việt.

Thực vậy, những tiếng Tây trước đây đã Việt hóa như : bếp ga, ca mổ, xe buýt, ô tô, giấy rô ki, tấm ra, mốt, áo đầm ... được viết lại thành : gas, cas, bus, auto, croquis, drap, mode, dame ... ; những tiếng Việt có sẵn được thay bằng tiếng Hán như : linh (thay cho lẻ), hỗ trợ (thay giúp đỡ), ẩm thực (- ăn uống), địa ốc (- nhà đất), trắc địa (- đo đất), tuyển trạch (- chọn lựa), phu nhân, hôn thê (- vợ), lâm tặc, hải tặc (- giặc rừng, giặc biển), mãi, mại (- mua, bán), câu lưu (- bắt giữ), ... Người ta lạm dụng các từ : tái, hóa, tân, cựu, hữu, vô, khả, bất ...

Nói chung người ta tận dụng mọi trường hợp có thể để bỏ từ Việt đi thay bằng từ Hán. Và, xem chừng càng có học thức người ta lại càng mê dùng tiếng ngoại hơn tiếng Việt, nhất là mê "nói chữ", cứ như thể họ muốn lùi về thời phong kiến vậy. Lại có nhiều người học đòi "nói chữ" nghe rất buồn cười như : một tai nạn ô tô ngoạn mục ; ăn "tân gia" xe mới ; tái lập lại trật tự ; hỗ trợ và giúp đỡ nhau ; hoặc thay vì nói "người cưỡi ngựa cùng với con ngựa" thì lại nói "kỵ sĩ cùng với kỵ mã" ; thay vì nói "tình hình an ninh trật tự tốt, không có vấn đề gì đáng quan tâm" thì lại nói "tình hình an ninh trật tự rất khả quan" (!)

Trong số những từ Hán thay từ Việt có hai từ phổ biến nhất, có lẽ là điển hình nhất của quan điểm "bỏ Ta theo Tàu". Đó là :

- "Linh" : dùng thay cho từ "lẻ" của tiếng Việt. Từ này đã được Bộ Giáo dục đưa vào dùng chính thức trong sách giáo khoa bậc tiểu học. Nhiều thầy cô rất lúng túng khi bị các em học sinh hỏi sao không viết "lẻ" cho dễ hiểu mà lại phải viết "linh" (như nói năm hai nghìn linh một mà không nói năm hai nghìn lẻ một). Có thầy cô đành phải giải thích rằng từ "linh" dùng để viết, còn khi nói mới dùng từ "lẻ" (!). "Lẻ" là từ tiếng Việt được nhân dân cả nước quen dùng tại sao lại bỏ đi để thay vào đó một từ Hán xa lạ chỉ có một số ít người biết ?

- "Hỗ trợ" : dịch ra tiếng Việt nghĩa là "giúp lẫn nhau" nhưng hầu hết lại dùng với nghĩa "giúp đỡ" (đã vay lại còn sai !). Đâu đâu cũng nghe, cũng thấy người ta dùng "hỗ trợ". Họ mê dùng từ này đến nỗi có người còn nói phải phát động phong trào "hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau".

- Kiên trì : tiếng Việt là giữ vững. Thế mà người ta lại nói "kiên trì giữ vững mục tiêu" ...

- Quán triệt : tiếng Việt là thấu suốt. Trước ta đã dùng rất hay nay lại cứ nói là quán triệt chứ không còn nói là thấu suốt nữa.

Bác Hồ đã dạy rằng : "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp". Người dặn dò : "Tiếng nào nước ta có thì ta dùng, cực chẳng đã mới mượn tiếng nước ngoài".

Bác Hồ không chỉ nói suông. Bác luôn nêu gương trong cách viết, cách nói tiếng Việt. Bác rất chú trọng sửa chữa từng lời từng chữ của cấp dưới cốt để giữ gìn tiếng Việt, tránh không dùng các từ Hán thay từ Việt. Trong thư gửi cho lớp học báo chí đầu tiên của cách mạng, Bác Hồ đã phê bình các báo của ta (thời kỳ đó) có nhiều khuyết điểm, trong đó có khuyết điểm : "Hay dùng chữ Tàu quá và nhiều khi dùng sai" (Nay thì báo chí ta lặp lại chính cái sai đó !).

Những lời dạy của Bác Hồ vẫn còn đó nhưng ngày nay không ít người đã quên mất rồi, hoặc có nhớ nhưng không còn làm theo nữa !

Dân thường thì đã đành. Còn cán bộ, đảng viên thì sao ? Lẽ nào lại coi đó là chuyện nhỏ ?

* Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nói : "Trong các mặt đời sống của một dân tộc, một đất nước thì ngôn ngữ gắn bó mật thiết hơn cả với văn hóa. Ngôn ngữ là một trong những nhân tố hợp thành quan trọng, góp phần làm nên cái nền tảng về giá trị, bản sắc, tinh hoa của nền văn hóa dân tộc".

Cho nên giữ gìn, bảo vệ tiếng Việt chính là gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc, nâng cao ý chí độc lập, tự cường của người Việt Nam.

Mong rằng Đảng sớm có biện pháp chấn chỉnh, làm sao cho các cán bộ nhà nước, các vị trí thức xã hội chủ nghĩa, các vị làm việc trong các cơ quan báo chí, phát thanh, phát hình chấm dứt ngay việc tùy tiện dùng tiếng nước ngoài thay cho tiếng Việt. Các vị ấy phải hết sức thận trọng, chuẩn xác trong cách nói, viết tiếng mẹ đẻ để làm gương cho quần chúng nhân dân noi theo. Các nhà giáo dục cũng vậy, chú trọng hơn nữa trong việc dạy dỗ học sinh dùng đúng tiếng Việt, phải làm cho học sinh ý thức được rằng tri thức càng cao, ngoại ngữ càng giỏi thì càng phải biết quý trọng tiếng Việt chứ không phải ngược lại.

Đồng thời Đảng nên phát động một phong trào *"Đảng viên học tập và làm theo Bác Hồ về giữ gìn tiếng Việt"*. Tập hợp những tư liệu Bác Hồ nói về ngôn ngữ, về tiếng Việt, sưu tầm những câu chuyện, mẩu chuyện "Bác Hồ với tiếng Việt" để phổ biến cho từng đảng viên học tập. Cần đả phá cái quan niệm "Chữ" (Nho) là của Thánh hiền, còn "Nôm na là cha mánh khóe". Nghiêm khắc phê phán thái độ rẻ rúng tiếng Việt (không rẻ rúng tiếng Việt thì tại sao không dám nói "gặp mặt Thủ tướng" mà lại phải nói "diện kiến Thủ tướng" ? Sao không nói "lên thẳng" mà lại phải nói "trực thăng" ? ... Phong trào này chỉ cần phát động trong Đảng. Đảng viên làm trước thì tất làng nước bắt chước làm theo. Khi ấy tiếng Việt ta mới có thể thực sự được "phổ biến ngày càng rộng khắp" như lòng mong mỏi của Bác Hồ.

Mặt khác, để giúp mọi người tìm hiểu, học tập, trau giồi tiếng Việt, Đảng cũng nên lập ra một Ban biên soạn từ điển tiếng Việt để soạn ra một quyển từ điển tiếng Việt chuẩn mực theo đúng tinh thần Bác Hồ đã dạy : "Tiếng nào nước ta có thì ta dùng, cực chẳng đã mới mượn tiếng nước ngoài".❑

TRÀ VINH...

(Tiếp theo trang 38)

- Phải triển khai và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, ở cơ quan và các doanh nghiệp nhà nước, thật sự xem đây là động lực thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Song cùng với việc phát huy dân chủ ở cơ sở phải luôn có biện pháp xử lý kiên quyết những hành vi lợi dụng dân chủ, nhân quyền để chống Đảng, chống Nhà nước và nhân dân, gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Ba là, quán triệt nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, các cấp ủy đảng từng bước tập trung xây dựng Đảng vững mạnh cả ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức ; làm cho các tổ chức cơ sở đảng có đủ năng lực và sức chiến đấu để trở thành hạt nhân lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, đơn vị. Đồng thời, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, lấy nguyên tắc tập trung dân chủ tự phê bình và phê bình làm công cụ sắc bén để giáo dục đảng viên, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân. Trong lãnh đạo phải coi trọng công tác kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước, các ngành pháp luật và sự giám sát của nhân dân để phát hiện, nhân rộng, kịp thời những gương điển hình tốt, xử lý nghiêm những biểu hiện tiêu cực làm cho hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh.

Bốn là, có chiến lược về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát huy nguồn nhân lực, xem đây là nhân tố quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội đưa Trà Vinh chủ động đẩy tới mạnh mẽ, sâu sắc và hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Theo hướng đó, cần đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho nguồn lực này phát triển và phát huy tác dụng tốt ; cần xã hội hóa rộng rãi hơn nữa trong lĩnh vực giáo dục nhằm : *một mặt,* huy động được sự đầu tư giáo dục từ nhiều nguồn trong xã hội ; và *mặt khác,* phát hiện nhân tài từ nhiều nơi nhằm phục vụ cho những mục tiêu kinh tế, chính trị đã xác định của tỉnh.

Bước vào thiên niên kỷ mới trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn chung của đất nước, với những vận hội mới và trước thách thức, để tiếp tục đưa Trà Vinh đi vào chặng đường phát triển mới, toàn thể đảng bộ, nhân dân Trà Vinh *" Phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân ; khai thác có hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông - ngư nghiệp và nông thôn ; nâng cao đời sống nhân dân ; giữ vững ổn định chính trị - xã hội".*❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở CHDCND LÀO

BUN-THOỎNG DI-VI-XAY *

Kinh tế nông nghiệp có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là một giải pháp có ý nghĩa to lớn cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Thực tế ở nước Lào chỉ ra rằng, phát triển nông nghiệp mạnh mẽ và toàn diện là cơ sở của sự ổn định xã hội và là tiền đề quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Nông nghiệp phát triển tất yếu kéo theo sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế nông thôn, làm xuất hiện hàng loạt các hình thức sản xuất - kinh doanh mới, làm cho kinh tế nông thôn thoát dần khỏi tính chất thuần nông. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước Lào đã có rất nhiều chủ trương, chính sách cụ thể nhằm hình thành một cơ cấu kinh tế tổng hợp trong khu vực nông thôn. Ở nhiều vùng nông thôn Lào đã bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới : công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ kết hợp với nhau trên từng địa bàn. Sự biến chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn đến lượt nó lại làm tiền đề cho việc chuyển biến mạnh cơ cấu nông nghiệp. Việc có khả năng chế biến tại chỗ, các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp phát triển thuận lợi chẳng những góp phần ổn định sản xuất, mà còn làm cho giá trị của các loại nông sản hàng hóa gia tăng. Những ngành nghề mới trong nông thôn xuất hiện sẽ từng bước hình thành các "tụ điểm", thị trấn, thị tứ nối liền nông thôn với thành thị, xóa dần sự cách biệt cả về kinh tế cũng như về văn hóa - xã hội.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa hướng vào xuất khẩu là một nội dung quan trọng của CNH, HĐH nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Để phát triển nông nghiệp hàng hóa, phải giải quyết một loạt vấn đề liên quan đến thể chế, chính sách, pháp luật ... Song vấn đề quan trọng nhất đối với nông thôn hiện nay là thị trường. Vì vậy, thị trường cho nông sản đang là một vấn đề bức xúc. Giải quyết vấn đề này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như : kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông vận tải và thông tin ; chính sách xuất nhập khẩu nông sản, các hình thức chế biến và dịch vụ ... Trước mắt Chính phủ cần hạn chế và kiểm soát nghiêm ngặt việc nhập khẩu nông sản. Trong khi những sản phẩm nông nghiệp trong nước có khả năng cung cấp thì không nên cho nhập khẩu. Cùng với việc hạn chế nhập khẩu, cần tăng cường xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới mà nước Lào có nhiều lợi thế. Song, xuất khẩu sản phẩm thô thì không có lợi bằng sản phẩm chế biến. Thực tế cho thấy, tỷ trọng giá trị sản phẩm thô trong giá quốc tế của các hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm tỷ lệ nhỏ hơn rất nhiều so với phần giá trị chế biến. Chính vì vậy, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào chỉ rõ : "Giảm tỷ trọng sản phẩm thô, tăng tỷ trọng sản phẩm sơ chế và chế biến trong hàng xuất khẩu". Chủ trương này đặt ra yêu cầu cấp bách cho phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản.

Nông nghiệp phát triển sẽ tạo ra thị trường hết sức quan trọng để tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp (cả tư liệu tiêu dùng lẫn tư liệu sản xuất). Trước mắt thị trường này còn hạn chế do mức thu nhập của nông dân thấp. Song đây là thị trường tiềm năng của quá trình phát triển CNH, HĐH sau này. Mặt khác, công nghiệp cũng có tác động hết sức quan trọng đối với nông nghiệp. Chẳng hạn, sự phát triển của các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp tạo ra thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa và tạo điều kiện nâng cao thu nhập của khu vực nông nghiệp.

* NCS tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Sự phát triển các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất sẽ cung cấp các yếu tố đầu vào cho nông nghiệp, tạo cơ hội để nông nghiệp phát triển chiều rộng và chiều sâu, nâng cao năng suất lao động và năng suất cây trồng, vật nuôi ; gắn liền với việc chuyển giao những công nghệ mới vào nông nghiệp, chẳng những tạo cơ hội cho nông nghiệp phát triển, mà còn tạo ra chính những điều kiện cho sự phát triển của công nghiệp. Sản xuất hàng hóa nông nghiệp phát triển làm cho thu nhập của nông thôn tăng lên, nhất là ở vùng ngành nghề phát triển. Từ đó làm cho sức mua hay khả năng thanh toán của nông dân và khả năng mua sắm hàng hóa phục vụ cho sản xuất xây dựng nhà cửa và nhu cầu thiết yếu khác của họ cũng tăng lên.

Do vậy, để phát triển nông nghiệp vượt bậc ở CHDCND Lào cần phải :

Một là, hướng các nông hộ thành đơn vị kinh tế sản xuất hàng hóa. Theo hướng này cần phải thực hiện chính sách phân phối đất đai hợp lý và hợp pháp dưới nhiều hình thức, bao gồm : giao cho gia đình quyền sử dụng ruộng đất lâu dài (ruộng sản xuất lương thực, đất vườn, đất ở), được thừa kế và chuyển nhượng hợp pháp ; giao khoán ruộng đất cho gia đình theo chế độ hợp đồng và cho thuê, đấu thầu, tô nhượng đối với những người có nhiều vốn kinh doanh. Điều đó có ý nghĩa quan trọng là xác lập quyền sở hữu pháp lý và quyền sử dụng đất đai có hiệu quả. Người sử dụng đất đai phải nộp thuế cho Nhà nước theo Pháp lệnh thuế đất nông nghiệp số 50/CP, ngày 13-3-1993. Sản phẩm còn lại người sản xuất có toàn quyền sử dụng, được tự do bán cho Nhà nước hay bất kỳ theo giá thỏa thuận.

Hai là, kết hợp chặt chẽ phân công lao động tại chỗ với phân công lao động giữa các ngành trong nội bộ nông nghiệp. Phát triển phân công lao động nông nghiệp ở Lào theo hướng cơ bản tách chăn nuôi ra khỏi trồng trọt, phát triển thành ngành kinh tế chuyên môn hóa, chuyên canh cây công nghiệp và cây xuất khẩu. Kết hợp nông - lâm nghiệp gắn liền với phát triển công nghiệp chế biến sẽ dần dần hình thành cơ cấu kinh tế nông, lâm, công nghiệp, dịch vụ. Cơ cấu ấy sẽ cho phép cân đối nhân lực với đất đai, sử dụng lao động và đất đai có hiệu quả, mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp toàn diện, phát huy thế mạnh của từng vùng.

Ba là, từng bước mở rộng lưu thông hàng hóa từ địa bàn làng, xã đến phạm vi vùng lãnh thổ và cả nước, với sự tham gia của các thành phần kinh tế, mở rộng thị trường nông thôn. Để mở rộng lưu thông hàng hóa phải giải quyết tốt chính sách mua và bán theo giá thỏa thuận (chế độ một giá), mở rộng thị trường trong nước và sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp. Lựa chọn và sử dụng các hình thức gia công, bao mua, hợp tác xã mua bán, công ty xuất nhập khẩu ... để cung cấp tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng cho nhân dân các bộ tộc và kích thích nhu cầu của họ ; đồng thời thu mua nông, lâm, thổ sản của họ, biến những sản phẩm đó thành hàng hóa.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông thông suốt tất cả các vùng trên cả nước, kể cả con đường thông ra nước ngoài. Đây là một trong những tiền đề và điều kiện cơ bản để chuyển kinh tế tự nhiên lên kinh tế hàng hóa.

Năm là, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ cho nông nghiệp. Trong điều kiện CHDCND Lào hiện nay, chưa thể phát triển các cơ quan nghiên cứu triển khai về nông nghiệp cho tất cả các vùng, mà phải xây dựng các cơ quan nghiên cứu có trọng điểm. Đổi mới chính sách đối với cán bộ khoa học, đồng thời có chính sách khuyến khích nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Ngoài các chính sách về ruộng đất, chính sách giá, đầu tư và hỗ trợ vốn cho nông dân, đối với các cơ sở sản xuất và nông dân tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, Nhà nước có thể cho không giống, phân bón hoặc bán với giá ưu đãi. Mặt khác, cần mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, chủ yếu tập trung vào việc hợp tác đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ, đổi mới thiết bị công nghệ và chuyển giao công nghệ.

Sáu là, đẩy mạnh công nghệ chế biến nông - lâm sản. Ngành công nghiệp này có vai trò to lớn trong việc phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa sản phẩm theo hướng CNH, HĐH. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản là điều kiện để tăng nhanh khối lượng hàng hóa. Coi trọng công nghệ sau thu hoạch để bảo đảm chất lượng nông sản cho công nghiệp chế biến, kết hợp hiện đại hóa công nghệ, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm, giảm dần và tiến tới chấm dứt việc xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô.

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

CHIẾN THẮNG HY-RÔN - 40 NĂM NHÌN LẠI

NGUYỄN VIẾT THẢO *

Tháng tư năm nay, nhân dân Cu-ba và các lực lượng cách mạng Mỹ La-tinh cùng bạn bè quốc tế kỷ niệm 40 năm chiến thắng Hy-rôn (19-4-1961 - 19-4-2001). Bốn thập niên đã trôi qua, nhưng với Hy-rôn, huyền thoại về sức mạnh của đế quốc Mỹ đã bị phá sản một cách thảm hại ở ngay "sân sau" của Mỹ. Và địa danh Hy-rôn đã đi vào biên niên sử hiện đại như dấu mốc ghi lại thất bại đầu tiên của đế quốc Mỹ ở Tây bán cầu.

Đã có không ít người từng đặt câu hỏi : Tại sao lại là Hy-rôn, lại là Cu-ba mà không ở nơi khác ?. Nhìn lại lịch sử trong chiều dài của thế kỷ XX, sẽ thấy hiện lên rất rõ cái lô-gíc vận động đã từng chi phối các diễn biến, sự kiện...

Từ khá lâu trước năm 1961 và 1959, chính quyền Mỹ đã nhìn thấy vai trò địa - chiến lược trọng yếu của khu vực Trung Mỹ - Ca-ri-bê. Đây là khu vực đầu cầu quyết định tầm với của tư bản Mỹ xuống thị trường Mỹ La-tinh và quyết định hiệu quả của quá trình thực thi chủ nghĩa Môn-rô (Monroe) : biến toàn bộ châu Mỹ thành sở hữu của người Mỹ. Các nhà chiến lược của Mỹ đã xác định ba điểm cao khống chế ở khu vực đầu cầu Trung Mỹ - Ca-ri-bê là : Cu-ba, Pa-na-ma và Ni-ca-ra-goa. Từ năm 1902 đến năm 1916, thông qua thủ đoạn can thiệp tinh vi, đế quốc Mỹ đã giành quyền khống chế ba điểm cao lợi hại này. Từ đó trở đi, sức mạnh Mỹ dần dần bao phủ xuống khắp khu vực Nam Mỹ mênh mông và giàu có. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, uy lực Mỹ càng trở nên hùng mạnh, tưởng như không gì thách thức nổi !. Ngay ở đất nước Cu-ba, mọi phong trào đấu tranh cách mạng trước và sau 1945 đều bị đế quốc Mỹ và các chính quyền sở tại đẩy vào tình trạng khủng hoảng, thất bại.

Trong bối cảnh ấy, cuộc tiến công pháo đài Môn-ca-đa (26-7-1953) nổ ra như dấu hiệu mở đầu giai đoạn đấu tranh mới của cách mạng giải phóng ở Cu-ba : đấu tranh bằng bạo lực cách mạng dưới sự lãnh đạo của lực lượng chính trị tiền phong vì các mục tiêu độc lập dân tộc, giải phóng lao động, công bằng và tiến bộ xã hội. Sau Môn-ca-đa, là cả một quá trình chuẩn bị, xây dựng lực lượng cách mạng để con tàu Gran-ma rẽ sóng về Đất Mẹ (12-1956) mang theo 82 chiến sĩ triển khai và lãnh đạo cuộc chiến tranh du kích đến thắng lợi cuối cùng (1956 - 1959). Ngày 1-1-1959, cách mạng Cu-ba thành công, chế độ độc tài Ba-ti-xta phản động, thân Mỹ bị lật đổ và chính quyền cách mạng của nhân dân lao động được xác lập. Hệ thống thuộc địa kiểu mới của chủ nghĩa đế quốc bị phá tung một mắt xích chiến lược ở bán cầu tây. Cu-ba trở thành Hòn đảo Tự do đầu tiên ở lục địa châu Mỹ.

Tuy quá trình diễn biến chính trị - xã hội ở Cu-ba trước và ngay sau tháng 1-1959 không bộc lộ tính chất xã hội chủ nghĩa, nhưng chính quyền Mỹ vẫn nhận thấy đây là một cuộc cách mạng thật sự, khác với những gì đã từng xuất hiện ở hòn đảo này trong suốt nửa thế kỷ, từ năm 1902 đến 1959. Để loại trừ "hiểm họa" cho nước Mỹ, Tổng thống D. Ai-xen-hao và Bộ trưởng Ngoại giao A. Đa-lét đã đích thân vạch ra và chỉ đạo một kế hoạch nham hiểm để chống phá cuộc cách mạng non trẻ trên Hòn đảo xanh.

Kế hoạch chống phá cách mạng Cu-ba bao gồm các bước đi, biện pháp, thủ đoạn khá toàn diện từ thấp đến cao : ban đầu là gây sức ép ngoại giao và xuyên tạc tư tưởng ; tiếp đến là phá hoại kinh tế, gây mất ổn định xã hội và âm mưu bạo loạn lật đổ ; cuối cùng là dùng sức mạnh quân sự để đổ bộ, xâm lược. Ngay từ đầu năm 1961, chính quyền Mỹ gửi đến chính phủ các nước Mỹ La-tinh một văn bản trắng trợn vu khống Cu-ba là cho phép Liên Xô xây dựng 17 bệ phóng tên

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

lửa trên lãnh thổ của mình, đe dọa an ninh của toàn bộ châu lục !. Theo sự đạo diễn của Mỹ, hầu hết các nước Mỹ La-tinh trong thành viên Tổ chức các nhà nước châu Mỹ (OEA) lần lượt cắt quan hệ ngoại giao với Cu-ba.

Thủ đoạn cô lập ngoại giao thâm độc được kết hợp chặt chẽ với các thủ đoạn phá hoại kinh tế. Chính quyền Mỹ đơn phương cắt bỏ toàn bộ cô-ta nhập khẩu đường từ Cu-ba để phân phối đặc ân này cho các chính quyền các nước ở Mỹ La-tinh đã tuyên bố cắt quan hệ với Cu-ba sớm nhất. Đồng thời, chính quyền Mỹ cũng quyết định cắt bỏ hoàn toàn cô-ta xuất khẩu linh kiện thay thế cho các thiết bị công nghiệp và cô-ta xuất khẩu xăng dầu sang Cu-ba. Đến tháng 3-1961, lệnh cấm vận thương mại được áp dụng triệt để đối với Cu-ba, ngay cả lương thực và thuốc men cũng nằm trong danh sách hàng hóa cấm buôn bán. Nền kinh tế Cu-ba bị rơi vào tình trạng thiếu thốn, khó khăn rất nghiêm trọng.

Về chính trị, xã hội và an ninh, các biện pháp, thủ đoạn chống phá của Mỹ rất nham hiểm, tàn bạo. Đêm 30-12-1960, rạng sáng ngày 1-1-1961, các lực lượng thù địch được Cục tình báo trung ương Mỹ huấn luyện và chỉ đạo, đã gây vụ nổ lớn ở Trung tâm Thương mại "Thời đại" (La Ha-ba-na). Ngay sau đó, chính quyền Mỹ tuyên bố mở rộng cửa đón nhận tất cả những ai muốn di cư từ Cu-ba sang Mỹ. Đã có, hàng vạn người Cu-ba vượt biển Ca-ri-bê đi tìm "miền đất hứa", trong đó có : địa chủ, tư sản, chính trị gia của chế độ cũ, tội phạm, phần tử bất mãn và cả kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, kỹ thuật viên v.v... Âm mưu của Mỹ là thông qua làn sóng di cư này đẩy Cu-ba vào tình hình rối loạn ; tuyển mộ lực lượng chống phá lâu dài và làm cho Cu-ba khánh kiệt về đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao, kỹ thuật lành nghề.

Từ năm 1960, chính quyền Mỹ đã tập hợp, tổ chức và trang bị cho các lực lượng thù địch phản cách mạng để thực hiện những hoạt động bạo loạn, lật đổ chính quyền Cu-ba. Hàng chục băng nhóm vũ trang phản động đã được lôi kéo về vùng rừng núi Ét-xcăm-bray, tiến công chính quyền địa phương, giết hại giáo viên đang làm nhiệm vụ xóa nạn mù chữ, khủng bố nông dân, công nhân, phá hoại kinh tế... Những hoạt động bạo lực phản cách mạng này, đến năm 1961, được các lực lượng thù địch tiến hành trên diện rộng ở hầu khắp các tỉnh và thành phố của đất nước Cu-ba. Hàng nghìn người con của nhân dân Cu-ba đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến chống bạo loạn, bảo vệ an ninh quốc gia.

Sau những biện pháp, thủ đoạn chống phá về chính trị, ngoại giao, kinh tế, bạo loạn... nêu trên, được xem như bước chuẩn bị và thị uy cần thiết, đế quốc Mỹ và các lực lượng thù địch đã khá yên tâm sử dụng biện pháp cuối cùng là tiến hành đổ bộ, tiến công bằng quân sự để xâm chiếm Cu-ba. Rạng sáng ngày 15-4-1961, hàng chục máy bay bất thần oanh tạc lãnh thổ Cu-ba, nhằm triệt phá những mục tiêu quân sự, trước hết là hệ thống sân bay, cầu cảng. Hai ngày sau, ngày 17-4-1961, hơn 1 200 lính đánh thuê được CIA và Lầu năm góc huấn luyện, trang bị, tổ chức và chỉ huy, đã liều lĩnh đổ bộ lên bãi biển Hy-rôn, nằm ở miền Trung Cu-ba, cách thủ đô La Ha-ba-na khoảng 500 km. Mục đích của Mỹ và các lực lượng phản động là chiếm đóng một vùng lãnh thổ của Cu-ba, tuyên bố thành lập chính phủ mới, kêu gọi sự can thiệp của OEA và quốc tế. Kiểu hành động này của đế quốc Mỹ và tay sai đã từng diễn ra nhiều lần ở "sân sau" Mỹ La-tinh từ đầu thế kỷ XX. Vụ oanh kích ngày 15-4-1961 chỉ là khâu cuối cùng của cả một kịch bản đã được vạch sẵn.

Nhưng đế quốc Mỹ đã mắc sai lầm nghiêm trọng. Chỉ trong vòng hơn 2 năm xây dựng, chính quyền và nhân dân Cu-ba đã tăng cường một cách đáng kể sức mạnh tổng lực của cách mạng. Những chính sách cải cách ruộng đất, cải cách đô thị, quốc hữu hóa các công ty nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của tư bản Mỹ đã phá tung cơ cấu kinh tế lệ thuộc, giải phóng sức sản xuất và tạo ra tiến bộ vượt bậc của nền kinh tế đất nước ngay trong bối cảnh bị bao vây, chống phá. Hàng triệu nông dân và công nhân trở thành người làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ các quá trình kinh tế quốc gia ; hàng triệu nhân dân được xóa nạn mù chữ và được hưởng thành quả của chính sách xã hội tiến bộ do chính quyền cách mạng ban hành. Rõ ràng, cơ sở xã hội của cách mạng đã được mở rộng và củng cố. Trên lĩnh vực chính trị, chính quyền cách mạng đã giải tán triệt để quân đội của chính quyền cũ ; đồng thời, các lực lượng chính trị tiền phong đã hợp nhất lại thành một tổ chức duy nhất lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Lãnh tụ Phi-đen cát-xtơ-rô đã triển khai hàng loạt hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân và tiềm lực quốc phòng. Những tiểu đoàn dân quân tự vệ đã ra đời trên khắp đất nước, biến gần 10 triệu người Cu-ba ngày ấy thành một dân tộc - chiến sĩ trong sắc phục màu xanh ô-liu kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và tự do, phẩm giá của con người.

Digitized by Google

Trong điều kiện bị bao vây, cô lập gắt gao, chính quyền Cu-ba đã nâng tiềm lực quốc phòng của đất nước lên trình độ khá cao. Cuộc diễu binh ngày 2-1-1961 tại Quảng trường Cách mạng (thủ đô La Ha-ba-na) đã tạo ra khí thế và niềm hân hoan lớn cho nhân dân Cu-ba. Lần đầu tiên họ được thấy tận mắt hàng đoàn xe tăng T34 hạng nặng, hàng trăm khẩu ba-dô-ka, pháo 120 mm, đại bác chống tăng và nhiều trang thiết bị, vũ khí hiện đại, tất cả đều được chế tạo tại Liên Xô, Tiệp Khắc và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Từ nay, quân và dân Cu-ba không phải một mình đương đầu với đế quốc Mỹ, mà đã có cả hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới sát cánh trong cuộc đấu tranh chung.

Với sự chuẩn bị lực lượng có hiệu quả cả về vật chất và tinh thần ; cả kinh tế, xã hội và quân sự, chính trị, tư tưởng ; cả trong nước và quan hệ đối ngoại, quân và dân Cu-ba tự tin, bình tĩnh bước vào cuộc chiến đấu với đế quốc Mỹ và tay sai phản động. Trước hơn nửa triệu người tham dự cuộc mít tinh được tổ chức tại Quảng trường Cách mạng ngày 16-4-1961 để truy điệu các liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc không kích của địch ngày hôm trước, lãnh tụ Phi-đen Cát-xtơ-rô đã công khai tuyên bố tính chất xã hội chủ nghĩa của cuộc cách mạng Cu-ba. Toàn bộ biển người ấy hùng dũng khẳng định quyết chiến với kẻ thù trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đúng vào ngày hôm đó, 16-4-1961, các lực lượng vũ trang và dân quân, tự vệ Cu-ba đã được chủ động bố trí ở tất cả các vị trí tác chiến.

Rạng sáng 17-4-1961, thê đội đầu tiên của địch đổ bộ lên bãi biển Hy-rôn, cùng với các thê đội khác ở ngoài khơi và nhiều phi đội máy bay trên trời tạo thành đội hình tiến công nhiều tầng, lớp hòng "ăn sống nuốt tươi" Cu-ba. Nhưng bọn xâm lược đã lầm to. Từ hàng trăm ụ chiến đấu, những người dân Cu-ba đã nổ súng kịp thời, hiệu quả, làm chậm lại kế hoạch tác chiến "chớp nhoáng" của kẻ thù. Rồi các phi đội không quân chiến đấu của Cu-ba, với máy bay và đạn rốc két mà Mỹ đã trang bị cho quân đội Ba-ti-xta trước kia đã dội lửa chia cắt đội hình địch. Đến trưa ngày 17-4, hơn một nửa số tàu chiến Mỹ đã bị đánh chìm và mọi huyết mạch giao thông đến bãi biển Hy-rôn đều bị lực lượng vũ trang Cu-ba phong tỏa. Lực lượng địch trên bờ hoàn toàn rơi vào thế bị bao vây, chia cắt.

Sáng ngày 18-4, 54 bệ pháo phòng không của Cu-ba bất thần nhả đạn, rồi các tiểu đoàn bộ binh được các xe tăng T34 hạng nặng mở đường đồng loạt tiến công, bao vây cứ điểm Hy-rôn. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt và đến chiều ngày 19-4, toàn bộ lực lượng địch đã bị đánh tan. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử kể từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc Mỹ nếm mùi thảm bại ở Cu-ba và Mỹ La-tinh.

Chiến thắng Hy-rôn là nguồn cổ vũ lớn lao đối với phong trào giải phóng dân tộc và đấu tranh chống đế quốc ở khu vực Mỹ La-tinh nói riêng và thế giới thứ ba nói chung. Các tổ chức vũ trang cách mạng được thành lập ở nhiều quốc gia Trung Mỹ, Ca-ri-bê và Nam Mỹ, áp dụng con đường đấu tranh bằng bạo lực chống đế quốc và chính quyền phản động. Khí thế và sinh lực giải phóng mạnh mẽ này đã tạo ra liên tục những cao trào cách mạng ở Mỹ la-tinh trong các thập niên 60 và 70. Các lực lượng du kích cách mạng đã viết thêm nhiều "Hy-rôn" ở En Xan-va-đo, Goa-tê-ma-la, Ni-ca-ra-goa, Grê-na-đa, Chi-lê... Tuy chưa giành được thắng lợi cuối cùng, nhưng họ đã noi theo tấm gương Hy-rôn khẳng định bằng hành động chiến đấu rằng chủ nghĩa đế quốc nhất định sẽ thất bại trước sức mạnh của độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Từ Hy-rôn, nhân dân Cu-ba vừa hiên ngang và thận trọng tiếp tục cuộc chiến đấu để bảo vệ, củng cố và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa. Sau Hy-rôn, đế quốc Mỹ không hề từ bỏ mưu đồ chống phá, tiêu diệt cách mạng Cu-ba, mà còn tăng cường hơn với nhiều âm mưu, thủ đoạn vừa tinh vi, vừa trắng trợn. Chỉ tính riêng chính sách thù địch và cuộc chiến tranh kinh tế của Mỹ trong 40 năm qua đã làm cho Cu-ba thiệt hại hơn 200 tỉ USD ; gần 3 500 người chết và hơn 2 nghìn người bị thương (Theo báo Granma Internacional, 7-1-2001, tr. 10).

Lợi dụng "thời cơ ngàn vàng" do cuộc khủng hoảng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới cuối những năm 80 thế kỷ XX, đế quốc Mỹ điên cuồng xiết chặt bao vây, cấm vận, chống phá nhằm kết thúc chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. Nhưng những âm mưu, hành động đen tối của chúng lại một lần nữa bị thất bại bởi thế và lực của Cu-ba ngày nay trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, tinh thần... đã khác hẳn 40 năm về trước. Chính sách hiếu chiến của đế quốc Mỹ chống phá Cu-ba không thể tránh khỏi thất bại, như đã được lịch sử hơn 40 năm qua hùng hồn khẳng định. Trở về với những năm tháng hào hùng ấy, nhân dân Cu-ba càng tự hào với chiến thắng Hy-rôn, dấu son chói lọi về lòng quả cảm, về ý chí kiên cường của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Cu-ba vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. ❑

Digitized by Google

VỀ TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC NGA *

Năm ngoái, tại thành phố Vô-rô-ne-giơ (Liên bang Nga) đã diễn ra hội nghị của các nhà khoa học Nga với chủ đề **"Nước Nga trước ngã ba đường : chủ nghĩa xã hội hay là chủ nghĩa tư bản ?"**. Có rất nhiều ý kiến khác nhau nêu trong hội nghị. **Tạp chí Đối thoại** số 9-2000 đã đăng bài của PTS triết học Phê-lic Hen-búc tổng thuật hội nghị khoa học đó. Sau đây là tóm lược bài tổng thuật.

I - Chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản ?

Tại hội nghị, nhiều nhà khoa học đã tập trung luận chứng cho việc nước Nga sẽ chỉ có thể phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, khẳng định ưu thế của con đường này trước con đường phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, đưa ra những đánh giá về quá khứ Xô viết, về nguyên nhân, mức độ đổ vỡ những thành quả của chủ nghĩa xã hội và triển vọng tái thiết chúng, về diện mạo của nước Nga trong tương lai.

Ông V. G. Bu-khô-nốp hoàn toàn đúng khi đưa ra nhận xét rằng nhiều người mới ngày hôm qua còn không ngớt lời ngợi ca chủ nghĩa xã hội, ấy vậy mà hôm nay đã sa ngã vào hàng ngũ những kẻ trơ tráo phỉ báng nó. Phải chăng, theo ông Bu-khô-nốp, tốt hơn cả là chúng ta cùng phải nghiên cứu sâu hơn nữa vấn đề : chủ nghĩa xã hội là gì ? Ông đã dẫn quan điểm của "các nhà khoa học nghiêm túc" về khái niệm "chủ nghĩa xã hội". Theo quan điểm này, "chủ nghĩa xã hội" được hiểu như sau :

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội là ý tưởng về một xã hội tốt đẹp nhất, về sự ngự trị của công bằng, hòa bình và phồn vinh. Mơ ước đó dần dần trở thành tư tưởng, thành luận thuyết, thành khoa học. Dù có những thất bại trong quá trình đưa lý luận này vào thực tiễn, song lý luận này vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Sức hấp dẫn của nó ngày càng lớn lên cùng với sự gia tăng của những khối ung nhọt trong xã hội tư bản.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội là một trào lưu chính trị bảo vệ con người. Trên thế giới hiện có hơn 50 đảng xã hội chủ nghĩa với hàng triệu đảng viên. Nhiều đảng xã hội chủ nghĩa đã và đang trở thành đảng cầm quyền.

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội là lối sống dựa trên chủ nghĩa tập thể.

Thứ tư, chủ nghĩa xã hội là phương thức sản xuất dựa trên chế độ công hữu.

Xuất phát từ quan niệm như trên, ông Bu-khô-nốp cho rằng những gắng gượng nóng vội muốn biến một chế độ công hữu còn đang trong tình trạng mỏng manh, yếu kém thành nền tảng của những quan hệ sản xuất mới là một nguyên nhân cắt nghĩa sự sụp đổ của mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, ông cũng cho rằng mô hình này không phải đã bị đổ vỡ hoàn toàn. Còn rất nhiều hình thức hoạt động sống của nó vẫn sống động không chỉ ở Nga, mà còn ở nhiều nơi khác trên thế giới. Với tư cách là một lý luận, là lối sống, là trào lưu chính trị, thì chủ nghĩa xã hội không hề thất bại. Ngược lại, thế giới này ngày càng xã hội chủ nghĩa hóa. Một nền văn minh mới của nhân loại đang hình thành. Chủ nghĩa xã hội là tương lai của nước Nga.

Một ý kiến khác tỏ rõ sự kiên định con đường phát triển xã hội chủ nghĩa ở nước Nga là của ông P. M. Ca-ma-lốp. Theo ông nước Nga phải trở về với con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, bởi vì :

Thứ nhất, nếu không như thế thì không thay đổi được bản chất giai cấp của nhà nước. Chính quyền hiện nay không vì lợi ích của nhân dân mà chủ yếu là phục vụ cho tầng lớp giàu có.

Thứ hai, không "tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa lần thứ hai", nước Nga không bao giờ giành lại được những gì đã bị đánh cắp và bị chuyển ra nước ngoài trong suốt những năm "cải tổ". Giành lại và đầu tư những gì bị tước đoạt vào phát triển nền kinh tế đất nước chỉ có thể được thực hiện bởi một sức mạnh, đó là nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, không có kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa thì không thể thực hiện việc phân phối lại các nguồn lực vật chất và tài chính.

Thứ tư, không có chủ nghĩa xã hội sẽ không thể kiểm soát được các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện đang nằm trong tay các công ty tư nhân và bị vận chuyển tự do ra nước ngoài. Lợi nhuận chỉ làm đầy túi tham của

* Nguồn : Tạp chí *Đối thoại* (Nga) số 9-2000

Digitized by Google

một số người. Chỉ có nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có thể quốc hữu hóa và sử dụng những nguồn tài nguyên đó vào việc phục vụ toàn xã hội.

Thứ năm, chỉ trở về với chủ nghĩa xã hội mới thay đổi được giới chính trị hiện nay.

Thực tế cho thấy chủ nghĩa tư bản đã không mang lại hạnh phúc và sự phồn vinh cho nước Nga cả trước kia lẫn bây giờ. Rũ bỏ mọi xiềng xích của chủ nghĩa tư bản - đó là sứ mệnh lịch sử của nước Nga trong thế kỷ mới.

Sự suy đồi về đạo đức và tinh thần của chế độ tư bản, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực văn hóa và đạo đức là những vấn đề mà không một ý kiến phát biểu nào tại hội nghị có thể phủ nhận. Ông V. P. Phê-chi-xốp cho rằng "phải trở lại với tư tưởng cộng sản chủ nghĩa".

Tiếp theo ý kiến trên, bà A. N. Si-mi-na nhấn mạnh : "Quá trình tư bản hóa nước Nga đã dẫn đến tình trạng suy đồi đạo đức và sự hoành hành của những hiện tượng phi đạo đức đi ngược và truyền thống dân tộc Nga...

Tuổi thọ, chất lượng cuộc sống giảm, số lượng trẻ cơ nhỡ, tình trạng bệnh tật gia tăng do những nguyên nhân xã hội... Tất cả những hiện thực đó là hậu quả của một xã hội được tổ chức theo những quy luật của chủ nghĩa tư bản".

Theo ông N. I. Mác-tư-nhen-cô, nền văn minh phương Tây dựa trên các nguyên tắc của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tiêu dùng và phi đạo đức, hoàn toàn không thể có triển vọng. Tương lai sẽ thuộc về chế độ xã hội kiểu cộng sản chủ nghĩa. Chế độ xã hội đó, theo tác giả bài tổng thuật, chính là chủ nghĩa xã hội. Vấn đề không chỉ ở chỗ C. Mác và V. I. Lê-nin đã gọi chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Vị thế lịch sử của chủ nghĩa xã hội được thực tế khách quan khẳng định và do những xu thế phát triển khách quan về vật chất và tinh thần của xã hội quyết định.

II - Ảo tưởng về sự hội tụ

Tại hội nghị khoa học này cũng có không ít ý kiến ảo tưởng về sự hội tụ của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Ông V. I. Áp-đê-ép cho rằng nước Nga sẽ phát triển theo hướng kết hợp chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Theo ông Áp-đê-ép : "... thực tiễn lịch sử đã cho thấy cả những mặt tích cực của chế độ tư hữu (quyền tự do, chủ động, sáng tạo...) cùng những khuyết tật của nó (tính tự phát, chuyên quyền độc đoán, chủ nghĩa vị kỷ, sự bất bình đẳng trong phân phối của cải...), cả những ưu việt của chủ nghĩa xã hội (sản xuất có kế hoạch, ý nghĩa xã hội của lao động được đề cao...) cùng với những hạn chế của nó (lao động trên thực tế tồn tại với tư cách chỉ là hoạt động phụ mang tính kỹ thuật của sở hữu nhà nước, nền sản xuất chưa phát triển tới hình thức xã hội chủ nghĩa triệt để...).

Chúng ta không phủ nhận những hạn chế của chủ nghĩa xã hội mà Áp-đê-ép chỉ ra. Song, không thể coi những hạn chế đó thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó là những hạn chế của một mô hình cụ thể chưa hoàn thiện đã từng tồn tại ở Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác dưới cái tên "chủ nghĩa xã hội hiện thực".

Sau khi dẫn ra kinh nghiệm Thụy Điển - một nước mà người ta có thể gọi là "chủ nghĩa xã hội kiểu Thụy Điển" hoặc là "chủ nghĩa tư bản nhân dân kiểu Thụy Điển", đồng thời cả kinh nghiệm của Trung Quốc - đất nước biết kết hợp việc ứng dụng các nguyên tắc của chủ nghĩa tư bản (thị trường) trong kinh tế với việc xây dựng khu vực kinh tế nhà nước lớn mạnh, áp dụng những biện pháp điều tiết của nhà nước mang tính hành chính, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bà A. V. Glu-khô-va đã kết luận : "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội và nhà nước dân chủ phúc lợi chung là các hình thức tổ chức hoạt động xã hội mang tính tổng hợp... Các cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội nhân dân và chủ nghĩa tư bản nhân dân rất gần nhau về nội dung và hoàn toàn không thể loại trừ khả năng đối thoại có tính khả quan giữa đại diện của hai chế độ đó".

Những ảo tưởng về sự hội tụ của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên đây đã bị phê phán gay gắt tại hội nghị. Ông X. V. Pô-pốp nhấn mạnh rằng, những ý định muốn kết hợp chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội, gán cho chủ nghĩa tư bản những ưu việt của chủ nghĩa xã hội và tạo ra một mô hình chủ nghĩa xã hội thị trường là điều không thể thực hiện được. Ông Pô-pốp nhận định : "Trong lịch sử chưa từng diễn ra điều tương tự như thế. Ngay cả "nhà nước phúc lợi", "mô hình Thụy Điển", ngoài một vài điểm giống nhau về hình thức bên ngoài (nếu chỉ hiểu bản chất của chủ nghĩa xã hội một cách rất giản đơn) cũng không có điểm tương đồng nào là bản chất với chủ nghĩa xã hội...".

"Nền kinh tế định hướng xã hội" mà giới cầm quyền ở các nước tư bản phát triển buộc phải chấp nhận để nhằm hạn chế những xung đột xã hội gay gắt, được tạo nên nhờ sự vơ vét, bóc lột của "các tỉ phú vàng" đối với bộ phận nghèo khổ, nửa cùng quẫn còn lại của nhân loại. Trong khi đó nền tảng căn bản của chế độ tư bản chẳng hề thay đổi : vẫn là sự thống trị của chế độ tư hữu, quyền lực vẫn nằm trong tay giới chóp bu đầu sỏ chứ không phải thuộc về nhân dân lao động. Trong lĩnh vực tinh thần ở các nước tư bản, khác với chế độ xã hội chủ nghĩa, sự tăng trưởng kinh tế luôn gắn liền với sự suy thoái về văn hóa và đạo đức.

Digitized by Google

III - Về "chủ nghĩa xã hội kiểu Nga"

Một vài phát biểu tại hội nghị còn đưa ra đề xuất về mô hình "chủ nghĩa xã hội kiểu Nga", gắn mô hình này với những đặc điểm về xã hội và tâm lý dân tộc, với những cội nguồn tinh thần của nền văn minh Nga, với cơ đốc giáo, với lịch sử tư tưởng xã hội ở Nga. Chẳng hạn, ông V. V. Va-ra-va cho rằng : yếu tố cơ bản để hiểu chủ nghĩa xã hội là điểm tương đồng rất lớn giữa chủ nghĩa xã hội và Cơ đốc giáo. Trích lời của một vài nhà triết học tôn giáo Nga, như : "Kinh Phúc âm - học thuyết xã hội chủ nghĩa" (Ác-xa-cốp) ; "chủ nghĩa xã hội - đó là sự thực hiện đạo đức Cơ đốc giáo" (V. Xô-lô-vi-ép) ; "chủ nghĩa xã hội là Cơ đốc giáo không Chúa" (I-đơ-go-ép)... Ông Va-ra-va mường tượng rằng đặc điểm và triển vọng của "chủ nghĩa xã hội kiểu Nga" gắn liền với việc kết hợp nó với Cơ đốc giáo. Trong sự kết hợp đó, Cơ đốc giáo giữ vai trò chủ đạo.

Chúng ta không chấp nhận quan điểm của ông Va-ra-va về mô hình "chủ nghĩa xã hội kiểu Nga" như vậy. Nhưng chúng ta trân trọng ông vì ông vẫn đứng về phía những người đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Ông không cổ xúy cho chế độ tư bản và quá trình cải cách theo hướng tư bản chủ nghĩa hiện nay ở nước Nga. So sánh quá khứ Xô viết với hiện thực hậu Xô viết, ông Va-ra-va nhấn mạnh : "... Thời kỳ Xô viết đã đi vào lịch sử nước Nga như một kinh nghiệm, dẫu đó là kinh nghiệm bi đát... Nhưng lý tưởng xã hội chủ nghĩa không xa lạ với nước Nga. Nó đã và sẽ được cổ vũ mạnh mẽ... Điều chủ yếu nhất là ngăn chặn sự công kích, phê phán chủ nghĩa xã hội theo luận điệu của chủ nghĩa tư bản dân chủ phương Tây".

Chúng ta không đồng tình với những ý kiến bi quan về vận mệnh của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XXI. Việc phục hồi lại chủ nghĩa tư bản ở nước Nga không phải là điều không thể đảo ngược. Những tư tưởng về chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội đã được tẩy sạch khỏi chủ nghĩa giáo điều và được làm giàu thêm một cách sáng tạo qua việc tổng kết thực tiễn phát triển của nước Nga và thế giới, sẽ trở thành cơ sở lý luận cho việc tái thiết một chế độ xã hội chủ nghĩa đích thực phù hợp với quan điểm Mác - Lê-nin về bản chất của chế độ này. Chúng ta tin tưởng chắc chắn vào việc xác định đúng đắn con đường phát triển của nước Nga như trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Liên bang Nga : Các lực lượng của chủ nghĩa xã hội không thể bị khuất phục. Họ phải bước ra khỏi cuộc khủng hoảng. Nước Nga sẽ trở thành một nước xã hội chủ nghĩa vĩ đại.

NGUYỄN TIẾN NGHĨA
(lược dịch)

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 52)

Tập trung phát triển rộng rãi công nghiệp nhỏ ở quy mô hộ gia đình, bán cơ khí để sơ chế tại chỗ tiến lên công đoạn tinh chế như : chế biến cà phê, cao su, dầu thực vật, thịt hộp, gỗ, trái cây... Tổ chức lại sản xuất ở nông thôn theo hướng gắn công nghiệp với nông nghiệp, dịch vụ, gắn sản xuất với lưu thông, phân công hợp tác, liên kết giữa các ngành, các cụm gia đình, giữa các làng hoặc các xã trong vùng.

Chế biến gắn liền với bảo quản thực phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, hạn chế hao hụt và nạn "mất mùa" trong kho, trong nhà, một hiện tượng gây tổn thất khó thấy. Theo đánh giá của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), hao hụt lương thực ở các nước đang phát triển sau thu hoạch là 15 - 30%. Ở Lào mức hao hụt, đối với lúa là 10%, hoa màu là 20%. Vì vậy, phải coi chế biến nông sản, thực phẩm là khâu trọng tâm của phát triển công nghiệp ở nông thôn Lào. Mặt khác, nếu để tiếp tục kéo dài tình trạng xuất khẩu sản phẩm thô thì hiệu quả kinh tế đạt được sẽ rất thấp, không tạo được việc làm để thu hút lao động nông thôn dư thừa, khiến họ không thoát khỏi tình cảnh đói nghèo. Công nghiệp chế biến thúc đẩy phát triển nông nghiệp ; nông nghiệp cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định để công nghiệp phát triển. Mối quan hệ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm cho thị trường nông thôn có điều kiện phát triển cao hơn.

Ngoài ra cần thực hiện chính sách tích lũy, tiêu dùng hợp lý, động viên toàn dân tiết kiệm để đầu tư, khuyến khích các nhà kinh doanh từ thành phố về nông thôn lập nghiệp, cùng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến và khuyến khích các nhà tư bản nước ngoài đầu tư trực tiếp vào việc phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản dưới mọi hình thức. Sắp xếp lại hệ thống công nghiệp chế biến nông, lâm sản hiện có, loại bỏ những cơ sở chế biến lạc hậu, hiệu quả thấp, có chính sách ưu đãi những đơn vị chế biến mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại, để chế biến những mặt hàng có nguồn nông sản nguyên liệu lớn và giá trị xuất khẩu cao.❑

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ14

08 PHẠM NGỌC THẠCH, Q.3, TP. HỒ CHÍ MINH - TEL : 8290039 - 8256391 - FAX : 8293714

C.C.14

Công ty Xây dựng số 14 là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng chuyên ngành xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Với quá trình hoạt động 20 năm liên tục, công ty đã tham gia thực hiện trên khắp mọi miền đất nước, những dự án có quy mô vừa và lớn như : Nhà máy Xi măng Hà Tiên, nhiệt điện Hiệp Phước, bột ngọt VEDAN... Những công trình cao tầng như Ocean Place, Diamond Plaza, Landmark, Nha Trang Lodge Hotel, chung cư 18 tầng...

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của công ty gồm 135 thạc sỹ, kỹ sư xây dựng, 45 cử nhân kinh tế và trên 140 cán bộ chuyên viên là đội ngũ có năng lực, giàu kinh nghiệm luôn luôn được ủng hộ, đào tạo và phát triển theo đà phát triển công nghệ, quản lý tiên tiến của khu vực. Lực lượng công nhân được đào tạo lành nghề đa dạng, thích ứng với mọi nhu cầu chủ đầu tư.

Công ty đặc biệt chú trọng công tác đầu tư mới công nghệ, trang thiết bị xe máy. Hiện nay, công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu đầu tư nhiều thiết bị hiện đại đảm bảo phục vụ thi công các công trình ngầm, công trình cao tầng, công trình có tính kỹ thuật cao, phức tạp ở mọi địa hình.



UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ
LÀ ĐỘNG LỰC VÀ NỀN TẢNG CHO SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Digitized by Google

CÔNG TY
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG CÔNG TY : **Lầu 5 số 22 Lý Tự Trọng, Quận I, TP. Hồ Chí Minh**
Điện thoại : (84.8) 8296620 –8225373 –8223484. Fax : (84.8) 8243166 . E-mail : sochem@hcm.vnn.vn
Giám đốc Công ty : Kỹ sư NGUYỄN ĐỖ KỲ

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC : ***Nhà máy Hóa chất Biên Hòa ; Nhà máy Hóa chất Tân Bình ; Nhà máy Hóa chất Đồng Nai ; Xưởng Nghiên cứu thực nghiệm Thủ Đức ; Mỏ khai thác Bôxít Thị xã Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng***

CÁC SẢN PHẨM DO CÔNG TY SẢN XUẤT BAO GỒM CÁC HÓA CHẤT VÔ CƠ CƠ BẢN, ĐƯỢC CUNG CẤP RỘNG RÃI TRONG CẢ NƯỚC VÀ XUẤT KHẨU :

1. Các hóa chất vô cơ cơ bản :

- Xút 31,5% NaOH (theo công nghệ màng Membrane)
- Clo lỏng 99,5% Cl_2
- Axít Clohydric kỹ thuật 31,5% HCL
- Axít Sunfuaric kỹ thuật 97% H_2SO_4
- Axít Phốt phoric kỹ thuật 85% H_3PO_4
- Nhôm Hydroxit $Al(OH)^3$: 62% Al_2O_3

2. Các hóa chất chất lượng cao :
(dùng trong phân tích, điện tử)

- Muối Natri clorua tinh 99% NaCl
- Axít Clohydric tinh khiết 31% HCL
- Axít Sunfuaric tinh khiết 96 - 98% H_2SO_4

3. Các hóa chất xử lý nước :

- Clo lỏng 99,5% Cl_2
- Phèn nhôm sunfat loại 15% AL_2O_3 và loại 17% Al_2O_3
- Phèn nhôm kali/amôn sunfat 10,3% Al_2O_3

4. Các hóa chất dùng tẩy trắng và sát trùng nước :

- Bột tẩy 30% Clo hữu hiệu
- Nước javel loại 80g/l Clo hữu hiệu và loại 120g/l Clo hữu hiệu
- Dịch tẩy Canxi hypoclorit 35 g/l Clo hữu hiệu

5. Các loại muối ăn và muối clorua :

- Muối xay 95% NaCl
- Canxi clorua 95% $CaCl_2.2H_2O$
- Magiê clorua $MgCl_2.6H_2O$
- Sắt III Clorua 42 - 45% $FeCl_3$

6. Các muối sunfat : (phân bón vi lượng, thức ăn gia súc, xử lý nước...)

- Kẽm sunfat 98% $ZnSO_4.7H_2O$
- Magiê sunfat 98% $MgSO_4.7H_2O$
- Mangan sunfat 98% $MnSO_4.5H_2O$
- Sắt II sunfat 98% $FeSO_4.7H_2O$

7. Các muối phốt phát : (phân bón vi lượng)

- Kali dihydro phốt phát 98% KH_2PO_4
- Natri phốt phát 98% $Na_3PO_4.12H_2O$
- Natri hydro phốt phát 98% $Na_2HPO_4.12H_2O$
- Mono amôn phốt phát 98% NH_4HPO_4

8. Các muối sunfua và poly sunfua :

- Natri sunfit 92% $Na_2SO_3.7H_2O$
- Natri bisunfit chứa 22,5% SO_2
- Natri pyrosunfit 93% $Na_2S_2O_5$
- Natri thiosunfat 98 - 99% $Na_2S_2O_3$

9. Các sản phẩm khác :

- Quặng bôxit tuyển 47-49% Al_2O_3
- Natri silicat dạng lỏng có modun (tỷ lệ) silic 2,3- 2,5
- Nước amôniac NH_4OH 18 - 22 độ Bômê
- Amôn Clorua tinh 99% NH_4Cl
- Can nhựa 23 lít

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

Địa chỉ : Sân bay quốc tế Nội Bài –Hà Nội.
Điện thoại : 04-8865052, 04-8843378 / Fax : (84-4) 8865555

* CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH :

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe chuyên dụng, xe buýt, taxi.
- Kinh doanh thương mại, ăn uống
- Kinh doanh hàng miễn thuế
- Kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn
- Phục vụ khách VIP, khách F & C, kinh doanh dịch vụ làm sạch, điện dân dụng, điện lạnh.
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ giao nhận hàng hóa ủy thác, chuyển phát nhanh trong ngày.



Phòng phục vụ hành khách hạng VIP



Phục vụ hành khách tại quầy ăn nhanh



Phòng khách sạn quá cảnh sân bay Nội Bài



Kinh doanh hàng miễn thuế



Vận chuyển hành khách bằng phương tiện taxi



Đại lý bán vé máy bay

* CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN :

* Xí nghiệp vận tải ô tô hàng không Nội Bài

* Xí nghiệp thương mại hàng không Nội Bài

* Xí nghiệp dịch vụ du lịch - khách sạn hàng không Nội Bài

* Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp hàng không Nội Bài

* Phòng kinh doanh hàng miễn thuế

* Trung tâm dịch vụ vận tải hàng không Nội Bài.

Digitized by Google

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CÔNG TY CƠ KHÍ Ô TÔ - 1 - 5

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐỊA CHỈ : KM 15 - QUỐC LỘ 3 - THỊ TRẤN ĐÔNG ANH - HÀ NỘI

TEL : (04) 8843254 - 8835148 - 8835159 - FAX : - 84-4 8834115 - 8832332

GIÁM ĐỐC : TRẦN VĂN ANH

Nhiệm vụ : THIẾT KẾ CHẾ TẠO THIẾT BỊ MÁY THI CÔNG, SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM KẾT CẤU THÉP, LẮP RÁP ĐÓNG MỚI Ô TÔ - CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ KHÁC.



Trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất 80 - 104 T/Hr

Asphalt mixing plant 80 ' 104 T/Hr



Ô tô Buyt Huyndai County gold 30 ghế

The 30 - seat Huyndai County-gold Bus

CÔNG TY CƠ KHÍ Ô TÔ 1 - 5 – 45 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cơ khí ô tô 1 - 5 thuộc Tổng Công ty cơ khí GTVT là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập 1 - 5 - 1956. Thành lập lại theo quyết định 388 tại QĐ 1048/QĐ-TTCB LĐ ngày 27/5/1993. Tiền thân là xưởng ô tô AVIA có từ thời Pháp thuộc, trụ sở tại 18 - Phan Chu Trinh - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. CBCNV Công ty hăng say lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm làm lợi nhiều cho Nhà nước. Công ty liên tục là đơn vị dẫn đầu của lực lượng dân quân tự vệ Thành phố Hà Nội. Hàng trăm cán bộ và công nhân Công ty đã hăng hái lên đường nhập ngũ và nhiều người trong số họ đã anh dũng hy sinh. Đặc biệt cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề của Công ty đã phối hợp với lực lượng cán bộ kỹ thuật của Tổng cục hậu cần sản xuất thành công chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu "Chiến thắng" phục vụ công việc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Tháng 8/1978 để đặt nền móng và phát triển ngành công nghiệp ô tô. Chính phủ và Bộ GTVT đã quyết định di chuyển Công ty từ 18 Phan Chu Trinh sang xã Nguyên Khê - Đông Anh - Hà Nội.

Trong thời kỳ đổi mới, sống và làm việc trong một tập thể giầu truyền thống Cách mạng. CB CNV Công ty đã tích cực hưởng ứng công cuộc đổi mới đất nước do Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam khởi xướng.

Công ty cơ khí ô tô 1 - 5 là đơn vị đi đầu của ngành cơ khí GTVT về năng suất, chất lượng hiệu quả kinh tế xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của ngành GTVT và đất nước. Nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường, Công ty đã lắp ráp thành công hàng trăm xe ô tô các loại (Trung Quốc - Ru Ma Ni. ..) dạng CKD, IKĐ với chất lượng tốt, giá thành lại rẻ. Tiết kiệm được nhiều ngoại tệ cho đất nước. Công ty còn mở rộng thêm nhiệm vụ sản xuất các thiết bị máy móc phục vụ cho thi công đường bộ như trạm trộn bê tông nhựa nóng. Trạm trộn cấp phối, Lu bánh thép - bánh lốp. Trạm nghiền sàng đá - sản xuất cột điện cho đường điện cao áp Bắc Nam.

Chỉ trong 5 năm trở lại đây, Công ty đã sản xuất gần 60 trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất từ 25 T/h đến 104 T/h. 30 trạm trộn cấp phối, 30 xe lu các loại, 5 trạm thu phí đường lộ, 4 cầu thép... Máy móc thiết bị do Công ty chế tạo tương đương với thiết bị cùng loại của Hàn Quốc. Trong khi đó giá thành chỉ bằng 60% giá nhập khẩu nên được thị trường chấp nhận. Nhờ đó mà đời sống của CB CNV không ngừng được nâng cao (năm 2000 thu nhập bình quân cho 1 công nhân là 1.050.000 đ/tháng).

Về tổ chức Đảng và chính trị xã hội : Công ty có 52 Đảng viên, 310 đoàn viên và đội ngũ 50 người có trình độ Đại học. Bên cạnh đó Công ty vẫn không ngừng đào tạo nâng cao cũng như bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho CB CNV (Công ty đã chi phí 240 triệu cho công tác đào tạo lại CNV).

Trong 45 năm xây dựng và phát triển Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng :

1 Huân chương lao động hạng nhất

2 Huân chương lao động hạng nhì

5 Huân chương lao động hạng ba

Và một niềm vui lớn đối với Đảng bộ CNVC Công ty trong thời kỳ đổi mới đất nước, Công ty được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao Động.

BỘ CÔNG NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

CÔNG TY CƠ KHÍ HÀ NỘI

Địa chỉ : 24 Đường Nguyễn Trãi - **Quận Thanh Xuân - Hà Nội**

Điện thoại : 84-4-8584416 - 8584354 FAX : 84-4-8583268



NĂNG LỰC THIẾT KẾ VÀ CHẾ TẠO THIẾT BỊ, MÁY MÓC :

* Đúc được các sản phẩm gang nặng tới 12.000kg/ 1 chi tiết, thép nặng tới 6000kg/1 chi tiết.
* Đúc chính xác các sản phẩm bằng các mác hợp kim phức tạp.
* Tiện, mài các chi tiết có chiều dài 12.000mm, đường kính 6300mm, trọng lượng 40 tấn.
* Đã chế tạo và lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn có kích thước siêu trường, siêu trọng, đường kính 14000mm dài 35.000mm nặng tới 160 tấn.
* Ứng dụng các hệ thống điều khiển tự động CNC cho máy công cụ và thiết bị công nghiệp, ứng dụng công nghệ CAD/CAM CNC đểgia công, chế tạo các sản phẩm có độ phức tạp cao như khuôn mẫu, định hình...
* Xưởng kết cấu thép với năng lực chế tạo 12.000 tấn/năm có các thiết bị hàn tự động hiện đại của ESAB (Thụy Điển), máy lốc tôn dày 25mm x 3.000mm, máy cắt tôn dày 25cm x 2000mm.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

* Chế tạo máy tiện, máy phay, máy bào, máy khoan thiết bị công nghiệp và các phụ tùng thay thế cho các ngành kinh tế, thiết kế, chế tạo và lắp đặt các máy lẻ, dây chuyền thiết bị đồng bộ và dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghiệp.
* Chế tạo thiết bị nâng hạ, cân điện tử 60 ± 10 kg; các thiết bị áp lực cao.
* Sản phẩm đúc, rèn thép cán.
* Xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị.

CÁC SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

* Sản phẩm truyền thống các loại máy tiện vạn năng T18A, T14L T630A x 3000, máy bào ngang vạn năng B365, máy khoan cần vạn năng K525 K612, máy tiện chuyên dùng hiện đại T18ACNC, máy tiện sứ chuyên dùng CNC...
* Đúc gang, thép...
* Thép cán xây dựng các loại.
* Các loại bơm nước từ 2500 - 36.000m3/h, bơm nước dân dụng B125 (125w)
* Thiết bị năng lượng (các trạm thủy điện công suất từ 500 - 1.500KVA); các thiết bị cho nhà máy xi măng công suất từ 4 - 12 vạn tấn/năm, sản xuất các thiết bị cho ngành giao thông, thủy lợi, chế biến cao su, khai thác mỏ, tuyển quặng, dầu khí...
* Công ty đã được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO - 9002.
* Năm 2001 sẽ đưa dây chuyền đúc có công suất 12.000 tấn/năm với công nghệ đúc FU Ran, cát tươi tiên tiến nhất Việt Nam hiện nay vào sản xuất.

SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI

HANOI CONSTRUCTION COMPANY NO.1

TRỤ SỞ : SỐ 2 TÔN THẤT TÙNG - HÀ NỘI

Tel : 8.532196 Fax : 84.4.8520978

Công ty xây dựng số 1 là một doanh nghiệp Nhà nước hạng 1. Với kinh nghiệm 28 năm trong ngành XD với đội ngũ hàng ngàn cán bộ công nhân viên bao gồm các kỹ sư, kiến trúc sư, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề. Công ty đã và đang tham gia xây dựng trên các lĩnh vực xây dựng dân dụng, nhà ở, công trình văn hóa công cộng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, xuất khẩu lao động, kinh doanh XNK thiết bị máy móc.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng các công trình nhà ở, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp.
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, công trình xây lắp điện, đường dây và trạm biến thế đến 35kw.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước.
- Kinh doanh nhà.
- Lập, quản lý và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản để phát triển các khu đô thị, khu phố mới và các công trình đô thị. Liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển sản xuất.
- Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án, lĩnh vực đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng.
- Xuất khẩu lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, máy móc chuyên ngành xây dựng, thể dục thể thao vui chơi giải trí.
- Xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ các công trình thể dục thể thao, vui chơi giải trí.





Chợ Đồng Xuân. Công trình được tặng Huy chương vàng về chất lượng

Digitized by Google

PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

PETROLEUM MECHANICAL STOCK COMPANY

Địa chỉ : 446 Nơ Trang Long - Q. Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam
Điện thoại : (0.8) 8432325 - 8433597. Fax : (0.8) 8432329
E-mail : pmsckd@hcm.fpt.vn http://www.cokhixangdau.com

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH

* Sản xuất thùng phuy thép 200 lít và thùng 18 lit, 20 lít, 25 lít chứa đựng : Xăng dầu, hóa chất, sơn, dầu thực vật...
* Sản xuất, lắp đặt các loại bồn bể, ôtô xitéc chứa đựng và vận chuyển xăng dầu, hóa chất, nhựa đường nóng lỏng. Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và xe chữa cháy.
* Làm đại lý xăng dầu. Xây dựng các cửa hàng bán lẻ, các kho xăng dầu. Thiết kế chế tạo khung nhà kho, nhà xưởng bằng thép có khẩu độ theo yêu cầu của khách hàng.
* Xuất nhập khẩu ; kinh doanh, sửa chữa các thiết bị phục vụ chuyên ngành xăng dầu.

MANUFACTURING AND TRADING

** Manufacturing steel drums of 200 litres and pails of 18, 20, 25 litres for containing petroleum products, chemicals, paint, edible oil...*

** Manufacturing, assembling various tanks and vehicles for petroleum, chemicals, hot bitumen transportation. Building, repairing ships, barges and fire engines.*

** Gas agent. Building fuel retail sale stands, petroleum warehouses. Designing, manufacturing warehouse frames, steel premises with aperture at customer's request.*

** Import - export. Trading, maintaining specialized equipment used in petroleum industry.*



* Xe bồn vận chuyển nhựa đường nóng lỏng, dung tích 10.000 lít.

– Quy cách : 1.600 x 5.500 x 5 mm. Hệ thống bảo ôn: bằng bông thủy tinh dày 100 mm. Xuất nhựa đường nóng lỏng bằng bơm khí nén với lưu lượng 1.800 lít/phút. Hệ thống gia nhiệt dọc bồn bằng gas.

** Tank truck for carrying hot asphalt with capacity of 10,000 litres.*

- Dimension : 1,600 x 5,500 x 5mm. Temperature insulation system : made of glass fibre (thickness : 100 mm). Temperature stabilized by gas. Asphalt pumped out by air - pressure with the flow of 1,800 litres/minute.



* Công ty đã đầu tư một dây chuyền sản xuất thùng 18, 20, 25 lít hiện đại do hãng Sargiani (Ý) chế tạo có công suất 700 thùng/giờ. Thùng được sản xuất theo công nghệ tiên tiến, đạt tiêu chuẩn Quốc tế. Thùng được in theo logo của khách hàng trên dây chuyền in tự động của Đức.

** The Company put in operation a new production line of 18, 20, 25 litre pails, made by Sargiani (Italy) with output of 700 units/hour. The pails are produced according to advanced technology, meeting the international norms and are printed with the customers' logo on the automatic printing machines from Germany.*

Digitized by Google

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT & ĐẦU TƯ PETEC

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG













HÀ NỘI

HẢI PHÒNG

ĐÀ NẴNG

LÂM ĐỒNG

TP. HỒ CHÍ MINH

VŨNG TÀU

LONG AN

CẦN THƠ

MOSCOW

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ CUNG CẤP CÁC LOẠI HÀNG HÓA :

- Sản phẩm dầu mỏ TCVN chất lượng cao: xăng A92. A83, dầu FO, DO, dầu hỏa, dầu mỡ nhờn...
- Hàng nông lâm sản : Cà phê, cao su, gạo, trà...
- Hàng thủy hải sản.
- Máy móc, phương tiện thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất .

ĐẦU TƯ LIÊN KẾT TRONG LĨNH VỰC :

- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải.
- Hệ thống bán lẻ xăng dầu.
- Chế biến hàng hóa xuất khẩu.

TRỤ SỞ CHÍNH :
194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA,
Quận 3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : (08) 9303299/9303633/9303984
9303524/9304136/9304438
Fax : (08) 9305686/9305991
E-mail : Petectonghop @ hcm.vnn.vn

CÁC CHI NHÁNH, XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC PETEC

S130

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

LAM THAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY

ĐƠN VỊ 3 LẦN ANH HÙNG













Chào Thiên Niên Kỷ Mới

Xuân Tân Tỵ 2001



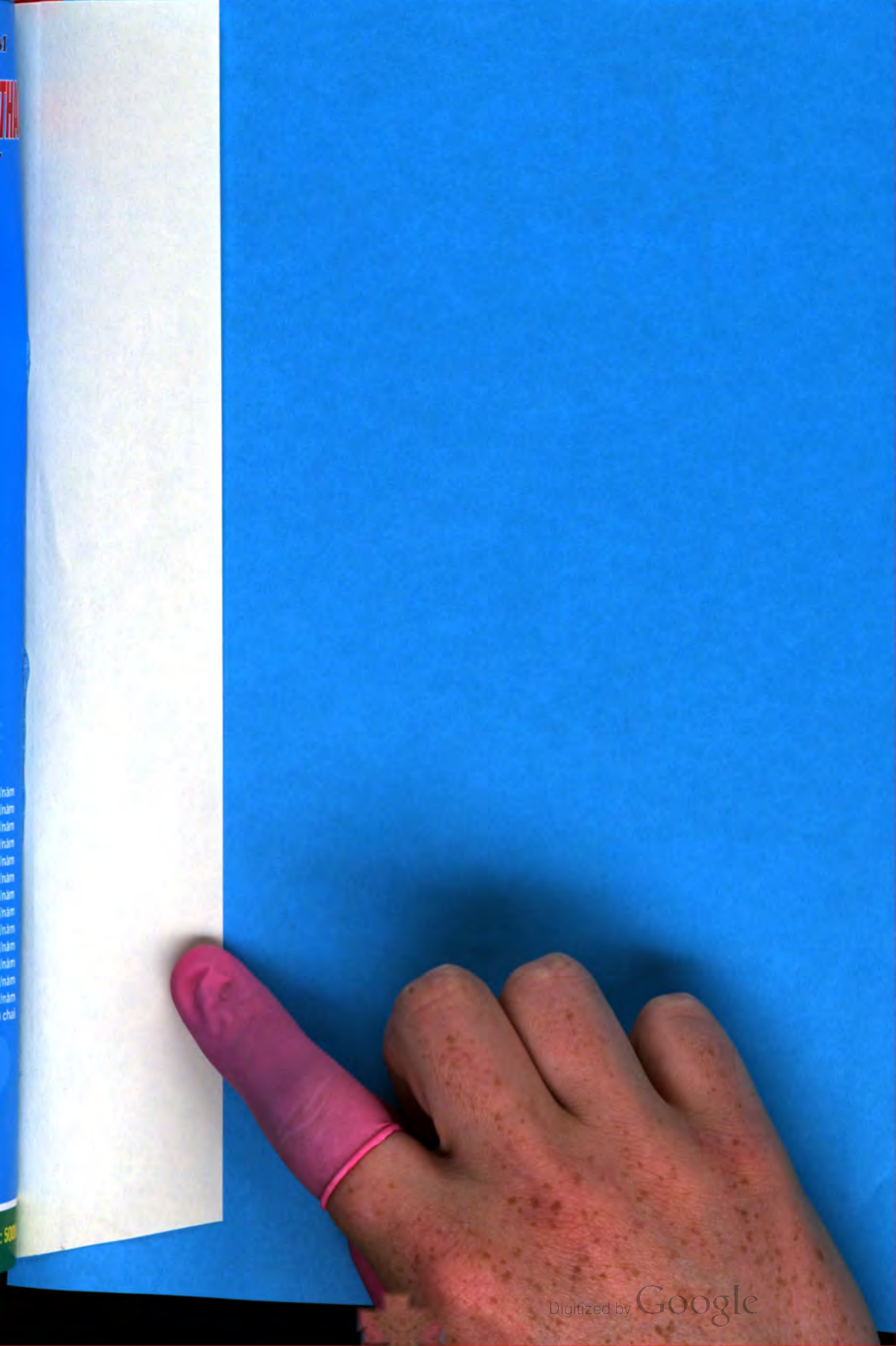
SẢN PHẨM :

- Supe Lân Lâm Thao - Sản xuất theo TCVN 4440 - 87	750.000t/năm
- NPK Lâm Thao (5.10.3), (10.10.5), (16.16.8),...	250.000t/năm
- Phân bón cho hoa và cây cảnh	500t/năm
- Axit Sunfric (H_2SO_4) kỹ thuật - sản xuất theo TCVN 5719 - 1993	260.000t/năm
- Axit Sunfuric (H_2SO_4) loại P, Pa - sản xuất theoTCVN 2718 - 78	120t/năm
- Axit Sunfuric (H_2SO_4) dùng cho ắc quy - sản xuất theo TCVN 138 - 64	100t/năm
- Natri silicoflorua (Na_2SiF_6) - sản xuất theo TCVN 1446 - 73	4.000t/năm
- Natri florua (Na_2SO_3)	50t/năm
- Natri florua (NaF) loại P	15t/năm
- Natri pyrosunfit ($Na_2S_2O_5$) loại Pa	5t/năm
- Phèn nhôm sun phát - sản xuất theo TCVN 25 - 88	5.000t/năm
- Phèn kép amoni nhôm sunphát	4.000t/năm
- Natri biunfit ($NaHSO_3$)	100t/năm
- Ôxy đóng chai	40.000 chai

ĐỊA CHỈ :
HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ
ĐT : 0210.825131 - 0210.825139
FAX : 0210.825126
CHI NHÁNH :
HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐT : 0320.786454 - FAX : 0320.786758

Bạn Của Nhà Nông

Digitized by CIOCVN


Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
MAY 17 2001
CURRENT SERIALS

8
4-2001

Digitized by Google

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ chính trị BCHTƯ Đảng, Chính phủ và Thủ tướng chính phủ đã ban hành Nghị định mới và Quy chế mới về tổ chức và hoạt động của các Đại học quốc gia (ĐH QG).

Theo Quy chế mới, ĐHQG chịu sự quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT, của các bộ, ngành liên quan... với nhiều quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy, nhằm xây dựng thành công trung tâm đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến, làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học, ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và quốc tế.

Hiện nay, ĐHQG Hà Nội bao gồm các trường đại học : trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn, trường đại học Khoa học tự nhiên, trường đại học Ngoại ngữ; các khoa trực thuộc : khoa Quản trị kinh doanh, khoa Luật, khoa Kinh tế, khoa Sư phạm, khoa Công nghệ ; các viện, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phục vụ.



ĐHQGHN đang khẩn trương quy hoạch xây dựng tại khu vực mới (Hòa Lạc - Thạch Thất, Hà Tây) với quy mô hàng trăm hecta. Trong tương lai không xa, tại khu đô thị mới phía tây thủ đô Hà Nội, cùng với khu Công nghệ cao, khu Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, sẽ hình thành một trung tâm đại học lớn hàng đầu của cả nước.





Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 614 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

8
4-2001

MỤC LỤC

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Thông báo Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (khóa VIII) 3

Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị 4

Xã luận - Đại hội tám chữ vàng 5

*** Mười mốc son trong lịch sử Đảng ta 7

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Niềm tin của chúng ta 10

PHẠM VĂN TRÀ - Tăng cường quốc phòng - an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới 15

VĂN TIẾN DŨNG - Chiến thắng 30-4-1975, nhìn lại và suy nghĩ 19

LƯU BÍCH HỒ - Một số vấn đề về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) 22

NGUYỄN XUÂN LẠC - Ngời sáng tấm gương người cộng sản Hồ Chí Minh 29

TRỊNH CƯỜNG - Việt Nam qua con mắt người nước ngoài 35

SÁC-LƠ PHUỐC-NI-Ô - "Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ mở ra giai đoạn phát triển mới" 39

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

QUANG CẬN - Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam 41

HỒ BÁ THÂM - Bàn thêm về triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh 44

HỒ TRỌNG HOÀI - LÂM QUỐC TUẤN - Tư tưởng trọng dân trong văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống 48

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN THỊ DOAN - Phát triển thương nghiệp, thị trường ở nước ta 53

NGUYỄN HẢI HÀ - Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia 55

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

Mỹ, kẻ đạo đức giả về nhân quyền 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Tỉnh ủy Hải Dương tổng kết 5 năm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh 60

Bìa 1 : *Chào mừng Đại hội IX của Đảng* — *Tranh* : **TRẦN MAI**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

* Сообщение 12ого Пленума ЦК КПВ (8ого созыва). * Речь Генерального Секретаря ЦК КПВ Ле Ха Фиеу на закрытии Пленума. * Передовая: Съезд "Восьми золотых слов". НГУЕН ДЫК БИНЬ: Наша вера. ФАМ ВАН ЧА: Увеличить национальную оборону, безопасность, прочно защищать социалистическую родину Вьетнам в новой обстановке. ВАН ТЬЕН ЗУНГ: Победа 30ого Апреля 1975ого года, ретроспективный взгляд на неё и мысли о ней. ЛЫУ БИТЬ ХО: Некоторые проблемы стратегии развития экономики и общества за десять лет (2001 - 2010). НГУЕН СУАН ЛАК: Блестящий пример коммуниста Хо Ши Мин. ЧИНЬ КЫОНГ: Вьетнам в глазах иностранцев. ЧАРЛЕР ФОУРНИАУ: "IXый Съезд КПВ будет открывать новый период развития". КУАНГ КАН: Строить социализм с национальным колоритом Вьетнамского народа. ХО ЧОНГ ХОАЙ - ЛАМ КУОК ТУАН: Идея о высокой оценке роли народных масс во вьетнамской традиционной политической культуре.

CONTENTS

* Information of the 12th Plenum of CPV Central Committee (8th tenure). * Speech of Party General Secretary Lê Khả Phiêu, closing the Plenum. * Editorial: The Congress "of the eight golden words". NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Our belief. PHẠM VĂN TRÀ: To increase national defense and security, to defend steadily the Socialist Fatherland of Vietnam in the new situation. VĂN TIẾN DŨNG: The 30th April 1975 victory, a retrospective look at it and thoughts about it. LƯU BÍCH HỒ: Some problems regarding the strategy of socio-economic development in 10 years (2001-2010). NGUYỄN XUÂN LẠC: The communist Hồ Chí Minh - a bright example. TRỊNH CƯỜNG: Vietnam in foreigners' opinion. CHARLER FOURNIAU: "The IX National Party congress will open a new period of development". QUANG CẬN: To build socialism with the specific identities of the Vietnamese people. HỒ TRỌNG HOÀI - LÂM QUỐC TUẤN: The idea on high estimation of the people's role in the Vietnam's traditional political culture.

SOMMAIRE

* Communiqué du 12e Plénum du Comité central (issu du VIIIe Congrès national du PCV). * Allocution du Secrétaire général du PCV Lê Khả Phiêu à la séance de clôture du Plénum. * Editorial: Les huit mots d'or du Congrès national du Parti communiste du Vietnam. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Notre confiance. PHẠM VĂN TRÀ: Renforcer la défense et la sécurité nationales pour défendre solidement la Patrie socialiste vietnamienne dans la nouvelle conjoncture. VĂN TIẾN DŨNG: Victoire du 30 Avril 1975, regard rètrospectif et rèflexion. LƯU BÍCH HỒ: Quelques questions sur la stratégie de développement socio-économique pour les 10 années à venir (2001-2010). NGUYỄN XUÂN LẠC: Exemple hors du commun du communiste Hồ Chí Minh. TRỊNH CƯỜNG: Le Vietnam dans les yeux des amis étrangers. CHARLES FOURNIAUX: Le IXe Congrès national du Parti communiste du Vietnam ouvrira une nouvelle étape de dèveloppement. QUANG CẬN: Edifier un socialisme imprégnè de l'identitè vietnamienne. HỒ TRỌNG HOÀI - LÂM QUỐC TUẤN: L'esprit de respect du peuple dans la culture politique tradlonnelle vietnamienne.

SUMARIO

* Comunicado del XII Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (VIII Congreso). * Palabras de clausura del XII Pleno pronunciadas por el Secretario General del Partido Comunista de Vietnam Lê Khả Phiêu. * Editorial: El congreso de ocho letras doradas. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Nuestra confianza. PHẠM VĂN TRÀ: Intensificar la defensa y seguridad nacional por defender firmemente la Patria de Vietnam Socialista en la nueva situación. VĂN TIẾN DŨNG: Una mirada retrospectiva y una reflexión en la victoria del 30 de Abril de 1975. LƯU BÍCH HỒ: Algunas cuestiones sobre la estrategia del desarrollo socio-económico de diez años (2001-2010). NGUYỄN XUÂN LẠC: El brillante ejemplo del comunista Hồ Chí Minh. TRỊNH CƯỜNG: Vietnam a través de los ojos de los extranjeros. CHARLES FOURNIAUX: "El IX Congreso Nacional del Partido Comunista de Vietnam abrirá una nueva etapa de desarrollo". QUANG CẬN: Edificar un socialismo llevado del colorido de la nación vietnamita. HỒ TRỌNG HOÀI - LÂM QUỐC TUẤN: El pensamiento de respeto al pueblo en la tradicional cultura política de Vietnam.

目录

＊越南共产党第八届十二中全会公报＊黎可漂总书记在会议闭幕仪式上的致词＊社论: 大会—八个金字• 阮德平: 我们的坚定不移信念 • 范文茶: 增强国防安宁, 在新形势下捍卫越南社会主义祖国 • 文进勇: 1975年4月30日大捷—回顾和思考 • 刘碧胡: 有关发展经济社会的10年计划（2001-2010）的一些问题 • 阮春乐: 胡志明共产党人的辉煌榜样 • 郑强: 外国人眼中的越南 • CHALER FOURNIAU: 越南共产党第九届全国代表大会将开创新的发展阶段 • 光谨: 建设带有越南民族本色的社会主义 • 胡仲怀—林国俊: 在越南政治文化传统中的重视人民思想

Digitized by Google

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (KHÓA VIII)

HỘI nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) tiến hành từ ngày 7-4 đến 10-4-2001 để hoàn thiện các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX của Đảng và tiếp tục chuẩn bị nhân sự trình Đại hội xem xét, đề cử, ứng cử và bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt dự Hội nghị.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tại Hội nghị, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị trình bày ý kiến của Bộ Chính trị tiếp thu các ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng, các đồng chí lão thành cách mạng và các tầng lớp nhân dân từ sau Hội ngị Trung ương 11 (lần 2) về Dự thảo Báo cáo chính trị ; Chiến lược kinh tế - xã hội 2001 - 2010 ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 ; Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét với trách nhiệm cao, tiếp thu hợp lý các ý kiến đóng góp và đã hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo chính trị cao nhất giữa hai kỳ Đại hội của Đảng, do đó các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX phải là cán bộ tiêu biểu cho trí tuệ của Đảng, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công ; bảo đảm tính kế thừa, liên tục trong Ban Chấp hành ; có số lượng và cơ cấu hợp lý ; đủ năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX. Tiếp tục công việc của Hội nghị Trung ương 11 (lần 1) và Hội nghị Trung ương 11 (lần 2), Hội nghị Trung ương lần thứ 12 đã thông qua danh sách để giới thiệu Đại hội xem xét bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Hội nghị cũng đã thông qua dự kiến Chương trình làm việc Đại hội và Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử để trình Đại hội Đảng.

Chỉ còn ít ngày nữa Đại hội lần thứ IX của Đảng sẽ khai mạc. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nỗ lực phấn đấu, ra sức thi đua thực hiện các nhiệm vụ chính trị của mình, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, góp phần vào thành công của Đại hội. ❑

Digitized by Google

PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU BẾ MẠC HỘI NGHỊ

Thưa Trung ương,

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Với tinh thần làm việc khẩn trương, với ý thức trách nhiệm cao đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và toàn dân tộc, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã hoàn thành chương trình đề ra, hoàn thành về cơ bản việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Kết quả này là công sức của các ngành, các cấp, các địa phương, các đơn vị, các đoàn thể, các giới, của toàn thể đảng viên và sự ủng hộ to lớn của đồng bào cả nước.

Nhân dịp này, Ban Chấp hành Trung ương xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với đồng bào cả nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, giai cấp công nhân, nông dân, các nhà trí thức, các đoàn thể trong Mặt trận, lực lượng vũ trang, các cơ quan thông tin đại chúng và kiều bào ta ở nước ngoài đã góp công, góp sức, góp trí tuệ vào công tác chuẩn bị Đại hội.

Đại hội Đảng toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng tập trung nguyện vọng, ý chí, tâm huyết và trí tuệ của toàn Đảng và nhân dân cả nước, sẽ quyết định đường lối, phương hướng chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những năm đầu của thế kỷ mới ; sẽ thay mặt hơn hai triệu đảng viên, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ Đại hội.

Theo Điều lệ Đảng, các đồng chí Ủy viên Trung ương sẽ cùng các đoàn đại biểu các đảng bộ trong cả nước tham gia Đại hội. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Đại hội, với trách nhiệm nặng nề của mình, chúng ta sẽ tích cực đóng góp phần mình vào thắng lợi chung của Đại hội.

Các cơ quan chức năng, các ngành, các cấp, các đơn vị được giao nhiệm vụ phục vụ Đại hội hãy đem hết sức mình kiểm tra đôn đốc và hoàn thành tốt nhất, chu đáo nhất, nghiêm túc nhất, đúng với nguyên tắc, thủ tục mà Điều lệ Đảng đã đề ra những khâu cuối cùng của công tác chuẩn bị.

Chúng ta quyết tâm làm mọi việc để Đại hội IX thành công tốt đẹp, xứng đáng với tầm vóc lịch sử là Đại hội đầu tiên của Đảng trong thế kỷ mới, Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, đáp ứng với nguyện vọng và tâm huyết của nhân dân và toàn Đảng.

Tôi xin chúc các đồng chí sức khỏe và tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 12. ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỘI TÁM CHỮ VÀNG

NGÀY 19-4-2001, Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc. Đây là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước ta trong năm đầu thế kỷ.

Đại hội IX là mốc son chói lọi thứ mười trong lịch sử Đảng ta. *Chín cột mốc trước là Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 và tám đại hội tiếp theo trong thế kỷ XX. Dù họp trong những thời điểm khác nhau, với những nhiệm vụ phải giải quyết không giống nhau, mỗi đại hội đều đánh dấu một chặng đường trưởng thành của Đảng, một bước phát triển mới và những thắng lợi mới của cách mạng Việt Nam.*

Ở thời điểm năm 2001, nhìn lại cuộc đấu tranh của nhân dân ta hơn 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta tự hào về tất cả những gì đã giành được. Gắn liền với Hội nghị thành lập Đảng (1930) và Đại hội I của Đảng (1935) là ba cao trào cách mạng nối tiếp diễn ra từ 1930 đến 1945 và cuối cùng là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra cho dân tộc ta kỷ nguyên độc lập, tự do. Gắn liền với Đại hội II của Đảng (1951) là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, đánh sập chủ nghĩa thực dân, giải phóng nửa nước và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Gắn liền với Đại hội III (1960) là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đánh bại chủ nghĩa thực dân mới, thực hiện thống nhất nước nhà và đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Gắn liền với Đại hội IV (1976) và Đại hội V (1981) là những thành tựu bước đầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước cùng với những tìm tòi và khảo nghiệm con đường đi lên. Gắn liền với các Đại hội VI (1986), VII (1991), VIII (1996) là thời kỳ đổi mới mà những thành tựu đạt được là to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng.

Với những thắng lợi đã giành được, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội IX là Đại hội của thời kỳ mới, *khi đất nước đã bước vào thế kỷ XXI ; toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới. Chủ đề của Đại hội là : "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Dưới chủ đề ấy, các văn kiện trình Đại hội, trước hết là Báo cáo Chính trị, đã phác thảo bức tranh tổng quát về tình hình đất nước trong thế kỷ qua và triển vọng sắp tới, hoạch định con đường đi lên, phương hướng, nhiệm vụ và những quyết sách nhằm đưa dân tộc ta vững vàng tiến bước trong thế kỷ mới.*

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Từ thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII, khẳng định quyết tâm của Đảng và nhân dân ta ***xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.***

Digitized by Google

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Đảng ta cũng chỉ rõ, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là xây dựng trên đất nước ta : một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ ; một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; một khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức ; một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và một đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong 10 năm trước mắt, qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Đảng ta nêu rõ mục tiêu : "Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao".

Đại hội IX là Đại hội của Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới. *Tám chữ vàng ấy vừa là phương châm chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội vừa là sự thể hiện đặc trưng cơ bản nhất của Đại hội lần này.*

***Có trí tuệ** và bằng trí tuệ, Đại hội chúng ta mới có cách nhìn và sự đánh giá đúng tình hình và các xu thế phát triển vốn rất phức tạp và nhiều màu vẻ, mới phân tích và xử lý đúng những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra, mới hoạch định được một cách chính xác đường lối, chủ trương, chính sách và những biện pháp có hiệu quả cho sự phát triển.*

***Có dân chủ** và bằng phương pháp dân chủ mới có thể khơi dậy và động viên được mọi năng lực vật chất và tinh thần của toàn Đảng và toàn dân để giải quyết những công việc lớn của đất nước.*

***Có đoàn kết** và bằng đoàn kết thực sự mới biến được sức mạnh của từng cá nhân, từng tập thể thành sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, của một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động để làm nên thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.*

***Có đổi mới** và bằng hành động đổi mới thật sự mới nắm bắt được những vấn đề mới, nội dung mới và cách giải quyết mới phù hợp với thực tế khách quan và yêu cầu của sự phát triển theo quy luật.*

Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới quyện chặt vào nhau tạo thành bản lĩnh chính trị. Bản lĩnh ấy, trên thực tế, đã được thể hiện qua các văn kiện mà Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội. Bản lĩnh ấy cũng sẽ được chứng minh qua quá trình tiến hành Đại hội, với việc thông qua những quyết định có tầm cao và việc bầu ra một ban lãnh đạo mới tiêu biểu cho trí tuệ và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, đủ sức gánh vác trọng trách lãnh đạo đất nước tiến lên trong thời kỳ mới.

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện quyết tâm của Đảng ta tăng cường hơn nữa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch vững mạnh, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, mật thiết gắn bó với nhân dân. Đại hội thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Xin nhiệt liệt chào mừng Đại hội IX của Đảng.

Chúc Đại hội thành công rực rỡ !

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

MƯỜI MỐC SON TRONG LỊCH SỬ ĐẢNG TA

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Trải qua 71 năm xây dựng và trưởng thành, cùng với việc thành lập Đảng, mỗi đại hội của Đảng là những mốc son đánh dấu những bước phát triển của cách mạng Việt Nam.

1. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất Đảng đã họp tại Cửu Long, gần Hương Cảng (Trung Quốc). Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) chủ trì Hội nghị. Hội nghị đã nhất trí hợp nhất Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng để lập ra một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam và ngày 24-2-1930 đã tiếp nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn vào Đảng.

Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng và các điều lệ vắn tắt của các tổ chức quần chúng do đồng chí Hồ Chí Minh soạn thảo.

Nhân dịp này, Người đã ra Lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh sĩ, thanh niên, học sinh và toàn thể quần chúng bị áp bức, bóc lột.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị lần thứ nhất BCHTƯ (10-1930) đã thông qua *Luận cương chính trị*, đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng.

2. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ I CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 27 đến 31-3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu thuộc các đảng bộ trong nước và tổ chức của Đảng hoạt động ở nước ngoài. Đại hội đánh giá những thắng lợi trong việc khôi phục và phát triển phong trào đấu tranh của quần chúng, đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu của Đảng trong thời gian trước mắt là : củng cố và phát triển Đảng ; đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng ; mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh. Đại hội đã thông qua Nghị quyết chính trị của Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính ; về mặt trận phản đế, về đội tự vệ, về các dân tộc thiểu số ; thông qua Điều lệ của Đảng và Điều lệ của các tổ chức quần chúng. Đại hội đã bầu BCHTƯ gồm 13 đồng chí. BCHTƯ đã cử đồng chí Nguyễn Ái Quốc làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

Đại hội I của Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu thắng lợi căn bản của cuộc đấu tranh gìn giữ và khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ cơ sở đến Trung ương. Đây là một điều cơ bản và cần thiết để Đảng bước vào một thời kỳ đấu tranh mới với một đội ngũ đã được tôi luyện. Đại hội đề ra nhiệm vụ củng cố, phát triển Đảng, tăng cường lực lượng cách mạng, vận động quần chúng, mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh.

Các Tổng Bí thư của Đảng thời kỳ này : Lê Hồng Phong (tháng 3-1935 - 1936) ; Hà Huy Tập (1936 - 1938) ; Nguyễn Văn Cừ (3-1938 đến 1-1940) : Trường Chinh (tháng 5-1941 - 2-1951).

3. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 11 đến 19-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 766 000 đảng viên trong cả nước.

Đại hội chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, thông qua Chính cương, Tuyên ngôn và Điều lệ mới của Đảng, đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất cho dân tộc, xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Đại hội đã bầu BCHTƯ gồm 19 ủy viên chính thức, 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương đã cử ra Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu là Tổng Bí thư của Đảng.

4. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG

Họp tại Hà Nội, từ ngày 5 đến 10-9-1960. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt hơn 550 nghìn đảng viên trong cả nước. Gần 20 đoàn đại biểu quốc tế đến dự Đại hội.

Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà, thông qua nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Điều lệ sửa đổi của Đảng. Đại hội đã bầu BCHTƯ gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết. BCHTƯ bầu Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức, và 2 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban Bí thư Trung ương Đảng gồm 7 đồng chí.

Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Người giữ cương vị này cho đến khi qua đời (tháng 9-1969). Đồng chí Lê Duẩn được bầu là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

5. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV CỦA ĐẢNG

Họp tại Hà Nội, từ ngày 14 đến 20-12-1976. Dự Đại hội có 1 008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước. Đến dự Đại hội có 29 đoàn đại biểu quốc tế.

Đây là đại hội toàn thắng của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã thông qua báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976 - 1980) ; báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng. Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội bầu BCHTƯ gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết ; BCHTƯ bầu Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban Bí thư Trung ương Đảng gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng.

6. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ V CỦA ĐẢNG

Họp tại Hà Nội, từ ngày 27 đến 31-3-1982. Dự Đại hội có 1 033 đại biểu thay mặt hơn 1,7 triệu đảng viên trong cả nước. Có 47 đoàn đại biểu quốc tế đến dự Đại hội.

Đại hội thông qua báo cáo chính trị khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ; vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội 1981 - 1985 và những năm 80.

Đại hội bầu BCHTƯ gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết.

Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban Bí thư Trung ương Đảng gồm 10 đồng chí.

Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng. Từ tháng 7-1986 đến tháng 12-1986, đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng.

7. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG

Họp tại Hà Nội, từ ngày 15 đến 18-12-1986. Dự Đại hội có 1 129 đại biểu thay mặt gần 1,9 triệu đảng viên trong cả nước. Đến dự Đại hội có 32 đoàn đại biểu quốc tế.

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đại hội vạch ra phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1986 - 1990), đề ra ba chương trình kinh tế lớn : lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Đại hội "khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học" kế thừa và quyết tâm đổi mới.

Đại hội đã bầu BCHTƯ gồm 124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết. BCHTƯ bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban Bí thư Trung ương gồm 13 đồng chí.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng.

Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ được cử làm Cố vấn BCHTƯ Đảng.

Digitized by Google

8. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG.

Họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến 27-6-1991. Dự Đại hội có 1 176 đại biểu thay mặt hơn 2 triệu đảng viên trong cả nước. Nhiều đoàn đại biểu các đảng anh em đã đến dự.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng : Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2000 ; Báo cáo Chính trị của BCHTƯ về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu 5 năm (1991 - 1995), Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng ; thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Đại hội lần thứ VII của Đảng là Đại hội tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã bầu 146 đồng chí vào BCHTƯ Đảng. BCHTƯ đã bầu 13 đồng chí vào Bộ Chính trị, bầu 9 đồng chí vào Ban Bí thư.

Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng.

Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công được cử làm cố vấn BCHTƯ Đảng.

HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ (KHÓA VII) CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 20 đến 25-1-1994 tại Hà Nội. Dự hội nghị có 647 đại biểu của 64 đảng bộ trong cả nước.

Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên, đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Hội nghị đã bầu bổ sung 20 đồng chí vào BCHTƯ.

9. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 26-6 đến ngày 1-7-1996 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1 198 đại biểu thay mặt cho hơn 2 triệu đảng viên trong cả nước. Dự Đại hội còn có 35 đoàn đại biểu quốc tế.

Đại hội thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng : Báo cáo Chính trị ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996 - 2000) ; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI.

Đại hội đã bầu 170 đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương đã bầu 19 đồng chí vào Bộ Chính trị. Đồng chí Đỗ Mười được bầu lại làm Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng.

Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Bộ Chính trị đã cử 5 đồng chí làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 12-1997) đã chấp thuận đề nghị của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười về việc chuyển giao chức vụ Tổng Bí thư và đề nghị của các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công kết thúc nhiệm vụ Cố vấn.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Lê Khả Phiêu giữ chức Tổng Bí thư ; cử 3 đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; bầu bổ sung 4 đồng chí vào Bộ Chính trị.

10. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG

Khai mạc tại Hà Nội ngày 19-4-2001. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá những thành tựu và khuyết điểm của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới, từ đó đề ra những quyết sách trong thời kỳ mới. Chủ đề của Đại hội là : Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phấn đấu đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,* thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới. ❑

Digitized by Google

NIỀM TIN CỦA CHÚNG TA

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

CÓ lẽ không cần phải chứng minh nhiều vẫn có thể thấy được rằng triển vọng phát triển của mỗi nước, mỗi dân tộc phụ thuộc một phần đáng kể vào tư tưởng con người. Khi tư tưởng thống nhất, cùng một cách nghĩ, cùng một hướng đi thì sẽ biến ý chí thành hành động, làm cho cả triệu người đồng lòng, chung sức, tạo thành lực lượng vật chất to lớn thúc đẩy xã hội tiến lên. Đối với những người mác xít cũng như đối với công chúng, yếu tố cốt lõi để đưa tới tư tưởng và hành động thống nhất là niềm tin. Niềm tin là yếu tố không thể thiếu trong đời sống của một con người, của cả loài người, là tình cảm có tính bền vững, trực tiếp dẫn đến hành động. Từ nhận thức lý trí đi đến niềm tin, nhưng cũng có thể từ niềm tin giúp đi đến nhận thức lý trí. Trong những bước ngoặt của diễn biến tình hình, những khúc quanh của lịch sử, niềm tin càng trở nên bức thiết, quan trọng và đầy ý nghĩa. Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta - niềm tin vào lý tưởng cao đẹp vào sự tất thắng của sự nghiệp cách mạng đã là keo gắn các đảng viên của Đảng và giữa Đảng với nhân dân, góp phần tạo ra động lực to lớn để dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hiện nay, càng nhận biết vai trò to lớn của niềm tin, khi nhìn thẳng vào sự thật không thể nói khác được là niềm tin có lúc, có nơi bị giảm sút. Sự giảm sút này không chỉ ở người bình thường mà trong cả một bộ phận đảng viên, cán bộ, thậm chí ở cả một số cán bộ không phải ở cấp thấp. Ngay cả một số người làm công tác tư tưởng, lý luận cũng có biểu hiện giảm sút niềm tin về lý tưởng, về học thuyết chúng ta.

Trong cuốn sách "Đường cách mệnh", Bác Hồ khẳng định : làm cách mệnh trước hết phải có đảng cách mệnh... "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam" (1).

Đối chiếu với những di huấn của Bác Hồ, chúng ta thấy điều gì ? Trong hơn 70 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng ta luôn vững vàng và Đảng là niềm tin của giai cấp công nhân, của nhân dân ta và của cả dân tộc. Có vững vàng và có được sự tin yêu như thế, Đảng mới lãnh đạo toàn dân ta hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đảng có vững như thế mới lái được con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bao sóng to, gió cả, thác ghềnh đến được bến bờ vinh quang ngày nay. Tuy nhiên, phải nhấn mạnh rằng, Đảng vẫn cần phấn đấu không ngừng, vững vàng trước những tình huống thử thách mới. Hiện nay Đảng ta đông hơn trước nhiều, thắng lợi của cách mạng nước ta do Đảng lãnh đạo thật to lớn và đáng tự hào, nhưng yếu kém và bất cập còn nhiều, thậm chí còn tiềm ẩn cả nguy cơ không thể xem thường.

Tình hình hiện nay nổi lên mấy mặt. Mặt nổi cộm nhất, gây bất bình nhất, cả trong Đảng và toàn xã hội, một tình trạng được nói tới nhiều nhất trong các ý kiến, thư từ góp ý vào Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng là

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 268

Digitized by Google

tình trạng tham nhũng - một căn bệnh thật nặng nề và có phần khó chữa. Một vấn đề nữa cũng được nhắc đến nhiều là việc thực thi dân chủ. Không ít nơi có cả chuyện vi phạm quyền dân chủ, thiếu dân chủ, có cả chuyện thiếu kỷ cương, không tuân thủ pháp luật. Nhưng có lẽ một vấn đề không sôi động, không ồn ào nhưng lại rất đáng lo ngại bởi nó chứa chất những nguy cơ sâu xa. Đó là sự giảm sút niềm tin lý tưởng, học thuyết, đối với chủ nghĩa xã hội, với con đường xã hội chủ nghĩa. Có một thực tế là trong Đảng nhiều đồng chí hiểu chủ nghĩa Mác chưa đến nơi đến chốn ; nói là theo đường lối của Đảng nhưng chưa thật tự giác cao. Vậy nên khi phong trào lên, thế đứng vững chắc, bước đi mạnh mẽ thì niềm tin được củng cố và tăng lên ; còn khi phong trào gặp trắc trở, khó khăn, thì hoang mang dao động, niềm tin bị suy giảm. Đã xuất hiện tình hình là ngay trong cán bộ trung, cao cấp, có người ngại nói đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sợ rằng nói như vậy là bảo thủ, là không đổi mới.

Niềm tin đang là vấn đề cần phải hết sức quan tâm trong công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác xây dựng Đảng nói chung. Đây là vấn đề mấu chốt, nếu không giải quyết được thì không thể có một đảng mạnh. Thiếu đi sức mạnh niềm tin thì trong tình hình bình thường đã khó, khi có biến động càng khó khăn hơn vì hàng ngũ rã rời, sức chiến đấu bị tê liệt. Khi đảng viên và cán bộ đã như thế thì còn nói gì đến lãnh đạo quần chúng nhân dân vượt qua những tình huống phức tạp.

Trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, toàn Đảng ta chỉ có 5 000 đảng viên nhưng "nhất hô bá ứng", Đảng kêu gọi là tất cả sẵn sàng, nhân dân tin và nghe theo. Thời chống Mỹ, theo tiếng gọi của Đảng, cả nước lên đường ra tiền tuyến vì sự nghiệp độc lập, thống nhất Tổ quốc. Nay tình hình đã khác, thế giới rất phức tạp, có nhiều mới mẻ, có nhiều khó khăn, thách thức mà chúng ta phải đối mặt và phải vượt qua. Khi sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu thì tính phức tạp càng tăng lên vì phải giải quyết bao nhiêu những mối quan hệ chồng chéo, đan xen, thậm chí dường như mâu thuẫn nan giải ; chẳng hạn, giữa kinh tế thị trường với thể chế xã hội chủ nghĩa, giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, giữa độc lập tự chủ với mở cửa hội nhập, giữa kinh tế thị trường và mở cửa với giữ gìn giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống tốt đẹp của dân tộc.

Chúng ta đang ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó nền kinh tế mang tính quá độ có sự đan xen giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, nhiều khi không dễ phân định ranh giới. Đã thế, chúng ta cần mở cửa với thế giới khi quá trình toàn cầu hóa đang tạm thời do chủ nghĩa tư bản chi phối, áp đặt. Biết vậy nhưng ta vẫn làm ăn với chủ nghĩa tư bản và không những thế còn sử dụng cả một số giải pháp của chủ nghĩa tư bản để phục vụ cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện như thế, để giữ được niềm tin, giữ được lý tưởng, vị trí của mình, cần phải có sự tự giác rất cao, hiểu biết rất sâu. Nếu không sẽ khó tránh khỏi bị hút vào vòng xoáy của chủ nghĩa tư bản, bị mất hướng đi mà không tự biết và theo đó sẽ mất hẳn niềm tin vào con đường mà Đảng ta, nhân dân ta, Bác Hồ đã lựa chọn.

Chưa bao giờ niềm tin của người cộng sản bị thách thức lớn, cực kỳ gay gắt như bây giờ ! Có phải như vậy không ? Thử điểm lại những thách thức đã qua trong lịch sử và niềm tin lúc đó thế nào. Cách mạng nước ta đã từng có lúc gặp khó khăn, trắc trở, hiểm nguy như sau thất bại của Xô viết Nghệ Tĩnh, khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, rồi tới thời điểm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1968, 1972... Trong những thời điểm đó, không phải không có một số người giảm sút niềm tin, mất ý chí chiến đấu, một số nằm im, một số bỏ chạy. Đó là sự thách thức giữa cái sống và cái chết, cực kỳ gay gắt. Thế nhưng số đông những người cộng sản và cả nhân dân vẫn bền gan kiên trinh, vẫn một lòng theo Đảng, tin theo cách mạng. Còn bây giờ thách thức nảy sinh không phải giữa cái sống và cái chết của từng con người, mà là giữa còn hay mất của cả chế độ xã hội. Thách thức bây giờ nằm ngay trong cả chiều sâu lẫn bề nổi của đời

Digitized by Google

sống mỗi con người, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung của cả dân tộc, giữa lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị, giữa tác động tích cực với mặt tiêu cực của cơ chế thị trường... Từ những điều kiện như thế, tình hình phức tạp như thế, cho nên không có gì đáng ngạc nhiên là những người thiếu hiểu biết, thiếu ý thức dễ dẫn tới hoài nghi, dao động ; một số kẻ cơ hội thì "chia tay ý thức hệ" ; thậm tệ hơn nhưng rất cá biệt là có người trở cờ, ngang nhiên phản lại lý tưởng, mà chính mình hằng theo đuổi.

Phức tạp như vậy, khó khăn như vậy nhưng đại đa số chúng ta vẫn giữ vững niềm tin vào lý tưởng cộng sản, vào mục tiêu chủ nghĩa xã hội, vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cơ sở vững chắc nhất của niềm tin của chúng ta là phép biện chứng của lịch sử, là quy luật phát triển của chính lịch sử. Phép biện chứng khách quan của lịch sử dạy rằng, xã hội phải phát triển không ngừng và đi lên không ngừng ; rằng những mục tiêu cao đẹp nhất của con người cuối cùng nhất định thực hiện được. Thế giới quan đó đem lại niềm tin bởi nó không thêm, không bớt gì vào lịch sử, không đem sự chủ quan áp đặt vào lịch sử mà nó chỉ là sự phản ánh một cách khoa học những quy luật của sự vận động lịch sử hiện thực. Những sai lầm chỗ này hoặc chỗ khác, lúc này hoặc lúc khác đã xảy ra là do cái chủ quan đã làm méo mó cái khách quan. Chính đường lối đổi mới của Đảng ta dựa chắc trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã sửa chữa cái đó, lý giải cái đó và trả lại cho nó tính tất yếu khách quan. Thế giới quan mác xít vì vậy là cơ sở sâu xa nhất của niềm tin.

Với phép biện chứng mác xít, chúng ta hiểu rằng, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội không hề đơn giản, con đường đi tới chủ nghĩa xã hội không hề bằng phẳng, trơn tru. Đó là con đường đầy khó khăn và trở lực, trong đó có những khó khăn do chính bản thân chúng ta không lường hết, khó khăn nội tại dẫn tới vấp ngã, thậm chí sụp đổ như đã xảy ra ở Liên Xô và Đông Âu trước đây. Sự kiện bi thảm này cho ta những bài học vô giá về tính phức tạp của thế giới đương đại và sự trắc trở trên con đường đi tới tương lai của xã hội loài người. Nhưng dù thế nào chăng nữa thì chủ nghĩa xã hội cuối cùng nhất định thắng, không gì có thể quay ngược bánh xe lịch sử, đó là niềm tin sắt đá của những người cộng sản kiên trung.

Tính chất cực kỳ khó khăn phức tạp trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói đến. Tuy nhiên, phạm vi, quy mô và mức độ của nó không ai có thể lường hết được. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình tìm kiếm và không ngừng tìm kiếm, khám phá những con đường mới chưa từng ai biết tới. Mặc dù trên con đường đó khó tránh khỏi những vấp váp, sai lầm, thậm chí thất bại tạm thời nhưng chủ nghĩa xã hội cũng đã chứng minh và tiếp tục chứng minh rằng, nó có khả năng phát triển kinh tế, xã hội hướng tới không có bóc lột, áp bức, bất công, bảo đảm những điều kiện sống cho tất cả mọi người, tạo khả năng để nhân dân lao động không những tiếp cận mà còn sáng tạo ra được những thành quả của văn minh và nền văn hóa cao đẹp. Chủ nghĩa xã hội là hệ thống mở. Do từ trong bản chất, nó luôn biết tự phê phán và thường xuyên tự đổi mới, tự phát triển, tự hoàn thiện. Nó có thể không ngừng tự làm phong phú bằng việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, gắn quyền làm chủ của nhân dân với ý thức công dân, kỷ cương xã hội. Vai trò tiên phong của Đảng Cộng sản không phải là vai trò quyền uy mà là vai trò của trí tuệ và niềm tin, vai trò của sự thống nhất và đoàn kết, vai trò của sự hướng dẫn quần chúng hành động theo quy luật khách quan của sự tiến hóa lịch sử.

Niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội xuất phát từ quy luật phát triển tất yếu của xã hội loài người, xã hội cứ tiến lên phía trước, mặc dù trải qua những bước đi dích dắc. Điều đó đã được chứng minh rất rõ qua các hình thái kinh tế - xã hội thay thế nhau trong lịch sử. Quy luật đó có thể nhìn thấy rất rõ trong chủ nghĩa tư bản hiện đại. Một mặt là do sự tồn tại và tiếp tục khẳng

Digitized by Google

định sự phát triển của chủ nghĩa xã hội mặc dù còn phải vượt qua muôn vàn khó khăn. Mặt khác do mâu thuẫn nội tại, chủ nghĩa tư bản đã không thể phát triển thuận buồm xuôi gió trên cơ sở bản thân nó mà buộc nó phải tìm đủ cách để chữa trị các bệnh hoạn và khuyết tật, cố tìm cách thích nghi để tồn tại. Trong quá trình tự điều chỉnh để thích nghi, chủ nghĩa tư bản đã khá thành công trong cách mạng khoa học - kỹ thuật và phần nào có làm dịu đi những mâu thuẫn bên trong. Đúng là chủ nghĩa tư bản còn có khả năng tạo thêm những lực lượng sản xuất mới. Đó là một lực lượng sản xuất đồ sộ ở trình độ cao, đòi hỏi việc điều hòa sản xuất phải được tiến hành ít nhất trên một mức độ nhất định, trong phạm vi toàn xã hội ; các cơ chế phân phối ngoài thu nhập quốc dân, hệ thống bảo hiểm và các quỹ phúc lợi xã hội ; sự tham gia (tuy rất hạn chế) của những người làm công vào công tác quản lý, sự mở rộng dân chủ, dù rất hình thức, đối với các tầng lớp xã hội ; thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế vì lợi ích của tư bản kếch sù... Tất cả điều đó làm cho tính chất xã hội của lực lượng sản xuất, của nền sản xuất ngày càng được tăng cường thậm chí mở rộng quy mô ra toàn thế giới, nó mâu thuẫn sâu sắc với tình trạng chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, và các nguồn lực tài chính..., làm cho mâu thuẫn giữa tư bản và lao động thêm sâu sắc trong mỗi nước và rộng ra trên quy mô toàn thế giới.

Không phải ai khác mà ngay các chính khách tư sản đã phải nói về sự bất ổn, sự phi lý, sự không vững chắc của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Sự bất ổn và thiếu vững chắc ấy nằm ngay trong hệ thống kinh tế toàn cầu mà đỉnh điểm của nó là hệ thống tài chính tiền tệ thế giới. Hệ thống tài chính đó được sinh ra để rồi mọi cơ chế kiểm soát nó nhiều phen bất lực. Sự tình trở nên phi lý đến mức những biến động trên nền "kinh tế ảo" có thể lật nhào nền "kinh tế thực". Bà Lô-ra Tai-xơn, cựu Cố vấn kinh tế chủ chốt của Tổng thống Mỹ, đã nhận xét : "Thật là đau xót khi phải thừa nhận rằng hệ thống tài chính quốc tế hiện nay không hề dự trù cơ chế nào để làm nhiệm vụ ngăn chặn tình trạng nhập khẩu tư bản ồ ạt rồi lại ồ ạt rút tư bản để triệt bỏ nguồn tín dụng mà các nền kinh tế mới nổi lên đang cần" [2]. Và chính những cơn khủng hoảng tài chính tiền tệ sẽ là những bão táp lật nhào thể chế kinh tế tư bản ở nhiều nước.

Trên thực tế từ những thập kỷ qua, nhiều học giả và một số chính khách tư sản ít nhiều tỉnh táo đã nhận ra sự thiếu bình ổn và nguy cơ đổ vỡ tiềm ẩn bên trong chủ nghĩa tư bản. Sau khi chủ nghĩa tư bản không còn đối thủ đáng gờm là Liên Xô, nguy cơ ấy xem ra không giảm đi, trái lại càng nhiễm vào bên trong, do đó họ càng phải ra công tìm đường cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản. Ngày 21-9-1998, Thủ tướng Anh Tô-ny Ble đã đến Niu Oóc cùng với Cố vấn đặc biệt A. Gi-đơn để họp bàn với Tổng thống Mỹ W.J. Clin-tơn trong khuôn khổ Hội nghị về con đường thứ ba. Các nhà phân tích cho rằng, ba nước Đức, Pháp, Anh sẽ đóng vai trò một "Hội đồng chấp chính tay ba" cùng lái con tàu Liên minh châu Âu tiến vào con đường thứ ba. Nội dung của con đường đó thể hiện rất đậm nét trong cuốn sách "Con đường thứ ba : đổi mới dân chủ xã hội" của Gin-đơn - Giám đốc đại học kinh tế Luân Đôn. Rõ ràng là bản thân các học giả tư sản cũng đã thấy rằng chủ nghĩa tư bản không phải là muôn năm và đang chứa đựng nhiều điều phi lý. Rõ ràng đó là một trong vô số tín hiệu nói lên rằng chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ bị thay thế.

Đáng buồn là trong khi các chính khách tư sản đang lo toan cứu vớt chủ nghĩa tư bản, thì lại có người bái phục chủ nghĩa tư bản sát đất ! Nhưng làm sao mà chủ nghĩa tư bản lại là tương lai của loài người ! Sự thật rất sáng tỏ rằng ở châu Phi, các nước theo con đường đó đang được cái gì, nhiều nước châu Á qua cơn chấn động tài chính vừa qua còn lại cái gì, rồi ngay nước Nga được cái gì và mất cái gì. Không ai không thấy rằng chính chủ nghĩa xã hội đã đưa nước Nga từ một nước "thường thường bậc trung" thành một siêu cường nhất, nhì thế giới, và chính việc đánh mất đi chủ nghĩa xã hội đã đưa siêu cường đó

(2) Bussiness week, ngày 26-10-1998, tr 15

Digitized by Google

thành trạng thái "không trọng lượng". Bởi thế, cựu Thủ tướng Nga Pri-ma-cốp cũng đã từng nói rằng "không thể đi theo con đường phương Tây, không thể trông chờ vào phương Tây và không thể đi theo IMF để vực dậy nước Nga".

Ở Việt Nam, niềm tin của chúng ta từ năm 1991 đến nay lại có sự biến chuyển từ thực tiễn. Nhiều người đã tỉnh ra. Những nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa tư bản dần dần được khắc phục. Đây chính là kết quả có sức thuyết phục của việc đứng vững và phát triển, của những thành tựu quan trọng được đem lại từ công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Với bản lĩnh cách mạng, tự chủ, dân tộc ta có niềm tin sắt đá vào con đường đã lựa chọn... Tuy nhiên, chỉ có tình cảm không thôi thì chưa đủ, mà tình cảm đó phải dựa trên một cơ sở lý luận khoa học vững chắc. Có như vậy mới định hướng đúng cho mình khi gặp điều kiện phức tạp nhất, trước những biến cố phức tạp nhất, trong một thế giới đầy xáo động, ngổn ngang, bất trắc, khôn lường. Có như vậy mới đủ kiên định trước mọi phong ba bão táp của thời cuộc. Dựa trên kinh nghiệm chính trị thực tiễn, kinh nghiệm lịch sử lâu dài, chúng ta có niềm tin vì chúng ta có Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là yếu tố tự giác nhất, là đội tiên phong của giai cấp và của cả dân tộc, hiểu biết sâu sắc về các quy luật phát triển xã hội.

Với những căn cứ như thế, chúng ta có thể khẳng định niềm tin về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Đó là điều chắc chắn vì toàn bộ lịch sử nhân loại và bản thân chủ nghĩa tư bản trong sự phát triển của nó chính là đang chuẩn bị những tiền đề cho chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI. Cùng với niềm tin sắt đá như thế, chúng ta tin vào con đường mà đất nước ta đang đi, tin vào công cuộc đổi mới nhất định được tiếp tục triển khai đúng đắn và đạt nhiều thành tựu to lớn hơn. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn đã được thử thách của Đảng ta, chủ nghĩa xã hội - tương lai tươi sáng của dân tộc - nhất định sẽ được xây dựng thành công trên đất nước ta. Đầy lòng tự tin, chúng ta lạc quan tiến bước.❑

ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU...

(Tiếp theo trang 58)

doanh nghiệp và người lao động. Trong tổ chức thực hiện, phải chú trọng công tác quản lý, kể cả quản lý hoạt động trong nước và quản lý lao động nước ngoài. Công khai hóa mọi chính sách và quy định cho người lao động. Phải đầu tư cho công tác đào tạo để có được một đội ngũ lao động, chuyên gia có đủ khả năng đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động quốc tế.

- Đẩy mạnh XKLĐCG trước hết là trách nhiệm của Nhà nước ; các cơ quan quản lý nhà nước mọi cấp tìm các biện pháp đầu tư, mở rộng, khuyến khích XKLĐCG, hướng dẫn hỗ trợ các thành phần kinh tế XKLĐCG để hằng năm có thể đưa một số lớn lao động, chuyên gia ra nước ngoài làm việc. Củng cố thị trường truyền thống, giữ và phát triển các thị trường hiện có và khai thông các thị trường mới. Thực hiện XKLĐCG theo quan hệ cung cầu của thị trường lao động. Đa dạng hóa thị trường XKLĐCG, đa dạng hóa ngành nghề, trình độ lao động, chuyên gia, cung cấp cho lao động , chuyên gia mọi loại ngành nghề với trình độ tay nghề khác nhau. Mở rộng xuất khẩu lao động dịch vụ, thí điểm một số ngành nghề mới ở khu vực có môi trường pháp lý và xã hội thuận lợi... Đa dạng hóa thành phần tham gia XKLĐCG, trước mắt tập trung củng cố các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước đã được cấp phép hoạt động, cho phép một số doanh nghiệp của các đoàn thể trung ương, thí điểm tiến tới mở rộng các doanh nghiệp ngoài quốc doanh làm dịch vụ XKLĐCG... ; đa dạng hóa loại hình cung ứng lao động chuyên gia cho các đối tác nước ngoài, nhận thầu khoán công trình, đầu tư sản xuất ở nước ngoài để tạo việc làm, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích lao động, chuyên gia tự tìm việc làm ở nước ngoài thông qua người nhà, bạn bè bảo lãnh hoặc giới thiệu, đi làm việc hoặc thực tập nâng cao tay nghề theo các liên doanh.

- Đầu tư để phát triển sự nghiệp XKLĐCG, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức XKLĐCG và người lao động, đào tạo về ngoại ngữ, tay nghề và chuyên môn, đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế. Xây dựng và đào tạo đội ngũ lao động, chuyên gia chuyên nghiệp tham gia xuất khẩu lao động có tay nghề cao, đa dạng, có năng lực quản lý, đặc biệt là đấu thầu các công trình quốc tế. ❑

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PHẠM VĂN TRÀ *

ĐẠI hội IX của Đảng ta tiến hành vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại, là Đại hội tổng kết những thành tựu và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta trong thế kỷ XX, đề ra những quyết sách để phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH - HĐH) đưa đất nước ta vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Chúng ta cần nhìn nhận và đánh giá một cách toàn diện những biến đổi to lớn, sâu sắc, cũng như chiều hướng vận động của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, làm cơ sở không chỉ cho hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mà còn cho việc xác định những nhiệm vụ của chiến lược quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đã tạo nên những bước tiến nhảy vọt, có tính chất cách mạng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả quân sự. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan ngày càng tác động mạnh mẽ và toàn diện đến các quốc gia. Sự chi phối của các nước tư bản phát triển làm cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, đặt ra nhiều vấn đề mới đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng kiến tạo thế giới một cực với xu hướng hình thành thế giới đa cực diễn ra hết sức quyết liệt. Các nước lớn ráo riết điều chỉnh, lôi kéo, tập hợp lực lượng để hình thành trật tự thế giới có lợi cho mình. Các mâu thuẫn cơ bản của thời đại vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, sắc tộc, tôn giáo vẫn tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức hết sức phức tạp. Các quốc gia độc lập tăng cường đấu tranh chống sự áp đặt, can thiệp và xâm lược của nước ngoài nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, ổn định và phát triển của mình. Hòa bình, hợp tác và phát triển đang là một xu thế lớn phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Nhưng dưới tác động và can thiệp của các thế lực thù địch, các vấn đề dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp quyền lực, lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên v.v... đều có thể bùng phát thành điểm nóng nguy hiểm. Các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, với nhiều hình thức và cường độ khác nhau sẽ diễn ra liên tiếp, các hoạt động can thiệp quân sự sẽ gia tăng. Đặc biệt là sự ra đời của nhiều loại hình chiến tranh kiểu mới với việc sử dụng vũ khí công nghệ cao đã và đang đặt ra những thách thức mới đối với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của mỗi nước.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông - Nam Á có khả năng phát triển năng động,

* Thượng tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Những biến động trong khu vực, nhất là ở các nước Đông - Nam Á đều có tác động ở các mức độ khác nhau đến sự nghiệp quốc phòng - an ninh của ta.

Đối với nước ta, các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" kết hợp với "bạo loạn lật đổ" và "răn đe quân sự" nhằm thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa, buộc nhân dân ta lệ thuộc vào chúng. Bọn phản động trong nước và bọn phản động người Việt Nam lưu vong ở nước ngoài đang được các thế lực thù địch bên ngoài hỗ trợ, nuôi dưỡng, tăng cường hoạt động chống phá cách mạng. Bốn nguy cơ mà Đảng ta cảnh báo vẫn tiếp tục tồn tại, đan xen, tác động trực tiếp đến quốc phòng - an ninh.

Trong những năm qua, sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN của nhân dân ta đã giành được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, tăng cường sức mạnh và tiềm lực quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược, quân đội ta đã thường xuyên cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, cùng toàn dân giữ vững hòa bình, ổn định chính trị ; độc lập, chủ quyền của Tổ quốc, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp đổi mới ; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước ; đồng thời tận dụng thời cơ xây dựng quân đội về mọi mặt theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nền quốc phòng toàn dân ngày càng được củng cố vững chắc. Những thành tựu về quốc phòng - an ninh cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới trên mọi lĩnh vực đã tạo nên thế và lực mới của đất nước. Tuy nhiên, những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời gian qua ; những mâu thuẫn và những vấn đề xã hội nhức nhối khác ; những nguy cơ và thách thức của đất nước, đang tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó đặt ra cho quân và dân ta, đặc biệt là lực lượng vũ trang phải tỉnh táo đề phòng và kiên quyết đấu tranh để loại trừ các nguyên nhân gây mất ổn định chính trị, chệch hướng xã hội chủ nghĩa từ nội bộ, các nguy cơ mà kẻ địch có thể lợi dụng để tiến hành can thiệp vũ trang ở các mức độ khác nhau, gây chiến tranh, phá hoại trạng thái hòa bình, chống phá cách mạng Việt Nam.

Bối cảnh quốc tế, trong nước hiện tại và sắp tới đặt ra những vấn đề mới cần tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa hơn nữa trong nhiệm vụ quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay không chỉ đơn thuần là chống chiến tranh xâm lược bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, mà còn gắn liền với bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và định hướng xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc ; bảo vệ an ninh quốc gia trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội. Nội dung rộng lớn và toàn diện đó làm cho quốc phòng gắn bó chặt chẽ và thống nhất với an ninh trong cùng một mục tiêu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc có quan hệ chặt chẽ với nhau và tạo điều kiện cho nhau. Bảo vệ không chỉ đơn thuần là giữ gìn, ngăn ngừa, chống lại mà còn là yếu tố không thể tách rời của xây dựng, đồng thời chính xây dựng cũng là một phương thức tích cực để bảo vệ.

Bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của tất cả các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng ; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với quốc tế, sức mạnh của truyền thống với sức mạnh hiện đại ; kết hợp sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân

Digitized by Google

dân, trong đó lực lượng vũ trang giữ vai trò nòng cốt.

Phương thức tốt nhất để bảo vệ Tổ quốc là ngăn ngừa không để xảy ra chiến tranh vũ trang, bảo vệ môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Để làm được điều đó, chúng ta phải làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", vô hiệu hóa mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch tạo cớ can thiệp vũ trang ; phát huy nội lực, không ngừng củng cố quốc phòng - an ninh, tăng cường trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi của các lực lượng vũ trang trong mọi tình huống.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới càng đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn quân, toàn dân, khai thác mọi nguồn lực, tập trung sức củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân mà nòng cốt là quân đội nhân dân ; phát huy nghệ thuật chiến tranh nhân dân truyền thống, không ngừng nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự đáp ứng yêu cầu tác chiến mới, coi đó là những yếu tố cơ bản quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Để tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cần thực hiện tốt *một số vấn đề quan trọng sau :*

Mọi cấp, mọi ngành, các địa phương, đơn vị phải quán triệt sâu sắc và vận dụng nhuần nhuyễn quan điểm, tư tưởng chỉ đạo kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng - an ninh ; phối hợp chặt chẽ các hoạt động quốc phòng, an ninh và đối ngoại ; nhận rõ âm mưu thủ đoạn của địch ; xác định rõ trách nhiệm của mọi người, trước hết là đội ngũ cán bộ đảng viên về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ; động viên toàn dân và cả hệ thống chính trị tự giác, tích cực chấp hành tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh chung và nhiệm vụ quốc phòng - an ninh thuộc phạm vi trách nhiệm của mọi tổ chức.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, coi đó là biện pháp cơ bản tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng cả tiềm lực và thế trận, xây dựng lực lượng thường trực chiến đấu và lực lượng dự bị động viên, phục vụ chiến đấu đáp ứng mọi tình huống vũ trang và phi vũ trang. Đặc biệt chú ý xây dựng cơ sở chính trị - xã hội và thế trận lòng dân của nền quốc phòng toàn dân. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc phải được quán triệt sâu sắc đến mọi tầng lớp nhân dân. Lòng tin vào Đảng, tình cảm đối với chế độ, tinh thần yêu nước phải được khơi dậy và phát triển ở mọi người Việt Nam. Có chính sách cụ thể thực hiện phương hướng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, đủ sức đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục xây dựng quân đội nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Đặc biệt coi trọng xây dựng quân đội về chính trị. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất, một nguyên tắc cơ bản quyết định bảo đảm sức mạnh chiến đấu của quân đội. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội, bảo đảm cho quân đội luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, xứng đáng là lực lượng nòng cốt bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu tác chiến cả trên mặt trận vũ trang và phi vũ trang. Nhiệm vụ chính trị hàng đầu của quân đội ta là sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, trách nhiệm chính trị của quân đội là phải đánh thắng. Quân đội ta không những phải đủ sức đánh thắng địch trong điều kiện chiến tranh thông thường mà

Digitized by Google

còn phải chiến thắng kẻ thù trong các loại hình chiến tranh khác, kể cả chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao. Vì vậy, ngay trong thời bình, chúng ta phải tranh thủ thời cơ, tận dụng thời gian có lợi, khai thác mọi nguồn lực, tập trung xây dựng quân đội đáp ứng yêu cầu cao nhất của phương thức đấu tranh vũ trang bảo vệ Tổ quốc. Không ngừng phát triển khoa học nghệ thuật quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự, phù hợp với nhiệm vụ trước mắt và yêu cầu phát triển của quân đội trong từng giai đoạn, tiến đến một nền khoa học quân sự hiện đại của chiến tranh nhân dân phát triển ở trình độ cao.

Trên cơ sở phát huy tối đa năng lực công nghiệp của đất nước, triệt để khai thác những thành tựu của *CNH - HĐH*, đầu tư thích đáng cho các ngành công nghiệp đặc thù quốc phòng, tăng cường trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội. Phấn đấu xây dựng được nền công nghiệp quốc phòng độc lập, tự chủ, có tiềm lực mạnh, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Phát triển công nghiệp quốc phòng theo một cơ cấu hợp lý trong tổng thể nền công nghiệp đất nước, kết hợp chặt chẽ các loại hình công nghệ sản xuất, ưu tiên hướng tới những công nghệ hiện đại, hiệu quả cao. Bố trí công nghiệp quốc phòng theo các vùng chiến lược phù hợp với yêu cầu phục vụ chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Gắn công nghiệp dân sinh với công nghiệp quốc phòng, bảo đảm mỗi bước phát triển công nghiệp đất nước đều góp phần tăng thêm tiềm lực công nghiệp quốc phòng.

Xây dựng các tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc, thực sự là nền tảng của thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với việc xây dựng và phát triển các khu vực kinh tế - quốc phòng trên các hướng chiến lược, các địa bàn trọng điểm. Nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương, từng vùng lãnh thổ.

Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng theo Chỉ thị số 62-CT/TU của Bộ Chính trị. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng, tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về nhận thức và ý thức quốc phòng, trách nhiệm của cán bộ các cấp, của toàn dân, của toàn quân đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Một hệ thống pháp luật cụ thể, đồng bộ và thống nhất là yếu tố cơ bản nâng cao trách nhiệm công dân và ý thức chính trị cho mọi người ; đồng thời là cơ sở cho việc huy động sức người, sức của, phát huy mọi nguồn lực phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh trên phạm vi cả nước, từng địa phương và cơ sở. Có chính sách thỏa đáng chăm lo đời sống các lực lượng vũ trang theo sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn. Hoàn thiện chính sách và thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với quân đội, coi đây là một mặt quan trọng của việc xây dựng lực lượng, một nội dung nhằm củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, chấp hành nghiêm túc, sáng tạo cơ chế lãnh đạo, điều hành theo Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân toàn dân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi sự nghiệp *CNH, HĐH*, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.❑

Digitized by Google

CHIẾN THẮNG 30-4-1975, NHÌN LẠI VÀ SUY NGHĨ

Đại tướng VĂN TIẾN DŨNG

1- Hơn một phần tư thế kỷ đã qua kể từ Đại thắng mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đúng hơn là kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm (1945 - 1975) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những cái mốc lịch sử đặt cơ sở cho thắng lợi đó là thắng lợi của Cách mạng tháng 8-1945 chấm dứt gần 80 năm ách thống trị thực dân và mấy nghìn năm chế độ phong kiến ; là thắng lợi của kháng chiến chống Pháp kết thúc bằng Chiến cục Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. Điều đó cũng có nghĩa là không có thắng lợi của Cách mạng tháng 8-1945 và kháng chiến chống Pháp thì không thể có thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ. Đương nhiên, điều này không thể hiểu theo những yếu tố đơn thuần về quân sự mà là những nhân tố rất cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa..., về sức mạnh toàn diện của đất nước và chế độ mới được xây dựng dần trong quá trình phát triển của cách mạng và chiến tranh cách mạng.

Trong Cách mạng tháng 8-1945, nhân dân ta đã giành lại được nền độc lập của dân tộc, không những thế, còn giành được quyền làm chủ của nhân dân lao động, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nhà nước độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân đầu tiên trên đất nước Việt Nam, đầu tiên không chỉ ở Đông - Nam Á, mà đầu tiên cả trong hệ thống các nước thuộc địa.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta đã xây dựng nên chế độ dân chủ nhân dân từng bước và cuối cùng, đã hoàn toàn giải phóng miền Bắc và đưa miền Bắc đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của Cách mạng tháng 8-1945, của kháng chiến chống Pháp, là thắng lợi của độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nhân dân ta đã giành được độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, hoàn thành trọn vẹn cách mạng dân tộc, hoàn thành về căn bản cách mạng dân chủ nhân dân, mở đường đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ là thắng lợi của độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong 30 năm, từ 1945 đến 1975, là thắng lợi của cuộc cách mạng thuộc địa ở Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời đại mới của xã hội loài người mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, trong thế tiến công của các lực lượng cách mạng : hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Như đã biết, sự kiện quan trọng nhất trong thế kỷ XX, là sự mở đầu thời đại mới ; ở Việt Nam, là dân tộc Việt Nam đã giành được độc lập hoàn toàn và mở đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thế kỷ thứ X - kể từ cuộc nổi dậy của Khúc Hạo năm 909 đến chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng năm 938, khoảng 30 năm - đã mở đầu kỷ nguyên Đại Việt rực rỡ của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chế độ phong kiến. Do hoàn cảnh riêng, Việt Nam đã bỏ qua chế độ chiếm hữu nô lệ và tiến thẳng lên chế độ phong kiến.

Thế kỷ thứ XX - kể từ cuộc Cách mạng tháng 8-1945 đến Đại thắng mùa Xuân 1975, thời gian tròn ba thập kỷ - đã mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, *kỷ nguyên dân tộc xã hội chủ nghĩa*. Do hoàn cảnh riêng, Việt Nam đã bỏ qua chế

Digitized by Google

độ tư bản, không trải qua dân tộc tư sản mà tiến thẳng lên dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Bước sang thế kỷ XXI, dân tộc Việt Nam ta nhất định sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và đời đời bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu rất quan trọng trong 15 năm đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm, sai lầm trong quá trình triển khai cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước, cho chúng ta đầy đủ căn cứ để tin tưởng vào tương lai, tiền đồ của cả dân tộc cũng như của mỗi người dân Việt Nam.

2- Chắc chắn là sai lầm nếu tách rời thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, thắng lợi của cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm (1945 - 1975), thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản khỏi lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam, của con người và đất nước Việt Nam, truyền thống Việt Nam, mà tiêu biểu là *văn hóa Việt Nam*. Cái cốt lõi của văn hóa Việt Nam làm nên những trang sử vàng trước kia cũng như những chiến công rực rỡ ngày nay là *lòng yêu nước, thương nòi* của dân tộc Việt Nam, của mỗi người dân Việt Nam ; là *tinh thần cố kết dân tộc, ý chí quyết chiến quyết thắng* mọi kẻ thù xâm lược. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn luôn động viên lòng yêu nước của toàn dân, giương cao ngọn cờ dân tộc, kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, xây dựng và thường xuyên củng cố khối đại đoàn kết của toàn dân tộc, của các cộng đồng dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam trên nền tảng liên minh công nông, để chiến đấu và từng bước xây dựng chế độ mới.

Văn hóa Việt Nam biểu hiện trong quân sự, trong khởi nghĩa và chiến tranh - chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc - cũng như trong sự nghiệp củng cố quốc phòng, là khoa học và nghệ thuật quân sự của *toàn dân đánh giặc, toàn dân giữ nước* ; là khởi nghĩa toàn dân, chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, với nòng cốt là các lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Khoa học và nghệ thuật quân sự ấy đã hình thành, phát triển từng bước và hoàn thiện dần từ những ngày chuẩn bị khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975.

Không thể tách rời Chiến thắng 30-4-1975, Đại thắng mùa Xuân 1975 với toàn bộ kinh nghiệm của 30 năm chiến tranh cách mạng, với cả kho tàng quân sự quý báu, độc đáo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Chiến thắng 30-4-1975 - như một bất ngờ lớn trong "mười lăm phút cuối cùng của trận đấu" - vẫn được tiếp tục soi sáng bởi tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh khi Người đã đi xa. Chiến thắng đó đã được tập thể Bộ thống soái tối cao, đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn chuẩn bị, dự báo và ấn định từng bước, từng bước sau khi "đánh cho Mỹ cút". Trên cơ sở những thắng lợi liên tiếp trên chiến trường do nỗ lực cao độ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đưa đến, quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời cơ lịch sử này đã được điều chỉnh từ hai năm xuống một năm, và cuối cùng là trước mùa mưa, "ngay trong tháng tư", "đánh cho nguỵ nhào", theo đúng kế hoạch chiến lược đã vạch sẵn của Hồ Chí Minh.

Nhiều cái tưởng như ngẫu nhiên mà thực ra là tất yếu, bắt nguồn và được chuẩn bị từ trong cái tất yếu hình thành và phát triển trong lịch sử. Quá khứ chuẩn bị cho tương lai và tương lai đi từ quá khứ trong sự đổi mới và phát triển không ngừng.

Chắc chắn cũng là không đúng nếu tách rời thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, của 30 năm cách mạng và chiến tranh cách mạng, của Cách mạng tháng 8-1945 khởi sức mạnh của *thời đại mới*, của các lực lượng cách mạng mới ra đời từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga trong chiến tranh thế giới thứ nhất và phát triển mạnh mẽ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, ông cha ta từng chiến thắng những kẻ thù xâm lược lớn hơn mình nhiều lần nhưng cùng hình thái kinh tế - xã hội là chế độ phong kiến. Ngày nay, nhân dân ta cũng đã chiến thắng những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn mình nhiều lần nhưng ở hình thái kinh tế - xã hội phát triển hơn - chủ nghĩa đế quốc (so với nước ta là một nước thuộc địa nửa phong kiến). Tuy nhiên, cần thấy rằng, còn phải có sức mạnh của một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn nữa - chủ nghĩa xã hội (cùng những lực lượng cách mạng mới do chủ nghĩa xã hội tạo nên như ta đã thấy). Rõ ràng, trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, *độc lập dân tộc phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội* thì mới có thể chiến thắng được kẻ thù đế quốc. Ngày nay, khi chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, chúng ta vẫn cần

Digitized by Google

và càng cần khẳng định chân lý đó, khẳng định con đường giải phóng dân tộc của Việt Nam mà Bác Hồ đã tìm ra và Đảng ta, nhân dân ta đã lựa chọn. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là động lực mới của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh mới của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

3- Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã từng dùng nhiều hình thức đấu tranh không bạo lực, hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp kết hợp với nhau, nhưng cuối cùng vẫn phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, dưới các hình thức khởi nghĩa toàn dân, chiến tranh nhân dân để lật đổ ách thống trị thực dân và đánh bại chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch khác mới giành được chính quyền nhân dân, giành được độc lập tự do. Trong quá trình tiến hành chiến tranh, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, hòa bình trong độc lập, tự do. Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành nhiều cuộc thương lượng hòa bình và ký kết nhiều hiệp ước hòa bình nhằm chấm dứt chiến tranh, nhưng không được. Cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài ba thập kỷ rõ ràng không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan tốt đẹp của Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta, mà do sự áp đặt của các thế lực thù địch. *Lãnh đạo quân sự, lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh nhân dân đã trở thành nhiệm vụ chủ yếu trong sứ mạng lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng ta trong suốt thời gian đó.* Điều đó phản ánh một quy luật phát triển của dân tộc ta trong lịch sử là dựng nước phải đi đôi với giữ nước ; phản ánh một quy luật của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay là xây dựng đất nước phải gắn liền với bảo vệ Tổ quốc.

Lịch sử phát triển của dân tộc ta nhắc nhở toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong hoàn cảnh hòa bình hiện nay, trong khi tập trung vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, không một phút lơ là nhiệm vụ củng cố quốc phòng, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống bất trắc có thể xảy ra. Chiến thắng 30-4-1975, chiến thắng trong chiến tranh, là chiến thắng của toàn dân tộc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân hiện nay cũng phải dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc, lấy liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, lấy lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân làm nòng cốt. Phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh, quốc phòng - an ninh với đối ngoại. *Lãnh đạo quân sự, lãnh đạo xây dựng và củng cố quốc phòng đang là một nhiệm vụ cơ bản của Đảng và Nhà nước ta trong lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.*

Thượng sách giữ nước là không phải làm chiến tranh, và muốn vậy, phải đánh bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch trong hòa bình, củng cố hòa bình, ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đồng thời sẵn sàng nhất cho chiến tranh.

Theo đường lối đổi mới của Đảng trong quá trình tìm tòi, thể nghiệm một mô hình mới của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về mặt quân sự, cần tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh *đường lối quân sự của Đảng* - đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện đại phù hợp đất nước trong bối cảnh mới của khu vực và thế giới. Cần nắm bắt những thành tựu mới nhất về khoa học và công nghệ hiện đại, về khoa học xã hội và nhân văn, những học thuyết quân sự mới trên thế giới, những thành tựu mới của công nghệ cao được áp dụng trong quân sự, để giải quyết đúng đắn những vấn đề về củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ.

Kinh nghiệm rất phong phú của 30 năm chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng cùng những kinh nghiệm bước đầu rất quý báu của 20 năm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và củng cố quốc phòng, là cơ sở thực tiễn và lý luận vững chắc để xây dựng, phát triển và không ngừng hoàn thiện khoa học và nghệ thuật quân sự của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện đại, tích cực góp phần vào nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thân yêu.

Những bài học của Đảng lãnh đạo cách mạng nói chung, lãnh đạo quân sự, lãnh đạo khởi nghĩa, chiến tranh và quốc phòng nói riêng trong cuộc trường chinh nửa thế kỷ giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và mở đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vẫn giữ nguyên vẹn giá trị khi được vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện mới. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi. Thành công của Đại hội IX của Đảng nhất định sẽ đặt một cái mốc mới cho những thắng lợi mới của dân tộc Việt Nam ta trong những năm đầu của thiên niên kỷ mới.❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM (2001 - 2010)

LƯU BÍCH HỒ *

CHIẾN lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) là ***Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.*** Bài viết này xin được làm rõ thêm một số vấn đề chủ yếu của Chiến lược như sau :

1 - Trước hết về ***con đường công nghiệp hóa của nước ta.*** Nói một cách khái quát, đây là con đường CNH rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, dựa vào phát huy tối đa những tiềm năng và lợi thế của đất nước, gắn CNH với hiện đại hóa trong từng bước, gắn CNH, HĐH với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Con đường CNH như vậy sẽ rất khác với cách hiểu và cách làm CNH theo kiểu cổ điển, có nghĩa là phải vận dụng đến mức tối đa những điều kiện mới của thế giới ngày nay, mà nổi bật là những bước tiến của cách mạng khoa học và công nghệ cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đó cũng là một quá trình vừa có những bước đi tuần tự, lại vừa có những bước tiến nhảy vọt, "đi tắt, đón đầu" trong phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế và công nghệ. Trong quá trình này, chúng ta vừa tập trung sức phát triển mạnh công nghiệp, vừa đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Theo con đường CNH này, chúng ta sẽ phát huy cao nhất mọi nguồn nội lực (con người, tài nguyên, cơ sở vật chất, vốn, khoa học - công nghệ, năng lực quản lý, thông tin...), trong đó nguồn lực con người có năng lực và trí tuệ là quan trọng và quyết định nhất ; đồng thời tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài (vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thị trường, thông tin...), kết hợp chúng thành sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước. Không làm được như vậy hoặc làm không tốt thì không thể thành công.

Để rút ngắn thời gian CNH, thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước xung quanh, phải phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh, ít nhất là cao hơn nhịp độ tăng trưởng bình quân của các nước trong khu vực trong một thời gian tương đối dài, đi đôi với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô để tăng trưởng bền vững. Đặt ra mức tăng trưởng nhanh, 10 năm tăng ít nhất gấp đôi GDP (trên 7%/năm) không phải là không hiện thực, vì thực tế 10 năm qua chúng ta đã đạt được tốc độ tăng trưởng 7,6%/năm. Trong 10 năm tới, theo những dự báo và tính toán về nhiều yếu tố (vốn, thị trường, nguồn nhân lực và năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế...), kinh tế nước ta vẫn có thể có nhịp độ tăng trưởng ít nhất 7%/năm, thậm chí có nhiều khả năng tăng trên mức đó. Điều cần nhấn mạnh là trong khi vẫn còn nhiều khả năng tiếp tục khai thác các tiềm năng phát triển theo chiều rộng (tăng diện tích canh tác, đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất mới và tăng sản lượng, xây dựng các công trình hạ tầng mới...), chúng ta lại phải đặt trọng tâm vào nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đổi mới công nghệ, ứng dụng tối đa các thành tựu và tri thức mới của khoa học và công nghệ, đổi mới quản lý, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Phải từng bước phát triển tri thức, dù chỉ là ở mức còn sơ khởi và nhỏ bé ban đầu.

Phát triển nhanh phải đi liền với phát triển bền vững. Phát triển bền vững là phải gắn kết sự phát

* TS. Viện trưởng Viện chiến lược phát triển

Digitized by Google

triển kinh tế với *thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và cải thiện môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.* Quan niệm này về sự phát triển bền vững vừa có phần trùng hợp với quan niệm chung của nhiều nước trên thế giới, vừa xuất phát từ đặc điểm của nước ta, phát triển theo định hướng XHCN trong bối cảnh quốc tế ngày nay.

Thực hiện *tiến bộ và công bằng xã hội* vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển bền vững theo định hướng XHCN. Là mục tiêu thường rất dễ được thừa nhận, nhưng là động lực phát triển, xem ra còn chưa được coi trọng. Điều đó được thể hiện là khi đặt vấn đề đáp ứng các nhu cầu về mặt văn hóa - xã hội, thường nghĩ đó là kết quả, hệ quả của sự tăng trưởng kinh tế. Nói cách khác, hãy lo cho tăng trưởng trước rồi mới có điều kiện giải quyết tiền lương, cải thiện đời sống, phát triển giáo dục, y tế... ; giải quyết các vấn đề xã hội là nhiệm vụ đi theo sau phát triển kinh tế. Như thế là không thấy được vai trò động lực phát triển rất lớn của yếu tố con người và tiến bộ xã hội. *Chiến lược trong thời kỳ tới đã đặt rõ hơn, mạnh hơn, thấu triệt hơn sự gắn kết kinh tế và xã hội ngay trong từng bước phát triển, trong từng công việc phải làm.* Trước hết là tạo cơ hội tương đối đồng đều cho sự phát triển của mọi người, tập trung vào giải quyết việc làm và nâng cao dân trí. Phát triển nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản để bảo đảm công bằng xã hội. Trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng, giữa các cộng đồng dân cư tuy chưa đồng đều, và cũng không thể đặt vấn đề có ngay sự đồng đều, nhưng mọi vùng đều phải có bước phát triển hướng tới sự đồng đều ấy. Nhà nước quan tâm nhiều hơn tăng cường nguồn lực cho những vùng khó khăn, những cộng đồng có nhiều khó khăn để sớm tạo ra một mặt bằng hợp lý, trên cơ sở đó mọi vùng, mọi cộng đồng, mọi con người đều phát triển, mọi tầng lớp dân cư đều được cải thiện đời sống ; về mặt văn hóa, xã hội, cần phải sớm thu hẹp dần sự cách biệt, phát huy bản sắc và truyền thống các dân tộc. Chỉ có làm như vậy, và có thể làm được, chúng ta mới thực hiện được ý tưởng : dù điều kiện vật chất chưa thật dồi dào, vẫn có thể tạo ra một cuộc sống hài hòa giữa vật chất và văn hóa, tinh thần, một cuộc sống có chất lượng tương đối cao của nhân dân ta trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây chính là mặt văn hóa của sự phát triển phù hợp với định hướng XHCN mà chúng ta theo đuổi. Ý tưởng này thể hiện thành chủ trương, chính sách cụ thể và đưa vào cuộc sống chính là một phần của mô hình phát triển đất nước ta trong nhiều thập kỷ tới.

Bảo vệ và cải thiện môi trường vừa là nhiệm vụ bức xúc, vừa là vấn đề chiến lược lâu dài ; phải bảo đảm cho môi trường nhân tạo, môi trường xã hội hòa hợp với môi trường thiên nhiên, xem đây là một mục tiêu, một tiêu chí quan trọng của chất lượng cuộc sống ngày càng tiến lên hiện đại. Đồng thời, phải có giải pháp khắc phục tác động của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi và hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi trường sinh thái của nước ta. Vấn đề này đã được thấu suốt, xuyên suốt trong toàn bộ Chiến lược, thể hiện trong phát triển từng ngành, lĩnh vực, vùng, từng cộng đồng dân cư để con người thật sự làm chủ được môi trường sống của mình, hoặc ít nhất cũng hạn chế được đến mức thấp nhất những tác động xấu của biến động môi trường. Như vậy, bảo vệ và cải thiện môi trường không chỉ là mục tiêu mà còn là điều kiện quan trọng của sự phát triển bền vững.

Kết hợp xây dựng và bảo vệ đất nước, gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh là một yêu cầu quan trọng của sự phát triển bền vững theo định hướng XHCN.

Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh là một chủ trương lớn để thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược - xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh của Tổ quốc. Từ kinh nghiệm đã được đúc kết trong thời gian qua, sự kết hợp giữa kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh phải là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp. Bằng nhận thức và hành động tự giác cao trong sự điều hành chặt chẽ, nhạy bén, tạo ra sức mạnh tổng hợp cả chính trị - kinh tế - xã hội - đối ngoại - quốc phòng, an ninh, trong đó sức mạnh chính trị là quyết định.

Sự kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh cần được tiến hành toàn diện và có trọng điểm là kết hợp trong việc xây dựng các ngành kinh tế và công nghệ mũi nhọn, xây dựng các vùng kinh tế, nhất là các vùng xung yếu, vùng biển và ven biển, vùng biên giới và cửa khẩu và phân bố hợp lý cơ

Digitized by Google

sở kinh tế trên các vùng, vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa sử dụng được cho quốc phòng - an ninh khi cần thiết. Kết hợp ngay trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược quốc phòng và các chiến lược khác có liên quan, từ đó, chỉ đạo sự kết hợp trong quy hoạch, kế hoạch của các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở. Tất cả đều cần quán triệt và thể hiện yêu cầu tự bảo vệ, được bảo vệ và tham gia bảo vệ quá trình và các thành quả của sự phát triển.

Trong việc xây dựng các cơ sở vật chất - kỹ thuật về kinh tế và về quốc phòng - an ninh, cần vận dụng tối đa khả năng sử dụng cho cả hai yêu cầu đó. Nâng cao năng lực công nghiệp quốc phòng, bảo đảm sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, kết hợp tận dụng năng lực sản xuất để làm hàng dân dụng. Các cơ sở kinh tế, trước hết là doanh nghiệp nhà nước, phải ưu tiên đáp ứng nhu cầu của quốc phòng - an ninh về những sản phẩm phù hợp với năng lực sản xuất của mình. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phải kết hợp chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh trên từng vùng lãnh thổ. Tăng cường các biện pháp an ninh phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

2 - Để đạt được mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại thì giai đoạn từ nay đến 2010 phải ***xây dựng được nền tảng của một nước công nghiệp.*** Những nền tảng ấy được từng bước xây dựng theo ba giai đoạn cơ bản như sau :

Giai đoạn đầu tạo ra những tiền đề cơ bản cho CNH, đó là : xác định mục tiêu ; tạo ra nguồn tích lũy ban đầu từ nội bộ nền kinh tế ; xây dựng hạ tầng và nguồn nhân lực ở mức tối thiểu ; tạo ra một hệ thống cơ sở kinh tế, trong đó nông nghiệp giải quyết được vấn đề an ninh lương thực và về cơ bản đáp ứng được "nguồn nuôi sống" nông nghiệp (xét theo quan niệm trao đổi giá trị), một hệ thống công nghiệp và dịch vụ ban đầu tạo được nhịp độ tăng trưởng nhanh của toàn nền kinh tế ; hình thành một cơ chế quản lý kinh tế mới và rộng hơn là một hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp cùng với một môi trường phát triển ổn định cho kinh tế vĩ mô và cho sản xuất kinh doanh. Đến năm 2000, sau nhiều năm phấn đấu mà chủ yếu là trong 10 năm 1991 - 2000, chúng ta đã cơ bản đi qua giai đoạn đầu này của quá trình CNH.

Giai đoạn hai nhằm đẩy mạnh CNH, tạo ra một nền tảng CNH đủ chắc chắn để bứt lên trong giai đoạn sau. Trong giai đoạn này cần tạo ra một tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, đồng thời tạo dựng được những yếu tố nền tảng sau đây :

a) Xây dựng được tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng cho yêu cầu phát triển, bao gồm : kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ; một nền công nghiệp có sức cạnh tranh tương đối cao, trong đó có một bộ phận công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất (công nghiệp nặng) quan trọng có lựa chọn, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng ; nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn hướng tới hiện đại ; phát triển mạnh các ngành dịch vụ cơ bản ; tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ.

Trong phát triển công nghiệp, quán triệt phương hướng : vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa áp dụng công nghệ tiến bộ, đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa...). Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt, phù hợp với điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được tác dụng và hiệu quả cần thiết...

b) Phát triển mạnh nguồn lực con người Việt Nam để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định trong quá trình tạo nền tảng cho CNH, HĐH, đặc biệt là để đủ sức tự mình vươn lên phát triển dần kinh tế tri thức.

c) Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Việc xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp phải dựa trên sức mạnh của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại, gắn quá trình CNH, HĐH với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể xem hai nội dung (a) và (b) là mặt phát triển lực lượng sản xuất ; còn nội dung (c) là xây dựng quan hệ sản xuất và định hướng chính trị - xã hội của việc xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện CNH để tiến tới mục tiêu đưa nước ta

Digitized by Google

trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Dĩ nhiên, các chỉ tiêu cụ thể của một nước công nghiệp của thập kỷ 30 thế kỷ này còn là một vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ thêm. Có thể đây sẽ là một mục tiêu phấn đấu mà chúng ta phải tính đến sự linh hoạt (dãn nở về thời gian). Điều cần khẳng định là chúng ta phải theo đuổi một sự phát triển vừa nhanh, vừa hài hòa và bền vững giữa kinh tế và văn hóa - xã hội - môi trường như đã nêu ở trên, với sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và thời đại để thực sự rút ngắn quá trình CNH so với các nước đi trước.

Trong giai đoạn này (*2001 - 2020* hoặc thêm một số năm) đã hội đủ nhiều điều kiện mang tính tiền đề về kết cấu hạ tầng, khung thể chế, nguồn nhân lực, năng lực nội sinh, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập quốc tế... để tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH nhằm thực hiện thành công mục tiêu nêu trên.

3 - Một vấn đề quan trọng và khó khăn nhất trong quá trình CNH, HĐH nước ta là ***CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn,*** nó có ý nghĩa rất quyết định đối với thành công của công cuộc CNH đất nước. Trong lĩnh vực này có ba nhiệm vụ phải thực hiện đồng thời.

Một là, phải đưa năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp (theo nghĩa rộng) lên một mức cao để bảo đảm thu nhập của người nông dân được nâng lên xấp xỉ bằng thu nhập chung của xã hội và sản phẩm nông nghiệp thỏa mãn được nhu cầu thị trường trong nước và thế giới. Muốn vậy, trước hết phải đưa nông nghiệp lên thành nền kinh tế hàng hóa có chất lượng ngày càng cao. Các biện pháp kỹ thuật phải được áp dụng rộng rãi, bao gồm cả điện khí hóa, cơ giới hóa, thủy lợi hóa, sinh học hóa, ứng dụng công nghệ thông tin ; đồng thời các biện pháp tổ chức sản xuất, dịch vụ phải được phối hợp trong các hình thức kinh tế hợp tác mới và tổ chức trang trại thích hợp để cho diện tích đất khai thác của một đơn vị sản xuất được mở rộng phù hợp với phương thức công nghiệp. Có như vậy thì năng suất trên một đơn vị diện tích và của một lao động nông nghiệp mới có thể được nâng cao thực sự.

Hai là, công nghiệp vùng nông thôn phải được tạo dựng và phát triển, vừa để phục vụ cho đầu vào và đầu ra của nông nghiệp, vừa để giải quyết việc làm và nghề nghiệp mới cho số lao động nông thôn dôi dư và mới tăng thêm. Lao động nông nghiệp hiện nay còn chiếm khoảng 62% tổng số lao động, dự kiến đến năm 2010 sẽ còn khoảng 50% và năm 2020 sẽ còn thấp hơn nữa. Tỷ trọng lao động giảm nhưng giá trị gia tăng trong nông nghiệp vẫn tăng lên. Đây là vấn đề lớn trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Một phần lao động dôi dư trên có thể bổ sung cho đô thị và các khu công nghiệp mới, còn phần lớn vẫn ở lại vùng nông thôn và chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Công nghiệp vùng nông thôn chủ yếu sẽ là công nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí rất nhỏ, hướng vào chế biến nông sản và vật liệu tại chỗ, vào các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn và có thể bán sang các vùng khác hoặc xuất khẩu. Bên cạnh đó, ở những vùng có điều kiện tập trung vẫn có thể xây dựng những trung tâm công nghiệp lớn (thủy điện, vật liệu xây dựng, sắt thép, kim loại màu v.v..), những trung tâm du lịch sinh thái, văn hóa, những làng nghề đặc sản ; các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân cũng được phát triển mạnh và đa dạng.

Ba là, vấn đề xây dựng cơ bản hạ tầng nông thôn mới, một công việc đòi hỏi thời gian dài hơn nhiều lần một thời kỳ chiến lược. Trước hết, cần mở rộng mạng lưới đường sá (kể cả đường thủy), nối các vùng nông thôn với các đô thị lớn và hải cảng tạo điều kiện thông thương để cung ứng và tiêu thụ hàng hóa. Vấn đề cung cấp điện và nước sạch, kể cả nước cho sản xuất nông nghiệp, cũng nằm trong ưu tiên của giai đoạn đầu. Vấn đề lớn đòi hỏi nhiều thời gian hơn là việc sắp xếp lại dân cư cho phù hợp với điều kiện phân bố lại lao động và cải thiện dần môi trường sống vùng nông thôn để vẫn giữ được khung cảnh, môi trường thiên nhiên, nhưng lại có được những tiện nghi đời sống hiện đại tương tự như ở đô thị. Để bảo đảm những yêu cầu trên, đồng thời tránh phát triển những thành phố quá lớn, mà thực tế cho thấy là lợi bất cập hại, cần sắp xếp và hình thành nhiều thị trấn, thị tứ là nơi tập trung công nghiệp và dịch vụ nông thôn, nơi phát triển khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn, cũng là những điểm văn hóa nông thôn mới. Một mạng lưới thị trấn, nối liền những trung tâm công nghiệp mới và các đô thị đã có sẵn bằng một hệ thống giao thông thuận lợi, một mạng lưới thông tin và hạ tầng kỹ thuật khác sẽ có thể bảo đảm cho sự phát triển hài hòa toàn bộ nền kinh tế, văn hóa, xã hội của

Digitized by Google

cả nước. Chương trình đầu tư này là rất lớn và là dài hạn, đòi hỏi trước mắt cần có quy hoạch phát triển tổng thể và quy hoạch không gian cụ thể.

4 - Đẩy mạnh CNH, HĐH xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp phải gắn liền với việc ***xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.***

Nền kinh tế độc lập tự chủ không có nghĩa là một nền kinh tế tự cấp, tự túc, khép kín, tách biệt với thế giới bên ngoài, tự biệt lập mình, không giao lưu và không sử dụng những thành tựu, kinh nghiệm phát triển trên thế giới. Ngày nay, chắc chắn không một nước nào có thể phát triển trong một môi trường như vậy.

Độc lập tự chủ về kinh tế không chỉ để bảo đảm độc lập tự chủ về chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh mà còn là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển bền vững, cho việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Khi đã có độc lập tự chủ về chính trị, thì nội dung cơ bản của độc lập tự chủ của một quốc gia là có xây dựng được độc lập tự chủ về kinh tế hay không. Đây là kinh nghiệm thực tiễn của chúng ta, cũng là kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển. Đặc biệt là chúng ta phát triển theo định hướng XHCN trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, thế lực thù địch thường xuyên ngăn cản và chống phá sự nghiệp xây dựng CNXH của chúng ta.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng XHCN ; đẩy mạnh CNH, HĐH để có tiềm lực kinh tế, khoa học - công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh ; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh ; có thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô ; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và phát triển trong mọi tình huống phức tạp. Đây là những điều kiện cần thiết để có được một nền kinh tế độc lập tự chủ đầy đủ, nhưng cũng là một quá trình xây dựng từ thấp đến cao, ngày càng hoàn chỉnh, gắn với tiến trình CNH, HĐH. Trong khi chưa đạt ở mức cao, hiện nay chúng ta vẫn bảo đảm yêu cầu cơ bản về độc lập tự chủ, trước hết về đường lối và chính sách kinh tế, xã hội, đồng thời từng bước xây dựng những yếu tố vật chất làm nền tảng như : an toàn lương thực, năng lượng, tài chính, bảo đảm về kết cấu hạ tầng, giữ ổn định kinh tế, xã hội...

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ gắn liền với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở độc lập tự chủ về kinh tế thì mới hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả sẽ tạo thêm điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ. Giữa hai mặt này có quan hệ biện chứng, gắn bó với nhau, tác động lẫn nhau và tạo điều kiện cho nhau.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng XHCN, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc ; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh ; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế trong hội nhập ; không bỏ lỡ thời cơ, chủ động về lộ trình, khắc phục và hạn chế các mặt bất lợi ; đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Cần khẳng định nước ta trên thực tế đã và đang tham gia tích cực, có hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn và rất quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm qua.

Trong chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phải tập trung ưu tiên giải quyết các vấn đề sau đây :

- Phát huy lợi thế, tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, của hàng hóa và của cả nền kinh tế, giảm dần hàng rào bảo hộ ;

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế, hiệu quả hợp tác quốc tế ;

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Phát triển nhanh các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kiểm toán, tư vấn pháp luật, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ trí tuệ, công nghệ thông tin... phù hợp với thông lệ quốc tế ;

- Tăng nhanh tích lũy từ nội bộ nền kinh tế ;

- Tăng nhanh tổng kim ngạch xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho một số loại hàng nông nghiệp, công nghiệp có sức cạnh tranh. Đẩy mạnh tìm kiếm khai thác thị trường mới ;

- Tập trung thu hút vốn đầu tư bên ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Coi trọng sử dụng nguồn ODA trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân

Digitized by Google

lực, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường ;

- Tạo bước phát triển mới, có hiệu quả ngay trong 5 năm tới trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học công nghệ vào tăng trưởng từng ngành, từng sản phẩm, từng lĩnh vực và trên từng vùng kinh tế ;

- Đổi mới công tác kế hoạch hóa, nâng cao tính định hướng và dự báo, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và kế hoạch. Gắn quy hoạch, kế hoạch với thị trường trong nước và quốc tế ;

- Tăng cường hiệu lực chính sách kinh tế vĩ mô, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là xóa bỏ các quy tắc không hợp lý và các thủ tục phiền hà cho các hoạt động thu hút đầu tư, xuất - nhập khẩu và kinh tế đối ngoại.

5 - Để giải phóng triệt để sức sản xuất, phát huy cao nhất sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của cả dân tộc, tạo động lực và nguồn lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm thắng lợi trong hội nhập quốc tế, phải ***đổi mới một cách sâu rộng và đồng bộ, cả về kinh tế, xã hội đặc biệt là bộ máy nhà nước.***

Trong thời kỳ mới, nguồn động lực chủ yếu để phát triển đất nước ta, như Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng đã nêu : *"đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"*. Bởi vậy, chúng ta cần đặc biệt chú ý đổi mới hệ thống các chính sách kinh tế và xã hội, một khâu rất quan trọng để tạo ra nguồn động lực mới, sức bật mới cho sự phát triển.

Trên lĩnh vực kinh tế, cùng với những nội dung đổi mới đã nêu ở các điểm trên, trong thời kỳ chiến lược tới cần tập trung cao vào yêu cầu *hình thành về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* (1). Điều đó có nghĩa là sau khi đặt nền móng cho kinh tế thị trường (có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN), nay chúng ta cần tạo điều kiện để đi tới hình thành về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong khoảng 10 năm, sau đó sẽ là giai đoạn hoàn thiện thể chế. Ba giai đoạn này cũng tương ứng với các giai đoạn CNH, HĐH đã nêu ở trên.

Trong việc hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc quan trọng đầu tiên là tạo ra môi trường luật pháp và môi trường kinh tế thuận lợi để cho mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật và không có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Tất cả đều là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Vấn đề phân định các thành phần kinh tế là để có các chính sách phù hợp nhằm phát huy tối đa khả năng của từng thành phần cho công cuộc phát triển đất nước, hướng vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tuy nhiên, vai trò của các thành phần kinh tế không hoàn toàn giống nhau, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tức là chi phối những lĩnh vực then chốt, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là một công cụ để nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Kinh tế nhà nước không đồng nhất với doanh nghiệp nhà nước, vì ngoài doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích còn có các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu nhà nước khác hoạt động tài chính, bảo hiểm, dự trữ v.v.. Tuy vậy, doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vai trò quan trọng trong các ngành then chốt như một số ngành và cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quy mô lớn, công nghiệp công nghệ cao, các ngân hàng và tổ chức tín dụng v.v.. Muốn giữ được vai trò của doanh nghiệp nhà nước, cần thực hiện việc cơ cấu lại (sắp xếp lại, cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê tài sản, phá sản...) và cải tiến quản lý doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN cần tạo lập đồng bộ các

---

(1) Nói "hình thành thể chế" chính xác hơn là nói "vận hành theo cơ chế". *Cơ chế* là chỉ nguyên lý hay quan hệ vận hành của thị trường, là quan hệ khách quan giữa các yếu tố kinh tế thị trường. Còn *thể chế* là chỉ tập hợp các quy tắc, quy định của nhà nước để điều tiết các quan hệ kinh tế. Cơ chế là khách quan, thể chế là sự chủ động của nhà nước.

Digitized by Google

yếu tố thị trường, dần dần tiến đến một thị trường chung hoàn chỉnh theo yêu cầu của sự phát triển. Ngoài thị trường đã hình thành về hàng hóa và một số dịch vụ, cần phát triển thị trường vốn và tiền tệ, thị trường bất động sản, thị trường sức lao động, thị trường các loại dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, bảo hiểm, tư vấn v.v.

Việc hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường là cần thiết để phát huy mặt tích cực của thị trường và hạn chế các mặt tiêu cực của nó, tạo ra tính năng động, hiệu quả cao trong môi trường cạnh tranh lành mạnh. Song phạm vi hoạt động, cơ chế kinh doanh của mỗi loại thị trường lại cần có sự chỉ đạo sát sao của nhà nước là người tạo ra thể chế thị trường, đồng thời cũng là người chịu trách nhiệm về hiệu quả của thị trường (coi trọng quyền lợi quốc gia và định hướng XHCN là hai tiêu chuẩn quan trọng).

Về lâu dài, có thể sẽ giảm dần sự can thiệp của nhà nước đối với thị trường, nhưng trong giai đoạn hình thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện nay nhiều biện pháp can thiệp đang có ý nghĩa rất quan trọng, thậm chí trên một số mặt có ý nghĩa quyết định.

Chức năng cơ bản của nhà nước về kinh tế là : định hướng phát triển (bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách) ; tạo môi trường pháp lý và môi trường kinh tế cho các chủ thể kinh tế hoạt động và cạnh tranh lành mạnh ; điều tiết hoạt động và phân phối lợi ích một cách công bằng, thông qua việc sử dụng các công cụ ngân sách, thuế khóa, tín dụng v.v. kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế theo đúng luật pháp và chính sách.

Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện để hình thành và phát triển thị trường, giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quản lý nhà nước về kinh tế, sử dụng hai loại công cụ chính : công cụ chính sách, quy chế, luật pháp và công cụ kinh tế nhà nước để thực hiện chức năng định hướng phát triển và điều tiết kinh tế, điều tiết thị trường. Đây là mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường hay giữa kế hoạch và thị trường, trong đó thị trường có những quy luật hoạt động khách quan (cung cầu, giá cả, cạnh tranh...), nhưng nhà nước chủ động tạo điều kiện cho thị trường hoạt động, và điều tiết những phần cần thiết phục vụ cho định hướng phát triển của đất nước.

Trong phát triển kinh tế có 3 loại tổ chức trực tiếp tác động đến sự vận hành của thị trường là nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Vai trò nhà nước như đã được khẳng định. Vai trò doanh nghiệp là cực kỳ quan trọng vì nó là "cầu thủ chính trên sân chơi" thị trường, nhưng hiện nay các doanh nghiệp còn thụ động, hướng tới cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực sự tự chủ trong kinh doanh. Vai trò các tổ chức xã hội hiện còn rất mờ nhạt, ngoài một số hoạt động của công đoàn, các tổ chức xã hội chưa phát huy được đáng kể vai trò phản biện xã hội và tham gia quản lý cho nên trong thời gian tới vai trò này cần được chú ý hơn.

Việc đổi mới công tác quản lý của nhà nước về hành chính, kinh tế cần tập trung vào 4 khâu quan trọng và cấp thiết nhất (cũng là những khâu chính trong cải cách vĩ mô và đổi mới cơ cấu) : cải cách tài chính, cải cách ngân hàng, cải cách doanh nghiệp và cải cách hành chính. Bốn khâu đổi mới và cải cách trên đều là cần thiết trước mắt để nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh tế, ứng phó với những tác động của môi trường kinh tế bên ngoài trong quá trình hội nhập, đồng thời cũng là những yêu cầu cải cách cơ bản để đi đến hình thành nền kinh tế và thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Cùng với đổi mới trong kinh tế, cần coi trọng việc đổi mới thể chế quản lý đối với các lĩnh vực văn hóa, xã hội nhằm tạo điều kiện phát triển và nâng cao chất lượng của các hoạt động này. Đẩy mạnh xã hội hóa đúng đắn các hoạt động văn hóa, xã hội, tách biệt bộ máy hành chính công với các đơn vị sự nghiệp làm dịch vụ công là một hướng đổi mới quan trọng.

Cùng với việc đổi mới thể chế kinh tế, xã hội, cần phát huy mạnh mẽ dân chủ, chỉnh đốn và xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, có năng lực, hiệu lực thông qua cải cách hành chính, đi đôi với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, tăng cường sức mạnh và uy tín của hệ thống chính trị trong nhân dân. Làm được như vậy, chúng ta sẽ tạo ra một sức bật mới, rất to lớn, cho sự phát triển của đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google

NGỜI SÁNG TẤM GƯƠNG NGƯỜI CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN XUÂN LẠC *

TRONG niềm vui của Mùa Xuân - Đại hội IX của Đảng, những người cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân ta luôn ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và lãnh đạo Đảng ta - người cộng sản mẫu mực đã nêu một tấm gương sáng đời đời không chỉ cho dân tộc ta mà cho cả nhân loại. Tấm gương ấy, trong thời điểm lịch sử này, càng quí giá biết bao đối với Đảng ta và nhân dân ta bởi đó là ngọn cờ, là biểu tượng, là nguồn cổ vũ, là người dẫn đường, cho ta niềm tin và sức mạnh để đưa đất nước đi lên trong thời kì mới. Mỗi người chúng ta đều tìm thấy trong tấm gương ấy một bài học sâu sắc, bổ ích để soi lại mình, một nguồn khích lệ động viên, một tình thương yêu tha thiết để vươn lên tầm cao của Bác, một niềm tin sắt son để đi theo con đường Bác vạch đến thắng lợi cuối cùng.

TẤM GƯƠNG SINH ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC CHÂN CHÍNH

"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta"(1). Truyền thống đó đã kết tinh rực rỡ ở Bác, đưa Bác lên vị trí người con yêu nước số một của dân tộc Việt Nam trong thời đại cách mạng vô sản. Đó là chủ nghĩa yêu nước chân chính của người cộng sản Việt Nam Hồ Chí Minh mà nét đặc trưng cơ bản là "sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý tưởng độc lập, tự do với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, giữa chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản chân chính".(2)

Đúng như Người đã từng nói : *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".* (3) Cho nên "công lao vĩ đại đầu tiên của Hồ Chủ tịch là đã gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân Việt Nam đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin".(4) Và Người đã quyết tâm theo đuổi chân lý ấy đến cùng "dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng kiên quyết giành cho được độc lập"(5), "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"(6)... Chủ nghĩa yêu nước chân chính của Hồ Chí Minh đã đúc nên chân lý sáng ngời của thời đại : ***Không có gì quý hơn độc lập, tự do.***

Tấm gương yêu nước tuyệt vời của Bác Hồ được tạo nên từ sự kết hợp nhuần nhị của hai yếu tố : *lòng yêu nước nồng nàn* và *đường lối cứu nước đúng đắn*. Tấm gương ấy rực sáng như huyền thoại ngay trong bài thơ Tố Hữu ngợi ca Bác khi Cách mạng Tháng Tám vừa mới thành công :

Hồ Chí Minh
Người lính già
Đã quyết chiến hy sinh
Cho Việt Nam độc lập
Cho thế giới hòa bình !
Người đã sống năm mươi năm vũ bão
Vì nhân loại
Người quyết dâng xương máu
Vì giang sơn
Người quyết dứt gia đình !

(Hồ Chí Minh, 26-8-1945)

---

* TS, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t6, tr 171

(2) Lê Duẩn : *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr 14

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 314

(4) Lê Duẩn : *Sđd*, tr 10

(5) Dẫn theo Huỳnh Lý trong cuốn *Văn Hồ Chủ tịch*, Nxb Giáo dục, 1971, tr 26

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 480

Digitized by Google

Với Chế Lan Viên, Bác là một con người yêu nước thiết tha, cháy bỏng *"Đêm mơ Nước, ngày thấy hình của Nước - Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà"* ; với Chim Trắng, Bác là *"một cánh buồm chở khẳm tình yêu Tổ quốc"* ; còn Trinh Đường, nhìn mặt biển mà nghĩ đến lòng yêu nước mênh mông, thủy chung, son sắt của Bác :

Người từng đổi tên như đổi chỗ, đổi nghề
Nhưng sau trước vẫn giữ một lòng Ái Quốc
Như mặt biển qua nghìn cơn bão táp
Vẫn giữ nguyên bát ngát một màu xanh.

(Bác Hồ)

Một con người yêu nước mãnh liệt như thế thì nhất định phải tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Và Bác đã tìm ra con đường cứu nước đó. Trong hoàn cảnh bấy giờ, khi các phong trào yêu nước chống Pháp "đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối" thì "chính lúc đó, Hồ Chủ tịch, bằng thiên tài trí tuệ và sự hoạt động cách mạng của mình, đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế của chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chủ tịch đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đi vào con đường cách mạng vô sản"(7).

***Luận cương** đến Bác Hồ, và Người đã khóc*
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê-nin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tưởng bên ngoài, đất nước đợi mong tin.

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc
"Cơm áo là đây ! Hạnh phúc đây rồi !"
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.

(Chế Lan Viên - *Người đi tìm hình của Nước*)

Tố Hữu cũng gợi lại cái tia chớp cách mạng đó trong cuộc đời lãnh tụ, tia chớp đã nối liền cách mạng vô sản với phong trào giải phóng dân tộc, Cách mạng Tháng Mười Nga với cách mạng Việt Nam :

*Bỗng sấm nổ. **Rạng đông** chớp giật*
Hoan hô Cách mạng Tháng Mười Nga !
Tủ sắt ngai vàng quăng xuống đất
Công nông ta làm chủ đời ta.
Xóm thợ Pa-ri nghèo cuối ngõ
Tưng bừng gác trọ đón bình minh
Mác - Lê-nin đến... Từng trang đỏ
Chân lý đây rồi, lẽ tử sinh !

(Theo chân Bác)

Cho nên, cái cội nguồn quan trọng nhất, có tính quyết định làm nên chủ nghĩa yêu nước tuyệt vời trong con người Hồ Chủ tịch, chính là sự bắt gặp tư tưởng của thời đại cách mạng vô sản, là ánh sáng diệu kỳ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà với thiên tài trí tuệ của mình, Người đã nhanh chóng tiếp thu trên cơ sở của một tình cảm yêu nước nồng nàn thôi thúc mãnh liệt. *"Hình của Đảng lồng trong hình của Nước"*, Cách mạng Tháng Mười Nga đã thức tỉnh cách mạng Việt Nam - chủ nghĩa yêu nước đã gặp chủ nghĩa Lê-nin trong cái giây phút bừng sáng đó của Người. Để có cái phút giây không thể nào quên của mùa Xuân 1941, khi sau hành trình tìm đường cứu nước "Ba mươi năm ấy, chân không nghỉ - Mà đến bây giờ mới tới nơi!" (Tố Hữu).

Đồng chí Phạm Văn Đồng viết : Hồ Chủ tịch là hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản vô cùng trung thực và trong sáng. Chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chủ tịch còn mang nét đẹp mới in rõ dấu ấn thời đại : đó là sự kết hợp chặt chẽ, nhuần nhị với tinh thần quốc tế vô sản cao cả - một sự kết hợp hữu cơ, biện chứng, tất yếu ; và ở Người, nó thể hiện rõ rệt trong tư tưởng đường lối, trong tình cảm trong sáng cũng như trong hành động cách mạng. Cho nên, Người vừa đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc, Người lại đấu tranh cho độc lập, tự do của cả nhân loại cần lao, và Người trở thành *Cánh chim không mỏi* của phong trào cộng sản quốc tế :

Hỡi Người, tim những thương yêu
Cánh chim không mỏi, sớm chiều vẫn bay
Chim bay tung cánh chim bay
Ba mươi sáu triệu chim bầy gọi nhau (8).

(Tố Hữu - *Cánh chim không mỏi* - 12-1960)

Trái tim lớn ấy "đêm ngày quên mệt mỏi - Dệt dải hồng chắp nối bạn gần xa" (Việt Phương), bởi "nỗi đau dân nước, nỗi năm châu" theo Bác suốt cả

(7) Lê Duẩn : *Sđd.* tr 9 - 10

(8) 36 triệu đảng viên cộng sản của 87 Đảng anh em trên thế giới (chú thích của tác giả)

Digitized by Google

cuộc đời, cho đến khi Người từ giã chúng ta, nỗi đau ấy vẫn nhói lên trong *Di chúc :*

Thế kỷ này đâu phải đã bình yên
Trái tim lớn nặng niềm đau mặt đất
Tình bè bạn, phút ra đi còn nhắc
Dao cắt lòng nhưng vẫn ngập yêu tin.

(Vũ Quần Phương - *Thấm trong Di chúc*)

Và đâu phải chỉ chúng ta thấy, bạn bè thế giới cũng thấy rõ điều đó. Nhà thơ In-đô-nê-xi-a Ha-nam Ra-man đã ca ngợi *Paman Hồ* như một con người ân tình đã sống vì họ :

Người đâu phải chỉ yêu đất mẹ :
Nước Việt Nam xinh đẹp kiên cường !
Người sống vì Á - Phi non trẻ
Lửa tình yêu nối những đại dương.

(Lý Đăng Cao dịch)

TẤM GƯƠNG CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG CAO CẢ

Chủ nghĩa yêu nước chân chính của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là chủ nghĩa yêu nước anh hùng của thời đại cách mạng vô sản. Từ chủ nghĩa yêu nước ấy, ở Hồ Chủ tịch đã nảy sinh chủ nghĩa anh hùng mới - chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao cả - mà bản thân Người, cuộc đời Người là một tấm gương mẫu mực, đẹp đẽ. Như vậy, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng ở Hồ Chủ tịch có mối dây liên hệ biện chứng, gắn bó với nhau. Nói cách khác, chủ nghĩa yêu nước chân chính đã thể hiện trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao cả.

Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 3-9-1969 khi Hồ Chủ tịch qua đời, đã khẳng định : "Cuộc đời của Người là một tấm gương chói lọi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng (...). Tên tuổi của Người gắn liền với những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ta ra đời đến nay và tượng trưng cho thời đại hiển hách nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam".

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng bắt nguồn từ *lý tưởng cách mạng* đúng đắn của thời đại : Lý tưởng ấy nuôi dưỡng *ý chí đấu tranh cách mạng* triệt để nhất, kiên cường nhất, quyết chiến và quyết thắng : Ý chí ấy phát huy tới mức cao nhất *dũng cảm và tài trí* để lập nên chiến công oanh liệt, thành tích phi thường. Như vậy, điểm cốt lõi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng là *cái dũng, cái đại dũng* của người cộng sản trong thời đại ngay nay, lại có thêm *cái trí* sáng suốt hỗ trợ, tạo ra sức mạnh diệu kỳ để chiến thắng. Và nếu chủ nghĩa anh hùng cách mạng của chúng ta là chủ nghĩa anh hùng tập thể thì Hồ Chủ tịch chính là *tấm gương tiêu biểu rực rỡ nhất* của dân tộc anh hùng, trong thời đại anh hùng. Không những thế, Bác còn là người *đặt nền móng* và người *dẫn đường* cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam phát triển và nở rộ trong thời đại ngày nay.

Tấm gương đó được biểu hiện trước hết qua cái *đại trí* của Bác - để kết hợp với cái dũng, làm nên cái đại dũng của người cộng sản Hồ Chí Minh. Đó là đôi mắt Bác Hồ, "đôi mắt đại dương" với "tầm vóc thế kỷ" có thể nhìn xuyên suốt lịch sử, bao quát cả thời đại. Tố Hữu viết "Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời", Thanh Hải thấy "Mắt hiền sáng rực như sao - Bác nhìn đến tận Cà Mau sáng ngời", đồng bào Gia-rai Tây Nguyên chỉ qua ảnh Bác mà đã cảm nhận sâu sắc "Mắt Bác Hồ nhìn sáng bốn ông sao - Dắt dẫn nhân dân khắp làng đánh Pháp".

Đi chót vót núi sông vẫn trong tầm mắt Bác
Bác dạy thế tiến công từ buổi chơi cờ.

(Chế Lan Viên - *Thế trận Bác Hồ*)

Nhà thơ Chế Lan Viên thấy ở đôi mắt ấy, "cả thế giới thu vào trong, như ngọc một đời" bởi đó là đôi mắt - đại trí của Bác Hồ.

Có cái *đại trí*, có cặp mắt nhìn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cái dũng của Hồ Chủ tịch càng có điều kiện để phát triển và nâng nó lên thành cái *đại dũng* của thời đại cách mạng vô sản. Đó là nghị lực phi thường của người cộng sản, chất thép Hồ Chí Minh.

Thực ra, khi chưa gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Bác Hồ đã mang trong người cái dũng truyền thống của dân tộc, cái ý chí tự lực, tự cường của quê hương. Chúng ta nhớ mãi hình ảnh "hai bàn tay" và câu nói đầy dũng khí của anh Ba khi đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước : "Đây, tiền đây... Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. "(9) Cái dũng ấy, theo thời gian năm tháng, được nâng dần lên thành cái đại dũng trong quá trình hoạt động cách mạng của người thanh niên yêu nước giác ngộ lý tưởng.

(9) Trần Dân Tiên : *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* - Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr 14

Digitized by Google

Kể sao hết được những gian lao thử thách trong cuộc đời hoạt động cách mạng khắp năm châu bốn biển của Hồ Chủ tịch. Nhưng với cái đại dũng của người chiến sĩ cộng sản, Bác đã vượt qua tất cả, chiến thắng tất cả, kể cả cái chết cũng phải cúi đầu trước nghị lực phi thường của người cách mạng :

Cái chết tung sóng cuộn anh Ba ra khỏi sàn tàu
Từng vùi dập trái tim hồng người quét tuyết
Cái chết giữa nhà ngục Tĩnh Tây, hay giữa đại ngàn gió rét
Trước họng súng quân thù giăng lưới bủa vây
Cái chết đến bên Bác bao lần. Nó phải lui ngay
Bác nhìn nó. Hãy lui ra cho Người làm việc.

(Chế Lan Viên - *Di chúc của Người)*

Cái đại dũng ấy ngời sáng lên trong những biểu tượng thơ đẹp như những dấu son trên hành trình cứu nước của Bác : "viên gạch hồng" ở căn nhà ngõ Công - poanh, "ngọn lửa đầu tiên" trong hang Pác Bó, "cánh hạc ung dung" bay lên từ nhà ngục Quảng Tây, và "đôi dép cao su" mòn quai gót đã trở thành *Đôi dép thần kỳ* của một con người huyền thoại...

Từ "Một hòn gạch nóng nung tâm huyết - Mẩu bánh mì con nuôi chí bền" ở ngõ hẻm Công - poanh mà cháy sáng lên "ngọn lửa đầu tiên" trong "Hang mở Nước" :

Hang lạnh nhớ tay Người đốt củi
Bập bùng lửa cháy suốt đêm thâu
Ai hay ngọn lửa trong hang núi
Mà sáng muôn lòng, vạn kiếp sau !

(Tố Hữu - *Theo chân Bác)*

Ngọn lửa nghị lực ấy đã theo Bác trên mọi nẻo đường tù đày gian truân, vất vả và cháy sáng lên trong "mười bốn trăng tê tái gông cùm" để thành "thơ bay cánh hạc ung dung". Ai tưởng được trong hoàn cảnh ấy lại có cái ung dung thanh thản ấy - cái ung dung đã ở trên đỉnh cao của tinh thần đại dũng :

Nhớ khi cùm kẹp căng treo,
Vẫn là trăng tối nhạc chiều như không !

(Lưu Trọng Lư - *Một gian sàn gỗ)*

Tất cả đã làm - *cuộc đời* của Bác. Hình tượng *Đôi dép Bác Hồ* đã trở thành hình tượng trung tâm đã mở đầu và kết thúc bản trường ca *"Theo chân Bác"*, tạo nên âm vang hào hùng, sâu lắng về một cuộc đời rực sáng chủ nghĩa anh hùng cách mạng của lãnh tụ. Và đó cũng chính là sự giản dị sự vĩ đại được kết hợp trong một con người Việt Nam anh hùng và đã trở thành bất tử.

TẤM GƯƠNG TRONG SÁNG CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tình thương yêu con người là một trong những nét bản chất nhất của con người Bác, là phẩm chất đặc biệt cao quý và sáng ngời của Bác. Đồng chí Phạm Văn Đồng viết : "Tình nhân đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất và tốt đẹp nhất trong con người Hồ Chủ tịch"(10). Đồng chí Trường Chinh nói rõ đặc điểm của tình thương đó : "Một điểm nổi bật trong đạo đức của Hồ Chủ tịch là lòng thương người. Nhưng ở đây không phải là lòng thương người siêu giai cấp, trừu tượng, mà là tình thương yêu giai cấp đối với công nhân, tình thương yêu vô cùng rộng lớn đối với nhân dân lao động, đối với những người cùng khổ"(11).

Tình thương đó, trước hết bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của dân tộc, nhưng đã được ánh sáng của thời đại nâng lên thành một tình thương hoàn chỉnh, đẹp đẽ nhất : *chủ nghĩa nhân đạo cộng sản của giai cấp vô sản.* Chỉ có điều, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản ấy, ở Bác, nó vẫn mang một màu sắc Việt Nam đậm đà như chính con người Bác và gắn chặt với chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người để trở thành chủ nghĩa nhân đạo cộng sản Việt Nam.

Nhân dân Việt Nam ta, không ai là không cảm thấy thấm thía tình thương của Người, bởi vì ai *"cũng đều nhận được tình thương Cụ Hồ"* (ca dao). Tình thương ấy Bác dành cho tất cả mọi người, không trừ một ai, đặc biệt là các em nhỏ, các cụ già, những người phụ nữ, và nhất là những người còn nghèo khổ. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Bác dành tình thương cho bộ đội và dân công ; trong những ngày đất nước còn chia cắt, lòng Bác quặn đau, tình Bác gửi ở nửa nước đau thương và anh dũng *"Hình ảnh đồng bào miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi".*

---

(10) Phạm Văn Đồng : *Hồ Chủ tịch, tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại,* Nxb Sự thật, 1976, tr. 61

(11) Trường Chinh : *Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.* Nxb Sự thật, Hà Nội 1970, tr 60

Digitized by Google

Lòng thương đi bốn phương trời da diết
Đi phương nào đều quay lại miền Nam.

(Chế Lan Viên - *Trận đánh của tình thương)*

Tố Hữu nói đúng : "Bác ơi, tim Bác mênh mông thế - Ôm cả non sông, mọi kiếp người". Tình thương của Bác kết lại thắm đỏ trong *trái tim Bác Hồ*. Trương Đức Chính, *Nhớ lại một đêm cuối 45*, Bác đã thức chỉ vì một tiếng rao hàng em nhỏ "ở lại trong tim" ; Giang Nam "đếm được từng nhịp tim Bác đập - Dù giữa hai miền còn giới tuyến ngăn đôi" ; Thu Bồn thấy rõ "Quả tim Bác đã đi về miền Nam"..., bởi "Lương tâm ấy có bao giờ đập khẽ - trong cuộc đời dông bão chẳng hề nguôi !..." (Bằng Việt), và Bác có đi xa thì tình thương của Bác mãi mãi vẫn còn :

Trái tim ấy nghìn năm còn đập mãi
Đâu đời cần nhân ái lại hồi sinh.

(Chế Lan Viên - *Cách mạng, chương đầu)*

Đó là một tình thương mênh mông, rộng lớn. Nhưng cái cốt lõi vẫn là tình thương yêu giai cấp, và chủ nghĩa nhân đạo cộng sản của Bác bao giờ cũng chứa đựng hạt nhân giai cấp của thời đại. Tình thương của Bác hướng đến những người lao động nghèo khổ với một mối đồng cảm sâu sắc của người đồng cảnh, đồng tình. Người bồi tàu khi xưa, người chủ bút báo *Le Paria*[12] năm ấy, hay trong cương vị Chủ tịch nước, vẫn không quên những kiếp người còn sống trong ngõ hẻm. Cho nên *"Suốt đời Bác đứng bên người ngõ hẻm"* với một ý chí cách mạng nung nấu trong lòng : *"Ngõ hẻm xưa còn, phải xóa bằng xong !"* (Hải Như - *Bài thơ ngõ hẻm*[13]).

Tình thương của Bác không thụ động, không ban ơn. Về bản chất, đó là một tình thương tích cực, cách mạng, nhằm giải phóng con người, nâng con người không ngừng đi lên, hướng về lý tưởng tốt đẹp nhất : chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Điều này làm nên sự kỳ diệu của tình thương Bác Hồ, làm nên *điện lực Hồ Chí Minh*[14] như Tố Hữu đã viết :

Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

Sức mạnh đó có nguồn gốc sâu xa từ tình thương tích cực - cách mạng của Bác :

Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.

Tình thương ấy đã kéo mọi người lại gần Bác, từ đó Bác khơi dậy những tiềm năng có sẵn trong con người họ, nâng họ đi lên theo kịp mình : "Bác mong con cháu mau khôn lớn - Nối gót ông cha, bước kịp mình" *(Theo chân Bác)*. Anh Thơ, *Theo bước Bác* mà lội ào qua suối trong ngày đầu kháng chiến chống Pháp, Thanh Tịnh "trăm năm nhớ một chuyến đò - Chênh vênh lại được Bác Hồ cầm tay", anh bộ đội thấm thía tình thương của "Người Cha mái tóc bạc" mà "thức luôn cùng Bác", anh giải phóng quân "mang cả trái tim Người - Đi vào trận đánh sáng ngời lòng tin", v.v... Cái điều kỳ diệu ấy Hoài Anh đã cảm nhận được qua "tiếng Bác" :

Bác khơi dậy những gì tươi đẹp nhất
Trả lại bao kho tàng đời đánh mất
Và cuối cùng trả ta lại cho ta
Trong mỗi cuộc đời tiếng Bác mãi ngân nga.

(Tiếng Bác mãi sinh sôi)

Còn Phan Thị Thanh Nhàn thì lại thấy rõ qua "bàn tay thần kỳ" của Bác khi Người về thăm một làng nghèo ngoại ô, gửi gạch tặng dân xây giếng :

Cả làng đau mắt xưa nay
Bác về - như có bàn tay thần kỳ
Tình thương lòng Bác chở che
Giếng thơi trong vắt bốn bề mọc lên
Bác cho con gái mắt huyền
Cụ già mắt sáng, trẻ em mắt tròn.

(Giếng nước Bác Hồ)

Cái điều thần kỳ trong bài thơ thực ra chỉ là kết quả tất yếu và đẹp đẽ của tình thương Bác Hồ mà mỗi người Việt Nam ta, ai cũng đều cảm thấy rất rõ, như Chế Lan Viên đã viết trong *Sen của loài người* : "Ta thấy Người là sen. Nhưng Người cũng làm cho ta tự thấy ta có mầm - mống - sen, có khả - năng - sen". Có phải vì thế mà trong *Theo chân Bác*, Tố Hữu đã giục giã chúng ta hãy nhanh chân đến với tầm cao của Bác, đến với tình thương rộng mở của Bác :

Còn những ai chưa được một lần
Trong đời, gặp Bác ? Hãy nhanh chân

---

(12) *Người cùng khổ* - tờ báo do Bác sáng lập ở Pa-ri, ngày 1-4-1922

(13) *Báo Nhân Dân* 19-5-1977. Tết năm 1962 trong chương trình đi thăm Tết nhân dân, Bác Hồ đã vào ngõ 16, Lý Thái Tổ - Hà Nội, thăm gia đình chị Chín - một gia đình còn gặp nhiều khó khăn chưa có Tết như ý Người mong muốn (chú thích của tác giả)

(14) Chữ dùng của Xuân Diệu

Digitized by Google

Tiến lên phía trước ! Trên cao ấy
Bác vẫn đưa tay đón lại gần...

Đến với Bác, cũng có nghĩa là Bác đã đến trong đời ta - đó là lúc tiềm năng trong ta đã được Người khơi dậy để biến thành hành động cách mạng. *Khi nghĩ về Bác Hồ,* Chim Trắng đã nghĩ đến cái điều kỳ diệu ấy :

Những năm Người đến trong đời
Người cầm súng hy sinh không tiếc máu
Người cầm viết trái tim không lừa đảo
Người cầm cày nghe lúa cựa ở sân phơi.

Còn Chế Lan Viên thì nhận ra sâu sắc và thấm thía chính Bác là *Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi.*

Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản của Bác mang tính giai cấp và tính thời đại sâu sắc, đồng thời nó cũng mang tính dân tộc, in đậm bản sắc Việt Nam ; đó là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản Việt Nam, hoặc có thể nói, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản Hồ Chí Minh. Nó mang nét đặc trưng không thể lẫn được của tình thương Bác Hồ : đó là một tình thương gắn liền với đức hy sinh cao cả, đồng thời là một tình thương máu mủ, ruột rà, tình sâu nghĩa nặng trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Vì sao ? Trái đất nặng ân tình
Nhắc mãi tên Người : Hồ Chí Minh
Như một niềm tin, như dũng khí
Như lòng nhân nghĩa, đức hy sinh.

(Tố Hữu - *Theo chân Bác)*

Không phải ngẫu nhiên mà khi tổng kết các vẻ đẹp tinh thần của Bác, nhà thơ lại nêu hai phẩm chất "nhân nghĩa" và "hy sinh" gắn liền với nhau. Đó là hai mặt cơ bản của tình thương Bác Hồ, tạo nên một trong những nét tính cách chủ yếu nhất của con người lãnh tụ.

Nhân dân ta có truyền thống thương người, đồng thời cũng có truyền thống hy sinh, nhất là phụ nữ. Đỉnh cao nhất của tình thương truyền thống là *Thương người như thể thương thân* (Ca dao). Bác Hồ tiếp thu tinh hoa dân tộc, nhưng lại vượt qua đỉnh cao nhất của truyền thống : *Bác thương người nhưng không hề nghĩ tới mình.* Phẩm chất này thật là cao cả tuyệt vời, bởi trên trái đất, trong lịch sử loài người hàng ngàn năm nay, dễ mấy ai đã có được ? Bác đã nêu một tấm gương đẹp, không phải chỉ cho dân tộc mà cho cả nhân loại, không phải chỉ ở hôm nay mà ở cả mai sau và mãi mãi.

Tấm gương đó ngời sáng như một châm ngôn, như một cách sống :

Nâng niu tất cả, chỉ quên mình

(Tố Hữu - *Bác ơi !)*

Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông chảy nặng phù sa.

(Tố Hữu - *Theo chân Bác)*

Đó là lẽ sống, trái tim tràn đầy tình thương và đức hy sinh của một con người "chẳng có gì riêng", "chỉ có trái tim bao la là tất cả gia tài", một con người suốt đời quên mình *"Đi làm cách mạng"* :

Đi làm cách mạng hai tay trắng
Mẩu bánh mì đen chiếc áo sờn.
Về làm Chủ tịch, chòm râu bạc
Vẫn áo ka-ki dép lốp mòn.

(Khương Hữu Dụng)

Đó là tấm gương của một con người "gánh cả cuộc đời - mà đôi vai chẳng chật", và cho đến khi sắp từ giã cuộc đời, vẫn chỉ nghĩ đến đồng bào, đồng chí : "Di chúc Người viết cho ta, đâu phải vì Người".

Tình thương của Bác gắn liền với đức hy sinh, vừa mang tính dân tộc lại vừa mang tính thời đại. Nói cách khác, đó là *tính dân tộc - hiện đại* của tinh thần nhân đạo cộng sản Hồ Chí Minh.

Hồ Chủ tịch sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Đại hội IX của Đảng sẽ là thời điểm lịch sử để chúng ta cùng nghiên cứu lại sâu sắc hơn những tư tưởng lớn của Người để đề ra những quyết sách đúng đắn trong thời kì mới, đồng thời cũng khắc sâu hơn *tấm gương ngời sáng của người cộng sản Hồ Chí Minh,* tạo ra ý chí cách mạng mới, động lực cách mạng mới để vững vàng bước vào thế kỷ mới. Và nếu *"phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng"* là một trong những mục tiêu quan trọng của Đại hội thì phải chăng tấm gương ngời sáng của người cộng sản Hồ Chí Minh - lãnh tụ thiên tài, Người Cha thân yêu của nhân dân Việt Nam - mãi mãi vẫn còn tỏa sáng trong ta, nhắn nhủ, thôi thúc mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta hãy đi lên theo bàn tay dìu dắt ân cần và tấm lòng thương yêu rộng mở của Bác(*).❑

(*) Tất cả trích dẫn thơ trong bài này đều lấy từ các tập thơ : *Muôn vàn tình thân yêu, Sáng tháng Năm, Hoa trước lăng Người, Bác để lại, Bác còn sống mãi, Tên Người là cả một niềm thơ v.v..*

Digitized by Google

VIỆT NAM QUA CON MẮT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

TRỊNH CƯỜNG

CÔNG cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo đã thu được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều người nước ngoài lần đầu đến Việt Nam và cả những người đã từng học tập, công tác tại Việt Nam, nay có dịp trở lại đều có một ấn tượng mạnh trước thực tế phát triển nhanh chóng và ổn định của đất nước ta. Những ý kiến về Việt Nam đều là khách quan, chân thực, phản ánh sinh động những điều cảm nhận của họ về đất nước và con người Việt Nam.

Đánh giá của các nhà khoa học

Tháng 9 - 2000, Hội thảo quốc tế "Việt Nam trong thế kỷ XX" do Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia và Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức trong ba ngày, từ 19 đến 21, với sự tham gia của hơn 200 nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong nước và ngoài nước. Hầu hết những người nước ngoài tham dự Hội thảo, khi nói đến Việt Nam, đều nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam. Ông Rô-mét Chan-đra, Chủ tịch danh dự Hội đồng Hòa bình thế giới nói : Trong nửa sau thế kỷ XX, có *một từ* đã bắt đầu xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình thế giới. Một từ mà cùng một lúc mang nhiều ý nghĩa : *Trí tuệ, Dũng cảm, Đoàn kết dân tộc ;* nó còn có ý nghĩa là *Chiến thắng, Độc lập,* và *Đổi mới.* Từ đó là *Việt Nam* và có một cái tên luôn gắn với từ này : *Hồ Chí Minh.*

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ kính yêu của đất Việt. Người là niềm cảm hứng cho cuộc đấu tranh bất khuất của dân tộc mình và cũng là nguồn cảm hứng cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho những điều tốt đẹp nhất của nhân loại. Lời Tuyên ngôn bất hủ của Người : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã vang vọng khắp mọi nơi và nó đã được phụ nữ, nam giới trên khắp các châu lục, những người đang chiến đấu để giành lấy những mục tiêu thiêng liêng đó hưởng ứng".

Ông Len An-đi, Chủ tịch Hội hữu nghị Anh - Việt, viết "Họ (tức nhân dân Việt Nam) chỉ riêng trong chiến tranh chống xâm lược Mỹ, đã phải trả một cái giá khá đắt với hơn 3 triệu người chết và bị thương, 270 000 người mất tích không tìm thấy mộ... Giành được độc lập, tự do sau nhiều năm đấu tranh, chịu đựng những hy sinh mất mát lớn lao, Việt Nam không chấp nhận thua trong trận chiến kinh tế. Những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong 25 năm nay thực sự là một bước tiến đáng ghi nhận". Và ông kêu gọi "Bè bạn của Việt Nam cần có hành động ủng hộ và giúp đỡ thiết thực cho Việt Nam trong cuộc vận động quốc tế để bù đắp cho những thiệt hại và mất mát cho nhân dân và mảnh đất Việt Nam này".

Các đại biểu tham dự Hội thảo, hầu như đều có chung một nhận định : Cách mạng Tháng Tám 1945, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986 là những cái mốc lịch sử có ý nghĩa *bước ngoặt* của Việt Nam trong thế kỷ XX. Theo họ, *bước ngoặt thứ nhất* - Cách mạng Tháng Tám 1945 có ý nghĩa không chỉ là cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á mà còn là kết thúc cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Hơn nữa, đây là điểm khởi đầu của chủ nghĩa xã hội được sinh ra từ một nước kém phát triển. Cũng như vậy, *bước ngoặt thứ hai* - công cuộc thống nhất Tổ quốc Việt Nam đã cụ thể hóa một quyết định có giá trị là gạt bỏ

Digitized by Google

sự phân chia đất nước và hướng toàn dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Và *bước ngoặt thứ ba,* tiến trình đổi mới trên mọi phương diện đã đưa thêm một chất lượng mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng mọi tiềm lực xã hội đi đôi với bảo vệ an ninh quốc gia và độc lập dân tộc.

Ông J.A. Xô-tô-lông-gô, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu châu Á - châu Đại Dương (Cu Ba), cho rằng tiến trình đổi mới "dựa trên nền tảng bản địa, đã tạo ra khả năng đối mặt với các sự kiện quốc tế hiện thời. Như vậy, đổi mới đã kết hợp được sức mạnh của thời đại với sức mạnh dân tộc". Và "Định hướng xã hội chủ nghĩa của tiến trình đổi mới là một sự kiện hiện thực ngay cả khi các quan điểm cũ dựng lên cái gọi là tiến trình đổi mới chống lại thị trường..."

Về công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, hầu hết các ý kiến đều cho rằng : Chính sách đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam xuất phát từ thực tế Việt Nam và được tiến hành từng bước phù hợp với hoàn cảnh và trình độ của chính bản thân mình, không chịu bất kỳ một sức ép nào từ bên ngoài và nhất là không ảo tưởng vào một mô hình nào có sẵn. Đó chính là tính cách của người Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát trong một khẩu hiệu nổi tiếng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" được cả thế giới biết đến.

PGS.TS V.I. An-tô Chen-cô, Phó giám đốc Trung tâm Việt Nam học, Đại học quốc gia Mát-xcơ-va, (Nga), đã đưa ra những luận điểm chứng minh cho thành tựu của công cuộc đổi mới của Việt Nam :

"Đó là sự nhận thức lại, đúng đắn hơn nội hàm khái niệm xã hội chủ nghĩa. Bằng thực tiễn sinh động của mình, Việt Nam đã đưa ra định nghĩa chủ nghĩa xã hội là "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh". Với nội dung này, đường lối kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa chẳng những được sự ủng hộ của toàn dân mà còn được cả thế giới tiến bộ hoan nghênh.

Đổi mới đã mở đường cho văn hóa dân tộc phát triển lên một bước mới. Với những chính sách phát triển văn hóa mà các nhà lãnh đạo Việt Nam đang tiến hành, sức mạnh tiềm tàng của một dân tộc có lịch sử văn hiến lâu đời, có truyền thống yêu nước sâu sắc sẽ được trỗi dậy, biến thành sức mạnh vật chất đưa đất nước Việt Nam lên một tầm cao mới.

...

Người ta thường nói, có thể thấy được phần nào thực trạng kinh tế - xã hội của một nước thông qua việc quan sát người phụ nữ. Ngày nay, bất kỳ người nước ngoài nào đến Việt Nam cũng có thể dễ dàng nhận thấy phụ nữ Việt Nam ăn mặc đẹp hơn rất nhiều so với những năm trước đây. Trên gương mặt họ gần như đã mất hẳn vẻ ưu tư thường thấy trong thời kỳ trước đổi mới. Đó chính là một chỉ báo về sự cải thiện rõ rệt trong đời sống vật chất và tinh thần của Việt Nam, là dấu hiệu yên lành của một đất nước đang vững bước đi lên".

Ông Tề Kiến Quốc, Đại sứ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, nhận xét : "Đổi mới là một trong ba sự kiện trọng đại nhất trong lịch sử thế kỷ XX của dân tộc Việt Nam. Với những thành tựu nổi bật, công cuộc đổi mới của Việt Nam có ảnh hưởng vượt tầm quốc gia, gây ấn tượng cho cả thế giới...

Công cuộc đổi mới của Việt Nam bắt đầu mang lại hiệu quả rõ rệt từ năm 1989, đặc biệt là bước vào những năm 90. Từ một nền kinh tế tập trung bao cấp, Việt Nam đã chuyển dần sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Mức lạm phát phi mã được đẩy lùi, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân... Tất cả những thành quả đã đạt được sau hơn 15 năm đổi mới là hành trang tốt nhất để dân tộc Việt Nam vững bước tiến vào thế kỷ XXI".

Cái nhìn của các nhà lãnh đạo quốc gia, nhà hoạt động chính trị

Từ Mỹ la-tinh xa xôi, ngày 9 tháng tư năm 2000, trong buổi hội đàm với Chủ tịch Trần Đức Lương tại Thủ đô La-ha-ba-na, Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô bày tỏ sự "vui mừng trước những thành tựu mà nhân dân Việt Nam thu được trong công cuộc đổi mới gần 15 năm qua, bằng ý chí tự lực tự cường, coi phát huy nội lực là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ có hiệu quả sự hợp tác quốc tế. Cu Ba coi trọng những kinh

Digitized by Google

nghiệm đổi mới của Việt Nam, đặc biệt trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới quản lý hành chính nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội cấp bách".

Xúc động và bồi hồi sau nhiều năm xa cách Việt Nam, Tổng thống An-giê-ri, A. A-dit Bu-tê-phơ-li-ca, trong diễn văn đọc tại lễ chiêu đãi ở Hà Nội, ngày 15-10-2000, đã nói : "Buổi gặp gỡ tối nay khiến tôi nhớ lại biết bao kỷ niệm và hình ảnh mà thực tình tôi không biết phải nói điều gì trước và phải bắt đầu từ đâu... Tôi vui mừng nhận thấy rằng Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc tái thiết đất nước và ổn định đời sống kinh tế - xã hội... Các bạn đã phải chịu đựng nhiều hy sinh mất mát to lớn để giành lại độc lập và thống nhất đất nước, chính vì vậy các bạn hoàn toàn xứng đáng với sự ngưỡng mộ của thế giới và tình cảm quý mến của bạn bè".

Là người đã từng tham gia phong trào chống chiến tranh Việt Nam ở những năm 70, Thủ tướng Cộng hòa I-ta-li-a G.A-ma-tô, trong cuộc hội đàm với Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, nhân chuyến thăm chính thức của Tổng Bí thư, đã xúc động hồi tưởng lại thời kỳ chiến tranh ác liệt diễn ra ở Việt Nam, mà ở đó nhiều làng quê bị đốt phá, nhiều phụ nữ và trẻ em bị giết hại. Ông bày tỏ "lòng khâm phục đối với nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh kiên cường và gian khổ để giành độc lập dân tộc trước đây, và trong lao động để xây dựng và đổi mới đất nước sau chiến tranh"

Trong buổi tiệc chiêu đãi Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu (5-2000) tại Thủ đô Pa-ri, ông Giắc Si-rắc, Tổng thống Cộng hòa Pháp đã nói : "Mười lăm năm qua, từ khi thực hiện chính sách đổi mới, Việt Nam thực sự đã đi được một chặng đường dài, Việt Nam đang tiến bước trên con đường của phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Đó là những mục tiêu mà cả dân tộc Việt Nam và đặc biệt là thanh niên Việt Nam hằng mong ước... Tôi hiểu một cách sâu sắc rằng, trong quá trình hội nhập vào trào lưu của thời đại là toàn cầu hóa, Việt Nam luôn mong muốn giữ gìn được bản sắc của dân tộc mình".

Trong chuyến thăm Việt Nam tháng hai vừa qua, Tổng thống Xin-ga-po, ông S. R. Na-than khẳng định : "Kể từ khi mở cửa với nền kinh tế thế giới. Việt Nam đã đạt được tiến bộ kinh tế đáng kể. Điều này đã đem lại các dấu hiệu đáng khích lệ... Việt Nam hiện là Chủ tịch của Ủy ban thường trực ASEAN, đã xác định hội nhập là ưu tiên hàng đầu đối với ASEAN. Việt Nam đã sẵn sàng đóng một vai trò lãnh đạo quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình này, đồng thời chứng tỏ rõ nét trong Chương trình hành động Hà Nội".

Tháng 11-2000, ông WJ. Clin-tơn, Tổng thống Hoa kỳ, tới thăm Việt Nam, đã đánh giá cao sự nghiệp đổi mới, chính sách hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam, ca ngợi những thành tựu kinh tế - xã hội to lớn mà Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua.

Ngày 2-3-2001, Tổng thống Nga V. V. Pu-tin, đã đến thăm chính thức Việt Nam. Trong một không khí đầm ấm tình anh em, bạn bè đầy cảm động, ông đã "đánh giá cao công cuộc đổi mới và những thành tựu to lớn và quan trọng mà Việt Nam đã đạt được, mức sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế". Trước đó, trong bài trả lời phỏng vấn đăng Báo Nhân Dân ngày 8-2-2001, đề cập tới tiến trình cải cách ở Nga, ông nhắc lại một câu ngạn ngữ của Việt Nam "chậm mà chắc" và nói : "Rất may là hiện nay ở nước Nga đang diễn ra quá trình gắn liền với việc củng cố Nhà nước, mà trong nhiều vấn đề, mô hình cải cách của Việt Nam luôn được nhắc đến. Các bạn có những kinh nghiệm rất hay và chúng tôi có ý định áp dụng nhưng kinh nghiệm đó".

Thủ tướng Ấn Độ A. B. Va-giơ-pai trong chuyến thăm Việt Nam tháng 1-2001 cũng đã đánh giá cao những thành tựu to lớn mà Đảng và nhân dân ta đã đạt được trong công cuộc đổi mới.

Nhân dịp quốc khánh 2-9-2000, GS. TS. La-din-xki, Chủ tịch Ủy ban Mỹ hợp tác khoa học với Việt Nam, đã gửi tới báo Nhân Dân những dòng cảm tưởng sau : "... Hai mươi năm qua, Việt Nam đã trải qua nhiều bước ngoặt kỳ diệu. Năm 1980 còn rất khó khăn về kinh tế, nay đã là thành viên bình đẳng trong cộng đồng quốc tế. Mỗi lần trở lại Việt Nam là mỗi lần tôi thấy nhiều tòa nhà mới, công ty mới.. cơ hội làm việc, học hành, tiếp cận dịch vụ y tế và giải trí ngày càng một nhiều".

Digitized by Google

Không chỉ có các nhà lãnh đạo, các chuyên gia mà cả những người bình thường, sau khi đã đến Việt Nam và được tận mắt thấy được sự phát triển nhanh chóng và ổn định của Việt Nam, cũng có tình cảm và những lời nhận xét rất chân thực. Một cựu binh Mỹ đã từng tham gia cuộc chiến tranh ở Việt Nam, nay là Trưởng đại diện của Công ty Giê-nê-rơn E-lếc-tric (GE) tại Hà Nội - An-đơ Xô-va-gớt, nói với phóng viên báo "Bưu điện Hoa Nam buổi sáng" : Trong lịch sử, Việt Nam chưa bao giờ là kẻ đi xâm lược, tất cả những gì Việt Nam làm đều chỉ mang tính tự vệ. Cuộc chiến tranh (xâm lược của Mỹ) đã tước đoạt sự thịnh vượng của người Việt Nam mà lẽ ra họ có quyền được hưởng và bồi thường chiến tranh cho Việt Nam là một việc làm hợp đạo lý. Ông cho rằng, nhân quyền là một vấn đề toàn cầu và ngay cả Mỹ cũng còn nhiều vấn đề về nhân quyền. Ông nói, tình hình thực hiện nhân quyền ở Việt Nam là rất tốt. Ở Việt Nam con người được thừa hưởng sự ổn định đáng khâm phục, không có các cuộc xung đột sắc tộc và Việt Nam thực hiện tốt quyền tự do tín ngưỡng. Về công cuộc đổi mới của Việt Nam, ông Xô-va-gớt nói, ông đồng tình với nhịp độ cải cách hiện nay của Chính phủ Việt Nam, mà theo ông là cực kỳ quan trọng để bảo đảm duy trì sự cải thiện đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam cũng như cho cuộc sống của người dân".

... Và của các tổ chức quốc tế

Ngày 31-8-2000, trong buổi tiếp thân mật Chủ tịch Nông Đức Mạnh, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Cô-phi An-nan khẳng định : "Liên hợp quốc đánh giá cao vai trò và sự đóng góp của Việt Nam, coi Việt Nam là đối tác quan trọng trong quan hệ của mình", và "hoan nghênh những thành tựu của Việt Nam trong công cuộc đổi mới, đặc biệt là trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, giảm bớt khó khăn cho nhân dân".

Trả lời phỏng vấn báo Nhân Dân, nhân dịp ngày 2-9-2000, bà R. Đuy-răng, đại diện thường trú của UNESCO tại Việt Nam nói : "Chúng tôi đánh giá cao những thành tựu mà các bạn đã đạt được trong công cuộc xây dựng đất nước sau biết bao mất mát hy sinh vì độc lập tự do... Những vết sẹo chiến tranh và thiên tai vẫn hằn trên mảnh đất này. Nhưng người dân Việt Nam đã và đang làm tất cả vì độc lập, tự do, hạnh phúc, những giá trị cao quý không gì sánh bằng. Tôi nhiệt liệt chúc mừng nhân dân và các nhà lãnh đạo Việt Nam nhân ngày hội lớn này".

Báo cáo phát triển con người năm 2000 của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) khẳng định : "Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong nhiều lĩnh vực. Các thành tựu trong việc thực hiện chương trình kinh tế - xã hội như quyền giáo dục là rất có ý nghĩa. Do vậy, các chỉ tiêu như : tỷ lệ biết chữ của người lớn, tuổi thọ trung bình là cao, trong khi tỷ lệ chết ở trẻ sơ sinh là tương đối thấp so với mức thu nhập. Trong những thập niên vừa qua, Việt Nam cũng đặc biệt chú trọng đến việc xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân và giảm đáng kể tỷ lệ nghèo đói. Nghị định về thực hiện dân chủ ở cấp cơ sở cũng là một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường sự tham gia của nhân dân vào các công việc của địa phương... thành tựu về phát triển con người của Việt Nam cao hơn rất nhiều so với mức thu nhập... Điều này phản ánh thực tế là Việt Nam đã chuyển đổi thu nhập thành phát triển con người một cách hết sức hiệu quả. Tiến bộ này cũng phản ánh một thực tế, phát triển con người đã được lồng ghép ở mức độ cao trong các mục tiêu và kế hoạch phát triển của Việt Nam".

Đổi mới để phát triển, đổi mới để mở rộng dân chủ hơn, và phát triển, mở rộng dân chủ để tiếp tục đổi mới - là lô gíc nội tại của tiến trình đổi mới của đất nước chúng ta.

Ngày 24-2-2000, trong cuộc tiếp của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, ông G. Vôn-phen-xơ, Chủ tịch nhóm Ngân hàng thế giới (WB) đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam và thành tựu Việt Nam đã đạt được như tốc độ tăng trưởng nhanh của nền kinh tế, giảm tỷ lệ đói nghèo, nhất là ở nông thôn, tích cực thực hiện cải cách những lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế.

Những đánh giá và nhận xét của thế giới về sự phát triển của đất nước chúng ta đã phần nào phản ánh những thành tựu của công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, những thành tựu có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của đất nước và nhân dân Việt Nam. ❑

Digitized by Google

"ĐẠI HỘI IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM SẼ MỞ RA GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI"

SÁC-LƠ PHUỐC-NI-Ô *

GIỮA Quận 19 của Thủ đô Pa-ri, có một người bạn Pháp luôn hướng tấm lòng về Việt Nam, Hà Nội. Đó là ông Sác-lơ Phuốc-ni-ô, giáo sư sử học, Chủ tịch Hội Hữu nghị Pháp - Việt, một người bạn gắn bó lâu năm với Việt Nam. Ông quan tâm đến sự đổi thay của Việt Nam như quan tâm đến một người thân của mình. Trong phòng làm việc đơn sơ nhưng đầy ắp sách và tài liệu của ông, có một cuốn sách mới xuất bản bằng tiếng I-ta-li-a với tựa đề ***"Thông tin về Việt Nam".***

Trước sự kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX sắp diễn ra, phóng viên thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Pháp theo đề nghị của Tạp chí Cộng sản đã phỏng vấn ông về chặng đường đã qua và sắp tới của dân tộc Việt Nam.

Phóng viên (PV) : Thưa ông Sác-lơ Phuốc-ni-ô, xin ông cho biết những thành tựu hợp tác giữa Việt Nam và Pháp trong thời gian qua ?

S. Phuốc-ni-ô : Sự hợp tác giữa hai nước có từ năm 1979, nhưng đã trải qua nhiều khó khăn và không đáp ứng được mong muốn trong một thời gian dài. Hợp tác Pháp - Việt những năm gần đây đã có những bước phát triển rất đáng phấn khởi. Trước tiên phải kể đến sự hợp tác chính thức giữa hai nhà nước thông qua các ủy ban hỗn hợp kinh tế, khoa học và văn hóa. Bên cạnh đó là sự hợp tác giữa các tổ chức phi chính phủ mà Hội Hữu nghị Pháp - Việt của chúng tôi là một ví dụ. Ở đây cần nhấn mạnh một hình thái hợp tác rất hiệu quả là hợp tác giữa các địa phương, vì nó khai thác trực tiếp được các tiềm năng của từng vùng. Tuy nhiên sự hợp tác giữa hai nước vẫn còn vấp phải những khó khăn về vốn, về hình thức và nội dung hợp tác sao cho hiệu quả. Nhiều doanh nghiệp Pháp còn mang nặng tư tưởng làm ăn của phương Tây nên đã không "bén rễ" được tại thị trường Việt Nam. Tôi cho rằng hai bên cần đẩy mạnh những cuộc trao đổi trung thực, thẳng thắn, phải tìm ra những gì mà Việt Nam cần để hợp tác, đầu tư cho trúng.

PV : Ông thấy Việt Nam đã thay đổi như thế nào kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới ?

S. Phuốc-ni-ô : Tôi đến Việt Nam lần đầu tiên cách đây đã gần 40 năm. Tôi nhận thấy từ đó đến nay đã có những thay đổi lớn lao. Những gì tôi thấy hiện nay khác rất nhiều với những gì tôi thấy cách đây 40 năm. Điều đầu tiên gây ấn tượng rất mạnh đối với tôi là đời sống được cải thiện rõ rệt ở cả thành thị lẫn nông thôn. Tôi đã từng ở Hà Nội trong những năm 1963 - 1965, vào thời điểm mà các bạn Việt Nam của tôi mỗi tháng chỉ được lĩnh 13 kg gạo, đôi khi phải kèm cả ngô, vì lúc đó các bạn đang sống giữa thời chiến. Nhưng bây giờ, khi tôi đi dọc các đường phố Hà Nội, tôi thấy các tiệm ăn, các cửa hàng bán đủ các loại lương thực, thực phẩm mọc lên khắp nơi. Phải nói rằng, người dân đã có một cuộc sống sung túc. Tôi nhìn thấy những cháu bé bụ bẫm, với tôi đấy là hình ảnh của cuộc sống tươi đẹp. Nông thôn cũng thay da đổi thịt một cách lạ thường. Cách đây mấy chục năm, khi đi qua vùng châu thổ sông Hồng, tôi chỉ thấy toàn nhà tranh, vách đất. Hồi đó, người dân không có nước sạch để dùng, cũng chẳng có chăn màn trong nhà. Nhưng ngày hôm nay, khi đi trên con đường Hà Nội - Hải Phòng, tôi thấy không còn một căn nhà lá nào nữa, trên các mái nhà bây giờ đã có những cột ăng-ten vô tuyến mọc lên, ngoài cửa đã có bóng dáng xe gắn máy. Một sự phát triển kỳ diệu. Sự phát triển kinh tế - xã hội như vậy không phải là kết quả của riêng thời kỳ Đổi Mới, mà chính Đổi Mới là giai đoạn phát triển tăng tốc. Rõ ràng, Đổi Mới đã đem lại cho đại bộ phận nhân dân các bạn sự cải thiện đời sống.

PV : Thưa ông, chỉ có sự cải thiện đời sống thôi sao ?

S. Phuốc-ni-ô : Hơn thế nữa, Đổi Mới còn giúp Việt Nam mở cửa ra thế giới bên ngoài. Trong một lần trở lại thăm Hà Nội gần đây, khi bạn bè trao danh

---

* Chủ tịch Hội Hữu nghị Pháp - Việt Nam

Digitized by Google

thiếp cho tôi, tôi thấy họ không chỉ có điện thoại, có máy fax, mà còn cả địa chỉ In-tơ-nét. Tôi bỗng nhận ra mình lạc hậu, vì trên danh thiếp của tôi chưa có địa chỉ In-tơ-net. Với những phương tiện truyền thông hiện đại, Việt Nam đang mở cửa sổ nhìn ra bên ngoài song hành với sự mở cửa kinh tế, thương mại với thế giới. Dĩ nhiên là trong quá trình thực hiện nền kinh tế thị trường cũng có những vấn đề bất cập đặt ra như sự phân hóa giàu nghèo, tình trạng ô nhiễm môi trường... Tuy nhiên, chúng ta nên hiểu rằng đấy là những hậu quả tất yếu của nền kinh tế thị trường, và nên biết rằng ở những nước phát triển, hậu quả ấy còn trầm trọng hơn nhiều. Tôi có thể chỉ cho anh thấy ngay ở Pa-ri có những người sở hữu những tài sản khổng lồ, trong khi đó biết bao người sống vô gia cư. Điều quan trọng là làm thế nào điều chỉnh cho có sự công bằng trong xã hội.

PV: Là một người bạn lâu năm của Việt Nam, ông có cảm tưởng như thế nào về những thay đổi lớn lao trên đất nước chúng tôi ?

S. Phuốc-ni-ô : Vì tôi là người sáng lập ra Tổ chức Hữu nghị Pháp - Việt, nên tôi quan tâm đến tất cả những gì liên quan đến Việt Nam. Bản thân tôi luôn luôn lo lắng với những khó khăn của các bạn. Đây có thể là khó khăn về kinh tế, xã hội hoặc văn hóa. Về mặt kinh tế, rõ ràng là Việt Nam đã "co lại" khoảng cách thụt lùi do chủ nghĩa thực dân và các cuộc chiến tranh gây nên. Nhưng sự phát triển kinh tế và mở cửa ra thế giới bên ngoài cũng đặt ra nhiều câu hỏi mà chúng ta phải cùng tìm cách trả lời. Tôi cảm thấy rất tin tưởng vào sự phát triển nội tại của đất nước các bạn. Sở dĩ tôi tin tưởng vì tôi biết là các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam ý thức rất rõ những khó khăn phải vượt qua. Có một chuyện mà tôi hay kể cho bạn bè ở Pháp nghe là cách đây mấy năm, khi trở lại Hà Nội, tôi được một trong những đồng chí lãnh đạo, phụ trách về tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam đón tiếp. Thoạt đầu tôi nghĩ rằng mình sẽ chỉ nhận được những lời tổng kết tô hồng tình hình Việt Nam, nhưng thực tế hoàn toàn khác. Trong suốt một tiếng rưỡi của buổi tiếp, đồng chí đó đã cho tôi thấy những khó khăn thực tế do sự phát triển kinh tế và mở cửa đặt ra đối với đất nước.

PV : Trong tình hình quốc tế hiện nay, ông nghĩ thế nào về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ?

S. Phuốc-ni-ô : Rõ ràng Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò quyết định tại Việt Nam. Chính Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải phóng Việt Nam khỏi ách nô lệ. Với một số người không hiểu rõ về Việt Nam, tôi thường giải thích với họ rằng, Việt Nam có đặc điểm riêng của mình. Từ năm 1930, phong trào yêu nước và Đảng Cộng sản Việt Nam đã là một. Tôi hoàn toàn tán thành với lô gíc : Đảng Cộng sản phải là đảng duy nhất, là lực lượng lãnh đạo và xây dựng của đất nước. Một số người bạn Pháp đã bị sốc vì họ luôn coi dân chủ đồng nghĩa với đa đảng. Nhưng tôi đã giúp họ hiểu rằng, chế độ một đảng lãnh đạo là điều không thể thiếu đối với Việt Nam. Vì theo tôi, mọi ý đồ kêu gọi "dân chủ", "đa đảng" đều không phải vì lợi ích thực sự của đất nước Việt Nam, mà thực ra là vì lợi ích của kẻ thù bên ngoài. Điều đáng khâm phục là đảng duy nhất này đã biết cách tự phát triển mình. Bằng chứng là công cuộc Đổi Mới. Một đảng mà trước đây chủ trương kinh tế tập trung với sự bao cấp của nhà nước, nay dám tự thay đổi theo hướng kinh tế thị trường, nhưng vẫn không từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa. Ở đây tôi không thấy sự trái ngược nào giữa chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường. Người ta có thói quen nghĩ rằng kinh tế thị trường có nghĩa là chủ nghĩa tư bản. Điều này hoàn toàn sai. Kinh tế thị trường đã tồn tại từ trước khi chủ nghĩa tư bản ra đời. Như vậy không có gì phải nghi ngờ hai định hướng song song là chủ nghĩa xã hội và mở cửa kinh tế mà Đảng Cộng sản chủ trương. Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chắc chắn sẽ tìm thấy biện pháp phù hợp cho sự phát triển, và đây sẽ là bản lề quan trọng mở ra giai đoạn phát triển mới của Việt Nam.

PV : Như vậy Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh được lý luận bằng thực tiễn ?

S. Phuốc-ni-ô : Đúng như vậy. Đối với chúng tôi, những người cộng sản Pháp, Việt Nam là một tấm gương kỳ diệu. Trong khi các Đảng Cộng sản trên thế giới bị thất thế, khi chủ nghĩa xã hội bị coi là lạc hậu, lỗi thời, thì Việt Nam lại là một trong những nơi hiếm hoi trên thế giới mà Đảng Cộng sản vẫn phát triển vững mạnh. Tôi nghĩ rằng, những cuộc thảo luận chính trị trong Đảng Cộng sản Việt Nam cần được phổ biến để bạn bè quốc tế học tập. Tại sao chúng ta không cùng nhau dịch những bài viết quan trọng của *Tạp chí Cộng sản* của Đảng Cộng sản Việt Nam để có những tài liệu lý luận quý giá để trao đổi ?

Mỗi khi nhắc đến Việt Nam tôi luôn tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi rất vinh dự đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần. Tôi luôn nhớ tinh thần đoàn kết nhân đạo của Chủ tịch. Với Người, tôi có một kỷ niệm riêng. Nhớ lại khi xưa tôi hay có thói quen dùng cách diễn đạt phủ nhận hai lần để khẳng định một điều gì đó. Người nói : "Tại sao lại phải phủ nhận hai lần trong khi có thể khẳng định ngay một lần". Đấy là lời chỉ bảo làm tôi suy ngẫm, và tôi thấy luôn luôn đúng đắn đến bây giờ.

PV : Xin cảm ơn ông.

(TRẦN HIẾU *thực hiện)*

Digitized by Google

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MANG BẢN SẮC DÂN TỘC VIỆT NAM

QUANG CẬN

Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản như chủ nghĩa tư bản đã thay thế chủ nghĩa phong kiến, đó là quy luật khách quan của lịch sử xã hội loài người. Ở nước ta, chủ nghĩa xã hội cũng nhất định sẽ được xây dựng thành công trong sự gắn bó giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ đâu và đi theo con đường nào ? Chỉ có thể và *phải xuất phát từ những điều kiện - hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước Việt Nam và con người Việt Nam, của dân tộc và lịch sử trong bối cảnh khu vực và thế giới hiện đại, theo quy luật chung mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã nêu ra, với những đặc điểm riêng theo tư tưởng Hồ Chí Minh* - xây dựng *chủ nghĩa xã hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam.*

1 - Không hề có chủ nghĩa xã hội trừu tượng phát triển trong cõi hư vô ; chỉ có chủ nghĩa xã hội cụ thể phát triển trên mảnh đất dân tộc, quốc gia - dân tộc cụ thể. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã trải qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, kế tiếp nhau, với những giai cấp đại biểu cho chúng ; những hình thái kinh tế - xã hội ấy đều diễn ra trên những mảnh đất hiện thực của dân tộc, quốc gia - dân tộc. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có quy luật riêng phản ánh bản chất của nó khác với hình thái kinh tế - xã hội khác, lại có những đặc điểm phản ánh những điều kiện - hoàn cảnh cụ thể riêng của từng dân tộc, quốc gia - dân tộc. Do vậy, có nhiều mô hình khác nhau, rất khác nhau của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Ví như chế độ phong kiến ở Việt Nam khác ở Trung Quốc, khác ở châu Âu ; chế độ tư bản ở Pháp khác ở Anh, ở Tây Âu khác ở Bắc Mỹ, ở Âu - Mỹ khác ở châu Á, ở Nhật Bản khác ở Hàn Quốc... Nắm vững phương pháp tiếp cận mác xít về hình thái kinh tế - xã hội mới hiểu đúng sự phát triển của xã hội loài người nói chung và của các quốc gia - dân tộc nói riêng. Lại phải đi sâu phân tích điều kiện - hoàn cảnh cụ thể của dân tộc và quốc gia - dân tộc mới hiểu được sự vận động và cuộc sống sinh động của hình thái kinh tế - xã hội trong những điều kiện cụ thể của dân tộc và quốc gia - dân tộc.

Việc vận dụng những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội vào những điều kiện - hoàn cảnh lịch sử cụ thể của dân tộc và quốc gia - dân tộc là phù hợp với chủ nghĩa Mác - Lê-nin sáng tạo.

Dân tộc, quốc gia - dân tộc hình thành từ rất lâu đời, gắn liền với sự phân chia xã hội loài người thành giai cấp, và đã trải qua những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, trong những điều kiện - hoàn cảnh lịch sử cụ thể khác nhau. Hình thái kinh tế - xã hội sau, trong quá trình phủ định hình thái kinh tế - xã hội trước, tất nhiên phải kế thừa những thành tựu của dân tộc, quốc gia - dân tộc trong hình thái kinh tế - xã hội trước mới có thể sinh sôi, nảy nở và phát triển bền vững trong lòng dân tộc, quốc gia - dân tộc. Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa đã từng ăn sâu, bén rễ trong lòng các quốc gia - dân tộc khác nhau và mở ra thời đại *dân tộc tư sản* (một thời, trong nhiều người theo chủ nghĩa Mác, đã có sự ngộ nhận rằng, nói dân tộc là dân tộc tư sản). Cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng phải như vậy để mở ra thời đại *dân tộc xã hội chủ nghĩa* ở Việt Nam. Không thể giáo điều, rập khuôn theo một mô hình nào đó.

Nói dân tộc, quốc gia - dân tộc là nói *con người* và *đất nước* (lãnh thổ - điều kiện địa lý tự nhiên),

Digitized by Google

là sự kết hợp con người với đất nước trong đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh xã hội, từ đó hình thành và phát triển *lịch sử, truyền thống* dân tộc, đặc biệt là *văn hóa* dân tộc - cái quan trọng nhất phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Dân tộc trường tồn trong sự đến và đi của các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, của các giai cấp khác nhau.

2 - Dân tộc Việt Nam ta có hàng ngàn năm lịch sử và đã trải qua các chế độ kinh tế - xã hội như đã biết. Giai cấp công nhân Việt Nam là một bộ phận - bộ phận tiền phong của dân tộc Việt Nam, mới ra đời khoảng 100 năm nay. Nhưng như Hồ Chí Minh từng nói về giai cấp công nhân Việt Nam, đó là "đứa con nòi", bé mà "bé hạt tiêu", nên tuy tuổi còn non trẻ mà đã biết dựa vào dân tộc, cùng dân tộc và lãnh đạo dân tộc đánh giặc giỏi, thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, giành độc lập dân tộc.

Lãnh đạo dân tộc tiến hành thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chiến thắng kẻ thù xâm lược hung hãn, Đảng của giai cấp công nhân đã tổ chức, động viên được sức mạnh hằng nghìn năm của dân tộc Việt Nam vào trận chiến đấu mới trong thời đại mới. Lãnh đạo dân tộc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng của giai cấp công nhân nhất thiết phải kế thừa và phát triển những giá trị về mọi mặt của dân tộc từ bao đời nay để lại. Phải xuất phát từ những đặc điểm địa lý - lãnh thổ của đất nước mình, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú trong môi trường thiên nhiên trên lãnh thổ mình. Phải kế thừa, bồi dưỡng và phát huy tiềm lực mọi mặt của con người Việt Nam, của cộng đồng các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Đặc biệt phải kế thừa những tinh hoa văn hóa trong nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam và phát triển lên một chất lượng mới, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. *Tiên tiến* được hiểu là bản chất giai cấp công nhân và thời đại mới. Cái mới của Đảng của giai cấp công nhân là *đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Chủ nghĩa xã hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam chính là *chủ nghĩa xã hội đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới ;* tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng không phải chỉ là như thế. Nó phải thể hiện trong mọi nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội : trong nhiệm vụ xây dựng kinh tế, trong các chính sách phát triển kinh tế, trong đời sống chính trị, trong nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị, cơ cấu chính trị, cả trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, đối ngoại... Ví như nói riêng về lĩnh vực kinh tế : tăng trưởng kinh tế là cần và đúng, nhưng còn công bằng xã hội. Chỉ số GDP cao là tốt, từ đó mới có cơ sở để nâng cao phúc lợi xã hội, nhưng còn vấn đề phân phối, còn mối quan hệ giữa con người với con người của văn hóa Việt Nam, văn hóa phương Đông. Không bình quân chủ nghĩa, đi tới triệt tiêu động lực lợi ích của sự phát triển, nhưng cũng không "kinh tế chủ nghĩa đơn thuần", gây nhức nhối xã hội, khiến cho phát triển trở thành "phản phát triển", tiến lên văn minh lại dẫn đến suy đồi văn hóa. Mục đích của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là lợi nhuận tư bản chủ nghĩa. Mục đích của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là con người. Văn hóa trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải là hiệu quả kinh tế gắn với chủ nghĩa nhân văn - quan hệ con người với con người gắn với bảo vệ môi trường sinh thái - quan hệ con người với thiên nhiên ("hiệu quả kinh tế xanh").

Nền kinh tế nhiều thành phần phản ánh cơ cấu xã hội - giai cấp trong khối đại đoàn kết dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội, gắn liền với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta. Phát triển nền kinh tế quốc dân gồm nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà kinh tế nhà nước là chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc - thể hiện khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức về kinh tế - là phát huy tinh thần và trí tuệ của tất cả các tầng lớp nhân dân trong dân tộc trên lĩnh vực kinh tế, khai thác tiềm năng nhân lực của đất nước để phát triển sản xuất kinh doanh lợi nhà, ích nước. Đó là kinh tế xuất phát từ thực tế Việt Nam, mà cũng là văn hóa Việt Nam và phải thấm nhuần văn hóa Việt Nam.

Cùng với *cơ cấu thành phần kinh tế* là *cơ cấu vùng - lãnh thổ* của địa lý Việt Nam, nhằm khai thác mọi tài nguyên thiên nhiên trên cả nước, phát huy thế mạnh của từng vùng (đồng bằng, trung du, rừng núi, biển - đảo) và kết hợp các thế mạnh đó

Digitized by Google

thành thế mạnh chung của cả nước. Từ đó, sản xuất ra những sản phẩm hàng hóa của Việt Nam, thỏa mãn nhu cầu trong nước và xuất khẩu, tham gia vào sự phân công lao động trên thế giới với ưu thế riêng.

Cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân ở nước ta thể hiện sự phát triển cao của lực lượng sản xuất gắn liền với quan hệ sản xuất đi lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở của cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu vùng - lãnh thổ, cũng tức là từ con người và đất nước Việt Nam. Cơ cấu đó có sự chuyển dịch dần trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, đặc biệt công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, bởi nước ta căn bản vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, gần 80% số dân là nông dân.

Nền kinh tế quốc dân - tổng hợp của cả ba cơ cấu lớn : cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu vùng - lãnh thổ, cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật - chính là *cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại của chủ nghĩa xã hội* ở nước ta. Nền kinh tế độc lập và tự chủ đó được xây dựng và phát triển trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam của một nước Việt Nam thống nhất, với những vùng động lực để lôi kéo cả nước, theo những bước đi thích hợp, bởi nội lực của con người Việt Nam và tài nguyên thiên nhiên Việt Nam. Nền kinh tế đó không tách rời sự hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các điều kiện thuận lợi của khu vực và thế giới. Càng phát huy mạnh mẽ nội lực thì càng tranh thủ được nhiều "ngoại lực".

3 - *Bản sắc dân tộc Việt Nam của chủ nghĩa xã hội* ở Việt Nam thể hiện tiêu biểu ở *văn hóa* ; phải quán triệt bản sắc văn hóa dân tộc trong xây dựng kinh tế, xử lý theo góc độ văn hóa những vấn đề kinh tế như nêu ở trên. Đây là một nhiệm vụ không dễ dàng, nhất là trong bối cảnh "toàn cầu hóa" về kinh tế dưới sự chi phối của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nó đòi hỏi cả kiến thức và tấm lòng, kiến thức về kinh tế, về khoa học - công nghệ, về văn hóa, về mỹ học, về văn học - nghệ thuật... trong xử lý những vấn đề kinh tế.

Nói riêng về lĩnh vực văn hóa, bản thân kinh tế thị trường, kinh tế đối nội và đối ngoại đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa, cả mặt tích cực và tiêu cực. Giao lưu văn hóa với các nước trong khu vực, với các nước khác trên thế giới, tất ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa, cũng với cả mặt tích cực và tiêu cực. Phải chọn lọc trên cơ sở văn hóa dân tộc mà xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến của dân tộc Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được đề cập tương đối đầy đủ tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII). Sản phẩm tổng hợp đồng thời là chủ thể của nền văn hóa đó phải là con người xã hội chủ nghĩa - cốt cách Việt Nam, kết hợp hài hòa văn hóa và văn minh Đông - Tây.

4 - Động lực tinh thần to lớn nhất trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để xây dựng chủ nghĩa xã hội đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam, là *lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc Việt Nam, của mỗi người dân Việt Nam.*

Từ chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập hợp mọi người dân Việt Nam vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, có thể cho rằng, *trong quan niệm của Hồ Chí Minh, có một chủ nghĩa yêu nước chung của dân tộc Việt Nam - dù rằng vẫn có những dấu ấn riêng của các giai cấp khác nhau trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.* Đó là tinh hoa văn hóa của dân tộc. Các giai cấp - do vai trò lịch sử tích cực trong dân tộc - đều thể hiện chủ nghĩa yêu nước đó của dân tộc Việt Nam, đương nhiên trên lập trường giai cấp của họ và đương nhiên có sự hạn chế về mặt giai cấp. Đảng ta đã tin cậy và động viên được lòng yêu nước của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam đi vào cuộc chiến đấu cực kỳ gian khổ, đầy hy sinh, mất mát trong nhiều thập kỷ qua, và ngày nay, tiếp tục tổ chức, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam bước vào trận chiến đấu mới chống lạc hậu và nghèo nàn, nhiều lần khó khăn, phức tạp hơn. Như thực tế lịch sử cuộc đấu tranh yêu nước và cách mạng ở Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo cho thấy, dưới ngọn cờ yêu nước, ngày càng đông đảo những người Việt Nam yêu nước tự nguyện tự giác đi vào chủ nghĩa xã hội, gắn bó với chủ nghĩa xã hội, theo ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, phải làm rõ ranh giới giữa yêu nước với bán nước, vạch mặt những kẻ giả danh "yêu nước", mượn danh "dân tộc" để chống lại dân tộc.

Digitized by Google

Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII), trong khi khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta, giữ địa vị chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam, đã quyết định đẩy mạnh việc giáo dục *chủ nghĩa yêu nước*, phát động *phong trào thi đua yêu nước*, xây dựng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đối với giai cấp công nhân Việt Nam, những người cộng sản Việt Nam, *yêu nước là đòi hỏi đầu tiên của sự giác ngộ giai cấp, yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nước trên lập trường của giai cấp công nhân*, bởi giai cấp công nhân Việt Nam phải đi từ giải phóng dân tộc mới có thể tiến lên giải phóng giai cấp ; bởi giai cấp công nhân Việt Nam đã nắm chính quyền, đã trở thành dân tộc.

Mác nói : "Giai cấp công nhân trở thành dân tộc, nhưng dân tộc ở đây không phải hiểu theo nghĩa tư sản". Vậy là dân tộc gì nếu không phải là dân tộc xã hội chủ nghĩa ? Chẳng lẽ đến chủ nghĩa xã hội thì không còn dân tộc nữa hay sao ? Hay chính chủ nghĩa xã hội mới là con đường giải phóng dân tộc một cách triệt để !

Dân tộc Việt Nam ta đã phát triển từ *dân tộc sơ kỳ* dưới chế độ công xã nông thôn thời Vua Hùng, sau bị 1000 năm Bắc thuộc, rồi giành lại độc lập và tiến lên *dân tộc phong kiến* dưới các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Dân tộc Việt Nam ta lại đã bị biến thành *dân tộc thuộc địa* dưới chế độ thực dân cũ và mới của đế quốc Pháp, Mỹ và đã đấu tranh giành thắng lợi để trở thành một *dân tộc độc lập và dân chủ* qua thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Ngày nay, dân tộc Việt Nam ta, trải qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất định sẽ tiếp tục tiến lên, bỏ qua *dân tộc tư sản* để dần dần trở thành một *dân tộc xã hội chủ nghĩa* dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam rõ ràng là sứ mạng lịch sử vĩ đại của giai cấp công nhân Việt Nam và đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam ; là nhiệm vụ lịch sử vĩ đại nhất của cả dân tộc Việt Nam để tiến lên trong thời đại Hồ Chí Minh. ❑

BÀN THÊM VỀ TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CỦA HỒ CHÍ MINH

HỒ BÁ THÂM *

TRONG nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh các công trình nghiên cứu về tư tưởng triết học của Người còn khá ít, cần được bổ sung. Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh ẩn chứa ở tầng sâu nhất trong các tác phẩm của Người. Thế giới coi Hồ Chí Minh là một nhà hiền triết lớn của thời đại, nhiều người thừa nhận Hồ Chí Minh có những tư tưởng triết học uyên thâm, sâu sắc và độc đáo, song, vẫn còn quá ít những công trình có tầm cỡ nghiên cứu về tư tưởng triết học của Người. Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh đa phần mang bản sắc riêng có ứng dụng sáng tạo, có phát triển mới về chất tất cả các trường phái triết học mà Người tiếp thu, dung hóa, và tích hợp. Có hai vấn đề đáng được lưu ý là tư tưởng triết học nhân văn và quan điểm phát triển xã hội rút ngắn (quá độ lên CNXH) của Người.

Quan điểm Hồ Chí Minh về sự phát triển xã hội.

Về vấn đề này đã có một số bài nghiên cứu khá kỹ lưỡng, ví dụ :

- Bài *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, trong đó đã trình bày có hệ thống những tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến trình cách mạng, về các lĩnh vực chính trị - xã hội, đạo đức, đặc biệt có một phần mang tính triết học sâu sắc về phương pháp luận Hồ Chí Minh, đứng trên

* TS. Nxb Chính trị quốc gia

Digitized by Google

các quan điểm : thực tiễn và sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn ; tính toàn diện có trọng tâm trọng điểm ; phát hiện mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn ; kết hợp vấn đề giai cấp và dân tộc ; quan điểm về con người, về nhân dân ; quan điểm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" ; quan điểm phát triển, đổi mới hướng tới cái mới.

Trong công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đã trình bày về *tiến trình cách mạng và phát triển xã hội* Hồ Chí Minh, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến xây dựng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên CNXH, tuy nhiên, còn chưa đi sâu về mặt triết học với tư cách là học thuyết về sự phát triển xã hội...

- Trong công trình *Minh triết Hồ Chí Minh* khi bàn về triết học đạo đức của Người, tác giả khai thác khía cạnh chính trị, văn hóa..., nhưng chưa bàn nhiều về tư tưởng phát triển, tiến bộ xã hội.

- Cuốn *Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh* (Nhà xuất bản Lao động ấn hành), gồm 12 bài viết, chia thành 5 chủ đề : nguồn gốc và thế giới quan ; lý luận và thực tiễn ; giai cấp và dân tộc ; tư tưởng và đạo đức ; con người. Đây là công trình đầu tiên tương đối có hệ thống về tư tưởng triết học Hồ Chí Minh, có cách nhìn và phân tích khá sâu sắc. Tuy nhiên, vẫn chưa *có phần nói về sự phát triển, tiến bộ xã hội của Người*. Nói chung, khi bàn về triết học Hồ Chí Minh sẽ không thể không nói tới vấn đề đó bởi nó gắn liền với tư tưởng cốt lõi của Người : gắn liền độc lập dân tộc, dân chủ với CNXH với tư cách là quá trình cách mạng và phát triển xã hội.

Các vấn đề triết học Hồ Chí Minh, liên quan đến sự phát triển xã hội được một số tác giả nói tới nhưng còn phân tán, chưa làm rõ tư tưởng lớn bao trùm của Người về sự phát triển, tiến bộ xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự phát triển và tiến bộ xã hội được trình bày tập trung, có hệ thống trong nhiều bài viết của Người, đặc biệt là bài *Thường thức chính trị* viết năm 1953 bao gồm những nội dung sau đây :

1) Xã hội loài người phát triển từ thấp lên cao, từ chế độ cộng sản nguyên thủy lên chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản và chế độ XHCN, CSCN theo quy luật của lịch sử ;

2) Hồ Chí Minh nhấn mạnh, muốn làm cách mạng, xây dựng xã hội mới phải nắm được các quy luật khách quan của sự phát triển và phải biết vận dụng phù hợp với từng hoàn cảnh lịch sử ;

3) Từ tinh thần đó, Người phát hiện ra chân lý và lôgic mới của thời đại là gắn sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp cách mạng vô sản, xây dựng CNXH ;

4) Đối với xã hội Việt Nam, Người cho rằng phải lật đổ chế độ thực dân phong kiến lỗi thời, xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân tiến lên CNXH và CSCN, bỏ qua chế độ TBCN. Đó là sự phát hiện ra lôgic - mô hình - tiến trình ***phát triển rút ngắn*** - đặc thù của xã hội Việt Nam đương đại trong khả năng khách quan cho phép của lịch sử ;

5) Người đã thấy được mối quan hệ thống nhất biện chứng nhiều mặt trong quá trình phát triển xã hội giữa dân tộc và quốc tế, giữa kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường sinh thái, giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa Đảng - Nhà nước và nhân dân ;

6) Người rất coi trọng nhân tố con người trong phát triển và phát triển nhân tố con người giữa đạo đức và tài năng, giữa thể chất và tinh thần, giữa nhu cầu và lợi ích. Triết lý phát triển của Hồ Chí Minh xét về bản chất là triết lý phát triển *do con người, vì con người, do nhân dân, vì nhân dân ;* phát triển nhân văn, bền vững ;

7) Người đánh giá cao vai trò nền tảng của lực lượng sản xuất, khoa học kỹ thuật, công nghiệp hóa, nhưng đặc biệt nhấn mạnh yếu tố tinh thần, trí tuệ, đạo đức đối với sự phát triển. Người đặc biệt quán triệt mục đích phát triển và tiến bộ xã hội là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, con người ấm no, hạnh phúc ;

8) Quan tâm phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn xã hội cụ thể, xử lý những quan hệ lợi ích, tìm và tạo những động lực, hình thức, phương pháp thiết thực để giải quyết mâu thuẫn ;

9) Một mặt phát triển xã hội phải tiến dần từng bước, mặt khác, khi có thời cơ, điều kiện khách quan thì có thể đón đầu, đưa nước nhà tiến lên hiện đại, đó cũng là sự phát triển gắn truyền thống với hiện đại ;

Digitized by Google

10) Người luôn tìm kiếm những phương pháp, biện pháp cụ thể, khả thi nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân, sức mạnh dân chủ, động lực thúc đẩy sự phát triển phục vụ đời sống vì hạnh phúc của nhân dân.

Mới đây, Tạp chí *Cộng sản* số 16 (8-2000) có bài của PGS-TS, Nguyễn Văn Huyên *: Từ nguyên lý phát triển mác xít đến triết lý phát triển Hồ Chí Minh.* Đây là một bài viết khá sâu sắc, có hệ thống, toàn diện nói về tư tưởng phát triển xã hội của Người. Chúng tôi nhất trí với tác giả rằng : "Toàn bộ sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh thực hiện ở Việt Nam chính là triết lý phát triển xã hội của Người" (1). Tuy vậy, trong phần trình bày, tác giả chủ yếu nói về các yếu tố của sự phát triển (kinh tế, văn hóa, chính trị, con người...), nhấn mạnh tư tưởng phát triển nhân văn, phát triển bền vững, chứ chưa thật làm rõ nội dung phát triển rút ngắn.

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh không sử dụng thuật ngữ phát triển rút ngắn. Nhưng qua nghiên cứu triết lý phát triển của Người, chúng tôi cảm nhận sâu sắc điều đó.

Bỏ qua, tiến thẳng là như thế nào ?

Tình huống và điểm xuất phát từ CNTB phát triển lên CNXH và tình huống từ một nước CNTB chưa phát triển lên CNXH về tiến trình, cách thức, mô hình phát triển khác nhau cơ bản. Chính vì vậy, xuất hiện khả năng phát triển bỏ qua (rút ngắn, lược bỏ). Thực tế khách quan đã chỉ ra rằng : nói bỏ qua *toàn bộ* hình thái kinh tế - xã hội tư bản để chuyển thẳng lên CNXH là không đúng, (chính Lê-nin lúc sinh thời và thực tiễn cuộc sống ngày nay đã khẳng định điều này). Thực ra, theo dự báo của Ăng-ghen, đó là sự phát triển rút ngắn, lược bỏ mà ngày nay chúng ta hiểu là rút ngắn, lược bỏ chế độ xã hội TBCN.

Bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua sự thống trị của giai cấp tư sản trong chính trị và trong kinh tế với tư cách là một chế độ chứ không phải bỏ qua tất cả những thành tựu văn minh tiến bộ của CNTB, của loài người và những đòi hỏi tất yếu của nền kinh tế - xã hội như những động lực của sự phát triển và tiến bộ. Lê-nin cho rằng, đối với các nước tiểu nông phải đi qua "nhịp cầu" chủ nghĩa tư bản nhà nước kiểu mới để tiến lên CNXH. Còn Hồ Chí Minh thì nói rằng, phải kinh qua chế độ dân chủ nhân dân, với nền kinh tế nhiều thành phần theo hướng XHCN. Do đó nói "bỏ qua chế độ TBCN", cũng có nghĩa là thực hiện sự phát triển rút ngắn - quá độ lên CNXH. Thực tiễn cải tạo và xây dựng CNXH trong và ngoài nước đã cho ta những bài học sâu sắc về vấn đề này trên cả mặt nhận thức và hành động. **Phát triển rút ngắn** *không đơn giản chỉ là rút ngắn thời gian hoặc bỏ qua một chế độ xã hội đã lỗi thời về mặt lịch sử, mà là sự phát triển rút ngắn về cấu trúc - tiến trình, tức là vừa lược bỏ, vừa bỏ qua, vừa kế tục, vừa đón đầu ; xét cả mặt không gian, cả mặt thời gian lịch sử và đương đại, hay nói cách khác, là cả mặt kết cấu xã hội, cả mặt tiến trình phát triển.* Khái niệm phát triển bỏ qua nếu không được xác định rõ, cụ thể thì dễ bị hiểu lầm là phủ định sạch trơn, do đó phải nói rõ bỏ qua cái gì.

- Khái niệm phát triển rút ngắn là khái niệm tái cấu trúc hệ thống xã hội bị bỏ qua bằng cách sử dụng, phát triển ở mức độ nào đó của xã hội ấy bên cạnh những yếu tố của xã hội mới cao hơn mang tính chủ đạo.

- Khái niệm phát triển quá độ chỉ có ý nghĩa nhấn mạnh giai đoạn trung gian, quá trình hình thành, phát triển cái mới đang đấu tranh xóa bỏ cái cũ, xã hội cũ lỗi thời để chuyển lên xã hội mới.

Với ý nghĩa đó, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến tiến lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là vừa phát triển rút ngắn, vừa phát triển quá độ ; phát triển quá độ là bản chất, phát triển rút ngắn là cấu trúc, phương thức và tiến trình. Do đó, thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta, về mô hình, thực chất là sự phát triển rút ngắn.

Hồ Chí Minh chủ trương bỏ qua chế độ tư bản nhưng phải kinh qua chế độ dân chủ nhân dân, phát triển chế độ đó thành CNXH. Tuy đã khác về bản chất và một số yếu tố theo hướng XHCN, nhưng về trình độ phát triển kinh tế thì chế độ dân chủ nhân dân, quá độ lên CNXH là tương đương trình độ cao tư bản chủ nghĩa được rút ngắn. Xét trên từng mặt, Hồ Chí Minh đã đề ra sự phát triển rút ngắn

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 16, (8-2000), tr 20

Digitized by Google

theo kinh nghiệm của NEP một cách sáng tạo (từ năm 1925, trong *Điều lệ* của Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng và sau này trong *Thường thức chính trị*, trong *Dự thảo Hiến pháp*, 1959). Về kinh tế là phải thực hiện công nghiệp hóa, phải đi qua nền kinh tế nhiều thành phần, mở rộng lưu thông trong và ngoài nước, mở rộng và phát triển dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, kết hợp truyền thống văn hóa với hiện đại hóa, chủ động xây dựng con người mới XHCN... Đây là sự phát triển rút ngắn theo hướng hiện đại XHCN.

Phát triển rút ngắn là *một xu hướng mới có tính thời đại đối với các nước kém và đang phát triển.* Ở đây có 2 loại rút ngắn : rút ngắn từng lĩnh vực và rút ngắn cả hình thái kinh tế - xã hội, chúng ta thuộc loại thứ hai. Nhưng từ nhận thức đến thực hiện cho đúng là rất khó, có khi phải trả giá, do việc không nắm đúng quy luật khách quan.

Với sự nghiệp đổi mới, đường lối phát triển rút ngắn đúng đắn, biện chứng, chúng ta từ điểm xuất phát thấp, có thể đuổi kịp các nước tiên tiến bằng con đường phát triển "rút ngắn" cả quá trình thị trường hóa và quá trình công nghiệp hóa (vì đã có tấm gương của một số nước về mô hình thị trường hóa rút ngắn và công nghiệp hóa rút ngắn). Thực chất của sự phát triển "rút ngắn" ở nước ta có hai nội dung sau đây : vừa là rút ngắn quá trình công nghiệp hóa đất nước, vừa là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế không cho phép chúng ta tiến trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội (2) mà phải trải qua thời kỳ quá độ, đi qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tức là sử dụng, phát triển những nhân tố tư bản trong quỹ đạo XHCN, trước hết là để chiến thắng nền sản xuất nhỏ, lạc hậu. Tất nhiên, không phải như có người quan niệm đó là "phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa", hoặc muốn lặp lại nguyên xi nền dân chủ tư sản, hoặc hạ tầng cơ sở thì TBCN, còn thượng tầng thì XHCN. Phát triển theo con đường XHCN, bỏ qua chế độ TBCN tức là phát triển cả những nhân tố TBCN tiến bộ theo quỹ đạo XHCN - đó là sự phát triển bằng cách "dung hợp hai mặt đối lập" (C. Mác), kết hợp - "thống nhất" các mặt đối lập (Lê-nin), tức là phát triển rút ngắn. Chúng ta kế thừa và phát triển tất cả những gì cả của CNTB và của chung nhân loại đang là tất yếu và tiến bộ, có lợi cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người hạnh phúc của chúng ta. Do đó không chỉ sử dụng và phát triển thành phần kinh tế tư nhân, tư bản mà cả nền kinh tế thị trường, những thành tựu công nghiệp mới, những tiến bộ trong khoa học quản lý và văn hóa xã hội... Tất nhiên những nhân tố đó trong hệ thống xã hội mới không lắp lại y xì như cũ mà các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ phải tạo thành một chỉnh thể của hệ thống xã hội mới.

Từ trình độ của một nước kém phát triển và đang phát triển có thể thiết lập hệ thống xã hội theo con đường TBCN, nhưng cũng có thể xác lập hệ thống xã hội theo con đường XHCN, chúng ta chọn con đường XHCN ; cũng từ đây, trong khi cần thiết sử dụng một số nhân tố TBCN tiến bộ, chúng ta tạo lập ngay và phát triển từ đầu nhân tố có xu hướng XHCN. Trong quá trình phát triển hệ thống xã hội này sẽ lớn mạnh và tiếp tục thay đổi từ chất cũ sang chất mới ngày càng mang tính chất XHCN nhiều hơn, nhất là khi đã xác lập được một nền kinh tế phát triển cao như các nước TBCN phát triển toàn cầu hóa và tri thức hóa. Đây là một loại hình xã hội phát triển rất mới. Chính vì vậy, tư tưởng này cần được nghiên cứu sâu để xây dựng một Học thuyết phát triển xã hội quá độ - rút ngắn theo hướng nhân văn XHCN ở Việt Nam trong thời đại mới, và trước hết về mặt triết học. Tư tưởng đổi mới từ Đại hội VI của Đảng đến nay cũng đã thấm nhuần quan điểm phát triển rút ngắn. Tuy vậy, đi vào từng vấn đề cụ thể không phải mọi người đều dễ dàng thống nhất, thấm nhuần và nắm vững quan điểm đó. Do vậy, một lần nữa phải làm rõ và thấu triệt quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn sâu sắc này. Các văn kiện của Đảng trình Đại hội IX không chỉ quán triệt quan điểm phát triển bỏ qua, phát triển nhanh, phát triển bền vững... mà nên nói rõ quan điểm phát triển rút ngắn.❑

(2) *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998,* tr 158, 159

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG TRỌNG DÂN TRONG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

HỒ TRỌNG HOÀI * - LÂM QUỐC TUẤN *

1. Tư tưởng trọng dân, thân dân, khoan dân, dựa vào dân là đặc trưng của văn hóa chính trị truyền thống phương Đông, là điều kiện sống còn của nhà nước.

Nói đến nền chính trị truyền thống của phương Đông Khổng giáo, nhiều người nghĩ rằng, đó là nền chính trị có tính tập quyền cao, vì vậy tính chất chuyên chế, độc đoán là rất nặng nề. Điều này có lý bởi sự tồn tại của hằng ngàn năm phong kiến, vua được gọi là "thiên tử - con trời", "dân" chỉ là sở hữu của vua, là "tài sản" của vua. Vì vậy, bổn phận cao nhất của dân là "tòng vua". Bổn phận "tòng vua" của dân là lẽ tự nhiên giống như bổn phận làm vua là thuận theo "thiên lý", "mệnh trời". Tính chất "tòng thuộc" của dân vào vua như trên phản ánh chính xác bản chất quan niệm của vua về dân, về vị trí, vai trò của dân trong quan hệ với vua, với nước. Tuy nhiên, cũng từ quan niệm trên, khi dân được xem là "tài sản" của vua thì nền chính trị phương Đông Khổng giáo cũng đồng thời quy định bổn phận của vua - người sở hữu dân. Chính trong chiều cạnh này, nền chính trị truyền thống phương Đông đã bộc lộ một số giá trị văn hóa có ý nghĩa đối với nền chính trị hiện đại, dẫu cho về đại thể nền chính trị truyền thống Khổng giáo - suy cho cùng - là hướng về một xã hội thịnh trị có đẳng cấp và chủ nhân đích thực của nó là ông vua.

Nho giáo cho rằng, làm vua tức là nhận lấy "mệnh trời" mà làm. Đã là "mệnh trời" thì vua phải thực hiện bổn phận của mình với một ý thức tự nguyện. "Mệnh trời" là thống nhất với ý dân, ý dân là ý trời, dân là quý, dân là gốc nước, dân là nước, vua quan là thuyền, nước có thể chở thuyền và nước cũng có thể lật thuyền. Mất lòng dân thì triều chính buộc phải đổ, công lao trong thiên hạ trước hết và bao giờ cũng là thuộc về dân : "Thiên tử có làm tròn trách nhiệm thì cũng không có công gì cả, công là của dân" (Thượng thư - Bàn Canh) ; "Dân vi quý, xã tắc thứ chi quân vi khinh" (Mạnh Tử).

Theo luân lý Khổng giáo : "Dưới trời rộng khắp, đâu cũng là đất của vua. Khắp đất đai đến tận bốn bờ bốn biển, ai cũng là tôi dân của vua" (Phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ. Xuất hải chi tân mạc phi vương thần - Kinh thi). Bởi vậy, vua là người quản lý đất nước cao nhất, là người cha của muôn dân, vì lẽ đó phải chịu trách nhiệm về toàn bộ cuộc sống của dân. Xã hội hỗn loạn, dân tình phạm tội thì vua cũng phải gánh chịu "Vận dân có lỗi là tại một mình ta, cho nên một mình ta chịu tội, không lụy gì đến dân cả" (Thượng thư - Thang cáo).

Sách Mạnh Tử dẫn lời vua Nghiêu, nhà vua huyền thoại được Nho giáo tôn sùng, nói rõ bổn phận của vua là phải "an cư dân, vỗ về dân, giúp đỡ dân, che chở dân, khiến dân tự biết vui về đạo" (Mạnh tử, Đằng Văn Công - Thượng). Việc chăm lo dân, trước hết là làm cho dân no đủ. Với tư tưởng : say sưa thuyết giáo về chính sách chia ruộng theo phương thức "tỉnh điền" để nhờ đó dân cày có thể "trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi nấng vợ con". Ông chủ trương nhiều vấn đề cụ thể liên quan đến đời sống thiết thực hằng ngày của nhân dân, từ việc khuyến khích gia tăng sản xuất, thực hành tiết kiệm đến những vấn đề thu thuế và lao dịch. Ông cũng kêu gọi sự quan tâm đối với những người cùng khổ trong xã hội, những quan, quả, độc, cô...

Một bước phát triển hơn nữa, xuất phát từ tư tưởng đề cao, dân là việc nhà nước Nho giáo có một nhiệm vụ lớn quan trọng ngang hàng với việc làm cho nhân dân no ấm là giáo hóa dân. Nho giáo vốn rất coi trọng giáo dục, coi giáo dục là rường cột của chính trị. Trong quan niệm truyền thống của

* TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

văn hóa Khổng giáo, văn hóa là cách nói gọn của "văn trị giáo hóa" (1). Ở đây có vấn đề, nội dung thực chất của "văn hóa" là phương thức để làm cho văn sáng tỏ, để hóa thành thiên hạ, làm cho nước có văn hiến. Đó là căn bản của đường lối trị nước của thánh nhân. Thánh nhân, theo Nho giáo không chỉ là bậc hiền triết, nhiều trí tuệ và có đạo đức cao, mà còn là người dựa mệnh Trời, đem văn hóa để giáo hóa thiên hạ.

Nhà nước không chỉ là cơ quan quyền lực, bắt dân tôn trọng phép tắc, tiến hành thưởng phạt, mà còn là dạy dỗ cho dân từ bỏ những điều ác, những sai lầm để trở thành thiện, tức là sống đúng đạo lý. Khi Khổng Tử khen "dân nước Vệ đông thay", và có học trò hỏi "dân đã đông thì nhà cầm quyền phải làm gì cho họ ?", Khổng Tử đáp gọn "phú chi" (giúp cho họ giàu có). Lại hỏi : "Giàu có rồi, phải làm gì cho họ nữa ?". Đáp " "Giáo chi" (Phải giáo hóa họ)". (Luận ngữ - Tử Lộ 9). Tiếp đến Mạnh Tử nói : "Muốn được dân thì chính trị tốt không bằng giáo dục tốt, vì chính trị tốt thì dân sợ, còn giáo dục tốt thì dân yêu ; chính trị tốt thì được tiền của dân, còn giáo dục tốt thì được lòng dân". (Mạnh Tử, Tận tâm - Thượng).

Như thế là văn hóa hay dùng văn để hóa thành thiên hạ, là sự kết hợp giữa tu dưỡng và nêu gương, dùng chính trị và giáo dục, phải nhìn rộng ở số đông, ở thiên hạ. Đó là một truyền thống, một quan niệm độc đáo của văn hóa chính trị Khổng giáo phương Đông truyền thống.

Ngược lại, trong truyền thống chính trị phương Tây, đặc biệt là thời Trung cổ khi thế quyền thời đế chế La Mã được kết hợp với thần quyền của Cơ đốc giáo thì khái niệm "dân" không có ý nghĩa gì dưới con mắt của giai cấp thống trị. Lúc ấy "dân" chỉ còn là một "đàn chiên" (cừu) phải được chăn dắt, có nghĩa là dân hoàn toàn trở thành phương tiện của quyền lực. Cho đến trước các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng trong tư tưởng chính trị phương Tây chưa bao giờ việc chăm lo đến đời sống nhân dân lại được coi là trách nhiệm của các nhà cầm quyền, trước hết là trách nhiệm của vua đứng đầu nhà nước. Những vua chúa và các nhà cầm quyền đều cho rằng dân đói khổ là tại họ lười biếng, mất mùa thiên tai là tại trời, chứ không phải là tại chính sách của triều đình. Ở nước Anh mãi tới triều nữ hoàng Ê-li-da-bét (XVI) sự cứu dân vẫn chỉ được coi là một công việc từ thiện, chứ chưa thành một nhiệm vụ của chính phủ.

Ở Việt Nam, chịu ảnh hưởng những quan điểm đạo đức và tư tưởng chính trị của Nho giáo, cộng với thực tiễn lịch sử - chính trị - xã hội của đất nước, giới cầm quyền qua các triều đại đã hình thành nên được một quan niệm cũng như những chính sách đặc sắc của mình đối với dân chúng.

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam phạm trù *Dân* có một ý nghĩa đặc biệt. Thực tiễn chứng minh là, những cuộc chiến tranh giành độc lập hay bảo vệ đất nước chỉ khi nào huy động được sức mạnh của dân tộc mới làm nên chiến thắng. Toàn dân đều tham gia đánh giặc là một truyền thống (khác với ở các nền văn hóa du mục, chiến tranh hoàn toàn là việc của quân đội, của đàn ông). Điều này đã thấm sâu vào tình cảm và chuyển thành phương thức tư duy, nội dung hoạt động của mọi triều đại và các cộng đồng người Việt Nam.

Ngay từ buổi đầu dựng nước và giữ nước thì ý thức trở thành chủ nhân của đất nước không phải chỉ là một vài cá nhân, của một số thủ lĩnh hiểu biết và kiên cường, của một số vùng trọng điểm đất nước mà là của đại đa số người dân, của nhiều vùng trên lãnh thổ Giao Chỉ. Vì thế mới có thể thấu hiểu tại sao Hai Bà Trưng phất cờ thì hơn 60 huyện thành nổi dậy, hưởng ứng, Bà Triệu cưỡi voi dóng trống thì "toàn thể Châu Giao chấn động". Ý thức đó được thể hiện trường kỳ trong suốt chiều dài lịch sử, là cơ sở để duy trì các cuộc chiến đấu và càng về sau càng liên tục, quyết liệt hơn. Từ đó các triều đại Việt Nam đều biết cách dựa vào dân, huy động được sức mạnh dân tộc làm nên những chiến thắng lịch sử. Tình cảm và tư tưởng về dân tộc gắn liền với dân chúng được nêu lên như những nguyên tắc chính trị.

Lý Công Uẩn trong Chiếu dời đô đã viết : "Muốn mưu việc lớn, tính kế muôn đời cho con cháu thì trên phải vâng mệnh trời, dưới theo ý dân". Nguyện vọng đó của nhà vua cũng là nguyện vọng của nhân dân và dân tộc. Điều này đã được các quần thần khẳng định trong khi đáp lại : "Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế lâu dài để trên cho cơ nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được giàu của nhiều người, việc lợi như thế, ai dám

(1) Lê Quý Thiêm : *Văn hóa với sự phát triển xã hội Việt Nam theo hướng XHCN*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 7

Digitized by Google

không theo" (2). Tiếp đến Lý Cao Tông (1207) tự thấy : Trẫm... ở nơi cửu trùng không biết cảnh khó khăn của dân chúng, nghe lời bọn tiểu nhân mà gây nên oán giận của kẻ dưới. Dân đã oán thán thì trẫm dựa vào ai ? Nay trẫm sẽ sửa lỗi cùng dân đổi mới.

Sang thời Trần, những quan niệm về độc lập và tự chủ của đất nước có liên hệ khăng khít với sự nhận thức về nhân dân, xem nhân dân là lực lượng quyết định trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề không chỉ là đức độ của kẻ cầm quyền mà là phương sách cơ bản để giữ nước. Tiêu biểu nhất là quan niệm của Trần Quốc Tuấn cho rằng, nhân dân là cơ sở để tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước : Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là thượng sách để giữ nước. Dưới con mắt của Trần Quốc Tuấn, nhân dân chính là nơi chứa chất những tiềm lực về kinh tế và quốc phòng bảo đảm cho sự vững chắc của nền độc lập và chủ quyền của đất nước. Hơn nữa, theo ông, những anh hùng mưu được nghiệp lớn là nhờ vào sự ủng hộ của quần chúng. Tư tưởng chính trị "lòng dân không chia", "cả nước góp sức" chống giặc của Trần Quốc Tuấn là nền tảng cho việc xây dựng quân đội thường trực và mọi lực lượng vũ trang nhân dân trong thời Trần. Chính ở thời này, Hội nghị Diên Hồng đã đi vào lịch sử như một biểu tượng tuyệt vời về ý chí của toàn dân, về tinh thần đoàn kết thống nhất trong toàn xã hội từ trên xuống dưới, về mối quan hệ tốt đẹp giữa nhà nước với công dân trong một thời điểm lịch sử đặc biệt quan trọng.

Nhà Hồ, Hồ Quý Ly là một con người tài năng, có nhiều ham muốn và nỗ lực thực hiện những cải cách lớn, xây dựng một nền độc lập vững mạnh cho dân tộc nhưng triều Hồ chỉ tồn tại được trong một thời gian ngắn. Lý giải về điều đó, theo lời của Nguyễn Trãi là : "Nhà Hồ đánh giặc một mình" (3), "quân họ Hồ trăm vạn người, trăm vạn lòng". Cuối năm 1405, trước khi nhà Minh khởi chiến xâm lược, trong một cuộc họp bàn của triều đình tìm cách ứng phó với giặc, tả tướng quốc Hồ Nguyên Trừng nói, "không sợ giặc, chỉ sợ lòng dân không theo" (4). Hồ Nguyên Trừng đã hiểu rất rõ thời thế và nhân tâm, và đã nó đúng chỗ yếu nhất của nhà Hồ khi phát động kháng chiến là họ không được toàn dân đồng tâm ủng hộ, một yếu tố gốc rễ của mọi thắng lợi. Ly tán nhân tâm, dẫn đến một sự nghiệp đổ vỡ, đó là điều tất yếu.

Thời Lê Lợi - Nguyễn Trãi, tư tưởng khoan dân, lo cho dân và dựa vào dân được phát triển hơn nữa, được xem là mục đích tối hậu trong việc giữ nước và dựng nước. Tổng kết những thời kỳ lịch sử đã qua và phân tích những sự biến đang diễn ra trước mặt, Nguyễn Trãi đã rút ra được các kết luận có tính quy luật của cuộc chiến tranh nhân dân.

Với ông, cứu nước và dựng nước là công việc của nhiều người, của trăm họ. Vì thế phải tôn trọng cộng đồng và bồi dưỡng tư tưởng cộng đồng. Nếu mọi người đồng lòng tất sẽ có sức mạnh, theo đó nguyên nhân tất thắng của Lê Lợi là "quân không quá mười vạn nhưng ai cũng một lòng". Nguyễn Trãi quan niệm dân là số đông, là cơ sở xã hội, là lực lượng có vai trò quyết định dẫn đến sự tồn vong của một triều đại, một ông vua. Ông đã thể hiện tư tưởng của mình bằng cách nhắc lại câu nói của người xưa với một nội dung đầy tính hiện thực cấp bách "Mến người có nhân là dân, mà chở thuyền lật thuyền cũng là dân" (Chiếu răn bảo Thái tử), "Thuyền bị lật mới tin rằng dân như nước" (Quan hải) (5). Đường lối chính trị của Nguyễn Trãi vì thế được gọi là đường lối chính trị nhân nghĩa. Trong đó, việc đầu tiên của chính trị là việc cứu dân, nuôi dân. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách, mọi quan hệ đối xử của triều đình đều phải căn cứ vào lòng dân, lòng người. Nhân nghĩa là phương thức giữ nước, dựng nước, là sức mạnh, là cuộc sống của người dân, là bang giao hòa bình. Tư tưởng đó vừa khái quát truyền thống, vừa tạo nghiệp, vừa định hướng cho sự phát triển bền vững của dân tộc.

Ở thế kỷ XVI, Nguyễn Bỉnh Khiêm chủ trương thực hiện đường lối chính trị "vương đạo" đối lập với "bá đạo". Đó là đường lối nhà nho gắn với dân chúng, lấy đức "nhân nghĩa để trị người, cảm hóa người. Ông viết "Nếu nhà vua có bó đuốc sáng thì nên soi đến dân ở nơi nhà nát, xóm nghèo" (Cảm hứng) hoặc "xưa nay nước phải lấy dân làm gốc, nên biết rằng muốn giữ được nước, cốt phải được lòng dân" (Cảm hứng) (6). Đó rõ ràng là một đường lối chính trị yêu nước, thương dân, mang tên

(2) Ngô Sĩ Liên : *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, t 1, tr 191

(3). (4) Nguyễn Tài Thư (chủ biên) : *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội*, Hà Nội, 1993, t 1, tr 237

(5) Nguyễn Tài Thư : *Sđd*, t 1, tr 287 (dẫn lại)

(6) Nguyễn Tài Thư : *Sđd*, t 1, tr 359 (dẫn lại)

Digitized by Google

vương đạo ở ngoài nhưng có thực chất là nhân dân ở bên trong.

Ở thế kỷ XVIII, chiến tranh là loạn lạc là nỗi nhức nhối của các nhà tư tưởng có lương tri. Theo họ trị loạn phải xuất phát từ thái độ của tập đoàn cai trị xã hội đối với lòng dân là ý trời. Lê Quý Đôn nhắc lại lời xưa "Dân là gốc nước, gốc vững thì nước mới yên. Cứu dân tức là vì nước" (Âm chất văn chú). Nguyễn Thiếp cũng thế : "Dân là gốc, gốc vững nước mới yên" (Bài biểu dâng Quang Trung bàn về dân tình xứ Nghệ). Ngô Thì Nhậm quan niệm một cách mạnh mẽ : Lòng dân quyết định ý trời "Trời trông, trời nghe do ở dân. Lòng dân yên định thì ý trời cũng xoay chuyển" hoặc "Dân hòa cảm ở dưới thì thiên hòa ứng ở trên, hiệu nghiệm được mà không hẹn mà đến" (Tờ khải trình bày về chính sự đương thời) (7).

Ở thế kỷ XIX, Nguyễn Đức Đạt đã nói một điều mà trước và sau ông trong chế độ phong kiến cũ không ai nói tới. Đó là vua phải kính trọng nhân dân : "Có người hỏi : "Vua nên yêu ai ?" - Ông đáp : "Yêu dân". Lại hỏi : "Nên kính ai ?" - Ông đáp : "Kính dân". Lại hỏi : "Yêu và kính như thế nào ?" - Ông đáp : "Yêu như yêu thân mình, kính như kính thân mình". Ôi ! Dân là người bảo vệ cho thân mình, chẳng yêu sao được ? Lại là người chủ tế của thân mình, chẳng kính sao được" (8). Tiếp theo các nhân sĩ Nghệ Tĩnh đã đạt đến tầm cao tư tưởng về dân khi xem dân là chủ nhân của đất nước khi giải quyết mối quan hệ "trung quân" với "ái quốc". Trong một tờ sớ gửi Tự Đức của họ, có đoạn viết : *"Thiên hạ là của thiên hạ, thiên hạ không phải của bệ hạ mà chuyên giữ lấy một mình"* (9). Từ đó nó trở thành mệnh đề tư tưởng dẫn dắt các phong trào kháng chiến vượt qua và chống lại đường lối chủ hòa sai lầm của Tự Đức và triều đình thuở ấy...

Không chỉ là quan niệm, nhận thức rõ được vai trò quan trọng của nhân dân trong giữ nước và dựng nước, các nhà nước phong kiến Việt Nam cũng đã có nhiều những hoạt động và chính sách thiết thực quan tâm đến đời sống và nguyện vọng của nhân dân. Các giá trị nhân sinh ở đây cũng là một đặc trưng của văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống.

Trước tiên là chính sách khuyến nông. Các triều đại phong kiến Việt Nam đều kiên trì đường lối "dĩ nông vi bản" (nông nghiệp là gốc). Và đó cũng là cơ sở cho các chính sách "ngụ binh ư nông" (gửi binh trong nông) và "toàn dân vi binh" (mỗi người dân là một chiến sĩ). Lê Hoàn là ông vua đầu tiên tổ chức lễ cày ruộng tịch điền. Đến đời Trần, triều đình cũng tổ chức cho các vị tôn thất và quan chức đi gặt ruộng tịch điền. Luật lệ và chiếu chỉ của nhà Lý về việc giết hại trâu bò ảnh hưởng đến công việc cày cấy cần phải nghiêm trị cũng là một ví dụ cụ thể về sự quan tâm đó.

Tiếp đến, là việc chăm lo trị thủy, thủy lợi mà các thể chế đã được ghi vào pháp luật và hương ước làng xã. Xây dựng và bảo vệ đê điều là lợi ích cơ bản của nông dân, đã được coi là một chức năng quan trọng của nhà nước và là nhiệm vụ của toàn dân. Vua nhà Trần đã từng tự mình đi trông nom việc đắp đê. Hành khiển Trần Khắc Chung nhận thức được ý nghĩa của việc đó, nói rằng : "Lúc dân gặp nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp ngay. Sửa sang đức chính không còn gì trọng đại hơn công việc ấy". Hay tính dân sinh còn biểu hiện ở chỗ năm 1126 vua nhà Lý ra lệnh cấm không được chặt cây vào mùa xuân, năm 1126 ra lệnh trồng cây ở mọi nơi...

Sau việc chăm lo cho dân no đủ thì việc giáo hóa dân luôn là trách nhiệm lớn lao và là nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên, quan trọng bậc nhất của nhà nước. Để giáo hóa dân, có hai cách : *một là*, người cầm quân phải nêu gương sáng ; *hai là*, phải mở mang việc giáo dục đạo đức và nâng cao dân trí. Ở Việt Nam, hầu hết các vương triều, nhất là trong thời kỳ cường thịnh của mình, đều rất quan tâm đến vấn đề giáo dục đạo đức trong dân và luôn luôn chăm lo chỉnh đốn việc học hành, thi cử.

Nhà nước về bản chất của nó là mang tính chất giai cấp. Chúng ta không phủ nhận mâu thuẫn giai cấp ở Việt Nam, nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận rằng ở Việt Nam, mâu thuẫn thường xuyên đặt ra trong cuộc sống và lôi cuốn toàn dân, là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam đối mặt với những thử thách của thiên tai, của địch họa. Cho nên, suốt chiều dài của lịch sử điểm nổi bật ở Việt Nam không phải là mâu thuẫn giai cấp mà là đoàn kết dân tộc, là sự gắn bó toàn thể những người công dân lại với nhau và sự hợp tác thường xuyên giữa công dân với nhà nước.

---

(7) Nguyễn Tài Thư (chủ biên) : *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t 1, tr 418 - 419 (dẫn lại)

(8) *Nam Sơn Tùng thoại*, Thiên Quán đạo (tài liệu dịch) Viện Triết học

(9) Lê Sỹ Thắng : *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, t 2, tr 171 (dẫn lại)

Digitized by Google

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân là kết tinh của văn hóa chính trị truyền thống và hiện đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là đỉnh cao của văn hóa chính trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, thể hiện ở lòng thương yêu vô hạn đối với nhân dân, quý trọng nhân dân và tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân. Người nói, "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" (10). Người cho rằng không gì quý bằng dân và không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quan hệ giữa nhà nước và nhân dân thì nhà nước chỉ là bộ máy thừa hành của nhân dân, tất thảy nhân viên nhà nước là đầy tớ của nhân dân chứ không phải là "phụ mẫu chi dân" (cha mẹ của dân). Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức nhân dân là người chủ, địa vị cao nhất là dân, nhà nước là của dân, do dân, vì dân.

Người cho rằng không gì quý bằng dân và không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Trong bài báo *Dân vận* viết năm 1949, Hồ Chí Minh khẳng định : "Nước ta là nước dân chủ" (11). Điều này có nghĩa là :

"Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân.*

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân...*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra.*

Đoàn thể từ trung ương đến xã *do dân tổ chức nên.*

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân"* (12).

Như vậy, theo Hồ Chí Minh "dân là chủ" và "dân làm chủ". Quan niệm này về thực chất là sự thâu tóm cốt lõi của văn hóa chính trị phương Đông truyền thống được biểu hiện qua tư tưởng của một số nhà tư tưởng tiến bộ. Mặt khác, tư tưởng đó đã phản ánh trình độ mới của văn hóa chính trị hiện đại. Trong văn hóa chính trị truyền thống, mặc dù dân có lúc được đề cao, song suy cho cùng vua vẫn là người sở hữu dân và họ không cùng đẳng cấp với vua. Trong quan niệm mới của Hồ Chí Minh, dân là chủ sở hữu quốc gia, xã tắc và của bản thân mình và vì vậy, theo lẽ tự nhiên : dân làm chủ. Trong các thiết chế chính trị, quan trọng nhất là nhà nước thì nhà nước phải là của dân, do dân, vì dân. Các công chức nhà nước vì vậy, không phải là "quan cách mạng", "phụ mẫu chi dân" (cha mẹ của dân) mà phải là "công bộc của dân", "là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn khát vọng giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Theo Người, nước độc lập mà dân chưa tự do, còn đói, còn rét, còn khổ thì độc lập ấy cũng chẳng để làm gì. Bởi vậy, nỗi lo lớn nhất của Người, nhất là sau khi chính quyền cách mạng được thiết lập chính là làm sao để dân có tự do và hạnh phúc. Muốn vậy, trước hết bộ máy cầm quyền phải đủ phẩm chất, trí tuệ để gánh vác công việc này, một công việc "rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng rất vẻ vang".

Trong các tác phẩm *"Sửa đổi lề lối làm việc"*, hay *"Về đạo đức cách mạng"*, Người đã nêu ra những phẩm chất của người cách mạng và yêu cầu người cán bộ cách mạng phải thực hiện. Đó là các phẩm chất như : Nhân, Trí, Dũng, Liêm hay Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Trong Di chúc, khi nói về Đảng, Người cho rằng : "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" (13). Như vậy, đối với Đảng và cán bộ đảng, Người nhấn mạnh đến phẩm chất "vì dân" và chính Người là một mẫu mực. Rõ ràng, những tư tưởng "Thân dân", "Dưỡng dân", "Giáo dân", "Dân là gốc"... trong văn hóa chính trị phương Đông truyền thống đã được tiếp nhận và vượt gộp ở Hồ Chí Minh, trở thành một giá trị tiêu biểu ở thời đại ngày nay.

Thiết nghĩ, trong không gian chính trị, xã hội hiện nay, muốn thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh không con đường nào khác ngoài con đường Hồ Chí Minh đã chọn, con đường chính trị xuất phát từ nhân dân, đề cao dân, khẳng định "Dân là chủ", "Dân làm chủ".❑

---

(10) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 161

(11) (12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 698

(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 510

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN THƯƠNG NGHIỆP, THỊ TRƯỜNG Ở NƯỚC TA

NGUYỄN THỊ DOAN *

TRONG quá trình đổi mới nền kinh tế, ngày 3-1-1996, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 12 NQ/TƯ về "Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Sau hơn 5 năm thực hiện, tình hình thị trường và hoạt động thương mại nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thị trường trong nước phát triển, hàng hóa dồi dào, phong phú với giá cả ổn định, đáp ứng các nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng. Đáng chú ý là tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội giai đoạn 1996 - 2000 tăng bình quân hằng năm 12,2%.

Thị trường nước ngoài được mở rộng, tính đến hết năm 2000 chúng ta đã có quan hệ buôn bán với 165 quốc gia, trong đó đã ký các hiệp định thương mại với 79 nước và thỏa thuận về tối huệ quốc với 68 nước và vùng lãnh thổ. Về cơ bản đã thực hiện được chủ trương "đa dạng hóa thị trường và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại", chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, trước hết là hội nhập về thương mại và đầu tư. Chúng ta đã tích cực thâm nhập, tạo chỗ đứng ở các thị trường mới, nên thị trường xuất khẩu hàng hóa có chuyển dịch đáng kể. Xuất khẩu hàng hóa sang thị trường các nước trong thời gian qua như sau : châu Á giảm từ 80,1% năm 1996 xuống còn 60% vào năm 2000 ; tương ứng - châu Âu lại tăng từ 14,8% lên 27%, châu Mỹ (chủ yếu là Bắc Mỹ) tăng từ 3,3% lên 6%, châu Đại Dương tăng từ 1% lên 6,5%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 1996 - 2000 tăng bình quân hằng năm 23,3%, từ 5 449 triệu USD năm 1995 lên 14 308 triệu USD vào năm 2000. Với kết quả này, mức xuất khẩu bình quân đầu người của nước ta năm 2000 đã đạt gần 185 USD/người và ra khỏi danh sách các nước có nền ngoại thương kém phát triển. Do kim ngạch nhập khẩu trong giai đoạn này chỉ tăng 13,3%/năm, thấp hơn tốc độ tăng xuất khẩu 10%, nên nhập siêu được giảm dần qua các năm, nhờ đó cán cân ngoại thương được cải thiện một bước. Nếu như năm 1996, tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu là 53,6%, thì đến năm 2000 còn 6,2%. Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu cũng đã có cải thiện theo hướng tăng nhập khẩu tư liệu sản xuất và giảm nhập khẩu hàng tiêu dùng nên cơ bản đã phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước.

Về tổ chức và quản lý, đã dần dần phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về thương mại và chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, sắp xếp lại các doanh nghiệp thương mại nhà nước theo hướng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, còn Bộ Thương mại và các sở thương mại chỉ làm chức năng quản lý nhà nước về thương mại... Các doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ được vai trò chủ đạo trong lưu chuyển bán buôn và xuất nhập khẩu. Đối với thị trường nông thôn, miền núi, thương mại nhà nước đã cung ứng đủ các mặt hàng thiết yếu thuộc diện chính sách cho đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và tổ chức thu mua được một số nông sản cho nông dân ở vùng III ; gắn với Chương trình trung tâm cụm xã và Chương trình 135 để phát triển mạng lưới thương mại nhà nước và chợ phiên, tạo nhân tố kích thích sản xuất, trao đổi hàng hóa ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Tuy nhiên, tình hình thị trường và hoạt động thương mại vẫn còn nhiều mặt hạn chế : tính định hướng xã hội chủ nghĩa trên thị trường và hoạt động thương mại chưa thể hiện rõ ; khung pháp lý cho hoạt động thương mại bước đầu đã thông thoáng, nhưng thể chế kinh tế thị trường còn chưa hoàn chỉnh. Thực trạng của hệ thống thể chế được nhiều doanh nghiệp gọi là "5 không" : không minh bạch, không đồng bộ, không nhất quán, không sát thực tế, không thống nhất. Tình hình buôn lậu và gian lận thương mại diễn ra thường xuyên và ngày càng tinh vi. Dẫu rằng Chính phủ và

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương

Digitized by Google

các bộ, ngành cùng với cấp ủy, chính quyền các địa phương có nhiều biện pháp, song vẫn còn bất cập. Thị trường nước ngoài mới phát triển được bề rộng mà chưa xây dựng được theo chiều sâu. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chuyển dịch chậm, sức cạnh tranh của hàng hóa còn thấp. Thị trường trong nước đã có dấu hiệu kém sôi động, thể hiện chỉ số giá tiêu dùng đang có xu hướng giảm. Thời gian qua, tỷ giá cánh kéo giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp ngày càng doãng rộng làm cho sức mua của nông dân giảm sút, dẫn đến thị trường nông thôn, miền núi chậm phát triển và ngày càng tụt hậu xa hơn so với thị trường thành thị. Các doanh nghiệp thương mại chưa làm tốt vai trò hướng dẫn tiêu dùng và tổ chức thông tin thị trường để định hướng cho sản xuất...

Để khắc phục các hạn chế trên, tận dụng được các cơ hội và vượt qua các thách thức của quá trình hội nhập thương mại khu vực và quốc tế nhằm làm cho thị trường và thương mại phát triển đúng hướng, ổn định và bền vững, trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp sau :

Một là, muốn bảo đảm định hướng của sự phát triển, trước hết phải nghiên cứu, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để xây dựng và hoàn thiện lý luận về mô hình, bản chất, sự vận động của thương nghiệp thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, cơ chế về thị trường và hoạt động thương mại. Có như vậy thì sự phát triển mới không chệch hướng, thực hiện được quá trình đổi mới nhưng dứt khoát không đổi màu, hội nhập mà không hòa tan. Trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ, phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường. Đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Mở rộng thêm thị trường mới ở nước ngoài..."(1)

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thương nghiệp, thị trường. Chúng ta đang chuyển đổi nhằm xây dựng nền kinh tế theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung và nền thương nghiệp thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng. Với mô hình kinh tế đó sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của nhà nước trở nên đặc biệt quan trọng nhằm tạo điều kiện để các thành phần kinh tế yên tâm phát triển lâu dài, bảo đảm cho cả nền kinh tế phát triển đúng định hướng. Đồng thời, thực hiện được tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội, điều mà các chế độ xã hội khác không những không làm được mà còn gây thêm sự bất công trong xã hội, làm khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn.

Ba là, tổ chức tốt công tác thông tin kinh tế nói chung và thông tin thương mại, thị trường nói riêng. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức xúc tiến thương mại, các tham tán thương mại trong việc mở rộng thị trường, cũng như cung cấp thông tin cho sản xuất để người sản xuất chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng : sản xuất những gì thị trường cần, chứ không phải sản xuất những gì mình có thể, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Bốn là, tổ chức hình thành các kênh, luồng lưu thông hàng hóa bảo đảm thực hiện được giá trị hàng hóa thông suốt. Định hình một cấu trúc thị trường hợp lý và xác định vai trò, vị trí của mỗi thành phần kinh tế trong cấu trúc đó làm cơ sở cho việc xây dựng tổ chức và phát triển mạng lưới thương nghiệp.

Năm là, hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thương mại, và cải cách hành chính mạnh mẽ hơn nữa về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thị trường, hoạt động thương mại, mà trước hết phải xây dựng được bộ máy công quyền trong sạch, không kỳ thị, hướng vào phục vụ các doanh nghiệp để phát huy được sức mạnh tổng hợp và lợi thế so sánh của mỗi thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường mở. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

Sáu là, đẩy mạnh hơn nữa quá trình chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp thương mại nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa và bán, khoán, cho thuê, nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Xây dựng chính sách tín dụng bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy hình thành hệ thống tài chính doanh nghiệp ổn định, lành mạnh và vững chắc để các doanh nghiệp có điều kiện đầu tư theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã hàng hóa, giữa vững thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, chấp nhận sự cạnh tranh trong cơ chế thị trường mở nhằm thích ứng khi tham gia hội nhập với thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới. ❑

(1) *Tạp chí Cộng sản,* số 4 (2-2001), tr 17

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA

NGUYỄN HẢI HÀ *

Khi nền kinh tế đất nước và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, việc đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia (XKLĐCG) ra nước ngoài là nhiệm vụ kinh tế hệ trọng và cần thiết. Thế giới hiện có 50 - 65 triệu người làm việc ở nước ngoài. Năm 1995 đã có 42 triệu lao động làm việc ở 200 nước trong đó 12 triệu người làm việc ở châu Âu ; 8 triệu ở Bắc Mỹ ; 6 - 7 triệu ở châu Phi ; 6 triệu tại các nước Ả-rập ; 3 - 5 triệu tại Trung và Nam Mỹ ; 2 - 3 triệu tại các nước Đông - Nam Á. Theo đánh giá của Tổ chức di dân quốc tế, hiện có 55 nước được xếp vào các nước xuất khẩu lao động lớn. Xét trên phạm vi quốc gia, đây là một hướng giải quyết việc làm quan trọng cho người lao động, một nguồn thu ngoại tệ to lớn cho đất nước, một hướng đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề.

1 - Nhìn lại công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia ở nước ta.

Thời gian 1980 - 1990, nước ta chủ yếu XKLĐCG sang các nước xã hội chủ nghĩa : Liên Xô, Đức, Tiệp Khắc, Bun-ga-ri. Một số lượng không nhỏ người lao động được đưa đi làm việc ở I-rắc, Ly-bi và đưa chuyên gia sang làm việc ở một số nước châu Phi trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và nông nghiệp. Khi đó, nước ta là một thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế cùng với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Vì vậy, cũng như các quan hệ kinh tế khác, quan hệ hợp tác sử dụng lao động giữa ta và các nước đều thông qua các hiệp định chính phủ. Khi đó cơ chế hợp tác sử dụng lao động chuyên gia theo mô hình nhà nước - nhà nước đã phát huy hiệu quả.

Khi mới bắt đầu XKLĐCG, chủ trương của Nhà nước ta là "giải quyết việc làm cho một bộ phận thanh niên" thông qua hợp tác lao động nhờ các nước anh em đào tạo một đội ngũ lao động có tay nghề vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế. Nhà nước ta đã cử nhiều chuyên gia sang các nước đang phát triển ở châu Phi và Trung Cận Đông. Thời kỳ này mục tiêu kinh tế của công tác XKLĐCG chưa được chú ý đầy đủ, cơ chế XKLĐCG là Chính phủ ta cung cấp lao động chuyên gia cho Chính phủ các nước nhận để đưa về làm việc tại các tổ chức kinh tế, y tế, giáo dục của nước đó.

Ngày 30-6-1998, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Chỉ thị 108/CT khẳng định mục tiêu kinh tế của công tác XKLĐCG và cho phép thành lập các tổ chức kinh tế làm dịch vụ việc làm ngoài nước. Đây là thời kỳ trực tiếp chuyển từ cơ chế kế hoạch tập trung sang cơ chế thị trường trong công tác XKLĐCG. Các tổ chức kinh tế làm dịch vụ việc làm ngoài nước mới chuẩn bị hình thành việc đưa lao động, chuyên gia ra nước ngoài chủ yếu vẫn thực hiện theo cơ chế kế hoạch tập trung thông qua các Hiệp định liên Chính phủ. Trong thời kỳ này, số lao động chuyên gia được xuất khẩu là 244 186 người. Cụ thể : 1980 : 1 070 người ; 1981 : 20 230 ; 1982 : 25 970 ; 1983 : 12 402 ; 1984 : 6 846 ; 1985 : 5 008 ; 1986 : 9 012 ; 1987 : 48 820 ; 1988 : 71 730 ; 1989 : 39 929 ; 1990 : 3 069 ; và khoảng 7 200 chuyên gia, 23 713 thực tập sinh và học sinh học nghề tại các nước Đông Âu đã chuyển sang lao động trong những năm 80.

Cuối những năm 80, đầu những năm 90, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu có biến động lớn về chính trị, dẫn đến sự thay đổi về thể chế chính trị và cơ chế kinh tế. Nhiều nước châu Phi có chuyên gia của ta cũng có khủng hoảng kinh tế, chính trị ; I-rắc đã xảy ra chiến tranh. Phần lớn các nước này không có nhu cầu tiếp nhận lao động chuyên gia, hoặc nếu có thì không nhận lao động chuyên gia theo cơ chế trực tiếp chính phủ nữa. Đồng thời, cơ chế quản lý kinh tế của nước ta thời kỳ này đang từng bước đổi mới sang nền kinh tế thị trường. Trước tình hình đó, nếu chúng ta không đổi mới cơ chế XKLĐCG sẽ không đưa được lao động, chuyên gia sang các khu vực mới. Ở khu vực truyền thống, ta có nguy cơ phải đưa về hàng loạt lao động, chuyên gia khi vẫn chưa chuẩn bị được các điều kiện tiếp nhận và bố trí việc làm. Vì vậy, Chính phủ đã có chủ trương đưa lao động, chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Theo chủ trương này, các tổ chức kinh tế nhà

* Học viện Hành chính quốc gia

Digitized by Google

nước thành lập và được Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội cấp phép hoạt động cung ứng lao động, chuyên gia cho nước ngoài. Việc XKLĐCG được thực hiện thông qua các hợp đồng do các tổ chức kinh tế đó ký với nước ngoài.

Ngày 20-1-1995, Chính phủ ban hành Nghị định 07/CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về đưa lao động chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Cơ chế XKLĐCG theo Nghị định 07 cũng có một số thay đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, nêu cao trách nhiệm của tổ chức kinh tế và bản thân lao động, chuyên gia. Với chính sách "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước" cơ chế XKLĐCG đã có sự chuyển đổi phù hợp cơ chế của các nước, tạo điều kiện tốt để tăng cường XKLĐCG. Hiện nay, có trên 80 tổ chức là doanh nghiệp nhà nước có giấy phép hoạt động XKLĐCG.

Từ vai trò quan trọng của công tác xuất khẩu lao động, ngày 22-9-1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị 41/CT-TƯ về đẩy mạnh XKLĐCG trong tình hình mới. Nhà nước đã tạo cơ chế thông thoáng hơn, cho phép các doanh nghiệp thuộc đoàn thể có đủ điều kiện được cấp phép hoạt động XKLĐCG. Giấy phép này được cấp một lần trong suốt quá trình hoạt động, bỏ giấy phép chuyến như trước đây, doanh nghiệp có hợp đồng chỉ cần đến đăng ký tại Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội (Cục quản lý lao động với nước ngoài), trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động chuyên doanh và đăng ký hợp đồng được công khai hóa theo tinh thần cải cách thủ tục hành chính. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động phải công khai hóa số lượng, chỉ tiêu, quyền lợi, nghĩa vụ người lao động được hưởng. Đặc biệt, phải chú ý đến công tác tuyển chọn (không qua các trung gian), công tác đào tạo, bồi dưỡng tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động ; quan tâm đúng mức quyền lợi, nghĩa vụ, luật pháp của các nước tiếp nhận, quan hệ chủ thợ theo cơ chế thị trường v.v..

Theo cơ chế XKLĐCG mới, chúng ta đã đạt được thành tích đáng kể. Năm 1991 : 1 022 người ; 1992 : 810 ; 1993 ; 3 960 ; 1994 : 9 230 ; 1995 : 10 050 ; 1996 : 12 661 ; 1997 : 15 600 ; 1998 : 15 000 ; 1999 : 20 000.

Từ 1991 đến nay, ta mở thêm nhiều thị trường XKLĐCG mới, có thu nhập tương đối cao bằng ngoại tệ mạnh : Hàn Quốc, Nhật Bản, Ly-bi. Tháng 5-1999 Việt Nam và Đài Loan đạt được thỏa thuận chung về việc đưa người Việt Nam sang Đài Loan làm việc. Hiện đã cho phép 15 doanh nghiệp đưa lao động sang Đài Loan. Tỷ trọng lao động có tay nghề trong tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài ngày càng tăng, hiện đạt trên 50%. Ở một số thị trường như Nhật Bản, Séc, Cô-oét, Ăng-gô-la, tỷ lệ này đạt gần 100%. Gần đây, ta bắt đầu chuyển sang xuất khẩu lao động theo hình thức nhận thầu khoán như ở Lào, Cô-oét.

Từ thực tế XKLĐCG trong thời gian qua, chúng ta có thể đánh giá những mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân của nó :

a - Mặt tích cực :

Thứ nhất, tạo việc làm cho hàng vạn lao động, chuyên gia. Bình quân trong 10 năm (1980 - 1990) theo Hiệp định Chính phủ, hằng năm ta xuất khẩu khoảng 26 000 lao động, chuyên gia. Gần đây, tuy hằng năm quy mô đưa đi không lớn, nhưng có tiềm năng phát triển cao. Thông qua lao động ở nước ngoài, lao động, chuyên gia của ta đã nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, ngoại ngữ, tiếp thu công nghệ và tác phong sản xuất lao động tiên tiến, là điều kiện tốt để từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Gần đây, ta đưa nhiều lao động sang Nhật Bản dưới hình thức tu nghiệp sinh trong một số ngành nghề sản xuất công nghiệp. Số lao động này trong thời gian thực tập ở Nhật Bản được chủ sử dụng đánh giá tốt. Các doanh nghiệp trong nước nhận họ trở lại làm việc hài lòng về tay nghề của họ. Nhiều lao động ở Việt Nam từ nước ngoài về hiện đang là trụ cột ở nhiều nhà máy, xí nghiệp. Một bộ phận đầu tư mở các doanh nghiệp tư nhân, tạo thêm việc làm cho người lao động.

Thứ hai, đưa lao động, chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài góp phần giảm đầu tư trong nước để dạy nghề, tạo việc làm mới cho người lao động. Chẳng hạn, nếu đầu tư để có một chỗ làm việc mới cho người có tay nghề cao ở ngành công nghiệp nặng trong nước phải tốn khoảng 100 triệu đồng, cho người có tay nghề trung bình khoảng 30 - 50 triệu, hoặc để tạo chỗ làm việc cho lao động đơn giản trong tiểu, thủ công nghiệp cũng cần 10 - 15 triệu. Với lượng lao động, chuyên gia hiện nay đang làm việc ở nước ngoài là 250 000 người, nếu so với đầu tư tạo việc làm trong nước thì giảm được ít nhất 3 000 tỉ đồng. Trong khi đó, thu nhập ở nước ngoài lại cao hơn (4 - 10 lần) làm việc trong nước.

Số thu từ lao động chuyên gia đi theo Hiệp định Chính phủ trước đây : Ngân sách nhà nước thu khoảng 800 tỉ đồng (theo giá rup/USD năm 1990) và hơn 300 triệu USD đưa vào cân đối thanh toán chung, trả nợ các nước (riêng những năm cuối thập niên 80, tiền thu hợp tác lao động vào ngân sách nhà nước bằng 1/10 tổng kim ngạch xuất khẩu của trung ương). Ngoài

Digitized by Google

ra, người lao động còn mang về một lượng hàng hóa giá trị hàng ngàn tỉ đồng và lượng ngoại tệ ước hàng trăm triệu USD, đã khắc phục một phần nạn khan hiếm hàng hóa và góp phần vào việc cải thiện đời sống xã hội, đầu tư tạo việc làm cho một bộ phận lao động trong nước.

Thu nhập của lao động, chuyên gia thời kỳ từ 1991 đến nay cao hơn, góp phần đáng kể vào nguồn thu ngoại tệ của đất nước. Bình quân theo một hợp đồng (2 năm), mỗi lao động tiết kiệm được số ngoại tệ tương đương 100 triệu đồng mang về nước. Nguồn thu nhập này, làm cho nhiều gia đình trở nên khá giả ; nhiều người lao động đã trở thành nhà đầu tư, chủ doanh nghiệp, tạo việc làm cho một bộ phận lao động khác, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội. Hằng năm có một lượng ngoại tệ đáng kể (khoảng 1 tỉ USD) do lao động, chuyên gia gửi về.

Thứ ba, việc đưa lao động đi nhận thầu xây dựng công trình ở nước ngoài, tuy mới là thầu công nhân, song đã mở ra triển vọng tham gia thị trường thầu khoán quốc tế, tạo thêm điều kiện để rèn luyện, nâng cao trình độ tay nghề của công nhân, trình độ quản lý của cán bộ ta, nâng cao khả năng cạnh tranh để đạt hiệu quả cao trong hợp tác lao động quốc tế. Lực lượng lao động này còn góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước, củng cố cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Nhiều nước nhận lao động, chuyên gia của ta đã có nhận xét rằng lao động chuyên gia của ta được đào tạo tốt, cần cù, thông minh, khéo léo. Nếu ta tuyển chọn và có chính sách quản lý tốt hơn nữa, uy tín của lao động, chuyên gia Việt Nam có thể còn được nâng cao.

b - Những mặt hạn chế :

Thứ nhất, việc cụ thể hóa chủ trương, cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện chưa phù hợp, chưa tương xứng khả năng và nguồn lao động trong nước, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động quốc tế. Quan điểm và giải pháp của các cấp, các ngành còn khác nhau trong việc giữ và mở thị trường XKLĐCG, chưa đầu tư thỏa đáng cho việc mở và tìm kiếm thị trường, chưa đưa XKLĐCG vào kế hoạch phát triển kinh tế đối ngoại, vào chương trình hợp tác song phương cấp nhà nước. Cơ chế XKLĐCG hiện nay chưa phù hợp sự vận động của thị trường lao động quốc tế, chưa tạo được sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan. Chưa có cơ chế khuyến khích các đơn vị XKLĐCG tạo nguồn lao động có đủ điều kiện đáp ứng kịp thời yêu cầu của chủ sử dụng lao động nước ngoài. Thủ tục hành chính đưa lao động chuyên gia ra nước ngoài làm việc còn rườm rà, nhất là thủ tục nhân sự, xuất nhập cảnh, làm cho các doanh nghiệp không đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động của nước ngoài, nhiều khi gây khó khăn lớn cho lao động, chuyên gia. Thực tế, thủ tục nhận để cấp hộ chiếu phải qua tới 6 cơ quan khác nhau, kéo dài khoảng 50 ngày và người lao động phải chi khoảng 1,5 đến 2 triệu đồng. Trong giải quyết thủ tục xuất cảnh đã xếp lao động, chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài vào nhóm việc riêng, buộc họ phải mất nhiều thời gian, tiền bạc, nhiều hợp đồng phải hủy bỏ vì lý do chậm thủ tục.

Thứ hai, công tác nghiên cứu thị trường, tìm và áp dụng các biện pháp mở thị trường còn yếu. Thị trường lao động quốc tế đang có những biến động theo hướng không có lợi cho ta, do cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực gây nên, nhu cầu tiếp nhận lao động giảm đáng kể ; vì sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước xuất khẩu lao động trong khu vực ; do chất lượng lao động của ta chưa đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế. Các tổ chức kinh tế xuất khẩu lao động còn thụ động, không đủ khả năng tiếp thị, mở thị trường... Chưa chú trọng đầu tư để phát triển XKLĐCG, do đó còn dè dặt khi đưa lao động, chuyên gia sang mọi thị trường có nhu cầu sử dụng lao động, chuyên gia Việt Nam và bảo đảm được an ninh, quyền lợi kinh tế của lao động, chuyên gia. Do đó, đã bỏ lỡ nhiều cơ hội vào những thị trường có nhu cầu sử dụng lực lượng lao động, chuyên gia lớn.

Trong các hoạt động đối ngoại của các ngành, cơ quan, chưa có nội dung về hợp tác XKLĐCG, gây khó khăn cho việc đẩy mạnh XKLĐCG. Chủ trương không đưa lao động không nghề và tay nghề thấp đi làm việc ở nước ngoài là chưa phù hợp với tình hình nước ta và nhu cầu sử dụng của các nước. Trong khi thị trường có nhu cầu về loại hình này, ta lại có khả năng đáp ứng tốt. Chưa khuyến khích lao động, chuyên gia tự tìm việc làm ngoài nước thông qua người nhà, bạn bè ở nước ngoài bảo lãnh, hoặc giới thiệu việc làm, nên chưa quản lý loại hình này theo pháp luật lao động. Công tác quản lý XKLĐCG còn nhiều khuyết điểm, gây tình trạng lao động, chuyên gia phải chịu các chi phí cao không hợp lý. Việc phát hiện và xử lý trước pháp luật các hiện tượng lừa đảo, kiếm tiền bất hợp pháp chưa kịp thời, kiên quyết thường xuyên, nên chưa chặn đứng được tình hình.

Việc quản lý lao động, chuyên gia đang làm việc ở nước ngoài chưa được Nhà nước và các doanh nghiệp quan tâm đúng mức, nhất là ở các thị trường mới, có ít lao động, chuyên gia Việt Nam. Lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài chủ yếu dưới hình

Digitized by Google

thức xen ghép, phân tán ở nhiều nơi, nhiều xí nghiệp, nên việc quản lý và bảo vệ quyền lợi càng phải được coi trọng. Nhưng tại hầu hết các nước và vùng lãnh thổ có lao động, chuyên gia Việt Nam làm việc, chưa có cán bộ quản lý nhà nước về lao động trong cơ quan đại diện và các cán bộ quản lý của các doanh nghiệp, nên khó bảo vệ quyền lợi cho lao động, chuyên gia và không giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động.

Thứ ba, chất lượng nguồn lao động, chuyên gia của ta không cao. Thể lực người lao động Việt Nam yếu, tay nghề chưa đáp ứng yêu cầu công nghệ sản xuất hiện đại, một bộ phận ý thức tổ chức kỷ luật kém, nhận thức về quan hệ chủ thợ không phù hợp cơ chế thị trường nước ngoài, khả năng ngoại ngữ kém... Vì vậy, sức cạnh tranh của lao động Việt Nam trên thị trường lao động quốc tế và khu vực thấp. Thậm chí có một bộ phận không nhỏ người lao động tự ý bỏ hợp đồng lao động ra ngoài làm việc tự do cho các chủ sử dụng lao động không hợp pháp, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của lao động Việt Nam và các công ty của ta ; một số ít vi phạm pháp luật nước sở tại như đánh nhau, buôn bán hàng lậu, v.v..

Công tác chuẩn bị nguồn lao động của ta chưa được coi trọng và đầu tư đúng yêu cầu của thị trường quốc tế : đào tạo nghề, ngoại ngữ, tác phong làm việc công nghiệp, quan hệ chủ thợ, nhận thức về trách nhiệm đi đôi với quyền lợi người lao động trong thực hiện hợp đồng, về phong tục tập quán của nước sở tại. Các tổ chức kinh tế XKLĐCG chưa đủ kinh nghiệm, còn thiếu thông tin về luật pháp các nước, về yêu cầu thị trường, còn yếu về mặt tài chính và chưa đủ cán bộ có năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển XKLĐCG.

Những mặt hạn chế nêu trên có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết là do những biến động chính trị các thị trường tiếp nhận lao động truyền thống đều bị thu hẹp. Thị trường mới ta còn khó khăn. Trong những năm 70, do bùng nổ giá dầu lửa, các nước Vùng Vịnh nhận ồ ạt lao động nước ngoài vào để xây dựng, ta lại chưa có điều kiện đưa lao động, chuyên gia ra nước ngoài làm việc. Hiện nay, thị trường cũ của ta là Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và I-rắc đang gặp khó khăn. Khi ta thay đổi cơ chế mở hướng XKLĐCG sang các khu vực khác thì bộ phận thị trường này đã bị các nước xuất khẩu lao động có truyền thống cạnh tranh gay gắt.

Chúng ta chưa có chủ trương, cơ chế, chính sách và cách thức tổ chức, thực hiện phù hợp để đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế. Quan điểm về mở thị trường, về địa bàn XKLĐCG, về sự tham gia của các thành phần kinh tế, khuyến khích mọi khả năng làm việc ở nước ngoài còn khác nhau nên chưa đẩy mạnh công tác XKLĐCG như yêu cầu đặt ra. Việc phối hợp giữa các ngành trong XKLĐCG trên tất cả các khâu như tìm kiếm thị trường, ký kết hợp đồng, tuyển chọn lao động đi và kiểm tra thực trạng chất lượng lao động, chuyên gia Việt Nam làm việc ở nước ngoài còn yếu. Công tác quản lý lao động, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài chưa được quan tâm thích đáng. Đội ngũ cán bộ quản lý lao động, chuyên gia của ta ở nước ngoài còn kém cả về số lượng và chất lượng, nên đã không ngăn chặn được tình trạng lao động bỏ việc đi buôn, hoặc tùy tiện bỏ hợp đồng đi làm ở xí nghiệp khác.

2 - Biện pháp khắc phục.

Trong bối cảnh quan hệ ngoại giao và hợp tác kinh tế giữa nước ta với nước ngoài đã có nhiều thuận lợi, khả năng đưa một số lượng lớn ra nước ngoài làm việc là một hiện thực trong những năm tới. Để đáp ứng được yêu cầu đó, chúng ta cần giải quyết tốt một số vấn đề sau :

- Phải xác định rõ XKLĐCG là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài, vừa có mục tiêu xã hội là giải quyết việc làm, củng cố cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, vừa có mục tiêu kinh tế là tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Vì vậy, mở rộng XKLĐCG là nhiệm vụ của cả Nhà nước và các tổ chức kinh tế, trong đó công tác nghiên cứu mở rộng thị trường lao động ngoài nước phải được coi là nhiệm vụ trung tâm. Song để phát triển XKLĐCG phải tạo được sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan : Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính... và chính quyền các cấp ban hành chính sách đồng bộ về đầu tư mở rộng thị trường, thuế cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, tạo nghề, cho người lao động vay vốn, bảo hiểm cho người lao động ở nước ngoài, khuyến khích lao động đầu tư sau khi về nước, thông thoáng về thủ tục hành chính, bảo đảm quyền lợi kinh tế của các bên tham gia xuất khẩu lao động, đặc biệt là của người lao động.

- Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh trong xuất khẩu lao động. Các cơ quan nhà nước chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tạo điều kiện pháp lý và môi trường hoạt động thuận lợi trong và ngoài nước cho các tổ chức kinh tế thực hiện chức năng kinh doanh của mình. Các cơ quan đại diện ở nước ngoài có trách nhiệm hỗ trợ các tổ chức kinh tế thị trường, bảo hộ quyền lợi hợp pháp cho các

(Xem tiếp trang 14)

Digitized by Google

MỸ, KẺ ĐẠO ĐỨC GIẢ VỀ NHÂN QUYỀN *

HI-SA-MU-ĐIN HÚT-XEN

*Mới đây, báo **"Thời báo eo biển mới"** (New Straits Times) đã đăng bài viết của Bộ trưởng Thanh niên và Thể thao Ma-lai-xi-a, **Hi-sa-mu-đin Hút-xen** phê phán thái độ giả nhân, giả nghĩa của Mỹ trong bản Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ nhận xét về tình hình nhân quyền năm 2000 ở các nước trên thế giới nói chung và Ma-lai-xi-a nói riêng. Dưới đây là nội dung cơ bản của bài báo.*

Liệu có nước nào mà những sinh viên thuộc sắc tộc ít người có tới hơn 3 lần bị gán cho là "chậm phát triển về trí tuệ" không ?

Liệu có nước nào mỗi năm có hơn 31 000 người bị giết vì các vụ rắc rối có liên quan đến súng đạn không ? Tức là mỗi ngày có hơn 80 người bị thiệt mạng.

Liệu có nước nào số người giàu nhất chỉ chiếm 1% dân số mà lại sở hữu tới 20% - 25% tổng thu nhập quốc dân, trong khi có tới hơn 12%, tức 32 triệu dân phải sống dưới mức nghèo khổ không ?

Trong tất cả những trường hợp trên, nước bị đặt thành câu hỏi chính là Mỹ, nước duy nhất trên thế giới luôn tự cho mình quyền được phán xử tình trạng nhân quyền của các nước khác. Bằng cách nhìn qua kính hiển vi, năm nào Mỹ cũng vạch vòi tìm những thiếu sót về nhân quyền của tất cả các nước, trong đó có Ma-lai-xi-a.

Bộ trưởng Hi-sa-mu-đin nói rõ, với tư cách là một thành viên trong Chính phủ, ông thừa nhận vấn đề nhân quyền ở Ma-lai-xi-a chưa phải là hoàn hảo. Nhưng ông cũng thách đố Mỹ nêu tên một nước nào đó mà không mắc một thiếu sót nào đó trong vấn đề nhân quyền.

Điều mà ông Hi-sa-mu-đin muốn nói là ở chỗ : nếu như Bộ Ngoại giao Mỹ hay Bộ Ngoại giao Ma-lai-xi-a cùng tận tâm tìm kiếm những vụ lạm dụng nhân quyền ở Ma-lai-xi-a và ở Mỹ, thì có lẽ cả hai bên đều tìm thấy nhiều trường hợp mà không quá khó khăn. Vậy, làm sao lại có chuyện một nước này lại đi đánh giá tình trạng nhân quyền ở một nước khác có đặc thù riêng ?

Ông đưa ra lập luận có hai tiêu chuẩn cơ bản như sau : Phải chăng những vụ vi phạm nhân quyền quá lan tràn đến mức một số lượng người đáng kể sống trong nỗi sợ hãi ? Phải chăng công dân ở nước đó không có khả năng và cơ hội để bầu lên một chính phủ được lòng dân ?

Đối với trường hợp Ma-lai-xi-a, việc liên tục can ngăn sự chỉ trích các nhân vật Mặt trận quốc gia (BN) cho thấy mọi người dân Ma-lai-xi-a cũng như các đảng đối lập không hề e ngại khi bày tỏ quan điểm của họ. Hơn nữa, thực tế cho thấy việc Đảng Hồi giáo toàn Ma-lai-xi-a (PAS) vẫn nắm giữ Kê-lan-tan, giành được quyền kiểm soát bang Tê-reng-ga-nu và chiếm được số ghế chưa từng thấy ở các cấp bang và Liên bang trong cuộc tổng tuyển cử năm 1999 càng chứng tỏ người dân Ma-lai-xi-a có thể sử dụng lá phiếu của mình một cách tự do mà không lo ngại bị trả thù.

Vậy mà, Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ lại nói rằng Chính phủ Ma-lai-xi-a hạn chế quyền tự do, bày tỏ và hăm dọa hầu hết các báo viết và báo điện tử để họ phải tuân thủ theo quy chế tự kiểm duyệt. Nếu quả đúng như vậy, làm sao các đảng đối lập lại truyền đạt được ý đồ của họ tới dân chúng Ma-lai-xi-a đủ tới mức Mặt trận quốc gia cầm quyền phải chịu thất cử đáng kể trong cuộc tổng tuyển cử năm 1999.

Nếu quyền tự do bày tỏ bị hạn chế, thì làm sao đảng Kê-a-đi-lan lại giành thắng lợi trong cuộc bầu cử bổ sung vừa qua ở Lu-na, bang Kê-đa ?

Và nếu Chính phủ Mặt trận quốc gia bạo ngược như Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ miêu tả thì liệu phe đối lập có được phép tiến hành 2 900 cuộc biểu tình (gần 8 cuộc biểu tình mỗi ngày) trong cả nước, chỉ tính riêng trong năm ngoái hay không ?

Bộ trưởng Hi-sa-mu-đin còn lưu ý rằng, Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ đã dành một phần đáng kể nói về trường hợp An-ua I-bra-him. Phải chăng Mỹ đã không tìm ra những ví dụ lớn khác về sự vi phạm nhân quyền ở đất nước này ? Bộ trưởng nêu rõ, trong phạm vi bài viết, ông chỉ muốn nhấn mạnh đến 2 vụ xét xử bất công tới mức trắng trợn ở Mỹ. Mặc dù có chứng cứ (băng vi-đê-ô) cho thấy 4 sĩ quan cảnh sát da trắng ở Lốt An-giơ-lét đang đánh đập một người da đen hồi tháng 3-1991, nhưng phiên tòa xét xử đã bất ngờ tha

* Nguồn, Tài liệu TKĐB (TTXVN), Thứ năm, ngày 29-3-2001

Digitized by Google

bổng cho tất cả 4 viên cảnh sát da trắng đó. Tương tự như vậy, tại bang Niu Giơ-si, năm ngoái tòa án cũng tha bổng cho cả 4 sĩ quan cảnh sát da trắng ở Niu Oóc phạm tội bắn chết một người châu Phi nhập cư.

Dựa trên một vài vụ việc đó, liệu chúng ta có kết luận rằng hệ thống tư pháp của Mỹ không hoàn thiện về cơ bản và cần phải xem xét lại toàn bộ không ?

Căn cứ vào thực tế, Mỹ đã có những vụ vi phạm nhân quyền rất đáng chú ý. Ông Hi-sa-mu-đin chất vấn rằng, dựa trên nền tảng nào mà Mỹ lại cho rằng mình có uy quyền về đạo đức để phán xét các nước khác, như Ma-lai-xi-a chẳng hạn ?

... Hành động đạo đức giả và lá mặt lá trái của Mỹ về nhân quyền là không có giới hạn. Trong khi việc ném bom I-rắc và áp đặt các lệnh trừng phạt vô nhân đạo đối với đất nước I-rắc vẫn tiếp diễn, thì Mỹ hầu như chỉ can ngăn hoặc lên án chút ít đối với I-xra-en về những hành vi liên tục phạm tội đối với nhân dân Pa-le-xtin.❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

● TỈNH ỦY HẢI DƯƠNG TỔNG KẾT 5 NĂM XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

Ngày 28-3-2001, Tỉnh ủy Hải Dương đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh 5 năm (1996 - 2000) và bàn biện pháp tiếp tục đẩy mạnh công tác này trong thời gian tới.

Những năm qua, các cấp ủy đảng trong tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng TSVM gắn với việc củng cố các cơ sở yếu kém ; phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ cấp ủy trực tiếp chỉ đạo một số điểm cụ thể, gắn công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng TSVM với việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, với nâng cao năng lực, hiệu lực của chính quyền, phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng v.v.

Nhờ chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm kịp thời nên hầu hết các đơn vị được công nhận TSVM đều phát huy vai trò lãnh đạo giữ vững được phong trào, số lượng tổ chức cơ sở đảng TSVM ngày càng tăng. Năm 1996, toàn đảng bộ tỉnh mới có 445 cơ sở đạt TSVM (bằng 61% tổng số cơ sở đảng) ; năm 2000 đã có 551 cơ sở đạt TSVM (bằng 68,4% tổng số cơ sở đảng). Đã có 400 lượt cơ sở đảng được Tỉnh ủy tặng bằng khen, trong đó có 15 cơ sở đảng giữ vững danh hiệu 5 năm liên tục được tặng cờ. Việc phát triển đảng viên mới cũng được coi trọng, 5 năm qua đã kết nạp được 11 293 đảng viên.

Tuy nhiên, phong trào chưa đồng đều, việc đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn TSVM có nơi còn mang tính hình thức ; một số tổ chức đảng còn biểu hiện tự ti, thiếu quyết tâm phấn đấu ; việc củng cố cơ sở yếu kém còn lúng túng ; việc vận dụng tiêu chuẩn và công tác thẩm định khi xét duyệt chưa thống nhất giữa các đảng bộ trong toàn tỉnh, khen thưởng còn bình quân.

Hội nghị đã rút được nhiều kinh nghiệm tốt, nhất là trong việc đưa những đơn vị từ yếu kém lên khá và đạt TSVM.

Tỉnh ủy Hải Dương đã xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2005 có trên 70% số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn TSVM. Nội dung, nhiệm vụ cụ thể là :

Quán triệt những yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới, thực hiện tốt việc củng cố cơ sở, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng TSVM gắn với việc triển khai học tập Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị. Làm tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ.

Căn cứ vào thực tế từng loại hình cơ sở, các cấp ủy đảng chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. *Đối với tổ chức cơ sở đảng nông thôn*, đặt trọng tâm lãnh đạo thực hiện tốt các yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế hàng hóa, tăng trưởng kinh tế cao hơn năm trước, giảm số hộ nghèo, xây dựng nông thôn mới, chống các tệ nạn xã hội, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. *Tổ chức cơ sở đảng ở phường, thị trấn*, đặt trọng tâm lãnh đạo bảo đảm quản lý tốt về hành chính, văn hóa, xã hội, trật tự xã hội trên địa bàn, xây dựng nếp sống văn hóa đô thị, bảo vệ vệ sinh môi trường, chống các tệ nạn xã hội. *Tổ chức cơ sở đảng ở doanh nghiệp nhà nước* lãnh đạo thực hiện tốt các chính sách và cơ chế quản lý ở doanh nghiệp, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, phân phối thu nhập công bằng, ổn định việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, làm tốt công tác phát triển Đảng trong giai cấp công nhân. *Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan hành chính* lãnh đạo cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiền phong, gương mẫu, tích cực chủ động tham gia ý kiến vào các chủ trương công tác của cơ quan, nghiêm túc khi thi hành công vụ, đoàn kết nội bộ và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và công tác tổ chức cán bộ trong cơ quan. *Tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị sự nghiệp* lãnh đạo bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, đổi mới tổ chức, quản lý xây dựng chế độ làm việc khoa học, nâng cao năng lực chất lượng công tác chuyên môn, khắc phục tệ nạn quan liêu, chống mọi biểu hiện phiền hà, cửa quyền trong công tác, thực hiện tốt cơ chế dân chủ ở cơ sở. *Tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị quân đội, công an* lãnh đạo thực hiện tốt và có hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, chiến sĩ luôn có quan điểm chính trị đúng đắn, vững vàng, trung với Đảng, hiếu với dân ; nội bộ đoàn kết thống nhất cao, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm ; xây dựng nếp sống chính quy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ; chống tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chống những biểu hiện tự do vô tổ chức, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tinh thần hợp tác. ❑

Digitized by Google



BỘ Y TẾ

VIỆN RĂNG HÀM MẶT TP. HỒ CHÍ MINH

201A Nguyễn Chí Thanh, Q. 5, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 848.8576529 - 8556732, Fax : 848.8551394
Viện trưởng : **GS.TS. LÂM NGỌC ẤN**

VIỆN RĂNG HÀM MẶT TP.HCM CÓ NHIỆM VỤ CHÍNH LÀ CHỈ ĐẠO MẠNG LƯỚI RĂNG HÀM MẶT CỦA 30 TỈNH THÀNH PHÍA NAM.

Trang bị :

- 50 bộ ghế máy nha khoa
- 06 bàn mổ
- 100 giường bệnh nội trú
- 01 xe nha lưu động
- Hệ thống phim chụp X quang bằng kỹ thuật số, chụp phim toàn cảnh (panorex, máy siêu âm lấy cao răng)
- 12 máy chụp ảnh trong miệng, hiển thị trên màn hình vi tính
- 01 Labo răng giả hiện đại làm hàm tháo lắp, hàm khung, sứ, vàng và răng giả trên implant.

VIỆN RĂNG HÀM MẶT NHẬN ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH VỀ HÀM MẶT VÀ NHA KHOA CHO ĐỒNG BÀO THÀNH PHỐ, CÁC TỈNH VÀ BỆNH NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Khám tổng quát và cấp cứu hàm mặt
- Nhổ răng và tiểu phẫu thuật trong miệng
- Điều trị Nha chu, lấy cao răng và làm bóng răng với máy siêu âm.
- Trám răng thẩm mỹ, tẩy trắng răng.
- Chỉnh hình răng mặt
- Làm răng giả các loại
- Cắm ghép răng (Dental Implantology)
- Phẫu thuật hàm mặt, phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ.
- Đội phẫu thuật lưu động đến các vùng sâu, vùng xa để mổ từ thiện cho các bệnh nhân dị tật Môi-Hàm ếch và các bệnh khác vùng Hàm mặt.
- Xe Nha lưu động đến điều trị Nha khoa cho các cơ quan, xí nghiệp, trường học, vùng sâu, vùng xa.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II

Trụ sở chính : 290 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84-8) 8435799 Fax : (84-8) 8465274 E-mail : alc2@hcm.vnn.vn

Quý vị có nhu cầu trang bị, đổi mới máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải... nhưng thiếu vốn, hãy liên hệ với :

Công ty cho thuê tài chính II – Đơn vị thành viên hạch toán độc lập
của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Chúng tôi hiện đang cho thuê tài chính các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải... sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp thuộc mọi ngành và thành phần kinh tế.

Chúng tôi sẵn sàng tư vấn miễn phí và thực hiện bảo lãnh về những hoạt động, dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ thuê tài chính.

Khi thuê tài chính Quý khách được hoàn toàn quyết định :

- **Lựa chọn loại tài sản thuê phù hợp với mục đích sử dụng**
- **Lựa chọn nhà cung ứng ưng ý nhất trên thương trường**
- **Giá cả, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, cách thức và thời hạn giao nhận, lắp đặt và bảo hành, bảo trì tài sản thuê**

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II

Bạn đồng hành với doanh nghiệp trên đường phát triển
Luôn coi lợi ích đối bên là phương châm hành động

Digitized by Google

PETRO VIETNAM
PVECC
ORME

CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG DẦU KHÍ
PETRO VIETNAM ENGINEERING AND CONSTRUCTION COMPANY

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

XÍ NGHIỆP SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ
OFFSHORE REPAIRING AND MAINTENANCE ENTERPRISE

ISO 9002
DNV
Accredited by the RvA

CHỨC NĂNG

- Sửa chữa bảo dưỡng các công trình phục vụ công tác. Thăm dò, khai thác của ngành Dầu khí.
- Lắp đặt bảo dưỡng, sửa chữa đường ống dẫn dầu khí trên bờ và ngoài biển.
- Chế tạo và lắp đặt bồn, bể chứa dầu và các sản phẩm sau dầu.
- Xây, lắp nhà máy phát điện vừa và nhỏ, lắp đặt thiết bị đường dây tải điện.
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

Xí nghiệp Sửa chữa các công trình Dầu khí trực thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí là một trong những đơn vị đầu tiên của ngành dầu khí thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng các giàn khoan biển ở thềm lục địa Việt Nam.

Xí nghiệp có trên 350 công nhân kỹ sư lành nghề, được đào tạo từ nhiều nguồn trong và ngoài nước, nhiều người đạt chứng chỉ tay nghề theo tiêu chuẩn quốc tế do các hãng Det Norske Veritas và L'loyds Resgister cấp. Xí nghiệp đã đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Nhiều công trình do Xí nghiệp thực hiện được cấp chứng nhận chất lượng của các hãng đăng kiểm quốc tế.

Đến nay Xí nghiệp đã đảm nhận được công việc sửa chữa, bảo dưỡng toàn bộ các phần của giàn khoan biển, từ khu vực dao động sóng đến các cấu trúc thượng tầng. Xí nghiệp hợp tác với các hãng sản xuất vật liệu phủ bảo vệ ăn mòn để đảm bảo chất lượng ở mức cao nhất, bảo hành chất lượng đến 5 năm trong môi trường biển nhiệt đới. Xí nghiệp cũng thực hiện nhiều công trình xây lắp đường ống, bể chứa, nhà máy phát điện và các công trình công nghiệp khác của các chủ đầu tư trong và ngoài nước.

Xí nghiệp đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002. Phương châm của Xí nghiệp là luôn đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo tiến độ thực hiện trên cơ sở giá cả cạnh tranh hợp lý.



Sửa chữa giàn khoan biển



Chế tạo kết cấu giàn khoan

ĐC: SỐ 1 QUỐC LỘ 51A - P.9 - TP. VŨNG TÀU

ADD : 01 NATIONAL ROAD No 51A, WARD 9, VUNG TAU CITY

TEL : (064) 838151 - FAX : (64) 834812 - E-mail : xnsccctb@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

PETROVIETNAM TRADING COMPANY - PETECHIM

Giám đốc : Ông Phạm Hồng Minh

Trụ sở chính : 70A Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84.8) 932 5092, 932 5775
Fax : (84.8) 932 6637
Telex : 813209 PETIM VT



NHÂN KỶ NIỆM

100 TRIỆU TẤN DẦU THÔ XUẤT KHẨU

Digitized by Google

CÔNG TY VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

VISSAN

HÀNG VIỆT NAM 2000 CHẤT LƯỢNG CAO

420, Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT : 8433907 - 8433655 - 8433653 - A. Quý (phòng KD) : 8433903
Fax : 8432372

THỰC PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO

VISSAN cung cấp đầy đủ các chủng loại mặt hàng thịt tươi sống, thực phẩm chế biến :

- Thực phẩm đông lạnh : chả giò, hoành thánh, há cảo...
- Đồ hộp các loại : heo, bò, gà, cá.
- Xúc xích tiệt trùng : Heo, bò, gà, tôm.
- Thịt nguội cao cấp : xúc xích, jambon, thịt xông khói...
- Lạp xưởng Mai Quế Lộ



Hân hạnh phục vụ Quý khách



THỰC PHẨM VISSAN
THỰC PHẨM THỜI ĐẠI MỚI

Digitized by Google

CÔNG TY GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

VINATRANS

INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS

DNV Accredited by the RvA ISO-9002 REGISTERED FIRM DNV Certification B.V., THE NETHERLANDS

ISO 9002



ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

- VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BIỂN (FCL, LCL)
- VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
- ĐẠI LÝ TÀU BIỂN
- LƯU KHO, VẬN TẢI BẰNG Ô TÔ
- KHAI THUÊ HẢI QUAN
- ĐÓNG GÓI, DI CHUYỂN HÀNG GIA ĐÌNH
- GIAO NHẬN VẬN CHUYỂN HÀNG TRIỂN LÃM, CÔNG TRÌNH
- PHÁT CHUYỂN NHANH CHỨNG TỪ HÀNG MẪU

Trụ sở chính : **406 Nguyễn Tất Thành - Q.4 - TP. Hồ Chí Minh**
ĐT : 9404683 - Fax : 9404770
E.mail : vinatrans.mngt@vinatrans.com.vn

Chi nhánh :
VINATRANS HÀ NỘI : 2 Bích Câu, Tel : (84.4) 7321090 (6 lines); Fax : (84.4) 7321083
VINATRANS HẢI PHÒNG : 115 đường bao Trần Hưng Đạo, Đông Hải - An Hải - Hải Phòng
Tel : (84.31) 765819 ; Fax : (84.31) 765821
VINATRANS ĐÀ NẴNG : 182 Trần Phú, Tel : (84.511) 821240 ; Fax : (84.511) 821310
VINATRANS QUI NHƠN : 8 Lê Thánh Tôn, (84.56) 828787 ; Fax : (84.56) 823800

Digitized by Google

CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN
Bimson Cement Company

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



DNV Accredited by the RvA
ISO-9002 REGISTERED FIRM
DNV Certification B.V., THE NETHERLANDS

QUACERT ISO 9000

Xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn/năm.
Sản phẩm xi măng có các loại:
PC40, PC50.TCVN 2682-1999, sản xuất theo đơn đặt hàng.
PCB30.TCVN 6260 - 1997.
Đặc tính kỹ thuật:
+ Thời gian đông kết : *Bắt đầu không sớm hơn 45 phút, kết thúc không muộn hơn 10 giờ.*
+ Giới hạn bền nén : *Sau 3 ngày: không nhỏ hơn 14N/mm². Sau 28 ngày: không nhỏ hơn 30N/mm².*
+ Sản phẩm được đóng 50±1kg trong bao PP, in 2 mầu xanh đỏ, có đóng dấu giáp lai ở 2 đầu bao.



THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

★ Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I.
★ Từ năm 1993 liên tục được Bộ Xây dựng và Công đoàn ngành xây dựng Việt Nam tặng cờ chứng nhận sản phẩm chất lượng cao.
★ Từ năm 1990 liên tục được cấp huy chương vàng hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.
★ Từ năm 1994 liên tục được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho xi măng PC30, PCB30.
★ Ủy ban quốc tế của tổ chức BID có trụ sở tại thủ đô MADRD - Tây Ban Nha đã có quyết định tặng thưởng "Sao vàng quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho công ty Xi măng Bỉm Sơn.
★ Được bình chọn và chứng nhận " Hàng Việt Nam chất lượng cao " từ 1998, 1999 và 2000.
★ Được tặng Cúp vàng giải thưởng chất lượng Việt nam 2000.
★ Được DNV - Na Uy và Quacert Việt Nam cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.



Giám đốc: Kỹ sư Lê Văn Chung

Địa chỉ : Thị xã Bỉm Sơn Thanh Hóa
Tel : 037.824242 - 037.824056
Fax : 84.37.824046

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



9
5-2001

UNIV. OF MICH.
JUN 08 2001
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Địa chỉ : Đường Lương Ngọc Quyến - TP Thái Nguyên
Điện thoại : 0280.852650 - 0280.851691 - Fax : 0280.852665



Đại học Thái Nguyên được thành lập ngày 4-4-1994 theo Nghị định số 31/CP của Chính Phủ. Đại học Thái Nguyên là đại học khu vực đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực với các trường thành viên : Trường đại học Sư phạm, Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp, Trường đại học Y khoa, Trường đại học Nông lâm, Trường Công nhân kỹ thuật và 7 trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Theo Nghị định 31/CP, Đại học Thái Nguyên có các nhiệm vụ sau :

- Đào tạo cán bộ khoa học - công nghệ với các trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học và các cấp bậc thấp hơn.

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ để vừa phục vụ công tác đào tạo vừa triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân khu vực miền núi phía Bắc.

Hiện nay, Đại học Thái Nguyên có đội ngũ gần 2000 cán bộ giảng dạy và công nhân viên chức, trong đó có trên 100 tiến sĩ, 20 phó giáo sư, gần 500 thạc sĩ và hàng trăm cán bộ đang theo học cao học và nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước ; qui mô đào tạo hiện nay đạt trên 20.000 sinh viên.

Đảng bộ Đại học Thái Nguyên được thành lập tháng 3 - 1995. Qua 2 kỳ đại hội, hiện nay, Đảng bộ ĐHTN có 6 tổ chức cơ sở đảng, 1300 đảng viên. Hằng năm, Đảng bộ kết nạp từ 120 đến 160 đảng viên mới là cán bộ và sinh viên.

Cùng với công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Đại học Thái Nguyên phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao ở khu vực miền núi phía Bắc, nhằm đào tạo một đội ngũ trí thức miền núi và dân tộc, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



PGS.TS Lê Cao Thăng, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc giới thiệu với Tiến sĩ Hồ Đức Việt, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên thăm cơ sở nghiên cứu khoa học của Đại học Thái Nguyên.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 615

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

9
5-2001

MỤC LỤC

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG	*Xã luận* - Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, vững bước vào thời kỳ mới	3
	Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX	5
	Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương khóa IX	7
	Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX	10
	Diễn văn khai mạc (Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đọc)	13
	Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày)	15
	Diễn văn bế mạc (Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đọc)	29
	Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam	32
	Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Bổ sung, sửa đổi)	33
	Tham luận của các đại biểu tại Đại hội	44
	Tiếng nói của đồng chí và bạn bè quốc tế tại Đại hội IX	57
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HOÀNG TÙNG - Ngọn cờ chỉ đường của chúng ta đi vào thế kỷ XXI	63
	NGUYỄN PHÚC KHÁNH - Cách mạng Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hiện nay	65
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HỮU THỈNH - Chân lý của đời sống	69
	VŨ NGỌC LÂN - Tuyên Quang trồng cây và "trồng người"	71
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - THÁI VĂN LONG - Ban - căng vẫn chưa hết nóng	74

Bìa 1 : *Đại hội IX của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội* — **Ảnh : QUỐC CƯỜNG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

IX[ый] Съезд Коммунистической Партии Вьетнама: *Передовая* - Развивать славные традиции Партии и нации, твердо вступать в новый период. Генеральный секретарь Центрального Комитета КПВ. Политбюро, Секретариат, Центральный Инспекционный Комитет. Центральный Комитет КПВ. Вступительная речь. Доклад Центрального Комитета VIII Созыва: Развивать общенациональную силу, продолжать обновление, ускорять индустриализацию, модернизацию, строить и защищать социалистическую родину Вьетнам. Заключительная речь. Резолюции Съезда. Устав КПВ (дополненный, поправленный). Выступления делегатов Съезда. Слова интернациональных товарищей и друзей на IX Съезде. ХОАНГ ТУНГ: Знамя, указывающее нам путь в XXI век. НГУЕН ФУК ХАНЬ: Вьетнамская революция в нынешней международной обстановке. НГУЕН ХОАНГ ЗАП - ТХАЙ ВАН ЛОНГ: Балкан еще горячее.

CONTENTS

IX[th] National Party Congress (CPV): *Editorial* - To develop the Party's and Nation's glorious traditions, to enter steadily into the new period. The General Secretary of CPV Central Committee. The Political Bureau, Secretariat, Central Inspection Committee. CPV Central Committee. The opening speech. Report of CPV Central Committee of the VII tenure: To promote national power, to continue the renovation, to accelerate industrialisation and modernisation, to build and defend the Socialism Fatherland of Vietnam. The closing speech. Resolutions of the Congress. Statutes of CPV (supplemented, amended). Speeches of delegates of the Congress. Words of international comrades and friends at the IX Congress. HOÀNG TÙNG: The banner pointing out our path to the XXI[th] century. NGUYỄN PHÚC KHÁNH: Vietnam's revolution in the current world's situation. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - THÁI VĂN LONG: Balcan is still hurt.

SOMMAIRE

Le IXe Congrès national du PCV: *Editorial* – Faire valoir les traditions glorieuses du Parti et du peuple, entrer à pas sûr dans la nouvelle étape. Le Secrétaire général du PCV, le Bureau politique, le Secrétariat, le Comité central du Contrôle, le Comité central du PCV. Discours d'ouverture. Rapport du Comité central du PCV (issu du VIIIe Congrès national): Faire valoir la force de tout le peuple, continuer le renouveau, renforcer l'industrialisation et la modernisation, édifier et défendre la Patrie du Vietnam socialiste. Discours de clôture. Résolutions du Congrès. Statuts du Parti (amendés et complétés). Interventions des délégués au Congrès. Paroles des amis étrangers au IXe Congrés. HOÀNG TÙNG: Le drapeau qui indique notre voie au XXIe siécle. NGUYỄN PHÚC KHÁNH: La révolution vietnamienne dans le contexte actuel du monde. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - THÁI VĂN LONG: Les Balkans restent en bouleversement.

SUMARIO

El IX Congreso Nacional del Partido Comunista de Vietnam (PCV): *Editorial* – Poner en juego la gloriosa tradición del Partido y del pueblo para entrar con pasos firmes en el nuevo período. El Secretario General del Comité Central del PCV. El Buró Político del PCV, la Secretaría del Partido, la Comisión Central de Control del Partido. El Comité Central del PCV. El Discurso de Inauguración. El Informe Político del Comité Central del PCV (VIII Congreso): Desplegar la fuerza de toda la nación, continuar la renovación y reforzar la industrialización y modernización, edificar y defender la Patria de Vietnam socialista. El Discurso de Clausura. Acuerdos del Congreso. Los Estatutos del Partido (modificados y rectificados). Intervenciones de los delegados. Palabras de los compañeros y amigos internacionales asistidos en el Congreso. HOÀNG TÙNG: La bandera guiadora de nuestro avance hacia el siglo XXI. NGUYỄN PHÚC KHÁNH: La Revolución Vietnamita en la actual coyuntura internacional. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - THÁI VĂN LONG: Los Balcanes quedan aún en desordenación.

目 录

越南共产党第九届全国代表大会：社论：发挥党及民族的光荣传统，稳步迈进新时期●党中央总书记、政治局、书记处、中央监察委员会●越南共产党中央委员会●开幕词。第八届党中央委员会报告：发挥全民族力量，继续革新，大力推动工业化、现代化，建设及捍卫越南社会主义共和国祖国●闭幕词。大会决议。越南共产党章程（补充、修改）●党大会上代表们的发言。第九届全国党代会上的国际同志、友人的发言●黄松：指引我们迈进二十一世纪的旗帜●阮福庆：在目前国际背景下的越南革命●阮黄甲 蔡文龙：巴尔干半岛尚未减热。

Digitized by Google

Xã luận

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG, CỦA DÂN TỘC, VỮNG BƯỚC VÀO THỜI KỲ MỚI

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được long trọng tiến hành từ ngày 19-4 đến 22-4-2001 tại Thủ đô Hà Nội đã thành công tốt đẹp.

Tham dự Đại hội có 1 168 đại biểu thay mặt cho 2 479 717 đảng viên của 72 đảng bộ trực thuộc Trung ương cùng các đại diện lão thành cách mạng, đại diện các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các nhân sĩ trí thức... tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân ta. Đến dự Đại hội còn có 34 đoàn đại biểu quốc tế, đại diện cho các đảng anh em và bầu bạn khắp năm châu mang đến cho chúng ta những tình cảm đoàn kết, hữu nghị cao cả và chân thành.

Đại hội IX lần này họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại khi thế kỷ XX đã kết thúc, thế kỷ XXI mới bắt đầu ; khi toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) và 15 năm đổi mới. Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước đi vào thế kỷ mới.

Với tinh thần trách nhiệm rất cao trước toàn Đảng, toàn dân, Đại hội đã sôi nổi thảo luận và nhất trí thông qua các văn kiện quan trọng : Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình Đại hội ; thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi ; và Nghị quyết Đại hội. Các văn kiện này là kết tinh trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân, phản ánh ý chí, nguyện vọng của cả nước ; là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của nhân loại vào tình hình cụ thể của nước ta trong giai đoạn hiện nay ; thể hiện sự chuẩn bị tích cực nhất những tiền đề kinh tế - chính trị - xã hội, những điều kiện vật chất và tinh thần cho đất nước ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI với tầm vóc mới, năng lực mới. Đường lối do Đại hội IX đề ra là một bước phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991, tiếp tục phát triển đường lối đổi mới của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng. Những quyết định chính trị trong Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng về lý luận và tổng kết thực tiễn, thể hiện tính cách mạng, khoa học và bản lĩnh trí tuệ của Đảng ta.

Thành công của Đại hội thể hiện trước hết ở sự nhất trí rất cao đối với toàn bộ các nội dung nêu trong các văn kiện Đại hội, phản ánh sự thống nhất về chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, giữa Đảng với nhân dân, khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi của toàn Đảng, toàn dân ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục phát triển, vững bước vào thời kỳ mới trong những năm đầu thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới.

Thành công của Đại hội còn thể hiện ở việc thảo luận, quyết định các vấn đề nhân sự và bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương khóa IX do Đại hội bầu ra với 150 đồng chí, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, vừa thể hiện tinh thần đổi mới, vừa bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển, thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng ta.

* * *

Đại hội IX của Đảng là đại hội đánh giá những chặng đường đã qua và xác định đường lối phát triển của đất nước ta trong thời kỳ mới. Thực hiện nhiệm vụ chính yếu đó, Đại hội đã đưa ra những luận điểm hết sức quan trọng :

*Đại hội khẳng định : **Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta***

Digitized by Google

từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo tổ chức thực hiện đã đạt được những thành tựu to lớn và hết sức quan trọng. Đại hội đã nêu bật những bài học chủ yếu của 15 năm đổi mới (1986 - 2000) :

***Một là,** trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

***Hai là,** đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.*

***Ba là,** đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

***Bốn là,** đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.*

*Đại hội một lần nữa khẳng định : **Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.** Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng ta và dân tộc ta.*

Xuất phát từ tình hình thực tế và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đường lối kinh tế của Đảng ta được Đại hội đề ra là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa đất nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

*Để thực hiện những nhiệm vụ và định hướng phát triển nêu trên, Đại hội đã xác định : **Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.** Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân gắn liền với việc phát huy dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các ngành, các cấp, thu hút trí tuệ và sức lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Gắn liền với toàn bộ công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc là việc chăm lo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đó là nhiệm vụ then chốt, là cội nguồn thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta. Đại hội đã nêu rõ những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là làm tốt việc giáo dục tư tưởng, chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, chống chủ nghĩa cá nhân ; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Hơn lúc nào hết, đòi hỏi của công tác xây dựng Đảng là phải tạo ra bước phát triển mới về chất nhằm bảo đảm sự lãnh đạo có hiệu quả của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

* * *

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang, đánh dấu một bước phát triển quan trọng của cách mạng nước ta. Ý chí của Đại hội phản ánh ý chí của toàn Đảng và của nhân dân. Nhân dân ta một lần nữa tìm thấy những suy nghĩ, ước vọng và lợi ích của chính mình phù hợp, hòa đồng với lợi ích của Đảng nên càng vui mừng với kết quả của Đại hội, càng thêm tin tưởng vào Đảng và tự hào về Đảng. Vấn đề đặt ra hiện nay là đưa những quan điểm, Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống. Muốn vậy, các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức đảng trên cơ sở nghiên cứu quán triệt sâu sắc những nội dung chính yếu trong các văn kiện Đại hội, cần có những biện pháp thiết thực nhằm cụ thể hóa thành chương trình hành động cách mạng, quyết tâm biến các chủ trương, đường lối của Đảng thành hiện thực cuộc sống.

***Đại hội IX** của Đảng Cộng sản Việt Nam là **Đại hội của Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,** thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm trọng đại bước đi vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.*

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google



Đồng chí NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt Nam (khóa IX)

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ NÔNG ĐỨC MẠNH, TỔNG BÍ THƯ BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Sinh ngày 11-9-1940, tại xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Cạn, xuất thân trong gia đình nông dân, dân tộc Tày ; bản thân là công nhân lâm nghiệp.

Tham gia cách mạng năm 1958.

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam : 5-7-1963.

Ngày chính thức : 10-7-1964.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1958 - 1961 : Học trung cấp nông - lâm trung ương, Hà Nội

1962 - 1963 : Công nhân lâm nghiệp, kỹ thuật viên điều tra rừng Ty Lâm nghiệp Bắc Cạn

1963 - 1965 : Đội phó đội khai thác gỗ Bạch Thông

1965 - 1966 : Học tiếng Nga tại Trường ngoại ngữ Hà Nội

1966 - 1971 : Sinh viên Học viện Lâm nghiệp Lê-nin-grát, Liên Xô

1972 - 1973 : Phó ban Thanh tra Ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái

1973 - 1974 : Giám đốc Lâm trường Phú Lương, Bắc Thái

1974 - 1976 : Học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc

1976 - 1980 : Tỉnh ủy viên, Phó Ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái, kiêm Chủ nhiệm Công ty xây dựng lâm nghiệp, rồi Trưởng ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái

1980 - 1983 : Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Thái

1984 - 10-1986 : Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Thái

11-1986 - 2-1989 : Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được bầu làm Ủy viên dự khuyết BCH T.Ư Đảng

3-1989 : Tại Hội nghị lần thứ 6 BCH T.Ư (khóa VI) được bầu làm Ủy viên chính thức BCH T.Ư Đảng

8-1989 : Trưởng ban Dân tộc Trung ương

11-1989 : Được bầu bổ sung đại biểu Quốc hội khóa VIII và được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

6-1991 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được bầu vào BCH T.Ư Đảng và được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị

9-1992 : Chủ tịch Quốc hội khóa IX

6-1996 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được bầu vào BCH T.Ư Đảng, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị

9-1997 : Chủ tịch Quốc hội khóa X

Được phân công làm Thường vụ Bộ Chính trị (1-1998)

4-2001 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được bầu vào BCH T.Ư Đảng, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và bầu làm Tổng Bí thư BCH T.Ư Đảng. ❑

Digitized by Google

BỘ CHÍNH TRỊ
BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

1- NÔNG ĐỨC MẠNH
2- TRẦN ĐỨC LƯƠNG
3- PHAN VĂN KHẢI
4- NGUYỄN MINH TRIẾT
5- NGUYỄN TẤN DŨNG
6- LÊ MINH HƯƠNG
7- NGUYỄN PHÚ TRỌNG
8- PHAN DIỄN
9- LÊ HỒNG ANH
10- TRƯƠNG TẤN SANG
11- PHẠM VĂN TRÀ
12- NGUYỄN VĂN AN
13- TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC
14- TRẦN ĐÌNH HOAN
15- NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Tổng Bí thư : NÔNG ĐỨC MẠNH

BAN BÍ THƯ
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

1- NÔNG ĐỨC MẠNH
2- LÊ HỒNG ANH
3- NGUYỄN VĂN AN
4- TRẦN DÌNH HOAN
5- NGUYỄN KHOA ĐIỀM
6- LÊ VĂN DŨNG
7- TÒNG THỊ PHÓNG
8- TRƯƠNG VĨNH TRỌNG
9- VŨ KHOAN

ỦY BAN KIỂM TRA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

1- LÊ HỒNG ANH
2- NGUYỄN THỊ DOAN
3- MAI VĂN NĂM
4- PHẠM THỊ HẢI CHUYỀN
5- HOÀNG KIM SƠN
6- ĐẶNG NGỌC THANH
7- VŨ QUỐC HÙNG
8- PHẠM CHÍ HÒA
9- NGUYỄN VĂN THÁM

Chủ nhiệm: LÊ HỒNG ANH

Digitized by Google

BỘ CHÍNH TRỊ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KHÓA IX



Đồng chí
NÔNG ĐỨC MẠNH



Đồng chí
TRẦN ĐỨC LƯƠNG



Đồng chí
PHAN VĂN KHẢI



Đồng chí
NGUYỄN MINH TRIẾT



Đồng chí
NGUYỄN TẤN DŨNG



Đồng chí
LÊ MINH HƯƠNG

Digitized by Google



Đồng chí
NGUYỄN PHÚ TRỌNG



Đồng chí
PHAN DIỄN



Đồng chí
LÊ HỒNG ANH



Đồng chí
TRƯƠNG TẤN SANG



Đồng chí
PHẠM VĂN TRÀ



Đồng chí
NGUYỄN VĂN AN



Đồng chí
TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC



Đồng chí
TRẦN ĐÌNH HOAN



Đồng chí
NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Digitized by Google

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

1. **NGUYỄN VĂN AN**, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.
2. **LÊ HỒNG ANH**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
3. **LÊ THỊ BÂN**, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Tây Ninh.
4. **TRỊNH LONG BIÊN**, Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu.
5. **ĐÀO ĐÌNH BÌNH**, Thứ trưởng Bộ GTVT kiêm TGĐ Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.
6. **NGUYỄN THÁI BÌNH**, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh.
7. **NGUYỄN VĂN CHI**, Quyền Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương.
8. **TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN**, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số và kế hoạch hóa gia đình.
9. **VŨ TIẾN CHIẾN**, Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái.
10. **NGUYỄN VĂN CHIỂN**, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương.
11. **HOÀNG XUÂN CỪ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Phú Thọ.
12. **NGUYỄN QUỐC CƯỜNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bắc Giang.
13. **PHAN DIỄN**, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng.
14. **NGUYỄN THỊ DOAN**, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
15. **NGÔ VĂN DỤ**, Phó Văn phòng Trung ương Đảng.
16. **LÊ VĂN DŨNG**, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tham mưu trưởng.
17. **HỒ NGHĨA DŨNG**, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam.
18. **NGUYỄN TẤN DŨNG**, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ.
19. **ĐỖ BÌNH DƯƠNG**, Tổng Kiểm toán Nhà nước.
20. **MAI THẾ DƯƠNG**, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Cạn.
21. **HUỲNH ĐẢM**, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND TP Hồ Chí Minh.
22. **PHAN TẤN ĐẠT**, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu.
23. **NGUYỄN VĂN ĐẲNG**, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
24. **NGUYỄN KHOA ĐIỀM**, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.
25. **CHAMALÉA ĐIÊU**, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận.
26. **NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**, Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 5.
27. **TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC**, Trưởng Ban Dân vận Trung ương.
28. **LÊ NAM GIỚI**, Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ.
29. **HOÀNG TRUNG HẢI**, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp.
30. **LÊ THANH HẢI**, Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND TP Hồ Chí Minh.
31. **TRẦN MAI HẠNH**, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam.
32. **NGUYỄN ĐỨC HẠT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Nam.
33. **NGUYỄN THỊ HẰNG**, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
34. **CÙ THỊ HẬU**, Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.
35. **HÀ VĂN HIỂN**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh.
36. **VŨ VĂN HIỂN**, Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản.
37. **VŨ VĂN HIẾN**, Phó Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.
38. **NGUYỄN MINH HIỂN**, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
39. **NGUYỄN VĂN HIỆN**, Thành ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân TP Hà Nội.
40. **NGUYỄN HUY HIỆU**, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.
41. **TRƯƠNG MỸ HOA**, Phó Chủ tịch Quốc hội.
42. **TRẦN HÒA**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Bình.
43. **TRẦN ĐÌNH HOAN**, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Digitized by Google

44. **HOÀNG CÔNG HOÀN**, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Lạng Sơn.
45. **HOÀNG VĂN HON**, Bí thư Tỉnh ủy Hòa Bình.
46. **NGUYỄN THỊ KIM HỒNG**, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương.
47. **LÊ DOÃN HỢP**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An.
48. **BÙI VĂN HUẤN**, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 9.
49. **NGUYỄN SINH HÙNG**, Bộ trưởng Bộ Tài chính.
50. **VŨ QUỐC HÙNG**, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
51. **BÙI QUANG HUY**, Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau.
52. **BÙI QUỐC HUY**, Thường vụ Thành ủy, Thiếu tướng, Giám đốc Công an TP Hồ Chí Minh.
53. **VÕ ĐỨC HUY**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.
54. **ĐINH THẾ HUYNH**, Phó Tổng biên tập Báo *Nhân Dân*.
55. **LÊ MINH HƯƠNG**, Thượng tướng, Bộ trưởng Bộ Công an.
56. **NGUYỄN VĂN HƯỞNG**, Thiếu tướng, Tổng Cục trưởng Tổng cục An ninh Bộ Công an.
57. **HUỲNH HỮU KHA**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Tiền Giang.
58. **PHAN VĂN KHẢI**, Thủ tướng Chính phủ.
59. **NGUYỄN TUẤN KHANH**, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh An Giang.
60. **PHẠM GIA KHIÊM**, Phó Thủ tướng Chính phủ.
61. **HÀ THỊ KHIẾT**, Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
62. **VŨ KHOAN**, Bộ trưởng Bộ Thương mại.
63. **NGUYỄN ĐỨC KIÊN**, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan.
64. **PHAN TRUNG KIÊN**, Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 7.
65. **VŨ TRỌNG KIM**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị.
66. **HOÀNG KỲ**, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3.
67. **VŨ NGỌC KỲ**, Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang.
68. **PHẠM VĂN LONG**, Thiếu tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.
69. **NGUYỄN HỮU LUẬT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bình Phước.
70. **TRẦN ĐỨC LƯƠNG**, Chủ tịch nước.
71. **UÔNG CHU LƯU**, Thứ trưởng Bộ Tư pháp.
72. **HỒ XUÂN MÃN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Thừa Thiên-Huế.
73. **NÔNG ĐỨC MẠNH**, Chủ tịch Quốc hội.
74. **VŨ MÃO**, Thường vụ Quốc Hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.
75. **ĐẶNG VŨ MINH**, Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
76. **NGUYỄN ÁNH MINH**, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận.
77. **NGUYỄN TUẤN MINH**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
78. **ĐỖ HOÀI NAM**, Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia.
79. **MAI VĂN NĂM**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
80. **NGUYỄN THỊ KIM NGÂN**, Thứ trưởng Bộ Tài chính.
81. **HỒ TIẾN NGHỊ**, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam.
82. **PHẠM QUANG NGHỊ**, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam.
83. **LÊ HỮU NGHĨA**, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
84. **HOÀNG VĂN NGHIÊN**, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND TP Hà Nội.
85. **NGUYỄN KHẮC NGHIÊN**, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu 2.
86. **LÊ HUY NGỌ**, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
87. **TẠ QUANG NGỌC**, Bộ trưởng Bộ Thủy sản.
88. **NGUYỄN DY NIÊN**, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.
89. **TRÁNG A PAO**, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương.
90. **NGUYỄN TẤN PHÁT**, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
91. **HOÀNG VĂN PHONG**, Thành ủy viên, Hiệu trưởng Trường đại học Bách khoa Hà Nội.
92. **TÒNG THỊ PHÓNG**, Bí thư Tỉnh ủy Sơn La.
93. **PHẠM ĐÌNH PHÚ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hưng Yên.
94. **PHÙNG HỮU PHÚ**, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội.
95. **VÕ HỒNG PHÚC**, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
96. **GIÀNG SEO PHỬ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Lào Cai.
97. **KSOR PHƯỚC**, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.
98. **ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG**, Bộ trưởng Bộ Y tế.
99. **LÊ HOÀNG QUÂN**, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

Digitized by Google

100. **HOÀNG BÌNH QUÂN**, Quyền Bí thư thứ nhất T.Ư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
101. **NGUYỄN HỒNG QUÂN**, Thứ trưởng Bộ Xây dựng.
102. **NGUYỄN VĂN QUÂN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Vĩnh Long.
103. **NGUYỄN TẤN QUYÊN**, Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng.
104. **TRỊNH TRỌNG QUYỀN**, Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.
105. **NGUYỄN VĂN RINH**, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.
106. **TÔ HUY RỨA**, Bí thư Thành ủy Hải Phòng.
107. **TRƯƠNG TẤN SANG**, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.
108. **NGUYỄN VĂN SON**, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.
109. **KHUẤT HỮU SƠN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Tây.
110. **SƠN SONG SƠN**, Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Trà Vinh.
111. **ĐỖ TRUNG TÁ**, Chủ tịch HĐQT TCT Bưu chính viễn thông Việt Nam.
112. **LÊ THANH TÂM**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Long An.
113. **LÊ BÌNH THANH**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.
114. **NGUYỄN PHÚC THANH**, Phó Chủ tịch Quốc hội.
115. **PHÙNG QUANG THANH**, Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 1.
116. **QUÁCH LÊ THANH**, Bí thư Đảng ủy khối Nội chính T.Ư, Phó trưởng Ban Nội chính T.Ư.
117. **TẠ HỮU THANH**, Tổng Thanh tra Nhà nước.
118. **NGUYỄN THẾ THẢO**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.
119. **DƯƠNG MẠC THĂNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Cao Bằng.
120. **VÕ THỊ THẮNG**, Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch.
121. **ĐÀO TRỌNG THI**, Phó Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội.
122. **PHẠM VĂN THỌ**, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương.
123. **NGUYỄN THỊ HOÀI THU**, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
124. **NIÊ THUỘT**, Thường vụ Tỉnh ủy, Thượng tá, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Đắc Lắc.
125. **LÊ ĐỨC THÚY**, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
126. **LÊ THẾ TIỆM**, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an.
127. **BÙI SĨ TIẾU**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Thái Bình.
128. **NGUYỄN VĂN TÌNH**, Đại tá, Phó Tư lệnh chính trị Quân chủng Hải quân.
129. **MA THANH TOÀN**, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 2.
130. **NGUYỄN KHÁNH TOÀN**, Thiếu tướng, Thứ trưởng thường trực Bộ Công an.
131. **PHẠM VĂN TRÀ**, Thượng tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
132. **HÀ MẠNH TRÍ**, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao.
133. **NGUYỄN THẾ TRỊ**, Trung tướng, Giám đốc Học viện Quốc phòng.
134. **NGUYỄN MINH TRIẾT**, Bí thư Thành ủy TP Hồ Chí Minh.
135. **NGUYỄN ĐỨC TRIỀU**, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.
136. **NGUYỄN PHÚ TRỌNG**, Bí thư Thành ủy Hà Nội.
137. **TRƯƠNG VĨNH TRỌNG**, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp.
138. **ĐỖ QUANG TRUNG**, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.
139. **MAI THẾ TRUNG**, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương.
140. **TRẦN VĂN TRUYỀN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bến Tre.
141. **MAI ÁI TRỰC**, Bí thư Tỉnh ủy Bình Định.
142. **TRẦN VĂN TUẤN**, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định.
143. **PHẠM MINH TUYÊN**, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình.
144. **TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN**, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An.
145. **NGUYỄN VĂN TỰ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Khánh Hòa.
146. **Y VÊNG**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.
147. **HỒ ĐỨC VIỆT**, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên.
148. **LÂM CHÍ VIỆT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang.
149. **HỒNG VINH (Nguyễn Duy Lợ)**, Tổng biên tập Báo *Nhân Dân*.
150. **NGUYỄN VĂN YỂU**, Phó Chủ tịch Quốc hội.

Digitized by Google

DIỄN VĂN KHAI MẠC

(Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đọc,sáng 19-4-2001)

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa Đại hội,

Hôm nay, ngày 19-4-2001, chúng ta trọng thể tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin gửi lời chào mừng nồng nhiệt nhất đến 1 168 đại biểu, những đảng viên ưu tú được bầu ra từ Đại hội Đảng các cấp, tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh chính trị và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng. Các đại biểu đã mang đến Đại hội ý chí, niềm tin và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong một thời điểm lịch sử trọng đại, cả dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ XXI dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế đã mang đến cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác tin cậy lẫn nhau cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí Cố vấn, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng ; nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ ; đại biểu lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các đại biểu của công nhân, nông dân, trí thức, các nhân sĩ đã cống hiến rất quý báu cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đại biểu đại diện cho thế hệ trẻ đầy ý chí và giàu tài năng của đất nước.

Với niềm tự hào và kính yêu vô hạn, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, Người anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của thế giới, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một di sản vô cùng quý giá là tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin hợp thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Trong thời điểm trọng đại này, mỗi đảng viên của Đảng khắc ghi lời căn dặn của Người : "Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Đại hội chúng ta dành phút mặc niệm tưởng nhớ những đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; tưởng nhớ các đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư, đồng chí Phạm Văn Đồng, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương ; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Đoàn Khuê, Nguyễn Đình Tứ ; các đồng chí Ủy viên Trung ương Nguyễn Văn Rốp, Đinh Hữu Khóa, Bùi Hữu Hải, Hoàng Thừa, Đào Trọng Lịch, Lê Văn Tu, Lương Công Đoan, Võ Nhân Huân đã từ trần từ sau Đại hội VIII.

Digitized by Google

Kính thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Loài người đã kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI. Nhân dân Việt Nam, đất nước Việt Nam đã đi qua một thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XX là thế kỷ của những chiến công hiển hách và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc Việt Nam. Đó là thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á ; đó là thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến thần thánh đánh thắng những tên thực dân đế quốc hung hãn, giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Những thắng lợi to lớn của sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh, của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm qua đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam, tạo ra điều kiện tiền đề rất quan trọng để dân tộc ta bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ mới, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội lớn, vừa phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức lớn không thể xem thường. Nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức với tinh thần cách mạng tiến công đưa cách mạng Việt Nam tiến lên mạnh mẽ, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta trong thời kỳ mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng có nhiệm vụ lịch sử : nhìn lại chặng đường 71 năm cách mạng Việt Nam, đi sâu tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đại hội cũng có nhiệm vụ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng ta ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc trong thời kỳ mới ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX.

Kính thưa Đại hội,

Từ nhiều tháng nay, các địa phương, đơn vị trong cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đã sôi nổi thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội. Đặc biệt là sự đóng góp đầy tâm huyết của các tầng lớp nhân dân vào các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội. Các văn kiện trình Đại hội Đảng hôm nay là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Đại hội chúng ta biểu dương những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn Mặt trận Tổ quốc, các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, giới trí thức, các nhân sĩ, tôn giáo, dân tộc, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế về sự đóng góp đầy tâm huyết, trí tuệ cho sự thành công của Đại hội.

Đại hội IX của Đảng là **Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới,** thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc !

Đại hội IX là mốc son lịch sử đánh dấu thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam, thời kỳ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong tinh thần và niềm tin tưởng sâu sắc đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày ngày 19 tháng 4 năm 2001)

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới.

Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới. Chủ đề của Đại hội là : Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội bốn văn kiện : *Báo cáo Chính trị ; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005 ;* và *Báo cáo về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.*

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức đã góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi Dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước và đồng bào định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến đầy tâm huyết, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng bàn việc nước. Các văn kiện trình Đại hội Đảng lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp quý báu ấy của đồng chí, đồng bào.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I - VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỶ XXI

Báo cáo chính trị khẳng định, thế kỷ XX là thế kỷ ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước ; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân

Digitized by Google

hóa gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước châu Âu, châu Á và Mỹ la-tinh ; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ; sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hòa bình, dân chủ, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Sau các phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX, năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại : thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc ; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo ; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông - Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, sau khủng hoảng tài chính - kinh tế, có khả năng phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn.*

Ngày nay, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có phẩm

Digitized by Google

chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là : tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân ; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

II - TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 15 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn : những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, ***đạt được những thành tựu quan trọng :***

Kinh tế tăng trưởng khá. Văn hóa, xã hội có những tiến bộ ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng ; hệ thống chính trị được củng cố. Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn ; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý ; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những ***yếu kém, khuyết điểm :***

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Một số vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Tình trạng tham nhũng, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính : Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt ; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành. Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập.

Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt, nhưng ***10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng :***

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ

Digitized by Google

tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế ; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang nền kinh tế có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra ; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề ; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

15 năm đổi mới (1986 - 2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau đây : Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

III - VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thưa các đồng chí,

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định : Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc ; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân ; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; về đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư ; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau ; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ.

Digitized by Google

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc trong mục tiêu chung là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.* Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

IV- ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thưa các đồng chí,

Xuất phát từ tình hình hiện nay và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đường lối kinh tế của Đảng ta được xác định là : *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.*

Mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là : *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000 ; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Chiến lược nêu rõ : *Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm.* Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Tư tưởng của Chiến lược là *phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng

Digitized by Google

cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Định hướng cho việc phát triển các ngành và các vùng, các văn kiện chỉ rõ :

- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế, tăng sức cạnh tranh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước ; nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng, an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.* Tiếp tục phát triển và đưa *nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp* lên một trình độ mới bằng việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học ; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích ; quy hoạch sử dụng đất hợp lý ; đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa ; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa ; phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo nhiều việc làm mới và cải thiện đời sống nông dân và dân cư nông thôn.

Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, may mặc, da - giầy, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm... Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ* : thương mại, hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống *kết cấu hạ tầng :* giao thông, điện lực, thông tin, thủy lợi, cấp thoát nước. Phát triển mạng lưới *đô thị* phân bố hợp lý trên các vùng.

Trong *chiến lược phát triển các vùng,* chúng ta chủ trương phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn ; đồng thời tạo điều kiện để phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam có chiến lược phát triển vùng biên giới. Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển.

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 2001 - 2010. Mục tiêu là : Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm ; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo ; đẩy lùi các tệ nạn xã hội ; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là :

- Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm 7,5%. Tổng GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995.

- Đến năm 2005, tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp là 20 - 21% GDP ; công nghiệp và xây dựng 38 - 39%, các ngành dịch vụ 41 - 42%.

- Giảm tỉ lệ sinh bình quân hằng năm 0,5%o, nhịp độ phát triển dân số vào năm 2005 khoảng 1,22%.

- Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm ; nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

Digitized by Google

- Cơ bản xóa hộ đói, giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005.

Về *quan hệ sản xuất*, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán *chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần*. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Trong nền kinh tế của ta, *kinh tế nhà nước* phát huy vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà Nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả.

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển ; khuyến khích các hình thức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài ; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Ngoài các thành phần kinh tế nói trên, các văn kiện lần này nêu lên một thành phần mới xuất hiện và hình thành ngày càng rõ nét trong những năm gần đây : thành phần *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*. Thành phần này bao gồm phần vốn đầu tư của nước ngoài vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nước ta. Chủ trương của ta là tạo điều kiện để thành phần kinh tế này phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm.

Trong chính sách phát triển các thành phần kinh tế, Đảng ta chủ trương phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước ; phát triển hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội ; nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

Để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thông suốt, cần *tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.*

Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như : thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế. Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Thực hiện đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội. Tiếp

Digitized by Google

tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế ; nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Thành lập các ngân hàng chính sách.

Cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, Đảng ta chủ trương *giải quyết tốt các vấn đề xã hội*, coi đây là một hướng chiến lược thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta. Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Các văn kiện đã nêu lên nhiều biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề xã hội : tạo ra nhiều việc làm mới ; mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội, cải cách cơ bản chế độ tiền lương, đẩy nhanh các chương trình xóa đói, giảm nghèo ; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách ; kiểm soát quy mô dân số và từng bước nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân, mở rộng và hoàn thiện mạng lưới y tế ; chăm sóc và bảo vệ trẻ em ; đẩy mạnh phong trào toàn dân tập luyện thể dục - thể thao, v.v... Đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội.

V - PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Thưa các đồng chí,

Các chính sách về văn hóa của Đảng ta thể hiện quan điểm : văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ; giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Về giáo dục và đào tạo : Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục ; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa". Phát huy tư duy khoa học và sáng tạo, năng lực tự nghiên cứu của học sinh và sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề. Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức chính quy và không chính quy, thực hiện "giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập". Thực hiện phương châm "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với đời sống xã hội". Chăm lo phát triển giáo dục mầm non ; củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ; đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội. Khuyến khích phát triển hệ thống các trường, lớp dạy nghề dân lập và tư thục. Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Từng bước xúc tiến việc nối Mạng thông tin quốc tế (In-tơ-nét) ở trường học.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc. Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc : sửa đổi chương trình đào tạo, cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" giáo dục, quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị ; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

Về khoa học và công nghệ : Phát triển khoa học xã hội và nhân văn, hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát

Digitized by Google

triển kinh tế, xã hội, xây dựng con người. Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai. Khoa học công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia. Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý dịch vụ. Coi trọng việc nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học. Tăng đầu tư ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sắp xếp lại và đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ việc nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội và nhân văn. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ, đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc.

Về xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc : Hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời là người hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng ; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hóa, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khỏe, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc ; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học - nghệ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Chăm sóc đời sống văn nghệ sĩ, đãi ngộ thỏa đáng đối với những văn nghệ sĩ tài năng.

Hướng báo chí, xuất bản làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái. Nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin ; khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thật sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.

Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

VI - TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng

Digitized by Google

yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng ; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân ; có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao ; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân ; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị ; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang ; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào ; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao ; kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia ; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu ; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

VII - MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán *đường lối đối ngoại* độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ; bình đẳng và cùng có lợi ; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình ; phản đối mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ la-tinh, các nước trong Phong trào không liên kết. Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang ; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các Đảng Cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương

Digitized by Google

với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại. Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả của công tác đối ngoại.

VIII - PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Thưa các đồng chí,

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Chú trọng các chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi, các nhà doanh nghiệp, đồng bào định cư ở nước ngoài, v.v...

Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển ; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa ; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật ; đoàn kết và chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và cơ quan nhà nước, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước gắn liền với

Digitized by Google

các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

IX - ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Thực hiện đồng thời các nhiệm vụ cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực. Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp ; tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa ; điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp ; Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp ; sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án các cấp.

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Phải tăng cường về tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Các biện pháp chống tham nhũng phải được thực hiện đồng bộ, từ việc bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng cho đến việc tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát ; động viên các chi bộ đảng, Mặt trận, đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội giám sát, kiểm tra, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Phải xử lý nghiêm minh theo pháp luật và Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Đồng thời phải cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi. Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

X - XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng ta đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng ; mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Trong công tác xây dựng Đảng, bên

Digitized by Google

cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn ; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém bất cập. Công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ.

Nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu của những tồn tại trên là do nhiều cấp ủy và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chưa chỉ đạo tập trung và kiên quyết công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ ; chưa chỉ đạo kết hợp tiến hành tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế tài chính và tăng cường công tác giáo dục cán bộ, đảng viên.

Trong những năm tới, toàn Đảng phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trước hết, **phải tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.** Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cấp ủy và chi bộ tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và công tác vận động nhân dân, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu. Trên cơ sở tổng kết hai năm tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện có nền nếp việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, tệ tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm kết luận những vấn đề mới và bức xúc từ thực tiễn đặt ra, nâng cao sự thống nhất về quan điểm, đường lối của Đảng ; đấu tranh với những khuynh hướng, tư tưởng sai trái.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, sáng tạo, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ... Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình lý luận cao cấp và có kiến thức, trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Tất cả các đảng bộ, chi bộ đều phải phấn đấu thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Các cấp ủy cấp trên phải tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu ; giữ mối liên hệ với quần chúng ở nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt dân chủ trong sinh hoạt đảng. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập

Digitized by Google

thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của từng thành viên. Kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng gắn liền với kiện toàn tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm và khả năng của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt của cấp ủy, phải có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, tập trung vào các nội dung chủ yếu : các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc ; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Về Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ lại về cơ bản các điều quy định có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, về giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng ; đồng thời đề nghị bổ sung, sửa đổi một số điểm cho phù hợp với yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới như sau :

- Bổ sung để làm rõ thêm quy định về hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống hành chính của Nhà nước và những quy định về lập các tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức đảng có tính đặc thù.

- Các cấp ủy viên khi có quyết định nghỉ công tác để về hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó. Các Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

- Thành lập Ban Bí thư, không lập Thường vụ Bộ Chính trị. Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Ban Bí thư gồm một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Nhiệm vụ của Ban Bí thư là lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng : chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng ; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương ; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

- Bổ sung quy định về Đại hội đại biểu bất thường các cấp : khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập Đại hội đại biểu bất thường. Đại biểu dự Đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự Đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

- Cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y các thành viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới.

- Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

*

* *

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,* thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi tới tương lai. ❑

Digitized by Google

DIỄN VĂN BẾ MẠC

(Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đọc)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách quốc tế và các vị khách mời của Đại hội,

Sau những ngày làm việc tích cực, khẩn trương và đầy tinh thần trách nhiệm trước toàn Đảng và toàn dân, chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các văn kiện quan trọng : Báo cáo Chính trị ; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 ; Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi).

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội là sản phẩm kết tinh trí tuệ, thể hiện ý chí và quyết tâm của toàn Đảng và toàn dân ta ; là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của nhân loại vào giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta. Đường lối do Đại hội IX đề ra là một bước phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991, tiếp tục phát triển đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng. Những quyết định chính trị trọng đại của Đại hội thể hiện trong các văn kiện cho phép chúng ta khẳng định rằng Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng, đáp ứng ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực, tiêu biểu cho hơn 2 triệu đảng viên của Đảng, thể hiện tính liên tục, kế thừa và đổi mới. Đại hội mong muốn và tin tưởng mỗi thành viên và toàn thể Ban Chấp hành Trung ương khóa IX hãy xứng đáng với sự ủy thác của toàn Đảng, trên mỗi cương vị được giao hãy ra sức rèn luyện, phấn đấu về mọi mặt, thật sự là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, góp phần tích cực xây dựng Ban Chấp hành Trung ương - Bộ Tham mưu chiến đấu cao nhất của Đảng ta - thật sự có đủ phẩm chất, bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo toàn Đảng và toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối do Đại hội đề ra.

Với những kết quả nói trên, chúng ta có thể báo cáo với toàn Đảng, toàn dân : Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta có ý nghĩa rất to lớn, mở ra một thời kỳ mới phát triển đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI.

Tương lai của dân tộc ta rất xán lạn, song con đường đi tới còn không ít khó khăn, thử thách. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới trong thời kỳ mới tùy thuộc vào khả năng nhận rõ và chủ động nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ của đất nước và của từng ngành, từng lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Vì vậy, trong nhận thức và trong hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và

Digitized by Google

mỗi người dân phải quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm và các quyết sách do Đại hội IX đề ra, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ với bạn bè trên thế giới ; rèn luyện bản lĩnh, nắm vững thời cơ, khắc phục nguy cơ, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước. Vì vậy, các cấp ủy và tổ chức đảng cần tập trung chỉ đạo quá trình tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, biến Nghị quyết Đại hội thành hiện thực.

Để làm tròn nhiệm vụ trước dân tộc trong thời kỳ mới, yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với Đảng ta là phải tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng luôn luôn trong sạch và vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ; phát huy ưu điểm và nhân tố mới, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ chi bộ, cơ sở. Đó là yếu tố quyết định thành công của quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và là yếu tố sống còn đối với vận mệnh của Đảng.

Đại hội kêu gọi mỗi đảng viên của Đảng dù ở cương vị công tác nào, hãy ra sức rèn luyện phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn để luôn luôn xứng đáng với danh hiệu quang vinh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và rèn luyện, gương mẫu đi đầu và vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống yêu nước trong thời kỳ mới, năng động và sáng tạo, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra, làm cho đất nước ta sớm ra khỏi cảnh đói nghèo, kém phát triển, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo mục tiêu mà Đại hội IX đã xác định, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội đánh giá cao sự cống hiến trong nhiệm kỳ qua và rất cảm kích về đề nghị của nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa VIII không tái ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, tạo điều kiện trẻ hóa cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, tiếp tục cống hiến khả năng và kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Thưa Đại hội,

Từ khi nhận nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đến nay, các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt đã tiếp tục có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của đất nước. Các đồng chí đã góp nhiều ý kiến quan trọng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội VIII đã đề ra. Từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Đại hội chúng ta trân trọng ghi nhận những đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Khả Phiêu, kể từ khi nhận nhiệm vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến nay, đã có những đóng góp tích cực trong việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, bảo đảm sự ổn định và phát triển của đất nước, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới. Đồng chí đã có đóng góp quan trọng trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ trong sinh hoạt của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương ; tích cực chống

Digitized by Google

tham nhũng. Đồng chí luôn kiên định lập trường cách mạng, sống giản dị, gần gũi và lắng nghe ý kiến nhân dân. Chúng ta xin chúc đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục cống hiến cho Đảng, cho đất nước.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng bào, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và gửi đến Đại hội nhiều điện, thư chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu các Đảng Cộng sản, công nhân, các đảng cầm quyền đã đem đến Đại hội, đến Đảng ta và nhân dân ta những tình cảm hữu nghị, chân tình, góp phần quý báu vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc tế tại nước ta, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài đã đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Cũng từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng biết ơn và tình đoàn kết sâu sắc của Đảng và nhân dân ta với các Đảng Cộng sản và công nhân cùng nhân dân và bầu bạn xa gần đã hết lòng ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hơn bảy thập kỷ qua và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và toàn thể cán bộ, chuyên viên, các chiến sĩ, công nhân, nhân viên đã tận tụy ngày đêm phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội là nguồn sức mạnh mới hết sức to lớn để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và khối đại đoàn kết dân tộc. Chặng đường trước mắt có những thuận lợi mới và những cơ hội mới, đồng thời cũng đầy khó khăn và thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua.

Trước mắt chúng ta là việc tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội, biến Nghị quyết của Đảng thành hành động của quần chúng, tạo ra những bước tiến mới trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX.

Được Đại hội trao cho gánh vác trọng trách trước Đảng và dân tộc, nhận rõ đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội giao cho, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và cá nhân tôi nguyện đem hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, gương mẫu trong sinh hoạt và công tác, không ngừng nâng cao bản lĩnh và trí tuệ, nói đi đôi với làm, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với niềm phấn khởi và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước, của dân tộc ta trong thế kỷ XXI, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm !

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta ! ❑

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 19-4-2001 đến 22-4-2001 tại Thủ đô Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ

1 - Thông qua Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình Đại hội ; giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa IX căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2 - Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3 - Giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang và sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, của toàn Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ XXI.

ĐẠI HỘI IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Digitized by Google

ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Bổ sung, sửa đổi)

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân ; dựa vào nhân dân để xây dựng đảng ; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Chương I
ĐẢNG VIÊN

Điều 1 :

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân ; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; có đạo đức và lối sống lành mạnh ; gắn bó mật thiết với nhân dân ; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên thừa nhận và tự nguyện : thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng ; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được

Digitized by Google

nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2 :

Đảng viên có nhiệm vụ :

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh ; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân ; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở ; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng ; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng ; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng ; làm công tác phát triển đảng viên ; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3 :

Đảng viên có quyền :

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức ; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4 :

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại) :

1. Người vào Đảng phải :

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng ;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải :

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm ;
- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy :

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi ủy kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên ; khi có quyết định của cấp ủy cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.
- Đảng ủy cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp ủy viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.
- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp ủy cơ sở được ủy quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp vào Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Digitized by Google

Điều 5 :

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp ; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6 :

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7 :

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8 :

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng ; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9 :

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là :

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới ; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó ; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10 :

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ

Digitized by Google

chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11 :

1. Cấp ủy triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12 :

1. Cấp ủy viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh ; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định ; số lượng cấp ủy viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Cấp ủy các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử :

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử ;

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua ;

- Bầu cử bằng phiếu kín ;

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn ; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13 :

1. Cấp ủy khóa mới nhận sự bàn giao từ cấp ủy khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định ; số lượng cấp ủy viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, do cấp ủy xem xét đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định ; đối với Ủy viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ từ cấp tỉnh trở xuống, khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó.

Digitized by Google

Đối với Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời ; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội ; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy của tổ chức đảng đó.

Điều 14 :

1. Cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Khi cần, cấp ủy lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15 :

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua ; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới ; bầu Ban Chấp hành Trung ương ; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Ủy viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16 :

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội ; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng ; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần ; họp bất thường khi cần.

Điều 17 :

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị ; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị ; thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương ; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương ; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương ; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương ; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng : chỉ đạo công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng ; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương ; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18 :

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã,

Digitized by Google

thành phố trực thuộc tỉnh do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp ủy cấp trên ; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua ; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới ; bầu cấp ủy ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách.

Điều 19 :

1. Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy), cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu ; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần ; họp bất thường khi cần.

Điều 20 :

1. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ ; bầu ủy ban kiểm tra ; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

2. Số lượng ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra do cấp ủy quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên ; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

4. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và cấp ủy cấp trên ; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21 :

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng ; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

5. Những trường hợp sau đây, cấp ủy cấp dưới phải báo cáo và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện :

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.

- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Điều 22 :

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập : cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần ; các cơ sở khác năm năm hai lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên ; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua ; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới ; bầu cấp ủy ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

Digitized by Google

4. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần ; họp bất thường khi cần.

5. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23 :

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ :

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng ; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác ; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh ; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân ; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh ; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng ủy cơ sở nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24 :

1. Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên ; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng ; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó ; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi ủy.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị ; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên ; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên ; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên ; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập mỗi năm một lần ; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi ủy, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên.

Chương VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 25 :

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt ; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp ủy đảng theo chức năng giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26 :

1. Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị.

Digitized by Google

2. Quân ủy Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng ; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27 :

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt ; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên chỉ định.

2. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia ; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 28 :

1. Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp ủy công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp ủy cấp trên chỉ định. Cấp ủy lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương ; phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29 :

1. Tổ chức đảng công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng ủy công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận, thị ủy được chỉ định tham gia.

Chương VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30 :

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

Digitized by Google

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31 :

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32 :

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ :

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng ; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên ; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Điều 33 :

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34 :

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 35 :

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật :

- Đối với tổ chức đảng : khiển trách, cảnh cáo, giải tán ;

- Đối với đảng viên chính thức : khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ;

- Đối với đảng viên dự bị : khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36 :

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm :

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên ; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên ; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp ; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

Digitized by Google

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37 :

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm :

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp : có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng ; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38 :

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39 :

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật ; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp ; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm ; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết ; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40 :

1. Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Digitized by Google

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41 :

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương ; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng ; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể ; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42 :

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do bầu cử lập ra, cấp ủy cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng đoàn do cấp ủy cùng cấp chỉ định ; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ; liên hệ mật thiết với nhân dân ; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền ; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp ủy và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43 :

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cấp ủy cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Ban cán sự đảng do cấp ủy cùng cấp chỉ định ; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền ; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Chương X

ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Điều 44 :

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên ; là trường học xã hội chủ nghĩa ; đại diện quyền lợi của thanh niên ; phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45 :

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46 :

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp ủy nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47 :

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48 :

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

Digitized by Google

THAM LUẬN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU TẠI ĐẠI HỘI

Lời BBT. *Tại Đại hội IX của Đảng đã có hơn 1 850 lượt ý kiến phát biểu của đại biểu các đoàn ; có 62 bản tham luận gửi đến Đoàn Chủ tịch và 26 bản tham luận được trình bày tại Đại hội. Các bản tham luận đã đề cập một cách toàn diện đến nhiều khía cạnh thuộc các lĩnh vực khác nhau rất phong phú và sâu sắc. Tạp chí Cộng sản trích đăng một số tham luận, xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

● **Đồng chí Nguyễn Duy Quý,** ***đại biểu Đảng bộ Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia : Nhìn lại thế kỷ XX và triển vọng của thế kỷ XXI***

... Thế kỷ XX đánh dấu một trình độ phát triển mới của nền văn minh nhân loại, đó là thế kỷ của những thành tựu kỳ diệu về khoa học và công nghệ, là thế kỷ tiến công vào cả thế giới vi mô lẫn thế giới vĩ mô, vào việc khám phá những bí ẩn của sự sống với sự giải mã mới đây về hệ thống gen, khám phá bí ẩn của tư duy với việc phát hiện ra trí tuệ nhân tạo.

Thế kỷ XX là thế kỷ của sự tăng trưởng với tốc độ nhanh về kinh tế : tính đến năm 1991, GDP của nền kinh tế thế giới đã tăng gấp 5 lần so với năm 1950, và tính đến nay gấp tới 15 lần so với thế kỷ XIX. Sự tăng trưởng ấy đã làm cho đời sống của một phần nhân loại được cải thiện *đáng kể*, nhưng do sự "phân phối" không công bằng những thành quả của tiến bộ xã hội nên nhiều mâu thuẫn vốn có của thế giới trở nên gay gắt hơn, đồng thời làm nảy sinh những mâu thuẫn mới. Nhiều quốc gia, khu vực của thế giới đang bị gạt ra bên lề của sự phát triển.

Thế kỷ XX, rất đáng tiếc, lại cũng là thế kỷ của hai cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc, của hàng trăm cuộc chiến tranh lớn và nhỏ, với hàng chục triệu người thiệt mạng, tiêu tốn hàng nghìn tỉ đô la. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và đã gây ra biết bao tội ác vô cùng dã man, tàn bạo. Bom nguyên tử đã nổ ở Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki. Những phát minh khoa học vĩ đại của nhân loại đã bị những thế lực đen tối sử dụng để hủy diệt loài người.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, thế kỷ XX là thế kỷ của chủ nghĩa xã hội hiện thực : lần đầu tiên lý tưởng về chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện một cách sinh động ở Liên Xô và hơn một chục nước khác, mở ra niềm hy vọng và khả năng mới mẻ chưa từng có cho sự đi lên một xã hội mới, tốt đẹp hơn của loài người. Rất tiếc rằng đến cuối thế kỷ, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào ; về những nguyên nhân khách quan và chủ quan của sự kiện này, lịch sử tiếp tục làm sáng tỏ. Song hiện nay, chế độ xã hội chủ nghĩa đang được tiếp tục xây dựng ở một số nước, trong đó có Việt Nam, với những thành tựu và những bước phát triển mới, cả về lý luận lẫn thực tiễn. Điều đó đã đem lại cho chúng ta niềm tin vững chắc vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội.

Đối với Việt Nam, thế kỷ XX là thế kỷ của những sự kiện trọng đại trong lịch sử dân tộc.

Trong những năm đầu thế kỷ, nhân dân Việt Nam đã tiến hành đấu tranh liên tục chống lại chế độ áp bức và bóc lột hà khắc của thực dân Pháp và chế độ phong kiến. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu *bước ngoặt* trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, phong trào cách mạng Việt Nam đã có bước phát triển mới về chất.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thành quả tổng hợp của phong trào cách mạng liên tục trong suốt 15 năm sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ năm 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc năm 1939-1945. Sức mạnh đoàn kết của cả một dân tộc bị đọa đầy, quyết đứng lên xóa bỏ gông xiềng nô lệ đã đập tan ách áp bức thực dân

Digitized by Google

gần một trăm năm và chế độ phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm, xây dựng nên một chế độ xã hội mới - *chế độ dân chủ nhân dân,* mở ra một kỷ nguyên mới - *kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.* Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là *một trong những sự kiện trọng đại nhất* trong lịch sử Việt Nam ở thế kỷ XX.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, đế quốc Pháp đã gây ra cuộc chiến tranh 1946-1954 và tiếp đó đế quốc Mỹ lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược 1954-1975. Mặc dù thiết tha với sự nghiệp xây dựng đất nước trong hòa bình, thiết tha mong mỏi *"Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh, chỉ muốn hòa hiếu, tắt muôn đời chiến tranh"* như Nguyễn Trãi đã từng viết gần 600 năm trước, song Việt Nam không có sự lựa chọn nào khác, buộc phải cầm súng *chiến đấu liên tục suốt 30 năm vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.* Hàng triệu người con ưu tú của Việt Nam đã anh dũng hy sinh. Cuối cùng, hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam trong thế kỷ XX đã giành được thắng lợi hoàn toàn vào mùa xuân năm 1975. Thực tiễn chứng tỏ cội nguồn của thắng lợi đó chính là *sức mạnh của lòng yêu nước, yêu độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội* của nhân dân Việt Nam, là kết quả của *đường lối đúng đắn, sáng tạo* của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong thắng lợi của cách mạng Việt Nam có sự đóng góp quan trọng của tình đoàn kết quốc tế. Nhân dân Việt Nam không bao giờ quên sự giúp đỡ về vật chất cũng như tinh thần của nhân dân thế giới.

Sau chiến tranh, từ một nước nghèo, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, vết thương chiến tranh còn nặng nề, Việt Nam đã bắt tay xây dựng lại đất nước trong sự bao vây về chính trị, cấm vận về kinh tế của các thế lực thù địch. Hơn thế nữa, do một số sai lầm, khiếm khuyết trong cơ chế quản lý, khủng hoảng kinh tế - xã hội đã diễn ra và kéo dài trong những năm 80. Khủng hoảng đã buộc Việt Nam phải nhìn nhận sự phát triển và bối cảnh quốc tế bằng con mắt biện chứng hơn. Kể từ năm 1986, đường lối *Đổi mới* đã được Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo thực hiện, đến nay, Việt Nam đã thu được những thành tựu *to lớn và rất quan trọng.* Đất nước đang bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu để đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng diễn ra vào lúc nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI. Đó là thế kỷ mà khoa học và công nghệ sẽ có tốc độ phát triển cao chưa từng thấy, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa, khu vực hóa về kinh tế là xu thế khách quan của sự hội nhập và giao lưu quốc tế. Hòa bình và hợp tác trở thành đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc, nhất là những nước đang phát triển. Tuy nhiên, các mâu thuẫn cơ bản của thời đại vẫn tồn tại và phát triển, song những biểu hiện của chúng dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, có mặt sâu sắc hơn ; các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang... vẫn tiềm ẩn, có thể xảy ra và diễn biến có phần phức tạp hơn. Bởi vậy, thế kỷ XXI, một mặt, sẽ mở ra những cơ hội lớn, mặt khác, cũng đặt ra cho Việt Nam những thách thức lớn trong quá trình phát triển.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam phải tận dụng mọi thời cơ, vượt qua mọi thách thức, tạo ra những điều kiện cho sự phát triển của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa ; phải nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển hiện nay, rút ngắn khoảng cách so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là giải pháp đúng đắn đã được chứng minh qua thực tiễn của 15 năm đổi mới vừa qua.

Đảng Cộng sản Việt Nam, từ lúc ra đời đã xác định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, được toàn dân ủng hộ, đồng tình, tin tưởng. Và trong suốt chặng đường hơn 70 năm qua, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc và sự ủng hộ to lớn của nhân loại tiến bộ trên thế giới. Vì thế chúng ta tin tưởng rằng, công cuộc đổi mới đất nước dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ta sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

● **Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, *đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh : Năm giải pháp đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa***

... Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đã một lần nữa khẳng định

Digitized by Google

nguy cơ "tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới". Điều đó đòi hỏi chúng ta phải đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để bảo đảm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Chúng ta hoàn toàn có thể làm được điều này nếu có một quyết tâm thật cao và triển khai đồng bộ các giải pháp, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và tận dụng tốt các thời cơ. Ở đây, chúng tôi chỉ xin phân tích và kiến nghị một số giải pháp để góp phần giải đáp hai câu hỏi : *một là, làm thế nào để đổi mới công nghệ nhanh trong điều kiện của Việt Nam - vốn "vẫn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp" ; và hai là, làm thế nào để xây dựng công nghiệp phần mềm sớm trở thành một ngành kinh tế mới ở nước ta đầu thế kỷ XXI.*

Những năm qua, mặc dù chúng ta có rất nhiều cố gắng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nhưng ngay ở một thành phố trung tâm kinh tế như thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp vẫn ở mức trung bình và lạc hậu. Số liệu điều tra ở thành phố cho thấy : 51% số doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình, 35% lạc hậu và chỉ có 14% là ở mức tiên tiến. Tốc độ đổi mới công nghệ bình quân ở các doanh nghiệp khoảng 10-15%/năm, tức là phải mất từ 7 đến 10 năm mới hoàn thành một chu kỳ đổi mới công nghệ, trong khi cùng thời gian đó công nghệ thay đổi từ 2 đến 3 thế hệ. Nếu kéo dài tình trạng này thì khi bắt đầu tự do hóa thương mại với các nước ASEAN vào năm 2003, chúng ta sẽ càng tụt hậu xa hơn nữa và rất nhiều doanh nghiệp sẽ đứng trước nguy cơ không cạnh tranh nổi.

Nguyên nhân khách quan của thực trạng đó là nguồn vốn trong nước có thể huy động cho hiện đại hóa, công nghệ rất nhỏ bé, do quy mô của cả nền kinh tế là nhỏ. Tổng kinh phí nhà nước cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ năm 2000 khoảng 100 triệu USD, trong khi đó ở Hàn Quốc là 7,5 tỉ USD, gấp ta 75 lần. *Về nguyên nhân chủ quan*, có thể kể đến sự yếu kém của ngành cơ khí, chưa đủ khả năng trang bị máy móc cho nền kinh tế. (Năm 2000, nền công nghiệp của cả nước chỉ chế tạo ra bình quân mỗi ngày 130 động cơ điện công nghiệp, 40 động cơ diezen, 2 máy bơm công nghiệp, 2 máy công cụ, 7 máy kéo...). Sự đóng góp của các trường đại học, viện nghiên cứu cho hiện đại hóa còn khiêm tốn, do thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm kinh doanh, thiếu cơ chế thích hợp và chưa thực sự gắn với nhu cầu bức xúc của kinh tế - xã hội.

Để khắc phục các nguyên nhân trên, góp phần đẩy nhanh việc đổi mới công nghệ, từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm có kết quả bước đầu ở thành phố, chúng tôi xin kiến nghị 5 nhóm giải pháp sau đây :

- Phải tự tin hơn, có cơ chế và chính sách phù hợp để khai thác tối đa năng lực trí tuệ, tay nghề của lực lượng kỹ sư, công nhân và các nhà khoa học. Đây là vốn rất quý, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng việc phát huy còn hạn chế. Mặc dù số lượng không đông, trình độ còn hạn chế so với nhiều nước khác, song nếu được tổ chức lại hợp lý, có cơ chế, chính sách phù hợp thì các nhà khoa học, các kỹ sư và công nhân giỏi của nước ta sẽ đóng góp rất to lớn.

- Các cơ quan nghiên cứu về khoa học tự nhiên và kỹ thuật cần thực hiện 2 chức năng : nghiên cứu cơ bản và ứng dụng có tính thương mại các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, tạo cơ chế cho khoa học phát triển.

Tình trạng phổ biến hiện nay là số đông các cơ quan nghiên cứu khoa học chỉ tồn tại dựa vào kinh phí do ngân sách nhà nước cấp,vừa không bảo đảm đời sống của cán bộ nghiên cứu, vừa không đủ để trang bị kỹ thuật cho công tác nghiên cứu khoa học có chất lượng. Lối ra của thực trạng này, theo chúng tôi là các cơ quan nghiên cứu về khoa học tự nhiên và kỹ thuật cần thực hiện hai chức năng như nêu trên. Trong thực tế, Viện cơ học ứng dụng thành phố Hồ Chí Minh là một điển hình. Viện vừa tiến hành các nghiên cứu cơ bản trong cơ học, vừa đặc biệt quan tâm nghiên cứu, ứng dụng, tạo ra các sản phẩm có tính thương mại, doanh thu hàng năm gấp gần 30 lần so với kinh phí nhà nước cấp. Nhờ đó, Viện có khả năng vừa nâng cao đời sống cho cán bộ nghiên cứu khoa học, vừa hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu cơ bản và ứng dụng.

- Phát triển thị trường công nghệ với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Nhiều năm qua, mặc dù Trung ương đã có chủ trương, nhưng thị trường khoa học - công nghệ ở nước ta còn kém phát triển. Các nhà khoa học có khả năng tạo ra các sản phẩm, thiết bị có chất lượng cao, song thiếu điều kiện và kinh nghiệm tiếp thị, trong khi phía "cầu" không biết địa chỉ để đặt hàng. Để khắc phục việc cung - cầu về khoa học - công nghệ chưa gặp nhau, vai trò

Digitized by Google

hỗ trợ, liên kết trung gian của cơ quan quản lý nhà nước là rất quan trọng.

- Nhà nước cần hỗ trợ việc hình thành đội ngũ quản lý doanh nghiệp ngang tầm - chìa khóa thành công của hiện đại hóa doanh nghiệp.

Bài học sâu sắc rút ra từ thực tiễn cho thấy là : không phải vốn ít, không phải công nghệ lạc hậu khi xuất phát là các cản trở không thể vượt qua để hiện đại hóa, mà yếu tố quan trọng nhất là có giám đốc, có đội ngũ quản lý ngang tầm. Từ bài học này cho thấy việc đầu tư công sức, tiền của đào tạo kỹ lưỡng dưới nhiều hình thức để có được đội ngũ cán bộ quản lý các doanh nghiệp ngang tầm với nhiệm vụ là đòi hỏi khách quan, là yếu tố quyết định bảo đảm sự thành công của doanh nghiệp.

- Phát triển nhanh, mạnh thị trường vốn, tạo các điều kiện thuận lợi nhất để thu hút đầu tư của nhân dân, của người Việt Nam ở nước ngoài và các đầu tư nước ngoài.

Quá trình đổi mới công nghệ không thể diễn ra nhanh chóng và hiệu quả nếu không có một thị trường vốn phát triển, sẵn sàng huy động mọi nguồn vốn còn rất phong phú trong nhân dân, của các nhà đầu tư nước ngoài để cung ứng nhanh chóng vốn với chi phí thấp cho các doanh nghiệp có các dự án đầu tư khả thi và hiệu quả. Người Việt Nam ở nước ngoài có thế mạnh về vốn tri thức khoa học công nghệ và kinh nghiệm, quan hệ làm ăn. Chúng ta cần có các chính sách và dự án cụ thể để bà con tham gia một cách hiệu quả. Khẩn trương và cương quyết hơn nữa trong việc hoàn thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam, làm cho nó có ưu thế thực sự trong việc cạnh tranh với các nước trong khu vực để thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Về xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Đảng ta đã có nhiều nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, đặc biệt trong nhiệm kỳ vừa qua đã tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện khâu đột phá tự phê bình và phê bình sâu rộng trong toàn Đảng. Chủ trương đó đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu bức bách của sự nghiệp xây dựng Đảng, được toàn Đảng toàn dân đồng tình và hưởng ứng rộng rãi, tạo được sự chuyển biến bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, việc thực hiện cuộc vận động còn nhiều hạn chế, kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu đặt ra, chưa đáp ứng lòng mong mỏi và niềm tin của toàn Đảng, toàn dân.

Chúng tôi nhất trí với đánh giá về những nguyên nhân yếu kém của Đảng được trình bày trong Dự thảo Báo cáo Chính trị. Xin nhấn mạnh một số điểm.

Trước hết, cần nâng cao giác ngộ lý tưởng, củng cố niềm tin, tăng cường năng lực và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên.

Tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng là một nguy cơ lớn không thể coi thường. Bác Hồ nói "Đảng có vững, cách mạng mới thành công". Vững trước hết là vững về chính trị, tư tưởng. Phai nhạt lý tưởng, phai nhạt mục tiêu cao cả của Đảng. Mục đích, lý tưởng của chúng ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đây là nhiệm vụ khó khăn phức tạp nhất của Đảng ta từ trước tới nay, đòi hỏi phải nỗ lực vươn lên toàn diện, mà trước hết là về trình độ lý luận, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Những năm qua, nhiều vấn đề lý luận chính trị được nghiên cứu và làm sáng tỏ thêm, nhưng vẫn chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, nhiều vấn đề quan trọng về lý luận, vừa cơ bản, vừa bức xúc chưa được giải đáp đầy đủ, để tạo sự nhất trí cao trong toàn Đảng. Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội với cơ chế thị trường, trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp, cạnh tranh quyết liệt thì sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng trên nền tảng tư tưởng và Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng có tầm quan trọng sống còn. Do đó việc củng cố niềm tin lý tưởng có ý nghĩa đặc biệt. Có người kiên trì chủ nghĩa xã hội nhưng lại tỏ ra lúng túng trước những phức tạp của thực tiễn, có người vẫn nói về chủ nghĩa xã hội nhưng thực tế lại chưa tin ; thậm chí có hành động ngược lại... Giác ngộ xã hội chủ nghĩa hiện nay, ngoài tình cảm cách mạng cao, lương tâm trong sáng, còn phải dựa vững chắc trên cơ sở khoa học, năng lực phân tích thực tiễn, nếu không thì rất dễ dao động, niềm tin sẽ bị lung lay. Do đó, công tác giáo dục, rèn luyện lập trường tư tưởng chính trị, giáo dục niềm tin để nâng cao trình độ lý luận cho toàn Đảng, cho từng cán bộ đảng viên là hết sức quan trọng. Giáo dục chính trị tư tưởng phải làm sao cho sinh động, chống hình thức chủ nghĩa, giáo điều, chống đơn giản, cứng nhắc phải "mưa dầm thấm lâu", phải cụ thể, kịp thời. Sắp tới, cần tổ chức cho mọi đảng viên học tập nắm vững Cương lĩnh và Điều lệ Đảng, không ngừng nâng cao trình độ về thế giới quan khoa học,

Digitized by Google

nhân sinh quan cách mạng, phương pháp lý luận mác xít, củng cố niềm tin vững chắc vào mục tiêu, lý tưởng, sự nghiệp của chúng ta.

Hai là *nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên thực sự xứng đáng là những người cộng sản tiền phong trong điều kiện hiện nay.* Bất cứ điều kiện nào, người đảng viên cộng sản đều phải tiên phong thực hiện "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Tiên phong hiện nay là phải đại diện cho xu hướng phát triển kinh tế hiện đại, văn hóa tiên tiến, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; phải đại diện cho lương tâm, danh dự, trí tuệ của giai cấp, dân tộc. Do vậy, chúng ta tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi sự tha hóa đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong Đảng chạy theo lợi ích cá nhân, xem nhẹ lợi ích tập thể, coi trọng vật chất kinh tế, coi thường đạo lý tinh thần, ham chức, ham quyền ... Đảng và nhân dân ta đã lên án mạnh mẽ những hành vi tiêu cực, tha hóa đó, nhưng các giải pháp chưa đủ liều lượng, thực hiện chưa kiên quyết, chưa đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi, chưa tạo ra niềm tin vững chắc cho toàn Đảng, toàn dân.

Ba là, *thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kiểm tra giám sát của tập thể.*

Sức mạnh của Đảng trước hết được tạo nên bởi sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động của Đảng. Tạo nên sức mạnh thống nhất đó phần cơ bản, mang tính quy luật là do thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức sinh hoạt Đảng. Báo cáo Chính trị đã nhấn mạnh vai trò vị trí, đề ra một số biện pháp để thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, coi đó là nguyên tắc cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của Đảng.

Để bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, cần đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra giám sát các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Đảng ta là đảng cầm quyền, là tổ chức lãnh đạo duy nhất của cách mạng nước ta, nên công tác kiểm tra, giám sát rất quan trọng, đặc biệt trong tình hình hiện nay. Cần tìm ra một cơ chế kiểm tra giám sát cho phù hợp, có hiệu quả, không phải lập thêm một tổ chức nào ngoài hệ thống tổ chức hiện có. Công tác kiểm tra giám sát phải thuộc về Ban Chấp hành, vì Ban Chấp hành là do Đại hội bầu ra, Đại hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Ban Chấp hành thay mặt Đại hội, tức là thay mặt toàn Đảng giữa hai kỳ Đại hội để giám sát các tổ chức, cá nhân do Ban Chấp hành bầu ra và quản lý. Để giúp Ban Chấp hành giám sát được tốt, cần đổi mới và tăng cường chức năng, nhiệm vụ, phương pháp công tác của Ủy ban kiểm tra Đảng các cấp.

● **Đồng chí Lê Đức Bình, *đại biểu Đảng bộ Khối Nội chính Trung ương : Lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo***

... Lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo chính trị. Các cán bộ lãnh đạo đảng trước hết phải là *những nhà chính trị của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, vừa có lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng vừa có năng lực trí tuệ thấu hiểu và vận dụng lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xem xét quyết định các vấn đề của cách mạng Việt Nam. Nói chống suy thoái về tư tưởng chính trị, trước hết cần xem xét đội ngũ cán bộ lãnh đạo vì số này nếu suy thoái tư tưởng chính trị sẽ dẫn đến sai về đường lối, mất Đảng, mất chế độ. Đương nhiên cán bộ lãnh đạo đảng có thể là nhà quản lý, nhà quân sự, nhà khoa học kỹ thuật giỏi nhưng trước hết phải là nhà chính trị kiên định và sắc sảo. Đảng chọn những nhà chính trị xứng đáng hơn cả về phẩm chất và năng lực trí tuệ bầu vào cơ quan lãnh đạo, rồi ngành nào, địa phương nào quan trọng thì phân công về phụ trách ngành đó, địa phương đó để giữ vững đường lối chính trị ở đấy. Nếu nặng về cấu tạo ngành này, địa phương nọ cần có đại diện trong cấp ủy, trong cơ quan lãnh đạo sẽ là quy trình ngược.

Cán bộ lãnh đạo phải là những người tiêu biểu về phẩm chất và trí tuệ. Phẩm chất đạo đức là lòng trung thành, đức hy sinh xả thân, tinh thần trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật, lối sống lành mạnh ... điều đó nhiều đảng viên bình thường không thua kém cán bộ lãnh đạo, người binh nhì có thể không thua kém ông đại tướng. Điều phân biệt rõ hơn so với đảng viên bình thường là ở chỗ *người lãnh đạo có trí tuệ, có năng lực*, hiểu biết lý luận và vốn sống thực tiễn, tư duy chiến lược và năng lực tổ chức hành động. Trong xem xét, lựa chọn cán bộ lãnh đạo cùng với đức là gốc, không thể coi nhẹ yêu cầu về năng lực, về trí tuệ. Nếu cán bộ lãnh đạo kém năng lực, kém trí tuệ thì sự nghiệp cách mạng bị trì trệ thậm chí bị chệch hướng, nguy cơ chẳng kém gì tình trạng suy thoái về phẩm chất đạo đức.

Vấn đề cán bộ già và cán bộ trẻ, cơ cấu các độ tuổi trong cơ quan lãnh đạo, lâu nay quan niệm chưa thật nhất quán. Có lúc không quy định tuổi vào và ra khỏi cấp ủy ; có lúc lại quy định cụ thể độ tuổi và phân biệt mới tham gia lần đầu thì phải dưới

Digitized by Google

tuổi nào, nếu đã là cấp ủy viên thì cho phép độ tuổi cao hơn, còn nếu đã giữ chức vụ chủ chốt thì lại cho phép tuổi cao hơn nữa hoặc không bị hạn chế về độ tuổi... Việc kết hợp cán bộ già và trẻ ở các độ tuổi khác nhau là cần thiết để bảo đảm tính liên tục và kế thừa của cơ quan lãnh đạo. Nhưng quy định cứng nhắc về mức tuổi căn cứ vào chức vụ là không đúng. Đâu phải mọi đề bạt cán bộ trước đây đều chính xác 100%, sự phát triển của cán bộ lại không đồng đều, chắc gì người chức vụ cao là giỏi hơn người chức vụ thấp mà quy định như vậy, đây là tàn tích tư tưởng phong kiến tôn ti trật tự trong công tác cán bộ. Trên lý thuyết thì nói lấy tiêu chuẩn làm chính nhưng trong thực tế thì có không ít trường hợp lấy cơ cấu, lấy độ tuổi, lấy chức vụ đã kinh qua làm chính.

Để lựa chọn đúng người có đức, có tài, cần *thật sự dân chủ hóa công tác quản lý cán bộ*. Dân tộc ta anh hùng, Đảng ta vĩ đại, hiền tài không thiếu. Không phát hiện ra, không sử dụng được nhân tài, để nhân tài thui chột có một nguyên nhân quan trọng là công tác cán bộ chưa thật dân chủ, còn quan liêu, có những trường hợp thiếu công tâm, thiếu khách quan. Cần xây dựng cơ chế dân chủ trong nhận xét, đánh giá, lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ ; coi công tác cán bộ không chỉ là việc của người phụ trách tổ chức với người lãnh đạo mà thật sự là trách nhiệm của tập thể, của tổ chức, của cấp trên và cấp dưới, của đông đảo nhân dân.

Đối với đảng cầm quyền cần tỉnh táo không để ba hạng người sau chui luồn vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo : *những kẻ cơ hội về chính trị*, không có lập trường cách mạng kiên định, dao động, ngả nghiêng, gió chiều nào che chiều ấy, khi gặp khó khăn dễ dàng trở cờ phản bội cách mạng, phản bội nhân dân ; *những kẻ thoái hóa về phẩm chất đạo đức*, lắm tham vọng cá nhân, kiếm chác chức quyền để mưu cầu "vinh thân phì gia", đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng ; *những kẻ bất tài* tuy lành hiền, tròn trĩnh nhưng không có trí tuệ, không có chính kiến, "ba phải", dựa dẫm vào người khác để tồn tại. Chỉ cần dân chủ hóa công tác cán bộ, lắng nghe ý kiến của đảng viên và nhân dân thì không khó gì nhận diện được ba hạng người này.

● Đồng chí Trần Văn Đăng, *đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân*

... Bước vào thế kỷ mới, muốn thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân, Đảng ta cần ra sức phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước Việt Nam và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường của cán bộ, đảng viên và mỗi người dân, làm cho mỗi người dù ở trong nước hay ngoài nước biết day dứt trước sự nghèo nàn và lạc hậu của đất nước, biết trăn trở tìm cách tham gia vào kiến thiết đất nước, chiến thắng đói nghèo. Đó là điểm gặp nhau và quy tụ nhiệt tâm, trí tuệ của mỗi người cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Một trong những bài học lịch sử rất quan trọng của Đảng ta trong hơn 70 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam là khi nào Đảng ta nắm vững và giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất thì phát huy được sức mạnh của dân tộc, khó khăn mấy cách mạng cũng vượt qua và đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngược lại, nếu coi nhẹ vấn đề đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất, phạm sai lầm, quan liêu, xa dân... thì cách mạng sẽ gặp phải khó khăn.

Trong những năm qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là một thành viên của hệ thống chính trị, là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã tích cực triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, góp phần tích cực xây dựng, củng cố khối đoàn kết dân tộc. Thực hiện sự nghiệp đổi mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, góp phần tích cực giải quyết những vấn đề quan trọng, bức xúc trong cuộc sống của nhân dân.Vai trò của Ủy ban Mặt trận và các tổ chức thành viên được nâng lên, mối quan hệ giữa Mặt trận với nhân dân, với các tổ chức trong hệ thống chính trị có những tiến bộ mới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân động viên thi đua thực hiện đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tăng cường đoàn kết toàn dân trong từng thôn, xóm, bản, làng, đường phố, phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc, đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ nhân đạo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân,

Digitized by Google

tham gia xây dựng, giám sát và bảo vệ Nhà nước, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân để phản ảnh với Đảng và Nhà nước ; đồng thời tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao nhân dân, góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn mới.

Tuy có những chuyển biến rõ nét so với trước, song hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn còn những hạn chế so với yêu cầu ngày càng cao của việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt trận chưa thật sự ngang tầm nhiệm vụ. Mặt khác sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận các cấp tuy có tiến bộ song chưa thật sự đổi mới mạnh mẽ. Ở một số nơi, còn có những cấp ủy đảng, đảng viên, cán bộ chưa nhận thức đầy đủ vị trí vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ mới, chưa thật sự quan tâm lắng nghe ý kiến của Mặt trận, chưa có biện pháp tích cực xây dựng tổ chức Mặt trận, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò của Đảng vừa là lãnh đạo, vừa là thành viên của Mặt trận.

Để phát huy tốt hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đoàn kết dân tộc, phát huy nội lực, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận bằng những phương thức thích hợp. Việc thực hiện chủ trương đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng, thực hiện dân chủ, thực hiện chính sách Mặt trận dân tộc thống nhất phải là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, trong đó Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng. Nhà nước thể chế hóa đường lối của Đảng thông qua hệ thống chính sách, pháp luật, cơ chế điều hành và sự trung thành, trong sạch, gương mẫu, tận tụy phục vụ nhân dân, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, pháp luật đó của đội ngũ cán bộ, công chức. Trong thời gian tới khẩn trương đưa Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào cuộc sống bằng các văn bản dưới luật, ban hành luật về hội và tổ chức, kiểm tra chu đáo việc thực hiện thông qua hoạt động phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận và chính quyền các cấp.

Hướng mạnh các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về cơ sở là chủ trương đúng đắn, song cần có hệ thống cơ chế, chính sách kiện toàn, nâng cao trình độ và bảo đảm các điều kiện hoạt động cho cơ sở. Hiện nay mô hình quản lý cấp cơ sở của nước ta đang cần được nghiên cứu và có chủ trương, giải pháp thích hợp. Trong bối cảnh ấy, muốn tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh nội lực từ cơ sở, Đảng và Nhà nước cần đầu tư nghiên cứu và chỉ đạo việc kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở.

● **Đồng chí Phan Diễn, *đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng : Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội***

...Chúng tôi bày tỏ sự nhất trí cao với phương hướng cơ bản về phát triển kinh tế của đất nước sắp tới đã được trình bày trong văn kiện là *phát huy cao độ nội lực của cả dân tộc gắn với tận dụng nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững.*

Trước hết khai thác tốt tiềm năng của mọi thành phần kinh tế. Kinh tế nhà nước đang sử dụng phần lớn nhất về nguồn vốn, thiết bị công nghệ tiên tiến và nguồn nhân lực qua đào tạo của xã hội, có nhiệm vụ giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, nhưng còn nhiều doanh nghiệp hiệu quả hoạt động còn thấp, thậm chí thua lỗ kéo dài. Vì vậy, đẩy mạnh việc sắp xếp lại và tiếp tục cải tiến quản lý doanh nghiệp Nhà nước phải là một trọng tâm công tác lớn của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một hướng quan trọng để thu hút nguồn vốn của xã hội vào phát triển kinh tế và tạo động lực từ bên trong doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Mặc dù còn những vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn, thực tiễn cổ phần hóa ở nhiều doanh nghiệp nhà nước ở nước ta trong thời gian qua đã cho thấy chủ trương cổ phần hóa một bộ phận đáng kể doanh nghiệp nhà nước là đúng đắn và cần thiết. Đảng cần khẳng định mạnh mẽ hơn nữa chủ trương này, tăng cường chỉ đạo và coi trọng việc sơ kết, rút kinh nghiệm để thúc đẩy công tác cổ phần hóa tiến triển mạnh mẽ và vững chắc hơn nữa trong các năm tới, bảo đảm qua cổ phần hóa kinh tế nhà nước nâng cao được hiệu quả và vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Để đẩy mạnh khai thác tiềm năng của kinh tế hộ gia đình và cá thể còn phổ biến trong xã hội, nhất là trong nông nghiệp và nông thôn, sắp tới Nhà nước ta cần tăng cường hỗ trợ về vốn, về đào tạo cán bộ, về hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến và giúp tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Mặt khác, phải coi trọng tổng kết kinh nghiệm thực tế, quan tâm

Digitized by Google

hơn nữa việc chỉ đạo phát triển các hình thức kinh tế hợp tác và hợp tác xã, mà vừa qua chúng ta có phần nào coi nhẹ.

Trong điều kiện xây dựng đất nước từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, thì khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân cũng là một hướng quan trọng để giải phóng các tiềm năng kinh tế trong xã hội phát triển sản xuất, xây dựng tiềm lực kinh tế dân tộc, giải quyết việc làm và đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Trong điều kiện ở nước ta, Đảng cầm quyền và lãnh đạo xã hội, chúng ta có khả năng và cần phải hướng dẫn kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần vào việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cần xác định rõ như vậy để chúng ta có thái độ và chính sách thật sự khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy khả năng trong công cuộc xây dựng đất nước ; mặt khác cũng để chúng ta có những biện pháp chủ động, tích cực hơn nữa để hướng dẫn, định hướng sự phát triển của kinh tế tư nhân.

Đi đôi với tăng cường sự đầu tư thích đáng của Nhà nước, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động y tế, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, vui chơi giải trí... cũng là một định hướng quan trọng để phát huy nội lực, khai thác khả năng của mọi thành phần kinh tế đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

Việc huy động những nguồn lực trong dân vào xây dựng kinh tế chỉ có thể thực hiện được thuận lợi khi được đông đảo nhân dân thật sự đồng tình, tự nguyện chấp nhận, tự giác thực hiện và đứng ra giám sát thi hành. Muốn vậy, chủ trương đề ra phải đúng đắn, thật sự xuất phát từ lợi ích của đông đảo nhân dân, và điều rất quan trọng nữa là cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thi hành, đi đầu thực hiện, chính quyền phải dân chủ bàn bạc với dân, lắng nghe ý kiến của dân, vừa kiên trì thuyết phục vận động để nhân dân làm theo ý kiến đúng, vừa tận tình giải quyết thỏa đáng những yêu cầu chính đáng của dân mà điều kiện cho phép. Thành quả xây dựng nên phải đưa lại lợi ích đến từng hộ dân, không cho phép ai đứng giữa ăn chặn, bớt xén. Chính vì vậy việc phát huy nội lực trong dân nhất thiết phải gắn liền với yêu cầu xây dựng đảng và chính quyền thật sự trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, làm cho đội ngũ cán bộ của ta từ cơ sở đến lãnh đạo cấp cao thật sự khắc phục được tệ quan liêu, cửa quyền và các tệ nạn tiêu cực khác như Nghị quyết Trung ương VI (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng yêu cầu.

● **Đồng chí Tô Huy Rứa, *đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng : Phát huy các tiềm năng và lợi thế***

...Trong suốt chiều dài hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của cha ông chúng ta, nhiều tiềm năng, lợi thế, được các thế hệ quan tâm phát huy, đã góp phần quan trọng giúp chúng ta "lấy yếu thắng mạnh" đưa đất nước vượt qua biết bao khó khăn và ngày nay "trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có tiếng nói và vị trí ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới". Trong công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đạt được những thành tựu quan trọng, đưa nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng và liên tục tăng trưởng với tốc độ khá, có phần quan trọng là do chúng ta đã từng bước phát huy tốt một số lợi thế của đất nước, của các vùng trọng điểm kinh tế và của mỗi địa phương, phát triển một số ngành, sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn, từng bước đẩy lùi hàng ngoại, mở rộng thị trường ngoài nước, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

...Tiềm năng, lợi thế của nước ta về đội ngũ lao động đông, cần cù, khéo léo, có trình độ văn hóa với chi phí nhân công tương đối thấp vừa qua đã được phát huy, tạo cơ sở để các ngành dệt may, giầy dép, gia công lắp ráp có bước phát triển vượt bậc ; lợi thế về nông nghiệp nhiệt đới góp phần đưa nước ta, trong thời gian ngắn, từ nước nhập khẩu, thành nhà xuất khẩu đứng hàng đầu thế giới về một số loại nông phẩm ; lợi thế về khoáng sản đã tạo cơ hội phát triển nhanh ngành dầu khí, thủy điện, khai thác than, sản xuất xi măng... tạo nguồn thu và tiết kiệm ngoại tệ lớn, tạo thế chủ động hơn về năng lượng và vật liệu ; lợi thế về kinh tế biển được quan tâm, xuất khẩu thủy sản, du lịch tăng nhanh, vận tải biển phát triển, hiện đại hóa từng bước ; lợi thế về thị trường nội địa lớn của hơn 76 triệu dân đã thúc đẩy ra đời một số ngành công nghiệp và dịch vụ mới quan trọng ; có thể nói lợi thế của truyền thống dân tộc và sức sáng tạo trí tuệ Việt Nam đã góp phần quyết định làm nên thắng lợi trong công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chúng ta vẫn còn không ít những tiềm năng, lợi thế của đất nước, của các địa phương còn chưa được tập trung phát huy tốt, có hiệu quả. Lao động chưa có việc làm

Digitized by Google

còn nhiều, xuất khẩu lao động chưa tới 40 000 người/năm là rất thấp so với một số nước trong khu vực ; các sản phẩm hàng hóa chứa đựng hàm lượng trí tuệ còn thấp, chưa đa dạng và số lượng còn ít. Do trình độ chế biến chưa sâu, tỷ lệ nội địa hóa thấp, tỷ lệ gia công cao làm cho hàng hóa nông thủy sản và các sản phẩm công nghiệp xuất khẩu, thay thế nhập khẩu có giá trị và hiệu quả thấp ; lợi thế về tiềm năng thị trường nội địa chưa được phát huy tương xứng, thị phần của nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trong nước còn nhỏ bé ; là một nước có vùng biển rộng lớn, song thị phần của đội tàu biển chưa tới 25%... Một số tiềm năng, lợi thế của Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh ; về phát triển cảng, công nghiệp, sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, du lịch của thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu và của một số địa phương khác... chưa được phát huy tương xứng ; còn tình trạng đầu tư chưa xuất phát từ tiềm năng, lợi thế dẫn đến đầu tư lớn nhưng hiệu quả thấp, gây lãng phí, như nhiều nơi cùng đầu tư vào phát triển vận tải biển, cảng, sản xuất xi măng lò đứng, mía đường, bia ...

Nguyên nhân của những tồn tại trên là nhận thức chưa thực sự coi trọng ý nghĩa của việc phát huy lợi thế, nên trong hành động, chúng ta chưa kịp thời xác định rõ và đầy đủ lợi thế của mình để phát triển kinh tế trong môi trường cạnh tranh quốc tế. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế của nhiều ngành và địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu cần tập trung phát huy lợi thế ; chậm có cơ chế chính sách thích hợp khuyến khích việc khai thác, phát huy lợi thế, nhất là những cơ chế chính sách đặc biệt tạo môi trường phát triển kinh tế, tạo sức cạnh tranh cho vùng kinh tế trọng điểm.

Chúng ta chưa chú ý xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư phát triển một cách đồng bộ nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa những sản phẩm mà các địa phương có lợi thế ; còn thiếu cơ chế và tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành, liên tỉnh và thiếu nhân lực có trình độ đáp ứng yêu cầu phát huy tốt lợi thế của địa phương.

Để phát huy tốt hơn nữa tiềm năng, lợi thế các địa phương nhằm đóng góp xứng đáng vào sự phát triển nhanh, bền vững của cả nước, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau :

- *Một là,* thực sự coi "Đẩy mạnh hơn nữa tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương là thiết thực góp phần phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

- *Hai là,* trên cơ sở nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng sống còn của việc phát huy lợi thế và coi việc phát huy tiềm năng lợi thế của vùng, địa phương bất kỳ đều vì sự phát triển chung của cả nước, quyết tâm chỉ đạo, thực hiện đầu tư phát triển kinh tế có trọng tâm, trọng điểm, tập trung phát huy lợi thế của các địa phương nói riêng, của cả nước nói chung. Thực hiện chuyên môn hóa trong phát triển kinh tế của các địa phương theo nguyên tắc lợi thế so sánh. Bên cạnh việc quan tâm đầu tư, giúp đỡ cho những địa phương ở vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn, cần đầu tư thỏa đáng, nhất là về các cơ chế chính sách để tạo vùng động lực kinh tế phát triển, thúc đẩy các địa phương kém lợi thế hơn phát triển theo.

- *Ba là,* đẩy mạnh điều tra khảo sát cơ bản, thông tin dự báo tình hình kinh tế quốc tế, các thị trường liên quan để đánh giá đúng, đầy đủ tiềm năng, lợi thế so sánh của đất nước, của từng vùng và của từng địa phương. Thường xuyên cập nhật và phổ biến thông tin rộng rãi về tiềm năng, lợi thế của đất nước, các địa phương làm cơ sở xúc tiến thu hút đầu tư.

- *Bốn là,* nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, các địa phương, gắn kết chiến lược quy hoạch theo ngành và theo lãnh thổ, phê duyệt các chương trình dự án đầu tư quốc gia theo nguyên tắc lợi thế so sánh.

- *Năm là,* rà soát, hoàn thiện các cơ chế chính sách kinh tế, nhất là cơ chế chính sách đầu tư, cơ chế phân bổ ngân sách, đáp ứng yêu cầu đầu tư đúng hướng, đúng lợi thế. Có cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư để có sức hấp dẫn, thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước áp dụng cho các vùng kinh tế trọng điểm đi đôi với xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội phù hợp ở những vùng, địa phương kém lợi thế, có nhiều khó khăn. Các cơ chế chính sách về tài chính và đầu tư phải tiếp tục đổi mới, khắc phục những tồn tại về sự thiên vị hoặc bình quân chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, tăng cường khả năng quản lý, phát triển kinh tế liên tỉnh, trước hết là ở ba vùng kinh tế trọng điểm của đất nước.

Digitized by Google

Có quy hoạch đào tạo nhân lực theo hướng đáp ứng yêu cầu phát huy lợi thế các địa phương, nhất là nhân lực cần cho những ngành có khả năng cạnh tranh quốc tế cao trong những năm tới.

- *Sáu là,* hiệu quả khai thác lợi thế của các địa phương trong phát triển kinh tế cao đến đâu phụ thuộc rất lớn vào việc dựa trên lợi ích toàn cục của đất nước, các địa phương, các bộ, ngành, các tổng công ty 90, 91 phối hợp với nhau như thế nào trong việc phát huy các tiềm năng, lợi thế của địa phương vì lợi ích chung. Ở đây tính chủ động, tích cực của địa phương và ý thức trách nhiệm, cùng với ưu thế về trình độ chuyên môn và nguồn vốn lớn của các bộ, ngành, các tổng công ty 90, 91 có vai trò quan trọng như nhau.

● **Đồng chí Cư Hòa Vần,** ***đại biểu Đảng bộ khối I các cơ quan Trung ương : Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng***

... Nước Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc. Đại gia đình các dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong đấu tranh chinh phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm bảo vệ và xây dựng đất nước trong suốt quá trình hàng nghìn năm lịch sử.

Hiện nay nước ta các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14% dân số cả nước, phần lớn đồng bào sinh sống ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái. Do điều kiện lịch sử để lại và kết cấu địa hình tự nhiên dẫn đến sự phát triển không đều giữa các dân tộc và các vùng.

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng và Nhà nước ta đặt vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược, công tác dân tộc là một bộ phận quan trọng của đường lối cách mạng Việt Nam. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã đề ra chủ trương chính sách dân tộc đúng đắn : "Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời gìn giữ và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta". Thực hiện chính sách đó, trong bảy thập kỷ qua, Đảng ta đã động viên được sức mạnh to lớn của đồng bào các dân tộc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cùng nhau viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam và ngày nay đang cùng nhau đoàn kết một lòng đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Qua 5 năm (1996-2000), dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào các dân tộc đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII thể hiện trên các mặt sau đây :

Một là, cơ sở hạ tầng được xây dựng với diện rộng đều khắp trên các vùng dân tộc thiểu số, là điều kiện vật chất cần thiết để thu hẹp khoảng cách giữa các vùng và các dân tộc. Đã kiến tạo được hàng triệu ha ruộng, nương bậc thang để sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi theo thế mạnh của mỗi vùng. Hệ thống thủy lợi được phát triển mạnh, việc canh tác từ chỗ chủ yếu phải nhờ vào nước trời, đã chủ động bằng mạng tưới tiêu công trình xây dựng kiên cố, đem lại hiệu quả rõ rệt. Đến nay đã có từ 60 đến 90% diện tích canh tác có công trình thủy lợi tưới tiêu. Về giao thông, đến năm 2000, các tỉnh Tây Nguyên không những có đường ô tô đến trung tâm xã mà còn đến phần lớn các buôn, làng. Các tỉnh phía Bắc địa hình rất khó khăn, núi non hiểm trở cũng đã có đường ô tô đến các xã trong huyện vào mùa khô ; đã có đường nhựa đến trung tâm huyện. Về giáo dục, trường phổ thông tiểu học hoàn chỉnh đã được xây dựng đều khắp ở các xã, huyện vùng cao. Trường phổ thông dân tộc nội trú đã được xây dựng thành hệ thống với 43 trường tỉnh, 190 trường huyện rất khang trang, thực sự trường ra trường, lớp ra lớp. Hàng vạn con em dân tộc thiểu số đến học ở các trường này được Nhà nước hoàn toàn nuôi dạy miễn phí nhằm tạo nguồn cán bộ cho vùng dân tộc. Về y tế, 100% số xã ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã có trạm y tế xã, 83,2% đã được xây dựng kiên cố, 69% số trạm có đủ trang thiết bị, hệ thống khám chữa bệnh từ tỉnh đến huyện được xây dựng mở rộng, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của đồng bào các dân tộc. Điện lưới đã tới được trên 99% số huyện và trên 60% số xã. Hầu hết các xã, kể cả vùng sâu, vùng xa đã có bưu điện văn hóa xã. Đến hết năm 2000 đã phủ sóng phát thanh được trên 90% và truyền hình trên 75% lãnh thổ. Đài trung ương cũng như đài của các địa phương đã có chương trình tiếng dân tộc thiểu số, thông tin kịp thời những chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào khắp mọi miền của đất nước.

Digitized by Google

Một số trung tâm cụm xã được xây dựng thành những trung tâm chính trị, thương mại, giao lưu văn hóa ở các vùng xưa kia heo hút, đã kích thích sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, thực hiện xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả rõ rệt làm tăng thêm lòng tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Hai là, phát huy những cơ sở vật chất được xây dựng, với sự đầu tư rất lớn của Nhà nước, từ chỗ chậm phát triển, tự cấp, tự túc đến nay đã hình thành nhiều vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả với quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, đã có sản phẩm ra thị trường trong nước và xuất khẩu. Ở tất cả các vùng, các dân tộc, các địa phương đã xuất hiện nhiều mô hình hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã sản xuất giỏi, vươn lên làm giàu.

Ba là, hệ thống chính trị đã được xây dựng, củng cố. Đội ngũ cán bộ, trí thức người dân tộc thiểu số đã được hình thành và trưởng thành rõ rệt. Tất cả các dân tộc đều đã có người là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hơn 40 dân tộc thiểu số đã có người tốt nghiệp cao đẳng và đại học.

Về cán bộ, Ủy viên Trung ương khóa VIII là người dân tộc thiểu số chiếm trên 8%, Bí thư tỉnh ủy nhiệm kỳ 2001-2005 chiếm 14%, Chủ tịch HĐND tỉnh chiếm 18%, Chủ tịch UBND tỉnh chiếm 9,8%. Hầu hết cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên đều có trình độ đại học, cán bộ chủ chốt ở xã có trình độ cấp 2 trở lên.

Đại biểu Quốc hội khóa X là người dân tộc thiểu số chiếm 17,3%, đại biểu HĐND tỉnh chiếm 18,2%, huyện chiếm 18,7%, xã chiếm 22,7% so với tổng số đại biểu dân cử cấp đó. Điều đó đã thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong việc tham gia các cơ quan lãnh đạo và quản lý nhà nước các cấp.

Tuy nhiên, so với đồng bằng và vùng đã phát triển tương đối thì miền núi và vùng dân tộc thiểu số còn là vùng khó khăn nhất, tỷ lệ hộ đói nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, khoảng cách chênh lệch còn khá xa so với thành thị và miền xuôi nếu trong thời gian tới không có những giải pháp hữu hiệu có thể khoảng cách đó còn xa hơn nữa sẽ không có lợi cho sự ổn định phát triển bền vững của đất nước.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX ở vùng dân tộc thiểu số, chúng tôi hoàn toàn tán thành với những nội dung đã được trình bày trong bản Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương. Xin kiến nghị và nhấn mạnh một số vấn đề sau :

1- Phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số phải tăng trưởng với tốc độ cao hơn mức bình quân chung của cả nước mới có thể từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc và các vùng. Quan tâm đến từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các vùng dân tộc và các vùng, quan tâm đến từng vùng và từng dân tộc, tiến tới sự bình đẳng thực sự trên các mặt của đời sống kinh tế - chính trị, xã hội...

2- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Văn hóa dân tộc có được bảo tồn và phát huy thì dân tộc mới phát triển. Giữ gìn và làm giầu tiếng nói của mỗi dân tộc là cốt lõi của văn hóa, phát triển văn học nghệ thuật của các dân tộc... đóng góp vào nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

3- Muốn thực hiện có hiệu quả hai điểm trên, cần có quy hoạch bồi dưỡng, đào tạo, hình thành đội ngũ cán bộ ở vùng dân tộc thiểu số, sao cho đội ngũ này có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, có số lượng tỷ lệ thuận với dân số các dân tộc. Phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số để nhân dân biết, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chủ trương chính sách đó nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các chương trình dự án. Phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các dân tộc, củng cố tăng cường đoàn kết các dân tộc chung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, thi đua giúp đỡ nhau cùng phát triển, chống tư tưởng ỷ lại. Thực tiễn cho thấy, nơi nào, bộ phận nào, dân tộc nào ỷ lại sẽ bị tụt hậu vì không sử dụng có hiệu quả sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của các dân tộc anh em.

● **Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, *đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng : Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc***

... Sự phát triển của tư duy văn hóa của Đảng ta đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc ban hành Nghị quyết Trung ương 5 "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" vào tháng 7-1998. Ở văn kiện lịch sử này, Đảng ta đã có cái nhìn thấu suốt và toàn diện về các giá trị văn hóa dân tộc và tiến bộ thời đại, giữa lý tưởng tinh thần và yêu cầu xử lý các

Digitized by Google

nhiệm vụ kinh tế - xã hội, con đường tự do sáng tạo của nhân dân và văn nghệ sĩ với trách nhiệm to lớn của nhà nước, vai trò lãnh đạo, tính tiên phong của người cộng sản với cuộc vận động văn hóa sâu rộng trong mọi tầng lớp xã hội.

Hưởng ứng chủ trương của Đảng, các cấp, các ngành đã ban hành nhiều văn bản xây dựng văn hóa, đã tìm mọi cách đầu tư cho văn hóa nhiều hơn những năm trước. Những sinh hoạt chính trị lớn của đất nước và của địa phương đã được tổ chức trọng thể. Các di sản văn hóa, lịch sử và cách mạng cả về vật chất và tinh thần của đất nước giữ gìn, phát huy mạnh mẽ. Chúng ta đã bước vào thời kỳ xuất bản trên 1 vạn tên sách mỗi năm. Nhân dân ta quan tâm xây dựng văn hóa từ mỗi gia đình văn hóa, làng bản văn hóa, khu phố văn minh, cơ quan công sở văn hóa... Hệ thống phát thanh, truyền hình, điện thoại nhanh chóng mở rộng. Báo chí nước ta góp phần tích cực mở mang dân trí, phát huy dân khí, xây dựng dân chủ. Mặt trận, các đoàn thể chính trị xã hội đã làm nhiều việc để chăm lo và rèn luyện con người. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã được hình thành ở tỉnh, thành phố, bước đầu đã tập hợp các tổ chức, lực lượng cho yêu cầu xây dựng văn hóa, xác lập các tiêu chí, mục tiêu phấn đấu cụ thể.

Bên cạnh những tiến bộ và thành tựu, thực trạng văn hóa nước nhà cũng như công tác quản lý nhà nước về văn hóa còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém, đặt ra cho Đảng và nhân dân ta nhiều băn khoăn lo lắng. Như trong Báo cáo Chính trị đã đề cập, đó là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cả trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và ngoài xã hội. Đó là tình trạng mơ hồ lý tưởng trong nhiều thanh thiếu niên, kể cả một bộ phận người lớn tuổi. Thói hư, tật xấu, mê tín dị đoan trong xã hội tăng lên. Ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc sinh hoạt văn hóa còn rất nghèo nàn. Ta còn thiếu rất nhiều các công trình nghệ thuật xứng đáng với tầm vóc sự nghiệp đổi mới.

Công tác quản lý nhà nước mặc dù có những tiến bộ bước đầu vẫn bộc lộ nhiều mặt non yếu. Luật pháp về văn hóa chưa đồng bộ và thực thi luật pháp không nghiêm. Quản lý báo chí, xuất bản và sinh hoạt văn hóa nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh những khuynh hướng không lành mạnh như "thương mại hóa" chạy theo doanh thu, coi nhẹ giá trị tư tưởng nghệ thuật, xu hướng đề cao các giá trị văn hóa nước ngoài, coi nhẹ các giá trị dân tộc... Nhiều sản phẩm văn hóa độc hại, những sinh hoạt văn hóa thấp kém vẫn lén lút hoặc công khai lưu hành. Trong khi đó việc phát huy những đóng góp của các văn nghệ sĩ và những nhà hoạt động văn hóa tâm huyết vẫn gặp nhiều khó khăn lúng túng về chính sách, phương thức thực hiện. Không ít địa phương, ngành chưa thực sự quan tâm tổ chức đời sống văn hóa đúng theo yêu cầu mới của Nghị quyết Đảng. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa ở xã, phường đang đứng trước khó khăn về chính sách. Một số địa phương còn cắt giảm bớt phần kinh phí nhà nước dành cho văn hóa vốn ít ỏi sang các lĩnh vực khác.

Phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được trình bày trong Báo cáo Chính trị lần này mang tính tổng hợp những nội dung cơ bản, là sự phát triển Nghị quyết Trung ương 5 của Đảng về công tác văn hóa trong tình hình mới.

Để thực hiện được phương hướng nhiệm vụ văn hóa do Đại hội đề ra, điều mấu chốt là tiếp tục làm rõ vai trò và sứ mệnh của công tác văn hóa (theo nghĩa rộng) trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong cuộc đấu tranh bảo vệ ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của chúng ta hiện nay.

1- Gắn chặt với quá trình phát triển con người, với sinh hoạt kinh tế, với quá trình ổn định chính trị xã hội, văn hóa ngày nay phải "thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

2- Giải pháp văn hóa cực kỳ quan trọng trong giai đoạn hiện nay là biến văn hóa thành cuộc vận động quần chúng sâu rộng dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Khả năng và trình độ tham gia các sinh hoạt văn hóa của mọi thành viên trong xã hội, kể cả đối tượng có nhiều khó khăn, là nhân tố quyết định sức sống và bản chất nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đưa phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

Digitized by Google

văn hóa" đi vào thực chất, có chiều sâu, trở thành nếp sống lành mạnh của hàng chục triệu người và các cộng đồng xã hội. Phong trào đó bắt nguồn từ mỗi gia đình văn hóa, làng bản văn hóa, đơn vị, cơ quan, trường học, doanh nghiệp văn hóa, khơi dậy tính sáng tạo và ý thức tự giác của mỗi người, gắn tính tự quản của đơn vị cơ sở với pháp luật của Nhà nước, hướng tới những tiêu chuẩn, những giá trị cao đẹp được xã hội thừa nhận. Không chỉ khẳng định, xây dựng những giá trị văn hóa, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa phải là tiếng nói tập thể lên án những tư tưởng và hành vi sai trái, bài trừ mọi hình thức văn hóa độc hại. Guồng máy của phong trào chỉ có thể hoạt động có hiệu quả bằng cơ cấu thể chế hợp lý, bằng việc xây dựng các tiêu chí phấn đấu rõ ràng, chế độ kiểm tra, khen thưởng chặt chẽ.

3- Chăm lo xây dựng đời sống văn hóa các cộng đồng dân cư vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số trở thành vấn đề lớn, cấp bách. Thực tế cho thấy các thế lực, âm mưu diễn biến hòa bình đang tìm cách có mặt trên những vùng mà công tác tuyên truyền và văn hóa chúng ta gặp khó khăn, tiếng nói của Đảng ít đến với đồng bào. Cần phấn đấu tạo ra sức đóng góp tổng hợp để trong một thời gian không dài cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân các vùng đặc biệt khó khăn được cải thiện, văn hóa các dân tộc thiểu số được hỗ trợ, phát huy, tài năng và đặc sắc dân tộc được giới thiệu đến bạn bè trong nước và quốc tế. Ngành văn hóa - thông tin sẽ tích cực góp phần mình trong Chương trình 135 của Chính phủ, khắc phục tình trạng "nghèo văn hóa" của 2000 xã đặc biệt khó khăn.

4- Hoạt động thông tin báo chí gắn với quá trình bùng nổ thông tin đang mở ra những thuận lợi và thách thức mới cho những người làm báo và các cơ quan lãnh đạo, quản lý báo chí. Nhân dân ta vui mừng với bước phát triển của báo chí, nhưng cạnh đó, là nỗi lo lắng ngày càng nhiều hơn về những mặt yếu kém của hoạt động báo chí chậm được khắc phục. Nhiều bài báo chưa thể hiện trách nhiệm cao với người đọc, người được phản ánh, bởi vì người viết bài đã cung cấp những tin tức không xác thực, thậm chí có động cơ không lành mạnh. Người nghe, người xem các chương trình phát thanh, truyền hình, báo viết cũng mong muốn có những chương trình hay, bổ ích và sắc bén hơn nữa. Thực hiện Chỉ thị 22, chúng ta tiếp tục sắp xếp báo chí, quản lý báo chí đúng quy định của Luật Báo chí trong phạm vi trách nhiệm được phân công, phân cấp, phát triển mạng lưới In-tơ-nét ở Việt Nam gắn với ngăn chặn những hoạt động tiêu cực qua mạng.

5- Nhu cầu thưởng thức các sáng tạo văn hóa nghệ thuật, tham quan tìm hiểu học hỏi các giá trị văn hóa lịch sử thiên nhiên đất nước, đến với bảo tàng, thư viện, tham dự các sinh hoạt vui chơi, giải trí đang trở thành nhu cầu lớn của xã hội. Vì vậy, Báo cáo Chính trị đã ghi rõ chủ trương "tăng nhanh mức đầu tư của nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa". Điều quan trọng là phải tăng cường xã hội hóa hoạt động văn hóa, tiến tới xây dựng một thị trường văn hóa thực sự lành mạnh, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa và phẩm chất văn hóa. Khắc phục tư tưởng cào bằng trong thực hiện các chính sách với văn hóa và sản phẩm văn hóa như mọi sản phẩm hàng hóa khác, vô hình trung thúc ép văn hóa phải chạy theo quy luật lợi nhuận, dẫn đến hạ thấp giá trị văn hóa, "thương mại hóa" hoạt động văn hóa. Nhưng mặt khác không thể đặt văn hóa tồn tại mãi trong cơ chế bao cấp, "xin - cho", thoát ly thị trường văn hóa, gạt bỏ những năng lực đóng góp của xã hội trong sản xuất, lưu thông các sản phẩm văn hóa. Trong văn hóa việc lựa chọn những giải pháp và chính sách cho từng hoạt động văn hóa cụ thể là những vấn đề rất phức tạp, tinh tế, Bộ Văn hóa - Thông tin cùng các tham mưu của Đảng, Nhà nước làm tốt việc này chắc chắn sẽ có lợi ích lớn cho sự nghiệp văn hóa.

6- Sáng tạo nghệ thuật với trình độ cao và tầm phổ biến rộng luôn luôn là một thước đo sự phát triển văn hóa. Bộ Văn hóa - Thông tin mong muốn phối hợp chặt chẽ với các Hội Văn học - nghệ thuật, thúc đẩy tốt hơn các chương trình sáng tạo của các văn nghệ sĩ. Chúng ta có quyền tin tưởng rằng với tầm nhìn mở rộng, vốn sống ngày một phong phú, với khung cảnh tự do sáng tạo mà xã hội chúng ta dành cho các văn nghệ sĩ, nhất định chúng ta sẽ có những công trình nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, xứng đáng lòng mong đợi của nhân dân.

7- Điều cuối cùng chúng tôi nhấn mạnh là thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *Văn hóa là một mặt trận, văn nghệ sĩ và những người hoạt động văn hóa là chiến sĩ trên mặt trận ấy*, những người hoạt động văn hóa ngày nay, hơn lúc nào hết phải làm tốt vai trò chiến sĩ trên mặt trận văn hóa.❑

Digitized by Google

TIẾNG NÓI CỦA ĐỒNG CHÍ VÀ BẠN BÈ QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỘI IX

Lời BBT : Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng là Đại hội của Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới. Tham dự Đại hội của Đảng ta có ba mươi tư đoàn khách quốc tế gồm đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân, đảng cánh tả, đảng cầm quyền có quan hệ với Đảng ta. Các đại biểu đã đem đến cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết, tình đồng chí, bạn bè, tình đoàn kết, niềm tin và sự ủng hộ to lớn.

Từ diễn đàn Đại hội, những lời nói chân tình của các vị khách quốc tế đã vang vọng khắp nơi. Đó không chỉ là những đánh giá đúng mực, sâu sắc, trân trọng về Đảng Cộng sản Việt Nam, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Việt Nam, về Bác Hồ kính yêu và những di sản quý báu của Người, bày tỏ sự khâm phục, thiện cảm và sự quan tâm đặc biệt trước những thành tựu đổi mới của Việt Nam trong 15 năm qua, mà còn khẳng định niềm tin vào tương lai của dân tộc Việt Nam.

Sau đây, chúng tôi xin trích giới thiệu một số bài phát biểu của các vị Trưởng đoàn :

ĐỒNG CHÍ KHĂM-TÀY XI-PHĂN-ĐON

Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào :

"Chúng tôi rất vui mừng nhận thấy dưới sự lãnh đạo đúng đắn và kiên cường của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam anh em đã đoàn kết một lòng ; đề cao tinh thần yêu nước, độc lập tự chủ ; phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đạt nhiều thành tựu quan trọng, cơ bản và to lớn, phản ánh rất rõ nét sự đúng đắn, sáng suốt của đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam ; khẳng định một cách vững chắc tiềm năng vĩ đại và sinh động của chế độ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện đổi mới ; đồng thời là một tấm gương và kinh nghiệm quý giá đối với các nước chậm phát triển trong việc lựa chọn con đường tiến tới phồn vinh trong điều kiện hiện nay.

Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào chúng tôi coi thành tựu và thắng lợi to lớn mà các đồng chí giành được là nguồn cổ vũ mạnh mẽ, là niềm tin vững chắc cho sự nghiệp cách mạng của mình và xin nhiệt liệt hoan nghênh các thành tựu đó, thắng lợi đó.

Đảng và nhân dân Lào chúng tôi thấm nhuần và vô cùng tự hào đã cùng đồng cam cộng khổ, sinh tử có nhau với Đảng và nhân dân Việt Nam anh em trong suốt chặng đường lịch sử đấu tranh cứu nước, cũng như trong thời kỳ bảo vệ và xây dựng, phát triển đất nước ; cùng kề vai sát cánh kiến tạo mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam thủy chung, trong sáng và mẫu mực, hiếm có trong quan hệ quốc tế được tốt đẹp như hiện nay.

Nhân sự kiện có ý nghĩa này, thay mặt Đảng, Chính phủ và nhân dân các bộ tộc Lào, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với sự giúp đỡ to lớn, quý báu, hết lòng và có hiệu quả mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em đã dành cho nhân dân Lào chúng tôi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc bảo vệ, phát triển và xây dựng đất nước hiện nay...

Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào sẽ làm hết sức mình góp phần cùng Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em bảo vệ, củng cố và phát triển tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam đời đời bền vững và ngày càng có hiệu quả to lớn, vững chắc trên tất cả các lĩnh vực, vì lợi ích và nguyện vọng của nhân dân hai nước, góp phần vào việc kiến tạo hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển trong khu vực và trên thế giới. Với tình cảm đồng chí anh em thân thiết, chúng tôi tin tưởng rằng Nghị quyết Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ soi đường cho nhân dân Việt Nam tiến lên giành được thành tựu và thắng lợi to lớn, vững chắc hơn nữa trong sự nghiệp làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ HỒ CẨM ĐÀO

Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc :

"Trung Quốc và Việt Nam là hai nước láng giềng hữu nghị, núi sông liền một dải. Giữa nhân dân hai nước có tình hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho đất nước và giải phóng dân tộc, hai đảng, hai nước và nhân dân hai nước Trung - Việt ủng hộ lẫn nhau, kề vai chiến đấu đã viết nên trang hữu nghị vẻ vang. Chúng tôi vui mừng nhận thấy rằng, từ khi quan hệ Trung - Việt bình thường hóa đến nay, lãnh đạo cấp cao hai đảng, hai nước thường xuyên đi thăm lẫn nhau. Sự trao đổi và hợp tác song phương trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, khoa học - kỹ thuật, văn hóa... ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Đặc biệt, theo phương châm 16 chữ : "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" mà Tổng Bí thư hai đảng đã xác định quan hệ hai đảng, hai nước Trung - Việt có bước tiến quan trọng mới. Hai nước đã lần lượt ký kết Hiệp ước biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá. Điều đó hoàn toàn phù hợp lợi ích lâu dài của hai nước Trung - Việt và nguyện vọng của nhân dân hai nước. Hai đảng, hai nước đã triển khai trao đổi kinh nghiệm về quản lý đảng và quản lý đất nước, hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước đã bước lên bậc thềm mới, giao lưu hữu nghị giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là giữa thanh niên hai nước đã có bước tiến có ý nghĩa sâu xa. Tất cả những điều đó đã đặt cơ sở vững chắc, tiếp thêm sức sống mới, tạo điều kiện tốt đẹp cho quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa hai nước phát triển đi vào chiều sâu.

Hai nước Trung - Việt đều là nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, chúng ta có chung niềm tin lý tưởng, cùng đứng trước nhiệm vụ chung. Tình hữu nghị Trung - Việt là tài sản quý báu của những người cộng sản và nhân dân hai nước. Trong tình hình quốc tế phức tạp có nhiều biến động hiện nay, hai nước vừa đứng trước cơ hội hiếm có, vừa đứng trước thách thức nghiệt ngã. Chúng tôi tin tưởng rằng, nắm bắt thời cơ, đón nhận thách thức, tăng cường hợp tác, cùng nhau phát triển là tiếng nói chung từ trái tim của nhân dân hai nước. Đảng và Chính phủ Trung Quốc vô cùng quý trọng tình hữu nghị truyền thống Trung - Việt, coi trọng cao độ phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với Việt Nam. Chúng tôi cho rằng, hai đảng, hai nước Trung - Việt tăng cường hợp tác không những có lợi cho sự phát triển của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước, có lợi cho phồn vinh kinh tế và tiến bộ xã hội của hai nước, mà còn có lợi cho việc thúc đẩy sự nghiệp hòa bình của châu Á và thế giới cùng tiến bộ của loài người".

ĐỒNG CHÍ CHIA XIM

Chủ tịch Đảng, quyền Quốc trưởng, Chủ tịch Thượng viện Vương quốc Cam-pu-chia, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cam-pu-chia :

"Đảng Nhân dân Cam-pu-chia đánh giá cao tư tưởng của Đại hội là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chúng tôi xin chúc Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam anh em thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội lần này, đem lại cho Tổ quốc và nhân dân Việt Nam một tương lai huy hoàng hơn nữa.

Đảng Nhân dân Cam-pu-chia và Đảng Cộng sản Việt Nam có quan hệ truyền thống từ lâu ; nhân dân hai nước chúng ta đã từng đồng cam cộng khổ, ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau giành thắng lợi liên tục trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. Đảng Nhân dân Cam-pu-chia đánh giá cao và rất tự hào về quan hệ hữu nghị hợp tác láng giềng tốt đẹp và truyền thống giữa hai nước ngày càng được vun đắp vững chắc vì lợi ích của nhân dân hai nước và sự nghiệp hòa bình, ổn định, hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Một lần nữa, chúng tôi xin khẳng định quyết tâm củng cố, phát triển mối quan hệ truyền thống tốt đẹp này, phù hợp tuyên bố chung Cam-pu-chia - Việt Nam tại Phnôm-pênh ngày 10-6-1999, trong chuyến thăm Vương quốc Cam-pu-chia của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu theo lời mời của Quốc vương Nô-rô-đôm Xi-ha-núc và Hoàng hậu.

...

Thay mặt Đảng Nhân dân Cam-pu-chia, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam cùng tất cả các nước bè bạn gần xa đã dành sự ủng hộ giúp đỡ quý báu về tinh thần, vật chất và cả những hy sinh to lớn cho sự nghiệp của nhân dân Cam-pu-chia, vì hòa bình, hòa hợp dân tộc, dân chủ và sự phát triển của Tổ quốc chúng tôi".

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ HOÓC-LÊ LU-I XI-Ê-RA CRU-DƠ

Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Cu-ba :

"... Những chiến công hiển hách của nhân dân Việt Nam anh hùng chỉ có thể được làm nên bởi niềm tin và khối đoàn kết chung quanh Đảng. Điều này đã chứng minh cho toàn thể thế giới thấy giá trị chân lý của chủ nghĩa xã hội và giá trị hiện thực của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn dân tộc ; và một lần nữa khẳng định lại sự tồn tại của một đảng duy nhất có khả năng bảo vệ và giữ vững các thành quả cách mạng, chủ quyền và tự do.

Không gì có thể ngăn cản nổi dân tộc Việt Nam trong những năm khó khăn gian khổ đương đầu với cuộc chiến tranh phi nghĩa - cuộc chiến tranh đã cướp đi sinh mạng bốn triệu người con của họ, cho tới khi thống nhất Tổ quốc. Sau đó, trong những điều kiện bất lợi, lại bắt tay xây dựng đất nước tươi đẹp này để cho lịch sử ngàn năm của dân tộc gắn liền với những tiến bộ hiện nay và trở thành di sản bất hủ cho các thế hệ tương lai.

Sự nghiệp mà các đồng chí khởi xướng sẽ không dừng bước, bởi lẽ nó được tiến hành bằng tình yêu, lý trí và cả nhiệt huyết nhằm mang lại phồn vinh, hạnh phúc và văn minh cho toàn dân. Chúng tôi luôn chia sẻ với các đồng chí sự nghiệp đó, bởi lẽ chúng tôi coi mỗi thành tựu của dân tộc này cũng như của chính mình.

Hai dân tộc Cu-ba và Việt Nam sẽ luôn luôn là anh em trong chiến đấu và không gì có thể chia cắt chúng ta, vì trong mọi hoàn cảnh, chúng ta đều biết chiến thắng khó khăn, đối phó với xâm lược, bảo vệ chủ quyền, độc lập và quyền quyết định vận mệnh của chính mình.

Cu-ba và Việt Nam sẽ biết bảo vệ, với mọi giá cần thiết, khối đoàn kết nội bộ nhất trí chung quanh Đảng Cộng sản của chúng ta và quyết tâm bất di bất dịch xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chúng tôi biết ơn sâu sắc được ở bên các đồng chí tại đại hội lịch sử và trọng đại này. Một lần nữa chúng tôi xin chúc Đảng và nhân dân Việt Nam anh hùng giành được nhiều thắng lợi hơn nữa, qua đó chúng tôi đã học hỏi được nhiều và sẽ tiếp tục học hỏi. Chúng tôi sẽ rời đất nước của các đồng chí với niềm tin tưởng vững chắc rằng, các đồng chí sẽ tiếp tục biến những ước mơ của Bác Hồ thành hiện thực".

ĐỒNG CHÍ CHUÊ-THUÊ-BỐC

Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Lao động Triều Tiên :

"Chúng tôi tin tưởng rằng Đại hội Đảng lần này, được tiến hành trong sự quan tâm và mong đợi lớn lao của nhân dân Việt Nam, sẽ là đại hội có ý nghĩa lịch sử trong việc tăng cường và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và trên con đường tiến lên của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến sáng lập, được tôi luyện và thử thách trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, giải phóng dân tộc và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài.

Chúng tôi vui mừng trước những thành tựu mà Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã giành được trong những năm qua và xin nhiệt liệt chúc mừng những thành tựu đó".

ĐỒNG CHÍ V.CÚP-XỐP

Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên bang Nga :

"... Đảng Cộng sản Liên bang Nga luôn theo dõi hoạt động của các đồng chí với mối thiện cảm và sự quan tâm sâu sắc... Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiền phong đã được thử thách - nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang vững tin tiến hành đổi mới... Từ đáy lòng mình, những người cộng sản Nga xin chúc Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam thành công tốt đẹp và tin tưởng rằng đại hội là mốc son quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở đất nước tuyệt vời của các đồng chí.

Chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống LB Nga V.V. Pu-tin, các cuộc gặp gỡ của ông với ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam mới đây đã mang lại những hy vọng lớn về khả năng đạt được những bước đột phá cơ bản theo hướng thực hiện chính sách đối ngoại tích cực ở Đông - Nam Á vô cùng quan trọng này...

Lịch sử quan hệ giữa hai đảng chúng ta có nhiều trang tuyệt đẹp. Chúng ta đã luôn luôn ở bên nhau.

Tôi xin khẳng định với Đại hội rằng, phần lớn nhân dân Nga vẫn trung thành với những truyền thống Xô-viết mà cơ sở của những truyền thống đó là tình hữu nghị anh em, sự giúp đỡ lẫn nhau và chủ nghĩa quốc tế. Đối với người Nga, Việt Nam là biểu tượng của lòng dũng cảm, chủ nghĩa anh hùng, ý chí kiên cường và lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Chúng tôi cho rằng, ngày nay, những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế, tình đoàn kết và sự ủng hộ lẫn nhau vẫn quan trọng như trước kia.

... Tôi xin bày tỏ niềm tin tưởng của những người cộng sản Nga, rằng quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước anh em chúng ta sẽ tiếp tục được củng cố, phát triển và ngày càng có thêm những nội dung mới".

ĐỒNG CHÍ GIĂNG-PÔN MA-NHÔNG

Ủy viên Bộ Chính trị Hội đồng toàn quốc của Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp :

"Sự phát triển các quan hệ giữa hai dân tộc chúng ta đang góp phần làm thay đổi các quan hệ của thế giới theo hướng phát triển bền vững, phục vụ nhu cầu của con người. Chúng tôi muốn cùng các đồng chí làm điều đó.

Vì vậy , chúng tôi rất quan tâm theo dõi và chúc Đại hội IX của các đồng chí thành công tốt đẹp. Đại hội của các đồng chí lần này cam kết phát triển sâu sắc hơn nữa sự nghiệp đổi mới để đưa Việt Nam phát triển ngang tầm những đòi hỏi của nhân dân với khẩu hiệu trung tâm là xây dựng một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với tất cả niềm khát vọng và hiện thực, các đồng chí đang tiếp cận những vấn đề to lớn mà thời đại chúng ta đặt ra. Chúng tôi cũng quan tâm theo dõi công việc của các đồng chí, vì các vấn đề lớn đó đang tác động dưới những hình thức đặc thù và riêng biệt với tất cả các nước và các châu lục. Các vấn đề đó đang thu hút sự quan tâm của tất cả các lực lượng tiến bộ, các lực lượng cải tạo xã hội và cách mạng.

... Chúng tôi chia sẻ với các đồng chí quyết tâm phá tan gọng kìm của toàn cầu hóa đơn cực, phải đẩy lui sự thống trị của các thị trường tài chính và của các công ty đa quốc gia đối với các nhu cầu của con người".

ĐỒNG CHÍ U.CÔ-I-CHI-RÔ

Phó Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản :

"Các đồng chí đã quyết định đường lối đổi mới, vượt qua những biến động to lớn trong tình hình quốc tế, thực hiện đường lối đổi mới đó trong suốt 15 năm qua. Thành quả mà các đồng chí giành được trong thời gian qua chứng minh một cách hùng hồn rằng đường lối của các đồng chí là con đường phù hợp thực tế của Việt Nam.

Đường lối đổi mới, trong đó kết hợp kinh tế thị trường với kế hoạch, tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở công nhận sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế, là con đường của người mở đường mới mẻ trong lịch sử. Chúng tôi hy vọng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã chiến thắng trong cuộc đấu tranh đầy gian khổ trước đây, sẽ thành công trước thách thức trên chặng đường mà chưa một ai đi qua".

ĐỒNG CHÍ GIÔ-EN PHÍT-XMAN

Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Mỹ :

"... Chủ nghĩa anh hùng của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam là một nguồn cổ vũ lâu dài đối với Đảng chúng tôi. Trong suốt những năm dài đế quốc Mỹ tiến hành những hành động tàn bạo chống lại đất nước các đồng chí, cuộc kháng chiến và lòng dũng cảm của các đồng chí đã đem lại niềm hy vọng và soi đường cho toàn thế giới.

Chiến thắng của một hiệp định hòa bình là một minh chứng cho sức mạnh của nhân dân Việt Nam, của Đảng các đồng chí và của đồng chí Hồ Chí Minh. Đó là minh chứng cho tình đoàn kết quốc tế mà các đồng chí đã gây dựng nên. Cuộc đấu tranh chung vì hòa bình này, mà trong đó hàng triệu người trên đất Mỹ được huy động để phản chiến, đã tạo nên một mối gắn kết không thể xóa mờ và bất tận giữa hai đảng và nhân dân hai nước chúng ta. Đặc biệt, đối với thế hệ những người cộng sản Mỹ chúng tôi, tinh thần bền bỉ cách mạng và cuộc đấu tranh của các đồng chí, đứng vững qua biết bao năm tháng xâm lược của đế quốc, vẫn là biểu tượng cho hòa bình, bình đẳng và công lý.

...

Hai mươi lăm năm sau cuộc chiến tranh tội ác chống Việt Nam, một kỷ nguyên mới đã mở ra trong quan hệ Việt - Mỹ với chuyến thăm đất nước các đồng chí của Tổng thống W.J. Clin-tơn. Hai mươi lăm năm sau khi ký Hiệp định hòa bình, tầm nhìn của đồng chí Hồ Chí Minh về sự nghiệp giải phóng dân tộc, giai cấp và nhân loại và về tình đoàn kết quốc tế vẫn là một ngọn hải đăng cho thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, đã tuyên bố cho rằng với việc lật đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, không còn con đường nào khác ngoài chủ nghĩa tư bản. Các ý kiến thảo luận của các đồng chí về việc giải quyết các vấn đề trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã đem lại niềm tin vào khả năng có một tương lai cho nhân loại dựa trên sự bình đẳng và hòa bình giữa các dân tộc".

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ BA-ĐA-CHIN LO-XON

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng NDCM Mông Cổ :

"Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đang thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới theo cơ chế thị trường. Đảng Nhân dân cách mạng và nhân dân Mông Cổ luôn luôn ủng hộ và hết sức vui mừng trước những thắng lợi to lớn đó của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam".

ĐỒNG CHÍ P.BÉC-GÔN-SI

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu của Đảng những người cộng sản I-ta-li-a :

"... Thay mặt Đảng chúng tôi, xin gửi lời chúc đến một đảng vĩ đại và phi thường như Đảng các bạn ; với quá trình lịch sử và đường lối chính trị, Đảng các bạn đã có ảnh hưởng rất lớn tới lịch sử thế giới.

Trên thực tế, 40 năm trở lại đây, cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam là tấm gương cho hàng trăm triệu người với hy vọng giải phóng các dân tộc khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa đế quốc.

Tôi muốn nói một sự tất yếu rằng nhờ có các bạn, những lý tưởng tự do độc lập, công lý đã giành được một sức mạnh mới, một ảnh hưởng mới. Những lý tưởng đó đã chinh phục hàng triệu thanh niên ở tất cả các quốc gia trên thế giới.

Chúng tôi cũng ý thức được hiện nay là thời điểm khó khăn của tất cả các đảng cộng sản khi họ quyết định không từ bỏ những lý tưởng của mình và tiếp tục sự nghiệp đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, tiến hành những lựa chọn trong thời đại toàn cầu hóa, một thời đại có những chuyển biến sâu sắc trong vòng 15 năm trở lại đây.

Đối với chúng tôi đã khó, đối với các bạn lại càng khó gấp ngàn lần khi gánh vác trách nhiệm về tương lai của cả một dân tộc. Các bạn quyết định chấp nhận thách thức của thị trường toàn cầu, các bạn đã thử nghiệm trong lĩnh vực kinh tế, các bạn thực hiện những nghị quyết của Đại hội VIII, các bạn đã dũng cảm đi trên con đường chưa được khai phá, các bạn vạch trần các mối quan hệ dùng sức mạnh, tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa bảo hộ thương mại của các nước giàu đang cản trở các nước thế giới thứ ba hưởng lợi ích khi mở cửa thị trường, các bạn vạch trần sự thống trị của Mỹ và vai trò của các tập đoàn đa quốc quốc gia. Tất cả những điều đó đã mang lại những kết quả tích cực cho nhân dân Việt Nam, cho nền kinh tế của đất nước các bạn. Từ đáy lòng, xin chân thành chúc kết quả của đại hội sẽ mang lại những thành tựu mới cho Việt Nam, mang lại hạnh phúc lớn lao cho nhân dân các bạn".

ĐỒNG CHÍ X.QUA-NY-A-NA

Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nam Phi :

"Đảng Cộng sản Nam Phi chúc mừng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam về đòn quyết định đối với chủ nghĩa đế quốc kể từ chiến thắng năm 1975. Đảng Cộng sản Nam Phi chúng tôi tiếp tục được cổ vũ lớn lao bởi tấm gương, những thành quả và các bài học của cách mạng Việt Nam. Chúng tôi vẫn tiếp tục học tập từ sự lãnh đạo và tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn và nhiều anh hùng khác trong cách mạng Việt Nam. Cả thế giới đã học được từ Bác Hồ chân lý : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chúng tôi, cuối cùng đã có thể đánh bại được chủ nghĩa a-pác-thai năm 1994 một phần cũng là nhờ những bài học từ các cuộc cách mạng khác và tình đoàn kết quốc tế. Chúng tôi có thể thật sự nói rằng tự do của chúng tôi là tự do của các đồng chí".

ĐỒNG CHÍ H.R.CÁC-VAN-LÔ

Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Bra-xin :

"Nhân dân Bra-xin ấp ủ những tình cảm hữu nghị và lòng khâm phục đối với dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã chịu đựng những hy sinh to lớn và đã làm nên những kỳ tích lịch sử... Loài người sẽ mãi mãi biết ơn những cống hiến đó. Bằng sự bình thản và tinh thần đấu tranh của mình, dân tộc Việt Nam anh hùng đã chỉ ra rằng khi bảo vệ công lý thì các dân tộc có thể đánh thắng bất kỳ cường quốc nào, dù cường quốc ấy có vũ khí trang bị tốt hơn. Các điều kiện của cuộc đấu tranh và kháng chiến của các dân tộc có thể thay đổi, nhưng tấm gương về chủ nghĩa anh hùng của nhân dân Việt Nam thì luôn sống mãi và là một nguồn cổ vũ đối với những người đang khao khát một cuộc sống tự do và độc lập ở trên đất nước của chính mình, không chịu khuất phục trước mệnh lệnh của nước ngoài và cũng không chấp nhận sự chiếm đóng lãnh thổ của mình".

ĐỒNG CHÍ H.XÊ-RA

Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Ác-hen-ti-na :

"... Đối với chúng tôi - những người cộng sản từ Nam Mỹ xa xôi, lòng dũng cảm của dân tộc khiêm nhường này, của đất nước nhỏ bé này là vô cùng quan trọng, bởi họ đã đánh bại cả thực dân Pháp và cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ về chính trị cũng như quân sự. Thực tiễn trên cho chúng tôi thấy rằng việc đánh bại chủ nghĩa tư bản và đồng thời xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là cần thiết và có thể thực hiện được.

Digitized by Google

Điều đó rất có ý nghĩa đối với thế hệ chúng tôi. Chính vì thế phần lớn chúng tôi đã gia nhập phong trào đoàn kết với Việt Nam quả cảm và bất khuất ; chúng tôi gom góp từng đồng pê-xô với khẩu hiệu "một gam ký ninh cho Việt Nam". Những khái niệm như chủ nghĩa quốc tế, cách mạng, chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc đã luôn vang vọng trong tâm khảm của chúng tôi".

ĐỒNG CHÍ CRA-SI-MIA XTÔI-A-NỐP

Ủy viên Hội đồng tối cao, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng XHCN Bun-ga-ri :

"Phải nói rằng chúng tôi đón nhận với niềm hy vọng và phấn khởi trước những thành tựu đáng khích lệ của nước CHXHCN Việt Nam trong quá trình đổi mới và phát triển. Chúng tôi đánh giá cao công cuộc cải cách kinh tế ở Việt Nam được thực hiện trong khi vẫn giữ được ổn định chính trị và những thành quả xã hội của nhân dân Việt Nam".

ĐỒNG CHÍ H.X.XƠ-DÍT

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Ấn Độ Mác-xít (CPI-M) :

"Chúng tôi ở Ấn Độ theo dõi sát sao những bước phát triển có ý nghĩa mở đường đang diễn ra ở Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng quá trình củng cố xã hội chủ nghĩa được Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện thông qua các cải cách kinh tế sẽ củng cố chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam".

Những tình cảm nồng hậu, thắm thiết của đồng chí anh em, bạn bè quốc tế gửi đến Đại hội lần này là sự biểu hiện cao đẹp của tình đoàn kết quốc tế trong sáng, vì sự nghiệp cao cả của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Đó cũng là sự củng cố quan hệ, hợp tác, tình đoàn kết chiến đấu giữa Việt Nam và các đảng anh em, là nguồn động viên, cổ vũ lớn lao đối với Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta - những người cộng sản - quyết sẽ biến niềm tin của Đảng, Bác Hồ và của hơn 70 triệu con tim, khối óc thành sức mạnh hiện thực, xây dựng một nước Việt Nam ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, phồn vinh và phát triển, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa, xứng với niềm tin, sự cảm phục của nhân dân tiến bộ thế giới.

NGUYỄN THỊ HOA
(Thực hiện)

BAN-CĂNG...

(Tiếp theo trang 76)

hiện hữu. Xuất phát trên cơ sở nhận thức đó, ngày càng có nhiều tiếng nói phê phán gay gắt Mỹ và NATO can thiệp sâu, đồng thời chơi con bài hai mặt về vấn đề dân tộc tại Ban-căng. Trong khi đó, các lực lượng ly khai cực đoan gốc An-ba-ni triệt để lợi dụng sự dung túng của nước ngoài, phớt lờ các giải pháp đối thoại chính trị, không ngừng sử dụng bạo lực để chiếm thêm đất đai và đào sâu thêm sự hận thù dân tộc. Chính vì vậy, bán đảo Ban-căng vốn không ổn định và chưa lành vết thương của cuộc chiến tranh Cô-xô-vô hai năm về trước, đang trong xu hướng trở nên bất ổn định hơn. Bên cạnh đó, các lực lượng dân tộc chủ nghĩa khác cũng đang trỗi dậy tại Ban-căng. Mông-tê-nê-grô đòi tách khỏi Liên bang Nam Tư mới và chủ trương chỉ tham gia hình thức hợp bang sau khi đã tuyên bố độc lập. Những người theo chủ nghĩa cực đoan ở Crô-a-ti-a (Bô-xni-a) đã tuyên bố quyền tự trị tạm thời bất chấp Hiệp định Đây-tơn được ký kết. Họ nhất mực khẳng định rằng Liên bang Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na chỉ là sự áp đặt bởi Hiệp định hòa bình Đây-tơn và không còn giá trị v.v...

Những bất ổn ở Ban-căng thời gian gần đây cho thấy, để có được một nền hòa bình lâu dài tại khu vực, con đường duy nhất đúng chỉ có thể là thông qua đối thoại, đàm phán và bằng giải pháp chính trị nhằm giải quyết các mâu thuẫn, xung đột. Mặt khác, hướng tới việc xây dựng các nhà nước - quốc gia đa sắc tộc, có khả năng bảo đảm sự bình đẳng và phát triển trong hòa bình của mọi sắc tộc phải được thừa nhận trên thực tế như một mục tiêu hàng đầu của các lực lượng chính trị ở đây. Mọi ý đồ nhằm thay đổi các đường biên giới hiện tồn bằng bạo lực, sử dụng sức mạnh chống các nước láng giềng và sử dụng lãnh thổ các nước láng giềng chống lại các nước khác... chỉ có thể làm cho tình hình khu vực Ban-căng ngày càng căng thẳng và phức tạp hơn, tác động tiêu cực trực tiếp đến hòa bình, an ninh châu Âu cũng như trên thế giới. Đã đến lúc phải để chính các dân tộc Ban-căng tự quyết định vận mệnh của mình. Diễn biến tình hình Ban-căng nhiều năm qua và hiện nay lại là một minh chứng hùng hồn nữa về tính chất nguy hiểm của những âm mưu và hành động can thiệp thô bạo của các thế lực cường quyền nước ngoài vào công việc nội bộ các nước cũng như trong thực tiễn quan hệ quốc tế đương đại. Nó nhất thiết phải bị loại bỏ trên con đường đi tới xác lập một trật tự quốc tế mới hòa bình, dân chủ, bình đẳng và phát triển.❑

Digitized by Google

NGỌN CỜ CHỈ ĐƯỜNG CỦA CHÚNG TA ĐI VÀO THẾ KỶ XXI

HOÀNG TÙNG

ĐẠI hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công cả về chính trị lẫn tổ chức.

Một đặc điểm nổi bật trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội này là sự chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc với sự tham gia rộng rãi trong đảng viên và đông đảo nhân dân. Toàn dân, toàn Đảng bàn việc nước, việc Đảng. Dân chủ thảo luận, tranh luận, phê bình, tự phê bình nghiêm túc. Nhờ đó, việc soạn thảo các văn kiện tốt hơn, việc chọn người bầu vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng được cân nhắc chín chắn.

Tiếp tục nhiệm vụ của các Đại hội trước, trực tiếp là từ Đại hội lần thứ VI, Đại hội lần thứ IX xác định mục tiêu, hoàn chỉnh thêm một bước hệ thống lý luận về con đường phát triển của nước nhà quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại mới, thực hiện nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội cũng xác định mục tiêu cơ bản phải hướng tới trong thập kỷ đầu và bước đi trước mắt trong 5 năm 2001 - 2005.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một cuộc cách mạng khoa học, công nghệ đối với toàn bộ nền kinh tế và mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước, xã hội. Vì vậy, nó là sự nghiệp cách mạng của toàn xã hội, toàn dân tộc và của mọi người. Toàn bộ hoạt động và đời sống của chúng ta đều phải hiện đại hóa. Cách mạng khoa học, công nghệ là cách mạng sức sản xuất, xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế mới, chế độ mới. Nó phải đi liền với việc hình thành quan hệ sản xuất mới phù hợp với nền công nghệ mới.

Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ mà chúng ta đang tiến hành khác với các cuộc cách mạng kỹ thuật trong lịch sử nhân loại, diễn ra tự phát, hình thành chế độ sở hữu phong kiến, chế độ tư sản với nền sản xuất thủ công, nền công nghiệp cơ khí và cả nền công nghiệp hiện đại. Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ của ta là sự nghiệp của toàn dân tộc, vì lợi ích của toàn dân và đất nước. Sức mạnh của ta ban đầu tuy nhỏ song tiềm lực của xã hội thì rất to lớn.

Muốn tiến nhanh vào công nghệ trí tuệ, kinh tế tri thức ta phải tiếp tục công cuộc đổi mới, đổi mới liên tục, mở đường và thích nghi với quá trình đổi mới kinh tế, như cơ cấu lại nền sản xuất, nền kinh tế nói chung ; cải cách thể chế chính trị, kinh tế, tổ chức, giáo dục, phương thức, phương pháp... theo phương hướng cách mạng, dân chủ khoa học, bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận. Nghĩa là thực hành cuộc cách mạng toàn diện, tiếp tục khai phá con đường cụ thể của nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lý luận chỉ đường, tiên phong phải xuất phát từ thực tiễn, cuộc sống của ta trong thời đại khoa học đang trở thành sức sản xuất xã hội trực tiếp. Đi trước, đón đầu là tư tưởng chỉ đạo đúng, song nếu không tạo ra những điều kiện, tiền đề cần phải có, thì khó mà trở thành hiện thực.

Nước ta có những nhân tố thắng lợi của cuộc cách mạng mới này, song cần được bồi dưỡng, phát huy, khai thác chúng một cách tốt nhất. Những nhân tố ấy là :

Một là, dân tộc ta đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng và thống nhất Tổ quốc. Nhân dân làm chủ đất nước, xã hội của mình, có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Nhờ đoàn kết, dân tộc ta đã đánh

Digitized by Google

thắng các thế lực xâm lược. Ngày nay, đại đoàn kết toàn dân, thực hiện hòa hợp dân tộc, hòa hợp xã hội trên cơ sở kết hợp hài hòa hợp lợi ích cá nhân, tập thể và toàn xã hội là động lực của sự phát triển. Mở rộng dân chủ, thực hiện công bằng xã hội là điều kiện của sự đoàn kết, nhất trí. Mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền tự do con người, trước hết là giải phóng trí tuệ, tư tưởng, sức sản xuất, tinh thần sáng tạo. Đó là cách mạng trí tuệ.

Hai là, con người Việt Nam có ý chí tự cường, thông minh, tháo vát, ham học hỏi, tìm tòi cái mới, nhanh nhạy nắm bắt cái mới. Được bồi dưỡng, giúp đỡ, tinh thần ấy, đức tính ấy được nâng cao thành sức mạnh cộng đồng trong quá trình tiếp cận nền khoa học, công nghệ mới, vươn tới những tầm cao mới trí tuệ nhân loại. Bồi dưỡng con người về thể chất, tinh thần, chủ thể của cách mạng là nhiệm vụ đầu tiên. Các dân tộc đều phát triển bằng cái đầu của chính mình.

Ba là, tài nguyên thiên nhiên nước ta không lớn lắm song phong phú, đa dạng, khá thuận lợi đối với cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại. Những tài nguyên ấy cần được bảo vệ nghiêm ngặt, sử dụng có hiệu quả nhất.

Bốn là, công cuộc đổi mới tuy vẫn còn là bước đột phá, song đã mang lại những hiệu quả khá to lớn, cải thiện tình hình kinh tế - xã hội, chuẩn bị đưa đất nước đi vào quá trình đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tổng kết những kinh nghiệm đổi mới vừa qua, đi sâu vào quá trình đổi mới ngày càng rộng, càng sâu hơn là mang lại sức đẩy mạnh mẽ quá trình cách mạng mới, giải quyết đúng những vấn đề mới cả về lý thuyết lẫn thực hành phát sinh trong quá trình ấy.

Năm là, chúng ta đã bước đầu tiếp cận nền khoa học, công nghệ hiện đại và đã đạt được những hiệu quả đáng kể. Bước sắp tới chắc chắn là sẽ tiến xa hơn, sâu hơn.

Sáu là, từ ngày thực hành công cuộc đổi mới kết hợp với việc tiếp cận nền khoa học, công nghệ mới, nền kinh tế thị trường, nhiều hình thức sở hữu do nhân dân và Nhà nước của mình làm chủ, người mình đã từng bước nhận rõ những đặc trưng cơ bản của nó, trong thời gian tới, chắc chắn sẽ thông thạo hơn, chủ động hơn.

Bảy là, cơ sở hạ tầng của kinh tế - xã hội nước ta tuy vẫn chưa phù hợp với nền kinh tế mới, song đã hiện đại hóa được một bước không đến nỗi nhỏ lắm. Đây là một cố gắng lớn của ta.

Tám là, trình độ học vấn của nhân dân ta, tuy chưa ngang tầm với cuộc cách mạng, song đã được nhanh chóng nâng cao ; xã hội ta, những người lao động nước ta đang ở trong quá trình trí thức hóa, khoảng cách giữa lao động chân tay và lao động trí óc đã được thu hẹp. Đội ngũ trí thức của ta xuất thân từ nhân dân, chưa thể cho là đủ, song đã đông hơn ngày trước rất nhiều, trong số đó có nhiều tài năng đầy hứa hẹn. Được sử dụng đúng, bồi dưỡng tốt, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật cho đời sống, làm việc chắc chắn sẽ đạt được những thành tựu lớn. Lớp các nhà khoa học, các nhà trí thức này là đội tiên phong của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, đội ngũ đào tạo nhân tài cho đất nước, xây dựng nền khoa học của nước nhà, cả khoa học cơ bản, khoa học công nghệ, lẫn khoa học xã hội và nhân văn.

Chín là, nền văn hóa dân tộc của ta đang bước sang một giai đoạn phát triển mới, mở rộng giao lưu quốc tế mà vẫn bảo tồn tinh hoa dân tộc - nâng cao phẩm chất, lối sống con người. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là sự phát triển trong thế kỷ đấu tranh giải phóng vừa qua đang được nâng cao trong thế kỷ cách mạng trí tuệ, mang lại sức sống dồi dào của xã hội ta.

Mười là, sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước của nhân dân, với các nghị quyết vừa được Đại hội Đảng thông qua là ngọn cờ chỉ đường, là nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm phát huy, bồi dưỡng, khai thác, sử dụng có hiệu quả những nhân tố nói trên.

Đảng và Nhà nước ta là người tổ chức cuộc cách mạng mới, tập hợp toàn dân làm trong sạch và tăng hiệu lực lãnh đạo, điều hành của đội ngũ tiên phong và tạo ra bầu không khí cách mạng, xây dựng nếp sống lành mạnh trong xã hội ta.

Toàn dân tộc ta, đội ngũ chỉnh tề, bước vào cuộc hành trình mới, xây dựng xã hội mới.

Sống mãi trong sự nghiệp của dân tộc, Bác Hồ vẫy gọi chúng ta tiến lên ! ❑

Digitized by Google

CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ HIỆN NAY

NGUYỄN PHÚC KHÁNH

ĐƯỜNG lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nguồn gốc của mọi thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được trong thế kỷ XX : thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời nước VNDCCH - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước thu non sông về một mối, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Không nói đâu xa, chỉ cần nhớ lại 15 năm kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay, chúng ta cũng thấy rõ giá trị và ý nghĩa cực kỳ quan trọng của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thật vậy, khi khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, điểm đầu tiên mà Đảng ta xác định là tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lấy đó làm mục tiêu và động lực để đổi mới mọi hoạt động thực tiễn, lấy đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm trên cơ sở đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội nói chung. Nhờ đó, cách mạng vượt qua mọi thử thách cùng những chấn động dữ dội khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan vỡ, khi đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Nói một cách ngắn gọn : chúng ta nhận thức rõ đổi mới là một đòi hỏi bức xúc của cuộc sống và là một tất yếu khách quan, nhưng đây là đổi mới có nguyên tắc, đổi mới quan niệm, nhận thức và cách làm, khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, đổi mới để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn, đúng hơn, năng động hơn và nhất là đổi mới cho phù hợp hơn với đặc điểm lịch sử, truyền thống dân tộc và chân lý thời đại. Với đường lối đổi mới đúng đắn đó, mọi thành quả cách mạng đã được bảo vệ, chế độ mới vẫn trụ vững, hơn nữa còn giành được nhiều thắng lợi to lớn : đất nước ra khỏi khủng hoảng, nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và phát triển toàn diện ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt ; bộ mặt xã hội thay đổi từng ngày ; quan hệ quốc tế rộng mở ; thế và lực của Việt Nam không ngừng được tăng thêm. Ngày nay cộng đồng thế giới biết đến Việt Nam không chỉ là một dân tộc dũng cảm, có tinh thần độc lập, tự chủ, có ý chí kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm mà còn là một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, quyết tâm vươn lên mạnh mẽ trong xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, xây dựng đất nước phát triển phồn vinh. Trong cuộc Hội thảo quốc tế có tên "Việt Nam trong thế kỷ XX" được tổ chức tại Hà Nội ngày 2-9-2000, có đại biểu nước ngoài đã nhấn mạnh : "Công cuộc đổi mới của Việt Nam có ảnh hưởng vượt tầm quốc gia, gây ấn tượng cho cả thế giới".

Tuy nhiên, chúng ta không được chút nào chủ quan, tự mãn. Những thành tựu vừa đạt được dù quan trọng đến mấy vẫn mới là bước khởi đầu. Nó chỉ có ý nghĩa đầy đủ khi chúng ta biết làm giàu thêm bằng những thành tựu mới, biết dựa vào đó để tiếp tục đi lên. Con đường phía trước tuy ngày càng được nhận thức rõ hơn và đầy hứa hẹn, song vẫn còn dài và chưa hết chông gai. Xét bối cảnh cả trong lẫn ngoài nước hiện nay, chúng ta đều thấy có sự tồn tại đan xen giữa thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức. Trong bối cảnh có nhiều diễn biến mau lẹ và phức tạp hiện nay, nếu thiếu vững vàng và kiên định, thiếu sáng suốt và bản lĩnh, để cho những tình cảm nhất thời chi phối trong việc xác định đường đi nước bước, chúng ta sẽ khó khai thác thuận lợi, tranh thủ thời cơ mà

Digitized by Google

thời cơ thì thường là hiếm và không lặp lại. Vậy thực chất của thời cuộc hiện nay là gì ?

Phân tích kỹ bối cảnh lịch sử mới, chúng ta thấy rằng khi bước vào thế kỷ XXI, nhân loại một mặt phải đối phó với những hậu quả nghiêm trọng gắn liền với thời kỳ thoái trào của cách mạng thế giới cùng những đòn tấn công dồn dập của chủ nghĩa đế quốc vào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ; mặt khác cũng lại đang chứng kiến những bước tiến ngày càng nhanh của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, đang hằng ngày, hằng giờ thấy dự đoán thiên tài của Mác cách đây hơn một thế kỷ trở thành hiện thực - dự đoán khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Những thành tựu kỳ diệu chưa từng thấy của cuộc cách mạng mới trong khoa học và công nghệ đi liền với nó là thành tựu to lớn của kinh tế tri thức đã dẫn đến những biến đổi sâu sắc bộ mặt của hành tinh và cuộc sống con người, đã cách mạng hóa mạnh mẽ lực lượng sản xuất kéo theo nó xu hướng quốc tế hóa nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội làm cho không gian dường như thu hẹp, thời gian dường như rút ngắn, các nước dường như xích gần về địa lý, tính tùy thuộc và chế ước lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng tăng thêm, điều kiện thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước ngày càng nhiều. Trong thời cơ đó, nước nào cũng có nguyện vọng vươn lên, cố "chen vai thích cánh" nắm bắt những thành tựu mới của nền văn minh nhân loại thông qua hội nhập để tăng thêm thế và lực giành chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng quốc tế. Từ đó có thể dự đoán rằng trong khoảng một vài thập kỷ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới, bởi với trình độ khoa học và kỹ thuật hiện đại, một khi chiến tranh lớn nổ ra thì khó có nước nào, vùng nào của quả đất có thể được coi là an toàn, có thể tránh khỏi thảm họa. Hòa bình, hợp tác và đấu tranh cùng phát triển, do đó đang là một xu thế lớn, đồng thời là một thời cơ lớn.

Tuy nhiên cuộc sống không bao giờ chỉ có một khả năng, trái lại luôn luôn bao hàm nhiều khả năng mà sự khai thác khả năng này hay khả năng khác theo phương hướng nào lại phụ thuộc vào trình độ phát triển của từng nước mà xét đến cùng phụ thuộc trước hết vào con người, vào các lực lượng xã hội khác nhau.

Chính sự tồn tại đan xen giữa các khả năng và động cơ khai thác khả năng đang làm cho cục diện thế giới diễn ra phức tạp, dẫn đến nhiều nghịch lý mà xét đến cùng đều phản ánh cái biện chứng của giai đoạn lịch sử mà chúng ta đang sống. Chẳng hạn, trong khi các lực lượng tiến bộ tìm cách khai thác các thành tựu mới của khoa học phục vụ cuộc sống, phục vụ hòa bình và hợp tác giữa các nước thì các thế lực phản động lại lợi dụng những thành tựu ấy để thực hiện chính sách bành trướng và xâm lược, bắt các nước khác phải tuân theo "cái gậy" chỉ huy của chúng, nếu chống lại sẽ bị chúng trả đũa bằng tấn công về quân sự, bao vây cấm vận về kinh tế, can thiệp và lật đổ về chính trị, gieo rắc hằn thù dân tộc và tôn giáo, hòng qua đó "đục nước béo cò". Chính sách "cái gậy và củ cà rốt" truyền thống của các thế lực đế quốc thực dân hiện được ngụy trang dưới những hình thức bóng bẩy như "dân chủ" "nhân quyền", "nhân đạo" sặc mùi mị dân đang được sử dụng làm công cụ can thiệp vào công việc nội bộ các nước, xâm phạm chủ quyền quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết. Cuộc chiến tranh vùng Vịnh, cuộc trừng phạt của khối NATO đối với Nam Tư, những cuộc bao vây, cấm vận đối với nhiều nước ở châu Á, châu Phi, Mỹ la-tinh do các nước lớn trong phe đế quốc tiến hành là những dẫn chứng sinh động và cụ thể. Ngay nền hòa bình mà thế giới đang có và dày công tạo dựng cũng chưa thể gọi là nền hòa bình bền vững. Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, nhiều nhân vật cực hữu trong chính giới Mỹ khấp khởi mừng thầm có dịp đưa nước Mỹ lên vị trí đứng đầu thế giới chỉ còn một cực. Họ muốn "diễu võ dương oai", kích thích chạy đua vũ trang. Vì thế, xu hướng chạy đua vũ trang giữa các nước lớn mà chủ yếu là do các nước đứng đầu thế giới tư bản tiến hành vẫn đang diễn ra. Các thế lực hiếu chiến còn đang mưu toan làm sống lại không khí "chiến tranh lạnh", đưa chạy đua vũ trang lên các vì sao, cốt giành lại vai trò sen đầm quốc tế đã mất. Trong bối cảnh đó, nhiều nước đang phát triển muốn không bị phụ thuộc, cũng phải chú ý tăng cường sức mạnh tự bảo vệ, kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng để đủ sức giữ vững ổn định chính trị, thành quả xây dựng, chủ quyền và biên giới quốc gia bất kể là trên đất liền, trên biển hay trên không. Ngân sách quốc phòng của

Digitized by Google

nhiều nước vì thế có xu hướng tăng lên. Thực trạng đó giải thích rõ vì sao trong điều kiện có hòa bình mà nói chung các kho vũ khí trên thế giới vẫn không giảm bao nhiêu, có chăng chỉ là giảm loại cũ, tăng loại mới hiện đại hơn, hoặc chuyển từ nơi này qua nơi khác qua các hình thức chuyển giao hoặc mua bán. Ổn định thế giới vì thế vẫn tiềm ẩn khả năng bị phá vỡ, loài người vẫn luôn luôn phải cảnh giác trước nguy cơ chiến tranh. Nhiều khu vực đang rơi vào tình trạng mất ổn định. Nhiều quốc gia đang phải đối mặt với những thủ đoạn "diễn biến hòa bình" về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v.

Nhằm đối phó lại những nguy cơ vừa nêu, nhân dân thế giới đang ủng hộ mạnh mẽ việc củng cố và tăng cường các xu hướng tích cực của tình hình, mong muốn góp phần xây dựng một thế giới công bằng và bình đẳng giữa các quốc gia vì sự nghiệp hòa bình, ổn định và phát triển. Họ kiên quyết chống lại mọi hình thức áp đặt hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền, lên án mưu đồ đưa khái niệm "can thiệp nhân đạo" và "chủ quyền hạn chế" vào thực tiễn chính trị quốc tế nhằm biện minh cho các hành động quân sự của một nước hay một nhóm nước, vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Thế giới cũng đang chứng kiến một nghịch lý nữa : lẽ ra xu hướng quốc tế hóa về kinh tế là hiện tượng phát triển hợp quy luật của nền sản xuất xã hội sẽ tạo điều kiện cho sự thu hẹp từng bước khoảng cách về trình độ phát triển giữa các nước, tạo thuận lợi thực hiện chức năng "phòng chờ" (nói theo thuật ngữ mác xít) cho sự thay thế xã hội tư bản bằng xã hội cộng sản mà giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa thì lại diễn ra một tình hình ngược lại. Nguyên nhân chính là ở chỗ một số tập đoàn cầm quyền trong các nước tư bản phát triển lợi dụng xu hướng ấy để áp đặt đủ loại hình thức của chủ nghĩa thực dân về đầu tư, về vốn, về công nghệ v.v... nhằm trục lợi và lôi kéo các nước chậm phát triển vào quỹ đạo của chúng, biến con nợ thành các con tin. Tình trạng "lãi mẹ đẻ lãi con" làm cho nước nghèo nghèo thêm, cái hố ngăn cách giữa nước giàu với nước nghèo, nước chậm phát triển với nước phát triển không thu hẹp mà cứ ngày một doãng thêm ra. Trong thời đại mở cửa, xu hướng giao lưu và hội nhập là cần, nhưng nếu không có lưới bảo hiểm thì ruồi muỗi có thể bay vào nhà gây bệnh. Nhiều dẫn chứng cho thấy giữ được bình đẳng trong quan hệ giữa nước giàu với nước nghèo, giữa nước cho vay với nước đi vay luôn luôn là một thách thức nghiệt ngã. Trong thực tế, các nước nghèo luôn đứng trước nguy cơ bị phụ thuộc, biến thành "bãi thải" của kỹ thuật lạc hậu, của ô nhiễm môi trường sinh thái, của cạn kiệt tài nguyên và các nguồn lực v.v... Cách đây chưa lâu, khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, khi chủ nghĩa xã hội thế giới rơi vào khủng hoảng và thoái trào thì ở nhiều người đã xuất hiện sự dao động về phương hướng, sự giảm sút nghiêm trọng về niềm tin và nẩy sinh nhiều ngộ nhận. Họ coi sự sụp đổ của một mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội (mô hình Xô-viết) là sự sụp đổ của bản thân chủ nghĩa xã hội, gán mọi thành tựu của văn minh nhân loại cho riêng chủ nghĩa tư bản. Không ít người đã coi chủ nghĩa tư bản và con đường phát triển tư bản chủ nghĩa là duy nhất đúng, là phương án tối ưu cho việc giải quyết các bài toán do xã hội đặt ra, còn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa chỉ là con đường ảo vọng, không có tương lai. Nhưng những ngộ nhận nguy hiểm đó do không có cơ sở đã nhanh chóng bị thực tiễn bác bỏ. Hằng ngày người ta vẫn chứng kiến biết bao nghịch cảnh trong lòng chủ nghĩa tư bản như phân hóa giàu nghèo, kỳ thị dân tộc và phân biệt chủng tộc cùng biết bao vấn đề nan giải khác thuộc lãnh vực dân sinh, dân chủ, môi trường và lối sống. Thời gian càng lùi xa người ta càng nhận ra rằng chủ nghĩa tư bản mặc dù có đạt được nhiều thành tựu về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại, nhưng bên trong vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn và khuyết tật vô phương khắc phục. Cho nên nó không phải là nấc thang xã hội cuối cùng, không phải điểm kết thúc của văn minh nhân loại. Đáng tiếc là hiện còn thiếu một công trình nghiên cứu đầy đủ về mặt trái của xã hội tư bản để giúp người đọc có một cái nhìn toàn diện về xã hội này cả mặt phải lẫn mặt trái trong khi người ta thường chỉ thấy mỗi mặt phải nên thường dẫn đến thiên lệch.

Digitized by Google

Trong bối cảnh có sự giao lưu hội nhập vừa hợp tác vừa cạnh tranh toàn cầu, để khỏi bị thua thiệt và yếu thế trước thủ đoạn bành trướng của một vài siêu cường về kinh tế, cũng như để giữ vững "màu cờ sắc áo" trong văn hóa cũng như trong truyền thống lịch sử và tương đồng về địa lý - chính trị, các nước tư bản phát triển ở trình độ trung bình và các nước đang phát triển hoặc chậm phát triển cũng phải tăng cường ý thức dân tộc tự lực tự cường, phải cố kết nhau lại, hình thành các khu vực tăng trưởng ở nhiều châu lục khác nhau như Liên minh châu Âu (EU), khu vực Mỹ la-tinh, khu vực Đông - Bắc Á, khu vực Đông - Nam Á (ASEAN) v.v. Quá trình này đang được xúc tiến mạnh ở châu Phi với sự hình thành Liên minh châu Phi mô phỏng Liên minh châu Âu theo sáng kiến của Tổng thống Ca-đa-phi của Li-bi. Mặc dù quá trình hình thành các khối và các liên minh kinh tế và thương mại này còn gặp những khó khăn nhất định do chưa thiết lập được căn cứ hợp lý và vững chắc của cân bằng lợi ích giữa các thành viên, song sớm muộn đây là xu hướng không thể đảo ngược gắn liền với sự phát triển cao của lực lượng sản xuất trên bình diện quốc tế. Trong các liên minh kinh tế đã và đang có, Liên minh châu Âu (EU) đã đạt đến trình độ phát triển ổn định và tốc độ tăng trưởng cao, trở thành một trung tâm kinh tế quốc tế lớn, số thành viên hiện nay là 15 nước trong vài năm trước mắt sẽ lên tới 28 nước, với một liên minh quốc hội và một đồng tiền chung đứng ở hàng các đồng tiền mạnh trên thế giới - đồng Eurô. Như vậy là trong đời sống quốc tế đang diễn ra quá trình song song ngược chiều tác động qua lại, đó là quá trình toàn cầu hóa kéo theo quá trình khu vực hóa và quá trình quốc tế hóa kéo theo quá trình tăng cường ý thức dân tộc. Đây cũng là một biểu hiện nữa phép biện chứng của thời đại.

Mặt khác, độ ***lùi*** của thời gian cũng giúp cho nhiều người tỉnh ngộ ra rằng, sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa kiểu cũ dù là tổn thất to lớn không đáng có vẫn không thể xóa nổi những thành tựu lớn lao mà nó đã cống hiến cho nhân loại. Trong những thành tựu đó có chiến công cứu loài người thoát khỏi thảm họa phát xít và những thắng lợi của ba cuộc giải phóng vĩ đại : giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp cần lao dưới ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của Cách mạng Tháng Mười Nga trong thế kỷ XX. Nghĩa là, người ta đã dần dần xóa đi được định kiến bất công để không vì những khuyết tật nhất thời của chủ nghĩa xã hội ở một số nước nào đó mà "bắn súng vào quá khứ", phủ định luôn cả chủ nghĩa xã hội với tính cách xã hội kế tiếp xã hội tư bản theo đúng quá trình phát triển tự nhiên của lịch sử. Cũng giống như không vì hất đi chậu nước bẩn mà người ta hất luôn cả đứa bé đầy sinh lực đang tắm trong chậu. Lẽ phải thông thường đã được khôi phục dần dần ở những người có lương tri. Bởi công sức, mồ hôi và máu của nhiều triệu con người đấu tranh cho độc lập, tự do, cho hòa bình, dân sinh, dân chủ, cho công bằng xã hội dưới ánh sáng lý tưởng của chủ nghĩa xã hội đâu phải là vô ích. Và pho biên niên sử của nhân loại trong thế kỷ XX làm sao có thể bỏ qua những kỳ tích ấy. Thực tiễn luôn luôn chứng tỏ còn chủ nghĩa tư bản thì còn đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, còn có cuộc đấu tranh cho hòa bình, chống chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống chính sách cường quyền, bành trướng và áp đặt. Đây là lý do giải thích vì sao những chấn động dữ dội về tâm lý và tư tưởng khi Liên Xô sụp đổ đã sớm được ổn định trở lại và trong những năm gần đây các phong trào cánh tả ngả theo hướng phục hưng và đổi mới chủ nghĩa xã hội, phục hưng và đổi mới các liên minh quốc tế thời xô-viết đã được phục hồi. Xu hướng tích cực đó đang đóng góp thiết thực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội.

Như vậy là bên dưới cái bề bộn và đan xen phức tạp giữa các sự kiện và hiện tượng muôn hình muôn vẻ của thời cuộc, người ta vẫn thấy nổi lên nội dung cơ bản của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười đang diễn ra trên một bình diện mới với những biểu hiện mới. Đó là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Cái cốt lõi trong nội dung ấy chính là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với CNXH được Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định chính là dựa chắc vào nội dung cơ bản của thời đại vừa được trình bày ở trên. ❑

Digitized by Google

CHÂN LÝ CỦA ĐỜI SỐNG

HỮU THỈNH *

Đầu năm nay, công việc đã cho tôi may mắn được đến một số địa phương trong những chuyến đi ngắn : Cao Bằng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hòa Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Thanh Hóa. Tới đâu tôi cũng bắt gặp những cái mới, những đổi thay làm ấm lòng người. Chẳng hạn, con đường từ thị xã Cao Bằng đi Trùng Khánh trước kia là cả một nỗi hãi hùng. Đèo dốc đã đành, ngại nhất là vì nó xóc nảy quá, cứ như muốn hất tung người ra khỏi xe. Bây giờ thì khác hẳn, so với trước là tuyệt vời. Thay vào những "ổ gà", những "hố trâu" "hố bò" là một con đường bê tông láng nhựa rộng rãi, quang quẻ. Đường mới, bản mới, nhà mới. Những rừng dẻ trải thảm xanh hai bên đường. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với Trùng Khánh là cả một vấn đề, nhọc nhằn, tìm kiếm. Nó đụng đến thổ nhưỡng, thói quen canh tác và thị trường. Cho nên phải khai thác chất xám trong dân. Già bản nói cây dẻ, nhân cây dẻ ra thành rừng non, rừng già, nó che phủ cho đất, và cái hạt của nó vừa to, vừa bùi ngậy, cả nước chỉ có một mà thôi. Đấy là thứ cây để kiếm "đồng ra đồng vào", còn muốn no cái bụng thì trước hết vẫn phải trồng lúa nước. Trùng Khánh không phải là huyện lúa của Cao Bằng, vì ở đây là "vương quốc" của núi đá. Ruộng ít lắm. Thế mà mấy năm qua bình quân lương thực ở đây đã đạt trên 300 kg/một người. Một huyện miền núi cực Bắc mà tự túc được cái ăn, lại có đường tốt, có cây đặc sản, có thác đẹp Bản Dốc là bắt đầu có thể nghĩ đến "của ăn của để" được rồi. Thế đấy, cái mới, cái vui có thể bắt gặp trên từng bước đi. Cuộc sống là như thế, nhọc nhằn, lam lũ, nhưng tiến lên. Có hai cách đo đối với đời sống. Một là xuất phát từ hy vọng, từ mong muốn để đánh giá bức tranh đời sống ngày hôm nay. Hai là lấy quá khứ để đánh giá hiện tại. Nhà văn là người nhiều khát vọng, nhiều mộng mơ. Đáng yêu là ở đó. Nhưng khi nào chỉ xuất phát từ mong muốn, từ khát vọng để "đo" hiện thực, rồi thấy những gì đang diễn ra không đúng như trong tưởng tượng, không "vừa" với những điều mình nghĩ thì kém vui, không thấy hết những vất vả, những gắng gỏi, những thông minh, những chớp lóe sáng tạo hằng ngày hoặc là sốt ruột, cho rằng cuộc sống đi chậm quá. Tôi đã có những ngày khoác ba lô, cuốc bộ vượt đèo, bưng bát cơm ngô, chan canh "toàn quốc" với bộ đội biên giới. Giờ trở lại, cái gì cũng làm cho mình xúc động, nâng niu. Cần có lý và có tình đối với hiện thực. Để có cái lý đó, "ôn cố tri tân" là một cách, *"Trông bắc, trông nam, trông cả địa cầu"* (Tố Hữu) là một cách khác. Chế Lan Viên có câu thơ rất hay : *"Năm đi như có đời mình theo đi"*. Một tình yêu rứt ruột đối với đời sống. Phải là người đồng hành và trong cuộc mới cảm thấy như thế. Mỗi lần được gặp và nghe Tố Hữu nói chuyện, tôi thấy ông thật dễ say. Chuyện nào cũng say. Nào thau chua, rửa mặn, nào đắp đường, dẫn điện, rồi chuyện dầu khí Vũng Tàu, chuyên nuôi rắn, thả cá lồng, dịch thơ Cao Bá Quát... chuyện nào ông cũng rất say. Phải chăng đó là cái say của người cán bộ cách mạng kết hợp nhuần nhuyễn với cái say của một nhà thơ. Tố Hữu hay nói : *"Đáng yêu và đáng sống"*. Đúng là đáng yêu và đáng sống. *"Đáng sống bao nhiêu một ngày vì cách mạng"*, Lưu Trùng Dương viết thế. Và đó không phải là tâm sự của riêng anh. Những người từng trải thường dễ gặp nhau trong nhìn nhận việc đời.

Nóng vội và sốt ruột dù thiện chí đến đâu cũng dễ dẫn đến va vấp. Ngược lại, đủng đỉnh, tự mãn hay dẫn đến xơ cứng trì trệ.

Câu nói "Phải biết sốt ruột một cách bình tĩnh", không phải là một câu nói cho vui, mà là sự thật. Thư thái, ung dung là phẩm chất của vĩ nhân. Chỉ những người có con mắt nhìn thấu trăm phương nghìn cõi, nắm chắc quy luật, vận hành tài ba, ứng xử biến hóa mới có được phẩm chất ấy.

Đãi ngộ lớn nhất đối với nhà văn là cuộc sống. Hơn nữa, cuộc sống Việt Nam. Một cuộc sống đầy biến động, ngổn ngang, hối hả, có lúc như trăm năm ép lại một ngày. Cuộc sống phát triển vừa tự nhiên vừa tự giác, vừa ngẫu nhiên vừa tất yếu. Cuộc sống cách mạng của nhân dân ta, gần một thế kỷ qua là cuộc sống tự giác và tất yếu, vì nó được chỉ đường, được tổ chức, được phát huy cả tiềm năng vật chất

* Nhà thơ, Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*

Digitized by Google

và tiềm năng tinh thần, quá khứ và hiện tại, nhờ có Đảng. Phát triển theo hướng tự giác và tất yếu thì rủi ro sẽ bớt đi và người ta đã có thể nói đến tăng tốc để rút ngắn khoảng cách. Đó là hiện thực Việt Nam.

Nếu nói văn học là lịch sử được viết bằng số phận con người thì nhà văn xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong chống lại sự quên lãng. Văn học là trí nhớ của lịch sử. Nhà văn không chỉ muốn tri âm, tri kỷ với những người đương thời mà còn muốn nhắn gửi tới mai sau. Nguyễn Du khắc khoải liệu ba trăm năm sau hậu thế có hiểu mình ? Có tâm trạng ấy, không phải vì những điều mà ông nhắn gửi quá cao siêu, mà vì ông quá cô đơn trong thời đại của mình. Cách mạng giúp nhà văn phá vỡ cái nỗi bất hạnh ấy. Đồng hành, đồng cảm và đồng vọng. Cuộc đời cần có nhà văn là vì vậy. Và hơn vậy, vì nhân thế thì mênh mang mà nhu cầu hoàn thiện và hướng thiện luôn là những vấn đề bức xúc.

Nếu nói văn học là sự nâng đỡ, an ủi con người thì cái mà nhà văn có thể đem đến cho bạn đọc là lẽ phải và tình thương. Từ vấn đề của một người trở thành vấn đề của xã hội, từ số phận một cá nhân có thể thấy số phận của dân tộc, đó là lợi thế của văn học. Để làm được việc đó, trời phú cho nhà văn cái khả năng hóa thân vào mọi mẫu người, mọi hoàn cảnh, mọi sự kiện, mọi số phận. Sự hóa thân càng mầu nhiệm bao nhiêu thì sự chia sẻ, cảm thông càng lớn bấy nhiêu. Năm tháng để lại những đường vân trong thớ gỗ. Những nhà sinh thái học có thể qua những đường vân ấy mà tính được tuổi cây, hơn nữa, cả những trận bão lớn, những nắng, hạn. Tóm lại là môi trường tự nhiên trong quá khứ. Hàm lượng những "đường vân" ấy trong con người Việt Nam thật lớn lao, muôn màu muôn vẻ. Có ở đâu, một đời người mà được trải qua nhiều sự kiện đến thế, mà lại toàn những chuyện "long trời chuyển đất" : vận động cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thống nhất đất nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia, làm nghĩa vụ quốc tế, đổi mới, xóa đói giảm nghèo, và bây giờ là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Người làm nên việc. Nhưng khi xong việc thì kích thước, tầm vóc con người cũng được nâng lên một tầm cao mới. Cách mạng là một đại sự. Bà con mình gánh vác cái đại sự ấy, giản dị như không. Trong tâm tưởng của bà con, nuôi giấu cán bộ, quây đồn phá bốt, đi dân công hỏa tuyến cũng được xếp cùng với những đầu việc cày cuốc, chợ búa hằng ngày. Nước và nhà, riêng và chung, sau và trước kết hợp nhuần nhuyễn với nhau, nói chữ thì có vẻ trừu tượng, nhưng thực tế thì sinh động và hài hòa biết bao. Đẹp và lớn là ở đó. Ngày nay, những mẫu người ấy có còn không. Còn, đông đảo, ở mọi nơi, mọi lĩnh vực. Họ sống và làm việc lặng lẽ. Những vẻ đẹp đích thực thường không thích khoa trương lộ liễu. Cuộc thi tiểu thuyết ba năm 1998 - 2000 mà Hội Nhà văn Việt Nam đang đi vào hồi kết thúc. Điều dễ nhận là qua 200 tác phẩm ấy, các nhà văn chủ yếu vẫn viết về những mảng sống mà mình quen thuộc nhất. Chất liệu sống không phải vay mượn từ bên ngoài mà là sự chuẩn bị, tích tụ lâu dài từ bản thân nhà văn. Cuộc sống thì bề bộn, lớn lao, nhiều vẻ. Khái quát nghệ thuật không phải là gọt chân cho vừa giày mà là đi sâu để nắm bắt được cái bản chất, cái thần thái chung nhất của đời sống. Cường điệu và né tránh đều không đúng với yêu cầu phản ánh chân thật cuộc sống, vấn đề còn là cái tâm của nhà văn. Ca ngợi cái tốt mà giản đơn, sơ lược thì tác dụng chả bao nhiêu. Phân tích mặt xấu, tiêu cực nhưng với tấm lòng thương cảm, xây dựng lại được bạn đọc chấp nhận. Chân lý của nghệ thuật bắt nguồn từ chân lý của đời sống. Nhà văn hiểu người vì luôn coi mình là một thành viên tích cực của xã hội. Nói một cách hình tượng, cái bàn viết của nhà văn nối dài đến bờ ruộng của bà mẹ đi cấy. Tất nhiên, rồi đây trong số những nhà văn đến sau, sẽ có người tiếp tục viết về chiến tranh, và hy vọng sẽ có những tác phẩm thiên tài. Những nhà văn ấy sẽ phải đọc sách của người hôm nay để viết. Đương nhiên là như thế. Nhưng không phải vì thế mà xem văn xuôi của ta hiện nay chỉ có giá trị tư liệu cho người đến sau. Nói vậy, tôi e bạc bẽo quá. Với lịch sử lâu dài sẽ có nhiều thế hệ nhà văn nối tiếp nhau, đem đến những cống hiến khác nhau cho kho tàng văn học dân tộc. Nhưng, lớp nhà văn qua cách mạng, kháng chiến là sản phẩm của một thời đại với những dấu ấn vẻ đẹp không thể phai mờ. Không phai mờ và không lặp lại. Vì lịch sử không bao giờ lặp lại. Chính đội ngũ ấy làm nên diện mạo của nền văn học cách mạng. Bàn về mối quan hệ giữa nhà văn và tác phẩm, nhà chí sĩ Phan Bội Châu viết cây đây 69 năm vẫn làm chúng ta suy nghĩ : *"Nói cho đúng, văn chương sở dĩ có giá trị không chỉ tại ở nơi văn chương ; mà hơn nữa ở phần nơi người làm văn chương ; người làm văn chương có giá trị, thì văn chương đó thành ra văn chương của Khổng, Mạnh ; người làm văn chương mà không có giá trị, thì văn chương đó thành văn chương của Dương Hùng, Thái Mao. Giá trị vẫn ở nơi văn chương hay, mà văn chương sở dĩ hay, tất nhiên ở nơi người làm văn chương đó là người có giá trị.*

Chúng ta xin đem cặp mắt xem văn chương, mà đặt luôn cả cặp mắt xem nhân cách thì câu nói : Văn chương thiên cổ sự, đắc thất thốn tâm tri, chẳng đậm đà thắm thiết lắm sao ?. ❑

Digitized by Google

TUYÊN QUANG
TRỒNG CÂY VÀ "TRỒNG NGƯỜI"

VŨ NGỌC LÂN

TRONG những năm gần đây, tỉnh miền núi Tuyên Quang nổi lên là một tỉnh có nhiều phong trào nổi bật, đạt hiệu quả cao và thiết thực : đẩy nhanh sản lượng lương thực, bảo đảm an ninh lương thực ; kiên cố hóa kênh mương gắn với quy hoạch đồng ruộng, giao thông nội đồng ; trồng mới, khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ rừng tăng nhanh độ che phủ, bảo vệ môi trường sinh thái ; phát triển nhanh sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí ; thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống nhân dân ; phòng chống các tệ nạn xã hội. Qua đây tỉnh đã rút ra được những kinh nghiệm quý báu. Hai trong số những thành tựu đó là do tỉnh đã thực hiện khá tốt lời dạy của Bác Hồ : "Vì lợi ích mười năm trồng cây ; vì lợi ích trăm năm trồng người".

I- TRỒNG CÂY

Giờ đây, đi trên các nẻo đường ở Tuyên Quang, đâu đâu ta cũng thấy một màu xanh mướt mắt. Dọc tuyến đường từ địa giới giáp huyện Đoan Hùng (Phú Thọ) đến huyện Hàm Yên (cuối tỉnh) giáp Hà Giang, từ thị xã chạy qua Sơn Dương đến ATK về với thủ đô kháng chiến Tân Trào, từ Chiêm Hóa đến huyện sâu, xa, cao nhất Na Hang... một màu xanh của rừng, của cây cối, ruộng vườn.

Phải nói ngay rằng, vào năm 1991, khi Tuyên Quang vừa được tái lập trên cơ sở chia tách từ tỉnh Hà Tuyên, do nhiều nguyên nhân, rừng ở đây bị tàn phá kiệt quệ, nguồn sinh thủy cạn kiệt, khí hậu nóng bức, khắc nghiệt hơn, nhiều sông, suối, đồng ruộng nguồn nước bị cạn. Khi đó, độ che phủ của rừng bình quân toàn tỉnh xuống thấp ở mức kỷ lục : 30,3% (bằng 184 024ha). Ấy vậy mà chỉ sau khoảng 10 năm trồng cây, bảo vệ rừng, đến hết năm 2000, Tuyên Quang đã vươn lên là tỉnh dẫn đầu cả nước về tỷ lệ độ che phủ của rừng, đạt gần 50% tổng diện tích đất tự nhiên (với 300 305ha).

Vậy Tuyên Quang đã làm cách nào để có được thành tựu ấy ? Có nhiều nguyên nhân, biện pháp nhưng trong đó có một cách làm rất độc đáo và bền vững. Đó là thực hiện tốt phương châm được nêu trong 6 chữ rất dễ nhớ *"đóng cửa rừng, mở cửa ruộng"*. Năm 1992, Tuyên Quang là tỉnh đầu tiên trong cả nước thực hiện biện pháp hành chính cứng rắn : đóng cửa rừng tự nhiên. Trong thời điểm đó, quyết định này của tỉnh đã gặp phải sự thờ ơ, thiếu ủng hộ của một số cơ quan quản lý ngành ở cấp trên. Những người chuyên sống nhờ bằng các nguồn lâm sản, những phần tử chuyên khai thác, buôn lậu, vận chuyển lâm sản trái phép thì phản ứng quyết liệt. Không ít cán bộ, đảng viên còn phân vân, do dự, chưa thật tin tưởng vào việc thực thi quyết định nói trên một cách có hiệu quả. Thế nhưng, được sự chỉ đạo trực tiếp, chặt chẽ, kiên quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự cố gắng tích cực của các ngành, các cấp, sự hưởng ứng tích cực của các đoàn thể và nhân dân các dân tộc, chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên dần dần được thực hiện một cách nghiêm túc, có hiệu quả cao. Trong các biện pháp thực hiện quyết định này, tỉnh đặc biệt chú ý công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân về lợi ích và sự cần thiết, cấp bách của vấn đề bảo vệ rừng.

Lực lượng kiểm lâm cũng được tăng cường, được tổ chức tuyên truyền, học tập về Luật bảo vệ và phát triển rừng. Lực lượng này một mặt bám sát các địa bàn trọng yếu, lập các trạm bảo vệ rừng ; mặt khác, quan trọng hơn, là phải dựa vào dân để làm tốt công tác này. Lực lượng kiểm lâm, cán bộ ngành lâm nghiệp chia nhau xuống các địa bàn, phối hợp với ủy ban nhân dân xã, với các trưởng thôn, bản, xây dựng quy ước bảo vệ rừng, tổ chức nhân dân ký cam kết bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng. Đến nay, các huyện đã ký duyệt quy ước bảo vệ rừng cho 1668/2222 thôn, bản trong toàn tỉnh.

Đồng thời với việc thực hiện tốt công tác trên đây, Tuyên Quang còn chú trọng làm tốt biện pháp "mở cửa ruộng". Bài học mà Tuyên Quang rút ra từ

Digitized by Google

chính mình cũng như từ nhiều tỉnh miền núi là : *Phải giải quyết đồng thời nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng với giải quyết đủ cái ăn cho nhân dân.* Vấn đề thâm canh, tăng vụ, thay đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, phương thức, phong tục canh tác đối với nhân dân các dân tộc thiểu số là một việc rất khó khăn, không đơn giản như ở miền xuôi. Do vậy, tỉnh đã coi đây thật sự là một "cuộc cách mạng" trên đồng ruộng. Muốn làm được như vậy, tỉnh đã thực hiện một số biện pháp tương đối cơ bản và đồng bộ. Trước hết, tỉnh đã thực hiện quy hoạch các khu vực sản xuất, giải quyết tốt công tác thủy lợi bằng kiên cố hóa kênh mương, để chủ động tưới tiêu, đưa các giống mới có năng suất cao vào đồng ruộng. Đến năm 2000, toàn tỉnh đã có 750 km kênh mương được kiên cố hóa. Tổng chi phí cho hệ thống kênh mương là 68,5 tỉ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 46,5 tỉ đồng. Tỉnh cũng đã tổ chức các lớp tập huấn cho 60% số nông dân về thâm canh trên ruộng nước, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Nhờ vậy, năng suất lúa liên tục tăng. Năm 2000 đạt 46 tạ/ha ; sản lượng lương thực đạt ở mức cao nhất từ trước đến nay : 260 000 tấn ; bình quân lương thực đạt gần 400 kg/người. Những năm qua, Tuyên Quang cũng đã chỉ đạo việc rà soát, bố trí đất lâm nghiệp có đủ điều kiện, phù hợp thì chuyển sang trồng các loại cây ăn quả như nhãn, vải, na, cam, quýt và các cây công nghiệp như quế, chè. Từ năm 1996 đến năm 2000, tỉnh đã trồng được 10 triệu cây phân tán, tương đương 15 817 ha. Riêng năm 2000, đã trồng được 197 ha cây ăn quả trên đất lâm nghiệp. "Đóng cửa rừng, mở cửa ruộng" ở Tuyên Quang thật sự là một "khâu đột phá" trên mặt trận nông nghiệp. Từ khâu đột phá này, cái no, cái ấm, cái văn minh đã ngày càng được thể hiện rõ rệt trong các thôn, bản. Màu xanh của rừng, của các loại cây ăn quả, cây công nghiệp và của ruộng đồng chẳng những đem lại ấm no, cải thiện môi trường sinh thái mà còn làm đẹp thêm quê hương cách mạng.

Với những thành tích nói trên, trong Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình 327, tỉnh Tuyên Quang đã được Chính phủ khen thưởng *là tỉnh dẫn đầu cả nước trong việc thực hiện chương trình này.* Tháng 9 - 2000, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tuyên dương : *Tuyên Quang đã thực hiện thành công nhiều biện pháp quản lý, bảo vệ kết hợp với trồng rừng đạt độ che phủ cao nhất cả nước.*

II- "TRỒNG NGƯỜI"

Trong điều kiện kinh tế của đất nước ta còn nhiều khó khăn, việc chăm lo cho sự nghiệp "trồng người" còn nhiều nan giải, bất cập. Ở tỉnh miền núi, có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số thì sự nghiệp giáo dục - đào tạo càng khó khăn gấp bội. Thế nhưng ở Tuyên Quang, sự nghiệp này luôn được tỉnh quan tâm, chăm lo và đạt được những thành tích nổi bật, có nhiều kinh nghiệm hay, cách làm phù hợp. Ở Tuyên Quang những năm qua sự nghiệp "trồng người" phát triển vững chắc, toàn diện cả về số lượng và chất lượng ; cả từ giáo dục mầm non, các cấp học phổ thông lẫn giáo dục thường xuyên ; đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ đương chức ; cả về xây dựng cơ sở vật chất đến chăm lo chất lượng chuyên môn cũng như hạt nhân chính trị của nhà trường...

Năm 1995, Tuyên Quang là tỉnh miền núi đầu tiên và là địa phương thứ 9 trong cả nước đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa nạn mù chữ. Đến hết năm 2000, toàn tỉnh có 101/145 xã đạt phổ cập trung học cơ sở và phấn đấu trong năm 2001 tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Đến nay, Tuyên Quang đã huy động được 80% các cháu trong độ tuổi (3-5 tuổi) vào các lớp mẫu giáo, 95,6% số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 ; 98% học sinh trong nhóm lớp 5 vào học lớp 6 ; thu hút hầu hết học sinh trong nhóm lớp 9 vào học lớp 10 (cả hai hệ phổ thông trung học và bổ túc trung học phổ thông). Trong 5 năm (1996 - 2000) tỉnh đã mở 29 lớp đại học tại chức chuyên tu cho 2 049 học viên các ngành sư phạm, nông - lâm - nghiệp, xây dựng, tài chính - kế toán, ngân hàng, luật. Đã mở lớp đại học nông nghiệp cho 251 cán bộ xã, 900 học viên cho lớp trung cấp nông nghiệp. Tỉnh cũng đã tổ chức học bổ túc văn hóa tiểu học cho hơn 20 000 người đã xóa mù chữ trước năm 1995. Hằng năm tỉnh còn mở hàng trăm lớp xóa mù chữ cho người trong độ tuổi mới phát sinh. Bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, từ năm 1996 đến năm 2000, tỉnh đã đào tạo cho 455 người có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 1 466 đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp, 13 142 đảng viên có trình độ lý luận chính trị phổ thông, và bồi dưỡng cho 4 825 cấp ủy viên có nghiệp vụ về công tác đảng. Đến cuối năm 1999, tất cả các trường học ở Tuyên Quang đã có đảng viên, có 227 chi bộ độc lập, 93 chi bộ ghép. Số đảng viên trong các trường đạt tỷ lệ 19,5% tổng số đảng viên toàn tỉnh. Song song với việc liên kết với các trường

Digitized by Google

đại học, Tuyên Quang cũng quan tâm và chủ động mở rộng việc đào tạo nghề tại địa phương. Năm 2000 đã tuyển 696 học sinh vào học Trường trung cấp y tế, 1 280 học sinh vào Trường kinh tế - kỹ thuật, 1 084 học sinh vào học Trường cao đẳng sư phạm.

Đội ngũ giáo viên phổ thông các cấp đã từng bước được chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng trong giảng dạy. Đến nay, đã có 68,09% giáo viên mầm non, 87,21% giáo viên tiểu học, 62,27% giáo viên trung học cơ sở và 97% giáo viên trung học phổ thông được chuẩn hóa. Đây là tỷ lệ khá cao đối với một địa phương miền núi có nhiều dân tộc thiểu số.

Một điều rất đáng ghi nhận về cách làm sáng tạo ở Tuyên Quang trong việc thực hiện sự nghiệp "trồng người" là công tác xã hội hóa giáo dục. Sau khi có Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), tỉnh Tuyên Quang đã có những nhận thức, quyết định đúng đắn : Xã hội hóa giáo dục không đơn thuần là sự đóng góp của phụ huynh có con em đi học mà là mọi người đều đi học, mọi người đều có nghĩa vụ đóng góp chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. *Ngoài học phí, nhà trường không được thu một khoản nào khác của học sinh.* Đồng thời, tỉnh đã quyết định và chỉ đạo triển khai một loạt biện pháp sau đây :

- Phát triển hình thức "giáo viên cắm bản", lớp "mẫu giáo dân nuôi" gắn với các lớp tiểu học để giảm biên chế và tiết kiệm ngân sách chi cho giáo dục. Thực hiện mô hình này tức là nhân dân đóng góp tiền, thóc, gạo... để nuôi giáo viên, tỉnh đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội cho toàn bộ giáo viên mẫu giáo dân lập, tư thục. Mô hình này được thực hiện đã mở rộng diện các cháu đến nhà trẻ, mẫu giáo, các cháu được nuôi dạy tốt, là điều kiện thuận lợi ban đầu khi các cháu vào lớp 1.

- Thực hiện thu học phí ở những địa bàn kinh tế phát triển (thị xã, thị trấn, thị tứ), trên cơ sở đó nhà trường tự cân đối mức lương cho giáo viên, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống, yên tâm công tác. Các khoản thu đều được nộp vào kho bạc nhà nước. Mỗi hiệu trưởng nhà trường là một chủ tài khoản chủ động chi theo mức đã được xác định.

- Xây dựng mô hình các trường, các lớp "nội trú dân nuôi" với phương thức : tỉnh cấp tấm lợp, xi măng, bó, láng nền lớp học, nhà nội trú cho học sinh và giáo viên ; nhân dân đóng góp vật chất để xây dựng lớp học, bàn, ghế, nơi ăn, ở cho học sinh, giáo viên và huy động 50% quỹ lao động công ích cho xây dựng trường, lớp. Đối với học sinh bán trú mà gia đình nghèo, tỉnh có chính sách miễn, giảm học phí, giúp giấy, bút, mực, cho mượn sách giáo khoa. Đối với những người từ 15 đến 18 tuổi không đi học phổ thông thì tỉnh mở rộng các hình thức dạy bổ túc văn hóa. Đối với giáo viên được huy động tham gia vào công tác này, thực hiện phương thức "một hội đồng hai nhiệm vụ". Người đi học theo phương thức này không phải đóng tiền, và được miễn lao động công ích trong thời gian đi phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở, được cấp sách giáo khoa ; đối với người nghèo có khó khăn được xét trợ cấp văn phòng phẩm. Giáo viên tham gia dạy các lớp này được cấp văn phòng phẩm, được bồi dưỡng 3 000đ/tiết, dạy trong hè được bồi dưỡng một tháng lương v.v...

- Những năm gần đây, Tuyên Quang không ngừng tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục - đào tạo. Đến năm 2000 đạt mức 23%, dự kiến năm 2001 là 27% ngân sách. Ngoài ra, tỉnh huy động nhân dân cùng nhà nước sửa, xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường. Đến ngày 1-10-2000, Tuyên Quang đã xây dựng được 492 gian nhà nội trú cho 47 lớp nội trú dân nuôi với 2 449 học sinh và 1 255 phòng tập thể cho giáo viên. Đến năm học 1999 - 2000, tất cả các xã, phường, thị trấn đều có trường trung học cơ sở ; các huyện, thị xã, nhiều trung tâm cụm xã có trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

* * *

Trồng cây và "trồng người" ở Tuyên Quang bước đầu đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực trước mắt cũng như lâu dài. Hai mặt này gắn bó rất chặt chẽ và tác động qua lại với nhau. Nhờ có sự nhận thức và cách làm đúng đắn mà rừng và cây ở đây bước đầu đã đem lại sự no ấm, làm cho khí hậu, môi trường trong lành, góp phần ổn định và phát triển sự nghiệp giáo dục. Người dân có được cái chữ đã hiểu và áp dụng khoa học - kỹ thuật vào canh tác thì rừng càng xanh hơn, đem lại lợi ích kinh tế lớn hơn. Để Tuyên Quang giàu lên từ cây, từ rừng, tương lai lại rất cần có tri thức, cần khoa học, công nghệ. Muốn vậy lại càng phải tăng cường đầu tư chăm lo và đẩy mạnh sự nghiệp "trồng người".❑

Digitized by Google

BAN-CĂNG VẪN CHƯA HẾT NÓNG

NGUYỄN HOÀNG GIÁP * - THÁI VĂN LONG **

ĐÚNG hai năm sau cuộc khủng hoảng Cô-xô-vô , bán đảo Ban-căng lại lâm vào cơn chấn động mới của cuộc chiến ly khai "huynh đệ tương tàn" ở Ma-xê-đô-ni-a. Đây là nước cộng hòa duy nhất thuộc Liên bang Nam Tư cũ, mà ở vào thời điểm trở thành quốc gia độc lập, không có đổ máu. Tình hình căng thẳng ở phía bắc Ma-xê-đô-ni-a thời gian qua đã khiến dư luận lo ngại rằng xung đột ở đây sẽ bùng nổ thành cuộc chiến tranh thứ 5 ở Ban-căng kể từ khi Liên bang Nam Tư bị "chia năm xẻ bảy" hồi đầu năm 1990. Khi đánh giá về sự kiện này, Tổng thống Nga V.Pu-tin cho rằng cuộc xung đột ở Ma-xê-đô-ni-a đang làm châu Âu rung chuyển từ trung tâm.

Khi cuộc chiến tranh Cô-xô-vô kết thúc năm 1999, Liên bang Nam Tư đã không những buộc phải rút quân khỏi Cô-xô-vô mà còn phải chấp nhận thiết lập một khu phi quân sự bao quanh tỉnh này, sâu 5 km vào lãnh thổ Xéc-bi - nước cộng hòa thuộc Liên bang. Chính vùng đệm này đã trở thành địa bàn hoạt động lý tưởng cho lực lượng vũ trang cực đoan gốc An-ba-ni tấn công vào Xéc-bi. Lợi dụng việc không còn sự có mặt của lực lượng an ninh Nam Tư tại vùng đệm, cùng với vai trò mờ nhạt và "sự bất lực đáng ngờ" của lực lượng quân sự quốc tế KFOR ở Cô-xô-vô, hai nhóm vũ trang gốc An-ba-ni đã được nhen nhóm ở hai bên đường biên giới giữa Cô-xô-vô và Ma-xê-đô-ni-a. Một trong hai lực lượng đó là nhóm vũ trang tự mệnh danh "Quân đội giải phóng Cô-xô-vô, Mec-đi-a-vi-a và Bu-a-nô-vắc" (UCPMB) - ba khu vực có đông cư dân gốc An-ba-ni ở vùng biên giới Cô-xô-vô thuộc Xéc-bi. Lực lượng này xuất hiện đầu năm 2000 và có khoảng 2 nghìn tay súng. Nhóm vũ trang thứ hai hoạt động ở vùng tây - bắc Ma-xê-đô-ni-a bên kia ranh giới Cô-xô-vô với tên gọi "Quân đội giải phóng dân tộc" (UCK). Tuy chỉ mới xuất hiện mấy tháng nay, với khoảng 200 tay súng, song được sự hậu thuẫn và tiếp viện của quân khủng bố gốc An-ba-ni tại Cô-xô-vô, UCK đã tiến hành một chiến dịch quân sự đột ngột mạnh lên từ nửa cuối tháng 3 - 2001 ở thành phố Tec-tô-vô của Ma-xê-đô-ni-a. Cả hai nhóm vũ trang nêu trên đều nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của lực lượng mà trên danh nghĩa nay đã giải tán là Quân đội giải phóng Cô-xô-vô (KLA). Nhiều cựu thành viên của KLA nay lại tiếp tục tham gia vào hai nhóm này.

Mặc dù có những biến động nhất định, song hơn 10 năm qua, Ma-xê-đô-ni-a vẫn duy trì được một xã hội đa dân tộc. Với một cơ cấu dân cư có đến gần 1/3 trong tổng số dân 2 triệu người có nguồn gốc An-ba-ni, thành phần Chính phủ liên hiệp hiện thời của Ma-xê-đô-ni-a bao gồm cả các đảng của người Xla-vơ lẫn đảng lớn nhất của người dân tộc An-ba-ni. Thế nhưng, những người gốc An-ba-ni cực đoan vẫn coi việc có 6 bộ trưởng gốc An-ba-ni trong Chính phủ là không tương xứng. Cuộc chiến ly khai dưới chiêu bài dân tộc ở Ma-xê-đô-ni-a được dấy lên với sự hậu thuẫn từ bên ngoài.

Để giải quyết cuộc xung đột hiện nay, yêu sách của lực lượng cực đoan gốc An-ba-ni UCK ở Ma-xê-đô-ni-a đưa ra là : đòi quốc tế đảm nhận vai trò trung gian hòa giải ; thay đổi Hiến pháp, thừa nhận dân tộc Ma-xê-đô-ni-a và dân tộc An-ba-ni là hai dân tộc ngang bằng nhau trong một quốc gia. Tuy nhiên, động cơ cầm vũ khí của quân ly khai thực sự lại không rõ ràng như yêu sách công khai của họ. Bởi theo đánh giá của các nhà phân tích, đây là một nhóm những thành phần khá ô hợp. Một số muốn đòi quyền lợi nhiều hơn cho người gốc An-ba-ni, một số khác muốn thành lập nước *Đại An-ba-ni*, còn một bộ phận đáng kể lại chỉ muốn kiểm soát những khu vực biên giới chính yếu để hoạt động tội phạm và buôn lậu. Với một tổ chức như thế, lực lượng ly khai gốc An-ba-ni không nhận được nhiều sự ủng hộ, ngay cả giữa những người họ có thể hy vọng nhất.

Quả vậy, khác với sự kiện Cô-xô-vô cách đây 2 năm, lần này quân khủng bố gốc An-ba-ni không còn nhận được sự ủng hộ từ những người đã từng hậu thuẫn họ và từ cả số đông những người cùng dân tộc. Mỹ và NATO đã có thái độ khác hẳn đối với

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** ThS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

lực lượng ly khai gốc An-ba-ni mặc dù hành vi của chúng không khác gì so với những kẻ cùng động cơ ở Cô-xô-vô hai năm về trước. Có lẽ nhiều người không khỏi ngạc nhiên khi Oa-sinh-tơn lên án lực lượng ly khai gốc An-ba-ni -những người mà họ đã mượn cớ bảo vệ để tấn công Liên bang Nam Tư năm 1999. Sở dĩ như vậy, trước hết là bởi ý đồ mục tiêu và tình thế đã thay đổi. Cách đây 2 năm, Mỹ và NATO tiến hành cuộc chiến tranh Cô-xô-vô là để triệt phá một chính quyền cộng sản và củng cố thế đứng ở Ban-căng. Chiến tranh kết thúc và giờ đây, con bài lực lượng cực đoan gốc An-ba-ni không còn được trọng dụng. Trớ trêu thay cho cảnh "gậy ông lại đập lưng ông" : quân cực đoan đã quay sang quấy phá Ma-xê-đô-ni-a, một đồng minh của NATO ở Ban-căng. Chính cũng vì lẽ đó mà chúng được phương Tây gọi đúng với bản chất là "quân khủng bố" chứ không còn được tâng bốc giả danh dùng làm cớ để thực hiện cái gọi là sứ mệnh bảo vệ nhân quyền như trước.

Bên cạnh việc bị những người bảo trợ bỏ rơi, UCK không còn nhận được sự ủng hộ của chính đảng lớn nhất của người gốc An-ba-ni ở Ma-xê-đô-ni-a. Đảng dân chủ của người gốc An-ba-ni đã tổ chức tuần hành hòa bình ở thủ đô Phoóc-ni-ê để phản đối hành vi bạo lực của UCK. Chính quyền An-ba-ni cũng lên án mạnh mẽ chiến dịch ly khai của lực lượng này. Các tổ chức quốc tế và các nước với mức độ khác nhau hết thảy đều bày tỏ sự ủng hộ đối với chính quyền Ma-xê-đô-ni-a. Tổng thống Nga V.Pu-tin là vị nguyên thủ quốc gia có phản ứng mạnh mẽ nhất. Ông cho rằng, chỉ có thể gọi quân nổi loạn gốc An-ba-ni ở khu vực Ban-căng là quân khủng bố và không có cách đối xử nào khác với quân khủng bố hơn là cách mà Nga đã và đang làm đối với quân nổi loạn Hồi giáo ở Tre-xni-a. Rút kinh nghiệm từ bài học Cô-xô-vô, lần này các nước Liên hiệp châu Âu đã thể hiện vai trò độc lập hơn với Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề nội bộ châu Âu. Họ chủ động đề xuất và dẫn đầu các nỗ lực quốc tế nhằm tháo gỡ cuộc xung đột ở Ma-xê-đô-ni-a.

Vậy là, Ma-xê-đô-ni-a vốn từng được coi là ốc đảo hòa bình giữa một Ban-căng nóng bỏng bởi các cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, đã không thể ngăn chặn cơn lốc ly khai sắc tộc nghiệt ngã. Lấy NATO làm chỗ dựa, Ma-xê-đô-ni-a đã chấp nhận mọi điều kiện của tổ chức này, thậm chí còn thuận cho NATO triển khai quân trên phần lớn lãnh thổ của mình. Nhưng ngay cả điều đó cũng không giúp được nước này tránh khỏi bạo lực và xung đột sắc tộc.

Tình hình bất ổn định kéo dài ở khu vực Ban-căng nói chung và cuộc chiến hiện nay tại Ma-xê-đô-ni-a nói riêng là hệ quả của hàng loạt những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Song nhìn tổng quát có thể thấy hai nguyên nhân chính yếu và trực tiếp nhất.

Trước hết, đó là sự can thiệp thô bạo của Mỹ và NATO vào công việc nội bộ của các nước vùng Ban-căng, chính sách của Mỹ và NATO đã từng dung túng, lợi dụng các thế lực ly khai trong khu vực phục vụ ý đồ chiến lược của họ. Còn nhớ năm 1999, lấy cớ bảo vệ quyền của người gốc An-ba-ni tại Cô-xô-vô, Mỹ và NATO đã phát động chiến tranh chống Liên bang Nam Tư dưới chính quyền của Tổng thống S. Mi-lô-xê-vích bằng chiến dịch không kích quy mô lớn liên tiếp trong 78 ngày đêm. Phương Tây đã đổ tiền của, giúp đào tạo quân sự cho lực lượng cực đoan gốc An-ba-ni và trang bị cho chúng vũ khí hiện đại. Đồng thời, Mỹ và NATO đã không thực hiện nghiêm chỉnh những cam kết của họ sau cuộc chiến Cô-xô-vô. Theo Nghị quyết 1244 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc về Cô-xô-vô, lực lượng an ninh quốc tế KFOR phải giải thể toàn bộ KLA (Quân giải phóng Cô-xô-vô) và tịch thu hết vũ khí của lực lượng này. Trên thực tế, trong vòng hơn 20 tháng chỉ có 5 nghìn trong tổng số hơn 25 nghìn thành viên KLA giải ngũ trở về cuộc sống thường ngày hoặc chuyển sang dân phòng. Trong thời gian đó, KFOR đã dung túng để cho lực lượng cực đoan gốc An-ba-ni tăng cường hoạt động khủng bố và gây bạo lực tại Cô-xô-vô, tấn công sang các tỉnh khác ở miền Nam Xéc-bi và gây chiến ở Ma-xê-đô-ni-a. Có thể nói, nếu không có sự hậu thuẫn và dung túng của Mỹ và NATO thì các phần tử cực đoan gốc An-ba-ni không thể tập hợp một lực lượng mạnh như vậy để tác oai, tác quái trong suốt thời gian dài.

Sự kiện gần đây nhất, việc cựu Tổng thống Mi-lô-xê-vích bị bắt giam do sức ép rất mạnh của Mỹ và Tây Âu, càng chứng tỏ sự can thiệp quá sâu của các thế lực bên ngoài vào công việc nội bộ của các nước trong khu vực Ban-căng. Nhưng hoạt động can thiệp này chỉ càng làm rối thêm tình hình vốn đã như "tơ vò" của khu vực.

Thứ hai, tham vọng của các thế lực cực đoan gốc An-ba-ni theo đuổi mục tiêu thành lập nhà nước Đại An-ba-ni. Cũng giống như KLA trước đây, các lực lượng vũ trang gốc An-ba-ni hiện nay đều cho rằng lãnh thổ vốn có của người An-ba-ni bao gồm một nửa khu vực Ban-căng, trong đó có An-ba-ni, Cô-xô-vô, Tây Ma-xê-đô-ni-a, Nam Xéc-bi, một phần Mông-tê-nê-grô và vài vùng khác ở Bắc Hy Lạp.

Digitized by Google

Sau khi các lực lượng cực đoan bị thất bại trong cuộc bầu cử ở Cô-xô-vô ngày 28-10-2000, các thế lực chủ chiến của người gốc An-ba-ni đã chọn con đường bạo lực nhằm buộc chính quyền các nước trong khu vực công nhận tính hợp pháp về chính trị của chúng. Thêm vào đó, cũng cần thấy rằng, Ban-căng còn được coi là thiên đường buôn lậu ma túy từ Thổ Nhĩ Kỳ sang các nước Tây Âu. Cho nên, cái gọi là cuộc chiến vì nhà nước Đại An-ba-ni gắn chặt với lợi ích sống còn của bọn ma phi-a ma túy người gốc An-ba-ni trong khu vực. Tuy nhiên, theo một số nhà phân tích quốc tế, điều đó mặc dù không là nguyên nhân chính yếu nhưng không thể không tính đến.

Trong những ngày vừa qua, không ít các phương tiện thông tin đại chúng phương Tây đã công khai nhấn mạnh chính NATO là một trong những nguyên nhân chính gây ra sự mất ổn định ở Ban-căng. Tờ *Paraloma* (I-ta-li-a) cho rằng, NATO phải chịu trách nhiệm về sự xuất hiện của một lực lượng "Taliban" mới (chỉ lực lượng cực đoan gốc An-ba-ni) ở khu vực Ban-căng. Tờ *Thời báo Niu Oóc* (Mỹ) viết : "NATO đang sa lầy ở Ban-căng do những hậu quả của việc không giải quyết nghiêm chỉnh những vấn đề của khu vực". Tờ *Lơ Phi-ga-rô* của Pháp lại nhấn mạnh : "NATO đã mắc sai lầm nghiêm trọng khi đã không giải giáp toàn bộ vũ khí của lực lượng ly khai gốc An-ba-ni ở Cô-xô-vô". Còn tờ *Thời báo chủ nhật* của Anh tiết lộ, chính hai tên khủng bố gốc An-ba-ni được CIA huấn luyện trong những năm 1998 - 1999 nay đang chỉ huy quân ly khai tấn công Ma-xê-đô-ni-a.

Một vấn đề được đặt ra là, vì sao lực lượng cực đoan An-ba-ni lại chọn đúng thời điểm hiện nay để gây chiến ở Ma-xê-đô-ni-a ? Những diễn biến gần đây tại khu vực Ban-căng có thể lý giải trên mức độ nhất định về vấn đề này :

Sau thất bại của Đảng xã hội chủ nghĩa Xéc-bi trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2000, Nam Tư tái gia nhập Liên hợp quốc, OSCE và các tổ chức quốc tế khác. Quân đội Nam Tư bắt đầu trở lại khu vực an ninh ở miền Nam Xéc-bi. Mặt khác, Liên hiệp châu Âu cũng tăng cường viện trợ cho chính phủ Liên minh ở Ma-xê-đô-ni-a (năm 2000 là 25 triệu ơ-rô và năm 2001 là 40 triệu ơ-rô). Toàn bộ điều đó đã khiến cho các lực lượng ly khai gốc An-ba-ni lo sợ sẽ bị phương Tây bỏ rơi. Các lực lượng này đã mở cuộc tấn công quân sự với hy vọng sẽ giành được sự công nhận về chính trị, vì vào thời điểm đó, người gốc An-ba-ni chiếm 6 trong tổng số 15 ghế của nội các và 25 trong tổng số 120 ghế của Quốc hội Ma-xê-đô-ni-a.

Trong 10 năm qua, Chính phủ Ma-xê-đô-ni-a đã có những nỗ lực đáng kể để người gốc An-ba-ni được hưởng quyền lợi như các dân tộc và sắc tộc khác. Vả lại, trong thời gian nêu trên, lực lượng cực đoan gốc An-ba-ni không đặt ra vấn đề về phân biệt đối xử, về giải phóng dân tộc v.v... Bởi vậy, việc các lực lượng cực đoan nhân danh người gốc An-ba-ni để gây chiến và đòi sự công nhận về chính trị có thể coi là chiêu bài của chủ nghĩa ly khai sắc tộc. Chính Tổng thống Nam Tư Cô-xta-ni-xa trong những phát biểu mới đây đã chỉ rõ : Việc quân khủng bố gốc An-ba-ni tấn công sang lãnh thổ Ma-xê-đô-ni-a chứng minh cho âm mưu muốn thành lập nhà nước Đại An-ba-ni chứ hoàn toàn không phải là đấu tranh vì quyền con người.

Cuộc chiến ly khai ở Ma-xê-đô-ni-a một lần nữa lại càng cho thấy những hậu quả nghiêm trọng của chính sách can thiệp của Mỹ và phương Tây vào các vấn đề sắc tộc tại Ban-căng. Điều đó cũng chứng tỏ, chính sách cường quyền đế quốc trong quan hệ quốc tế không chỉ càng làm cho vấn đề dân tộc trở nên nhức nhối hơn, mà còn làm băng hoại chủ quyền của các quốc gia độc lập. Những gì đã và đang xảy ra tại Ban-căng khiến dư luận quốc tế không thể không lo ngại về khả năng một cuộc khủng hoảng tương tự có thể xảy ra ở Mông-tê-nê-grô - nước cộng hòa thuộc Liên bang Nam Tư mới cũng như ở nhiều nước khác tại khu vực nếu Mỹ và NATO vẫn tiếp tục chính sách dung túng các thế lực ly khai. Cuộc chiến ly khai ở Ma-xê-đô-ni-a rõ ràng đã đẩy xa hơn hy vọng về một Ban-căng hòa bình và ổn định như người ta mong đợi.

Có thể nói, suốt chiều dài lịch sử, qua bao thế kỷ, khu vực Ban-căng đã tồn tại như một chỉnh thể đa sắc tộc. Người Xéc-bi, người An-ba-ni, người Crô-at, người Xlô-ve-ni-a, người Hồi giáo... vốn từng chung sống đan xen nhau với những nét đặc trưng văn hóa truyền thống. Bởi vậy, thật không dễ dàng có thể phân định rạch ròi cương vực sinh tồn đối với riêng từng sắc tộc. Và cũng từ rất sớm, Ban-căng với vị thế chiến lược quan trọng, đã trở thành địa bàn tranh giành ảnh hưởng quyết liệt giữa các cường quốc ở châu Âu và trên thế giới. Trong những cuộc tranh giành ấy, tính đan xen hòa quyện đa sắc tộc của nhiều nước Ban-căng luôn bị lợi dụng vì những mục đích vụ lợi khác nhau, khiến cho khu vực này từng được mệnh danh là "thùng thuốc súng", và không chỉ một lần bị chấn động bởi các cuộc xung đột dữ dội.

Sự tái hiện những trang buồn của lịch sử Ban-căng ngày nay tuy quy mô và cấp độ khác nhau, song vẫn nổi rõ những nguyên nhân vốn đã từng

(Xem tiếp trang 62)

Digitized by Google

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC
NORTHERN AIRPORTS AUTHORITY

Tên viết tắt : NAA

Trụ sở chính : Cảng hàng không quốc tế Nội Bài
Sóc Sơn - Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 8865047 Fax : (84-4) 8865540
Tổng giám đốc : Phạm Quý Tiêu





- Cụm cảng hàng không miền Bắc là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 113/1998/QĐ - TTg ngày 6-7-1998 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Được Cục trưởng Cục hàng không dân dụng Việt Nam ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước gắn trực tiếp với việc điều hành tại Cụm cảng hàng không miền Bắc.

- Quản lý và khai thác các cảng hàng không khu vực, cung ứng các dịch vụ hàng không và các dịch vụ công cộng khác để phục vụ cho hoạt động bay của các hãng hàng không an toàn và hiệu quả.

- Hệ thống của cảng hàng không gồm có :

+ Cảng hàng không quốc tế Nội Bài
+ Cảng hàng không quốc tế Điện Biên Phủ - Lai Châu
+ Cảng hàng không Cát Bi - Hải Phòng
+ Cảng hàng không Vinh - Nghệ An
+ Cảng hàng không Nà Sản - Sơn La

- Các đường bay trong nước từ Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (của Viet Nam Airlines)

+ Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh
+ Hà Nội - Đà Nẵng
+ Hà Nội - Huế
+ Hà Nội - Nha Trang (Tỉnh Khánh Hòa)
+ Hà Nội - Điện Biên Phủ (Tỉnh Lai Châu)
+ Hà Nội - Nà Sản (Tỉnh Sơn La)

- Các đường bay quốc tế từ Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (của Viet Nam Airlines)

+ Hà Nội - Taipei
+ Hà Nội - Guangzhou
+ Hà Nội - Singapore
+ Hà Nội - Hongkong
+ Hà Nội - Seul
+ Hà Nội - Bangkok
+ Hà Nội - DuBai - Pari
+ Hà Nội - Vientiane

Cụm cảng hàng không miền Bắc kính chúc
Quý khách ***An Khang Thịnh vượng !***

Digitized by Google

CÔNG TY CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

TRAN PHU ELECTRIC MECHANICAL COMPANY

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ISO 9002

ĐỊA CHỈ : 60 PHƯƠNG LIỆT - ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH - QUẬN THANH XUÂN - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : 8.693047 - 8691173 FAX : 8691802

Công ty cơ điện Trần Phú là một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở xây dựng Hà Nội. Chuyên sản xuất các loại dây và cáp điện phục vụ cho công nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân. Ngoài ra Công ty còn sản xuất các thiết bị, dụng cụ cơ kim khí phục vụ cho ngành xây dựng. Công ty luôn chú trọng đầu tư công nghệ - kỹ thuật, thiết bị mới mở rộng năng lực sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển cùng với sự lớn mạnh của Đảng bộ, công nhân viên Công ty. Những sản phẩm của Công ty liên tục đạt huy chương vàng trong các hội chợ triển lãm quốc tế tổ chức định kỳ hàng năm.



NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA

ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG:

- Huân chương chiến công hạng hai năm 1990 về phong trào xây dựng lực lượng vũ trang
- Huân chương lao động hạng nhì năm 1990
- Huân chương chiến công hạng ba năm 1996 về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc
- Huân chương lao động hạng nhất năm 1996
- Cờ luân lưu của Chính phủ năm 1997
- Danh hiệu đơn vị anh hùng lao động năm 1998 do Chủ tịch nước phong tặng.



Cáp nhôm bọc cách điện PVC 600v -1000v

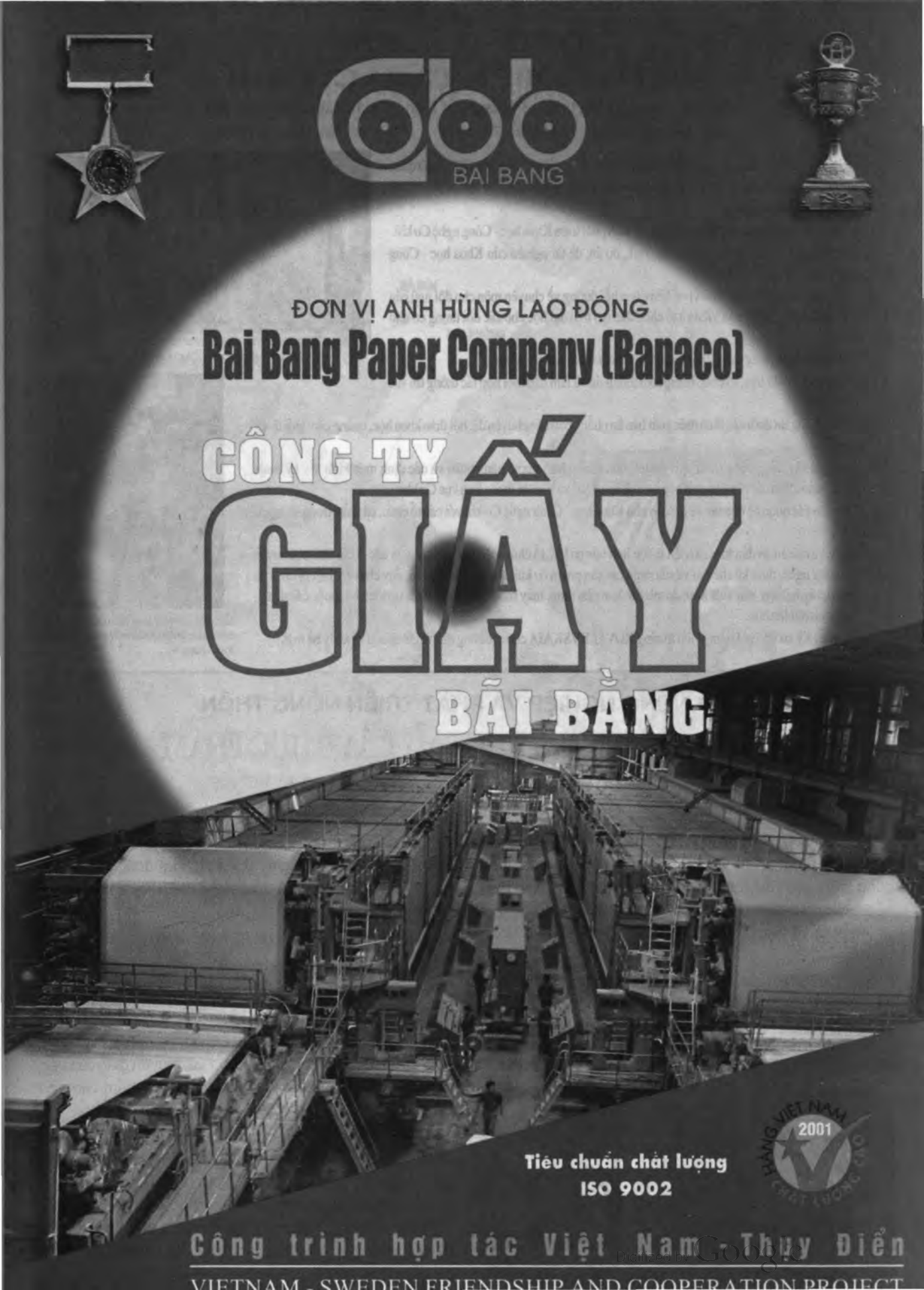
CÔNG TRÌNH SÁNG TẠO ĐẠT GIẢI:

- Giải thưởng lao động sáng tạo toàn quốc năm 1991.
- Giải thưởng Thăng Long năm 1992.
- Giải thưởng Vifotec năm 1996.
  + 10 năm liên tục là đơn vị dẫn đầu ngành xây dựng Thủ đô. Được thành phố tặng cờ "Đơn vị thi đua xuất sắc".
  + 10 năm liên tục là đơn vị An toàn xuất sắc.
  + 10 năm liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh và được thành ủy tặng cờ Đảng bộ vững mạnh.
  + 10 năm liên tục Công đoàn đạt tiêu chuẩn công đoàn xuất sắc, được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ "Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào lao động sáng tạo của giai cấp công nhân Thủ đô".



Cáp đồng bọc cách điện PVC 3kv

Digitized by Google


BAI BANG
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG
Bai Bang Paper Company (Bapaco)
CÔNG TY
GIẤY
BÃI BẰNG
Tiêu chuẩn chất lượng
ISO 9002
2001
Công trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển
VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT

BỘ CÔNG NGHIỆP
VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ

Địa chỉ : Đường Thăng Long - Phường Mai Dịch - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
Tel : 84-4-7643359 - 7644442 - 7643292 Fax : 84-4-8347883

Viện Nghiên cứu Cơ khí trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập năm 1962 là cơ quan nghiên cứu triển khai của Nhà nước về Khoa học và Công nghệ thuộc lĩnh vực cơ khí :

*** Viện có các nhiệm vụ sau :**

1. Nghiên cứu chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển Khoa học - Công nghệ Cơ khí.
2. Tổ chức triển khai thực hiện các công trình, dự án, đề tài nghiên cứu Khoa học - Công nghệ và kinh tế ngành cơ khí.
3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bồi dưỡng về chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật công nghệ của Viện và tổ chức đào tạo trên đại học cho các đối tượng có nhu cầu.
4. Tổ chức các hoạt động thông tin khoa học kỹ thuật và kinh tế bao gồm :

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu, tổ chức mạng lưới thông tin và làm đầu mối hợp tác thông tin với nước ngoài.
+ Phục vụ thông tin dưới các hình thức xuất bản ấn phẩm, báo cáo chuyên đề, hội thảo khoa học, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

5. Tham gia xây dựng công trình, quy phạm, tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật ngành, giám định các công trình Khoa học - Công nghệ và thiết bị thuộc lĩnh vực Cơ khí.
6. Phát triển các quan hệ hợp tác về nghiên cứu Khoa học - Công nghệ Cơ khí với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
7. Tư vấn về các dự án đầu tư phát triển thuộc lĩnh vực cơ khí, tổ chức việc lập và thực hiện các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, thiết kế chế tạo và sửa chữa các sản phẩm cơ khí, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền thiết bị cho các ngành công nghiệp, sản xuất kinh doanh các loại phụ tùng, máy móc, thiết bị và thiết bị đồng bộ thuộc các đề tài, công trình nghiên cứu.

*** Thành tích :** Kỹ sư Vũ Thị Điểm - Giải thưởng KOVALEVSKAIA cho các công trình nghiên cứu về xử lý bề mặt.



HỘI ĐỒNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ CỦA VIỆN



Hàn đắp tự động phục hồi xi lanh cơ cấu biến bước chân vịt tầu thủy bằng vật liệu thép không rỉ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC : Huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương
ĐT : 032.716463 - Fax : (032) 716385

Viện cây lương thực và cây thực phẩm là một viện nghiên cứu chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Viện được thành lập năm 1968 theo Nghị định số 24/CP ngày 9-2-1968 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc Qui định tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp.

Viện CLTCTP hoạt động theo Quyết định số 406 NN-TCCB/QĐ ngày 3-11-1973 của Ủy ban Nông nghiệp Trung ương (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện và theo giấy đăng ký hoạt động khoa học, công nghệ số 174 ngày 5-10-1993 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.



* Đánh giá các dòng giống lúa mới trong nhà lưới.
Evaluating new rice lines and varieties in net house.



* Giống cà chua Hồng Lan.
Hong Lan Tomato variety.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

* Nghiên cứu chọn tạo giống cây lương thực và cây thực phẩm

* Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thâm canh các giống cây lương thực và cây thực phẩm

* Sản xuất giống gốc, giống cấp 1 và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về cây lương thực và cây thực phẩm vào sản xuất nông nghiệp.

* Đối tượng nghiên cứu chính của Viện là cây lúa, cây có củ (khoai tây, khoai lang), cây đậu đỗ (đậu tương, đậu xanh, đậu cô-ve, đậu ăn rau), cây rau các loại (cải bắp, cải củ, rau ăn lá, su-lơ, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, dưa lê). Ngoài ra, Viện còn nghiên cứu một số cây nhập nội khác (cao lương, kê, HV) và một số cây ăn quả đặc sản (táo, nhãn, vải, cam, quít, ổi. ..)

Digitized by Google

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT & ĐẦU TƯ PETEC

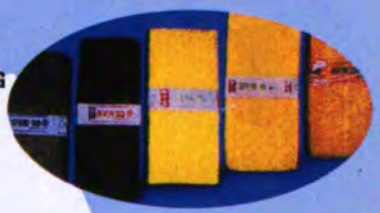
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG













HÀ NỘI

HẢI PHÒNG

ĐÀ NẴNG

LÂM ĐỒNG

TP. HỒ CHÍ MINH

VŨNG TÀU

LONG AN

CẦN THƠ

MOSCOW

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ CUNG CẤP CÁC LOẠI HÀNG HÓA :

- Sản phẩm dầu mỏ TCVN chất lượng cao: xăng A92. A83, dầu FO, DO, dầu hỏa, dầu mỡ nhờn...
- Hàng nông lâm sản : Cà phê, cao su, gạo, trà...
- Hàng thủy hải sản.
- Máy móc, phương tiện thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất .

ĐẦU TƯ LIÊN KẾT TRONG LĨNH VỰC :

- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải.
- Hệ thống bán lẻ xăng dầu.
- Chế biến hàng hóa xuất khẩu.

● CÁC CHI NHÁNH, XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC PETEC

TRỤ SỞ CHÍNH :
194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA,
Quận 3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : (08) 9303299/9303633/9303984
9303524/9304136/9304438
Fax : (08) 9305686/9305991
E-mail : Petectonghop @ hcm.vnn.vn

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

LAM THAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY

ĐƠN VỊ 3 LẦN ANH HÙNG













Chào Thiên Niên Kỷ Mới

Xuân Tân Tỵ 2001



SẢN PHẨM :

- Supe Lân Lâm Thao - Sản xuất theo TCVN 4440 - 87	750.000t/năm
- NPK Lâm Thao (5.10.3), (10.10.5), (16.16.8),...	250.000t/năm
- Phân bón cho hoa và cây cảnh	500t/năm
- Axít Sunfric (H_2SO_4) kỹ thuật - sản xuất theo TCVN 5719 - 1993	260.000t/năm
- Axít Sunfuric (H_2SO_4) loại P, Pa - sản xuất theoTCVN 2718 - 78	120t/năm
- Axít Sunfuric (H_2SO_4) dùng cho ắc quy - sản xuất theo TCVN 138 - 64	100t/năm
- Natri silicoflorua (Na_2SiF_6) - sản xuất theo TCVN 1446 - 73	4.000t/năm
- Natri florua (Na_2SO_3)	50t/năm
- Natri florua (NaF) loại P	15t/năm
- Natri pyrosunfit ($Na_2S_2O_5$) loại Pa	5t/năm
- Phèn nhôm sun phát - sản xuất theo TCVN 25 - 88	5.000t/năm
- Phèn kép amoni nhôm sunphát	4.000t/năm
- Natri biunfit ($NaHSO_3$)	100t/năm
- Ôxy đóng chai	40.000 chai

ĐỊA CHỈ :

HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

ĐT : 0210.825131 - 0210.825139

FAX : 0210.825126

CHI NHÁNH :

HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐT : 0320.786454 - FAX : 0320.786758

Bạn Của Nhà Nông

Digitized by

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



10

UNIV. OF MICH.
JUN 27 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX

CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

- ĐC : 3 Đinh Tiên Hoàng, TP Đà Lạt, Lâm Đồng
- ĐT : (063) 822457 - 821831 - Fax : (063) 824050



Hân hạnh được phục vụ quý khách trong các lãnh vực :

- Sản xuất cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt trong địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Tư vấn xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và thi công xây lắp các công trình cấp thoát nước trên phạm vi cả nước.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT KHẨU CÀ MAU

(CAMIMEX)

- ĐC : 333 Cao Thắng, P.8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- ĐT : (84.780) 831223 - 831600 - 838874 - Fax : 84.780.832297
- E-mail : camimex@hcm.vnn.vn
- VPĐD : 33/3 Navioil, Phường Phú Thuận, Q.7 - TP.HCM.
- ĐT : 8.731.512 - Fax : 848.8.731.513

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Được thành lập vào năm 1977, Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) hiện được công nhận là một đơn vị đứng đầu ngành thủy sản đông lạnh Việt Nam. Nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đa dạng hóa sản xuất, Camimex đã đầu tư vào nhà xưởng, dây chuyền cấp đông IQF hiện đại cùng các trang thiết bị chế biến, nâng khả năng chế biến lên 8.000 tấn thành phẩm mỗi năm. Nhờ vào vị trí địa lý lý tưởng là trung tâm của khu vực sản xuất tôm và thủy sản lớn nhất Việt Nam, Camimex đã cung cấp nhiều mặt hàng với chất lượng tốt nhất đến thị trường khắp nơi trên thế giới. Các quy trình quản lý chất lượng GMP, SSOP, HACCP đã được áp dụng tại các nhà máy của Camimex, tạo ra khả năng chế biến những sản phẩm với tiêu chuẩn cao nhất có được về vệ sinh, độ tươi cũng như hương vị tự nhiên của thủy sản. Hợp tác với khách hàng trong và ngoài nước trong chế biến và cung cấp các mặt hàng thủy sản có giá trị gia tăng là nguyên tắc chính yếu trong hoạt động kinh doanh của Camimex.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 616 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

10
5-2001

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 111 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19-5-1890 - 19-5-2001)	★ Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi	3
	LÊ XUÂN LỰU - Về tư tưởng Hồ Chí Minh	4
	THANH LÊ - Hồ Chí Minh, nhà xã hội học của hành động	9
	NGUYỄN THẾ HINH - Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ quản lý kinh tế	11
ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	* Tham luận của các đại biểu tại Đại hội IX của Đảng	15
	HỒ VŨ - Kinh tế thế giới khi bước vào thế kỷ XXI và quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam	29
	NGUYỄN MINH THÔNG - Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước	32
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN NHÂM - Môi trường - sinh thái và mối hiểm họa của thế kỷ XXI	36
	PHẠM VĂN CHÚC - "Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp" : thực chất và những đặc điểm trong giai đoạn hiện nay	42
NHÂN KỶ NIỆM 42 NĂM ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH (5-1959 - 5-2001)	PHẠM TIẾN DUẬT - Thế tựa Trường Sơn	47
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	KIỀU CAO TÂM - Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc ở cơ sở	51
	TRỊNH VƯƠNG HỒNG - Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự	54
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	THANH THỦY - "Mua xã nghèo"	57
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN THẾ LỰC - MAI HOÀI ANH - Những đường nét cơ bản trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ	58

Bìa 1 : *Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta* **Ảnh : Tư liệu**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ СУАН ЛЫУ: Об идее Хо Ши Мина. ТХАНЬ ЛЕ: Хо Ши Мин, социолог действий. НГУЕН ТХЕ ХИН: Изучение Хошиминских идей, касающихся проблемы экономических управленческих кадров. * Выступления делегатов на IX^ом Съезде КПВ. ХО ВУ: Мировая экономика при вступлении в XXI^ый век и внешнеэкономические отношения Вьетнама. НГУЕН МИНЬ ТХОНГ: Обновление и развитие государственных предприятий. ЧАН НЬАМ: Окружающая среда, экология и угроза XXI^ого века. ФАМ ВАН ЧУК: "Наука становится непосредственной производящей силой": сущность и специфические черты на нынешнем этапе. ФАМ ТИЕН ЗУАТ: Дорога Чыонг Шон - Дорога Хо Ши Мин. НГУЕН ТХЕ ЛЫК, МАЙ ХОАЙ АНЬ: Главные черты внешней политики Президента США Дж. Буша.

CONTENTS

LÊ XUÂN LỰU: Regarding Ho Chi Minh's ideas. THANH LÊ: Hồ Chí Minh, a sociologist of actions. NGUYỄN THẾ HINH: Cognition of Hồ Chí Minh's ideas concerning the problem of economy-managing cadres. * Speeches by the delegates at IXth National Party Congress. HỒ VŨ: The World economy under entrance into the XXIth century and Vietnam's external economic relations. NGUYỄN MINH THÔNG: Renovation and development of state enterprises. TRẦN NHÂM: Environment, ecology and the danger of the XXIth century. PHẠM VĂN CHÚC: "Science becomes an immediate productive force": the essence and peculiarities in the present – day period. PHẠM TIẾN DUẬT: Trail Trường Sơn - Trail Hồ Chí Minh. NGUYỄN THẾ LỰC - MAI HOÀI ANH: The principal sketches of the American president G. Bush's foreign policy.

SOMMAIRE

LÊ XUÂN LỰU: Sur la pensée de Ho Chi Minh. THANH LÊ: Ho Chi Minh, un sociologue d'action. NGUYỄN THẾ HINH: Chercher à comprendre la pensée de Ho Chi Minh sur la question des cadres gestionnaires dans l'économie. * Interventions des députés au IXe Congrès national du PCV. HỒ VŨ: L'économie mondiale au seuil du XXIe siècle et les relations économiques extérieures du Vietnam. NGUYỄN MINH THÔNG: Sur le renouveau et le développement des entreprises d'Etat. TRẦN NHÂM: Environnement, écologie et le grand danger du XXIe siècle. PHẠM VĂN CHÚC: "La science devient la force productive directe" : Nature et caractéristiques dans la période actuelle. PHẠM TIẾN DUẬT: La piste Truong Son – la piste Ho Chi Minh. NGUYỄN THẾ LỰC - MAI HOÀI ANH: Les grandes lignes de la politique extérieure du président américain G. Bush.

SUMARIO

LÊ XUÂN LỰU: Acerca del pensamiento de Ho Chi Minh. THANH LÊ: Ho Chi Minh, el sociólogo de acción. NGUYỄN THẾ HINH: A conocer el pensamiento de Ho Chi Minh sobre la cuestión de cuadros de gestión económica. * Intervenciones de los delegados en el IX Congreso Nacional del PCV. HỒ VŨ: La economía internacional en el momento de entrar en el siglo XXI y las relaciones económicas exteriores de Vietnam. NGUYỄN MINH THÔNG: La renovación y el crecimiento de empresas estatales. TRẦN NHÂM: El medio ambiente ecológico y su ocasión en el siglo XXI. PHẠM VĂN CHÚC: "La ciencia convertida en la directa fuerza productora" : la esencia y las características en la actual etapa. PHẠM TIẾN DUẬT: La pista Truong Son – la pista Ho Chi Minh. NGUYỄN THẾ LỰC - MAI HOÀI ANH: Las principales líneas de la política exterior del presidente norteamericano G. Bush.

目录

• 黎春榴: 关于胡志明思想 • 清黎: 胡志明—付诸于行动的社会学家 • 阮世馨: 探索胡志明思想有关干部管理经济的问题 * 第九届全国党代会上代表们的发言 • 胡武: 迈入二十一世纪的世界经济及越南的对外经济关系 • 阮明通: 革新并发展国有企业 • 陈壬: 环境、生态及二十一世纪面临的危机 • 范文祝: "科学成为直接的生产力量", 目前阶段的实质及其特点 • 范进鹘: 长山小道—胡志明小道 阮世力 • 梅怀英: 美国总统布什的对外政策的基本内容.

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SOI ĐƯỜNG CHO CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TA GIÀNH THẮNG LỢI

"Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định : Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc ; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân ; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; về đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư ; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau ; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta".

Trích : Báo cáo Chính trị của BCH Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng

Digitized by Google

VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

LÊ XUÂN LƯU *

BÁO cáo Chính trị Đại hội IX của Đảng khẳng định : "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Đồng thời, Báo cáo Chính trị chỉ ra : "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại". Báo cáo Chính trị cũng khái quát hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Để góp phần làm rõ hơn bản chất và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, trong phạm vi bài báo nhỏ này, xin đi sâu vào 2 vấn đề cốt lõi : Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng nước ta, việc bổ sung và phát triển nó.

A - Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh

Qua nhiều công trình nghiên cứu và nhiều cuộc thảo luận, đến nay hầu như đã có sự nhất trí về 3 nguồn gốc sau đây của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa và nhân ái Việt Nam, những tinh hoa văn hóa nhân loại và chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng khi đề cập đến vai trò, vị trí của mỗi yếu tố vẫn còn ý kiến khác nhau.

Để thấy được yếu tố nào là nguồn gốc nền tảng và chủ yếu nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, không thể đâu khác ngoài việc tìm nó ở sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh ; ở hoạt động của Người trong suốt cả cuộc đời cách mạng và ở những khẳng định của Người về vai trò nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với Đảng Cộng sản ; vai trò của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và đối với thắng lợi mà cách mạng Việt Nam đã giành được.

Chúng ta biết rằng, sau hàng chục năm bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nghiên cứu và tiếp thu nó. Từ đó đã diễn ra một bước ngoặt trong tư tưởng cách mạng của Người, hình thành ở Người chủ nghĩa yêu nước kiểu mới dựa trên hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin con đường giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là nguồn gốc duy nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng là nguồn gốc nền tảng và chủ yếu nhất. Chính nguồn gốc này đã đưa tinh thần yêu nước ở Hồ Chí Minh lên tầm cao mới của thời đại, vượt ra khỏi những hạn chế của nhiều sĩ phu yêu nước trước đây. Và cũng chính trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu và phát triển chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, truyền thống văn hóa và nhân ái Việt Nam, những tinh hoa văn hóa nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng của mình, truyền bá nó vào Đông Dương, mà đã hoạt động không mệt mỏi để thành lập Đảng Cộng sản. Suốt cả cuộc đời hoạt động của Người, Người đã chăm lo giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho cán bộ, đảng viên, cho nhân dân ta để làm cho nó thực sự trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng ta, trở thành hệ tư tưởng thống trị trong Đảng và trong xã hội ta. Người đặc biệt quan tâm xây dựng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên lòng tuyệt đối trung thành với bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhờ vậy mà Đảng ta luôn luôn có được đường lối, chủ trương chính sách đúng đắn, ít phạm sai lầm về

(*) Trung tướng, GS triết học

Digitized by Google

chính trị ; đội ngũ đảng viên, nhân dân tiếp thu và thực hiện tốt đường lối, nhiệm vụ nên cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Khi nói về vai trò của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với Đảng Cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra : Cách mạng muốn thành công thì phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Đảng đó phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng của mình ; vì rằng : "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê-nin".

Khi nói về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã khẳng định : Đó là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Khi tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Người đã kết luận : Chúng ta giành được thắng lợi là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng : ... chúng ta giành được thắng lợi đó trước hết là nhờ có cái vũ khí không gì thay đổi được là chủ nghĩa Mác - Lê-nin" v.v...

Tất cả những điều nêu ra trên đã chứng minh rằng : *tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nguồn gốc nền tảng và chủ yếu nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

B - Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, bổ sung và phát triển nó.

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng nó không phải là phép màu có sẵn, đủ đáp án cho mọi cuộc cách mạng, mà nó chỉ là kim chỉ nam sinh động cho hành động. Những người cộng sản phải vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn của cách mạng nước mình để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cách mạng đang đặt ra.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn lấy thực tiễn của cách mạng Việt Nam, tính chất của thời đại làm cơ sở cho tư duy khoa học của mình. Người tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng sự trung thành đó là trung thành với bản chất cách mạng và khoa học của nó, chứ không phải trung thành một cách giáo điều máy móc. Sự trung thành đó thể hiện ở sự sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Người đã trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến, lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc sau khi nửa nước được giải phóng.

Tư tưởng của Người và chiến lược, sách lược về cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, về chiến tranh giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến đã được thể hiện hầu như trọn vẹn, còn cuộc cách mạng xã hội chỉ mới được một phần, vì miền Bắc mới bước vào chặng đường đầu của thời kỳ quá độ và công cuộc xây dựng đó chủ yếu nhằm làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xác định đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ; trong 2 cuộc chiến tranh giải phóng và trong công cuộc xây dựng Đảng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến rất lớn lao :

1 - Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn xã hội Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công đường lối cách mạng ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến.

Nếu như ở các nước tư bản phát triển, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, thì ở một nước thuộc địa như nước ta, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội là mâu thuẫn giữa dân tộc và ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Nếu như vấn đề dân tộc là vấn đề thứ yếu trong nội dung của chủ nghĩa Mác so với vấn đề giải phóng giai cấp công nhân, thì ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến, vấn đề dân tộc lại có một vị trí khác.

Khi nước ta còn là một nước thuộc địa, nửa phong kiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát hiện ra mối quan hệ giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc và cho rằng : một khi đất nước bị ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, thì không có lợi ích giai cấp nào nằm ngoài lợi ích dân tộc và bất cứ một giai cấp nào muốn trở thành giai cấp thống trị, trước hết phải tự mình trở thành dân tộc, nên đã nắm lấy và giương cao ngọn cờ dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc thành nhiệm vụ trước tiên và chủ yếu cho cả phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Digitized by Google

Đồng thời, nhận thức được tính chất của thời đại mới, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười, Người khẳng định, chân lý của thời đại là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Người đặt cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo cách mạng thế giới, đề ra đường lối của cách mạng Việt Nam là thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, rồi tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Người chỉ ra mối liên hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng "chính quốc". Người coi cách mạng "chính quốc" và cách mạng thuộc địa như đôi cánh của một con chim và Người cũng đã nêu lên khả năng cách mạng thuộc địa có thể thành công trước cách mạng "chính quốc".

Rõ ràng ở Người, có sự kết hợp nhuần nhuyễn và sâu sắc vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, dân tộc với quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, cách mạng thuộc địa với cách mạng "chính quốc".

Tư tưởng "không có gì quý hơn độc lập, tự do" của Người bao trùm lên các quá trình cách mạng Việt Nam : Đường lối của Người xuyên suốt cuộc cách mạng là "giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội". Quan niệm của Người trong cuộc đấu tranh là "cách mạng là tiến công", "kết hợp chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế trong sáng", "độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, nhưng biết tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế".

Trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tư tưởng của Người là triệt để thực hiện các nguyên tắc sau đây :

Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng ; Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nông làm nền tảng và không ngừng củng cố, mở rộng theo yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng đến sự lãnh đạo của giai cấp công nhân ; mặt trận nhân dân 3 nước Đông Dương ; mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam ; triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, phân hóa chúng cao độ trong quá trình cách mạng.

Phải chăm lo xây dựng nhà nước vững mạnh. Nhà nước đó là nhà nước "của dân, do dân và vì dân". Nhà nước đó dựa trên cơ sở công nông liên minh, do giai cấp công nhân lãnh đạo, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và quản lý xã hội bằng pháp luật.

Người cho rằng, để phát huy được tính tích cực, sáng tạo của quần chúng nhân dân, phải thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, kiên quyết đấu tranh chống tệ quan liêu, cửa quyền, hách dịch, tham ô, lãng phí... Người coi đó là những thứ "giặc nội xâm".

Trên nền tảng lực lượng cách mạng là đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công nông làm nòng cốt, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân mang bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc, có phẩm chất cách mạng tốt đẹp, có năng lực chiến đấu giỏi "trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Phương pháp cách mạng của Người là : biết thắng kẻ địch từng bước, biết phát huy sức mạnh tổng hợp, biết tạo thời cơ và nắm thời cơ.

2 - Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta phải trải qua hai cuộc kháng chiến mới giành được thắng lợi. Kế thừa truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, học tập kinh nghiệm chiến tranh của các nước anh em, vận dụng sáng tạo học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn của chiến tranh cách mạng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, phải lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy thô sơ thắng hiện đại.

Hạt nhân của sự sáng tạo trong tư tưởng quân sự của Người là phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân - sức mạnh đó là sức mạnh của các yếu tố : chính trị, tinh thần, tổ chức, con người, vũ khí - kỹ thuật và cách đánh của lực lượng vũ trang và các hình thức, phương pháp đấu tranh của quần chúng nhân dân.

Tư tưởng về chiến tranh nhân dân của Người hết sức phong phú, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với đấu tranh vũ trang, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đánh địch khắp nơi, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh của các binh đoàn chủ lực, kết hợp đánh lớn, đánh vừa đánh nhỏ và đánh địch khắp nơi, kết hợp tác chiến với địch vận. Về lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Tất cả các hình thức và biện pháp đấu tranh của chiến tranh nhân dân là một thể thống nhất tạo thành sức mạnh tổng hợp để tiến công tiêu diệt quân thù. Tư tưởng chiến lược tiến công đó là hạt nhân cơ bản

Digitized by Google

của nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Tư tưởng tiến công đó bắt nguồn từ truyền thống bất khuất của dân tộc ta, từ tinh thần "không có gì quý hơn độc lập tự do" và ý chí "quyết chiến, quyết thắng" của quân và dân ta và khả năng thực hiện nó một khi biết phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh toàn dân và toàn diện.

Đi đôi với phát huy sức mạnh tổng hợp, Người còn chỉ ra phương pháp biết đánh thắng địch từng bước cho đúng ; biết tạo thời cơ, nắm thời cơ và có phương hướng chiến lược chính xác. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, phương hướng chiến lược đó là : đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào. Thực tiễn của cuộc chiến tranh đã diễn ra như vậy.

Những sáng tạo trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong cuộc chiến đấu của một dân tộc, người không đông, đất không rộng, kinh tế nghèo nàn, khoa học kỹ thuật lạc hậu, phải lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy thô sơ thắng hiện đại, để đánh bại 2 tên đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế, quốc phòng đồ sộ, có khoa học - kỹ thuật hiện đại, có đội quân nhà nghề được huấn luyện kỹ và được trang bị đến tận răng là một sự kiện nổi bật của thế kỷ XX, và là một cống hiến xuất sắc vào học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

3 - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành công trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Cũng là những nguyên lý mác xít lê-nin nít về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, nhưng ở Người có rất nhiều sáng tạo đặc sắc.

Nếu như ở các nước tư bản phát triển, Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân thì ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Trong điều kiện xã hội thuộc địa nửa phong kiến của nước ta, nền sản xuất nhỏ là chủ yếu và sự ra đời của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước thì tất yếu thành phần xã hội của đội ngũ đảng viên không giống như thành phần xã hội của đội ngũ đảng viên ở các nước tư bản phát triển. Nếu như thành phần xã hội của đội ngũ đảng viên ở các nước tư bản phát triển là công nhân, chủ yếu là công nhân đại công nghiệp, thì thành phần xã hội của đội ngũ đảng viên của Đảng ta chủ yếu là từ nông dân và tiểu tư sản.

Để khắc phục nhược điểm này, Người chỉ ra : tuy Đảng ta không thành phần chủ nghĩa, nhưng không thể không cải thiện thành phần giai cấp trong Đảng bằng cách tăng cường kết nạp đảng viên từ giai cấp công nhân, đồng thời phải lấy phương hướng chủ yếu trong xây dựng Đảng là chăm lo xây dựng bản chất giai cấp công nhân, tính tiên phong của người cộng sản cho đội ngũ đảng viên một cách thường xuyên và có hệ thống.

Để xây dựng bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Người chỉ rõ, phải xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Xây dựng về chính trị là phải thường xuyên giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nhất là đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ đó làm rõ ta, bạn, thù, mục tiêu lý tưởng chiến đấu, giải quyết đúng đắn, mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa chủ nghĩa yêu nước và tình cảm quốc tế chủ nghĩa, giữa lý tưởng độc lập dân tộc và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Đặc biệt là làm rõ mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc để giải quyết đúng đắn mối quan hệ trong nội bộ Đảng, trong nội bộ phong trào cách mạng và làm cho cán bộ, đảng viên không mơ hồ giai cấp, không hữu khuynh, cũng như không cực đoan "tả" khuynh mà biết chăm lo tập hợp lực lượng cách mạng vào mặt trận dân tộc thống nhất, lấy liên minh công nông làm nền tảng và biết ngăn ngừa chủ nghĩa dân tộc cực đoan bắt nguồn từ một xã hội nông dân và tiểu tư sản.

Xây dựng Đảng về tư tưởng là chăm lo giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm cho nó trở thành hệ tư tưởng thống trị trong Đảng. Hệ tư tưởng đó trang bị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thế giới quan và phương pháp luận khoa học để xem xét và giải quyết các vấn đề của cách mạng và của đời sống.

Xây dựng Đảng về tổ chức là nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Tập trung ở đây là tập trung trên cơ sở dân chủ, chứ không phải tập trung quan liêu, chuyên quyền, độc đoán cá nhân. Dân chủ ở đây không phải là dân chủ hình thức hay

Digitized by Google

dân chủ cực đoan, mà là dân chủ thực sự nhằm phát huy trí tuệ của mọi người đóng góp vào việc chung nhất là đề ra đường lối, chủ trương chính sách của Đảng. Thực hiện tập trung dân chủ là nhằm làm cho sự thống nhất về tư tưởng được bảo đảm bằng sự thống nhất về tổ chức.

Cùng với phương hướng xây dựng trên đây, Người còn hết sức quan tâm đến việc lãnh đạo thực hiện nguyên tắc lãnh đạo và nguyên tắc sinh hoạt để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng thực sự là của tập thể, chứ không phải do cá nhân áp đặt và phê bình, tự phê bình thực sự là quy luật phát triển của Đảng.

Người đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Ngay sau khi giành được chính quyền, Người gửi thư cho các địa phương chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm của từng nơi. Ngay trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tại Hội nghị cán bộ lần thứ 6 (tháng 11-1949), Người đặt ra nhiệm vụ trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng và trong Di chúc của Người trước lúc đi xa, Người đã căn dặn lại điều này.

Tư tưởng về Đảng Cộng sản : "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" là tư tưởng xuyên suốt sự nghiệp xây dựng Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó đòi hỏi phải xây dựng Đảng cả về phẩm chất và năng lực.

Người coi "Đảng Cộng sản là hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc". Đảng phải thường xuyên chăm lo nâng cao trí tuệ để đề ra được đường lối đúng đắn, đưa cách mạng đến thắng lợi, làm cho "Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng". Đó là mục tiêu chiến đấu của Đảng, vì Đảng "không có mục đích nào khác ngoài lợi ích của quần chúng nhân dân".

Đảng chỉ có thể tập hợp được lực lượng quần chúng một khi Đảng có chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn, bảo đảm cho cách mạng thành công, làm cho mọi người "có công ăn việc làm, được ấm no và sống một cuộc đời hạnh phúc". Vì thế, Đảng phải có lý luận tiên phong, biết làm giàu trí tuệ của mình bằng toàn bộ trí tuệ của nhân loại.

Tư tưởng "Đảng là trí tuệ, là văn minh", "là người đầy tớ của nhân dân", Đảng phải "một lòng một dạ phục vụ nhân dân", "Đảng không phải là một tổ chức làm quan phát tài" mà phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, "làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng", là tư tưởng xuyên suốt sự nghiệp xây dựng Đảng của Người. Người coi đó là mục tiêu chiến đấu, lý do ra đời, tồn tại và là nguồn sức mạnh của Đảng.

Để làm được điều đó, Đảng phải thực sự trung thành với giai cấp và dân tộc, có mối liên hệ máu thịt với nhân dân. Mối liên hệ này chẳng những được bắt nguồn từ đường lối, chủ trương chính sách đúng đắn phản ánh được nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân, mà còn thông qua hoạt động và cuộc sống hàng ngày của cán bộ, đảng viên. Phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên có ảnh hưởng sâu sắc đến niềm tin và sự gắn bó của quần chúng nhân dân với Đảng. Vì thế, Người chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng cả về phẩm chất và năng lực. Đặc biệt là chăm lo xây dựng "tư cách người cách mạng". Tư cách đó có phần đối với mình, đối với người và đối với việc. Nó bao gồm đạo đức : cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư ; tận tụy quên mình ; kiên trì, bất khuất ; khiêm tốn, giản dị, thương yêu người, nâng đỡ người, gần gũi mọi người. Để xây dựng được tư cách người cách mạng, người cộng sản phải chống chủ nghĩa cá nhân vì nó là căn "bệnh mẹ" đẻ ra muôn vàn bệnh tật khác.

Đảng phải chăm lo xây dựng phong cách cho cán bộ, đảng viên. Những phong cách đó là : Lời nói phải đi đôi với việc làm ; đảng viên phải nêu gương cho quần chúng : "đảng viên đi trước, làng nước theo sau" ; lý luận đi đôi với thực tiễn, nhận thức thế giới để cải tạo thế giới.

Việc xây dựng thành công Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến là yếu tố hàng đầu để Đảng ta có thể lãnh đạo cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và là cống hiến về lý luận và thực tiễn vào học thuyết xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trước sau là nhà yêu nước vĩ đại, là người cộng sản chân chính, nhà lãnh đạo thiên tài có nhiều sáng tạo xuất sắc trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Những tinh hoa tư tưởng của Người là một tài sản vô giá của Đảng ta, của dân tộc ta, mãi mãi soi sáng cho sự nghiệp của chúng ta và là những cống hiến xuất sắc về lý luận và thực tiễn vào kho tàng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. ❑

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH
NHÀ XÃ HỘI HỌC CỦA HÀNH ĐỘNG

THANH LÊ *

CŨNG như C.Mác và V.I Lê-nin, Hồ Chí Minh không bao giờ tự nhận là nhà xã hội học. Thế nhưng, cuộc đời hoạt động và các tác phẩm của Người lại là những minh chứng hiển nhiên cho sự hiểu biết uyên thâm các vấn đề xã hội, một trái tim và tình thương bao la những người cùng khổ. Cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là cuộc đời của một con người bình dị, nhưng đã làm nên lịch sử của thời hiện đại ; một nhà kiến trúc tạo hình tài ba của cách mạng vô sản, một nhà xã hội học của hành động, ngọn đèn chiếu sáng đường cho cách mạng Việt Nam.

Người đã có công lớn trong phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vận dụng vào thực tiễn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Các tác phẩm của Hồ Chí Minh đều mang tính khoa học và thực tiễn, chứa đựng nội dung xã hội sâu sắc.

Nếu Mác - người sáng tạo ra lý luận cách mạng vô sản và Ăng-ghen - người đã góp phần hình thành nên thế giới quan cách mạng của giai cấp vô sản - chủ nghĩa duy vật biện chứng trong phạm vi đời sống xã hội và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong những quy luật phát triển xã hội, đã mở ra một bước ngoặt mới trong lịch sử triết học và thiết lập nên một xã hội mới, thì Lê-nin là người đã phát triển chủ nghĩa Mác, biến nó thành công cụ cải tạo xã hội. Chứng minh tính khoa học của xã hội học mácxít, Người đã khẳng định : *tư tưởng đó* (tư tưởng Mác xít) *của chủ nghĩa duy vật trong xã hội học là một tư tưởng thiên tài.*

Còn Hồ Chí Minh từ một nhà yêu nước đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người đã truyền bá và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh Việt Nam.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII tại Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ :

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại". Cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng lý luận cho mọi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Người đã chỉ ra những vấn đề cơ bản của xã hội Việt Nam, xác định mục tiêu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng. Quan điểm *"Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"* là cống hiến quan trọng của Người vào kho tàng lý luận về xã hội học Mác - Lê-nin, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài suốt mấy thập kỷ.

Công lao to lớn của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người thể hiện ở chỗ, Người đã rất chú ý tới các lĩnh vực chính trị - xã hội cụ thể ; đưa ra những cơ sở lý luận cơ bản cũng như những phương pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề bức xúc.

Tình hình xã hội lúc bấy giờ là : bọn đế quốc thực dân áp dụng những chế độ phân biệt ở Bắc, Trung, Nam Việt Nam nhằm thực hiện chính sách "chia để trị", gây chia rẽ, hận thù giữa các giai cấp và các tầng lớp xã hội, đánh vào tâm lý tư hữu, tự do cá nhân tư sản và đặc biệt kích động phong trào chống cộng trong dân chúng. Không những thế, chúng còn dùng mọi biện pháp chia rẽ tôn giáo, dân tộc. Từ sự hiểu biết sâu xa sự phát triển của phong trào cách mạng và trên cơ sở phân tích lô gic tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở nước ta trong thời kỳ đó, Người đã phát triển *mặt trận đoàn kết dân tộc* thống nhất rộng lớn chưa từng có. Đây là một nhân tố vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Chủ trương đoàn kết sáng suốt, kịp thời và phù hợp của Người đã tranh thủ được nhiều đảng phái tiến bộ khác nhau, các tổ chức tôn giáo yêu nước, các đối tượng thanh niên, sinh viên, học sinh, và trí thức giác ngộ cách mạng, thậm chí thu phục được cả một số quan lại từng làm việc cho triều đình nhà Nguyễn. Quan điểm của Người là : dù lòng yêu nước ở mỗi con người nhiều hay ít ta cũng phải bằng mọi cách khơi dậy cho bằng hết và có hình thức tổ chức, có quan hệ thích hợp, tạo

(*) Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

điều kiện cho họ tham gia sự nghiệp cứu nước. "Năm ngón tay cũng có ngón ngắn, ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc".

Người đã tận dụng tối đa những gì có thể làm được để hình thành các tổ chức xã hội cả ở những vùng xa xôi, hẻo lánh nhằm tuyên truyền vận động quần chúng đi theo cách mạng. Trong cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh luôn là linh hồn của sự đoàn kết toàn dân, hết lòng chăm lo đến đời sống của nhân dân. Người đã tiếp sức cho tất cả các tầng lớp xã hội bằng tấm lòng hào hiệp, thông cảm, yêu thương. Người thương các chiến sỹ ngoài mặt trận, thông cảm những nỗi đau xé lòng của đồng bào miền Nam khi chưa được giải phóng. Người nói : "Hình ảnh đồng bào miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi". "Một ngày miền Nam chưa được giải phóng, Tổ quốc chưa được thống nhất là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên". Suốt cả cuộc đời "tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".

Với ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã chiến thắng chủ nghĩa thực dân, giành được toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất đất nước, từng bước xây dựng đời sống hạnh phúc cho nhân dân. Bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo Người, phải biết rõ đặc điểm riêng của đất nước là xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ, kinh tế lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải được tiến hành theo từng bước vững chắc, không nóng vội, đốt cháy giai đoạn. Trước hết, phải phấn đấu để người lao động có công ăn việc làm, được học hành, hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Để trả lời câu hỏi : Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì ? Người đã diễn đạt một cách hết sức đơn giản và dễ hiểu là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động".

Hồ Chí Minh đã viết hàng ngàn bài báo đăng và chuyển tải trên 50 tờ báo, tạp chí, đài phát thanh. Những bài báo do Người viết đăng trên báo *Le Paria (Người cùng khổ)*, các báo của Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Liên Xô, Quốc tế Cộng sản trước năm 1930 đã vạch trần sự hà khắc của chế độ thực dân, đế quốc trong chính sách vơ vét, bóc lột thậm tệ các nước thuộc địa. Bằng lời, Người đã vẽ nên những bức tranh sống động, mô tả cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa ở Đông Dương, ở châu Á, châu Phi, Mỹ La-tinh và Bắc Mỹ chống lại bọn thực dân, đế quốc. Những bài báo đầy sức thuyết phục đó đã chứng tỏ rằng, Người không chỉ hiểu rất rõ tình hình các nước thuộc địa mà còn có một tấm lòng cảm thông sâu sắc và một ngòi bút sắc sảo. Bằng lập luận và lý lẽ đanh thép, đầy sức thuyết phục, tiếng nói báo chí của Người đã góp phần khích lệ các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, chống lại những quan điểm sai trái. *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* do Người viết chính là bản cáo trạng lên án chế độ thực dân nói chung. Nó không những có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với sự nghiệp cách mạng nước ta, mà còn góp phần hình thành chiến lược cách mạng thế giới. Luận điểm cách mạng nổi tiếng của Người : *"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"* mang giá trị xã hội to lớn cả về mặt chính trị, đạo đức, nhân văn.

Những tác phẩm của Người như : *Đường cách mệnh, Nhật ký chìm tàu, Ngục trung nhật ký, Tuyên ngôn độc lập, Sửa đổi lối làm việc, Di chúc...* là những tác phẩm sống mãi không chỉ trong lòng nhân dân Việt Nam mà cả với nhân dân thế giới, bởi nó bao hàm nội dung xã hội và nhân văn rất sâu sắc của xã hội học mác xít ; là lời kêu gọi tự do, bác ái và công bằng cho con người. Để viết nên những bài báo làm rung động hàng triệu con tim, sống mãi với bạn đọc thế giới, Người đã phải dày công nghiên cứu, thu thập tư liệu ; duy trì một chế độ làm việc miệt mài, khoa học.

Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã đặt nền móng xây dựng xã hội mới, con người mới Việt Nam. Từ thực tế cuộc sống và cách mạng Việt Nam, Người luôn coi trọng việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ; coi trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện năng lực và phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Người đặt lên hàng đầu "tư cách người cách mệnh", "muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người thấm nhuần đạo đức xã hội chủ nghĩa". Bản thân Người cũng là tấm gương sáng về lối sống giản dị, là hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời đại mới cho mọi người noi theo.

Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ cách mạng thiên tài, danh nhân văn hóa kiệt xuất, nhà sư phạm mẫu mực, Người đồng thời là nhà xã hội học uyên bác. Tất cả những phẩm chất đó thể hiện trong sự nghiệp vĩ đại của Người - sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Người đã góp phần xây dựng nên khuôn mẫu cho lý tưởng, đạo đức, lối sống ; mở ra phương hướng kế tục sự nghiệp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người không chỉ xây dựng một quan niệm đúng đắn về đời sống xã hội mà còn hình thành nên một nền tảng lý luận khoa học về sự phát triển xã hội, chính ở đó Người đã có đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển khoa học nghiên cứu về xã hội nói chung và xã hội học mác xít nói riêng. Tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của Người đã chiến thắng, lan tỏa và sẽ còn sống mãi. ❑

Digitized by Google

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KINH TẾ

NGUYỄN THẾ HINH *

VẤN đề cán bộ nói chung và cán bộ quản lý kinh tế nói riêng là một mảng vấn đề lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong thực tế nghiên cứu và giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay, có thể nói vấn đề này chưa được coi trọng như nó vốn có và cần phải có. Hơn nữa sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách về cán bộ. Một trong những nguy cơ lớn được Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX nhấn mạnh, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm mất lòng tin của nhân dân. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ quản lý kinh tế là rất cần thiết trong tình hình hiện nay.

Khẳng định vai trò quan trọng của công tác quản lý kinh tế đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh viết : "Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc *quản lý kinh tế tài chính* là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc"(1). Cho nên phải tăng cường và củng cố các việc quản lý : quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý tiền bạc, v.v...

Tuy nhiên, công việc quản lý tốt hay không, trước hết là do cán bộ quản lý. Cán bộ quản lý giống như bộ phận truyền dẫn, cầu nối để bảo đảm cho bộ máy chạy đều và chạy khỏe. Đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ có đến được với nhân dân, có được thực hiện trong thực tiễn hay không là nhờ có sự tổ chức, hướng dẫn của cán bộ quản lý kinh tế. Ngược lại nhân dân thực hiện đến đâu, có khó khăn gì ; chủ trương, chính sách phải bổ sung ra sao, thay đổi thế nào cho phù hợp với thực tế khách quan cũng phải cần đến cán bộ. Cho nên Hồ Chí Minh coi cán bộ là "gốc" của mọi công việc. Người nói : "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc"(2).

Nhấn mạnh vai trò của cán bộ, Hồ Chí Minh ví họ như tiền vốn của đoàn thể. Đó chính là điều kiện quan trọng nhất trong sản xuất kinh doanh và bảo đảm có lãi. Người nói : "cán bộ là tiền vốn của đoàn thể". Có vốn mới làm ra lãi. Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn (3).

Vậy cán bộ tốt theo quan điểm của Hồ Chí Minh là thế nào ? Vấn đề quan tâm trước tiên của Người là *đạo đức* cách mạng. Nếu người cán bộ mà không có đạo đức cách mạng thì không thể lãnh đạo được quần chúng, không làm nổi việc gì. Đạo đức cách mạng của người lãnh đạo quản lý kinh tế là phải khiêm tốn học hỏi bạn bè, tích cực học tập trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng phục vụ cho lợi ích chung của Đảng, của nhân dân và của xã hội. Trong "Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ", Hồ Chí Minh viết : "Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cựu, càng giỏi, càng phải khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ, phải nhớ câu nói của ông thầy chúng ta : "Phải học, học thêm, học nữa". Tự mãn, tự túc là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm" (4).

---

* TS. Giảng viên Đại học kinh tế quốc dân

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, t 11, tr 110

(2) *Sđd*, t 5, tr 269

(3) *Sđd*, t 6, tr 46

(4) *Sđd*, t 5, tr 74

Digitized by Google

Trong cuộc nói chuyện với cán bộ tỉnh Thanh Hóa (tháng 2-1947), Hồ Chí Minh xác định cán bộ phải có 5 đức tính cơ bản là : *Mình đối với mình :* Đừng tự mãn, tự túc ; nếu tự mãn, tự túc thì không tiến bộ. Phải tìm học hỏi cầu tiến. Đừng kiêu ngạo, học lấy điều hay của người ta. Phải siêng năng tiết kiệm. *Đối với đồng chí mình* : phải thân ái với nhau, nhưng không che đậy những điều dở. Không nên tranh dành ảnh hưởng của nhau. Không nên ghen ghét đố ky và khinh kẻ không bằng mình. Bỏ lối hiếu danh, hiếu vị. *Đối với công việc :* Trước hết, phải nghĩ cho kỹ, có việc làm trước mắt thành công nhưng thất bại về sau. Có việc địa phương này làm có lợi nhưng hại cho địa phương khác. Những cái như thế phải tránh... *Đối với nhân dân...* Dân nghe theo là mình mạnh. Hiểu nguyện vọng của dân, sự cực khổ của dân. Hiểu tâm lý của dân, học sáng kiến của dân... Muốn cho dân phục phải được dân tin, muốn cho dân tin phải thanh khiết. *Đối với đoàn thể :* Mỗi đoàn thể phải vì dân vì nước... phải tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của đoàn thể. Phải tuyệt đối trung thành (5)... Hồ Chí Minh cho rằng đạo đức người cách mạng phải bảo đảm được các mặt : cần, kiệm, liêm, chính, chí, công, vô tư, hoặc đạo đức có thể nói tóm tắt là : *"Nhận rõ phải, trái. Giữ vững lập trường. Tận trung với nước. Tận hiếu với dân* (6).

Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" (năm 1947) Hồ Chí Minh đã dành cả một chương viết về tư cách và đạo đức của người cách mạng. Người cho rằng người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt sẽ ngày càng nhiều thêm. Theo Hồ Chí Minh tính tốt ấy gồm năm điều sau :

"a) *Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì, thì việc gì là việc phải họ đều làm được.

b) *Nghĩa* là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

c) *Trí* vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xem việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian.

d) *Dũng* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

đ) *Liêm* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa.

Chỉ có một thứ ham là ham học, làm việc, ham tiến bộ.

Đó là *đạo đức cách mạng*. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân..." (7)

Ở đoạn viết trên, Hồ Chí Minh nói về tiêu chuẩn của người cán bộ cách mạng chân chính nói chung và điều đó cũng hoàn toàn đúng đối với người cán bộ quản lý kinh tế nói riêng. Trong quản lý kinh tế, nếu người cán bộ không đạt được những phẩm chất nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm như trên thì nhất định người đó sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ của mình, thậm chí nếu như người đó giỏi về chuyên môn thì sẽ là tai họa cho xã hội, bởi vì chuyên môn đó chỉ có thể phục vụ cho chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, làm lợi cho một vài cá nhân và ngược lại nó sẽ xâm hại đến lợi ích chung của nhiều người khác.

---

(5) Xem *Sđd*, t 5, tr 54

(6) *Sđd*, t 7, tr 480

(7) *Sđd*, t 5, tr 251 - 253

Digitized by Google

Để xây dựng đạo đức cách mạng cho người cán bộ quản lý kinh tế, cần phải chống lại đạo đức cũ, bởi vì đạo đức cũ là cản trở lớn nhất đến việc hình thành đạo đức mới. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ phải tránh những thói hư tật xấu và đấu tranh xóa bỏ chúng, thông qua đó Người gián tiếp nói về nội dung của đạo đức cách mạng. Người chỉ ra các khuyết điểm cần tránh của cán bộ là : trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Hoặc địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt quan liêu, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức, làm việc lối bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, tự kiêu, tự mãn, chủ quan, ba hoa, tham ô, lãng phí... Người cho rằng ai tránh được những lỗi lầm đó, nhất là chủ nghĩa cá nhân thì sẽ có đạo đức cách mạng.

Hồ Chí Minh xem việc tự rèn luyện, phê bình, tự phê bình là điều kiện cơ bản để hình thành và giữ vững đạo đức cách mạng. "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong" (8). Cán bộ quản lý phải trau dồi đạo đức cách mạng : chí công, vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, một lòng một dạ phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Dùng cách thật thà tự phê bình và phê bình để tẩy trừ những thói tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, để cùng nhau tiến bộ.

Tham ô là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân, hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ. Quan liêu là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với công việc thì không điều tra nghiên cứu kỹ lưỡng, chỉ đạo thì đại khái chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác phong không dân chủ, sợ phê bình và phê bình. Không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách... vì vậy ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí.

Phải khắc phục bệnh cá nhân chủ nghĩa, bệnh công thần, óc địa vị. Nó đẻ ra nhiều cái xấu như xích mích, kèn cựa giữa cán bộ với nhau, không ai phục ai, không giúp đỡ nhau, không cộng tác chặt chẽ với nhau. Bệnh cá nhân còn dẫn đến tệ bảo thủ, quan liêu, tham ô, lãng phí, sợ khó, sợ khổ, thấy khó thì đâm ra tiêu cực bi quan. Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ khó khăn, sa vào tham ô hủ hóa, lãng phí xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành, họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập tiến bộ. Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân. Vì vậy, đạo đức cách mạng của cán bộ vừa là quan trọng với bản thân họ vừa có quan hệ đến vận mệnh của Đảng, đến sự phát triển nền kinh tế đất nước.

Người cán bộ quản lý kinh tế không những đòi hỏi phải có đạo đức mà còn phải có *tài năng*. Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều"(9). Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận. Tri thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Người cán bộ quản lý kinh tế nhất thiết phải có tài năng. Bởi vì không có tài thì làm việc gì cũng khó, thậm chí là không hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Tài năng của cán bộ quản lý kinh tế có thể hiểu đó là khả năng nắm vững chuyên môn nghiệp vụ của mình, thông thạo những công việc mà mình phụ trách. Chỉ có như vậy mới hoàn thành tốt công việc được giao. Người yêu cầu cán bộ quản lý không những thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung. Ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào phải biết rõ chuyên môn ngành đó. Hơn nữa trình độ chuyên môn phải ngày càng được nâng cao, công việc quản lý càng phải cụ thể rõ ràng. Hồ Chí Minh viết : "Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận" (10).

Hồ Chí Minh luôn luôn coi đạo đức và năng lực là hai mặt của một vấn đề trong phẩm chất, tư cách của

(8) *Sđd*, t 9, tr 293
(9) *Sđd*, t 4, tr 99
(10) *Sđd*, t 5, tr 289

Digitized by Google

người cán bộ. Người cho rằng năng lực và phẩm chất tuy có tính độc lập, song người cán bộ cách mạng phải chú ý rèn luyện, hội đủ cả hai yếu tố đó trong mình thì mới là người cách mạng hoàn chỉnh, chân chính.

Tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ II (tháng 5-1959) Hồ Chí Minh chỉ rõ : "... thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người" (11).

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đức và tài đều là quan trọng, nhưng trong mối quan hệ giữa chúng thì đức là quan trọng nhất, bởi vì đức là cơ sở cho tài nảy sinh và phát triển. Người có đức sẽ khiêm tốn học tập, rèn luyện tu dưỡng để thành tài. Có đức sẽ sử dụng cái tài đúng đắn và phục vụ lợi ích chung của xã hội nhiều hơn. Nếu có tài mà thiếu đức thì tài không thể phát huy, thậm chí còn là nguy hiểm.

Tóm lại, vấn đề đức tài của người cán bộ được Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm, và đề cập dưới nhiều góc độ, vừa căn bản vừa phong phú. Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò đức và tài của người cán bộ nói chung và cán bộ quản lý kinh tế nói riêng. Người xác định vai trò của đạo đức như là cái "gốc" của người cách mạng, là đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Những thói hư tật xấu, trái ngược với đạo đức cách mạng cần phê phán xóa bỏ. Hồ Chí Minh cũng đánh giá rất cao vai trò của trí tuệ, của yếu tố năng lực đối với người cán bộ. Người luôn luôn nhấn mạnh phải nâng cao trình độ lý luận, trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, coi đó là điều kiện hết sức quan trọng, cần thiết của người cách mạng, nhất là trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh luôn coi cán bộ là "gốc" của mọi công việc. Vì vậy, Đảng ta luôn quan tâm tới việc đào tạo huấn luyện cán bộ. Việc đào tạo cán bộ quản lý kinh tế có liên quan rất lớn đến công tác giáo dục. Giáo dục là sự chuẩn bị bước đầu như người trồng cây phải có giai đoạn gây giống, ươm mầm. Chỉ có làm tốt công tác giáo dục mới tạo cơ sở vững chắc cho vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ sau này. Hồ Chí Minh khẳng định : "Bây giờ xây dựng kinh tế. Không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa. Trong việc đào tạo cán bộ, giáo dục là bước đầu" (12).

Đào tạo huấn luyện cán bộ là để tạo ra những cán bộ quản lý kinh tế vững vàng cả về đạo đức cách mạng, cả về trình độ lý luận và trình độ chuyên môn. Đào tạo huấn luyện cán bộ quản lý kinh tế là dạy cho họ nắm được công việc của mình phụ trách và phải làm gì để thực hiện được công việc đó. Trong "Thư gửi Hội nghị cán bộ tài chính" (tháng 2-1952) Hồ Chí Minh viết : "*Cán bộ tài chính* - Nên tìm rõ những nguyên nhân vì sao chưa nắm vững và chưa thực hiện chính sách về thu và chi của Chính phủ ? Trong công tác *thuế nông nghiệp*, những khuyết điểm gì đã ngăn cản một số địa phương thực hiện đúng mức Chính phủ đã định ? Cần phải sửa chữa thế nào, để công tác thuế nông nghiệp năm nay có kết quả tốt hơn ?

Cán bộ mậu dịch - Phải làm thế nào để ổn định giá cả, và để đạt mục đích : Xuất nhiều hơn nhập ?

Cán bộ ngân hàng - Làm thế nào để nắm vững việc quản lý thu phát của chế độ kho bạc mới, để giúp ngành tài chính thực hiện thống nhất quản lý chi thu, để giúp ngân hàng nắm vững việc phát hành ?

Cán bộ tín dụng - Phải kiểm tra lại : Đã làm những gì và còn phải làm những gì để giúp ích nhân dân, để đẩy mạnh sản xuất ?

Trong khi kiểm điểm công tác ngành mình, cán bộ nên nhìn vào toàn bộ chính sách kinh tế tài chính của Chính phủ. Nên mạnh dạn phát biểu ý kiến, thật thà trao đổi kinh nghiệm - để kiện toàn ngành mình và phối hợp chặt chẽ với ngành khác, nhằm mục đích thực hiện đầy đủ kế hoạch *sản xuất và tiết kiệm* của Chính phủ năm nay.

Một điểm nữa : Cán bộ kinh tế tài chính phụ trách nhiều tiền của, mà chưa hoàn toàn thông thạo việc quản lý tiền của ấy. Cho nên chúng ta cần phải ra sức học tập quản lý tài sản quốc gia mà ngành mình phụ trách" (13).

Trong vấn đề đào tạo cán bộ, Hồ Chí Minh rất chú ý đến phương pháp học đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn, đặc biệt là phải biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" Hồ Chí Minh thường nhắc nhở "phải lấy tự học làm cốt". Vì rằng học của người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý là học của người đã trưởng

(Xem tiếp trang 41)

(11) *Sđd*, t 9, tr 172
(12) *Sđd*, t 8, tr 184
(13) *Sđd*, t 6, tr 415, 416

Digitized by Google

THAM LUẬN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU TẠI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG *

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Cù Thị Hậu, đại biểu Đảng bộ khối các cơ quan Dân vận Trung ương

... Trong sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, cùng với những thành tựu phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội của đất nước, hơn 15 năm qua giai cấp công nhân Việt Nam đã không ngừng phát triển về số lượng, chất lượng, về cơ cấu ngành nghề, trình độ học vấn, tay nghề, ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong công nghiệp, vươn lên đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Tuy nhiên, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, những nhược điểm yếu kém vốn có trong công nhân cũng bộc lộ rõ. Số lượng công nhân, viên chức, lao động nước ta còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số và lao động. Trình độ học vấn, tay nghề còn thấp so với yêu cầu, ý thức học tập nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ chưa cao. Còn một số đông chưa được đào tạo nghề. Giác ngộ giai cấp còn hạn chế, nhất là đối với công nhân trẻ. Ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, tác phong công nghiệp còn yếu. Ngoài những nhược điểm mang tính chủ quan, sự phân hóa giàu nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm và mâu thuẫn quan hệ lao động đang diễn ra gay gắt. Đó là những nhược điểm và khó khăn đang cản trở sự phát triển, cần phải được nhanh chóng khắc phục.

Trong tình hình hiện nay, để giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, giữ vững bản chất của giai cấp công nhân, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta tập trung những giải pháp chính sau :

Một là, Đảng sớm ra nghị quyết về giai cấp công nhân làm cơ sở xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh toàn diện đóng vai trò quan trọng đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển và xây dựng tổ chức của Đảng trong các thành phần kinh tế để mọi cơ sở sản xuất kinh doanh đều có tổ chức đảng, tạo chỗ dựa vững chắc cho tổ chức công đoàn.

Hai là, Nhà nước có chiến lược xây dựng giai cấp công nhân, nghiên cứu đổi mới từng bước, toàn diện các chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân, nhất là các chính sách về việc làm, đời sống, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động. Đây vừa là vấn đề bức xúc trước mắt vừa là vấn đề chiến lược lâu dài liên quan đến ý thức, hành động, tâm tư, tình cảm, lòng tin và khả năng sáng tạo của đội ngũ công nhân nước ta. Đảng và Nhà nước tạo động lực thông qua các chính sách ; bằng chính sách tạo cho giai cấp công nhân gắn bó và trung thành với Đảng, với dân tộc, có khát vọng và quyết tâm phấn đấu vươn lên trong học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học công nghệ, tích cực và sáng tạo, lao động, sản xuất và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, cho dân tộc. Chú trọng cải tiến chính sách tiền lương, tiền công, chính sách nhà ở, quan tâm cải thiện đời sống vật chất tinh thần, cho công nhân.

Ba là, Nhà nước tăng đầu tư, phát triển đa dạng hình thức đào tạo lại, bồi dưỡng cho công nhân lao động, có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia đào tạo để tất cả mọi người đều có cơ hội học tập, tạo thành phong trào học tập nâng cao học vấn, tay nghề nhất là đối với công nhân trẻ, tạo nên một xã hội học tập, học ở trường, ở nhà, học ở nhà máy, doanh nghiệp, cơ quan, học trong sách vở và trong thực tiễn, học

* Tiếp theo Tạp chí Cộng sản số 9 (5-2001)

Digitized by Google

cả về chuyên môn nghiệp vụ cả về chính trị - tư tưởng, pháp luật và những tinh hoa truyền thống văn hóa dân tộc. Lựa chọn bồi dưỡng những công nhân, cán bộ tiêu biểu từ phong trào để xem xét kết nạp vào Đảng, bổ sung đội ngũ cán bộ cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Không thể để tình trạng giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo và ngày càng lớn mạnh mà tỷ lệ công nhân trong Đảng, trong bộ máy nhà nước lại không tương xứng.

Bốn là, Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, là nơi tập hợp giai cấp công nhân, là sợi dây nối liền giữa Đảng với công nhân, là cơ sở xã hội của Đảng. Đảng tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với tổ chức công đoàn ; Nhà nước cụ thể hóa chủ trương, kế hoạch xây dựng giai cấp công nhân, tạo mọi điều kiện để công đoàn hoạt động, nhất là việc tập hợp công nhân, phát triển công đoàn ở các thành phần kinh tế làm cho mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được đến với mọi công nhân lao động.

XÂY DỰNG GIAI CẤP NÔNG DÂN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Đức Triều, đại biểu Đảng bộ khối các cơ quan Dân vận Trung ương

... Thành tựu của công cuộc đổi mới, kinh tế đất nước phát triển thu nhập của nông dân ngày một tăng, đời sống được cải thiện rõ rệt. Công tác xóa đói giảm nghèo đã thu nhiều kết quả nổi bật, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm và hộ khá giàu tăng lên, được thế giới đánh giá cao.

Đường lối chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước là nguyên nhân tạo động lực cho nông dân phát triển sản xuất - kinh doanh ; hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ đã nêu cao tính tự lực, tự cường khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo, nhanh nhạy áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Những thành tựu đạt được trong thời gian qua đã tác động tích cực chặn đà giảm sút kinh tế và góp phần ổn định chính trị - xã hội đất nước và có tác động trở lại vào việc bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách cho phù hợp hơn.

Để tiếp tục xây dựng giai cấp nông dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau :

Một là, Nhà nước đầu tư cho việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở và tăng nguồn ngân sách về công tác chuyển giao khoa học - kỹ thuật, công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho nông dân. Riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần dạy tiếng dân tộc cho cán bộ người Kinh và dạy tiếng phổ thông cho cán bộ và đồng bào dân tộc. Đồng thời cung cấp một số sách, báo không thu tiền cho các xã vùng dân tộc cũng như tiếp tục phát huy và xây dựng các nhà bưu điện văn hóa xã, tủ sách pháp luật. Có chính sách đủ mạnh khuyến khích cán bộ con em nông dân miền núi học văn hóa, chuyên môn, giúp nhau học nghề, đưa cán bộ khoa học - kỹ thuật về phục vụ nông thôn nhất là những nơi khó khăn.

Hai là, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, tập trung chỉ đạo phát triển các làng nghề, phát triển công nghiệp và dịch vụ để thu hút lao động nông nghiệp. Có chính sách khuyến khích và sớm hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất, giao đất, giao rừng cho nông dân để khai thác tốt tiềm năng của rừng và đất rừng, khắc phục tình trạng tranh chấp đất đai giữa nông dân với nông dân, giữa người địa phương với đồng bào mới đến, giữa nông dân với các nông, lâm trường và cơ quan nhà nước. Đi đôi với bảo đảm an toàn lương thực, cần mạnh dạn có chính sách chuyển những diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng cây con khác hiệu quả cao hơn.

Ba là, khắc phục tình trạng quá tải đối với cán bộ tín dụng như hiện nay, mỗi cán bộ còn phải phụ trách tới trên 1000 hộ, việc thẩm định dự án chậm và thiếu chuẩn xác, giải ngân chậm và tăng cường số và chất lượng cán bộ tín dụng, dựa vào các đoàn thể nhân dân, xây dựng các tổ vay vốn đáp ứng nhu cầu về vốn cho nông dân kịp thời phát triển sản xuất.

Digitized by Google

Bốn là, giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh gắn với chế biến. Thực hiện chế độ hợp đồng, đầu tư, ứng trước và bao tiêu sản phẩm. Hướng dẫn nông dân tìm đối tác đầu tư và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước cũng như trách nhiệm của người nông dân trong việc thực hiện hợp đồng.

Năm là, đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Mở rộng mạng lưới giao thông và điện đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng trường học, trạm y tế bảo đảm nhu cầu học tập và chữa bệnh. Phát triển thị trấn, thị tứ và chợ nông thôn. Cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường. Đối với vùng nghèo, xã nghèo thực hiện phương châm nhà nước cung ứng một phần vật tư và hướng dẫn kỹ thuật, công nghệ, nông dân góp công lao động góp tiền trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Sáu là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là trọng điểm cần thực hiện nhất quán chính sách "khoan sức dân" đối với nông dân. Sớm ban hành chế độ bảo hiểm sản xuất và có cơ chế thực hiện để nông dân trực tiếp được hưởng chính sách này. Có chính sách mang tính chiến lược, để ít phải dùng biện pháp xử lý tình huống như hiện nay trong việc thu mua sản phẩm của nông dân. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp dưới mức hạn điền cho nông dân. Giảm bớt các khoản đóng góp về học hành, chữa bệnh đối với nông dân nghèo. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện trên cơ sở nông dân đóng góp là chủ yếu, nhà nước hỗ trợ một phần. Từng bước thực hiện công bằng xã hội thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch giữa nông dân với cán bộ, công nhân và nhân dân thành thị ; giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Bảy là, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm cho nông dân thực sự được phát huy đầy đủ quyền làm chủ, có cơ chế thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên tha hóa về đạo đức và lối sống, xử lý thật nghiêm những người tham nhũng và những người thiếu trách nhiệm gây thiệt hại kinh tế của nhà nước và của nhân dân.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐOÀN THANH NIÊN NHẰM PHÁT HUY NGUỒN NHÂN LỰC TRẺ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Hoàng Bình Quân, đại biểu Đảng bộ khối các cơ quan Dân vận Trung ương

... Tinh thần cơ bản và bao quát của Đại hội IX của Đảng về công tác thanh niên là ra sức đào tạo, bồi dưỡng và tích cực phát huy nguồn nhân lực trẻ để đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Vì vậy, công tác thanh niên của Đảng và trực tiếp là Đoàn thanh niên tập trung thực hiện những giải pháp chủ yếu sau :

Một là, đổi mới và tăng cường bồi dưỡng, giác ngộ lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, hun đúc ước mơ, hoài bão lớn cho thế hệ trẻ trong công cuộc dựng xây đất nước. Lòng yêu nước của thanh niên phải được thể hiện ở tinh thần tự tôn dân tộc, tự cường dân tộc, ý chí quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Đó là những giá trị truyền thống mà thế hệ trẻ ngày nay có may mắn được thừa hưởng. Song, những giá trị đó không tự đến với tuổi trẻ, mà việc đó cũng không phải của riêng Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên, Hội sinh viên mà là hội tụ trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của toàn xã hội với việc bồi dưỡng thế hệ trẻ.

- *Hai là*, từng bước nâng cao mặt bằng trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, năng lực tiếp thu, ứng dụng, sáng tạo khoa học, công nghệ tiên tiến của thanh niên. Tập trung đào tạo, hình thành một lớp thanh niên tiên tiến, đi đầu đáp ứng trình độ khoa học - kỹ thuật thời đại và có trình độ quản lý giỏi, kinh doanh giỏi làm đầu tàu để lôi kéo đông đảo thanh niên. Đồng thời, phát động phong trào học tập trong thanh niên, từng bước tri thức hóa đội ngũ lao động trong thanh niên công nhân, thanh niên nông thôn, chú trọng và khuyến khích thanh niên tự học tập, đề cao giá trị học vấn đích thực, chống thói hư danh, học tập giả dối. Thanh niên phải là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong một xã hội học tập.

- *Ba là*, đi đôi với bồi dưỡng thanh niên cần có cơ chế, chính sách phát huy mọi tiềm năng của

Digitized by Google

thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội thông qua các phong trào hành động thiết thực và hiệu quả. Trước mắt là chính sách thu hút thanh niên vào các đội hình trên các công trình trọng điểm quốc gia để tạo điều kiện cho thanh niên có cơ hội cống hiến và rèn luyện. Đặc biệt, coi trọng tạo việc làm cho thanh niên, mở rộng các ngành, nghề mới, khôi phục các nghề truyền thống, chú trọng đầu tư công nghệ và bảo quản, chế biến, phát triển xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, thúc đẩy quá trình chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học trên địa bàn nông thôn rộng lớn để thu hút lực lượng lao động trẻ đang thiếu việc làm.

Bốn là, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp công tác giáo dục chính trị và công tác tư tưởng của Đoàn mà then chốt là đưa nội dung giáo dục, bồi dưỡng đến cơ sở, đến từng đoàn viên, thanh niên phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng theo hướng tăng cường sự sáng tạo của thanh niên, để thanh niên phát huy khả năng tự tiếp nhận, tu dưỡng, rèn luyện thông qua việc đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động của Đoàn. Chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên ; đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức việc quán triệt, học tập các nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách cho thanh niên. Tổ chức, hướng dẫn cho thanh niên tự nghiên cứu, tự học tập và biết tự đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

Năm là, đổi mới hoạt động của Đoàn theo hướng thiết thực, hiệu quả gắn sát với nhu cầu, lợi ích của thanh niên. Các hoạt động của Đoàn phải trên cơ sở xuất phát từ thanh niên, do thanh niên, của thanh niên, vì thanh niên và gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước và ở mỗi địa phương, đơn vị.

Sáu là, ra sức xây dựng, củng cố tổ chức đoàn, đặc biệt là củng cố nâng cao chất lượng chi đoàn theo hướng dân chủ hóa, chương trình hóa, văn hóa hóa sinh hoạt đoàn, tạo ra môi trường giáo dục trong tổ chức có nền nếp, kỷ cương chặt chẽ. Chất lượng chi đoàn phản ánh và khẳng định chất lượng đích thực của tổ chức đoàn. Xây dựng, củng cố tổ chức đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức là sự cụ thể hóa quan điểm của Đảng "công tác đoàn là bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng" hay nói cách khác "là trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng trước một bước". Một mặt, đẩy mạnh công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên, nhất là thanh niên vùng tôn giáo, dân tộc, thanh niên, sinh viên ở nước ngoài, tăng cường tham gia hội nhập quốc tế nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm, tăng cường giao lưu đoàn kết và hiểu biết lẫn nhau giữa thanh niên Việt Nam và các nước trên thế giới. Coi trọng việc nâng cao chất lượng và số lượng đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp hằng năm để bổ sung nguồn sinh lực mới cho Đảng theo yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là yêu cầu xây dựng Đảng trong thời kỳ mới.

CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI TIẾP TỤC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Dy Niên, đại biểu Đảng bộ khối Đối ngoại Trung ương

... Đại hội IX của Đảng ta là Đại hội mở đường cho đất nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI. Trên cơ sở phân tích và đánh giá đúng đắn những diễn biến mới nhất trên thế giới và xu thế phát triển của thời đại, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ nhiệm vụ đối ngoại của đất nước ta trong thời gian tới là *"tiếp tục giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, xây dựng môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".*

Đại hội cũng đề ra phương châm cho hoạt động đối ngoại là : Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Tuyên bố chính sách đối ngoại của chúng ta là ***"Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"***.

Chúng ta thực hiện nhiệm vụ đối ngoại này trong hoàn cảnh nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới và khu vực còn diễn biến phức tạp, ẩn chứa bất trắc, đặc biệt về kinh tế vì những dấu hiệu hiện cho

Digitized by Google

thấy kinh tế Mỹ, Nhật, EU và một số nền kinh tế quan trọng đang có chiều hướng suy giảm.

Nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi cơ bản. Đó là đường lối đối ngoại đúng đắn, hợp tình, hợp lý ; là những thành tựu quan trọng đã đạt được trong hơn 55 năm xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong hơn 15 năm thực hiện đổi mới ; ngày nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước, với tất cả các nước lớn, có quan hệ thương mại với trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, là thành viên tích cực của nhiều tổ chức và diễn đàn quốc tế và khu vực ; 70 nước và vùng lãnh thổ đã thiết lập các mối quan hệ hợp tác đầu tư với Việt Nam. Vị thế quốc tế của đất nước ngày càng được tăng cường và nâng cao.

Hoạt động đối ngoại cần tập trung vào những nhiệm vụ chính sau đây:

Một là, tiếp tục phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, các tổ chức quốc tế và khu vực, các trung tâm chính trị, kinh tế lớn trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, giải quyết bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình, vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng, chống mọi âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình", gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Hai là, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Đối ngoại góp phần thu hút nguồn vốn đầu tư và viện trợ của nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hóa của Việt Nam, thúc đẩy hợp tác lao động quốc tế, tăng cường phát triển du lịch và huy động sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Hiệu quả kinh tế và chất lượng phục vụ phát triển kinh tế đang trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá hoạt động đối ngoại.

Ba là, chủ động hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế tạo nguồn lực bổ sung và hỗ trợ cho xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường hội nhập quốc tế, trước hết về kinh tế, theo tinh thần phát huy tối đa nội lực để có thể tiếp nhận và sử dụng tốt nhất ngoại lực tranh thủ được, nâng cao hiệu quả thiết thực của sự hợp tác quốc tế.

Trong quá trình này, luôn giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, sự ổn định chính trị - xã hội, bản sắc văn hóa dân tộc và môi trường sinh thái.

Bốn là, kết hợp ngoại giao song phương với ngoại giao đa phương, ngoại giao của Nhà nước với các hoạt động đối ngoại của Đảng, Quốc hội, các đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội ; phát huy hiệu quả to lớn và vai trò quan trọng của các hoạt động đối ngoại của Đảng và ngoại giao nhân dân.

Năm là, vấn đề cán bộ làm công tác đối ngoại. Thời kỳ mới và nhiệm vụ mới đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ làm công tác đối ngoại cả về phẩm chất chính trị lẫn trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Đối ngoại Việt Nam phải phấn đấu vươn lên hơn nữa để ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trở thành lực lượng cách mạng chính quy và hiện đại tương xứng với tầm vóc trí tuệ của đất nước và dân tộc hiện tại cũng như trong tương lai.

TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH QUỐC PHÒNG , BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

Phạm Văn Trà, đại biểu Đảng bộ Quân đội

... Để tăng cường sức mạnh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới, chúng ta cần tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp chiến lược. Trong tình hình hiện nay, chúng ta tập trung làm tốt mấy vấn đề sau :

Một là, xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước. Dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết, nhờ đó đã tạo ra sức mạnh vô địch để chiến thắng mọi kẻ thù và xây dựng, bảo vệ sự trường tồn của đất nước. Kế thừa và phát huy truyền thống đó lên tầm cao mới, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng sức mạnh tổng hợp dựa trên cơ sở sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, coi đó là nhân tố quyết định vận mệnh của sự nghiệp cách mạng. Sức mạnh giữ nước, được tạo ra từ sự đồng tâm, hiệp lực, thống nhất ý Đảng với lòng dân, trên dưới một lòng, đoàn kết thành một khối vững chắc, thống nhất ý chí và hành động. Để quy tụ được sức mạnh của quần chúng, trước hết

Digitized by Google

phải xây dựng được lòng tin của nhân dân vào mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lòng yêu quê hương đất nước và tin tưởng vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội. Chỉ có như vậy nhân dân mới đem hết trí tuệ, sức lực, tài sản để xây dựng quê hương, đất nước và bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc đến cùng. Vì vậy, cùng với tuyên truyền, giáo dục đường lối chính sách chung của Đảng, Nhà nước, chúng ta đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, coi trọng giáo dục lòng yêu nước, làm cho mọi người dù làm gì, ở cương vị nào cũng đều nhận rõ yêu cầu mới đối với nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Tập trung nâng cao chất lượng và tính hiệu quả thiết thực của việc bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đối với cán bộ các cấp. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, trước hết là cơ sở chính trị, trong đó coi trọng vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần ; tích cực xóa đói, giảm nghèo, chăm lo chữa bệnh, học hành cho nhân dân, nhất là ở những vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Hai là, đi đôi với việc xây dựng cơ sở chính trị, tinh thần của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chúng ta tập trung xây dựng tiềm lực và sức mạnh của nền kinh tế, khoa học và công nghệ quốc gia ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua thực tiễn 15 năm đổi mới, chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm về kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh và kết hợp quốc phòng - an ninh với đối ngoại ; về khai thác tiềm năng, tích lũy tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ phục vụ cho quốc phòng - an ninh, xây dựng thực lực quốc phòng, đặc biệt là việc tổ chức, bố trí thế trận quốc phòng - an ninh và kinh nghiệm trong xử trí các tình huống chiến lược. Thời gian tới tập trung sức cho việc xây dựng các khu vực phòng thủ địa phương đi vào chiều sâu, thiết thực, vững chắc hơn. Các cấp, các ngành có liên quan, tập trung đầu tư đúng mức cho các khu vực kinh tế trên các địa bàn trọng yếu, gắn với quốc phòng - an ninh. Trước yêu cầu mới, cần nhanh chóng nghiên cứu xây dựng "chiến lược kết hợp xây dựng với bảo vệ" và xác định các quy hoạch, kế hoạch kết hợp giữa một số lĩnh vực như quốc phòng - an ninh - kinh tế - đối ngoại.

Ba là, là lực lượng nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân, Quân đội nhân dân cần được tiếp tục xây dựng theo hướng : cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu không ngừng phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội. Xây dựng đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh... Thường xuyên giáo dục giữ vững và phát huy bản chất truyền thống cách mạng của quân đội trong điều kiện mới, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên quyết đấu tranh loại trừ âm mưu phi chính trị hóa quân đội, lấy đó làm nền tảng để xây dựng quân đội về mọi mặt ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, phải tiếp tục điều chỉnh, củng cố biên chế, tổ chức tinh gọn, mạnh, có số lượng hợp lý và trang bị phù hợp ; đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong điều kiện mới.

Bốn là, xây dựng và phát triển nền công nghiệp quốc phòng của đất nước độc lập, tự chủ với các bước đi hợp lý, vững chắc, trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực và thành tựu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; không ngừng nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ quân sự và khoa học, nghệ thuật quân sự, từng bước đáp ứng yêu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang trong thời kỳ mới.

THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Lê Quang Vịnh, đại biểu Đảng bộ khối các cơ quan Dân vận Trung ương.

... Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 ghi như sau :

"Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước" (Điều 70).

Chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới có ghi :

Digitized by Google

1. "Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và không theo đạo, cũng như giữa các tôn giáo khác nhau.

2. Đoàn kết gắn bó đồng bào theo các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Mọi cá nhân và tổ chức hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật, có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

4. Những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được đảm bảo. Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy.

5. Mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây tổn hại các giá trị đạo đức, lối sống, văn hóa của dân tộc, ngăn cản tín đồ, chức sắc các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân, đều bị xử lý theo pháp luật. Hoạt động mê tín phải bị phê phán và loại bỏ" (Chỉ thị 37/CT-TU ngày 2-7-1998).

Chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trước hết là đoàn kết dân tộc, đoàn kết người có tôn giáo với nhau, đoàn kết người khác tôn giáo với nhau, đoàn kết người có tôn giáo với người không tôn giáo với nhau, động viên nhau thực hiện mục tiêu "Độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Có một vấn đề thiết tưởng cần làm rõ để tránh ngộ nhận về chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là Đảng và Nhà nước không chống tôn giáo tức là bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, nghiêm cấm sự phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo nhưng kiên quyết chống sự lợi dụng tôn giáo. Tại sao lại đặt vấn đề như vậy ?

Lý do chủ yếu là vì trong lịch sử nước ta, các thế lực thù địch với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn luôn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ dân tộc, phá hoại độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đó là một sự thật lịch sử mà bất cứ ai khách quan, trung thực cũng đều thấy.

Chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được cụ thể hóa bằng mấy vấn đề cụ thể sau đây :

1. Các tôn giáo ở Việt Nam được hoạt động tự do trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật Nhà nước Việt Nam. Điều này cũng giống như ở các quốc gia khác và phù hợp với thông lệ quốc tế. Không có một tổ chức, cá nhân nào ở bất kỳ một quốc gia nào lại được hoạt động tự do ngoài vòng pháp luật của quốc gia đó.

Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước Việt Nam quan tâm tạo điều kiện đáp ứng những nhu cầu tôn giáo cơ bản :

+ Tự do sinh hoạt tôn giáo

+ Bảo hộ nơi thờ tự ; xây mới nơi thờ tự

+ Có trường đào tạo giáo sĩ, cho đi đào tạo ở nước ngoài

+ Có kinh sách, ấn phẩm tôn giáo

+ Được giao lưu quốc tế

2. Một tôn giáo ở Việt Nam muốn hoạt động hợp pháp phải đáp ứng đủ những tiêu chí cơ bản : có tín đồ tự nguyện tin theo ; có giáo sĩ hướng dẫn việc đạo ; có tôn chỉ mục đích hoạt động không trái với pháp luật Nhà nước ; có hệ thống giáo lý, giáo luật phù hợp ; có nơi thờ tự đảm bảo vệ sinh, an toàn ; không hoạt động mê tín dị đoan làm tổn hại đến tinh thần, vật chất, sức khỏe của tín đồ và làm ảnh hưởng đến những quyền cơ bản của người khác và phải đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Những tổ chức tôn giáo không đáp ứng đủ những yêu cầu trên đều không được hoạt động. Ở đây điều cần nói rõ, là đối với tổ chức, còn tín đồ thì hoàn toàn tự do sinh hoạt tín ngưỡng tại gia đình và nơi thờ tự hợp pháp.

3. Nhà nước Việt Nam chỉ quan tâm đến tư cách, phẩm chất công dân của những người lãnh đạo các tôn giáo, không can thiệp vào trình độ tôn giáo của những người đó.

Digitized by Google

4. Từ trước đến nay, Việt Nam không xử tù, giam giữ, quản chế hành chính bất kỳ một nhân vật tôn giáo nào vì lý do tôn giáo. Mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước Việt Nam xử lý bằng pháp luật đối với bất kỳ một công dân Việt Nam nào vi phạm pháp luật, bất kể người đó theo tôn giáo hay không theo tôn giáo và xử lý bằng pháp luật mọi hành vi lợi dụng tôn giáo, mạo danh tôn giáo để gây rối trật tự xã hội, phương hại đến an ninh quốc gia, tổn hại tinh thần, vật chất, sức khỏe của công dân.

5. Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước khuyến khích tham gia các hoạt động giáo dục, từ thiện, nhân đạo theo sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

6. Nhà nước Việt Nam không tịch thu bất cứ tài sản nào của các tôn giáo ngoại trừ nếu các tài sản đó được sử dụng như một công cụ nhằm phục vụ cho các hoạt động gây bạo loạn, lật đổ, chống lại Nhà nước và nhân dân.

7. Các tổ chức, cá nhân tôn giáo được tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu quốc tế, được đi đào tạo ở nước ngoài. Rất nhiều các tổ chức tôn giáo quốc tế đã vào Việt Nam giao lưu với các tổ chức tôn giáo Việt Nam mà không bị cản trở gì.

KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU LÝ TƯỞNG, GIỮ VỮNG CHUẨN GIÁ TRỊ XÃ HỘI VIỆT NAM, NGĂN CHẶN VÀ ĐẨY LÙI CÁC BIỂU HIỆN CỦA CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

Hữu Thọ, đại biểu Đảng bộ khối cơ quan Trung ương về công tác Tư tưởng

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đề cập những công tác quan trọng xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó có nhiệm vụ thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Trước lúc từ biệt chúng ta, cùng với bản Di chúc lịch sử, đúng ngày kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3-2-1969), Bác Hồ công bố bài báo nổi tiếng : "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Những người mắc chủ nghĩa cá nhân, như Bác Hồ phân tích, là những người "làm việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết... Do chủ nghĩa cá nhân mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí xa hoa. Họ ham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ. Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích cách mạng, của nhân dân"(1). Bác Hồ lại nói : "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu... Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa"(2). Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chúng ta phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân theo tinh thần đó của Người.

Trong tham luận này, chúng tôi không đi sâu phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân với nhiều màu vẻ rất phức tạp của nó đang diễn ra mà khi phát triển tới chỗ cực đoan thì chủ nghĩa cá nhân đã có lúc biến con người thành kẻ "bất nhân". Chỉ xin phân tích chủ nghĩa cơ hội, những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa hoặc "tư tưởng cơ hội" mà Báo cáo Chính trị đã đề cập, vì trong những ý kiến đóng góp của nhiều đồng chí lão thành cách mạng và các tầng lớp nhân dân đối với dự thảo Văn kiện Đại hội đều nêu lên và phân tích vấn đề quan trọng này.

Con người nào, tổ chức nào cũng tìm kiếm mọi cơ hội để vươn lên ; bỏ lỡ cơ hội sẽ thiệt thòi lớn ;

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 438

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 293

Digitized by Google

năng lực tranh thủ thời cơ và mọi cơ hội để làm giàu cho đất nước, cho đơn vị và cho gia đình là một phẩm chất cần phải có, nhất là trong lúc này. Tuy nhiên, điều đó hoàn toàn khác với chủ nghĩa cơ hội, hoặc khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa mà ta cần kiên quyết đấu tranh ngăn chặn.

Chủ nghĩa cơ hội, xét về khuynh hướng chính trị, là hệ thống quan điểm chính trị không theo một định hướng, một đường lối rõ rệt, không có chính kiến hẳn hoi, không kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, hay ngả nghiêng, khi thì ngả theo bên này, khi thì ngả theo bên kia, vì chủ nghĩa cơ hội có cả biểu hiện "hữu" và "tả". Nhưng chủ nghĩa cơ hội còn biểu hiện trong đời sống hằng ngày và những người lợi dụng cơ hội, mưu cầu những lợi ích trước mắt, cục bộ, cá nhân, bất kể việc làm đúng hay sai chủ nghĩa cơ hội là một biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thuộc phạm trù đạo đức. Người ta không phải không biết mối quan hệ đó, nhưng không mấy khi gộp vào làm một, mà thường tách riêng ra vì tính chất rất nguy hiểm của những người cơ hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội và trong sinh hoạt Đảng Cộng sản. Chính vì vậy, trong từ ngữ tiếng Việt có chủ nghĩa cơ hội, lại có thái độ cơ hội, lối sống cơ hội. Tôi đề nghị trong Báo cáo Chính trị chỉ nên viết từ "cơ hội" để bao quát cả hai loại "cơ hội" cần phải đấu tranh, khắc phục, hoặc nói rõ: "đấu tranh chống tư tưởng cơ hội" vì trong thực tế đang diễn ra còn có "hành vi cơ hội" dưới nhiều màu sắc đang phát triển, rất phức tạp, rất nguy hiểm cho Đảng.

Những người mắc vào chủ nghĩa cơ hội, khuynh hướng cơ hội về chính trị hoặc có thái độ, lối sống cơ hội trong đời sống có một đặc tính chung là xa rời nguyên tắc, cả trong nguyên tắc chính trị, nguyên tắc tổ chức cũng như nguyên tắc sống trong quan hệ với cộng đồng, với đồng chí, bạn bè. Nhưng lại cần học tập cách phân tích về chủ nghĩa cá nhân của Bác Hồ để khỏi lầm lẫn giữa linh hoạt và kiên định, giữa mềm dẻo sách lược và dao động về nguyên tắc, giữa bao dung và thỏa hiệp, giữa hòa hiếu, ứng xử có văn hóa và luồn lách sống có thủ đoạn trong phẩm chất và nhân cách con người.

Trong truyền thống văn hóa của dân tộc, ông cha ta chấp nhận và khuyến khích những con người năng động, thích nghi khi cho phép "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", nhưng bác bỏ và lên án những kẻ giảo hoạt tìm cách "gió chiều nào che chiều ấy", hoặc độc ác, lợi dụng "dậu đổ bìm leo". Trong đời sống chính trị đất nước và đời sống bình thường của con người, Đảng ta luôn luôn khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của đảng viên và mỗi tổ chức đảng, nhưng luôn luôn phê phán, đấu tranh với những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong khuynh hướng chính trị và trong thái độ sống. Chính từ ngày đổi mới đến nay, các văn kiện quan trọng của Đảng đều chỉ rõ : phải đấu tranh với các khuynh hướng cơ hội và biểu hiện cơ hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội VI, mở đầu thời kỳ đổi mới ghi rõ : phải "chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức", "có thái độ nghiêm khắc với những kẻ xu thời, vụ lợi, xu nịnh". Văn kiện đại hội VII ghi : "chống chủ nghĩa cơ hội và mọi biểu hiện bè phái trong Đảng". Văn kiện Đại hội VIII nhận định: trong Đảng có những người có "khuynh hướng cơ hội", coi đấu tranh kiên quyết chống những biểu hiện "cơ hội" như một việc cần thực hiện, một giải pháp quan trọng để giữ gìn đoàn kết trong các tổ chức đảng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về Chiến lược cán bộ, bên cạnh những ưu điểm, đã nêu các khuyết điểm của đội ngũ cán bộ trong đó đề cập các biểu hiện "tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa, địa vị, cơ hội...", nêu đức tính "trung thực, không cơ hội..." trong tiêu chuẩn cán bộ... Vậy, trong quá trình thực hiện các nghị quyết đó, thực trạng của bệnh "cơ hội" về chính trị và trong đời sống của cán bộ, đảng viên tăng hay giảm ?

Những biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội lúc nào cũng có, nhưng thường xuất hiện công khai và phát triển vào lúc cách mạng gặp khó khăn khi chuyển hướng chiến lược và khi các quan hệ xã hội có những điểm biến đổi. Phải chăng, đó là lý do mà qua các kỳ Đại hội trong thời kỳ đổi mới, văn kiện nào cũng đề cập nhiệm vụ đấu tranh với các khuynh hướng cơ hội và thái độ cơ hội, lối sống cơ hội. Và mặc dù nghị quyết Đảng đã đề cập, công tác đấu tranh được tiến hành, nhưng quan sát trong thực tiễn sinh hoạt Đảng, thấy những biểu hiện cơ hội đang có chiều hướng phát triển và diễn biến rất phức tạp.

Digitized by Google

Về mặt chính trị, đó là biểu hiện trong một số đồng chí : sự dao động về mục tiêu lý tưởng và nguyên tắc xây dựng Đảng ; không giữ vững định hướng trong quá trình đổi mới ở cả hai phía cực đoan ; tê liệt ý chí chiến đấu, mất cảnh giác cách mạng ; thiếu bản lĩnh, thụ động, "giữ thân", không dám hoặc không dám công khai đấu tranh với các quan điểm và hành vi trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước.

Về mặt quan hệ xã hội, có một số cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước tìm cách lợi dụng quyền lực để vun vén lợi quyền cho cá nhân, gia đình, họ tộc, địa phương, đơn vị, bất chấp lợi ích Tổ quốc và đồng bào ; tìm cách móc ngoặc trên dưới, trong ngoài, chạy "chức", chạy "quyền", chạy "chỗ", chạy "lợi", chạy "tội" như báo cáo của Bộ Chính trị trước Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) ; báo cáo thiếu trung thực, thổi phồng thành tích, che dấu khuyết điểm, lựa chiều ăn nói, tìm cách biếu xén, hối lộ để lấy lòng cấp trên, tìm kiếm "ô dù" trong các chuyến "buôn quyền lực"; đối với nhân dân thì xa cách ; thậm chí tìm cách vu cáo, cài bẫy hãm hại "người ngay", gây mất đoàn kết nội bộ.

Những biểu hiện cơ hội ngày càng phức tạp nêu ở trên làm cho một số tổ chức đảng suy yếu cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; làm cho uy tín của Đảng trong nhân dân bị giảm sút. Những người có biểu hiện cơ hội chủ nghĩa không những không còn đủ tiêu chuẩn đảng viên cả về chính trị và đạo đức cách mạng, mà cũng không còn đủ nhân cách làm người. Ở họ không có lòng trung thành, trước sau giữ trọn lý tưởng và tấm lòng tận tụy với Dân, với Tổ quốc, với Đảng ; không còn sự trung thực, ngay thẳng, thật thà trong tổ chức và ngoài xã hội ; không bao giờ là người trung thực, thẳng thắn, dám nói lên sự thật, kiên trì bảo vệ chân lý cho dù có lúc bị hiểu lầm, có lúc thiệt thòi đối với bản thân. Thậm chí ở những người mắc bệnh nặng, không còn tình đồng chí, đồng bào, đồng nghiệp, bạn bè và cả tình yêu chân chính, vì tất cả các mối quan hệ xã hội thiêng liêng ấy đều quy chiếu vào lợi quyền cá nhân họ. Để cho chủ nghĩa cơ hội phát triển thì tính chất Đảng sẽ bị đe dọa, mà chuẩn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc cũng bị lung lay.

Chúng ta đang bàn và tập trung chống các nguy cơ, điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng trong thời gian tới, tôi đề nghị cần coi trọng hơn nữa đấu tranh chống tư tưởng cơ hội và các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội trước hết từ trong Đảng.

Những kẻ cơ hội thường có "trăm phương nghìn kế" để thực hiện ý đồ của mình, khi trực diện, khi giấu mặt "núp bóng", "ẩy cây", "kích động", cho nên phát hiện và đấu tranh không dễ. Nhưng dù có khéo che giấu tới đâu cũng không qua được mắt đảng viên và nhân dân. Phải vạch trần sự nguy hại và biểu hiện xấu xa của nó đối với xã hội, với tổ chức đảng và bộ máy nhà nước để mọi người nhận diện mà tự mình rèn luyện, xa lánh và khi thấy xuất hiện thì đấu tranh vì lợi ích của đất nước và sinh mệnh của Đảng. Đặc biệt không để họ lọt vào các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp ; vì những người cơ hội mà nắm quyền lực trong tay thì có khả năng dùng quyền lực được Đảng và nhân dân trao mà phá Đảng, xoay chuyển cả chế độ vì lợi ích của bản thân anh ta. Phải huy động toàn Đảng, tổ chức để toàn dân tham gia xây dựng Đảng, đấu tranh với những người cơ hội, vì như Bác Hồ đã nói: "Dân biết nhiều việc mà các cấp lãnh đạo không biết"(3).

Những kẻ cơ hội chủ nghĩa hay tìm đến những người cho họ "cơ hội" : "Cơ hội" làm giàu bất hợp pháp, "cơ hội" giữ vị trí này, vị trí nọ trong Đảng và trong xã hội, "cơ hội" chạy tội khi phạm tội... Các đồng chí lãnh đạo, quản lý, các cơ quan lãnh đạo, quản lý, nhất là các cơ quan tổ chức, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xét duyệt dự án đầu tư, bảo vệ luật pháp... phải trong sáng, trong sạch, thực hiện nghiêm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước, trước hết là các quy chế tuyển chọn cán bộ và các quy chế khác, xem xét kỷ luật và xét xử theo đúng pháp luật những người mắc lỗi, phạm tội bất kể họ là ai... Các đồng chí có trách nhiệm, các cơ quan có thẩm quyền nghiêm minh tức là bịt các đường "chạy" của những kẻ cơ hội và nghiêm trị những người cơ hội chủ nghĩa đang tìm cách lũng đoạn Đảng, lũng đoạn xã hội, bất chấp kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 420

Digitized by Google

Như trên đã trình bày, những lúc cách mạng gặp khó khăn, những lúc cách mạng chuyển hướng chiến lược thường xuất hiện những phần tử cơ hội, ngả nghiêng, xoay xở. Nhưng lịch sử loài người, lịch sử cách mạng thế giới và nhất là lịch sử dân tộc ta, Đảng ta thì những lúc này lại thường xuất hiện những người kiên định, tài năng, đức độ, những tập thể vững vàng, sáng tạo ; họ từ ước vọng và kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân mà ra, họ từ truyền thống dân tộc và truyền thống của Đảng mà hun đúc lên ; đó chính là lý do chúng ta hoàn toàn lạc quan, tin tưởng vào cuộc đấu tranh thắng lợi chống các biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, tin tưởng vào tương lai phát triển của dân tộc và của Đảng.

LÀNH MẠNH HÓA CÁC HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG VÀ "TÂM LINH" HƯỚNG VÀO CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC

Đặng Hữu, đại biểu Đảng bộ khối các cơ quan Khoa giáo Trung ương

Tín ngưỡng và "tâm linh" là những hiện tượng xã hội có tính phổ biến, gắn liền với đời sống của con người và xã hội cả hàng ngàn năm nay.

Thông thường, thuật ngữ "tín ngưỡng" bao gồm tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian. *Tín ngưỡng tôn giáo* là niềm tin vào lực lượng siêu nhiên theo những nguyên tắc thực hành tôn giáo nhất định. *Tín ngưỡng dân gian* là niềm tin vào thần linh thông qua các lễ nghi mang tính đơn giản, thường gắn liền với tập tục, thói quen truyền thống ; là bộ phận của văn hóa dân gian, phản ánh những ước nguyện tâm linh của con người và cộng đồng. Riêng thuật ngữ *"tâm linh"*, giới khoa học ở các nước khác trên thế giới ít sử dụng, nội hàm của thuật ngữ này hoàn toàn chưa rõ ; tuy nhiên, ở nước ta thuật ngữ đó lại khá phổ biến trong dân gian. Bước đầu, có thể hiểu *"tâm linh" là những trạng thái tâm thức tôn giáo* ; hoặc có khi được hiểu là ý tưởng của người sống nhớ tới người đã khuất, uống nước nhớ nguồn (1)...

Từ vài chục năm nay, đời sống tôn giáo dường như sôi động hẳn lên trên khắp hành tinh. Do tác động của sự bùng nổ thông tin và của xu thế dân chủ hóa đời sống xã hội, con người không chỉ biết tín ngưỡng tôn giáo của bản thân, mà đã tiếp cận với các thể loại tín ngưỡng tôn giáo khắp năm châu, lựa chọn thứ gì thích hợp với tâm thức tôn giáo (thường được gọi là tâm linh) của mình. Trong điều kiện ấy, các tôn giáo theo kiểu truyền thống buộc phải thay đổi, phải cải cách để thích nghi, để tồn tại và phát triển. Trên thế giới có đến hàng ngàn tôn giáo mới. Giới khoa học gọi đó là *"phong trào tôn giáo mới"*, *"hiện tượng tôn giáo mới"*. Đúng như Béc-gơ-sơn nhận định *"con người đang là cỗ máy chế tạo ra các thần thánh"*. Bộ mặt tôn giáo đang thay đổi, thay đổi từ quan niệm, nội dung đến cách thực hành các lễ thức, thiết chế và tổ chức. Mác đã nói : "Tôn giáo vừa mang tính phản kháng, vừa là phản ảnh của xã hội", "những hiện tượng tôn giáo mới mọc lên lành ít, dữ nhiều".

Công giáo mất dần vị trí ở châu Âu và chuyển trọng tâm phát triển sang các châu lục khác, đặc biệt là châu Á. ***Đạo Tin Lành*** phân rẽ thành hàng trăm "giáo phái", mà phần lớn xa lạ với những nguyên lý ban đầu. ***Đạo Phật*** và nhiều tôn giáo phương Đông đang được đón tiếp bởi một số quần chúng phương Tây ngày càng đông. ***Đạo Hồi*** với tư tưởng cực đoan đang được khích lệ.

Trong khi đó, ở nhiều nước đã xuất hiện một số người có khả năng khác thường. Đây là những hiện tượng mà khoa học chưa lý giải được. Một số người đã lợi dụng cơ hội này để tạo ra sự huyễn hoặc trong những người dân ít hiểu biết, lôi kéo họ vào một số việc nhằm mục đích trục lợi. Thế là, đan xen với những sinh hoạt tín ngưỡng, "tâm linh" và tôn giáo lành mạnh, còn có những biểu hiện *phản văn hóa, phi khoa học.*

Việc nghiên cứu những hiện tượng liên quan đến khả năng đặc biệt của một số rất ít người đã được các nước phát triển lưu tâm nhằm vào mục đích khoa học và thực tiễn, *song đến nay vẫn là một*

(1) Xem Nguyễn Văn Huyên trong cuốn "Văn minh Việt Nam", 1994

Digitized by Google

bí ẩn. Những hiện tượng này thường cũng dễ được gán vào phạm trù mê tín, dị đoan hay tà giáo...

Ở Việt Nam, hầu hết các tín ngưỡng, tôn giáo đều hướng con người tới cái thiện, tránh cái ác. Khi Phật giáo vào Việt Nam, những nội dung triết lý cao siêu được biểu hiện thông qua một hệ thống quan niệm về cuộc sống và các chuẩn mực đạo đức giúp con người hướng đến **CHÂN, THIỆN, MỸ**. Các vị cao tăng Phật giáo cho rằng, đi tu niệm phật, thực hành "ngũ giới", cứu nhân độ thế là con đường giác ngộ chân chính. Cũng như Phật giáo, Thiên chúa giáo chủ trương con người sống công bằng, bác ái, kính Chúa, yêu Nước. Dù rất khác nhau, nhưng các tôn giáo, tín ngưỡng chân chính trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, về căn bản, đều hướng con người theo các giá trị nhân văn. Trong các cuộc đấu tranh chống lại sự thống trị của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc để giành lại độc lập, thống nhất đất nước, những tín ngưỡng và tôn giáo chân chính đã có tác dụng điều tiết các quan hệ xã hội để góp phần tạo thành sức mạnh đoàn kết dân tộc ; và khi những người có tín ngưỡng hướng hành vi của họ theo điều *thiện* và vào các mục đích chính đáng của cộng đồng, thì chính điều này đã tạo ra những nét văn hóa trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, sự lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo và "tâm linh" vào những mục đích không chính đáng, bất hợp pháp có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống chính trị - kinh tế - xã hội , làm cản trở sự phát triển xã hội và đi ngược lại quyền mưu cầu hạnh phúc của chính bản thân con người.

Cũng cần lưu ý rằng, tín ngưỡng thường chứa đựng những yếu tố dễ dẫn đến mê tín, là mảnh đất để mê tín phát triển.

Mê tín là niềm tin mù quáng vào các lực lượng siêu nhiên như thần, thánh, ma quỷ... không dựa trên cơ sở thế giới quan khoa học. Dị đoan là mê tín ở mức độ cuồng tín, mất lý trí.

Ở nước ta mấy năm gần đây, sự phục hồi của các hủ tục và hoạt động tín ngưỡng, tâm linh *bùng nổ thái quá*. Bác Hồ có nói : Khi phục hồi vốn cổ, cái gì tốt thì phục hồi và phát triển, cái gì xấu thì bỏ đi. Vừa qua dường như phục hồi tất cả ! Những hiện tượng đó dội vào xã hội, tạo nên những hiện tượng không lành mạnh trong đời sống, gây dư luận khác nhau trong nhân dân. Chúng ta cần nghiên cứu một cách nghiêm túc để kịp thời uốn nắn và *tạo ra đời sống tinh thần lành mạnh trong xã hội*.

Trong suốt 30 năm chiến tranh, mọi hoạt động đều hướng vào mục đích tối thượng ***"Không gì quý hơn độc lập, tự do"***, những hoạt động mang tính chất tín ngưỡng tôn giáo tạm thời lắng xuống. Sau khi nước nhà thống nhất, các nhu cầu đời thường và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng trở nên sôi động hơn. Một bộ phận khá lớn trong cư dân Việt Nam có điều kiện trở lại với những sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh, xây dựng lại nhà thờ họ, tu sửa các phần mộ của những người thân đã khuất, lập lại bàn thờ tổ tiên trong từng gia đình. Xóm làng góp sức tu bổ đình chùa, tổ chức lễ hội, sửa sang các đền thờ những bậc danh nhân có công với nước, với làng, trùng tu các thánh thất. Giỗ tổ Vua Hùng được Nhà nước coi là ngày Quốc lễ. Các tôn giáo được tự do hành lễ. Các tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau cũng như những người không tín ngưỡng, tôn giáo cùng sống với nhau chan hòa trong đòng họ, trong làng, xã, trong cộng đồng xã hội. Đời sống tâm linh dường như được đánh thức dậy. Chính vì vậy, Nghị quyết số 24/BCT, sau được bổ sung bằng Chỉ thị số 37/BCT của Bộ Chính trị đã đáp ứng được nguyện vọng của toàn dân khi khẳng định tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân đã góp phần tạo nên cơ sở khối đoàn kết toàn dân, vì mục đích dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bên cạnh những hoạt động tín ngưỡng tôn giáo kể trên, trong tình hình thay đổi hiện nay đã *xuất hiện khá phổ biến những hoạt động mang tính tín ngưỡng tôn giáo mà các cơ quan nghiên cứu chưa có đủ điều kiện để tìm hiểu cặn kẽ. Đã có những hoạt động bộc lộ mục tiêu gieo rắc mê tín, dị đoan, mang tính tà giáo* ở nhiều địa phương miền núi cũng như miền xuôi, nông thôn và thành thị. Ở một số nơi đã thấy những người tự cho mình "*có phép lạ, khác với người thường, tự coi là hóa thân của một đấng siêu linh*". Thật ra, những người như thế

Digitized by Google

xưa nay đã từng có (2), nhưng bây giờ thì có ở nhiều nơi. Do nhu cầu rất phức tạp về đời sống tâm linh của số đông quần chúng nhân dân mà những người này được " trọng vọng". Có điều đáng suy nghĩ là, những nhu cầu đó lại được lý giải theo phương pháp siêu thực !

Đáng lưu ý hơn, ở nước ta trong những năm gần đây, cũng đã thấy xuất hiện 40 - 50 "hiện tượng tôn giáo" tương tự như đã xảy ra ở nhiều quốc gia khác trên thế giới. Những "hiện tượng tôn giáo" đó hoặc từ nước ngoài đến, hoặc tự phát sinh từ trong nước. Có thể phân chia ra các loại sau :

Một là những "giáo phái" tách ra từ một tôn giáo, nhưng lại bị chính ngay tôn giáo đó phủ nhận vì đã quá xa rời nguyên lý của đạo. *Ví dụ* : Với Tin lành, có những nhóm như Ngũ tuần, Nhân chứng Giê-hô-va, Móc-mông đều đã có mặt ở nước ta. Đặc biệt là đã xuất hiện hiện tượng đạo Vàng Chứ dựa vào những yếu tố tín ngưỡng của người H'Mông. Đạo Tin Lành đồng nhất "Thiên vương" (của người H'Mông) với Đức Chúa trời, kích động người H'Mông đòi lập tổ quốc riêng, với việc Chúa Giê su sẽ đưa lại một Thiên đường..., để truyền đạo hay đúng hơn là *cấp đạo thông qua đài FEBC với sự hỗ trợ của Hội thánh Tin Lành và các tổ chức khác*. Việc lợi dụng này không khác gì các "hiện tượng" Thời đại mới, cổng Thiên đường, Ngôi đền Mặt trời ở Mỹ (3). Ở người H'Mông cũng thấy vang bóng của *thuyết ngày tận thế* với việc hù dọa người dân rằng trái đất sẽ nổ tung, hãy tập bay để về với "vua" ở một thế giới khác. Gần đây, đã xảy ra việc lập đạo Tin lành Đê-ga với cách giải thích rằng, Đê và Ga là hai cặp đôi đầu tiên sinh ra loài người - Adam và Eva, hay "nhà nước Đega là nhà nước thuộc về những người con của núi rừng" nhằm chia rẽ khối đoàn kết giữa người Kinh và người Thượng.

Hai là những "hiện tượng tôn giáo" do một người khởi xướng tập hợp quần chúng thành một nhóm, tạo ra một giáo lý "hỗn tạp" gồm những yếu tố của các tôn giáo khác và các hiện tượng cận tôn giáo, không loại trừ các thành tựu khoa học được giải thích một cách huyễn hoặc.

Một số thuộc loại hình này lúc đầu lợi dụng các hiện tượng tưởng chừng như không dính dáng gì đến tôn giáo như luyện tập thân thể, tu dưỡng bản thân mong hưởng lạc dưới trần, hoặc ngược lại theo kiểu thiền định luyện yoga, tìm đến sự giác ngộ tự thân, giao tiếp với *"thế giới ngoài hành tinh hay thế giới bên kia"*, dùng khoa học lý giải một vấn đề siêu hình liên quan đến những khái niệm cổ truyền phương Đông : đạo, khí, vô vi, giải thoát ; hay dấy lên phong trào thần giao cách cảm, thấu thị, chữa bệnh không cần thuốc... - *một thứ ma thuật hiện đại*. Loại này dễ gây ra những niềm tin có tính mê tín, phủ nhận y học hiện đại, phủ nhận khoa học chân chính, tầm thường hóa hoặc "lắp ráp" những triết lý cao siêu, bí hiểm của Kinh Dịch, các đạo Ấn Độ..., có trường hợp dẫn đến các hoạt động chính trị xã hội, liên kết với thế lực bên ngoài v.v... (như trường hợp *Pháp luân công* ở Trung Quốc).

Gần đây, ta thấy có một số hình thức tín ngưỡng lạ, đi ngược lại những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Một số người còn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản công dân : dựng chùa, dựng am, dựng cốc để kiếm lợi cá nhân. Nghiêm trọng hơn, một số người còn kích động một bộ phận đồng bào dân tộc ít người bỏ nhà cửa, nương rẫy, làng bản của mình đi theo tiếng gọi của "thần thánh". Những hiện tượng đó rõ ràng gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội.

Những năm gần đây, trong dân chúng nổi lên nhiều dư luận về hiện tượng một số người *"có khả năng ngoại cảm đặc biệt"* mà chưa lý giải được, nhất là về *"khả năng tìm mộ bằng ngoại cảm, khả năng nói chuyện với người âm", "hiện tượng đầu thai"*,... Những hiện tượng ấy thực thì ít ; giả danh, mạo nhận thì nhiều ; chưa được nghiên cứu, xác minh một cách khách quan, khoa học ; lợi dụng sự

---

(2) Những hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo này thường rộ lên khi tình hình xã hội có những thay đổi, chưa ổn định. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nảy sinh ra các ông đạo ở Nam Bộ và cả ở Trung, Bắc Bộ đứng ra tổ chức lập đạo thu hút một số quần chúng nhất định. Nhưng ông đạo viện mình là được thần thánh trao trách nhiệm hoặc tự đứng lên với những bài vè yêu nước, với tài tiên đoán việc đời, với việc chữa bệnh bằng phù phép. Các ông đạo cũng như đạo của các ông khi mọc, khi lặn ; khi hợp khi tan...

(3) Có thể kể vụ Ngôi đền nhân dân do Jim Jôn gây ra vụ tự tử tập thể năm 1978 làm chết 918 người ở Guyana, vụ đạo Đavid của David Khorets, tự sát tập thể năm 1993 chết 87 người ở bang Texas (Mỹ), phái Trào lưu mới, Công Thiên đường, Ngôi đền mặt trời, Khoa học luận..., vụ tự tử 40 người đều là các nhà khoa học nổi tiếng, vụ tự tử khủng khiếp hàng ngàn người ở Ruanda, vụ phái Aum Shimri Kyo (Nhật Bản) muốn đầu độc toàn nhân loại v.v...

Digitized by Google

cả tin của quần chúng, nhiều người tự xưng là có khả năng đặc biệt đã hành nghề mê tín dị đoan.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ :

Để làm tốt công việc quản lý xã hội đối với các hoạt động tín ngưỡng và tâm linh, hướng các hoạt động này theo những giá trị đạo đức truyền thống và khuyến thiện , theo chúng tôi *cần thống nhất các quan điểm và chủ trương sau :*

Một là, tiếp tục thực hiện nghiêm túc quan điểm chỉ đạo của Đảng *"Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, bảo đảm cho các tôn giáo hoạt động bình thường trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng" (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa VIII),* đề cao cảnh giác chống những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tín ngưỡng để tuyên truyền mê tín dị đoan chia rẽ đoàn kết dân tộc, lôi kéo quần chúng chống phá cách mạng ; đồng thời kiên quyết giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đạo đức truyền thống, tích cực ngăn ngừa và đẩy lùi những tệ nạn trong xã hội.

Hai là, phải xác định rõ những hiện tượng tâm linh (như cách hiểu ban đầu là các trạng thái tâm thức tôn giáo) đã tồn tại hàng nghìn năm nay, là những hiện tượng xảy ra trong đời sống hằng ngày và lưu truyền từ đời này qua đời khác. Cần có *thái độ nhìn nhận những hiện tượng này một cách nghiêm túc, khách quan và khoa học.* Những vấn đề chưa biết thì phải nghiên cứu và tìm hiểu, dứt khoát không thừa nhận khi chưa có các kết luận khoa học ; đồng thời không vội vã phản bác hoặc quy chụp. Đối với những hiện tượng mới xuất hiện về *"khả năng ngoại cảm"* của một số người cũng cần phải có thái độ khách quan, nghiên cứu thực nghiệm tìm hiểu sâu bản chất của chúng. Đề phòng việc lợi dụng tín ngưỡng, tâm linh để lan truyền những tư tưởng chống đối cách mạng xã hội chủ nghĩa ; mê hoặc quần chúng bằng mê tín dị đoan, phủ nhận thế giới quan duy vật.

Ba là, mở rộng công tác tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân ta bỏ dần những sinh hoạt có tính chất mê tín. Mê tín dị đoan có liên quan đến nhận thức thấp của con người ; vì vậy cần tăng cường giáo dục cộng đồng, *nâng cao tri thức cho nhân dân,* làm cho những kẻ cố tình lợi dụng đức tin của người khác không còn đất hoạt động. Đối với những tập quán có từ trong xã hội cũ (như bói toán, sóc thẻ, bấm độn, tử vi, phong thủy, hầu đồng,...) cần kiên trì vận động, giáo dục, làm rõ điều sai bằng nhiều biện pháp cụ thể, giúp cho nhân dân nhận thức đúng để từ bỏ.

Bốn là, tăng cường công tác quản lý xã hội đối với các hoạt động mang tính chất tín ngưỡng, tâm linh. Sự lỏng lẻo trong quản lý xã hội là một trong những nguyên nhân khiến tệ nạn mê tín dị đoan tăng lên trong những năm vừa qua. Các *cấp ủy đảng, các chính quyền địa phương* có những cách nhìn nhận khoa học, khách quan về những hiện tượng lạ xảy ra ở địa phương mình, *đồng thời có biện pháp xử lý kịp thời, chống mê tín dị đoan, bảo đảm an ninh trật tự xã hội.* Chủ động ngăn ngừa và khắc phục triệt để tận gốc mọi hình thức "buôn thần, bán thánh", nhất là những việc lợi dụng tín ngưỡng gây ra chết chóc, làm hại sức khỏe, phá hoại sản xuất, gây chia rẽ gia đình và xã hội.

Năm là, về nghiên cứu khoa học : Cần tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu *các hiện tượng liên quan tới tín ngưỡng và tâm linh* bằng những phương pháp khoa học khách quan, có sự thẩm định của những cơ quan có trách nhiệm thuộc các bộ, ban, ngành có liên quan ở trung ương. Trong quá trình nghiên cứu, cần phân biệt và ngăn chặn kịp thời những trường hợp mang tính lừa bịp để kiếm tiền, gây mê tín dị đoan, ảnh hưởng an ninh xã hội. Trong việc nghiên cứu về những người được coi là "có khả năng đặc biệt" không nên sa lầy vào việc tranh cãi những vấn đề lý thuyết, mà nên làm rõ khả năng thực tế của họ ra sao và nếu là có, thì nên sử dụng thế nào. Do vấn đề nhạy cảm, không nên công bố việc nghiên cứu vì dễ gây hoang tưởng cho quần chúng nhân dân và cũng dễ bị lợi dụng cho việc hành nghề mê tín, dị đoan.

Cần có thái độ đúng trên cơ sở thế giới quan khoa học đối với các vấn đề tín ngưỡng và tâm linh, để làm cho đời sống tinh thần của xã hội được lành mạnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; để phát huy hơn nữa nội lực của mọi tầng lớp nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ THẾ GIỚI KHI BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI VÀ QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM

HỒ VŨ

HỌP vào lúc thế giới bước vào thế kỷ mới, Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đưa ra những đánh giá khái quát bức tranh toàn cảnh của thế giới trong thế kỷ XX, đồng thời nêu ra một số dự báo về những chiều hướng chủ yếu trong sự phát triển của thế giới khi bước vào thế kỷ XXI.

Những dự báo ấy là những cơ sở khoa học để chúng ta xây dựng và tiến hành chính sách đối nội và đối ngoại, kể cả về kinh tế đối ngoại.

Về tương lai của nền kinh tế thế giới, trong dư luận quốc tế có nhiều ý kiến rất khác nhau, thậm chí đối lập nhau, song có một dự báo mà mọi người đều đồng thuận và văn kiện Đại hội IX đã nêu là *"khoa học và công nghệ sẽ có những bước tiến nhảy vọt"*. Trên cơ sở những thành tựu đã giành được vào các thế kỷ trước, nhất là thế kỷ XX, chắc chắn rằng khoa học và công nghệ sẽ có sự phát triển diệu kỳ trong thế kỷ mới, chí ít là trong các lĩnh vực thông tin, sinh học, năng lượng và vật liệu mới... Về không gian, trí tuệ con người sẽ ngày càng vươn cao lên vũ trụ bao la đi đôi với việc thâm nhập ngày càng sâu vào thế giới vi mô của vật chất. Gắn liền với chiều hướng này là sự hình thành của *kinh tế tri thức*, theo đó tỷ trọng của tri thức trong mỗi đơn vị sản phẩm ngày càng cao.

Chiều hướng phát triển nói trên chắc sẽ đưa tới nhiều hệ lụy cần được tính đến trong việc hoạch định chính sách. Ở đây chỉ xin đề cập tới *vài khía cạnh liên quan tới quan hệ kinh tế đối ngoại.*

Dưới tác động của những tiến bộ khoa học và công nghệ sẽ diễn ra *sự chuyển dịch* mạnh mẽ chẳng những cơ cấu sản xuất mà cả cơ cấu lao động, tiêu dùng và trao đổi. Sự chuyển dịch đó sẽ theo hướng gia tăng mạnh mẽ tỷ trọng của các sản phẩm có hàm lượng khoa học cao và các ngành dịch vụ ; trong mỗi sản phẩm, tỷ trọng của lao động giản đơn và nguyên liệu thô sẽ giảm tương đối, vì vậy lợi thế về tài nguyên và lao động rẻ, giản đơn sẽ không còn như trước.

Điều đó đòi hỏi nước ta chuyển dịch mạnh cơ cấu xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng nhiên - nguyên liệu và nông sản thô, gia tăng tỷ trọng các sản phẩm qua chế biến và chế tạo, nhất là các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao và loại hình dịch vụ ; lực lượng lao động, kể cả công nhân, cần được đào tạo đạt trình độ cao thì mới có thể giành hiệu quả cao và vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế.

Chiều hướng mới đòi hỏi phải chú trọng hơn nữa nội dung khoa học - công nghệ trong quan hệ quốc tế. Điều đó cần được thể hiện trong việc gia tăng về lượng và nhất là về chất các thỏa thuận song phương và đa phương liên quan tới sự hợp tác khoa học và công nghệ, tranh thủ sự chuyển giao các công nghệ tiên tiến ; và về tầm xa hơn, cần tích cực, chủ động tạo điều kiện để tiến tới xuất khẩu, chuyển giao các công nghệ thích hợp với khả năng của mình, chứ không chỉ tiếp nhận công nghệ của bên ngoài. Nói cách khác, các sản phẩm khoa học và công nghệ Việt Nam cần phải có mặt ngày càng nhiều hơn trong số hàng hóa và dịch vụ nước ta xuất ra bên ngoài.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, các nước công nghiệp tiên tiến, các công ty xuyên quốc gia thường không chuyển giao những công nghệ tiên tiến bậc nhất và luôn luôn gìn giữ những bí quyết kỹ thuật của mình. Trong tình hình đó, một mặt chúng ta cần tiếp thu sự chuyển giao một cách thông minh, sáng tạo, tự mình lần mò ra những bí quyết cần thiết ; đồng thời nhất thiết không xem nhẹ những sáng tạo riêng của mình, nhất là trong những lĩnh vực nước ta có thế mạnh nhất định.

Một khi các sản phẩm khoa học và công nghệ đã trở thành hàng hóa thì việc bảo vệ giá trị của chúng càng quan trọng. Trong bối cảnh đó, việc bảo vệ bản quyền, tài sản trí tuệ trong hợp tác quốc tế sẽ là một nội dung không thể thiếu được đối với việc bảo vệ lợi ích của nước ta, khuyến khích sự sáng tạo của các nhà khoa học

Digitized by Google

Việt Nam chứ không chỉ sao chép của bên ngoài, mở rộng hợp tác quốc tế về cả mặt này.

Ngày nay công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, đặt ra nhiều vấn đề rất mới mẻ trong phương thức kinh doanh trên thế giới. Thông tin trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của sản phẩm ; muốn giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh thì nhất thiết phải áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin, giảm giá thành của bản thân dịch vụ thông tin. Một hiện tượng mới, phát triển nhanh chóng là thương mại điện tử. Theo một số dự báo, giao dịch thương mại điện tử sẽ đạt 7 000 tỉ USD vào năm 2004. Nếu nước ta không nhanh chóng tiếp cận phương thức kinh doanh này thì sẽ gặp trở ngại lớn trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Do đó, Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX đã nhấn mạnh nhiệm vụ "Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ* : thương mại, kể cả thương mại điện tử..."

Một nhận định quan trọng khác nêu trong văn kiện Đại hội IX là "Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia ; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh".

Tư hãy thử "giải mã" nhận định rất cơ bản này. Một thuộc tính của lực lượng sản xuất là tính năng động ; theo đà phát triển, nó luôn tìm cách phá vỡ những khuôn khổ gò bó nó. Loài người đã chứng kiến sự lan tỏa của nền sản xuất hàng hóa đi đôi với sự phát triển của thị trường ; từ chợ làng mở rộng ra chợ huyện, chợ tỉnh, rồi hình thành thị trường cả nước ; tiếp đó, đồng thời với sự phát triển của các phương tiện giao thông - vận tải và thông tin, đã hình thành các thị trường khu vực và dần dần xuất hiện thị trường toàn cầu. Đó là sự vận động khách quan của nền sản xuất vật chất, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu, một sản phẩm được sản xuất ở nhiều nước tùy theo lợi thế so sánh ; các phương tiện thông tin, giao thông - vận tải bao phủ toàn cầu, các quốc gia, kể cả các nước xã hội chủ nghĩa cũng lợi dụng những nhân tố mới ấy và những quy luật của nền kinh tế thị trường để phát triển.

Về khách quan quá trình toàn cầu hóa tạo ra khả năng mở rộng thị trường, tranh thủ vốn và công nghệ cũng như kiến thức tiên tiến, thuận lợi hóa quá trình giao lưu buôn bán, từ đó có cơ hội phát triển nhanh hơn.

Mặt khác, cũng như bất kỳ hiện tượng kinh tế - xã hội nào, sự vận động của quá trình toàn cầu hóa tùy thuộc đáng kể vào đối sánh lực lượng và sự đấu tranh giữa các lực lượng tham gia quá trình này. Rất tiếc là, do nhiều nhân tố khách quan, trong nền kinh tế thế giới hiện nay các nước công nghiệp phát triển, đại diện cho lợi ích của các công ty tư bản xuyên quốc gia, còn nắm trong tay nhiều chủ bài, từ đó áp đặt những luật chơi có lợi cho họ, không có lợi cho các nước khác, nhất là các nước đang phát triển. Mọi sự tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa bắt nguồn từ tình hình này : cường quyền, cạnh tranh không lành mạnh, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo, thất nghiệp, tàn phá môi trường, những tệ nạn xã hội...

Đương nhiên, các nước nghèo phải đấu tranh để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Bên cạnh đó, giữa các nước công nghiệp phát triển cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn sâu sắc về lợi ích, giành giật nhau quyết liệt, thậm chí tiến hành nhiều cuộc "chiến tranh thương mại" căng thẳng. Toàn bộ tình hình trên đưa tới cục diện vừa hợp tác với nhau để làm ăn, vừa đấu tranh để bảo vệ lợi ích bản thân.

Cục diện đó và những yêu cầu của nước ta trong 5 - 10 năm tới như Đại hội IX đã xác định, gợi mở cho chúng ta một loạt vấn đề trong quan hệ kinh tế đối ngoại để thực hiện chủ trương mà Đại hội IX đã nêu là : "tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực - nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Ở đây có một số vấn đề sau đáng được quan tâm :

Sau hơn 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, trạng thái của nền kinh tế nước ta đã có sự chuyển biến về chất. Như Đại hội đã nêu, "từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế...". Hơn thế nữa, nhiều sản phẩm làm ra tiêu thụ khó (đó là chưa kể chất lượng mẫu mã chưa phù hợp, giá thành cao), ảnh hưởng trở lại đối với sản xuất. Nói một cách khác, khâu "cầu", việc tiêu thụ sản phẩm trở nên một yếu tố hết sức quan trọng, thậm chí quyết định đối với sự phát triển của các ngành hàng.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu khuyến khích "nội nhu" đi đôi với việc đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là sức mua trong nước chưa cao do thu nhập của các tầng lớp dân cư còn thấp. Muốn thực hiện được nhiệm vụ này, cần giải quyết hai vấn đề cốt yếu liên quan mật thiết với nhau, đó là chuyển dịch cơ cấu sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ, hạ giá thành sản phẩm để có thể đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng cả ở trong lẫn ngoài nước ; mở rộng thị trường bên trong và bên ngoài.

Digitized by Google

Trong khi giải quyết những nhiệm vụ này cần tính đến 2 nét đặc trưng khác trong trạng thái của nền kinh tế nước ta là "từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo". Điều đó một phần có nghĩa là cần lấy tín hiệu của thị trường để sản xuất, làm ra cái thị trường cần chứ không làm ra những gì mình muốn. Các cơ quan nhà nước bằng cơ chế chính sách, nhất là các công cụ kinh tế như thuế, lãi suất, thông tin thị trường... hướng các doanh nghiệp làm ăn theo tinh thần trên ; tạo thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất khẩu theo những quy định của Nhà nước ; các doanh nghiệp nhà nước cần phát huy vai trò chủ đạo của mình, trước hết thông qua chất lượng, hiệu quả cao.

Trạng thái nền kinh tế nước ta có một nét mới nữa là từ chỗ bị bao vây cấm vận đã mở rộng được quan hệ hợp tác với nhiều nước, khu vực và tổ chức quốc tế, từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Nhận thức đầy đủ những mặt tích cực và tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa, Đại hội IX nhấn mạnh chủ trương *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường".

Ta hãy thử luận bàn về nội hàm của những chủ trương nói trên. Trước hết là khái niệm *chủ động hội nhập*. Như trên đã nói, sự phát triển lực lượng sản xuất đòi hỏi phải mở rộng thị trường. Riêng đối với nước ta, một nước kém phát triển về kinh tế tiến lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nhu cầu về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thị trường càng cần thiết. Để tranh thủ được những nguồn lực bên ngoài bổ sung cho nội lực, chúng ta tự giác, chủ động chọn con đường hội nhập kinh tế vì lợi ích của chính nước ta chứ không phải "chạy theo mốt", càng không phải do bất kỳ sức ép nào.

Sự chủ động còn thể hiện ở chỗ chọn đối tác, chọn "sân chơi" và "thời điểm nhập cuộc", nghĩa là chủ động quyết định hợp tác với ai, tham gia tổ chức nào, vào thời điểm nào (đương nhiên phải tranh thủ sự chấp thuận của các thành viên khác). Khi đã nhập cuộc, ta cũng buộc phải tuân thủ những luật chơi chung thì mới thực hiện được nguyên tắc "có đi, có lại" ; sự chủ động của ta chủ yếu sẽ được thể hiện trong việc vận dụng luật chơi, chọn bạn đồng hành trong cuộc đấu tranh vì những lợi ích chính đáng của mình, ở đây là lợi ích của các nước đang phát triển.

Một biểu hiện của tính "chủ động" trong hội nhập là "khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp" như Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX đã nêu. Điều cốt tử là kế hoạch và lộ trình ấy cần ăn khớp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước và đổi mới cơ chế quản lý, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngành hàng và dịch vụ cũng như của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

Tính chủ động nói trên gắn liền với chủ trương của Đảng về việc *"bảo đảm độc lập tự chủ"* trong quá trình hội nhập. Nhưng như vậy chưa đủ. Quan trọng nhất và quyết định nhất là chúng ta quyết tâm tự định đoạt, đường lối, chính sách phát triển của nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; trước sau nhận thức đầy đủ và kiên trì quan điểm "nhân tố bên trong là quyết định, nhân tố bên ngoài là quan trọng" vì không nỗ lực phát huy những nhân tố bên trong, cả nhân lực lẫn vật lực, tài lực thì không thể tận dụng được những nhân tố bên ngoài, thậm chí có thể còn bị lấn lướt trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường quốc tế. Không có lực và thế thì cũng không thể tham gia một cách bình đẳng vào cục diện vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên các diễn đàn, tổ chức thế giới và khu vực, khó bề bảo vệ được lợi ích của bản thân mình.

Xem như vậy, Việt Nam bước vào thế kỷ mới với không ít cơ hội mới, đồng thời cũng sẽ phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức mới. Sau khi đã xác định được đường lối, chính sách đúng đắn, nhân tố có ý nghĩa quyết định là con người. Do đó, không phải ngẫu nhiên, đi liền với việc xác định đường lối, Đại hội IX đã nhấn mạnh yêu cầu "Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại". Có thể nói trong các văn kiện của Đảng đều nhắc nhở nhiệm vụ này. Vấn đề còn lại là các cấp, các ngành cần có nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để thực hiện một cách ráo riết, nhất là trong bối cảnh nước ta đang tiến bước trên con đường hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN MINH THÔNG *

Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước - thành công và tồn tại

Hơn mười năm qua, chúng ta đã triển khai nhiều chủ trương, thực hiện nhiều biện pháp sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Những biện pháp kiên quyết và sâu rộng nhất tập trung chủ yếu ở 3 đợt chính :

Đợt thứ nhất (1990 - 1993), tập trung kiểm soát số lượng DNNN vốn đã bị bung ra trong một thời gian trước đó ; sắp xếp lại những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài, hình thành một số tiêu chuẩn - điều kiện cho các DNNN, như về vốn pháp định, ngành nghề kinh doanh, quy mô, luận chứng về thị trường, tiêu thụ sản phẩm...

Đợt thứ hai (1994 - 1997), khắc phục tính chất hành chính trung gian của các tổng công ty cũ, thành lập mới các tổng công ty nhà nước 90 và 91 trong những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế và cổ phần hóa một số DNNN, thực hiện Luật Doanh nghiệp nhà nước, bắt đầu xóa bỏ dần chế độ chủ quản của các cơ quan hành chính nhà nước.

Đợt thứ ba (1998 - nay), tiếp tục củng cố và hoàn thiện các tổng công ty nhà nước ; thực hiện các biện pháp lành mạnh hóa tài chính ; lập kế hoạch, chiến lược đổi mới công nghệ, hoàn thiện quản lý, nâng cao sức cạnh tranh và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế của DNNN. Tiến hành chuyển một bộ phận DNNN sang công ty cổ phần, bắt đầu triển khai các hình thức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê DNNN trên cơ sở phân loại doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII).

Đến nay, số lượng DNNN đã giảm đi rất mạnh, từ 12 300 trước đây xuống còn 5 571 doanh nghiệp (giảm 54,7%). Cơ cấu DNNN bước đầu đã được điều chỉnh cho hợp lý hơn, quá trình tích tụ, tập trung vốn đã có bước cải thiện đáng kể. Nếu năm 1994 số DNNN có vốn dưới 1 tỉ đồng chiếm tới 50% tổng số thì đến năm 2000 số đó chỉ còn 25%. Số DNNN có vốn trên 10 tỉ đồng tăng tương ứng là 10%, lên 20%. Vốn bình quân của tất cả các DNNN tăng gần 7 lần, từ 3,3 tỉ đồng (năm 1994) lên 22 tỉ đồng (năm 2000).

Thực tế đã chứng tỏ DNNN thực sự có vai trò chi phối, thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển đúng quỹ đạo, góp phần quyết định vào việc tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phần đóng góp của DNNN chiếm gần 40% tổng nộp ngân sách và trên 50% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tỷ lệ nộp ngân sách trên một đồng vốn tăng từ 14,7% (năm 1991) lên 28% (năm 2000). Tỷ trọng đóng góp của DNNN trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng tương ứng từ 36,5% lên 40,2%. Tỷ suất lợi nhận trên vốn nhà nước tăng từ 6,8% (năm 1993) lên 12% (năm 2000).

Những kết quả trên mới chỉ là bước đầu nhưng đã xóa đi mặc cảm rằng cứ nói đến DNNN là nói đến kém hiệu quả, thua lỗ triền miên. Có thể khẳng định rằng trong quá trình đổi mới và phát triển DNNN, chúng ta đã hình thành được khung pháp lý tương đối cơ bản để chuyển DNNN sang sản xuất - kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy vậy, cũng phải thấy những yếu kém, tồn tại, chưa ngang tầm của DNNN. Cụ thể là hiệu quả

* Phó trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Digitized by Google

sản xuất - kinh doanh và sức cạnh tranh của DNNN còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và lợi thế có được ; nhịp độ tăng trưởng của DNNN có biểu hiện giảm dần ; nợ khó đòi ngày càng lớn ; DNNN vẫn còn ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước.

Theo đánh giá chung, mới chỉ có 40% DNNN sản xuất kinh doanh thực sự có hiệu quả, 40% chưa hiệu quả, khi lỗ, khi lãi, không ổn định : còn lại 20% là thực sự không có hiệu quả, thua lỗ liên tục. Thuế thu nhập doanh nghiệp của DNNN còn chiếm tỷ trọng thấp trong phần nộp ngân sách nhà nước (chiếm 14,2% năm 1999) ; tỷ suất lợi nhuận trước thuế có xu hướng giảm dần từ 11,2% (năm 1996) xuống còn 9,3% (1997), 9,1% (1998) và 9,2% (1999). Không ít DNNN chưa xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh gắn với mục tiêu chung của toàn ngành, chưa xuất phát từ nhu cầu thị trường. Nhiều dự án đầu tư không khả thi, hiệu quả đầu tư thấp, lãng phí, phát sinh tiêu cực, tham nhũng, hậu quả khó khắc phục. Tình trạng ăn vào vốn, mòn vốn, mất vốn vẫn tiếp tục xảy ra. Nợ quá hạn, nợ khó đòi chẳng những không giảm mà ngày càng tăng. Tình trạng tài chính không lành mạnh chưa được xử lý dứt điểm làm cho hạch toán kinh tế méo mó. Nhà nước đã đầu tư nhiều ngàn tỉ đồng cho DNNN để bù lỗ, hỗ trợ giảm bớt khó khăn tài chính, giảm thuế, xóa nợ, khoanh nợ, giãn nợ, giảm tính khấu hao, tín dụng ưu đãi... nhưng hiệu quả của nhiều DNNN chưa tương xứng với sự đầu tư, trợ giúp của Nhà nước cũng như sự mong mỏi của toàn dân. Khả năng cạnh tranh của DNNN trong tiến trình hội nhập nhìn chung còn yếu, chưa đồng đều do đầu tư đổi mới công nghệ yếu, chưa đồng bộ, trình độ công nghệ lạc hậu còn khá phổ biến. Mặc dù chi phí sức lao động trong nước được coi là rẻ so với khu vực và thế giới, nhưng một số mặt hàng sản xuất trong nước, như sắt, thép, phân bón, xi măng, kính xây dựng... có giá thành cao hơn các mặt hàng cùng loại nhập khẩu từ 20 - 40%... Về chất lượng, tính đến nay trong số 237 doanh nghiệp cả nước được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO/9000 thì mới có 132 (55,6%) là DNNN.

Những yếu kém của DNNN có nguyên nhân khách quan là trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, cơ chế mới đang hình thành, cơ chế cũ chưa được xóa bỏ triệt để và nhiều vấn đề do lịch sử để lại nặng nề không thể giải quyết được trong một sớm, một chiều. Nhưng điều đáng bàn lại là ở những nguyên nhân chủ quan, thiếu kiên quyết trong việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong đổi mới và phát triển DNNN. Chẳng hạn :

- Nhận thức chưa thống nhất, chưa đầy đủ về chủ trương sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Nhiều vấn đề chưa tổng kết thực tiễn để có giải pháp kịp thời và nhất quán, như : quyền quản lý nhà nước đối với DNNN ; quyền chủ sở hữu nhà nước ; quyền của đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp ; quyền sử dụng vốn và chủ động kinh doanh của doanh nghiệp...

- Cải cách hành chính tiến hành chậm, chưa theo kịp đòi hỏi thực tiễn của tiến trình đổi mới DNNN. Việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp còn kém, còn gây nhiều phiền hà cho doanh nghiệp, chưa phát huy đầy đủ quyền tự chủ, tính năng động của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường...

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp nhà nước, nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, một bộ phận không nhỏ kém năng lực, phẩm chất và thiếu tinh thần trách nhiệm. Thêm vào đó công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế còn nhiều điều bất cập.

Quan điểm, phương hướng và giải pháp tiếp tục đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước

Trước bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thời cơ và thách thức, thuận lợi và khó khăn đan xen và phức tạp, để đáp ứng yêu cầu thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, thiết nghĩ việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước cần được đẩy lên một bước mới. Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng đã khẳng định : "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với DNNN để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả theo hướng : xóa bao cấp, doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất kinh doanh ; nộp đủ thuế và có lãi. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong

Digitized by Google

doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát,Thanh tra của Nhà nước đối với doanh nghiệp" (1).

Để thực hiện được mục tiêu chiến lược đó, cả về mặt lý luận và thực tiễn, cần bàn luận kỹ để đi đến thống nhất, trước hết trên mấy quan điểm chính, như sau :

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lấy DNNN làm nòng cốt để cho kinh tế Nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo. Đây là luận điểm rõ ràng vì một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể chỉ dựa trên toàn bộ các doanh nghiệp tư nhân.

Thứ hai, cần thống nhất vai trò chi phối của khu vực kinh tế nhà nước trong quá trình sắp xếp, đổi mới và phát triển DNNN. Vai trò này không thể hiện ở số lượng DNNN nhiều và chiếm tỷ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, mà chủ yếu là ở hiệu quả, sức cạnh tranh cao, chiếm thị phần lớn trong một số ngành, lĩnh vực then chốt. Do đó, việc tiếp tục sắp xếp đổi mới và phát triển DNNN phải làm tăng sức mạnh của DNNN trên tổng thể chứ không nên xét theo từng DNNN cụ thể.

Thứ ba, DNNN hoạt động kinh doanh (không hoạt động công ích) nhất thiết phải lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo, tiến tới cạnh tranh bình đẳng trên một "sân chơi" sòng phẳng cùng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trên thị trường.

Muốn đạt được kết quả tốt nhất, trong giai đoạn 2001 - 2005 phải hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, cơ cấu lại và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Như vậy, trước mắt nên tiến hành một số phương hướng giải pháp cơ bản như sau :

Một là, định hướng phát triển và chấn chỉnh lại một bước việc phân loại DNNN hoạt động công ích và hoạt động kinh doanh. DNNN hoạt động công ích với hình thức nhà nước sở hữu 100% vốn ; Nhà nước có cổ phần chi phối trong các lĩnh vực công ích thiết yếu lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được nhà nước giao làm tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả. Cũng trên cơ sở đó mà xác định quy mô, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. Những lĩnh vực công ích phục vụ đời sống xã hội mà nhân dân và các thành phần kinh tế khác thực hiện có hiệu quả thì khuyến khích phát triển, Nhà nước có thể tham gia cổ phần ở mức thấp.

DNNN hoạt động sản xuất, kinh doanh với hình thức Nhà nước sở hữu 100% vốn ; Nhà nước có cổ phần chi phối sẽ được kiện toàn và phát triển ở các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Những doanh nghiệp nhà nước quy mô nhỏ thua lỗ kéo dài thuộc lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ, không cổ phần hóa được thì thực hiện các biện pháp sáp nhập, cho thuê, khoán kinh doanh hoặc giao, bán, giải thể, phá sản... tiếp tục thực hiện xóa bỏ chế độ cơ quan chủ quản và cấp hành chính chủ quản. DNNN phải thực hiện sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh và nâng cao hiệu lực quản lý bằng pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước.

Hai là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đối với DNNN cho phù hợp với từng loại đối tượng hoạt động công ích và kinh doanh trên tất cả các vấn đề về vốn, lao động, tiền lương, cán bộ quản lý, kiểm tra, kiểm soát...

Đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích nên chuyển từ cơ chế cấp vốn sang cơ chế đặt hàng nhà nước hoặc đấu thầu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích. Nên chuyển tất cả các DNNN lĩnh vực kinh doanh 100% vốn nhà nước sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoặc công ty cổ phần gồm các cổ đông là DNNN.

Ba là, tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước nhằm tập trung nguồn lực của Nhà nước để chi phối được những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, làm lực lượng chủ đạo để bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô ; cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế và xuất khẩu, đóng góp lớn cho ngân sách ; làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

Bốn là, đẩy mạnh cổ phần hóa các DNNN mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn. Sửa đổi,

(1) Báo *Nhân Dân*, ngày 21-4-2001, tr 2

Digitized by Google

bổ sung cơ chế ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp để tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh và gắn bó người lao động với doanh nghiệp, dành một tỷ lệ thích hợp bán ra ngoài để thu hút vốn, kinh nghiệm quản lý của các cổ đông ngoài doanh nghiệp. Sửa đổi phương thức xác định giá trị doanh nghiệp và bán cổ phần theo cơ chế thị trường để tránh phiền hà, tiêu cực...

Năm là, sáp nhập, khoán kinh doanh, cho thuê hoặc giao, bán, giải thể, phá sản các DNNN quy mô nhỏ, thua lỗ kéo dài không cổ phần hóa được và Nhà nước không cần nắm giữ để sử dụng có hiệu quả tài sản của Nhà nước, bảo đảm việc làm, thu nhập, quyền lợi hợp pháp của người lao động. Đề nghị Quốc hội sửa đổi bổ sung Luật phá sản doanh nghiệp theo hướng người quyết định thành lập doanh nghiệp có quyền đề nghị tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Sáu là, bổ sung chính sách đối với lao động trong sắp xếp, cơ cấu lại DNNN. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về hợp đồng lao động. Khẩn trương thành lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Kết hợp việc giải quyết lao động dôi dư với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động đối tượng là lao động dôi dư. Đề nghị Quốc hội bổ sung một số quy định của Luật lao động, cho phép áp dụng chế độ mất việc đối với số lao động dôi dư tại thời điểm cho thuê khoán kinh doanh và bán DNNN.

Bảy là, kiên quyết xử lý dứt điểm nợ không thanh toán được của các DNNN trên cơ sở làm rõ nguyên nhân phát sinh và trách nhiệm của hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc đối với từng khoản nợ cụ thể. Nguyên tắc là phân loại nợ để xử lý theo từng đối tượng khác nhau. Vừa chỉ đạo tập trung thống nhất, vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách và có biện pháp lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp. Xúc tiến thành lập công ty mua bán nợ và tài sản của doanh nghiệp để xử lý triệt để các vấn đề nợ, tài sản không cần dùng của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho DNNN sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

Tám là, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với DNNN và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước. Cần phân định rõ hơn nữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Quản lý nhà nước tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và ban hành chính sách, cơ chế quản lý đối với DNNN trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau ; chỉ đạo xây dựng quy hoạch và chiến lược phát triển của DNNN trong tổng thể quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế của xã hội, của ngành và của các địa phương, xây dựng quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán cho DNNN ; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật, chủ trương, chính sách, chế độ quy định của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Các cơ quan quản lý nhà nước phải căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý trong lĩnh vực mình phụ trách và ban hành đầy đủ, phù hợp hệ thống văn bản pháp quy thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Kiên quyết xóa bỏ chế độ cơ quan chủ quản cấp hành chính chủ quản. Cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xác định quản lý điều hành sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ của doanh nghiệp. Người lãnh đạo doanh nghiệp chịu trách nhiệm đầy đủ về mọi quyết định của mình trong sản xuất kinh doanh. Phân định rõ quyền của cơ quan nhà nước với tư cách là chủ sở hữu và trách nhiệm của người sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Cán bộ quản lý doanh nghiệp quyết định và chịu trách nhiệm về sự thành bại trong sản xuất, kinh doanh.

Chín là, nâng cao vai trò của các tổ chức Đảng ở DNNN. Thực tế cho thấy DNNN nào có đảng bộ vững mạnh, chấp hành pháp luật, đảng viên gương mẫu, lãnh đạo doanh nghiệp và đảng ủy đoàn kết nhất trí thì ở đó phát huy được dân chủ, khích lệ được tinh thần lao động sáng tạo của cả tập thể và sản xuất kinh doanh phát triển. Bởi vậy, muốn việc sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp thu được nhiều kết quả, nhất thiết các tổ chức đảng tại DNNN phải được kiện toàn phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp trong điều kiện mới. Cũng cần nghiên cứu để sớm có mô hình tổ chức Đảng phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp không những đối với doanh nghiệp nhà nước mà còn với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.❑

Digitized by Google

MÔI TRƯỜNG - SINH THÁI VÀ MỐI HIỂM HỌA CỦA THẾ KỶ XXI

TRẦN NHÂM *

1. Tác dụng to lớn, tích cực cũng như vai trò động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với sự phát triển của xã hội loài người là hết sức quan trọng. Chỉ vài ba thế kỷ lại đây, nhờ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã biến nhiều nước vốn lạc hậu, kém phát triển trở thành những nước phát triển cao. Tác dụng đòn bẩy của các cuộc cách mạng công nghiệp, rồi đến cách mạng khoa học - kỹ thuật, và ngày nay là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ cùng với quá trình công nghiệp hóa trong hơn ba thế kỷ qua, đã làm biến đổi sâu sắc và triệt để tự nhiên - xã hội - con người. Thắng lợi to lớn mang tính bước ngoặt đó đã làm cho con người lầm tưởng rằng bản thân mình có thể hoàn toàn thống trị được giới tự nhiên. *Con người* là một bộ phận của giới tự nhiên, ở trong một thể thống nhất hữu cơ với tự nhiên. Phá vỡ sự thống nhất ấy, tức là phá vỡ quy luật khách quan, tạo ra sự mất cân bằng trong mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và con người.

Đã từ lâu, con người tác động vào tự nhiên, cải tạo tự nhiên, khai thác một cách không thương tiếc từ tự nhiên tất cả các nguồn vật chất, sử dụng bừa bãi, vô tội vạ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, do đó đã dẫn đến tình trạng cạn kiệt dần về chất lượng. Và chính điều đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm môi trường - sinh thái. Nạn ô nhiễm này ngày nay đã trở thành cuộc khủng hoảng nghiêm trọng mang tính toàn cầu.

Trước hết, hãy nói về nguồn tài nguyên không tái sinh như dầu lửa, khí đốt, than đá, là nguồn năng lượng không phải vô hạn. Nếu sử dụng bừa bãi, lãng phí thì có lúc phải cạn kiệt, không còn nữa. Trên thực tế, tốc độ công nghiệp hóa ngày càng tăng cường nhanh chóng gần gấp ba lần (kể từ giữa thế kỷ này cho đến nay) và mở rộng đến nhiều vùng đất trên địa cầu ; cùng với quá trình ấy là sự tăng cường sử dụng rộng rãi than đá, dầu mỏ. Theo số liệu được tính toán thì với tốc độ khai thác như hiện nay, trữ lượng dầu lửa chỉ đủ để cung cấp cho nhu cầu năng lượng trên thế giới trong vòng 43 năm nữa, trữ lượng khí đốt đủ dùng 66 năm, còn trữ lượng than đá chỉ đáp ứng nhu cầu độ 235 năm nữa là cùng (1).

Tốc độ phát triển dân số thế giới lên quá nhanh, nhất là các nước đang phát triển. Khoảng năm 1900 dân số thế giới chỉ mới 1,6 tỉ người, đến những năm giữa thế kỷ này đã tăng lên 2,5 tỉ, và cho đến những năm 90 đã tăng lên gấp đôi so với năm 1950 (tức là trên 5 tỉ người), trong lúc đó hoạt động kinh tế thế giới lại tăng hơn 4 lần. Dân số bùng nổ ở các nước đang phát triển dẫn đến nạn phá rừng. Con người tấn công liên tục và dữ dội bằng việc xây dựng đường băng, phát triển hệ thống đường sá dày đặc, càng thúc đẩy sự tàn phá đó. Theo tính toán thì rừng thưa và rừng khép tán trên toàn bộ thế giới cho đến nay chỉ còn chiếm 40% diện tích trái đất. Cứ mỗi phút trôi qua có tới 21,5 ha rừng nhiệt đới bị phá hủy; hằng năm trên hành tinh chúng ta có tới 17 triệu ha rừng nhiệt đới bị triệt phá (2). Với đà này, rừng nhiệt đới hầu như biến mất trong vòng 40 - 50 năm tới. Chúng ta còn chưa lường hết hậu quả của sự phá hoại lớp cây xanh bao phủ trái đất đối với hệ sinh thái của con người và đối với các nền văn hóa sẽ như thế nào. Con người đi phá hoại hệ sinh thái của bản thân mình rồi đi tái tạo lại để sửa chữa những sai lầm ; nhưng rừng nhân tạo không giải quyết được tất cả các vấn đề, vì rừng không phải chỉ là tổng số cây gộp lại. Rừng trồng lại thường không có khả năng tái tạo lại môi trường động vật và thực vật thiết yếu để có một khu rừng thực sự trong quá trình hàng triệu năm, sẽ bị chúng ta hủy diệt trong chưa tới 40 năm.

---

* GS

(1) Thông tin chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế, số 2, 1996, tr 1

(2) Thông tin môi trường, số tháng 4-1995, tr 1

Digitized by Google

Đằng sau nạn phá rừng đã kéo theo bao nhiêu là thảm họa : là sự xói mòn, căn cỗi và nghèo kiệt của đất đai, là hạn hán và lũ lụt triền miên, mùa màng mất mát, những sinh vật quý bị mất dần và đi đến tuyệt chủng. Các nhà khoa học đã dự báo rằng trong 20 - 30 năm tới, có khả năng 1/4 số loài sinh vật trên hành tinh chúng ta (nghĩa là khoảng 1 triệu loài) sẽ có nguy cơ bị tuyệt chủng, trung bình mỗi ngày mất 100 loài. Do phá rừng mà hàng năm trên cả trái đất, sự tàn bạo của con người đã rửa trôi khoảng 25 400 triệu tấn lớp đất bề mặt của những vùng đất đang được sử dụng, làm mất đi khoảng 21 triệu hecta đất phì nhiêu. Rừng bị phá hủy còn tăng thêm hàm lượng CO_2 trong khí quyển - một trong những chất khí quan trọng nhất gây nên "hiệu ứng nhà kính" làm tăng nhiệt độ trung bình của trái đất.

Nước là nguồn sống của con người và mọi sinh vật. Nước không phải là vô hạn, cho nên con người sử dụng nước cũng có hạn. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ trước đến nay đã tác động xấu đến khối lượng và chất lượng nước trên trái đất. Nguyên nhân chủ yếu là do dân số thế giới tăng quá nhanh, nên nhu cầu về nước cũng tăng lên quá lớn, nhất là nhu cầu phát triển nông nghiệp và công nghiệp. Hầu như tại mỗi thành phố trong thế giới đang phát triển, một sự kết hợp giữa dân số quá đông với bước đi công nghiệp hóa không thận trọng, cùng với các công trường, xí nghiệp thiếu hoàn toàn cống rãnh hay thiết bị làm sạch chất thải, đã tiêu hủy hết những nguồn nước sạch nguyên sinh.

Sự gia tăng dân số thế giới cũng thúc đẩy việc đầu tư lớn vào tưới tiêu nước. Hằng năm, một khối lượng nước lớn - ước gấp 6 lần lưu lượng hằng năm của sông Mi-xi-xi-pi - được lấy từ các sông, suối và bể nước ngầm trên trái đất để tưới cho cây trồng. Theo thời gian, nó sẽ tạo ra những vùng trũng đầy nước và vùng mặn, những bể nước ngầm suy thoái và ô nhiễm, những hồ và bể nội thủy cạn co lại, phá hoại môi trường sống của dã thú và cá.

Vì mọi thứ đều có hàm lượng muối nên một cánh đồng được tưới nhiều qua năm tháng sẽ nhận thêm một lượng muối phụ khá lớn cho mỗi hecta. Ở Ấn Độ, khoảng 20 triệu ha (36% của số đất được tưới) có sản lượng suy giảm do nhiễm muối, và lại có thêm khoảng 7 triệu ha bị bỏ hoang vì mặn. Như vậy, cái mà lúc đầu ta khen là một phương pháp tốt để tăng sản lượng cây trồng, thì cuối cùng đã mang lại kết quả đáng buồn.

Hiện tượng nắn dòng chảy của các con sông cũng đã gây ra những thiệt hại lớn. Trước đây ở Liên Xô, để công nghiệp hóa nông nghiệp, đẩy mạnh sản lượng ngũ cốc tại các nước cộng hòa Trung Á bằng cách thay đổi dòng chảy của hai con sông lớn - Amu Darya và Syr Darya - chảy vào biển Aral. Thu hoạch rõ ràng đã tăng lên đáng kể. Nhưng khí hậu khô đòi hỏi phải tưới nhiều nước. Sau 30 năm khai thác triệt để, nguồn nước đã suy giảm nghiêm trọng, mà bể Aral mức nước thấp đi 14 mét và đã co lại từ 67 ngàn xuống còn 40 ngàn km^2, mất đi 40% diện tích và 60% khối lượng nước ; muối đã tăng lên gấp ba lần, giết chết mọi sự sống ở vùng đất này. Hiện nay, đã lộ ra một vùng hoang mạc mặn mà ở giữa đó là các thành phố buôn thảm trước kia là biển Aralsk và Muinak.

Ở Arabia Saudi, đã biến vùng sa mạc lấp lánh nước nhằm đa dạng hóa nền kinh tế và đầu tư thu nhập về dầu lửa, nên trong một thời gian ngắn họ đã khai thác ráo riết nguồn nước ngầm ở đó, làm cho đất trồng cây tăng lên 20 lần năm 1988 so với năm 1975, và sản lượng ngũ cốc tăng vọt lên khoảng 1 000 lần. Nhu cầu nước ở đây cực kỳ lớn. Những bể nước ngầm ở đây đã tích tụ hàng ngàn năm. Nhưng nước lại không thể tạo ra bể nước mới. Như vậy là không đến một thập kỷ, trữ lượng này đã giảm đi 1/5, và theo dự báo, nó có thể sẽ hết kiệt vào năm 2007 (3).

Một hiểm họa nữa của nạn ô nhiễm môi trường không khí là hiện tượng "hiệu ứng nhà kính". Ngày nay, nồng độ của các khí nhà kính (dioxít cácbon CO_2), khí mêtan (CH_4), clopluo cacbon (CFCs), Ôzôn (O_3), các ôxít nitơ (Nox), và hơi nước (H_2O), đang tăng lên do quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nhiều quốc gia, đã sử dụng nhiều các nhiên liệu hóa thạch, nạn cháy rừng, phá rừng, sự tăng cường độ sản xuất năng lượng, hóa học v.v..., làm cho các chất trong khí quyển nóng lên và đồng thời làm nóng mọi thứ khác nữa. Tầng Ôzôn bảo vệ trái đất và các cư dân của nó khỏi bị bức xạ mặt trời làm hại, lớp này đang bị vơi đi một cách đáng kể bởi các chất thải hóa học nhà CFCs ; lỗ hổng Ôzôn càng lớn, và dù cho nó ở Nam cực hay Bắc cực thì con người cũng dễ bị xâm phạm và bị ảnh hưởng. Theo tính toán của các nhà khoa học, thì ở thời đại băng hà cuối cùng mới đây, nhiệt độ của trái đất thấp hơn hiện nay là 9^oC và nồng độ CO_2 chỉ độ 190 - 200 phần triệu, đến đầu thế kỷ XX, nồng độ CO_2 đã tăng khoảng 280 phần triệu. Hơn một nửa số tăng này đã xảy ra trong 30 năm qua. Người ta cho rằng dân số tăng có ảnh hưởng đến tốc độ và quy mô tăng của CO_2 (dioxít cacbon). Nếu tỷ lệ dân số vẫn giữ ở mức 03 hay 04%/năm như hiện nay, thì

(3) Paul Kennedy - Chuẩn bị cho thế kỷ XXI, Nxb. Chính trị quốc gia, 1996, tr 144

Digitized by Google

vào giữa thế kỷ XXI, nồng độ CO_2 sẽ đến 600 phần triệu, dẫn đến tình hình nhiệt độ trung bình của trái đất tăng lên đáng kể. Người ta ước lượng rằng, nếu nồng độ CO_2 tăng gấp đôi sẽ tạo cho nhiệt độ trung bình của trái đất tăng khoảng 1,5°C đến 4,5°C vào giữa thế kỷ XXI.

Trái đất nóng lên đáng kể thì mực nước biển của thế giới sẽ tăng lên. Mặt trái đất nóng lên có nghĩa là sẽ làm tan đi những khối băng ở hai vùng Nam cực và Bắc cực, tất cả đều đổ ra biển làm cho mức nước biển tăng lên với nhịp độ kinh khủng và tràn vào nhiều vùng đất rộng mênh mông. Người ta tính, ngay chỉ một mực nước biển tăng lên 1m, thì đủ để có thể thấy đường bờ biển tiến vào đất liền 100m và nếu bão đẩy một mực nước lớn vào lục địa thì nước biển sẽ xâm nhập xa vào đất liền và các triền sông, làm hư hại nhiều bể chứa nước ngọt.

Trái đất nóng lên còn ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp và sử dụng đất. Theo dự báo, ở Ai Cập, nếu mực nước tăng lên chỉ 1m, thì cũng sẽ chiếm mất khoảng 12 - 15% diện tích canh tác và làm cho khoảng 8 triệu dân ở đó sẽ phải đi ty nạn, và gây ra nạn khủng hoảng lương thực cho cả nước. Cũng như vậy, với mực nước biển tăng lên 1m thì ở Băng-la-đét sẽ mất đi 11,5% đất đai của họ mà ở đây hiện có 8,5 triệu người đang sinh sống. Và cũng với nó là nạn bão lụt sẽ tàn phá, dẫn đến hàng triệu, hàng triệu người ty nạn sẽ vượt biên giới để đi vào những tỉnh cũng đã rất đông dân của Ấn Độ, thêm cho nước này bao nhiêu vấn đề nan giải.

Trái đất nóng lên không chỉ mang lại tai họa về môi trường, sinh thái đối với các nước đang phát triển mà cũng mang lại tai họa cho cả các nước phát triển. Chỉ cần nước biển dâng cao ở mức 1m thì cũng có thể làm cho riêng nước Mỹ mất đi 8 000 dặm vuông đất trồng trọt và 10 000 dặm vuông đất khô cằn. Sự nóng lên của trái đất cũng đã làm tan băng ở nhiều vùng rộng lớn, đất màu bị băng giá, tạo ra những vũng đọng nước, những vùng đồng lầy và nhả ra một lượng lớn khí mêtan và CO_2, các chất khí này bị băng chặn giữ lại nay bay vào khí quyển, làm tăng nhanh hiệu ứng nhà kính và tạo ra một chu trình ngày càng xấu đi đối với môi trường sinh thái. Không kể là nước giàu hay nghèo, nước phát triển hay đang phát triển đều góp phần vào việc tăng nồng độ CO_2 và làm xấu đi bầu khí quyển của chúng ta .

Như vậy, những thách thức về môi trường hiện nay khác hẳn về chất so với những thách thức của 60 năm trước. Ngày nay, đất bị mặn và biến thành đá ong, bị xói mòn do nền văn minh công nghiệp gây ra, hồ ao mất chất dinh dưỡng, những trận mưa axít, chất cacbon điôxit tồn đọng, hơi độc, khói nhà máy, lớp Ôzôn trong khí quyển mỏng đi. Trong suốt nửa thế kỷ qua, chất thải công nghiệp gia tăng theo cấp số nhân, nhất là ở những nước mới phát triển, vì đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế mà họ tiến hành công nghiệp hóa một cách không suy xét. Sự khô kiệt của những vùng đất ẩm và các địa tầng ngập nước, hành động tàn phá rừng nhiệt đới và tình trạng để súc vật ăn trụi các đồng cỏ là hiện tượng tràn lan không ai kiểm soát được. Hậu quả dẫn đến tình trạng sa mạc hóa hết sức nặng nề. Hiện nay, trên toàn thế giới, đất đai bị sa mạc hóa lên đến 4 tỉ hecta, mỗi năm tăng 6 triệu hecta. Hằng năm có 24 tỉ tấn đất bị sụt lở và trôi ra biển. Đất đai canh tác bị thu hẹp và bị ô nhiễm nặng.

Đúng là, ngày nay chúng ta đã bắt hệ sinh thái của mình phải gánh chịu nhiều áp lực quá sức chịu đựng của nó, nên nó trở lại trừng phạt chúng ta. Nguy cơ của một cuộc khủng hoảng sinh thái mang tính chất toàn cầu đang đe dọa không chỉ sự sống của giới tự nhiên mà cả sự sống còn của con người. Trong lịch sử cũng đã từng chứng kiến có những nền văn minh một thời phát sáng rực rỡ, huy hoàng, nhưng cuối cùng cũng đã phải bị tiêu vong vì sự tác động quá tàn bạo của con người đối với tự nhiên. Sự tiêu vong của nền văn minh Maya là một thí dụ điển hình. Do phương thức khai thác tự nhiên của con người ở đây theo lối độc canh, đốt phá rừng một cách bừa bãi, hạn hán, lũ lụt liên miên, mùa màng mất trắng, nạn đói hoành hành khủng khiếp cướp đi cả một dân tộc có nền văn minh kỳ vĩ mà tổ tiên của họ đã dày công gây dựng qua 15 thế kỷ. Nền văn minh Cret bị tiêu diệt bởi sự tàn phá, hủy hoại của con người đối với môi trường, sinh thái. Nền văn minh Lưỡng Hà cũng đã cùng chung số phận bởi những nguyên nhân tương tự.

Ngày nay, nếu nổ ra một cuộc khủng hoảng môi sinh trên quy mô toàn cầu thì tình hình sẽ ra sao, có giống như những thí dụ điển hình nêu trên trong các thời đại xưa hay không ? Thật vậy, cái gì đã xảy ra trong lịch sử thì cũng có thể lặp lại trong hiện tại và xảy ra trong tương lai - tất yếu là hậu quả sẽ lớn rộng hơn, tàn khốc hơn và khủng khiếp hơn nhiều - nếu như con người vẫn tiếp tục thống trị tự nhiên một cách tàn bạo và mù quáng, nếu con người hoàn toàn không thay đổi chiến lược phát triển của mình gắn kết với giới tự nhiên trong một chỉnh thể thống nhất. Ph. Ăng-ghen đã nói : Không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt

Digitized by Google

được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta.

Chúng ta bước vào thế kỷ XXI, nguy cơ của cuộc khủng hoảng về hệ sinh thái mang tính chất toàn cầu ngày càng bộc lộ rõ. Vì hoạt động kinh tế thế giới sẽ tăng lên dữ dội. Dân số thế giới, theo dự báo sẽ tăng lên 10 tỷ người, sẽ bùng nổ ở các nước đang phát triển, dẫn đến nạn xâm lấn rừng, chiếm cứ các vùng đầm lầy, các đồng cỏ lớn, và ngày càng có nhiều người khai thác tài nguyên thiên nhiên ở quanh mình. Áp lực này càng gia tăng bởi các cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp theo ở châu Á và ở nhiều nơi khác : sẽ mọc lên nhà máy mới, xưởng lắp ráp, hệ thống đường sá, sân bay, bến cảng và các tổ hợp nhà ở ; và do đó không những giảm ruộng đất tự nhiên mà còn đòi hỏi phải tăng thêm năng lượng, thêm ôtô và máy kéo, thêm cơ sở hạ tầng, chất dinh dưỡng, giấy và phương tiện bao gói, xi măng, thép, quặng ; dẫn đến tình trạng nhiều sông bị ô nhiễm, các hồ nước ngầm bị cạn kiệt, thành phố đầy khói sương, đất bỏ hoang vì công nghiệp, đất đai bị sa mạc hóa, tầng Ôzôn của mặt đất càng mỏng thêm, trái đất càng nóng lên, tăng thêm nhiều trận mưa axít, gây thêm hiệu ứng nhà kính v.v... Tất cả đến thế kỷ XXI, cuộc khủng hoảng về sinh thái mang tính chất toàn cầu không còn là nguy cơ nữa mà sẽ biến thành hiện thực, nếu như từ nay chúng ta "án binh bất động", không có những quyết định sáng suốt ở tầm chiến lược, không có những hành động kiên quyết với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Vấn đề môi trường sinh thái ở Việt Nam tuy có những đặc điểm riêng, nhưng về cơ bản không nằm ngoài vấn đề môi trường sinh thái của thế giới. Môi trường sinh thái ở nước ta có cả những vấn đề khan hiếm và cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lại có cả những vấn đề về ô nhiễm môi trường sống.

Trước hết, hãy nói về rừng nước ta đã bị phá hoại nghiêm trọng và ngày nay bị giảm sút đến mức báo động. Rừng nguyên thủy từ chỗ gần bằng diện tích cả nước, nay tụt xuống còn 66 432 km^2, trong đó rừng bảo vệ chiếm 7 367 km^2. Độ che phủ của rừng Việt Nam từ 48% tổng diện tích cả nước, nay còn 20% trong năm 1990 (4). Như vậy, rừng ở nước ta bị tàn phá khá nặng, tốc độ trồng rừng không theo kịp với tốc độ tàn phá. Việt Nam có tốc độ mất rừng nhanh và cao nhất so với các nước trong khu vực : 2,8% trong khi đó Thái Lan 1,6% ; Trung Quốc 0,8%, Ma-lai-xi-a 1,2% ; Hàn Quốc 0,1% ; In-đô-nê-xi-a 0,4%. Theo số liệu được công bố thì mỗi năm nước ta bị mất khoảng 200 000 ha rừng, trong đó có 60 000 ha bị chặt phá làm đất nông nghiệp và xuất khẩu không theo quy hoạch, 50 000 ha bị cháy, còn lại là do khai thác để lấy gỗ, củi. Hai trăm ngàn hecta rừng bị mất trong một năm, mà mức trồng rừng mỗi năm chỉ được 80 000 - 100 000 ha, không đủ bù đắp lại số rừng đã bị mất. Sự mất mát nhanh chóng với số lượng của rừng nước ta làm biến đổi khí hậu, gây ra hạn hán, lũ lụt, xói mòn đất, không chỉ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đến nền kinh tế mà còn trực tiếp đe dọa cuộc sống của hàng chục triệu con người.

Việt Nam có quỹ đất đai rất hạn chế, tỷ lệ đất canh tác theo đầu người vào loại thấp nhất thế giới. Ngoài ra chính sách sử dụng đất, giao ruộng, giao rừng chưa ổn định, nên đã gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực. Sự giảm nhanh chóng độ che phủ rừng đã gây một sức ép rất lớn đến chất lượng đất trồng trọt, như bị xói mòn, vữa trôi còn trơ sỏi đá, hoặc laterít hóa mất khả năng canh tác. Ước tính mỗi năm bị mất khoảng 74 000 ha đất trồng trọt. Diện tích đất nông nghiệp không chỉ bị thu hẹp mà còn bị ô nhiễm nặng, do các chất hóa học trong phân bón, trong các chất phòng trừ dịch hại. Hằng năm chúng ta đã sử dụng khoảng 15 000 - 25 000 tấn thuốc phòng trừ dịch hại và thuốc bảo vệ thực vật. Lượng phân bón hóa học (NPK) tính đến năm 1999 được sử dụng 93,5 kg/ha, gây hậu quả xấu cho môi trường sinh thái nông nghiệp và cho sức khỏe con người. Các chất hóa học này thấm qua đất, xuyên vào các mạch nước ngầm, làm ô nhiễm các bể chứa nước ngọt.

Nhiều hóa chất độc hại gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, như khí amoniắc bốc lên từ phân, nước giải động vật, khí mêtan từ phân hữu cơ, NO từ phân đạm, CO_2 và các loại khí đốt khác do đốt các sản phẩm sinh học, phá rừng làm nương rẫy. Còn trong sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các nhà máy phân bón hóa học đã góp phần đáng kể làm ô nhiễm đất và nước. Người ta tìm thấy ở các vùng lân cận nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy hóa chất Đức Giang, nhà máy pin Văn Điển, nhà máy phân lân Văn Điển, khu công nghiệp Biên Hòa, Việt Trì, v.v..., các loại kim khí như Cu, Mn, Zn, Ph, có hàm lượng khá cao, vượt mức cho phép, có nơi đã lên đến mức nguy hiểm cho con người và môi trường.

Nguồn tài nguyên nước của chúng ta tuy phong phú nhưng 60% nguồn nước bắt nguồn từ nước ngoài, nên phụ thuộc vào quy mô và phương thức sử dụng nguồn

(4) Tạp chí *Thông tin môi trường*, số 2-1996, tr. 6 và số 6-1994, tr 2

Digitized by Google

nước của họ. Nguồn nước ngọt, sạch hiện ở nước ta rất khan hiếm. Mức nước sử dụng bình quân đầu người hằng năm là 81m^3, trong khi đó Trung Quốc là 462m^3, Thái Lan là 599m^3, Ma-lai-xi-a là 765m^3. Chất lượng nước đang trong tình trạng bị ô nhiễm do các chất thải trong sinh hoạt và trong công nghiệp không có thiết kế xử lý. Tại Hà Nội, tổng lượng nước thải mỗi ngày lên từ 300 - 400 ngàn mét khối, trong đó lượng nước thải từ sản xuất công nghiệp là 85 - 90 ngàn mét khối/ngày. Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt là 1800 - 2000 m^3/ngày, mà lượng thu gom chỉ đạt 850m^3/ngày, phần còn lại cứ thế mà tuôn vào các khu vực ven hồ, kênh, mương trong nội thành.

Quy mô phát triển công nghiệp của nước ta chưa lớn, nhưng dân số tăng nhanh, việc làm căng thẳng, mức sống còn thấp, số người dựa vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để kiếm sống khá đông, do đó tình trạng môi trường sinh thái của Việt Nam đang ở ngưỡng suy thoái, báo động trên nhiều lĩnh vực ; tin chắc rằng một vài thập kỷ tới, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ triển khai trên khắp các lĩnh vực, thì vấn đề môi trường sinh thái sẽ trở thành nguy cơ và thách thức đối với cả đất nước ta.

Những tác động lớn đối với môi trường sinh thái mà quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển công nghệ tất yếu sẽ dẫn đến là : gia tăng sức ép mạnh lên các dạng tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, khoáng sản, sinh vật, các nguồn năng lượng và nhiên liệu) dẫn đến hậu quả là sự cạn kiệt hoặc suy thoái nhanh về chất lượng các tài nguyên này ; đó chẳng qua là sự bóc lột thiên nhiên một cách gấp gáp, làm cho quá trình phát triển không bền vững ; mở rộng phạm vi và làm trầm trọng thêm mức độ các dạng ô nhiễm môi trường không khí, nước hiện có, và xuất hiện thêm những dạng ô nhiễm mới, gây nên những tác động tiêu cực về môi trường sống của con người ; tạo thêm những địa bàn gay cấn về môi trường sinh thái như địa bàn đô thị và công nghiệp, vùng phát triển kinh tế ven biển, vùng thâm canh nông nghiệp và các khu rừng tự nhiên.

Trong chiến lược phát triển cần có những định hướng rõ ràng và có những chính sách, biện pháp tích cực hơn. Trong khi định hướng chung về đổi mới công nghệ, chiến lược phát triển công nghệ quốc gia cần đưa ra những hướng phát triển khác nhau, và trong mỗi hướng công nghệ cần nêu lên những tác động đến môi trường mà các hoạt động sản xuất và công nghệ có thể gây ra. Đồng thời phải đề ra các chính sách, các giải pháp chủ động, tích cực để xử lý những vấn đề nêu trên một cách hữu hiệu, sao cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta được tiến hành thuận lợi, đồng thời vẫn bảo đảm môi trường - sinh thái không bị tác động xấu bởi quá trình đó mang lại.

Bước vào thế kỷ XXI, sẽ đặt ra cho sự phát triển của đất nước ta thách thức rất nghiêm trọng. Đó là, vừa phải tăng nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; vừa phải bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, không để xảy ra cuộc khủng hoảng trầm trọng do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gây ra. Đó là vấn đề trăn trở, nhức nhối mà đường lối và chính sách công nghiệp hóa của Việt Nam cần giải quyết thỏa đáng.

Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa có bốn vấn đề cần đặc biệt quan tâm : đó là phát triển kinh tế, dân số, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái. Bốn vấn đề có mối quan hệ biện chứng với nhau và được ví như bốn trụ của một ngôi nhà. Bốn trụ có vững thì ngôi nhà mới yên. Một trong bốn trụ bị lung lay thì ngôi nhà sẽ bị đe dọa. Phát triển kinh tế phải dựa trên một tỷ lệ dân số hợp lý, đồng thời phải lo bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Ngược lại, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái được gìn giữ thì với một tỷ lệ dân số nhất định, kinh tế mới tăng trưởng nhanh. Chiến lược phát triển công nghệ của ta cần được định hướng theo mối quan hệ biện chứng của bốn vấn đề đó.

Ngay từ hôm nay, chúng ta phải có kế hoạch phát triển công nghệ sạch hơn, công nghệ ít tiêu hao năng lượng hơn ; và cùng với những công nghệ này, những công nghệ làm sạch, công nghệ tận dụng phế thải cũng cần chăm lo phát triển mạnh. Là nước đi sau, chúng ta không dùng chiến lược "đuổi kịp và vượt" vì khi ta đã đuổi kịp và vượt lên thì công nghệ đó đã lỗi thời và bị loại trừ. Nước đi sau muốn phát triển nhanh không thể đi lại nguyên con đường cũ của các nước đi trước. Nghĩa là, chúng ta phải dùng chiến lược "đi tắt" và cạnh tranh trong các công nghệ hoàn toàn mới. Giá trị môi trường sinh thái là giá trị mà các nước đi sau còn có khả năng cạnh tranh.

Mặt khác, vấn đề môi trường sinh thái không chỉ đóng khung trong phạm vi quốc gia mà nó còn là vấn đề liên quốc gia - vấn đề quốc tế. Bởi vì quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta thông qua việc xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, vật liệu, sản phẩm giữa các quốc gia, những tác động xuyên

Digitized by Google

biên giới về môi trường phải được điều chỉnh cho phù hợp giữa các nước có liên quan. Phát triển công nghệ mới hoặc nhập công nghệ, vật liệu sản xuất, chúng ta cần đặc biệt lưu ý để các điều luật quốc gia nhất thiết phải có tính phòng ngừa và nếu có mối hiểm họa nghiêm trọng thì các điều luật ấy là căn cứ pháp lý để chúng ta xử lý thích đáng mối quan hệ quốc tế. Đồng thời, để bảo vệ lợi ích và môi trường sinh thái của nước ta cũng như của cộng đồng khu vực và thế giới, chúng ta cần quan tâm phát triển hệ thống kiểm soát môi trường hoàn chỉnh ở trong nước.

Để cho những chủ thể gây ô nhiễm môi trường áp dụng các biện pháp hữu hiệu giảm mức ô nhiễm thì phải có điều luật nộp phạt của bên gây ô nhiễm ; đó là biện pháp tích cực để khắc phục, xử lý và đền bù thiệt hại môi trường. Điều này không chỉ phù hợp với các đối tác Việt Nam mà còn phù hợp với các đối tác nước ngoài.

Là một nước đi sau, chúng ta đã có được những bài học quý báu của các nước đi trước. Chúng ta phải tránh vết xe đổ mà các nước đi trước đã mắc phải. Tất nhiên, chúng ta không bao giờ bỏ mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nhưng thực tế cho thấy đó không phải là tất cả. Cái giá mà con người phải trả quá đắt cho sự tăng trưởng kinh tế mà không quan tâm đến môi trường sinh thái. Hậu quả của sự tăng trưởng đơn phương, đó là một môi trường tự nhiên đã và đang bị tàn phá, một cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu đang ập đến và đe dọa sự sống của hành tinh chúng ta. Không thể nói rằng trong cuộc khủng hoảng đó, Việt Nam không có ảnh hưởng gì. Những gì mà chúng ta đã đạt được trong bao nhiêu năm qua cũng đồng thời kèm theo những mất mát cho môi trường tự nhiên và cho hệ sinh thái nước ta như trên đã phân tích. Con người không thể sống thiếu khoa học và công nghệ cũng như không thể sống tách rời khỏi môi trường sinh thái. Đây là một thách thức kép : một mặt, muốn phát triển kinh tế, nâng cao đời sống con người thì phải có khoa học và công nghệ, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; mặt khác lại phải đặc biệt quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái, tức là bảo vệ sự sống của con người.

Do vậy, không thể tách mục tiêu bảo vệ môi trường ra khỏi mục tiêu kinh tế. Sự kết hợp biện chứng giữa hai mục tiêu này là đòi hỏi tất yếu khách quan của sự phát triển xã hội nói chung và của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng. ❑

TÌM HIỂU...

(Tiếp theo trang 14)

thành. Do đó việc trang bị kiến thức cơ bản là cần thiết nhưng chưa đủ. Điều quan trọng hơn là thông qua đó mà nắm được phương pháp tư duy đúng, rèn luyện tư duy độc lập và sáng tạo, nâng cao khả năng tự học để người cán bộ có thể tự hoàn thành nhiệm vụ và có thể học tập suốt đời. Tại lớp nghiên cứu chính trị khóa I Trường đại học nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nói : "Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày nay đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân" (14).

Đào tạo cán bộ quản lý phải căn cứ vào nhu cầu của xã hội, của nền kinh tế nước ta. Hồ Chí Minh nói : "Huấn luyện cán bộ là cốt để cung cấp cán bộ cho các ngành công tác : Đoàn thể, Mặt trận, chính quyền, quân đội. Các ngành công tác như là người tiêu thụ hàng. Ban huấn luyện như là người làm ra hàng. Làm ra hàng phải đúng với nhu cầu của người tiêu thụ. Nếu người ta cần nhiều xe mà mình làm ra nhiều bình tích thì hàng ế" (15).

Cho nên đào tạo ra cán bộ quản lý kinh tế ngành gì, số lượng bao nhiêu, cho hiện tại và dự kiến cho tương lai như thế nào là phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đất nước, phải có kế hoạch cụ thể. Nếu không sẽ sinh ra tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ, không đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế đất nước.

Những quan điểm tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh đã soi sáng và góp phần quyết định thắng lợi trong việc đào tạo huấn luyện cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý kinh tế của Đảng, Nhà nước ta trong nhiều thập kỷ qua và trở thành di sản bất hủ trong cẩm nang về đào tạo cán bộ của các nhà trường hiện nay.

Ngày nay, chúng ta lại càng quán triệt và vận dụng sáng tạo những di huấn về cán bộ của Hồ Chí Minh để đổi mới mạnh mẽ toàn diện công tác đào tạo huấn luyện cán bộ. Làm được như vậy nhất định chúng ta sẽ gặt hái được nhiều thành công trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ cho thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

(14) *Sđd*, t 8, tr 215

(15) *Sđd*, t 6, tr 48

Digitized by Google

"KHOA HỌC TRỞ THÀNH LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRỰC TIẾP" : THỰC CHẤT VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM MỚI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHẠM VĂN CHÚC

XOAY quanh các chủ đề vừa mang tính thời sự cập nhật thiết thực vừa có ý nghĩa lý luận cơ bản quan trọng hiện nay về cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng khoa học - công nghệ, văn minh tin học, thời đại hậu công nghiệp, xã hội trí tuệ, kinh tế tri thức..., thường gặp một số ý kiến :

- Với sự bùng nổ và phát triển mạnh mẽ, liên tục suốt nhiều thập niên qua của cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng khoa học - công nghệ, đúng như Mác đã tiên đoán, ngày nay khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Trong cơ cấu hệ thống của nền sản xuất hiện đại, cũng đúng như Ăng-ghen đã dự kiến, tri thức khoa học là nhân tố quyết định hàng đầu, có vị trí độc lập và đóng vai trò ngày càng to lớn hơn trong tổng giá trị sản phẩm kinh tế quốc dân, cũng như trong phần giá trị gia tăng so với các nhân tố vật chất như lao động, vốn, tài nguyên, đất đai..., hoặc theo cách nói của một số học giả nước ngoài là các "m" : machine - máy móc, material - vật liệu, money - tiền vốn, man - lao động, management - quản lý...

- Tri thức hoàn toàn có thể được trao đổi, chuyển giao, tiếp nhận dễ dàng, nhanh chóng, giống như một thứ phúc lợi hay hàng hóa công cộng được cung ứng qua hệ thống dịch vụ chung, với dung lượng và mật độ gần như vô hạn với chi phí cận biên gần như bằng 0, cung cấp đi rồi nhưng vẫn còn như nguyên vẹn. Cho nên, việc tăng cường quy mô và nâng cao trình độ của vốn tri thức (cả ngoại nhập từ đầu nguồn, lẫn nội sinh bằng sáng tạo) chính là phương cách duy nhất, đồng thời cũng là giải pháp khả thi để những nền kinh tế đang hoặc chậm phát triển có thể tăng tốc, khắc phục tình trạng tụt hậu, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mọi mặt, tận dụng và phát huy "lợi thế của người đi sau", từ đó đuổi kịp và vượt trước các nền kinh tế phát triển cao hơn.

- Như vậy, về mặt định hướng chiến lược, để đạt được hiệu quả cao và tạo ra tích lũy lớn cho toàn bộ hệ thống chung của một nền kinh tế, cần tập trung ưu tiên tăng mạnh đầu tư và đẩy nhanh hoạt động của những ngành mà trong đó bản thân nội dung quá trình sản xuất cũng như cấu tạo giá trị thành phẩm có hàm lượng trí tuệ cao, đặc biệt là "lĩnh vực sản xuất thứ tư" chuyên tạo ra "hàng hóa" tri thức, thông tin mới cho các lĩnh vực còn lại (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) (1)...

Những ý kiến trên đây phải chăng là hoàn toàn rõ ràng, chặt chẽ, hợp lý, và đúng đắn ?

Trước hết, hãy phân tích kỹ theo tinh thần cơ bản, đích thực và văn cảnh cụ thể trực tiếp một luận điểm nổi tiếng của Mác, tuy thường hay được nhắc đến, nhưng lại ít khi được trích thuật đầy đủ. Trong tác phẩm *"Phê phán khoa kinh tế chính trị"* (1857 - 1858) Mác viết :

"Giới tự nhiên không tạo ra cả xe hơi lẫn xe lửa, cả đường sắt lẫn điện tín, hay các yếu tố nông nghiệp v.v... Mọi cái đó đều là sản phẩm của lao động con người, là vật chất tự nhiên đã biến đổi thành các khí quan của ý chí con người làm chủ giới tự nhiên, hay của hoạt động con người trong giới tự nhiên. Mọi cái đó đều là ***các khí quan của bộ não người được tạo nên bởi bàn tay của chính họ,*** *là sức mạnh đã được vật chất hóa của tri thức. Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy rằng, tri thức (Wissen,*

(1) Theo : Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. *Nền kinh tế tri thức (Nhận thức và hành động). Kinh nghiệm của các nước phát triển và đang phát triển.* Nxb Thống kê, Hà Nội, 2000, 216 tr ; Ban Khoa giáo TU - Bộ KH, CN và MT - Bộ Ngoại giao. *Kỷ yếu hội thảo khoa học "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam".* Hà Nội, 21 - 22/6/2000, 259 tr .

Digitized by Google

Knowledge) xã hội phổ biến đã biến đổi thành lực lượng sản xuất trực tiếp đến mức nào, và từ đây, là chỉ số cho thấy rằng, các điều kiện của bản thân quá trình sinh hoạt xã hội đã chịu sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải biến cho phù hợp với trí tuệ này đến mức độ nào ; rằng những lực lượng sản xuất xã hội được tạo ra không chỉ trong hình thái tri thức, mà còn như là các khí quan trực tiếp của thực tiễn xã hội và quá trình sinh hoạt hiện thực đến mức nào" (2)

Tư tưởng của Mác ở đây có thể được diễn đạt chi tiết và cụ thể hơn bằng những luận đề sau :

1 - "Tri thức", "trí tuệ", "ý chí" của con người hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn xã hội, trong lao động sản xuất vật chất của họ. Đồng thời chúng còn được hàm chứa, biểu hiện chính trong các tư liệu sản xuất và sản phẩm hiện thực trực tiếp của hoạt động, lao động ấy.

2 - *"Lực lượng sản xuất trực tiếp"* là loại hình lực lượng sản xuất tham gia vào hoạt động sản xuất vật chất. Ngoài bản thân người lao động, nó bao gồm : xe hơi, xe lửa, đường sắt, điện tín, các nhân tố nông nghiệp, tư bản cố định..., tức là "các khí quan trực tiếp của thực tiễn xã hội và quá trình sinh hoạt hiện thực". Sở dĩ nói "trực tiếp" là vì nó tồn tại trong dạng thái vật chất hiện thực cụ thể.

3 - Trong hệ thống "những lực lượng sản xuất xã hội" nói chung, ngoài *"lực lượng sản xuất trực tiếp"*, còn có lực lượng sản xuất "không trực tiếp" - loại hình lực lượng sản xuất "được tạo ra trong hình thái tri thức", tức là chỉ tồn tại trong dạng thái tinh thần tiềm năng trừu tượng. Nhưng với tính cách là cái có thể biến thành *"lực lượng sản xuất trực tiếp"*, thì nó không phải là toàn bộ khoa học hay mọi tri thức bất kỳ nào, mà chỉ là "tri thức xã hội phổ biến".

4 - Bộ phận tri thức đặc biệt này có nội dung phản ánh tổng hợp, bao quát cả lĩnh vực tự nhiên lẫn lĩnh vực xã hội và mang tính chất chung nhất, khái quát. Nhưng đây cũng không phải là những tri thức đỉnh cao đương thời, hoặc quá chuyên biệt và chỉ thuộc về một nhóm xã hội hạn hẹp. Trái lại, "tri thức xã hội phổ biến" ở trình độ dù không quá đơn giản, phổ thông song vẫn có thể được truyền thụ cho số đông người lao động, được xã hội hóa. Cho nên ngoài *ý nghĩa nhận thức - chân lý*, tri thức ấy còn có *giá trị xã hội - thực tiễn* rõ rệt, và do vậy đã bắt đầu hòa nhập vào thành phần của "những lực lượng sản xuất xã hội" nói chung.

5 - Điều kiện và cơ chế của việc "tri thức xã hội phổ biến" biến đổi thành *"lực lượng sản xuất trực tiếp"* là nó tham gia được vào một "hệ quy chiếu" của các quá trình và quan hệ vật chất xã hội nhất định với những "tọa độ" không gian và thời gian tương ứng, do đó trở nên sống động, và có ý nghĩa giá trị xã hội cụ thể. Tại đó tri thức này trước hết được người lao động nắm bắt, thấu hiểu, chọn lọc và làm chủ, đồng thời cũng được kết tinh trong tư liệu sản xuất. Sau đấy nhờ hoạt động thực tiễn của họ mà nó được vận dụng, hóa giải, bóc gỡ và chuyển nhập mọi giá trị tiềm tàng của mình vào các sản phẩm văn hóa - văn minh vật chất hiện thực trực tiếp và cụ thể mới được tạo ra.

6 - "Sự biến đổi" trên đây hoàn toàn không phải là hiện tượng cá biệt, đơn nhất mà thực ra là một xu hướng và nội dung thường xuyên, tất yếu trong toàn bộ quá trình hoạt động thực tiễn của xã hội và con người. Đáng chú ý rằng, đó không phải là căn cứ minh chứng cho trình độ phát triển tiên tiến hiện đại của tri thức. Bởi vì, trái lại, chính việc khoa học tách khỏi lao động trực tiếp cũng đánh dấu sự trưởng thành của nó. Về điểm này Mác viết : "Trước hết, những vấn đề do thực tiễn đặt ra chỉ có thể được giải quyết bằng khoa học, đồng thời xảy ra quá trình *tách khoa học, với tính cách là khoa học, được ứng dụng vào quá trình sản xuất, ra khỏi lao động trực tiếp*, trong khi ở những trình độ trước đây của sản xuất, khối lượng kiến thức và kinh nghiệm hạn chế đã liên kết chặt với chính lao động, không phát triển với tính cách là một lực lượng độc lập tách khỏi lao động. (3).

7 - Xét trong một hệ thống xã hội, một nền kinh tế độc lập tương đối mang tính chỉnh thể thì giữa "tri thức xã hội phổ biến" và *"lực lượng sản xuất trực tiếp"* có tương quan, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau chặt chẽ, tất yếu, xác định, chứ không hề tùy tiện, ngẫu nhiên, bất định. Cơ sở duy trì, chi phối, điều tiết mối quan hệ giữa các nhân tố này cả về mặt định tính lẫn về mặt định lượng là hoạt động thực tiễn, là lao động sản xuất của con người trong khuôn khổ hệ thống kinh tế - xã hội cụ thể mà các nhân tố ấy tồn tại và phát huy tác dụng.

---

(2) Xem : C.Mác - Ăng-ghen : *Toàn tập*. Xuất bản lần thứ hai, Nxb Sách chính trị, Mát-xcơ-va, 1964, t 46, phần II, tr 215 (tiếng Nga)

(3) Dẫn theo tạp chí *"Những vấn đề của lịch sử khoa học tự nhiên và kỹ thuật"* số 25, 1968, tr 75 - 76 (tiếng Nga)

Digitized by Google

8 - Ngoài ra, liên quan với những điểm trên, cần thấy là trong tác phẩm *"Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị"* (1843 - 1844) Ăng-ghen viết : "... Mặt tự nhiên, khách quan, là ruộng đất, và mặt con người, chủ quan, là lao động, bao hàm tư bản và... yếu tố tinh thần của sự phát minh, của tư tưởng... Dưới một chế độ hợp lý vượt lên trên sự xé lẻ những lợi ích... thì yếu tố tinh thần cố nhiên sẽ thuộc về số các yếu tố sản xuất và sẽ tìm thấy vị trí của mình trong chi phí sản xuất... Có hai yếu tố sản xuất hoạt động : giới tự nhiên và con người ; con người, đến lượt mình, lại hoạt động với những thuộc tính thể chất và tinh thần của nó" (4). Ở đây, ngoài sự nhấn mạnh vai trò quan trọng của các phát minh đối với sản xuất và vạch ra việc nhà tư bản chiếm đoạt giá trị kinh tế của các phát minh này, rõ ràng Ăng-ghen luôn gắn "yếu tố tinh thần" nói chung với người lao động và chỉ tách riêng nó ra trong sự phân tích khoa học trừu tượng. Sẽ là đơn giản và sai lầm nếu từ đó lại rút ra kết luận rằng, khi đã tham gia vào một quá trình sản xuất xã hội cụ thể trực tiếp, tri thức vẫn là một "nhân tố sản xuất" trọn vẹn, riêng lẻ nào đó, hoàn toàn hiện thực, tồn tại độc lập, có thể tách rời hẳn khỏi các nhân tố còn lại ; rằng do thế, dường như nó mang một bản tính "phi lịch sử" và có một giá trị xã hội "phổ quát", "siêu việt", "vạn năng".

Như vậy, đến đây bước đầu có thể rút ra một số nhận xét :

- *Thứ nhất*, lĩnh vực kinh tế và hoạt động sản xuất đã, đang và sẽ luôn luôn hàm chứa tri thức, luôn có tri thức tham gia. "Tri thức" ở đây bao quát các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, quản lý, kinh doanh và cả những quan hệ kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội. Tình hình này không phải chỉ mới xuất hiện hôm qua hay hôm nay, mà gắn liền với bản chất vốn có của chính kinh tế và sản xuất. Điều ngược lại là chưa hề có và cũng không thể có. Khi đã chuyển hóa hòa nhập vào kinh tế và sản xuất, đã thuộc về một nền kinh tế và một hệ thống sản xuất nhất định, thì một mặt tri thức không còn tồn tại chỉ đơn thuần như những nội dung tinh thần, tư tưởng dưới "cái vỏ" vật chất âm thanh, hình ảnh, chữ viết của các *phương tiện thông tin* và *sản phẩm thông tin*. Nhưng mặt khác, lúc này nó cũng không phải là "nhân tố thứ ba" hoàn toàn mới nào đấy hiện diện trực tiếp, tách rời riêng biệt như một chỉnh thể độc lập, đứng bên cạnh và "đồng đẳng" với hai nhân tố lao động và tư liệu sản xuất trong cấu trúc lực lượng sản xuất. Trái lại, khi ấy tri thức chỉ có thể tồn tại, phát huy tác dụng duy nhất theo phương thức hòa tan, thẩm thấu và kết tinh trong các nhân tố này như là *nội dung trí lực* phù hợp, thống nhất với *nội dung thể lực, hiện vật* của chúng.

- *Thứ hai*, quá trình tri thức hóa kinh tế và sản xuất, tri thức hóa toàn bộ lực lượng sản xuất, "tri thức hóa dân tộc... tri thức hóa công nông" (5), hoàn toàn không phải là việc tùy tiện và đơn độc gia tăng vô hạn độ và vô điều kiện cả tổng nguồn tri thức lẫn hoạt động sáng tạo và cung ứng tri thức nói chung, để đưa thật nhiều thật nhanh tri thức vào các kênh chuyển tải và xử lý thông tin, hoặc nạp thật đầy nó cho những kho dự trữ và phân phối thông tin. Nội dung cơ bản quan trọng thực sự của quá trình này là hiện đại hóa, tích cực đổi mới, bổ sung và gia tăng một cách hợp lý, thích đáng, có hiệu quả cả về số lượng lẫn về chất lượng bản thân "vốn" chất xám, "phông" trí tuệ hiện có của chính các nhân tố sản xuất cơ bản, truyền thống bằng những tri thức tiên tiến, phù hợp và thiết yếu. Để thực hiện được mục tiêu đó, rõ ràng phải đồng thời giải quyết hai nhiệm vụ chính : a) giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực sao cho nội dung trí lực trong lao động sống của họ có thể hấp thu, tiếp nhận, vận dụng thành công và trở nên ngang tầm với trình độ phát triển mới của tri thức. Điều này cũng có nghĩa là "đại chúng hóa" những tri thức trên, biến chúng từ chỗ là tri thức cá biệt chưa được phổ cập rộng rãi, tương tự như "những bí quyết của người thợ thủ công riêng lẻ" (6), thành "tri thức xã hội phổ biến" thực sự ; b) từng bước tạo lập và phát triển cơ sở kỹ thuật, công nghệ vật chất hiện thực tương xứng với quy mô và trình độ mới ấy của "tri thức xã hội phổ biến" trong lao động sống cũng như của tổng nguồn tri thức trong toàn xã hội.

- *Thứ ba*, nói tri thức được lưu thông trao đổi một cách "tuyệt đối tự do" chỉ đúng khi : a) tri thức này được xét về mặt nội dung thông tin đơn thuần, tách rời khỏi nền tảng *"lực lượng sản xuất trực tiếp"* hiện thực nhất định tương xứng ; b) sự lưu thông trao đổi này diễn ra giữa những đối tác có cơ sở vật chất - kỹ thuật và các điều kiện, phương tiện khoa học - công nghệ đại thể tương đồng về quy mô và cơ cấu sản xuất,

(4) Xem : C. Mác - Ph. Ăng-ghen. *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 761 - 762

(5) Xem : Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu. *"Tiếp tục đi theo con đường đã chọn..."*. *Tạp chí Cộng sản*, số 19, (10-2000), tr 7

(6) Xem chú thích 3

Digitized by Google

cũng như ngang bằng về tính chất và trình độ phát triển. Trong trường hợp giữa các bên có sự khác biệt, chênh lệch nhau đáng kể về các tiêu chí đó, thì nhìn chung sự tiếp nhận tri thức đối với bên kém phát triển hơn không thể được thực hiện một cách đồng loạt, đồng đều và chóng vánh trong mọi lĩnh vực sản xuất và cho mọi bộ phận nhân lực. Còn ngay cả khi hai nền kinh tế có cùng "mặt bằng" kỹ thuật công nghệ, thì tình hình vẫn không hề đơn giản hơn nếu tính đến *chủ thể* và *"vật mang"* thực tế hiện thực trên quy mô "xã hội phổ biến" tiếp nhận và chứa đựng tri thức ấy. Bởi vì, rõ ràng việc đào tạo nhân lực và trang bị kỹ thuật cho toàn bộ lực lượng sản xuất xã hội khác xa việc truyền thụ, cập nhật hóa những thành tựu khoa học tiên tiến chỉ cho riêng số ít trí thức và chuyên gia cao cấp "tinh hoa". Đây là điều mà các nhà nghiên cứu ở nước ngoài cũng phải thừa nhận khi đề cập tới chủ đề "kinh tế tri thức" (7). Nói cách khác, trong mọi trường hợp, sự trao đổi lưu thông tri thức hoàn toàn chưa phải đã là trao đổi lưu thông chính *"lực lượng sản xuất trực tiếp"*. Nhiều lắm thì quá trình trước chỉ mới tạo ra được điều kiện cần nhưng chưa đủ cho quá trình sau. Đó là khi ít ra tri thức vừa được chuyển giao bắt đầu được "xã hội phổ biến hóa" thực sự đối với bên tiếp nhận nó.

- *Thứ tư,* như vậy một mặt vẫn cần khẳng định tri thức mới, tiên tiến do "vượt trước" cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, nên đóng vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất lao động. Chính bởi thế, có thể và cần phải ưu tiên phát triển lĩnh vực sáng tạo và ứng dụng nó. Để đạt được mục tiêu này, phải vừa phát huy mạnh mẽ và triệt để tiềm năng trí tuệ nội bộ, vừa nỗ lực và nhạy bén tiếp thu mọi nguồn lực "chất xám" từ bên ngoài. Tuy nhiên, mặt khác lại cần thấy rõ là, bất kỳ một hệ thống sản xuất, một nền kinh tế thật sự độc lập tự chủ và mang tính chỉnh thể cân đối đích thực nào cũng không thể và không nên chỉ có duy nhất tri thức vừa là "nguyên liệu" đầu vào, vừa là thành phẩm ở đầu ra. Trong lịch sử phát triển xã hội, quá trình "văn minh hóa" nhờ nghề nông, hay "nông nghiệp hóa" nền kinh tế tự nhiên sơ khai chỉ có nghĩa là thay săn bắt bằng chăn nuôi và thay hái lượm bằng trồng trọt, chứ hoàn toàn không phải là loại bỏ luôn mọi thứ "cây" và "con". Công nghiệp hóa nền kinh tế chính là vừa tăng tỷ trọng riêng của ngành công nghiệp, vừa trang bị máy móc cho nông nghiệp, giảm nhẹ và thay thế *nội dung thể lực* trong lao động sản xuất nói chung. Hiện đại hóa ngày nay được xúc tiến không hề nhằm thu hẹp tuyệt đối hay loại bỏ hẳn nông nghiệp và công nghiệp để chỉ duy trì "lĩnh vực sản xuất thứ ba" (dịch vụ). Cũng với ý nghĩa tương tự như vậy, "tri thức hóa" và "tin hóa" không đem tri thức, thông tin thay cho chính tư liệu sản xuất vật chất hiện thực, mà chỉ tăng hàm lượng của chúng trong lao động nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ để trực tiếp tích cực hóa, tăng hiệu quả, giảm nhẹ và tiến tới thay thế từng phần bản thân *nội dung trí lực* trong lao động này ; từ đó lại thúc đẩy ngay chính toàn bộ tiến trình công nghiệp hóa nói chung. Nói cách khác, tuy *"cách mạng thông tin"* có thể được xem là nội dung mới mẻ, đặc thù, đặc sắc, độc đáo và tinh túy của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại ; nhờ nó mà *lần đầu tiên* lao động trí óc cũng được cách mạng hóa ở mức độ như công nghiệp đã từng cách mạng hóa lao động chân tay. Nhưng như thế không có nghĩa rằng, *"cách mạng thông tin"* là mục đích tự thân cuối cùng của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại. Cũng như vậy, các *sản phẩm thông tin* chỉ là phương tiện chứ hoàn toàn không phải là mục đích tự thân cuối cùng của nền sản xuất vật chất xã hội. Đáng chú ý là tri thức, thông tin mới thường đem lại hiệu quả kinh tế rất khác nhau cho lao động trí óc ở công đoạn sản xuất và công đoạn trao đổi trong tổng thể hệ thống sản xuất - trao đổi. Các phát minh về hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật công nghệ có thể làm giảm toàn bộ *giá thành sản phẩm* theo tỷ lệ phần trăm với một hoặc hai con số. Nhưng những thông tin thương mại lắm khi làm tăng cục bộ *giá cả hàng hóa* lên nhiều lần. Bởi vậy mà nảy sinh điều ảo tưởng và ngộ nhận rằng, riêng bản thân tri thức dường như có thể trực tiếp "làm ra" giá trị vật chất thực sự. Thật ra, sáng tạo tri thức và truyền dẫn thông tin với tính cách là "lĩnh vực sản xuất thứ tư" không hề và cũng không bao giờ có thể thay thế hẳn toàn bộ nội dung, phương tiện, vật liệu, đối tượng và công cụ lao động của các lĩnh vực khác dù có thể trở nên bao trùm và chi phối chúng. Điều này cũng tương tự như tình trạng tư bản tài chính - tiền tệ trên thực tế tuy có thể đóng vai trò quyết định đối với tư bản sản xuất và tư bản thương nghiệp - những ngành có đối tượng kinh doanh là hàng hóa hiện vật trực tiếp, song không thể hoàn toàn loại bỏ, thay thế bản thân các ngành này. Ở đây cần tránh cả hai xu hướng cực đoan : hoặc là coi nhẹ vị trí của tri

(7) Nền kinh tế tri thức... *Sđd.* tr 20 - 22 và 80 - 81

Digitized by Google

thức, không thấy được đặc điểm phát triển và đổi mới mạnh mẽ thường xuyên của nó ở giai đoạn hiện nay, từ đó chậm triển khai "công nghệ trí tuệ", tức là việc "sản xuất", truyền dẫn và ứng dụng nhanh chóng, rộng rãi tri thức mới vào các lĩnh vực sản xuất và trao đổi vật chất. Hoặc ngược lại là tuyệt đối hóa vai trò của tri thức, tách rời nó khỏi thực trạng lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật cụ thể của nền kinh tế và hệ thống sản xuất hiện có, đẩy ngành "công nghệ" này đi quá xa, phá vỡ tỷ lệ cân đối hợp lý cần thiết giữa hai yếu tố "tri thức xã hội phổ biến" và *"lực lượng sản xuất trực tiếp"*, vừa không tạo ra được cả sức bật đột phá lẫn tính năng động, hợp lý của hệ thống sản xuất, vừa không bảo đảm hiệu quả cũng như an ninh nội bộ và tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế quốc gia, dân tộc.

- *Thứ năm*, quá trình sáng tạo, trao đổi, phổ biến và ứng dụng tri thức không phải chỉ tuân theo những quy luật của tư duy phát kiến hay các quy trình giáo dục - đào tạo. Trong thực tế, quá trình này được thúc đẩy trước hết và chủ yếu bởi nhu cầu phát triển của kỹ thuật, công nghiệp, sản xuất vật chất ở mức độ - như Ăng-ghen nói - còn lớn hơn bởi hoạt động của cả mười trường đại học. Có nghĩa là ở đây ngoài vấn đề nhận thức, còn có "rào cản" hay ngược lại là "cửa mở" xã hội : bản thân quá trình ấy cũng như sự hình thành và phát triển nền "kinh tế tri thức" tất yếu phụ thuộc các quan hệ kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội đối nội cũng như đối ngoại hiện thực cụ thể. Dưới chế độ tư bản, một khi để duy trì lợi nhuận các nhà tư bản sẵn sàng kìm chế, cắt giảm năng lực sản xuất, thậm chí tiêu hủy của cải vật chất ở mức độ cực lớn (như trong cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933), thì rõ ràng họ cũng không ngần ngại bóp nghẹt việc sản xuất và trao đổi "hàng hóa" tri thức. Ngay trong cuộc khủng hoảng dầu lửa đang diễn ra trên thế giới hiện nay, người ta cũng thấy rõ điều đó. Một mặt, các tập đoàn sản xuất và kinh doanh dầu lửa lớn nhất hoàn toàn có thể tăng đáng kể sản lượng khai thác và chế biến, song vẫn cố ý giữ lượng dầu bán ra sát nút mức nhu cầu để giữ nguyên giá hoặc đẩy giá lên. Gần đây, trên thị trường thế giới đã có lúc giá dầu mỏ lên cao nhất 10 năm qua là 37,80 USD/thùng. Một nhà lãnh đạo hãng *Shell* đã thừa nhận : "khi giá dầu thô nâng thêm 1 USD/thùng, thì chúng tôi được lãi thêm gần 400 triệu USD". Mặt khác, chính khó khăn này lại thúc đẩy nỗ lực đa dạng hóa các loại năng lượng mới để có thể sẵn sàng "chia tay với dầu lửa và than". Các khoản đầu tư dành cho nghiên cứu vấn đề ấy tăng nhanh : chẳng hạn Hãng *"Daimler Chrysler"* vốn đã chi tới 1 tỉ DM để nghiên cứu chế tạo riêng loại ô tô sử dụng khí hy-đrô, nay lại dự kiến chi thêm 1 tỉ DM nữa (8).

Thứ sáu, hiện nay "trật tự" mới của hệ thống tư bản thế giới đang trong quá trình "tái cấu trúc". Các nước tư bản phương Tây không chỉ chú trọng nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất, đầu tư phát triển về mặt chất lượng hay là theo *chiều sâu* (tức là đẩy mạnh tiến bộ khoa học - công nghệ để tăng năng suất lao động trong một không gian địa lý - kinh tế ổn định ; đồng thời vừa gia tăng vừa đổi mới, hợp lý hóa, tối ưu hóa hệ thống các quan hệ kinh tế đối nội và đối ngoại trong giới hạn bất biến ấy). Ngoài ra họ còn tập trung nhiều không kém vào sự phát triển về mặt số lượng hay là theo *bề rộng* như một cơ may to lớn phải giành giật bằng được. Đó là việc mở mang phạm vi và quy mô hệ thống sản xuất - trao đổi nhờ thông qua "toàn cầu hóa" để chiếm lĩnh thêm thị trường. Hướng phát triển này bảo đảm cho họ thu được tổng lợi nhuận lớn hơn một cách chắc chắn và dễ dàng hơn. Cho nên, trong bối cảnh "hội nhập toàn cầu" diễn tiến rầm rộ hiện nay, quan hệ giữa các nền "kinh tế tri thức" với nhau hoặc với các nền kinh tế đang "tri thức hóa" không phải chỉ đơn giản được quy về quan hệ giữa những nền khoa học có trình độ khác nhau với nội dung học hỏi, truyền đạt, trao đổi, chuyển - nhận sở hữu trí tuệ thuần túy. Trước hết, mối quan hệ ấy ngay từ đầu, một cách thường xuyên và trong bản chất tất phải bao hàm những mục tiêu kinh tế và chính trị, lợi ích giai cấp và dân tộc hoàn toàn cụ thể, xác định. Sau nữa, chắc chắn nó đang và sẽ khác xa kiểu liên kết và phân công kinh tế quốc tế xã hội chủ nghĩa - dẫu chưa phải đã đạt tới hiệu quả hoàn toàn lý tưởng - từng có trước đây. Thành thử, cho dù mục tiêu tri thức hóa được bảo đảm là khả thi, nhưng với một vị thế bị ấn định, áp đặt, "đông kết hóa" và "chế định hóa" bởi những "luật chơi" và "sân chơi" chung trong hệ thống phân công tư bản toàn cầu hiện tại và tương lai, thì không phải sẽ không còn những khó khăn thử thách mà những nền kinh tế đang hoặc chậm phát triển muốn đi lên phải sẵn sàng đối mặt và chiến thắng. ❑

(8) Theo : tạp chí Đức *"Tấm gương"* số 39-2000

Digitized by Google

THẾ TỰA TRƯỜNG SƠN

PHẠM TIẾN DUẬT

I

Thiên thời - địa lợi - nhân hòa

Ngay từ cuối thế kỷ XIX, trong các tác phẩm của mình, C. Mác đã nhiều lần lưu ý đến tính *ít chính xác* và *ít ổn định* của các định nghĩa. Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ thế kỷ XX càng chứng minh tính tích cực của con người trong việc không ngừng khám phá các khái niệm mà trước đó cứ ngỡ tưởng là đã chính xác và đã ổn định. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của cả dân tộc và kỳ tích Đường Hồ Chí Minh cũng đã làm thay đổi bao nhiêu cái nhìn : thế nào là nhỏ, thế nào là lớn ; thế nào là yếu, thế nào là mạnh ; thế nào là tiên tiến, thế nào là lạc hậu... Bao nhiêu châm ngôn cũng đã lại sáng lên, bằng ánh sáng mới, trong khung cảnh mới. Núi rừng Trường Sơn những năm tháng oanh liệt ấy đã trả lời câu hỏi, thế nào là "Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa"...

Thì từ ngàn ngàn đời, thiên nhiên cảnh trí giang san vẫn thế, lợi hay hại là do con người. Với kẻ đi xâm lược thì rừng già Trường Sơn là nỗi khiếp sợ ghê gớm, còn với người cầm súng bảo vệ Tổ quốc lại là chuyện khác.

Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm từng nói : *"Hoành Sơn nhất đới vạn đại dung thân"*. Còn sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì miêu tả Trường Sơn ở đoạn tây Quảng Bình : *"Phía hữu có núi, phía tả cũng có núi ; đằng trước có núi, đằng sau lại có núi nữa"*. Câu văn mộc mạc mà thấy núi trùng điệp. Trong những ngọn núi đi sát tuyến phía đông của dãy Trường Sơn có 5 ngọn cao nhất : động Voi cao 1 701 mét, động Con Tiên cao 1 124 mét, động A Dớt cao 1 200 mét, Đắc Cơ Lao cao 1 386 mét và Ngọc Linh cao tới 2 598 mét. Có hai dải cắt ngang ra biển tạo ra các hình khe thế núi hết sức đột ngột. Dải thứ nhất chạy từ Mụ Giạ ra Đèo Ngang và dải thứ hai từ A Dớt chạy ra đèo Hải Vân. Các dãy núi chạy ra biển giảm độ cao khá đột ngột nên sự chênh lệch địa hình tương đối lớn, tạo ra những vách đá hết sức hiểm trở. Hình dáng của núi non cũng là hình dáng của thác lũ. Chỉ tính tuyến phía đông Trường Sơn, bình quân cứ 1 ki-lô-mét có 1 suối nhỏ ; từ 3 đến 4 ki-lô-mét có 1 suối lớn ; từ 30 đến 50 ki-lô-mét có 1 sông nhánh ; khoảng 100 ki-lô-mét có 1 sông vừa. Tuyến phía đông (nhiều đoạn trùng với xa lộ Hồ Chí Minh đang xây dựng) phải đi qua 34 sông rộng trên 60 mét, 52 sông suối nhỏ và 243 suối nhỏ dưới 20 mét. Rất nhiều thác ghềnh *.

Trục đường phía tây phải đi qua 5 con sông lớn :

- Sông Xê Bang Phai bắt nguồn từ Ta Lê trên đường 20, chạy ra phía nam đường 12, đổ ra Mê Công ở phía nam Thà Khẹt.

- Sông Xê Băng Hiên bắt nguồn từ phía tây Vĩnh Linh đổ sang Mê Kông ở phía nam tỉnh Xa-va-na-khét. Xê Băng Hiên có các nhánh lớn : Xê Pôn, Xê Ta Mộc, Xê Săng Soi, Xê Ta Nuôn, Xê La Nông, Xê La Măng.

- Sông Xê Công từ tây Thừa Thiên chảy qua Hạ Lào sang Cam-pu-chia, đổ ra Mê Công ở phía bắc tỉnh Xtung-treng.

- Sông Xê San bắt nguồn từ Đắc Tô chảy sang Cam-pu-chia ; có một nhánh ở tuyến phía đông là sông Sa Thầy.

---

* Tài liệu tổng hợp, đoạn dẫn này và các đoạn dẫn sau lấy từ tư liệu khảo sát của Cục Công binh 559, tư liệu của Viện thiết kế Bộ Giao thông - Vận tải, tư liệu khí tượng của Bộ Tham mưu Phòng không - Không quân, biên soạn trước tháng 3-1977. (Đồng chí Đồng Sỹ Nguyên cung cấp)

Digitized by Google

- Sông Xê Rê Pốc bắt nguồn từ Đắc Lắc chảy sang Cam-pu-chia, có 3 nhánh chính ở Việt Nam là I-a-đơ-răng, I-a-hơ-leo và I-a-hơ-lê-ô.

Trên đây mới chỉ là một phút phác họa ra địa hình chứ chưa nói gì đến thời tiết.

Thế đất Trường Sơn như thế là *lợi* hay *hại* ?

Địa hình hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt cộng với sự đánh phá vô cùng ác liệt của địch làm cho khó khăn trở ngại trong những năm tháng ấy to lớn đến mức tưởng chừng không có cách gì vượt qua được. Đứng trước những đoạn đường ô tô đi trong lầy bùn, ngập trong bom đạn, lòng người rất dễ nao núng. Có những vị chỉ huy gan góc mà có lúc cũng phải đứng lắc đầu trước biển lửa cộng biển bùn. Cho tới năm 1964, tuyến chi viện chiến lược Đường Hồ Chí Minh đã bước ra khỏi chặng đường gùi thồ. Tuyến cơ giới đã vào đến nam Bạc. Không chỉ cơ giới đường bộ, mà chặng đường 1962 - 1964 chúng ta còn dùng cả đường hàng không bằng máy bay T.28 thả vũ khí, đạn dược vào phía nam đường 9. Ấy thế mà tới mùa khô 1965 - 1966, trước biển lửa cộng biển bùn, nhiều người tưởng đã nhụt chí. Theo hồi ký của đồng chí Đồng Sỹ Nguyên, nguyên Tư lệnh Đường Hồ Chí Minh, thì trong Nghị quyết của Quân ủy Trung ương mùa khô ấy cũng đã lại ghi phương châm vận chuyển của tuyến Trường Sơn là *"Cơ giới kết hợp với gùi thồ"*. Nghị quyết thì ghi như vậy, nhưng một số cán bộ lại hiểu là "thế là lại trở về thời kỳ gùi thồ". Thật là ngao ngán cho cái biển lửa cộng với biển bùn ! May mắn là các tư duy lùng nhùng của cái tháng, cái năm lùng nhùng ấy cũng qua nhanh. Cho tới năm 1967, trên cơ bản, lối vận chuyển theo kiểu công trường thủ công đã chấm dứt, mở đường cho một công cuộc hợp đồng binh chủng theo cách công nghiệp, bắt kịp với nhịp độ phát triển của cách mạng miền Nam và yêu cầu bức xúc của tầm vóc cuộc chiến.

Gió mưa, như một nhà thơ nói, là chuyện của trời ; nhưng tận dụng gió mưa, tận dụng đèo dốc, tận dụng rừng rú, lại là chuyện của người. Bằng hệ thống sông ngòi khá hoàn chỉnh phía tây Trường Sơn, cả một tập đoàn vận chuyển bằng đường sông đã ra đời. Bên cạnh người anh hùng *phá bom* đã lại xuất hiện người anh hùng *phá thác*. Trong trường hợp này, *địa* đã thành *lợi*.

Có một ví dụ đặc biệt nữa về *thiên thời, địa lợi* là chuyện vận chuyển bằng ô tô, địa hình lớn, hàng nghìn chiếc, giữa ban ngày trên Trường Sơn. Tố Hữu đã từng có một dòng thơ thật hay : *"Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù"*. Nghe thì thấy hay nhưng để thấm nội dung câu thơ lại không dễ. Sống giữa rừng già Trường Sơn mà biết bao nhiêu năm tháng, lực lượng ô tô phải cam chịu chạy đêm. Đành rằng, ta không làm chủ được bầu trời. Mà giặc Mỹ lại có tất cả trong tay các phương tiện và vũ khí hiện đại nhất. Nhưng rừng già không thể *che ta*, không thể *vây địch* được sao ? Bằng suy nghĩ ấy, chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ tháng 6-1971 đến tháng 12-1971, với lực lượng 10 000 công binh, với thuốc nổ và máy xúc, máy ủi, Bộ đội Trường Sơn đã có một tuyến đường kín chạy ngày dài gần một nghìn ki-lô-mét. (Trong chiến tranh gọi là đường K. Xuất phát từ đông Trường Sơn, theo đường 69 nối với hai trục dọc 128A và 128B đến nút con đường ở đông Nam Bộ). Rừng đại ngàn và rừng ngụy trang đã khoác một cái áo giáp xanh khổng lồ cho bộ đội xe, sư đoàn nối sư đoàn ra trận.

Địa như thế nghĩa là *lợi*.

Tất cả đều bắt đầu từ yếu tố *nhân hòa* mà ai ai cũng thấy đó là *lương tâm của thời đại* (câu chữ của người nước ngoài), là sự đồng lòng đồng sức của cả một dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó quyết định dòng chảy của cuộc kháng chiến, quyết định mọi thắng lợi trong cả tiến trình chiến tranh.

Tuy nhiên, có *nhân hòa* trong toàn cục, chưa chắc đã có *nhân hòa* ở mọi nơi, mọi lúc. Một binh trạm ở khu vực tây Quảng Bình vào một mùa khô trong chiến tranh có lúc đã rơi vào tình trạng tê liệt. Hầu hết các đơn vị thuộc binh trạm này đều có biểu hiện run sợ trước bom đạn đến mức khiếp nhược. Sở chỉ huy của một đơn vị công binh chốt giữ trọng điểm mà trú đóng cách mặt đường đến mấy cây số ; họ làm lán trong rừng như một trạm kiểm lâm. Quần áo binh lính ăn mặc xộc xệch. Tâm thần sợ chết, cầu an lan trong đơn vị như bệnh dịch. Nguyên do thật dễ thấy : chính cấp chỉ huy của binh trạm này nằm trong tình trạng khủng hoảng. Kỷ luật đảng bị buông lỏng. Chính Sở chỉ huy Binh trạm rút vào rừng sâu thì làm sao thuyết phục được các đơn vị trực thuộc. Nhưng chỉ một lần thay đổi cấp chỉ huy, chỉnh sửa lại cơ quan đầu não thì tất cả đổi khác. Cả binh trạm này như được tiếp

Digitized by Google

máu, rất mau chóng hồng hào trở lại. Chỉ vài năm sau, binh trạm vừa nói đã trở thành một binh trạm kiểu mẫu.

Nhà triết học Pháp thế kỷ XVIII mà C. Mác đã trích dẫn trong tác phẩm *Gia đình thần thánh* có nói đúng rằng : *Đừng trách người ta xấu hay người ta tốt. Người ta trở thành tốt hay trở thành xấu do quyền lợi chung gắn họ lại hay quyền lợi chung tách họ ra. Nhân hòa* không phải là yếu tố trời cho mà là do con người tạo ra.

II

Người và việc Trường Sơn

Cách đây hai năm, vào dịp kỷ niệm 40 năm Đường Hồ Chí Minh lịch sử, Bộ biên tập báo *Nhân Dân* có mời một số người cũ của bộ đội Trường Sơn họp mặt. Trong câu chuyện, đồng chí Đồng Sỹ Nguyên có nói một câu ; một câu nói có tính chất dẫn dắt tình tiết thôi, nhưng tôi nhớ. Anh nói : *"Từ hôm ấy, bộ đội xe của Trường Sơn không phải đi đầu trần nữa, bởi vì trên đầu họ đã có lưới lửa cao xạ"*. Tôi nhớ câu ấy vì tôi làm văn học. Đấy là câu văn hay mà tôi không thể viết được. Các đồng nghiệp của tôi có lẽ cũng không viết được. Nói về cái mũ của anh lái xe mà nói như thế thì tài giỏi quá. Phải thương yêu bộ đội đến như thế nào, phải bao quát việc làm của số đông người đến như thế nào mới có thể nói giản dị đến như vậy. Ở Trường Sơn, có đôi lần tôi được gặp đồng chí Đinh Đức Thiện, tôi còn được hút thuốc lào với đồng chí, chứng kiến những lần cáu giận của đồng chí và cả những lúc vui đồng chí đọc thơ tiếu lâm nữa. Nhưng có một lần tôi chứng kiến đồng chí khóc, khóc nấc lên thành tiếng nhưng nước mắt ràn rụa. Thấy bộ đội đói đồng chí không cầm lòng được. Còn có một lần, đồng chí Hoàng Thế Thiện (Chính ủy Bộ tư lệnh 559 sau khi đồng chí Đặng Tính hy sinh) có hỏi tôi là các nhà văn nghĩ gì về cấp chỉ huy, về người làm tướng. Anh bảo tôi rằng, hồi anh là Chính ủy sư đoàn 9 của Nam Bộ anh thường phải làm lễ xuất quân trước mỗi trận đánh. Anh phải ôm hôn từng chiến sĩ mà anh bảo rằng mới ở Bắc vào, còn béo tốt lắm. Biết rằng sẽ có đứa hy sinh, biết rằng có thể được ôm người chiến sĩ như ôm con trai mình lần cuối, mà không được khóc. Người chỉ huy lúc ấy phải cười. Anh hỏi rằng chúng tôi có hiểu cho những nỗi niềm ấy hay không.

Tôi sung sướng và tự hào vì Đảng ta có được những cán bộ, những cấp chỉ huy như thế. Mấy trường hợp trên chỉ là những ví dụ. Gần hai chục năm trời chiến đấu gian khổ và ác liệt trên Trường Sơn, Đảng ta, đất nước ta, dân tộc ta có được một đội ngũ trùng điệp từ người chiến sĩ đến cấp tướng đã nêu biết bao tấm gương cao cả. Mà tại sao Việt Nam ta không phong anh hùng cho các vị tướng ? Tại Tổng hành dinh của hai cuộc kháng chiến đến cấp chỉ huy của các quân khu, quân binh chủng, có biết bao nhiêu vị tướng xứng đáng được phong anh hùng. Quân đội ta là quân đội anh hùng là bởi vì có Bác Hồ, có Đảng lãnh đạo và có các vị tướng tài giỏi và anh hùng. Đây không phải chỉ là suy tôn cá nhân, mà trước hết là suy tôn một thời đại.

Cho đến hôm nay, trong hàng triệu lượt người chiến đấu trên Trường Sơn những năm tháng ấy, số người còn tiếp tục công việc trên Trường Sơn không nhiều. Một số đồng chí đã mất. Hầu hết các cấp chỉ huy từ trung đoàn trở lên đều đã nghỉ hưu. Một số lớn đã chuyển ngành. Tôi quan sát thấy, không phải tất cả những ai ở mặt trận về đều là người hoàn toàn tốt. Có bệnh công thần, địa vị. Có việc lấy việc cũ phủ nhận việc mới, lấy người cũ phủ nhận người mới. Cái bệnh rung đùi trên quá khứ mà từ ngữ giới trẻ bây giờ gọi là *tinh tướng, tinh vi*. Chuyện ấy có hay không ? *Có hội chứng công ty, hội chứng đấu thầu* trong số anh em từ Trường Sơn về hay không ? Có thể có, nhưng chắc cũng ít thôi. Đa phần những người đã từng sống và chiến đấu trên đường mang tên Bác vẫn giữ được phẩm chất Trường Sơn thuở nào. Nghĩa là giữ vững được niềm tin lớn, biết cống hiến, biết hy sinh, biết vượt qua khó khăn một cách mau lẹ cho sự phát triển chung của đất nước và cộng đồng.

Tất cả *các hội cựu chiến binh,* các *ban liên lạc bạn chiến đấu* đều chỉ là các tổ chức hữu hạn. Bởi vì tuổi người tham gia là hữu hạn. Tất cả đang già dần và đám sương mù của thời gian đang đe dọa làm ký ức phai nhòa. Thế mà họ đang là những người giữ trong im lặng bao nhiêu câu chuyện cảm động, bao nhiêu việc làm, bao nhiêu kinh nghiệm mà người cùng thời cũng không biết. Đó là một kho tàng giàu có đang bị thời gian xâm thực. Về Trường Sơn, chúng ta vui mừng đã có được tập chép ban đầu của đồng chí Đồng Sỹ Nguyên (*Nhà xuất bản Quân đội nhân dân* - 1999), một vài tập hồi ký, một số tập bút ký, ký sự. Dầu còn sơ lược,

Digitized by Google

nhưng tập lịch sử đầu tiên đã làm xong. Như thế còn thực là ít ỏi. Tôi ao ước có được một nguồn kinh phí cho công việc này chắc là sẽ huy động được người, tổ chức được việc, trong việc khai thác kho tàng tư liệu quý giá mà đông đảo những người trong cuộc thuở ấy đang chứa đựng. Công việc này không gấp từng ngày, nhưng gấp từng tháng, từng năm.

III

Đường Hồ Chí Minh - di sản văn hóa

Trong những ngày này, tuyến đường xuyên Việt thứ hai song song với đường số 1, Đường Hồ Chí Minh xuyên Việt đang được thi công. Trận lũ lịch sử ở miền Trung cuối năm 1999 và vụ việc lộn xộn ở Tây Nguyên mấy tháng trước đã cho thấy từ một vài góc cạnh sự cần thiết của tuyến đường này. Nói chính xác hơn là sự cần thiết cấp bách phải có tuyến đường 1 thứ hai chạy dọc đất nước. Đường Hồ Chí Minh thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã từng là ước mơ, thậm chí có thể gọi là lý tưởng của cán bộ và chiến sĩ Trường Sơn. Đồng chí Đồng Sỹ Nguyên tham gia vào công việc khởi thảo dự án này ngay từ ngày đầu. Nay đồng chí, với cương vị là chuyên viên cao cấp của Chính phủ, tiếp tục giúp việc đôn đốc và chỉ đạo thực hiện dự án. Binh đoàn 12, người được thừa kế sự nghiệp Trường Sơn ngày trước là một trong những đơn vị tham gia xây dựng.

Trong văn bản phân tích địa chất của dự án tuyến xuyên Việt - Đường Hồ Chí Minh thấy ghi rõ kết cấu địa chất. Rằng, con người được đặt trên khu vực chuyển động địa móng nằm giữa hai địa khối. Từ phía bắc đường 9 trở ra là các tầng đá gốc, gồm các loại đá gra-nít, cuội kết sa thạch, phiến thạch, sét, đá vôi. Tầng đất phụ là các loại đất sét pha cát. Một số đoạn là những nham thạch nát vụn. Từ nam đường 9 trở vào là đá gra-nít, mi-ca, đá ba-dan và một số loại đá phiến khác. Càng vào phía nam, đá vôi càng ít, chiều sâu từ 3 đến 5 mét là đất nham thạch nát vụn và đất sét pha cát.

Trong phân tích địa tầng, không thấy nói gì đến đất trộn gang, trộn thép, với mảnh bom, mảnh đạn pháo, xác xe ô tô, súng, pháo, cuốc, xẻng... và một di vật thiêng liêng trộn trong kết cấu địa tầng ấy là hài cốt của các chiến sĩ. Điều ấy là tất nhiên thôi, ai cũng biết. Chính vì điều này tuyến xuyên Việt - Đường Hồ Chí Minh còn là một bảo tàng lộ thiên với đầy đủ ý nghĩa của nó.

Nếu chỉ tính từ thế kỷ XVIII, đã có ba con đường lịch sử nằm trùng với tuyến đường mới : tuyến hành quân thần tốc của Quang Trung năm 1789 (cũng vì điều này mà tên công khai trên báo chí hồi chiến tranh gọi tuyến 559 là *Đường vận tải quân sự Quang Trung*) có thể thấy từng địa danh mà Quang Trung lập các trạm binh ở tập *Đại Nam nhất thống chí*, mỗi tỉnh miền Trung đều có một chương riêng là chương *Nhà trạm* (Một số trạm giao liên Trường Sơn ở tỉnh Quảng Bình trùng với *trạm binh* của Quang Trung). Con đường thứ hai là *Đường Nam tiến chống thực dân Pháp* cuối năm 1945 đầu năm 1946. Và con đường thứ ba là Đường Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Chỉ riêng điều này thôi đã là điều kỳ diệu.

Dự án xây dựng Đường Hồ Chí Minh mà tôi có được đọc có một tầm bao quát khá xa rộng. Ngoài công trình chính là xây dựng con đường với từng bước, từng giai đoạn, có độ khả thi cao, dự án còn khảo sát và đề cập đến các mặt kinh tế, xã hội và văn hóa, phát triển các đô thị và vùng kinh tế trên dọc Trường Sơn. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn bổ sung vào dự án một phần việc tôi cho là rất lớn và rất quan trọng ; hơn nữa, bổ sung bây giờ vẫn kịp. Có thể gọi tên phần bổ sung ấy là *Dự án cho các công trình đồng hành về chuỗi di sản văn hóa trên Trường Sơn* (chữ *đồng hành* là thuật ngữ của ngành dầu khí, chẳng hạn : *khí đồng hành*).

Để có thể tìm kiếm, lưu giữ và phát huy các di sản quý giá cả về văn hóa vật thể và phi vật thể để lập *Dự án các công trình đồng hành* với Đường Hồ Chí Minh, cần có các công trình phân tích và tổng hợp, các đề xuất cụ thể về dân tộc học, về văn hóa dân gian, về lịch sử cách mạng và kháng chiến dọc tuyến Trường Sơn.

Rất cần có hệ thống các công trình tưởng niệm và tượng đài trên dọc tuyến đường mang tên Bác.

Phải có một nghiên cứu đầy đủ về di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể của Đường Hồ Chí Minh.

Cái thuận lợi là sắp tới, Quốc hội sẽ tiếp tục thảo luận và thông qua *Luật bảo vệ Di sản văn hóa.*

Trường Sơn không chỉ là một dãy núi

Trường Sơn không chỉ là một con đường

Trường Sơn còn là khối tài sản văn hóa thừa kế và truyền đời.❑

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO QUẦN CHÚNG BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC Ở CƠ SỞ

KIỀU CAO TÂM *

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ an ninh, trật tự (ANTT) ; về Công an nhân dân có nội dung cơ bản, bao trùm là phải dựa vào dân. Người dạy : "phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn" (1).

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trong mọi giai đoạn cách mạng, lực lượng Công an nhân dân luôn luôn coi trọng công tác vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong nhiệm vụ bảo vệ ANTT và xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Đây là chủ trương chiến lược, là biện pháp công tác cơ bản của Công an nhân dân. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng Công an nhân dân đã vận động nhân dân tham gia phong trào "Bảo mật phòng gian", "Trừ gian, diệt tề". Trong kháng chiến chống Mỹ, ngoài xã hội có phong trào "Ba phòng", phát triển thành phong trào "Bảo vệ trị an" ; trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp, đơn vị có phong trào "Bảo mật phòng gian, xây dựng cơ quan, xí nghiệp, đơn vị an toàn"... Năm 1975, sau khi thống nhất đất nước, tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 30 đã quyết định thống nhất phong trào ở ngoài xã hội và trong nội bộ thành phong trào "Bảo vệ an ninh Tổ quốc", với ba nhiệm vụ cơ bản là : bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tốt trật tự xã hội. Từ đó phong trào *Bảo vệ an ninh Tổ quốc* (ANTQ) đã phát triển sâu rộng trong cả nước.

Vấn đề có tính nguyên tắc và là nguyên nhân tạo nên sức mạnh của phong trào bảo vệ ANTQ là : luôn đặt phong trào này dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước ; phát huy sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể, tổ chức quần chúng ; Công an nhân dân là lực lượng tham mưu, nòng cốt. Sự kết hợp giữa tính tích cực của quần chúng với nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn đã đem lại những thắng lợi to lớn trên mặt trận bảo vệ ANTT. Phong trào bảo vệ ANTQ trở thành nền tảng để triển khai các mặt công tác nghiệp vụ công an và xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Có thể khẳng định rằng, mọi thắng lợi trong nhiệm vụ bảo vệ ANTT đều có vai trò to lớn của phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ, vai trò của nhân dân. Chủ tịch nước Trần Đức Lương khi đến dự Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 56 (năm 2000) đã khẳng định : Lực lượng công an biết dựa vào nhân dân, được nhân dân tin yêu, giúp đỡ nên đã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao.

Ở các cơ sở xã, phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị, trường học là nơi nhân dân trực tiếp thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, triển khai mọi mặt đời sống xã hội. Đây cũng là nơi mà âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, của bọn tội phạm, các tệ nạn xã hội diễn ra hằng ngày. Ở cơ sở, xây dựng và bảo vệ, hơn bất cứ đâu, luôn diễn ra một cách sinh động, sáng tạo và gắn bó chặt với nhau. Chính vì vậy, phong trào bảo vệ ANTQ ở cơ sở có vị trí, vai trò rất quan trọng, không chỉ đối với nhiệm vụ bảo vệ ANTT, mà còn cả với nhiệm vụ xây dựng xã hội mới, chế độ mới, cuộc sống mới.

(*) Đại tá, Phó tổng biên tập Tạp chí Công an nhân dân, Bộ Công an

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 366

Digitized by Google

Trong thời kỳ đổi mới, phong trào bảo vệ ANTQ ở cơ sở đã phát triển khá sâu rộng, toàn diện. Nhiều hình thức tổ chức tập hợp quần chúng sáng tạo và được duy trì bằng chính các nội quy, quy định do nhân dân xây dựng nên. Công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng rất đa dạng, phong phú. Nội dung phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ ở cơ sở đã kết hợp, lồng ghép với nhiều phong trào thi đua yêu nước như phong trào phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa mới, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xóa đói giảm nghèo, học tập và thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng... Những phong trào đó đều nhằm mục tiêu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ ở cơ sở đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, làm giảm phạm pháp hình sự, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, bài trừ các tệ nạn xã hội. Nhiều hình thức phòng, chống tội phạm của quần chúng rất độc đáo, mang tính nhân văn và nhân đạo cao cả của truyền thống dân tộc Việt Nam. Ở tỉnh Thanh Hóa có phong trào "Toàn dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa người lầm lỗi tại cộng đồng". Phong trào này đã lan rộng ra toàn quốc và tới nay quần chúng đã quản lý, giáo dục, cảm hóa tại cộng đồng trên hai trăm ngàn đối tượng. Đã có trên 65% trường hợp được công nhận tiến bộ, nhiều người được giúp đỡ đã có việc làm, cuộc sống ổn định, trở thành người lương thiện có ích cho gia đình, xã hội. Sáng kiến phát động nhân dân vận động đối tượng phạm tội ra tự thú ở tỉnh Hà Tây và Hòa Bình được áp dụng rộng rãi. Nhân dân đã vận động thúc đẩy hàng vạn đối tượng phạm tội đang lẩn trốn ra tự thú, đầu thú ; bắt hàng nghìn đối tượng đang có lệnh truy nã. Phong trào "Toàn dân tham gia tố giác tội phạm" do phường Ngô Thì Nhậm (Hà Nội) khởi xướng, cùng với những sáng kiến như hộp thư tố giác tội phạm, số điện thoại tiếp nhận thông tin về tội phạm... được nhân dân cả nước hưởng ứng, đã cung cấp cho lực lượng công an hàng vạn tin có liên quan đến tội phạm. Công tác vận động nhân dân phòng chống ma túy có nhiều biện pháp đồng bộ, từ phát hiện tố giác tội phạm, quản lý giáo dục người nghiện ma túy tại cộng đồng, cai nghiện tập trung, xóa cây thuốc phiện đã đạt kết quả rất lớn. Đến nay, gần 40% số xã, phường trong toàn quốc đăng ký trở thành xã, phường không có ma túy. Diện tích trồng cây thuốc phiện cơ bản được xóa bỏ. Học sinh, sinh viên nghiện ma túy giảm. Phong trào bảo vệ ANTQ ở các làng, xã, cùng với việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng quy ước, hương ước đã góp phần làm dịu các "điểm nóng", xây dựng tình làng nghĩa xóm, phát huy truyền thống cách mạng, thuần phong mỹ tục. Công tác phòng chống cháy nổ được tuyên truyền sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị, trường học... cộng với gần 3 vạn đội chữa cháy cơ sở, nửa triệu hội viên là lực lượng to lớn phòng ngừa giặc lửa.

Các mô hình tổ chức do quần chúng xác lập để duy trì, phát triển phong trào bảo vệ ANTQ rất thiết thực, phù hợp với đặc điểm từng vùng và tình hình ANTT ở từng nơi. Để phát hiện, ngăn chặn bọn tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội lợi dụng địa bàn giáp ranh để hoạt động, quần chúng đã hình thành "cụm liên kết bảo vệ ANTT". Các mô hình "Tổ nhân dân tự quản", "Gia đình, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn an toàn về ANTT", "Làng nghề bình yên" phát triển tới các vùng nông thôn toàn quốc. Ở thành phố, thị xã có phong trào "Hộ ba tự phòng, số nhà ba tự quản", "Hộ gia đình, tổ dân phố, tuyến phố kiểu mẫu". Trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học có phong trào "Công nhân tự quản", "An toàn trường học". Những hoạt động phong phú và sáng tạo như vậy của phong trào bảo vệ ANTQ ở cơ sở đã nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức làm chủ, tự phòng, tự bảo vệ ở từng cụm dân cư, tổ dân phố, cơ quan, xí nghiệp, trường học ; đến tận dòng họ, từng hộ, từng người dân. Đó cũng là hình thức chuyển những công việc thuộc chức năng quản lý nhà nước về ANTT cho quần chúng ; "Từ quần chúng mà ra, trở về phục vụ quần chúng", tổ chức cho quần chúng đứng lên làm chủ về ANTT, dựng nên "thiên la địa võng" để phòng chống kẻ địch và tội phạm, tạo ra bức tường thành vững chắc bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm trước mắt, tình hình ANTT vẫn diễn biến phức tạp, âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch tiếp tục phá hoại, chuyển hóa từ bên trong nội bộ, nội địa đất nước. Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường làm trầm trọng thêm tình hình tội phạm

Digitized by Google

các loại, trật tự an toàn xã hội và các tệ nạn xã hội. Từ đó đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân tiếp tục đổi mới toàn diện các mặt công tác nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng đã xác định : "... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân". Cùng với chủ trương của Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an là tăng cường cho lực lượng chiến đấu, hướng về cơ sở đã đặt ra cho phong trào bảo vệ ANTQ ở cơ sở những yêu cầu, nhiệm vụ mới :

1 - Trước hết, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào bảo vệ ANTQ ở cơ sở nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Nội dung của phong trào tập trung vào việc nâng cao cảnh giác cách mạng cho quần chúng, chống lại âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, bảo vệ an ninh chính trị, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh nông thôn. Chống lại các hoạt động lợi dụng tôn giáo, dân tộc, mâu thuẫn trong nội bộ để kích động, gây rối, làm mất ổn định chính trị, xã hội ở cơ sở. Đấu tranh chống tội phạm kinh tế, bọn tham nhũng, tiêu cực, các tệ nạn xã hội. Động viên toàn dân tham gia Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm ; Chương trình hành động chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005 ; tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục, cải tạo tội phạm tại gia đình và cộng đồng dân cư, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, an toàn cháy nổ, giao thông.

2 - Đẩy mạnh phong trào thi đua "Học tập, đuổi kịp và vượt điển hình tiên tiến". Trong thời kỳ đổi mới, có hàng nghìn lượt đơn vị được công nhận là lá cờ đầu phong trào bảo vệ ANTQ ; hàng vạn cá nhân tiêu biểu xuất sắc, mưu trí, dũng cảm, quên mình trong đấu tranh chống tội phạm, thiên tai. Các đơn vị, cá nhân điển hình tiên tiến xuất hiện trên tất cả các lĩnh vực, các địa bàn, nhiều lứa tuổi, tầng lớp và có ảnh hưởng tích cực trong nhân dân. Từ những nhân tố mới, kinh nghiệm mới được nhân rộng sẽ thúc đẩy phong trào bảo vệ ANTQ phát triển sâu, rộng, thiết thực và hiệu quả. Hiện nay, các mô hình đơn vị, cụm dân cư "an toàn - đoàn kết - văn hóa" ; đơn vị, trường, lớp, xã, phường không có ma túy ; liên kết vùng giáp ranh an toàn về ANTT ; tự phòng, tự quản, tự bảo vệ tiếp tục xây dựng, phát triển trong toàn quốc.

3 - Nâng lên bước phát triển mới về sự liên kết giữa lực lượng Công an với Mặt trận Tổ quốc, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức xã hội. Sự liên kết này đã làm cho phong trào bảo vệ ANTQ gắn kết, lồng ghép, hòa nhập và cùng phát triển với các phong trào thi đua yêu nước khác, tạo ra sức mạnh đoàn kết toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tổng kết, đánh giá và cải tiến sự liên kết giữa Công an với Mặt trận Tổ quốc trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" ; giữa Công an với Hội cựu chiến binh trong phong trào "Vận động toàn dân xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ" ; giữa Công an với Đoàn thanh niên trong phong trào "Phòng ngừa ngăn chặn tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên" ; giữa Công an với ngành Văn hóa - Thông tin trong cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"... Từ đó tạo ra cơ chế thống nhất ở cơ sở trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào, làm cho phong trào sát với yêu cầu bảo vệ ANTT, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hợp lòng dân, sức dân, tránh được bệnh quan liêu, hình thức.

4 - Củng cố, kiện toàn lực lượng nòng cốt của phong trào bảo vệ ANTQ ở cơ sở là công an xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp. Tăng cường kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Nghị định 40 của Chính phủ về công an xã ; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ, chính sách của ban bảo vệ dân phố và ban bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp. Phấn đấu xây dựng đội ngũ này có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, am hiểu đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sống sát dân và được nhân dân tín nhiệm. Đồng thời lực lượng Công an nhân dân tiếp tục đổi mới công tác dân vận, tăng cường lực lượng chuyên trách làm công tác vận động quần chúng và mọi cán bộ chiến sĩ công an đều biết làm công tác dân vận, với tinh thần "Vì nước quên thân, vì dân phục vụ".❑

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LỊCH SỬ QUÂN SỰ

TRỊNH VƯƠNG HỒNG *

XÉT trong cấu trúc và hệ thống phân loại của các ngành khoa học xã hội và nhân văn thì lịch sử quân sự là một bộ phận của lịch sử dân tộc. Với đất nước Việt Nam, trên dặm dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, quá nửa thời gian, các thế hệ cha ông ta đã phải dồn tâm lực vào việc đấu tranh chống các thế lực ngoại xâm có sức mạnh về kinh tế, quân sự hơn gấp nhiều lần để giành lại, giữ gìn và mở mang cõi bờ sông núi. Bởi vậy, lịch sử quân sự Việt Nam có những nét đặc thù và chiếm giữ một vị trí rất quan trọng trong lịch sử dân tộc, hàm chứa trong đó những giá trị lớn lao trên nhiều mặt chính trị, quân sự, kinh tế, đối ngoại... mà đến hôm nay, nó vẫn mang ý nghĩa cập nhật trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nhận thức rất rõ vai trò, vị trí to lớn và không thay thế được của sử học nói chung, bao gồm trong đó sử học quân sự, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ :

Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam

Riêng về sử học quân sự, trong những năm kháng chiến ác liệt chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm và từng bước tạo điều kiện cho giới sử học trong và ngoài quân đội đi sâu nghiên cứu. Chính vì thế, trong những năm tháng ấy, có một số công trình về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc đã được công bố, góp phần nâng cao hiểu biết về lịch sử quân sự, bồi dưỡng tư duy quân sự cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân ta ; đồng thời động viên khí thế chiến đấu chống kẻ thù xâm lược vì độc lập tự do của Tổ quốc. Tháng 5-1981, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (Quyết định số 172/QĐ-QP). Nhiệm vụ của Viện được xác định : Biên soạn các công trình lịch sử quân sự, lịch sử chiến tranh, lịch sử nghệ thuật quân sự, lịch sử tổ chức quân sự, lịch sử tư tưởng quân sự, lịch sử kỹ thuật quân sự v.v... ; tổng kết các cuộc chiến tranh ; giúp Bộ Quốc phòng chỉ đạo, quản lý công tác tổng kết và biên soạn lịch sử quân sự của toàn quân, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lịch sử quân sự về lý luận và nghiệp vụ chuyên môn, chỉ đạo việc biên soạn hệ thống giáo trình, sách giáo khoa lịch sử quân sự, sưu tầm, lưu trữ tư liệu thông tin về lịch sử quân sự và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực của khoa học lịch sử quân sự Việt Nam. Vào đầu những năm 90, Viện được giao đào tạo PTS về lịch sử quân sự và là trung tâm khoa học lịch sử quân sự của Nhà nước. Cùng với quyết định thành lập Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, hệ thống tổ chức ngành lịch sử quân sự trong quân đội cũng hình thành và đi vào hoạt động.

So với nhiều bộ môn khoa học xã hội và nhân văn khác, với các cơ quan, viện nghiên cứu trong cả nước thì 20 năm xây dựng và phát triển của Viện và ngành lịch sử quân sự Việt Nam là một quãng thời gian ngắn. Trong khoảng thời gian đó, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng ủy quân sự Trung ương, thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng tham mưu và sự phối hợp, giúp đỡ tạo điều kiện của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội, toàn ngành và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam đã khắc phục nhiều trở ngại, khó khăn, từng bước phát triển tiến bộ toàn diện, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, chất lượng nghiên cứu ngày một nâng cao, góp phần xứng đáng vào thành tựu chung của nền sử học nước nhà.

Trước hết, Viện và ngành lịch sử quân sự đã hoàn thành những công trình tổng kết có giá trị, đặc biệt là tổng kết từng lĩnh vực và những hoạt động tiêu biểu đặc sắc của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) ; tổng kết chiến thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam... ; đồng thời nghiên cứu, biên soạn các công trình lịch sử quân sự có giá trị như bộ Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam ; Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp ; Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ; Sự nghiệp và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh ; Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam (1945 - 1975) Viện cũng đã phối hợp với cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành và lãnh đạo, chỉ huy nhiều đơn vị trong quân đội tổ chức thành công nhiều cuộc hội thảo khoa học có ý nghĩa chính trị và thực tiễn góp phần làm sáng tỏ lịch sử, nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm trên nhiều vấn đề của lịch sử quân sự dân tộc, lịch sử chiến tranh cách mạng, lịch sử quân đội, lịch sử các đơn vị, địa phương. Hơn 140 công trình lịch sử quân sự và tổng kết chiến tranh cùng 127 số Tạp chí Lịch sử quân sự là thành quả lao động chủ yếu của Viện

* Đại tá. PGS. TS. Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Digitized by Google

20 năm qua. Được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của lãnh đạo và chỉ huy các đơn vị, ngành lịch sử quân sự trong toàn quân đã xuất bản khoảng 1 500 cuốn sách, công trình khoa học. Bên cạnh đó, Viện và ngành lịch sử quân sự Việt Nam đã dày công tìm kiếm, sưu tầm, xử lý, bảo quản được một khối tư liệu rất quý báu về lịch sử quân sự, đặc biệt là khối tư liệu về hai cuộc kháng chiến chống xâm lược kéo dài 30 năm của dân tộc ta. Một cách tổng quát, có thể nói, bằng hoạt động của mình, khoa học lịch sử quân sự thật sự góp phần làm giàu kho tàng lý luận về tư tưởng và nghệ thuật quân sự Việt Nam, về chiến tranh nhân dân Việt Nam ; giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân ; góp phần xây dựng tư duy quân sự cũng như phẩm chất, nhân cách con người mới cho đội ngũ sĩ quan trẻ và quân nhân trong lực lượng vũ trang nhân dân... Bằng việc làm sáng tỏ sự thật lịch sử, khoa học lịch sử quân sự là vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng - chính trị, góp phần trao đổi khoa học và đấu tranh có hiệu quả trước những luận điệu sai trái, xuyên tạc và phủ nhận lịch sử, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng... Ngoài ra, với ưu thế của mình, khoa học lịch sử quân sự đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương về quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc. Nó cũng tạo cơ sở thực tiễn lịch sử, cung cấp luận điểm cho sự phát triển của những ngành khoa học khác, đặc biệt là khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự...

Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta có thể tự hào về những thành tựu và sự phát triển của ngành lịch sử quân sự. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò của khoa học lịch sử quân sự trong hệ thống các ngành khoa học và trong đời sống xã hội được khẳng định. Đội ngũ cán bộ làm công tác tổng kết, nghiên cứu, biên soạn lịch sử quân sự ngày càng lớn mạnh. Chất lượng nghiên cứu và uy tín của ngành càng được nâng cao...

Khoa học lịch sử quân sự Việt Nam tuy đạt được thành tựu quan trọng trong những năm qua, nhưng mới ở chặng đường đầu trên con đường phát triển của mình và đang đứng trước yêu cầu mới rất cao. Bước vào thế kỷ XXI, quán triệt tinh thần cơ bản của các nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đặc biệt là các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2, lần thứ 5 (khóa VIII) ; Nghị quyết số 10/ĐUQSTƯ ngày 8-1-1999 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương : *Về đẩy mạnh nghiên cứu, phát huy vai trò của khoa học lịch sử quân sự trong thời kỳ mới* ; Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, khoa học lịch sử quân sự cần kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được, nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu, xứng đáng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới.

Để nâng cao chất lượng nghiên cứu, đưa khoa học lịch sử quân sự lên ngang tầm yêu cầu và đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân trong giai đoạn mới, cần tiếp tục thống nhất và nâng cao hơn nhận thức xác định rõ vai trò, vị trí của khoa học lịch sử quân sự trong nền văn hóa dân tộc - văn hóa giữ nước, trong đời sống xã hội. Nhìn lại lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc, có thể thấy rằng, để bảo vệ Tổ quốc, cha ông ta, bên cạnh việc chăm lo xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đã phải thường xuyên để phòng và ra sức chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng đối phó và đủ sức đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. Do vậy, hoạt động quân sự không chỉ diễn ra trong thời chiến, mà ngay cả ở thời bình, không phải chỉ là của lực lượng vũ trang mà là của toàn xã hội, không phải chỉ dựa vào quân đội mà phải huy động sức mạnh tổng hợp to lớn của toàn dân trên mọi miền đất nước. Bởi thế, đối tượng, phạm vi đề cập của khoa học lịch sử quân sự rất rộng lớn, gồm nhiều lĩnh vực liên quan như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại... Không phải ngẫu nhiên, nhiều nhà sử học nước ngoài nhìn nhận rằng, sở dĩ Việt Nam thắng Mỹ là thắng bằng văn hóa, thắng bằng trí tuệ. Quả thực, nếu không bằng trí tuệ, ý chí, văn hóa giữ nước và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, Việt Nam không thể đủ sức đương đầu và đánh bại các thế lực xâm lược có tiềm lực và sức mạnh lớn hơn gấp nhiều lần như lịch sử đã bao lần chứng tỏ. Cũng chính trên ý nghĩa đó, trong thời gian tới, công tác nghiên cứu lịch sử quân sự cần phải và có thể triển khai đồng bộ, cả lịch sử quân sự thế giới và lịch sử quân sự dân tộc, cả lịch sử chiến tranh và lịch sử nghệ thuật quân sự, kỹ thuật quân sự, tư tưởng quân sự, tổ chức quân sự, học thuyết quân sự... Các chuyên ngành đó nếu được triển khai đồng bộ, cân xứng sẽ giúp ta hiểu sâu đầy đủ và đúng đắn hơn các vấn đề thuộc về, hoặc liên quan tới lịch sử quân sự Việt Nam ; hiểu rõ hơn những sáng tạo độc đáo và to lớn của nghệ thuật quân sự Việt Nam, tư tưởng quân sự Việt Nam...

Hai mươi năm là quãng thời gian không dài so với "tuổi đời" của một tổ chức nghiên cứu khoa học. Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực, cố gắng trên lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn và tổng kết lịch sử quân sự, nhưng so với yêu cầu chung, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự còn có những bất cập. Thực tế là, đội ngũ cán bộ công tác trong ngành lịch sử quân sự hiện nay được hình thành từ nhiều nguồn, trong đó, một số có vốn sống, chiến đấu, công tác trong lực lượng vũ trang, trong những năm chiến tranh ác liệt, nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa qua các khóa đào tạo cơ bản về sử học, kiến thức chung cũng như phương pháp luận và phương pháp chuyên ngành còn hạn chế. Trong khi đó, những cán bộ được đào tạo cơ bản ở các khoa lịch sử tại trường đại học, nhìn chung, được trang bị phương pháp tốt song những hiểu biết về đời sống chiến

Digitized by Google

đấu, công tác của lực lượng vũ trang còn mỏng. Ngoài ra, vì là một chuyên ngành khoa học còn mới nên việc tích lũy kinh nghiệm nghiên cứu, biên soạn các công trình lịch sử quân sự của đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực này chưa nhiều ; còn thiếu đội ngũ chuyên gia đầu ngành. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu lịch sử quân sự của Viện và của ngành còn gặp nhiều khó khăn... *Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử quân sự, rõ ràng là phải có phương hướng đúng, biện pháp hiệu quả nhằm trong một thời gian nhất định, xây dựng được một đội ngũ cán bộ nghiên cứu lịch sử quân sự có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tâm huyết với công tác được phân công, có kiến thức chuyên môn rộng và sâu, nắm vững và vận dụng nhuần nhuyễn, hiệu quả phương pháp luận và phương pháp chuyên ngành vào việc tổng kết, nghiên cứu, biên soạn lịch sử quân sự...* Đây là mặt công tác không thể làm trong ngày một ngày hai, nhưng không vì thế mà chần chừ, chờ đợi. Điều quan trọng là phải biết tổng hợp lực lượng, phải có một tầm nhìn toàn diện và lâu dài khi bố trí, sử dụng cán bộ làm công tác nghiên cứu lịch sử quân sự, trong đó, phải mạnh dạn sử dụng lực lượng cán bộ trẻ, đào tạo có hệ thống và cơ bản, những cán bộ chẳng những có kiến thức về sử học mà còn phải am hiểu sâu về quân sự. Trước mắt, trong sử dụng và bố trí công tác, cần phải kết hợp thỏa đáng, hài hòa giữa những cán bộ kinh qua thực tiễn chiến đấu, có bề dày kinh nghiệm và vốn sống trong quân ngũ với những cán bộ được đào tạo cơ bản, chính quy ở các trường đại học. Một sự kết hợp như vậy là cần thiết để bổ trợ cho nhau, động viên khuyến khích nhau trong công tác nhằm hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và bảo đảm cho sự phát triển lâu dài của Viện và của ngành lịch sử quân sự trong toàn quân...

Nhấn mạnh việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đồng thời *phải chú trọng tới vấn đề đổi mới phương pháp nghiên cứu lịch sử quân sự. Trên cơ sở nắm vững phương pháp luận sử học mác xít, những người làm công tác sử học quân sự rõ ràng phải thường xuyên có ý thức tự bồi dưỡng, tự đổi mới phương pháp nghiên cứu, biên soạn các công trình lịch sử quân sự.* Thực ra, ngoài hai phương pháp cơ bản là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgíc, người làm công tác nghiên cứu lịch sử quân sự cũng cần phải vận dụng các phương pháp khác và cập nhật các phương pháp nghiên cứu mới có liên quan. Các phương pháp đó cho phép tiếp cận, đi sâu, tìm ra các mối liên hệ bên trong của mỗi sự kiện, hiện tượng quá trình lịch sử ; cho phép người nghiên cứu có thể "cắt ngang, bổ dọc" vấn đề trong các công trình chuyên khảo về từng chủ đề, từng lĩnh vực thuộc về hoặc có liên quan tới lịch sử quân sự. Bên cạnh đó, người làm công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử quân sự cần phải có kiến thức rộng, bao quát được các lĩnh vực thuộc về hoặc có liên quan tới lịch sử quân sự ; phải có quan điểm đúng, toàn diện, "cận nhân tình" và hoàn toàn trung thực, khách quan khi đề cập tới các mặt khuyết điểm, sai lầm của lãnh đạo, chỉ huy ; tới vai trò của quần chúng ; tới hy sinh, tổn thất của ta trong những cuộc chiến tranh vì độc lập tự do cho Tổ quốc. Lâu nay, với những vấn đề này, ở một số không ít những công trình lịch sử quân sự còn tỏ ra lúng túng khi đề cập : hoặc lướt qua, hoặc trình bày chung chung, thiếu sức thuyết phục... Thực tế lịch sử là phong phú, phức tạp ; có cả tất nhiên và ngẫu nhiên, có thành công và thất bại, có tập thể và cá nhân... Vì thế, trong khi nghiên cứu, biên soạn các công trình lịch sử quân sự, người nghiên cứu cần *đứng vững trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh và quân đội* để phản ánh đúng đắn các mặt trên đây, không né tránh hay cường điệu. Có như thế, những trang viết mới có sức hấp dẫn, thuyết phục người đọc ; những bài học rút ra mới sâu sắc, có tác dụng cho hôm nay và mai sau... Cụ thể hơn cần *thấu triệt tinh thần các nghị quyết của Đảng về văn hóa và khoa học.* Như Nghị quyết số 10 ngày 8-1-1999 của Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương chỉ rõ phải "Nắm vững vai trò, chức năng, tính chất cơ bản của khoa học lịch sử, lịch sử quân sự ; đồng thời nhận rõ tính phổ cập, ý nghĩa sâu sắc, giá trị bền vững của khoa học lịch sử đối với việc giáo dục lòng yêu nước, xây dựng con người mới, phát triển văn học dân tộc và trong lĩnh vực đấu tranh lý luận và tư tưởng... Phải bám sát thực tiễn lịch sử Việt Nam và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng quân đội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc..."

Để đáp ứng ngày càng tốt hơn đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới, Viện và ngành lịch sử quân sự *trong khi nắm vững và vận dụng nhuần nhuyễn phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, cần phải tiếp tục tăng cường sự hợp tác khoa học dưới mọi hình thức với giới sử học nói riêng và giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, với các trung tâm tư liệu lịch sử ở* trong và ngoài quân đội cũng như trong và ngoài nước ; phải nỗ lực chủ động nối bắt để cập nhật những kết quả và phương pháp nghiên cứu của các ngành khoa học có liên quan - mà trước hết là các ngành khoa học gần gũi với sử học quân sự như sử học, dân tộc học, khảo cổ học, văn hóa học, địa lý học...

Nhiệm vụ của Viện và ngành lịch sử quân sự Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới hết sức nặng nề. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy Quân sự Trung ương và thủ trưởng Bộ Quốc phòng cũng như sự giúp đỡ, hợp tác của các cơ quan chức năng, các đơn vị, tổ chức trong và ngoài quân đội, nhất định đội ngũ cán bộ nghiên cứu lịch sử quân sự sẽ nỗ lực phấn đấu, tăng cường đoàn kết, khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi chức năng và nhiệm vụ được giao, xứng đáng với niềm tin yêu của toàn quân, toàn dân trong cả nước. ❑

Digitized by Google

"MUA XÃ NGHÈO"

THANH THỦY

NHÂN đầu năm, tôi về thăm quê. Vượng, con trai chị ruột tôi, dọn bữa cơm khá thịnh soạn. Vượng vừa trúng chức bí thư, kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân xã.

Bữa cơm chỉ có hai chị em và cháu Vượng nên chuyện trò thoải mái, không phải giữ lời, giữ ý. Vào chuyện một lúc, tôi nói :

- Lần này về quê, cậu thấy làng, xã ta vẫn không có gì mới. Dân vẫn nghèo. Cung cách làm ăn vẫn độc cây lúa, mà sản lượng thì quá thấp so với mọi nơi. Xã mình là vùng núi, đất đồi, đất bãi khá nhiều mà chưa khai thác được thế mạnh sẵn có. Cậu nghe bà con nói : Hai năm nay đập nước cạn gần tới đáy, vụ chiêm vừa qua ruộng thiếu nước. Vậy mà dân thì cứ lẳng lặng đua nhau chặt phá rừng lấy củi đem bán. Không hiểu cấp ủy và chính quyền xã đã có chủ trương gì khắc phục tình trạng này...

Tôi dừng lời. Vượng đăm chiêu suy nghĩ một lúc rồi nói.

- Những điều cậu nói đều đúng. Nhưng cậu cũng phải thông cảm cho chúng cháu, ở xã lắm chuyện đau đầu lắm. Vừa qua, thường vụ "bọn cháu" đã bàn nát cả, nhưng do nghèo nên cứ "loay hoay như gà mắc tóc". Cuối cùng chúng cháu quyết định phải tập trung "chạy" cho được cái xã nghèo nhằm có một ít vốn ; bởi muốn làm gì cũng phải có vốn cậu ạ.

Tôi giật mình, gặng hỏi : - Sao lại phải "chạy" cho được xã nghèo ? Xã mình lâu nay nghèo ai chả biết, sao còn phải "chạy" ?

- Thực tế không đơn giản như cậu hiểu đâu ! Nghèo thì tỉnh, huyện biết cả rồi, nhưng muốn xin được chứng nhận là xã đặc biệt khó khăn, được vốn tài trợ của Chương trình 135 hay 327 thì phải làm nhiều thủ tục lắm. Nào phải có luận chứng kinh tế, nào xác nhận của các cấp, các ngành v.v... Xin cho được chữ ký, con dấu qua mỗi cấp đâu có dễ, lại còn phải tốn kém nữa chứ !

- Vậy các anh lấy đâu ra tiền ? Chi vào khoản nào, rồi quyết toán ra sao ? Dân biết liệu có để yên không ?

- Việc này đúng là có nhiều khó khăn vướng mắc, chúng cháu đã bàn đi tính lại mãi nhưng có khi vẫn phải làm. Chỉ có cách đó mới hy vọng được đầu tư lớn để "bốc" lên nhanh, chứ cứ ngồi tính chuyện nuôi con gì, trồng cây gì thì không thể vươn lên được.

- Không được ! Cách nghĩ, lý giải của các anh xem ra trật hết. Các anh nên bàn lại. Xã mình nghèo, muốn xin vốn tài trợ thì bàn cho kỹ, lập luận chứng kinh tế cho cụ thể, chính xác, khoa học, có tính khả thi cao, rồi báo cáo cấp trên xin cấp vốn. Trên họ duyệt cấp cho thì tốt, bằng không thì phải suy nghĩ tìm tòi "lối ra" bằng khai thác tiềm năng sẵn có, đi học hỏi xã bạn về mà làm, chứ xã đã nghèo lại bỏ công quỹ ra để biếu xén, hối lộ, đút lót là không ổn đâu. Ngay việc chạy chọt và chỉ biết trông chờ cấp phát cũng là quá dở.

Tôi thấy như có vật gì vướng nơi cổ họng khi nghĩ về cách đặt vấn đề trên của Vượng. Tôi buông đũa đứng dậy. Chị tôi níu tay tôi lại bảo : sao cậu ăn ít thế ? Rồi quay sang nói với con : Vượng, không nói chuyện nữa, để cậu ăn xong đã. Nể chị, tôi ngồi nán lại nhưng đầu óc cứ như quay cuồng. Xưa nay một vài lần tôi đã nghe chuyện lãnh đạo địa phương nọ, nhà máy, đơn vị kia bỏ ra hàng chục triệu để mua các danh hiệu thi đua, nhưng lần này lại chính người thân nói cho nghe định "chạy" cho được chữ ký xác nhận xã nghèo thì thật là chuyện "xưa nay hiếm" ! Không biết trong đợt xây dựng chỉnh đốn Đảng vừa qua có ai tự phê bình nói ra điều sai trái này không ? Duyệt cấp vốn cho dự án rồi cả phê duyệt xã nghèo, đặc biệt khó khăn hóa ra cũng lắm chuyện ! ❑

Digitized by Google

NHỮNG ĐƯỜNG NÉT CƠ BẢN TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TỔNG THỐNG MỸ G. BU-SƠ

NGUYỄN THẾ LỰC * - MAI HOÀI ANH **

HƠN một tháng sau lễ tuyên thệ nhậm chức, ông G.Bu-sơ bắt tay vào quá trình hoạch định một chính sách đối ngoại mới trong nhiệm kỳ tổng thống của mình. Chính sách đối ngoại mà ông G.Bu-sơ xây dựng, xét về mục tiêu chiến lược không có sự khác biệt lớn so với thời ông W.J. Clin-tơn. Tuy nhiên, cũng dễ nhận thấy quyết tâm của ông G.Bu-sơ trong việc tạo ra một đường lối đối ngoại mang dấu ấn riêng của mình cho nước Mỹ trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Nội dung của chiến lược đối ngoại mới này bước đầu có thể phác họa qua những đường nét cơ bản như sau :

Đối với các đồng minh châu Âu và NATO. Ông G.Bu-sơ vẫn coi đây là hướng ưu tiên chiến lược hàng đầu. Chính sách của Mỹ đối với châu Âu tiếp tục bao hàm tính hai mặt. *Một mặt*, Mỹ luôn tỏ ra ủng hộ một Liên minh châu Âu nhất thể hóa hoàn toàn cả về chính trị và kinh tế, củng cố và nâng cao vai trò, sức mạnh của NATO. *Mặt khác*, Mỹ lại không muốn Liên minh châu Âu hay bất cứ một nước đồng minh nào trong NATO đủ mạnh để có thể cạnh tranh ngang hàng với Mỹ. Mỹ tỏ ra lo ngại về việc châu Âu quyết định thành lập và triển khai lực lượng phản ứng nhanh, coi đây là hành động nhằm gạt Mỹ ra khỏi các công việc của châu Âu trong tương lai. Khi còn trong thời kỳ vận động tranh cử, ông G.Bu-sơ đã tuyên bố sẽ rút quân đội Mỹ khỏi Bô-xni-a và Cô-xô-vô trong thời gian ngắn nhất nếu ông thắng cử. Nay thì ông ta lại cho rằng Mỹ sẽ không rút quân khỏi khu vực này trong tương lai gần. Có thể thấy, ông G.Bu-sơ sẽ phải cố gắng nhiều hơn nữa để cải thiện mối quan hệ với các đồng minh trong NATO trong thời gian tới.

Đối với Nga. Ông G.Bu-sơ xác định, quan hệ với Nga luôn chiếm một phần quan trọng trong quan hệ đối ngoại của Mỹ. Ông G.Bu-sơ nhấn mạnh trọng điểm trong quan hệ Mỹ - Nga là các vấn đề như an ninh, kiểm soát vũ khí, thúc đẩy dân chủ... Tổng thống G.Bu-sơ đã yêu cầu Nga tiến hành đàm phán lại Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo ABM được ký năm 1972 nhằm mở đường cho việc triển khai kế hoạch xây dựng Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) và không loại trừ khả năng tiếp tục tiến trình mở rộng NATO sang phía Đông một cách mạnh mẽ hơn. Hiện tại, quan hệ Mỹ - Nga không còn được chính phủ G.Bu-sơ coi là "quan hệ đối tác chiến lược" mà theo các nhà phân tích, sẽ trở thành "quan hệ cạnh tranh chiến lược", giai đoạn căng thẳng mới giữa Mỹ và Nga có thể sẽ xảy ra.

Đối với Trung Quốc. Chính sách của chính quyền G.Bu-sơ vẫn nằm trong khuôn khổ chiến lược là vừa tích cực tiếp xúc nhằm gia tăng ảnh hưởng tới xu hướng phát triển chính trị, kinh tế của Trung Quốc ; mặt khác, tiếp tục tiến hành kiềm chế nhằm ngăn không cho Trung Quốc trở thành thách thức đối với cục diện châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ trong tương lai. Trong khi vẫn khẳng định chỉ công nhận một nước Trung Quốc và Trung Quốc không phải là kẻ thù của Mỹ, ông G.Bu-sơ tuyên bố, Mỹ sẽ không coi quan hệ với Trung Quốc là trọng tâm trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của mình. Chính quyền mới của ông G.Bu-sơ đã định vị lại quan hệ với Trung Quốc, dùng khái niệm "đối thủ cạnh tranh chiến lược" thay cho "quan hệ đối tác hợp tác chiến lược mang tính xây dựng" dưới thời ông W.J.Clin-tơn. Xét về hình thức, đây chỉ là sự thay đổi về tên gọi, còn về thực chất thì không có sự thay đổi lớn. Trong tương lai, có thể ông G.Bu-sơ sẽ có bước đi mạnh mẽ hơn chính quyền W.J.Clin-tơn trong quan

* TS, Phó Viện trưởng Viện Quan hệ quốc tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Viện Quan hệ quốc tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hệ với Trung Quốc, nhưng cũng hết sức tránh gây ra những vụ việc có thể dẫn đến căng thẳng trong quan hệ hai nước như vụ ném bom Đại sứ quán Trung Quốc tại Nam Tư, vụ va quệt máy bay vừa qua,hay đối đầu trực tiếp với Trung Quốc tại eo biển Đài Loan v.v...

Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tổng thống G.Bu-sơ đặt ưu tiên cao cho việc củng cố quan hệ với các nước ở khu vực này, trong đó, tiếp tục coi quan hệ với Nhật Bản là nền tảng chính sách khu vực của Mỹ. Mỹ luôn đề cao vai trò trụ cột của quan hệ Mỹ - Nhật Bản trong cục diện chiến lược ở châu Á - Thái Bình Dương, hứa hẹn tiếp tục tăng viện trợ về kỹ thuật quân sự cho Nhật Bản để đẩy nhanh kế hoạch triển khai TMD(1). Đồng thời, tăng cường hợp tác, phối hợp với các đồng minh khác tại châu Á như : gia tăng ảnh hưởng tại bán đảo Triều Tiên, đẩy mạnh phối hợp với Hàn Quốc, tăng cường cung cấp vũ khí cho Đài Loan, thậm chí trong một chừng mực nhất định và bằng phương thức linh hoạt, có thể tính tới để Đài Loan sớm tham gia kế hoạch TMD. Bên cạnh đó, theo ông Cô-lin Pao-oen Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, thì chính quyền Mỹ cũng đang xem xét lại toàn bộ chính sách đối với bán đảo Triều Tiên, tiếp tục hướng đi trong quan hệ với CHDCND Triều Tiên thời gian qua, cam kết tôn trọng Hiệp định khung đã ký với CHDCND Triều Tiên. Đối với khu vực Đông - Nam Á, Mỹ tiếp tục tăng cường hợp tác với ASEAN, cải thiện quan hệ với In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, đồng thời Mỹ cũng tính đến khả năng và phương thức quay trở lại Phi-líp-pin.

Đối với khu vực Nam Á. Chính quyền mới ở Mỹ mong muốn thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ với Ấn Độ. Trong thời gian tới, có thể lãnh đạo hai nước lần lượt sang thăm nhau, tạo ra bước ngoặt trong quan hệ hai nước. Mỹ sẽ bắt tay xây dựng chiến lược hợp tác kinh tế - thương mại, trọng điểm là khai thác thị trường khổng lồ, tranh thủ nguồn nhân tài trong lĩnh vực công nghệ thông tin của Ấn Độ, từ đó xây dựng quan hệ hợp tác giữa hai nước một cách hoàn chỉnh. Tuy nhiên, không vì vậy mà Mỹ coi nhẹ Pa-ki-xtan. Mục đích cuối cùng của Mỹ là muốn có vai trò và ảnh hưởng lớn hơn tại khu vực Nam Á. Do đó, Mỹ tìm cách gia tăng ảnh hưởng tại cả Ấn Độ và Pa-ki-xtan.

Đối với châu Phi. Trong cuộc vận động tranh cử hồi năm 2000, ông G.Bu-sơ từng phát biểu rằng, châu Phi không có tầm quan trọng chính trị đối với Mỹ và ông không có ý định gửi lực lượng Mỹ tới vùng này để giúp ngăn ngừa các hình thức chiến tranh, xung đột đã và có thể xảy ra. Nhưng nay, Tổng thống G.Bu-sơ lại tuyên bố, châu Phi có một tầm quan trọng không thể coi nhẹ đối với lợi ích chiến lược toàn cầu của Mỹ và cam kết rằng, chính phủ của ông sẽ chú trọng nhiều hơn nữa đến lục địa này.

Đối với khu vực Trung Đông. Sau khi ông A. Sa-rôn, lãnh tụ phe cực hữu ở I-xra-en giành thắng lợi trong cuộc tranh cử với đương kim Thủ tướng E. Ba-rắc, chính phủ Mỹ đã đánh giá lại các đề nghị nhằm vãn hồi nền hòa bình ở Trung Đông dưới thời Tổng thống W.J.Clin-tơn, cho rằng đó là chủ trương dính líu quá sâu của chính quyền cũ và các đề nghị đó không còn được áp dụng trong bối cảnh ông A.Sa-rôn trở thành Thủ tướng I-xra-en. Mặt khác, chính quyền Mỹ lại đang có những tính toán để có thể dành nhiều cố gắng hơn cho việc xây dựng một sự "đồng thuận A-rập" đối với những thỏa thuận cuối cùng của tiến trình hòa bình Trung Đông. Khi còn vận động tranh cử, ông G.Bu-sơ từng hứa rằng sẽ cho chuyển ngay Đại sứ quán Mỹ tại I-xra-en từ Ten A-víp sang Giê-ru-xa-lem, nhưng nay lại cho rằng, việc di chuyển Tòa đại sứ vẫn chỉ là mục tiêu, còn Mỹ hiện chưa có kế hoạch thực thi cụ thể. Điều này cho thấy, Mỹ chưa vội vã can thiệp quá sâu vào tiến trình hòa bình Trung Đông. Có lẽ chuyến công du Trung Đông của ông Cô-lin Pao-oen vừa rồi sẽ giúp chính quyền Mỹ có cái nhìn xác thực hơn đối với những diễn biến phức tạp ở khu vực này. Đối với Tổng thống Sa-đam Hút-xen ở I-rắc thì thái độ của Mỹ vẫn tỏ ra rất cứng rắn. Mỹ tuyên bố chưa từ bỏ cái gọi là "quyền sử dụng các biện pháp cần thiết", kể cả dùng vũ lực ; đồng thời yêu cầu Liên hợp quốc giữ nguyên lệnh cấm vận đối với I-rắc. Tuy nhiên, quan điểm của các nhà hoạch định chính sách Mỹ đối với I-rắc cũng khác nhau : Ông Cô-lin Pao-oen muốn đẩy mạnh trừng phạt, còn phái của Bộ trưởng Quốc phòng Đô-nan Rum-pheo thì muốn dùng mọi phương thức để loại bỏ Tổng thống Sa-đam Hút-xen, trong khi Phó Tổng thống Đích Chen-ny thì chủ trương dùng biện pháp quân sự chống I-rắc. Hiện chưa rõ lập trường của Tổng thống G. Bu-sơ sẽ nghiêng về phía nào. Nhưng dù tiến hành biện pháp nào thì Mỹ cũng phải tính đến sự phản ứng mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới. Đêm 16-2-2001, không quân Mỹ - Anh được sự đồng ý của

(1) TMD - Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường ; trên thực tế, dự kiến triển khai 2 hệ thống phòng thủ tên lửa : NMD và TMD

Digitized by Google

Tổng thống G.Bu-sơ đã oanh tạc ngoại vi thủ đô Bát-đa của I-rắc, xâm phạm trắng trợn chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia độc lập, vi phạm thô bạo Hiến chương Liên hợp quốc. Do đó, đã gây nên một làn sóng phản đối quyết liệt của cộng đồng quốc tế, thậm chí ngay cả trong nội bộ chính giới Mỹ. Ngoài hai Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là Nga và Trung Quốc đã lên tiếng phản ứng mạnh mẽ, thì ngay cả Pháp - một đồng minh quan trọng trong NATO cũng bày tỏ sự không đồng tình với hành động ngang ngược này của Mỹ.

Đối với khu vực Mỹ La-tinh. Chính quyền mới ở Mỹ vẫn chưa chính thức tuyên bố quan điểm của mình về khu vực này. Tuy nhiên, có thể nhận thấy là họ sẽ vẫn duy trì chính sách truyền thống trong quan hệ với các nước ở Mỹ La-tinh, đó là tiếp tục thúc đẩy các nước củng cố cơ chế dân chủ và cải cách kinh tế.... Đồng thời, theo sự phân tích của nhiều nhà nghiên cứu, có thể Mỹ sẽ tăng cường lập trường cứng rắn đối với một số nước như Cu-ba, Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a. Ông G.Bu-sơ không tán thành quan điểm nới lỏng cấm vận đối với Cu-ba và đã cam kết sẽ tiếp tục ủng hộ việc thực hiện chương thứ ba trong đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn được thông qua năm 1996 mà nội dung chủ yếu là tăng cường lệnh cấm vận kinh tế chống Cu-ba vốn được áp dụng từ hơn 4 thập niên qua. Còn Vê-nê-xu-ê-la, thời gian qua đã có những động thái thể hiện sự gắn bó mật thiết trong quan hệ ngoại giao với Cu-ba và I-rắc, tạo ra mối lo ngại cho Mỹ. Đối với Cô-lôm-bi-a, ông G.Bu-sơ là người ủng hộ mạnh mẽ quan điểm sử dụng "bàn tay sắt" trong kế hoạch của Cô-lôm-bi-a nhằm chống lại các tập đoàn ma-phi-a ma túy ở nước này. Chuyến công du ra nước ngoài lần đầu tiên của Tổng thống G.Bu-sơ sau khi đắc cử không hướng tới những đồng minh chiến lược ở châu Âu, châu Á mà lại hướng về Mỹ La-tinh (điểm dừng chân đầu tiên là Mê-hi-cô) nhằm thúc đẩy nỗ lực xây dựng một "không khí tự do ở Mỹ La-tinh". Điều đó cho thấy, khu vực này vẫn tiếp tục là một trong những mục tiêu hàng đầu trong chính sách đối ngoại của chính quyền G.Bu-sơ. Đồng thời, đây cũng là minh chứng cho nhận định được nhiều nhà nghiên cứu đưa ra về cái gọi là "sự phục hồi của chủ nghĩa cô lập Mỹ" sẽ phát triển dưới chính thể Cộng hòa của ông G.Bu-sơ.

Nhìn một cách đại thể, chiến lược đối ngoại mới của ông G.Bu-sơ là vẫn tiếp tục theo đường hướng đã được xác lập dưới thời ông W.J.Clin-tơn. Đó là cùng dựa trên nền tảng của cái gọi là "những lợi ích quốc gia sống còn của nước Mỹ". Nhưng tổng thống mới lại tỏ ý phê phán chính quyền W.J. Clin-tơn đã quan tâm quá nhiều đến những công việc ở nước ngoài và cho rằng điều này không phù hợp với lợi ích của nước Mỹ. Ông G.Bu-sơ cũng nhấn mạnh rằng, cần phải có hình thức và biện pháp có hiệu quả để có thể kiểm soát "một cách có định hướng" nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia của Mỹ trên phạm vi toàn cầu. Bởi vậy, chính quyền mới không thực hiện chính sách đối ngoại mang màu sắc của chủ nghĩa lý tưởng như ông W.J. Clin-tơn đã từng làm, mà đang muốn thực thi một chính sách mạnh mẽ hơn trên nền tảng hiện thực. Đó là mưu toan duy trì vị trí lãnh đạo thế giới của Mỹ với tư cách là một cường quốc quân sự, đồng thời nhấn mạnh mậu dịch tự do và toàn cầu hóa để áp đặt giá trị Mỹ ra toàn thế giới. Trên thực tế, nhìn vào những gương mặt trong nội các mới của ông G. Bu-sơ, có thể thấy chính sách đối ngoại của chính quyền mới có diện mạo như là "bản sao" của kỷ nguyên ông G. Bu-sơ (bố), tức là chính sách đối ngoại dựa trên sức mạnh quân sự. Có khác chăng là nó sẽ được cải biến đi một chút cho hợp với tình hình quốc tế hiện nay. Tổng thống G. Bu-sơ đã tỏ thái độ phê phán Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện, cho rằng nó không phải là giải pháp cho việc ngăn chặn sự lan rộng của loại vũ khí này. Điều đó lý giải vì sao ông ta chủ trương tăng chi phí cho quốc phòng nhằm đạt được ưu thế quân sự trong các cuộc chiến tranh tương lai ; đồng thời khẳng định quyết tâm tiếp tục triển khai kế hoạch NMD vốn đã bị ông W.J. Clin-tơn tạm gác lại sau khi bị cả thế giới chỉ trích và lên án. Hành động này không những khiến cho các nước được coi là "đối thủ tiềm tàng" như Nga, Trung Quốc... phản ứng, mà ngay cả những đồng minh thân cận nhất của Mỹ trong NATO cũng kịch liệt phê phán.

Có thể thấy rằng, chiến lược đối ngoại mới mà ông G. Bu-sơ đang từng bước xây dựng và triển khai, là nhằm tới mục tiêu cao nhất - bá chủ toàn cầu. Nhưng trong bối cảnh quốc tế đang có nhiều thay đổi ở thời điểm bắt đầu thế kỷ mới, chính sách này của Mỹ khó có thể đạt được mục tiêu như họ muốn. Bởi lẽ, trong một thế giới đang hướng tới xây dựng một trật tự mới - trật tự đa cực, đa trung tâm - thì dù có thay đổi cách thức thế nào, Mỹ cũng khó có thể tìm kiếm được sự ủng hộ của bất cứ quốc gia nào đối với tham vọng của mình trở thành độc tôn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống thế giới. ❑

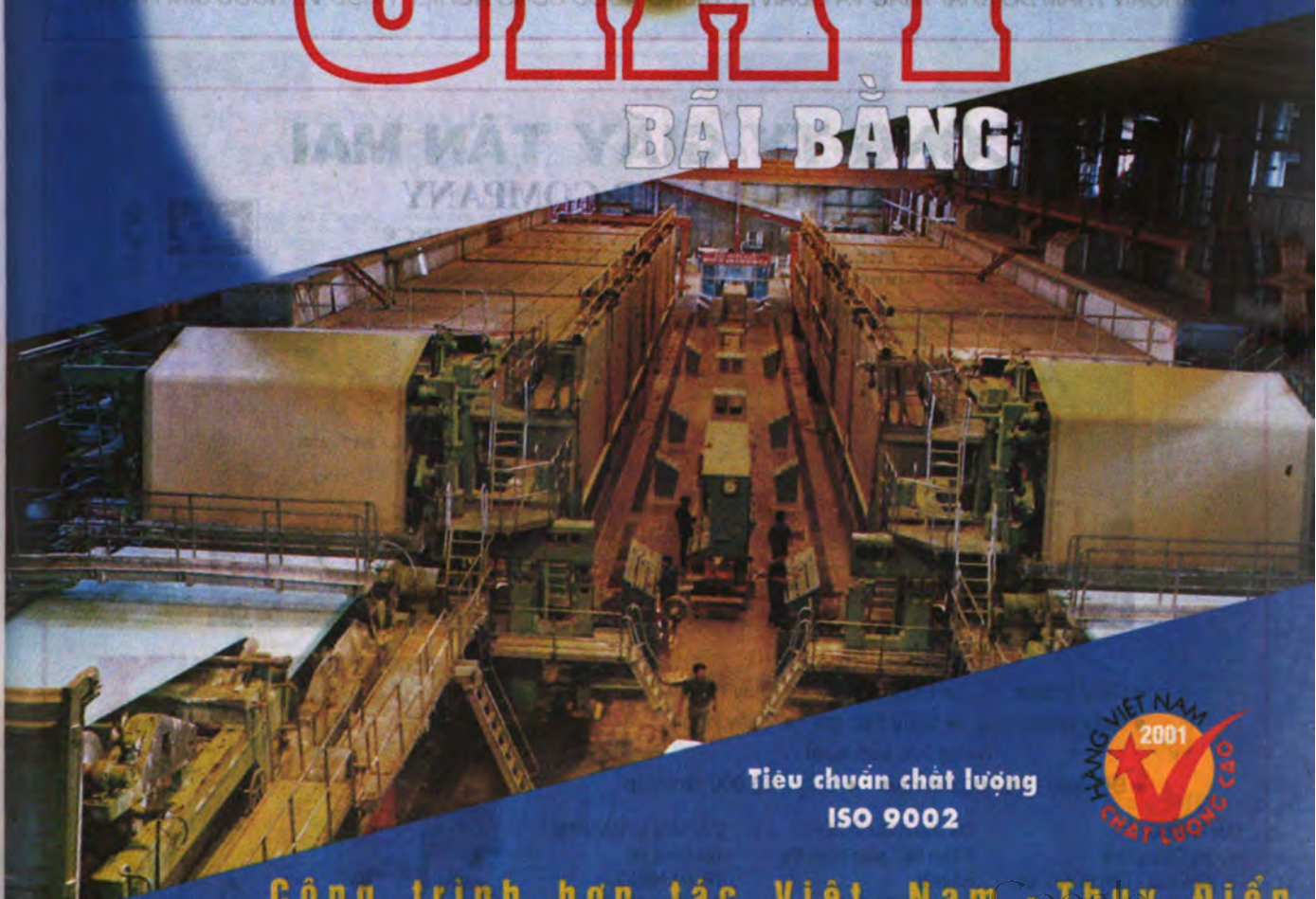
Digitized by Google

BAI BANG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Bai Bang Paper Company (Bapaco)

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG



Tiêu chuẩn chất lượng
ISO 9002

HÀNG VIỆT NAM 2001 CHẤT LƯỢNG CAO

Công trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển

VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CẦN GIỜ

- ĐC : 603 Bến Bình Đông - P.13 - Q.8 - TP HCM
- ĐT : 8.553.119 - 9.501.622 - 8.557.190 - Fax : (848) 8.553.555
- E-mail : CANGIO.RESCO@AZ.COM.VN
- Chi nhánh Cần Giờ : xã Cần Thạnh - huyện Cần Giờ - TP.HCM
- ĐT : 8.740.251 - 8.740.602 - Fax : (848) 8.740.252

Chuyên ngành

- ★ *QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ*
- ★ *THIẾT KẾ VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT*
- ★ *SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VLXD*
- ★ *THI CÔNG XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP, GIAO THÔNG, THỦY LỢI*
- ★ *KINH DOANH KHO, BẾN BÃI - KINH DOANH NHIÊN LIỆU*
- ★ *THI CÔNG ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRUNG, HẠ THẾ ĐẾN 35KW*
- ★ *SAN LẤP MẶT BẰNG - KHAI THÁC CÁT*
- ★ *KHOAN THĂM DÒ KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ GIẾNG NƯỚC CÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ NƯỚC SINH HOẠT.*

CÔNG TY GIẤY TÂN MAI

TAN MAI PAPER COMPANY

OFFICE : BIEN HOA CITY - DONG NAI PROVINCE
TEL : 84.61.827856 - FAX : 84.61.824915
E-mail : tanmai@hcm.vnn.vn * WebSite : www.tanmai.com.vn

BVQI 9002 UKAS



MẶT HÀNG THÔNG DỤNG

- Giấy in báo
- Giấy viết
- Giấy in cao cấp
- Giấy photocopy
- Giấy bao gói
- Giấy hộp

Năng lực sản xuất :

- Bột giấy : 40.000 tấn/năm
- Giấy : 60.000 tấn/năm



VĂN PHÒNG :
phường Thống Nhất
TP. Biên Hòa - Tỉnh ĐỒNG NAI
Tel : 061.827856 - 827858
Fax : 061.824915

Chi nhánh tại HÀ NỘI
8 Thái Hà - quận Đống Đa
HÀ NỘI
Tel : 84.4.8574346
Fax : 84.4.8574349

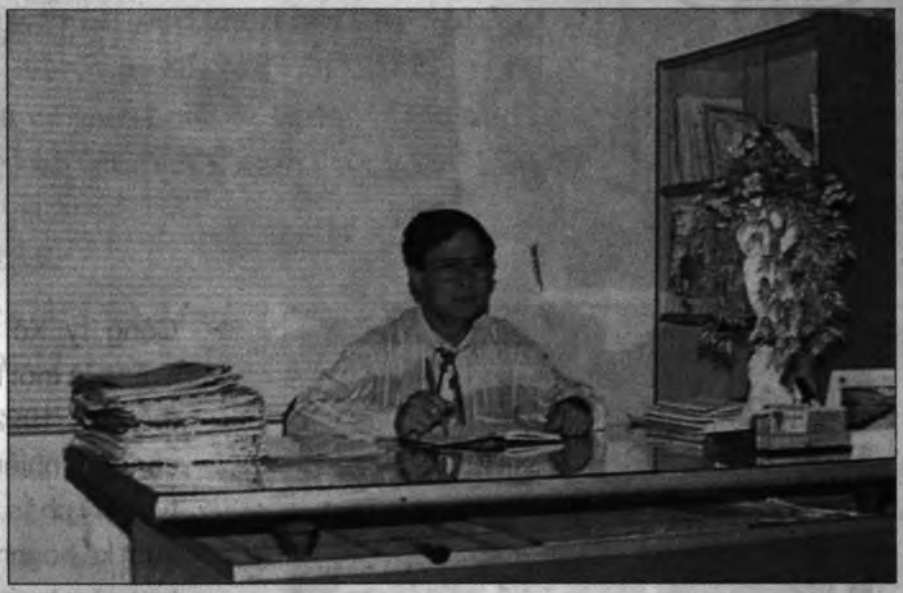
Cửa hàng tại ĐÀ NẴNG :
120 Đống Đa
TP. ĐÀ NẴNG
Tel : 0511.896479

Digitized by Google

CÔNG TY
CẤP THOÁT NƯỚC DARLAR

14 Nguyễn Chí Thanh -
TP Buôn Mê Thuột
☎ 050 - 852254 - 853835

Giám đốc :
BÙI MINH KÍNH





- Sản xuất và kinh doanh nước máy.
- Lập luận án khả thi, thiết kế thi công các công trình cấp thoát nước cho mọi đối tượng khách hàng.
- Mua bán và cung ứng các loại vật tư thiết bị chuyên ngành cấp, thoát nước.

Rất hân hạnh được
phục vụ Quý khách

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH SÓC TRĂNG

- Địa chỉ : 16 Trần Hưng Đạo, thị xã Sóc Trăng
- ĐT : 822.602 - 824.108 - 825.440 - Fax : (079) 821.488
- *Trạm phát hành vé số Sóc Trăng tại tỉnh Cần Thơ :*
  Số 116, Lý Tự Trọng, TP. Cần Thơ - ĐT : (071) 832.804



- Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Sóc Trăng là một DNNN được thành lập từ tháng 04/1992. Hơn 8 năm qua mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng công ty luôn phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch được giao, năm sau cao hơn năm trước, góp phần vào việc thực hiện cân đối thu chi ngân sách của Tỉnh nhà.
- Từ nguồn thu XSKT qua các năm, tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa tại địa phương.
- Vé số Kiến thiết Sóc Trăng quay số mở thưởng vào lúc 16h 20 ngày thứ tư hàng tuần tại số 16 Trần Hưng Đạo, thị xã Sóc Trăng.
- Vé trúng thưởng được chi trả một lần bằng tiền mặt, ngân phiếu thanh toán hoặc chuyển khoản, tùy theo sự lựa chọn của khách hàng. Thủ tục lãnh thưởng dễ dàng và nhanh chóng.

Kính chúc quý khách gặp nhiều may mắn,
khi mua vé số kiến thiết Sóc Trăng.

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG (ĐÀ LẠT)

TRỤ SỞ CHÍNH :
44B Hồ Tùng Mậu - Đà Lạt
ĐT : 063.822111 - 827753
Fax : 821934 - 832096

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN :
*** 17 Đinh Tiên Hoàng, Q1 - TP. HCM**
ĐT : 08.8232830
*** 82 Nguyễn Thái Học, TP Cần Thơ**
ĐT : 071.829522



Trong những năm qua, hoạt động Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng đã không ngừng phát triển và ngày càng giành được sự tín nhiệm cao của quý khách hàng. Nhiều công trình phúc lợi xã hội như : Bệnh viện, trường học, nhà văn hóa... Được xây dựng từ nguồn thu Xổ số Kiến thiết đưa vào phục vụ nhân dân.

Hiện nay, vé số Lâm Đồng được phát hành rộng rãi tại các tỉnh phía Nam từ Bình Thuận, TP.HCM đến Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ... với các loại hình xổ số sau :

- VÉ SỐ ĐÀ LẠT (LÂM ĐỒNG) CHỦ NHẬT
- VÉ SỐ BÓC, BIẾT KẾT QUẢ NGAY
- VÉ SỐ LÔ TÔ



Những vé trúng thưởng được lãnh nhanh gọn một lần tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và các đại lý.

Mua vé số Lâm Đồng là thiết thực góp một viên gạch xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ dân sinh.

VÉ SỐ LÂM ĐỒNG - MANG ĐẾN CHO BẠN NIỀM VUI BẤT NGỜ

GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ TÂM MAI

Digitized by Google

CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN
Bimson Cement Company

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



DNV Accredited by the RvA ISO-9002 REGISTERED FIRM DNV Certification B.V., THE NETHERLANDS

QUACERT ISO 9000

Xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn/năm.

Sản phẩm xi măng có các loại:

PC40, PC50.TCVN 2682-1999, sản xuất theo đơn đặt hàng.

PCB30.TCVN 6260 - 1997.

Đặc tính kỹ thuật:

+ Thời gian đông kết : *Bắt đầu không sớm hơn 45 phút, kết thúc không muộn hơn 10 giờ.*

+ Giới hạn bền nén : *Sau 3 ngày: không nhỏ hơn 14N/mm². Sau 28 ngày: không nhỏ hơn 30N/mm².*

+ Sản phẩm được đóng 50±1kg trong bao PP, in 2 mầu xanh đỏ, có đóng dấu giáp lai ở 2 đầu bao.



THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

★ Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I.

★ Từ năm 1993 liên tục được Bộ Xây dựng và Công đoàn ngành xây dựng Việt Nam tặng cờ chứng nhận sản phẩm chất lượng cao.

★ Từ năm 1990 liên tục được cấp huy chương vàng hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.

★ Từ năm 1994 liên tục được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho xi măng PC30, PCB30.

★ Ủy ban quốc tế của tổ chức BID có trụ sở tại thủ đô MADRD - Tây Ban Nha đã có quyết định tặng thưởng "Sao vàng quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho công ty Xi măng Bỉm Sơn.

★ Được bình chọn và chứng nhận " Hàng Việt Nam chất lượng cao " từ 1998, 1999 và 2000.

★ Được tặng Cúp vàng giải thưởng chất lượng Việt nam 2000.

★ Được DNV - Na Uy và Quacert Việt Nam cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.



Giám đốc: Kỹ sư Lê Văn Chung

Địa chỉ : Thị xã Bỉm Sơn Thanh Hóa
Tel : 037.824242 - 037.824056
Fax: 84.37.824046

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



11
6-2001

UNIV. OF MICH.
JUN 29 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

VISSAN IMPORT EXPORT CORPORATION

420 NƠ TRANG LONG, QUẬN BÌNH THẠNH
TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM
TEL: 8433903 - 8433653 - 8433655 - 8433907
FAX: 84.8.8432372 - E-mail: vissan@hcm.fpt.vn



HÀNG VIỆT NAM 2001 CHẤT LƯỢNG CAO

Nhiều năm liền được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam có uy tín nhất do Báo Đại Đoàn kết tổ chức.

Nhiệt liệt hưởng ứng tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

GIẢI THƯỞNG VÀNG CHẤT LƯỢNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM LẦN THỨ NHẤT

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 617 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

11
6-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NÔNG ĐỨC MẠNH - Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới	3
	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Đẩy mạnh công tác tư tưởng - văn hóa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	7
	NGUYỄN TẤN DŨNG - Phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2001, tạo bước phát triển mới ngay từ năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng	10
	VĂN TẠO - Đại hội trí tuệ	16
	NGUYỄN THẾ NGHĨA - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng	19
	PHẠM NGỌC QUANG - Chữ "đồng" trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân	22
	LÂM ĐÌNH NGỌC - Công tác ngoại giao phục vụ kinh tế trong giai đoạn hiện nay	26
	NHỊ LÊ - Những vấn đề cơ bản của bốn bài học sau 15 năm đổi mới	30
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HỒ SĨ VỊNH - Bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa	34
	LƯƠNG VĂN TƯ - Nông nghiệp Việt Nam trước thách thức của hội nhập kinh tế	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN VĂN LẠNG - Một số vấn đề thực hiện chính sách dân tộc ở Đắk Lắk	41
	PHẠM TUYẾN - Học viện Hậu cần vững bước đi lên trong sự nghiệp đổi mới	45
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Ba nhiều, ba ít	49
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia - canh bạc lớn đầu thiên niên kỷ	50
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Sự tự phủ định của chủ nghĩa tư bản - xu hướng lịch sử tất yếu	54
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Vấn đề "đổi điền, dồn thửa" ruộng đất nông nghiệp	58

Bìa 1 : *Nhộn nhịp Dung Quất* Ảnh : TTXVN

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Больше повысить качество идейно – культурной работы в новой ситуации. НГУЕН ХОА ДЬЕМ: Усилить идейно-культурную работу, внести вклад в успешное выполнение резолюций IX^ого Съезда КПВ. НГУЕН ТАН ЗУНГ: Стараться лучшим образом выполнить задачи 2001, сделать новый шаг развития в первом же году выполнения резолюций IX^ого Съезда КПВ. ВАН ТАО: Съезд разума. НГУЕН ТХЕ НГИА: Применение идей Хо Ши Мина в укреплении и переупорядочивании Партии. ФАМ НГОК КУАНГ: Слово "совместный" во взгляде Президента Хо Ши Мина на великую национальную солидарность. ЛАМ ДИНЬ НГОК: Дипломатические работы на службе экономике на нынешнем этапе. НЬИ ЛЕ: Главные проблемы четырех уроков за 15 лет обновления. ХО ШИ ВИНЬ: Дух Вьетнамской культуры в тенденции глобализации. ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Вьетнамское сельское хозяйство перед лицом вызова экономической интеграции. ВО ТХУ ФЫОНГ: Государственная оборонная система баллистических ракет – большая картежная игра в начале нового тысячелетия.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: To enhance more the quality of the ideology – culture matter in the new situation. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: To push up the ideology – culture matter, to make contribution to the successful fulfillment of the IX National Party Congress' resolutions. NGUYỄN TẤN DŨNG: To endeavor for a best fulfillment of the tasks of 2001, to make a new development step right in the first year fulfilling the IX National Party Congress' resolutions. VĂN TẠO: A congress of intellect. NGUYỄN THẾ NGHĨA: Application of Ho Chi Minh's ideas in Party strengthening and realignment. PHẠM NGỌC QUANG: The word "joint" in President Ho Chi Minh's standpoint regarding great national solidarity. LÂM ĐÌNH NGỌC: The diplomatic matter in service of economy in the current period. NHỊ LÊ: The principal problems of the 4 lessons after 15 renovation years. HỒ SĨ VỊNH: Stuff of Vietnam culture in the trench of globalization. LƯƠNG VĂN TƯ: Vietnam's agriculture in the face of economic – merging challenge. VÕ THỦ PHƯƠNG: The state ballistic missiles defense system – a large card – playing at the beginning of the new millennium.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: Elever à un niveau plus haut la qualité du travail idéologique et culturel dans la nouvelle conjoncture. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Renforcer le travail idéologique et culturel pour contribuer à réaliser avec succès les Résolutions du IXe Congrès du Parti. NGUYỄN TẤN DŨNG: Nous efforcer de mener à bien les tâches de 2001 afin de créer un nouveau pas de développement dès la première année de la réalisation des Résolutions du IXe Congrès du Parti. VĂN TẠO: Le Congrés de l'intelligence. NGUYỄN THẾ NGHĨA: Sur l'application de la pensée de Ho Chi Minh dans l'édification et le remodelage du Parti. PHẠM NGỌC QUANG: Le mot "đồng" (unanimité) dans le point de vue de Ho Chi Minh sur la grande union nationale. LÂM ĐÌNH NGỌC: La diplomatie au service de l'économie dans l'étape actuelle. NHỊ LÊ: Les questions essentielles de quatre leçons tirées de 15 années de renouveau. HỒ SĨ VỊNH: Le caractère de la culture vietnamienne dans la tendance de mondialisation. LƯƠNG VĂN TƯ: L'agriculture vietnamienne face aux défis de l'intégration économique. VÕ THỦ PHƯƠNG: Le bouclier antimissile - un grand jeu au début du millénaire.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: Mejorar más la calidad del trabajo ideológico-cultural en la nueva situación. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Reforzar el trabajo ideológico-cultural por realizar victoriosamente las Resoluciones del IX Congreso del Partido. NGUYỄN TẤN DŨNG: Esforzarse por cumplir bien las tareas del año 2001 a fin de crear los nuevos pasos del desarrollo en los primeros años de la realización de las Resoluciones del IX Congreso del Partido. VĂN TẠO: El Congreso de inteligencia. NGUYỄN THẾ NGHĨA: Aplicación del pensamiento Ho Chi Minh en la edificación y rectificación del Partido. PHẠM NGỌC QUANG: La palalora "đồng" (unanimidad) en el criterio del presidente Ho Chi Minh sobre la gran unión nacional. LÂM ĐÌNH NGỌC: El trabajo diplomático al servicio de la economía en la actualidad. NHỊ LÊ: Los problemas principales de las cuatro lecciones después de 15 años de renovación. HỒ SĨ VỊNH: El carácter de la cultura vietnamita en la tendencia de globalización. LƯƠNG VĂN TƯ: La agricultura vietnamita ante las propuestas de la integración económica. VÕ THỦ PHƯƠNG: La defensa anti-cohete - un gran juego al comienzo del milenio.

目 录

农德孟: 进一步提高新形势下的思想、文化工作质量 • 阮科恬: 大力推动思想、文化工作, 为落实党九大决议的胜利 • 阮晋勇: 为圆满完成2001年的任务而奋斗, 从第一年落实党九大决议造就新的发展 • 文造: 一个智慧的大会 • 阮世义: 在建党与整党中运用胡志明思想 • 范玉光: 在有关全民大团结中的«同»字, 胡志明主席的观点 • 林庭玉: 在现阶段中外交工作服务经济 • 二黎: 15年革新后四个教训的一些基本问题 • 胡士咏: 全球化趋势中越南文化的本领 • 梁文思: 越南农业面临融合经济的挑战 • 武守方: 国家火箭的防守系统 — 新世纪初的大赌局.

Digitized by Google

NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRONG TÌNH HÌNH MỚI *

Tổng Bí thư NÔNG ĐỨC MẠNH

HÔM nay tôi rất vui mừng được gặp mặt các đồng chí về dự Hội nghị tổng kết công tác tư tưởng - văn hóa năm 2000, bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa năm 2001 và những năm tiếp theo. Nhân dịp này, tôi xin gửi tới các đồng chí làm công tác tư tưởng - văn hóa trong toàn quốc lời chào thân thiết, tin cậy, lời thăm hỏi ân cần và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc.

Tôi hoan nghênh sáng kiến và sự nhạy bén của các đồng chí đã khẩn trương chuẩn bị và quyết định tổ chức Hội nghị này trong dịp cả nước chuẩn bị kỷ niệm trọng thể lần thứ 111 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay sau khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng thành công tốt đẹp. Vào thời điểm rất quan trọng này, Hội nghị của chúng ta không chỉ bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác một năm như các lần trước mà còn nhằm xác định những mục tiêu cơ bản, nội dung chủ yếu của công tác tư tưởng - văn hóa trong những năm tới để tiếp tục triển khai việc giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, góp phần thực hiện những quyết định chính trị trọng đại của chúng ta thể hiện trong các văn kiện được thông qua tại Đại hội IX. Trên tinh thần và ý nghĩa đó, tôi trao đổi với các đồng chí một số vấn đề để các đồng chí nghiên cứu, thảo luận và thực hiện.

Kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng có ý nghĩa rất to lớn, mở ra một thời kỳ mới phát triển đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đại hội một lần nữa khẳng định mạnh mẽ mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thể hiện ước vọng, ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta trong cuộc chiến đấu lâu dài hơn bảy thập kỷ qua ; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, soi sáng con đường của cách mạng Việt Nam. Đường lối do Đại hội IX đề ra là một bước phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh "Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang, kinh nghiệm quý báu của Đảng, phát triển các quan điểm, đường lối của các Đại hội VI, VII và VIII, đồng thời phân tích sâu sắc tình hình, xác định nhiệm vụ và những giải pháp quan trọng giải quyết nhiều vấn đề mới đặt ra cho cách mạng nước ta trong những năm đầu thế kỷ XXI. Đó là sản phẩm kết tinh ý chí, trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Các đồng chí đã biết, xây dựng được đường lối, quan điểm đúng đắn, xác định được các quyết sách đáp ứng yêu cầu của cách mạng, phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn đời sống là nhân tố cực kỳ quan trọng, quyết định thành công sự lãnh đạo của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng. Nhưng có đường lối, quan điểm, quyết sách đúng mà nhận thức không thống nhất, thiếu sâu sắc, tổ chức thực hiện không nghiêm, không tốt, nói không đi đôi với làm thì nghị quyết sẽ khó đi vào cuộc sống, lòng tin của nhân dân sẽ giảm sút, những mục tiêu của cách mạng không thực hiện được ; đây là một trong những khuyết điểm, yếu kém mà Đại hội IX của Đảng đã nghiêm khắc chỉ ra. Vì vậy, ngay sau khi Đại hội IX kết thúc, một trong những nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của chúng ta là phải làm cho cán bộ, đảng viên, mỗi người dân được quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm và các quyết sách do Đại hội IX xác định,

* Bài phát biểu tại Hội nghị công tác tư tưởng - văn hóa toàn quốc, ngày 15 tháng 5 năm 2001. Đầu đề là của TCCS

Digitized by Google

cả trong nhận thức và hành động ; phải tổ chức và phát huy mọi lực lượng thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết đó, biến nghị quyết của Đảng thực sự thành phong trào cách mạng của nhân dân, tạo bằng được những bước tiến mới về chất lượng và hiệu quả trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX. Thời gian đòi hỏi và nguyện vọng của nhân dân và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới không cho phép chúng ta chần chừ, nói nhiều, làm ít hoặc thậm chí nói không đi đôi với làm.

Tất cả những yêu cầu và công việc trên đây có trách nhiệm của công tác tư tưởng, một lĩnh vực luôn giữ vị trí quan trọng góp phần tạo nên sự thống nhất tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện nghị quyết của Đảng, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc vượt qua thử thách, nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ, tiếp tục Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng ; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước từ nay đến năm 2010, trước mắt là nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Công tác tư tưởng phải đi đầu, đi trước một bước, tập trung toàn bộ lực lượng, trí tuệ và kinh nghiệm để chỉ đạo quá trình tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và quyết tâm sắt đá thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, biến Nghị quyết Đại hội thành hiện thực, tạo cho được một bước chuyển biến thật sự trong năm 2001, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, làm tiền đề cho những bước phát triển toàn diện trong những năm tiếp theo.

Trong hơn 70 năm hoạt động và lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, Đảng ta luôn luôn khẳng định : công tác tư tưởng là một trong những lĩnh vực trọng yếu nhất của Đảng để lãnh đạo cách mạng, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn. Công tác tư tưởng, với ý nghĩa là toàn bộ hoạt động trên lĩnh vực ý thức của con người nhằm biến tư tưởng tiến bộ, cách mạng thành lực lượng vật chất để xây dựng chế độ mới, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống xã hội ; công tác đó đã trở thành một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Đảng. Vì thế, Đảng ta luôn luôn coi công tác tư tưởng - văn hóa như một sức mạnh to lớn, một vũ khí sắc bén trong tiến trình cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thành công của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hơn 70 năm qua luôn luôn có sự đóng góp trực tiếp và hiệu quả của công tác tư tưởng.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ta luôn luôn khẳng định công tác tư tưởng - văn hóa là một bộ phận trực tiếp xây dựng củng cố và phát triển Đảng về mặt tư tưởng chính trị, đạo đức và văn hóa. Vai trò ấy càng trở nên đặc biệt quan trọng trong những thời điểm bước ngoặt lịch sử ; ở những thời điểm này càng cần phải tập trung xây dựng Đảng về chính trị, làm cho Đảng kiên định mục tiêu, lý tưởng, nền tảng tư tưởng và những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của Đảng, đồng thời vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta. Hơn 70 năm qua, công tác tư tưởng - văn hóa đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cốt tử này, cùng với các lĩnh vực khác, trực tiếp xây dựng Đảng ta thành bộ tham mưu chính trị của giai cấp, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân.

Trong những năm gần đây, đứng trước những thách thức gay gắt, công tác tư tưởng - văn hóa đã vượt qua những khó khăn to lớn để từng bước vươn lên hoàn thành ngày càng tốt hơn nhiệm vụ của mình. Trước những diễn biến cực kỳ phức tạp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội trong nước và quốc tế, những tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở các nước trong khu vực, những khó khăn nặng nề do thiên tai gây ra ; sự phản kích điên cuồng của các thế lực thù địch và lực lượng phản động, cơ hội..., công tác tư tưởng của Đảng, của cả hệ thống chính trị đã tích cực, chủ động bám sát thực tiễn đời sống, nắm vững, đánh giá và dự báo đúng diễn biến của tình hình, phát hiện, đề xuất, làm tham mưu và góp phần chỉ đạo, kiểm tra, triển khai và xử lý kịp thời những vấn đề đặt ra, kiên định mục tiêu lý tưởng và những nguyên tắc xây dựng Đảng, trực tiếp góp phần giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, khơi dậy phong trào cách mạng của nhân dân, tạo ra các nhân tố cơ bản để cả nước phấn đấu đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng trong quá trình tổ chức thực hiện

Digitized by Google

nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt hoan nghênh những kết quả to lớn của công tác tư tưởng - văn hóa trong thời gian qua ; trong đó có sự đóng góp tích cực của đội ngũ những người làm công tác tư tưởng - văn hóa trong cả nước.

Đồng thời, với tất cả sự nghiêm khắc, tỉnh táo nhìn thẳng vào sự thật, đối chiếu với những yêu cầu, đòi hỏi cao của sự nghiệp đổi mới, Đại hội IX cũng đã chỉ ra một trong những nguyên nhân dẫn tới khuyết điểm, yếu kém trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII là thuộc về công tác tư tưởng, công tác lý luận, cùng với công tác tổ chức, cán bộ "có nhiều yếu kém, bất cập". Phải nghiêm khắc chỉ ra rằng, khuyết điểm đó thuộc về toàn Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, là trách nhiệm của mọi đảng viên, song trước hết là của bản thân đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Tôi tán thành và hoan nghênh thái độ tự phê bình, nghiêm khắc chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém của các đồng chí trong báo cáo trước Hội nghị này và đề nghị sau Hội nghị, tất cả cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, ban tuyên giáo các cấp cần tiếp tục trao đổi, phân tích để nhận thức sâu sắc thực trạng, phát huy ưu điểm, ra sức sửa chữa các khuyết điểm trên lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa và đề ra được các giải pháp thiết thực nhằm sớm khắc phục bằng được những yếu kém, khuyết điểm trong năm 2001 và các năm tiếp theo. Đó là thái độ dũng cảm và tự tin của những người cộng sản, đồng thời là trách nhiệm của chúng ta trước nhân dân, trước sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Kinh nghiệm thực tiễn của nhiều năm tiến hành công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng ta đã chỉ ra rằng, nắm vững và phân tích đúng đắn, chính xác những đặc điểm khách quan của một giai đoạn lịch sử, quán triệt và thấu hiểu những yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn đó, hiểu biết những đặc điểm, ước vọng, tâm lý của đối tượng tác động của công tác tư tưởng - văn hóa là những điều kiện tiên quyết để vạch ra mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của công tác tư tưởng - văn hóa. Thiếu một trong những yêu cầu nội dung đó sẽ không thể định hướng và nâng cao được hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa trong thực tiễn. Chính từ kinh nghiệm quý báu trên mà vào thời điểm này, khi mà toàn Đảng, toàn dân tộc ta bắt đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, công tác tư tưởng - văn hóa phải tập trung mọi nỗ lực triển khai đồng bộ mọi loại hình hoạt động của mình để tạo cho được sự thống nhất trong nhận thức của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về những nội dung cơ bản, quan trọng nhất trong các văn kiện Đại hội IX. Cần tập trung nghiên cứu, phân tích làm sáng tỏ, có sức thuyết phục cao ý nghĩa, giá trị chính trị và khoa học, tính sáng tạo của đường lối, những quan điểm cơ bản, các quyết sách được Đại hội IX khẳng định. Đồng thời nỗ lực đổi mới, tìm tòi các phương thức, giải pháp có hiệu quả để chuyển tải những nội dung đó đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, biến nó trở thành nhận thức và niềm tin của toàn Đảng và toàn dân trong toàn bộ hoạt động thực tiễn. Đây là một nhiệm vụ to lớn, nặng nề của công tác tư tưởng - văn hóa của toàn Đảng, không chỉ trong đợt nghiên cứu, học tập sắp tới, mà phải được tiến hành triệt để, kiên trì, khoa học, nhằm tạo được sự chuyển biến căn bản, sâu sắc và toàn diện về nhận thức tư tưởng, thống nhất ý chí và hành động, củng cố và phát triển động lực tinh thần là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, bản lĩnh và tình cảm cách mạng của toàn dân tộc, của mỗi người dân đất Việt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên và trọng yếu của toàn bộ hoạt động tư tưởng - văn hóa của Đảng là giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao kiến thức rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh, bồi dưỡng, xây dựng phẩm chất và bản sắc cao đẹp của văn hóa dân tộc trong mỗi con người Việt Nam, đồng thời kiên cường chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng và hành vi cơ hội, thực dụng đang có nguy cơ phát triển trong đời sống xã hội, trong bộ máy của cả hệ thống chính trị. Các đồng chí cần nghiên cứu sâu sắc hơn nữa thành tựu và vận dụng những kinh nghiệm quý báu của công tác tư tưởng - văn hóa hơn 70 năm qua trong nhiệm vụ trực tiếp bồi dưỡng, xây dựng và phát triển sức mạnh, các phẩm chất, đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Phối hợp đồng bộ, nhuần nhuyễn

Digitized by Google

các lĩnh vực, các loại hình hoạt động từ tuyên truyền, cổ động đến báo chí, xuất bản, từ giáo dục đến văn hóa, văn nghệ... để tạo nên sức mạnh tổng hợp nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác. Trong điều kiện mới của ngày hôm nay, khi dân trí ngày càng cao, dân chủ ngày càng mở rộng, diện tác động của công tác tư tưởng - văn hóa đang có sự phát triển phong phú, biến động nhiều chiều thì năng lực biết phối hợp, liên kết sức mạnh của tất cả các binh chủng của công tác tư tưởng - văn hóa là một đòi hỏi cao và mới đối với các đồng chí, những người trực tiếp được Đảng giao đảm nhiệm trọng trách làm nòng cốt công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng.

Trong bút tích Di chúc Bác Hồ viết tháng 5-1968, khi nói về kế hoạch xây dựng lại đất nước "đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh", Bác Hồ khẳng định : "Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân". Những lời dặn của Bác Hồ về dựa vào sức mạnh to lớn của nhân dân để nâng cao tính chiến đấu trong công tác tư tưởng, văn hóa trở nên cực kỳ quý báu và cấp thiết đối với công tác của chúng ta hiện nay, khi mà Đại hội IX của Đảng khẳng định : nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Để làm tròn nhiệm vụ đó, công tác tư tưởng - văn hóa phải trực tiếp tham gia tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ta luôn luôn trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, phát huy ưu điểm và nhân tố mới, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực, nhất là bệnh tham nhũng, tệ quan liêu, lãng phí... Ngay sau khi Đại hội IX vừa bế mạc, chúng tôi đã phát biểu rằng, đây là cuộc đấu tranh quyết liệt, rất quyết liệt, vừa cấp bách, vừa cơ bản, là nhân tố quyết định thành công của quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, là yếu tố sống còn đối với vận mệnh của Đảng. Đảng và nhân dân ta, sự nghiệp cách mạng và sự sống còn của chế độ ta đòi hỏi công tác tư tưởng - văn hóa, cùng với tất cả các lĩnh vực công tác khác của Đảng, phải tham gia kiên trì, kiên quyết, chủ động với hiệu quả cao vào công việc rất quan trọng này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta cũng là người luôn luôn chỉ đạo và trực tiếp làm công tác tư tưởng và công tác vận động quần chúng. Trong truyền thống của mình, công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng luôn luôn là của toàn Đảng ; người trực tiếp phụ trách là đồng chí bí thư các cấp ủy đảng. Hoạt động công tác tư tưởng - văn hóa chỉ thực sự đạt kết quả sâu rộng khi toàn Đảng, tất cả cán bộ, đảng viên tham gia trực tiếp, tự giác và tích cực vào công tác này. Cần khắc phục khuynh hướng xuất hiện và có chiều hướng phát triển trong những năm gần đây đó là tình trạng nhiều cán bộ, đảng viên không trực tiếp tham gia làm công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng như là một chức trách của người đảng viên, dù đồng chí đó công tác ở cương vị nào, nghề nghiệp gì. Tôi yêu cầu tất cả các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, các ban cán sự đảng cần quán triệt sâu sắc hơn nhiệm vụ, chức trách này cho từng đảng viên, tạo cho được một bước chuyển biến thực sự từ năm 2001, mọi đảng viên của Đảng phải là chiến sĩ gương mẫu trên mặt trận tư tưởng, trực tiếp tham gia vận động, tổ chức quần chúng trong lĩnh vực công tác của mình, ở nơi làm việc, sinh sống. Tất nhiên, lực lượng giữ vai trò nòng cốt trên mặt trận này là cán bộ của ngành Tư tưởng - Văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Xây dựng đội ngũ này đủ về số lượng, về loại hình và ngành nghề, mạnh về chất lượng, bao gồm những đồng chí kiên định lập trường cách mạng, luôn luôn sáng tạo, giàu tâm huyết, trí tuệ, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn và nghiệp vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân, với đời sống... là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. Tôi đề nghị các

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG *

NGUYỄN KHOA ĐIỀM **

Đại hội lần thứ IX của Đảng là mốc son lịch sử đánh dấu thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam, thời kỳ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói Đại hội toàn quốc lần thứ IX là sự kiện chính trị trọng đại của nước ta ở năm đầu thế kỷ XXI. Đại hội đã đạt được thắng lợi to lớn trên cả ba mặt :

1- Đại hội đã vạch ra phương hướng phấn đấu vừa có tính chiến lược, cơ bản lâu dài, vừa thiết thực, khả thi của cách mạng Việt Nam trong những năm đầu tiên của thế kỷ XXI trên cơ sở tổng kết toàn diện chặng đường đã qua của cách mạng nước ta, phát huy sâu rộng trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân, tạo ra sự nhất trí cao, quyết tâm mạnh mẽ của toàn xã hội.

2- Phát huy thành quả của quá trình xây dựng Đảng hơn 70 năm qua, đặc biệt là Nghị quyết xây dựng và chỉnh đốn Đảng thời gian gần đây, Đại hội đã đánh dấu bước phát triển mới của nhiệm vụ xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; bầu ra cơ quan lãnh đạo Đảng với sự nhất trí cao, tạo tiền đề có ý nghĩa cho công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới.

3- Đại hội là hình ảnh đoàn kết chiến đấu mới của các Đảng Cộng sản và phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Đảng và nhân dân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, động viên nhân dân ta vươn lên làm tròn nhiệm vụ lịch sử của mình trước dân tộc và thời đại.

Có thấy hết những khó khăn của tình hình chung và những vấn đề phức tạp mà một Đại hội phải giải quyết, mới thấy thắng lợi của Đại hội có ý nghĩa đặc biệt đối với tiến trình cách mạng Việt Nam. Đại hội IX đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình, thực sự là Đại hội Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới.

Không ai có thể nghi ngờ về kết quả Đại hội. Cán bộ, đảng viên, toàn thể nhân dân ta và bạn bè trên thế giới đều chăm chú theo dõi, thực sự vui mừng, tự hào về thành công của Đại hội IX và Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh. Thắng lợi của Đại hội IX mở ra *thời cơ mới*, những *trách nhiệm mới* cho những người làm công tác tư tưởng, cho tất cả những ai quan tâm đến sự tiến bộ tinh thần trong xã hội ta.

Hội nghị công tác Tư tưởng - Văn hóa toàn quốc lần này được soi sáng bởi những tư tưởng và bầu không khí cách mạng của Đại hội IX, sẽ là hội nghị triển khai Nghị quyết Đại hội trên giác độ trách nhiệm của người làm công tác tư tưởng. *Điều trước hết là phải lĩnh hội, nắm bắt* những tổng kết lý luận và thực tiễn phong phú của Đảng thể hiện qua văn kiện Đại hội IX của Đảng. Cần phải có những lớp nghiên cứu, học tập sâu mới nắm hết những vấn đề đặt ra ở Đại hội Đảng lần này. Ở đây tôi chỉ nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản :

Thứ nhất là : *Ở thời điểm thế kỷ mới*, Đại hội IX của Đảng đã có cái nhìn toàn diện, *tổng kết những thành tựu* có ý nghĩa lịch sử của Đảng và dân tộc trong thế kỷ XX, những bài học của 15 năm đổi mới, những thành tựu của thực hiện chiến lược 10 năm và nhiệm kỳ kế hoạch 5 năm vừa qua, nhận rõ những khuyết điểm, yếu kém, những nguy cơ và thách thức đối với cách mạng nước ta nẩy sinh từ thực tiễn đất nước và quá trình toàn cầu hóa, âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, đã *khẳng định quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

---

* Bài phát biểu tại Hội nghị công tác tư tưởng - văn hóa toàn quốc

** Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

Digitized by Google

Chúng ta có quyền tin rằng những tổng kết đó có ý nghĩa *to lớn với cách mạng nước ta* và một đóng góp *quan trọng vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới.*

Kế thừa định hướng chỉ đạo của các đại hội Đảng trước đây, Đại hội Đảng lần này tiếp tục xác định nhiệm vụ *kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt ;* động viên nhân dân ta phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội tiếp tục khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Động viên nhân dân phấn đấu **đến năm 2020** cơ bản nước ta phải trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đến năm 2010 : đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tổng sản phẩm trong nước tăng ít nhất gấp hai lần so với năm 2000, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50%.

Đến năm 2005 : đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đạt mức tăng trưởng 7,5%/năm.

Để chuyển một nước trong tình trạng nước nghèo, kém phát triển sau 10 năm thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, sau 20 năm là *một nước công nghiệp theo hướng hiện đại,* đòi hỏi đặt ra *trong chỉ đạo* là *"nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới".*

Muốn phát triển mạnh mẽ, tiến nhanh và vững chắc, Đảng ta đề ra yêu cầu *"phát huy sức mạnh toàn dân tộc"*, phải phát huy động lực đoàn kết toàn dân. Sự tìm kiếm mới này trên phương diện thực tiễn và lý luận có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu ta phát huy được động lực cách mạng này thì chúng ta đẩy nhanh sự nghiệp xây dựng Tổ quốc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần cùng loài người giải đáp một câu hỏi đặt ra trong thời kỳ mới là : *"làm thế nào để thế giới đang phát triển có thể đáp ứng quá trình toàn cầu hóa mà vẫn mạnh về xã hội, chính trị và kinh tế"* đây là câu hỏi mà bạn bè thế giới đặt ra mong Đảng ta sẽ là người giải đáp bằng thực tiễn cách mạng của mình. Chưa bao giờ trách nhiệm của Đảng trước vận mệnh dân tộc và nghĩa vụ với loài người lại to lớn, sâu sắc như thế.

Quán triệt trách nhiệm to lớn đó và truyền đến mọi người niềm tin hành động thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng chắc chắn là nhiệm vụ lớn trong nhiều năm của các cơ quan và những cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa chúng ta. Những cơ quan tư tưởng chúng ta cần chủ động nghiên cứu sâu sắc Nghị quyết của Đảng, xây dựng Chương trình hành động thích đáng và khả thi.

Thứ hai là : Để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, những người làm công tác tư tưởng có thể làm gì để góp phần *"phát huy sức mạnh toàn dân tộc"* cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ? Có thể làm gì để thúc đẩy *"động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân" ?* Trả lời được câu hỏi này là thực hiện một khâu quan trọng trong công tác tư tưởng hiện nay. Nội dung của nó chính là : Nâng cao tính tích cực chính trị - xã hội của mọi công dân, của tất cả các tầng lớp nhân dân. Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, quyết tâm đưa nước ta thoát khỏi nước nghèo và kém phát triển. Giữ gìn quan hệ cộng đồng, ổn định chính trị xã hội. Khắc phục sự phân hóa, bất bình đẳng xã hội không đáng có, kết hợp hài hòa các lợi ích. Khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng nhưng đồng thời không quên người nghèo, người gặp hoạn nạn. Đấu tranh chống lại những trở lực, tiêu cực xã hội, những âm mưu thù địch làm suy giảm động lực đại đoàn kết toàn dân, cản trở việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Mặt khác phải chăm lo bồi dưỡng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, đoàn kết tập hợp mọi người chung quanh những nhân tố tiến bộ, cách mạng, tạo ra khí thế cách mạng ngày càng cao trong xã hội.

Xây dựng nhiệt tình, duy trì động lực, giữ gìn khí thế chính trị của nhân dân là nghệ thuật lớn trong sự nghiệp cách mạng. Đại hội IX đã mở ra tình cảm, khí thế mới, thời cơ mới. Đây là cơ hội để hoạt động tư tưởng của Đảng đẩy tới phong trào rộng lớn thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội IX.

Để làm tốt nhiệm vụ này, *phải đổi mới phương thức công tác tư tưởng,* thực sự là *công tác vận động quần chúng* của Đảng. Phải xuất phát từ thực tiễn, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc về nhận thức và việc làm ; huy động toàn thể nhân dân làm công tác tư tưởng dưới sự chỉ đạo của hệ thống tuyên truyền của Đảng. Thực hiện sự liên kết rộng lớn, trở thành mặt trận tư tưởng thực sự thống nhất mà không giảm đi sự phong phú đa dạng. Gắn công tác tư tưởng với công tác văn hóa, mở rộng "phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Thứ ba là : *Toàn bộ công tác tư tưởng chỉ có thể thực sự thành công khi chúng ta quyết giương cao ngọn cờ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Toàn cầu hóa, cơ chế thị trường, thủ đoạn diễn biến hòa bình, chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội..., từng giờ, từng phút tấn công vào trận địa tư tưởng, làm xói mòn những giá trị tốt đẹp của thế giới quan, nhân sinh

Digitized by Google

quan, những truyền thống văn hóa, tinh thần lâu đời của dân tộc. Cùng với xuất phát điểm rất thấp của ta về kinh tế đã làm tăng thêm tính nghiêm trọng của 4 nguy cơ, trong đó đáng lưu ý nguy cơ tụt hậu kinh tế và tham nhũng.

Chúng ta đang chứng kiến sự sa sút, băng hoại của nhiều chuẩn giá trị xã hội từng là niềm tự hào chính đáng của nhân dân. Ngay cả văn bằng, học vị, cũng đang bị tầm thường hóa, bị thương mại hóa trong cơ chế thị trường.

Nạn tham nhũng, quan liêu, lãng phí, vô tổ chức vô kỷ luật, bè cánh, lộng quyền ăn sâu vào guồng máy của chúng ta.

Các biểu hiện sa sút tinh thần như *mê tín dị đoan* đến mức mù quáng, *tâm lý dân tộc hẹp hòi* đang nẩy sinh trong một bộ phận không nhỏ nhân dân.

Sự hung hăng của một số phần tử chống đối về chính trị, tư tưởng, có sự hậu thuẫn của bọn phản động quốc tế.

Những tác động thông tin, tuyên truyền, văn hóa từ bên ngoài khá tinh vi, trắng trợn vào nhiều đối tượng nhân dân ta, nhất là lớp trẻ.

Tình hình trên buộc chúng ta phải có sự tập hợp chặt chẽ hơn nữa, kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, triển khai cuộc đấu tranh nhằm đẩy lùi các tư tưởng sai trái, lạc hậu, xa lạ với chủ nghĩa xã hội và truyền thống dân tộc, giành phần thắng cho lý tưởng và nhân sinh quan cách mạng, nâng cao đạo lý dân tộc Việt Nam. Phải kiên quyết khắc phục tâm lý làm giàu bằng mọi cách, coi thường các giá trị đạo đức tinh thần, hạ thấp yêu cầu tư tưởng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, không gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Để thực sự giương cao ngọn cờ tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới chúng ta phải nỗ lực để trong một thời gian ngắn phải :

1- Tăng cường hoạt động lý luận, củng cố các cơ quan lý luận ; thông qua tổng kết thực tiễn và lý luận làm sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ; tháo gỡ những vướng mắc lý luận hiện nay trong nhiều chính sách, chủ trương cụ thể.

2- Làm chủ được dư luận thông qua củng cố, tăng cường chất lượng hoạt động thông tin, báo chí. Làm sao cho mỗi tờ báo là một cơ quan tư tưởng mà nhân dân yêu mến, đảng bộ tin cậy.

3- Nâng cao trình độ làm công tác tư tưởng của các cấp ủy đảng và các ban tuyên giáo tham mưu cho cấp ủy. Tạo được quyền uy của công tác tư tưởng trong thúc đẩy mọi mặt đời sống nhờ gắn tư tưởng với luật pháp, tổ chức, cán bộ, với khoa học công nghệ hiện đại. Hoạt động tư tưởng của Đảng phải bắt đầu ngay từ xây dựng luật pháp, hoạch định chính sách, trước hết là các chính sách kinh tế, văn hóa xã hội.

4- Tổ chức việc học tập, nâng cao trình độ lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên. Phấn đấu đạt chỉ tiêu : từ nay đến năm 2005 phần lớn cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên môn.

Thứ tư là : Góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức trên giác độ trách nhiệm của người làm công tác tư tưởng.

Người làm công tác tư tưởng có thể góp phần tích cực của mình xây dựng Đảng vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Mới cách đây mấy ngày Hội Nhà báo Việt Nam, một binh chủng của công tác tư tưởng đã tổ chức tốt cuộc hội thảo về báo chí tham gia xây dựng Đảng. Chúng tôi cho rằng những người cán bộ, đảng viên trong khối các cơ quan tư tưởng vốn có liên hệ rộng rãi với các tầng lớp nhân dân, lắng nghe nhiều nguyện vọng, tâm tư nhân dân, rất có khả năng, điều kiện tham gia xây dựng Đảng. Trước mắt cần tham gia thực hiện tổng kết cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tiếp tục triển khai cuộc vận động trong những năm tới - Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí trên hệ thống thông tin đại chúng. Làm sống động lại đời sống chính trị tư tưởng của các đảng ủy, chi bộ cơ sở. Thu hút mọi đảng viên vào chương trình hành động, rèn luyện tích cực. Các cơ quan tư tưởng cũng phải nghiêm túc khắc phục các khuyết điểm, yếu kém của mình, bồi bổ những phẩm chất, năng lực mới.

Nghiên cứu tất cả các văn bản khá phong phú trong Hội nghị tổng kết lần này tôi thực sự vui mừng và tự hào về quy mô công việc cũng như chất lượng hoạt động mà ngành tư tưởng - văn hóa đã phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng. Tôi nghĩ rằng lời biểu dương của đồng chí Tổng bí thư là rất thích đáng và quý báu đối với hoạt động tư tưởng của chúng ta trong năm qua. Về phần mình được Trung ương phân công làm công tác tư tưởng ngay sau Đại hội, lại được gặp đông đủ các đồng chí chủ chốt làm công tác tư tưởng qua nhiều thời kỳ của Đảng tôi rất xúc động, tôi rất mong được cộng tác và giúp đỡ của tất cả các đồng chí trong ngành tư tưởng - văn hóa, cùng nhau khắc phục khó khăn, yếu kém, phát huy thành tựu và tiến bộ đạt được, đưa công tác tư tưởng của Đảng phát triển kịp với yêu cầu chung của toàn Đảng và đất nước, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. ❑

Digitized by Google

PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ NĂM 2001, TẠO BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI NGAY TỪ NĂM ĐẦU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG

NGUYỄN TẤN DŨNG

Lời BBT. - *Dưới đầu đề nêu trên, tại phiên họp khai mạc kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa X, ngày 22-5-2001, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã trình bày báo cáo của Chính phủ. Bản báo cáo gồm hai phần : 1) Đánh giá tổng quát tình hình kinh tế - xã hội năm 2000 và những tháng đầu năm 2001. 2) Một số giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện.*

Về tình hình năm 2000, Phó Thủ tướng nói : So với số ước tính đã trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, tháng 11 năm 2000, thì số liệu cả năm về các chỉ tiêu chủ yếu có một số thay đổi, nhưng mức độ không lớn và phần nhiều là theo chiều hướng tốt hơn.

Qua số liệu cập nhật cả năm, các chỉ tiêu về tăng trưởng sản xuất và xuất khẩu, về thu ngân sách nhà nước, về giảm tỷ lệ hộ nghèo đói và giảm tỷ lệ sinh, về tạo việc làm mới và đào tạo nghề đều bằng hoặc khá hơn mức ước tính đã trình kỳ họp trước của Quốc hội ; riêng chỉ số giá tiêu dùng ước tính tăng 1%, nhưng thực tế đã giảm 0,6%, làm đậm nét hơn diễn biến bất lợi về giá cả và sức mua, nhưng về cơ bản, những nhận định tổng quát nêu trên vẫn phản ánh đúng tình hình thực tế năm 2000.

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2001 trong mấy tháng đầu năm, Phó Thủ tướng nêu rõ :

Mặc dù *tình hình kinh tế* còn nhiều khó khăn, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực đang suy giảm, thị trường tiêu thụ bị co hẹp và giá nông sản trên thế giới giảm mạnh, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu khai thác tiềm năng, khắc phục trở ngại, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tiếp tục phát huy được đà tăng trưởng kinh tế trong những tháng đầu năm 2001. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I tăng 7,2%, ước tính 6 tháng đầu năm có thể tăng 7,3% ; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, vụ đông - xuân được mùa ; trong 5 tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp tăng 14%, dịch vụ tăng 6,9%, kim ngạch xuất khẩu tăng 16,2%. Những lĩnh vực có mức tăng vượt trội là một số sản phẩm công nghiệp, xuất khẩu thủy sản, rau quả, du lịch quốc tế ; kinh tế dân doanh phát triển với số doanh nghiệp mới tiếp tục tăng nhanh ; các khu công nghệ cao và công nghiệp phần mềm được xây dựng bước đầu ; đầu tư nước ngoài có bước chuyển biến tích cực ; thu ngân sách đạt khá cao, giảm thấp bội chi ngân sách... Nhưng, mặt khác, những yếu kém và khó khăn mới cũng bộc lộ, nổi lên là khó khăn về thị trường tiêu thụ, xuất khẩu nông sản và một số hàng công nghiệp chế biến ; chỉ số giá (cả chỉ số giá tiêu dùng và chỉ số giá GDP) giảm ở mức thấp nhất từ hàng chục năm nay, đi liền với sự giảm sút thu nhập và sức mua của nông dân ; đầu tư trong toàn xã hội, nhất là đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước, đạt mức thấp so với kế hoạch.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Digitized by Google

Nhìn chung lại, tuy việc thực hiện nhiệm vụ năm 2001 đã thu được những kết quả tích cực trong mấy tháng đầu năm, song mức tăng trưởng kinh tế đạt được còn thấp so với mục tiêu đề ra cho cả năm ; tình hình xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc. Nhiệm vụ còn lại rất nặng nề, đòi hỏi phải nỗ lực phấn đấu quyết liệt hơn trong những tháng tới.

Về một số giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện sắp tới, Phó Thủ tướng khẳng định lại những chủ trương và giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội và được nêu trong Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2001.

Đồng chí nói :

Trong báo cáo này, tôi xin không nêu lại toàn bộ các giải pháp mà chỉ nhấn mạnh và đề cập thêm một số biện pháp để giải quyết những vấn đề bức xúc theo phương hướng phát triển cơ bản, lâu dài được đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

1. HỖ TRỢ NÔNG DÂN KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN TRƯỚC MẮT VỀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG.

1.1. Bổ sung một số biện pháp cấp bách trợ giúp nông dân trước tình hình tiêu thụ nông sản khó khăn và giá nông sản xuống thấp.

Từ đầu năm tới nay, Chính phủ đã áp dụng một số chính sách và biện pháp, như mua tạm trữ 1 triệu tấn gạo và 15 vạn tấn cà phê nhân ; thưởng và trợ giá xuất khẩu cho gạo, cà phê, thịt, rau quả... ; miễn thuế nhập khẩu phân đạm ; cho hộ nông dân gia hạn nộp thuế sử dụng đất ; giãn hoãn nợ vay cũ, tiếp tục cho vay mới và tăng tín dụng ưu đãi cho nông dân, cho hộ nghèo và doanh nghiệp xuất khẩu... Những biện pháp trên đã góp phần thiết thực giảm bớt phần nào khó khăn cho nông dân, ngăn chặn sự xuống giá quá mức của nông sản ; giá một số nông sản bắt đầu nhích lên. Thời gian tới, sẽ bổ sung thêm một số biện pháp dưới đây :

Kéo dài thời gian tạm trữ 1 triệu tấn gạo từ 6 tháng lên 1 năm và cho phép các doanh nghiệp mua tạm trữ gạo và cà phê được luân chuyển xuất khẩu và mua bù vào phần đã xuất ; ngân sách nhà nước cấp cho doanh nghiệp toàn bộ lãi suất vay ngân hàng để mua tạm trữ. Các doanh nghiệp mua theo giá để nông dân ít bị thua thiệt ; khi xuất khẩu mà giá thị trường thế giới xuống thấp hơn giá mua thì Nhà nước có biện pháp bù đắp thiệt hại.

Ngoài chế độ thưởng xuất khẩu theo quy định hiện hành, những mặt hàng xuất khẩu bị thua thiệt nhiều do biến động bất lợi về giá và thị trường tiêu thụ được bù đắp một phần bằng hình thức thưởng theo tỷ lệ phần trăm trên kim ngạch xuất khẩu đã thực hiện của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ; mức thưởng phân biệt theo mặt hàng, được áp dụng ngay cho gạo, cà phê, rau quả, thịt lợn và sẽ xem xét thêm một số mặt hàng khác.

Ngoài việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Luật định cho những nơi bị thiên tai, mất mùa, gia đình chính sách, năm nay do giá nông sản giảm mạnh, sau khi báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ chủ trương miễn loại thuế này cho tất cả các hộ nghèo ở các vùng và cho tất cả các hộ ở các xã đặc biệt khó khăn [1] ; các hộ nông dân trồng lúa, cà phê không thuộc diện miễn nêu trên được giảm 50%. Chính sách này áp dụng cho năm 2001. Ngân sách trung ương cấp bù cho ngân sách địa phương phần hụt thu do chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp nói trên.

Các biện pháp trên đây nhằm trợ giúp bà con nông dân giảm bớt khó khăn, bù đắp một phần thua thiệt song phải gắn liền với các giải pháp cơ bản lâu dài, tạo mọi điều kiện chuyển dịch nhanh cơ cấu sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, bảo đảm sự phát triển bền vững, hiệu quả trong nông nghiệp.

1.2. Triển khai thực hiện các biện pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Những khó khăn, thua thiệt về tiêu thụ nông sản đã bộc lộ rõ chỗ yếu cơ bản của nền nông nghiệp nước ta là sản xuất chưa bám sát nhu cầu của thị trường và sản phẩm còn kém sức cạnh tranh cả về chất lượng và giá cả.

---

(1) hộ nghèo được xác định theo chuẩn mới áp dụng từ năm 2001 ; các xã đặc biệt khó khăn được xác định theo chương trình 135

Digitized by Google

Để hướng dẫn và hỗ trợ nông dân chuyển dịch cơ cấu sản xuất phù hợp với nhu cầu của thị trường, trước hết Nhà nước cần điều chỉnh quy hoạch tổng thể về sử dụng đất. Trên cơ sở bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, các bộ chức năng cùng với các tỉnh có kế hoạch chuyển diện tích lúa ở những nơi sản xuất không hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản hoặc cây, con khác có thị trường tiêu thụ ; thực hiện tốt quy hoạch lúa - tôm ở đồng bằng sông Cửu Long ; phát triển nhanh các cây, con cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, như bông, dâu tằm, thuốc lá, ngô, đậu tương và sản phẩm làm dầu ăn, bột giấy, nuôi bò sữa v.v... ; không trồng mới cây cà phê vối và chuyển một phần diện tích cà phê vối sang trồng cà phê chè ở các vùng có điều kiện. Đánh giá lại hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường, có phương án thích hợp để sử dụng tốt nhất tài nguyên đất đai và phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn.

Nhà nước bổ sung thêm vốn đầu tư và có biện pháp thiết thực đổi mới tổ chức và hoạt động của các Viện nghiên cứu nông nghiệp, phát huy đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ trong nông nghiệp ; đặc biệt chú trọng phát triển các trung tâm giống, bảo đảm các điều kiện cơ bản để chọn lọc, lai tạo và nhân các loại giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm cao ; quy định chính sách nhập khẩu giống và có biện pháp kiểm định. Sớm hoàn thiện và triển khai thực hiện chương trình công nghệ sinh học, chương trình công nghệ sau thu hoạch, chương trình phát triển một số cây công nghiệp, chăn nuôi lợn, bò sữa... ; thiết thực giúp nông dân áp dụng giống mới, kỹ thuật mới, bảo đảm các dịch vụ thú y và bảo vệ thực vật. Tích cực phòng, chống thiên tai, bảo đảm thông tin kịp thời về biến động của thời tiết, đi đôi với thực hiện một chương trình đồng bộ về điều chỉnh thích hợp cơ cấu cây trồng, mùa vụ và địa bàn dân cư, bảo vệ sản xuất và đời sống nhân dân, hạn chế sự tàn phá của bão lụt, hạn hán, sâu bệnh...

Về cơ chế tín dụng, cùng với việc cho nông dân vay không có thế chấp theo quy định hiện hành, giảm lãi suất cho vay của Ngân hàng phục vụ người nghèo ; ngân sách nhà nước bổ sung thêm vốn điều lệ và cấp thêm phần bù lãi suất để tăng nhanh dư nợ tín dụng cho người nghèo [2]. Ban hành quy chế để thực hiện các hình thức bảo lãnh tín dụng cho nông dân có thể vay đầu tư lớn hơn, đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch và phát triển sản xuất (như quy chế phối hợp giữa ngân hàng thương mại với Quỹ hỗ trợ phát triển trong bảo lãnh tín dụng ; thành lập các quỹ bảo lãnh ở các hiệp hội hoặc hợp tác xã, được Nhà nước cho vay ưu đãi làm vốn ban đầu ; các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản bảo lãnh cho nông dân có quan hệ hợp đồng với mình vay tín dụng ở ngân hàng...). Rút kinh nghiệm, bổ sung quy chế để đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi lãi suất sau đầu tư đối với những lĩnh vực cần khuyến khích.

Thực tiễn cho thấy cách chỉ đạo sản xuất theo lối hành chính khó có thể hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp với nhu cầu của thị trường và phát huy được lợi thế của từng vùng. Để chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, nhất thiết phải tổ chức tốt việc thông tin, dự báo thị trường cho nông dân và quan trọng hơn nữa là phải phát triển mạnh thị trường trực tiếp của nông dân là các hợp tác xã và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế kinh doanh các loại hàng nông sản (kể cả chế biến và xuất khẩu). Khuyến khích các doanh nghiệp này hợp đồng với nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, gắn với sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật... để không ngừng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Các chương trình phát triển cây, con phải gắn với các Tổng công ty kinh doanh, chế biến sản phẩm và có hợp đồng liên kết chặt chẽ với hộ nông dân và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác. Trên cơ sở tổng kết một số mô hình liên kết đã có kết quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về việc bán cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp nhà nước chế biến nông sản cho người trồng và bán nguyên liệu ; cần triển khai thực hiện tốt chủ trương này. Bổ sung chính sách khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thành lập doanh nghiệp, phát triển nhanh các khu công nghiệp nhỏ và các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn, thu hút nhiều lao động.

---

(2) giảm lãi suất từ 7,2 đến 8,4% xuống 5,4 đến 6%. Số dư tín dụng cho hộ nghèo tăng 30% so với năm 2000

Digitized by Google

Khẩn trương hoàn thành việc tổng kết thực hiện Luật Hợp tác xã, tháo gỡ khó khăn, xử lý các tồn tại cũ, bổ sung chính sách khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nhất là ở nông thôn.

Trong mối quan hệ giữa sản xuất và chế biến, tiêu thụ nông sản, các hình thức đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp là một biện pháp quan trọng đưa nông nghiệp nước ta tiếp cận với thị trường quốc tế và công nghệ tiên tiến, hiện đại. Cần tháo gỡ những vướng mắc để khắc phục tình trạng trì trệ hiện nay, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là tiêu thụ và chế biến nông sản.

Tuy đã có bước đổi mới, nhưng cơ chế và tổ chức xuất khẩu nông sản, trước hết là thóc gạo, vẫn còn nhiều vướng mắc, gây nhiều thua thiệt. Cần khẩn trương xây dựng phương án giải quyết một cách căn bản, lâu dài từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến, xuất khẩu và có biện pháp ứng phó khi thị trường, giá cả biến động bất lợi. Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổng kết, xây dựng và thực hiện phương án với chức năng của một bộ chịu trách nhiệm chính về công tác quản lý nhà nước đối với toàn bộ quá trình sản xuất, lưu thông, chế biến, xuất khẩu nông sản, khắc phục sự tách rời giữa sản xuất với thị trường trong công tác quản lý nhà nước.

1.3. Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn, phát huy hiệu quả thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Trong dịp soát xét và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vào giữa năm, Chính phủ và chính quyền địa phương tăng mức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn nhằm phục vụ sản xuất và đời sống, tạo thêm việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn, kích cầu cả trong đầu tư và tiêu dùng.

Hướng đầu tư cần bám sát yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng cho nghề nuôi thủy sản, cho phát triển các làng nghề, các khu công nghiệp nhỏ ở nông thôn và cho sự hình thành vùng chuyên canh... Cùng với giao thông, thủy lợi và công trình y tế, giáo dục phổ thông, cần chú ý đầu tư cơ sở đào tạo nghề và nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới, giống mới, nhất là miền núi. Ngoài nguồn vốn ngân sách, mở rộng việc áp dụng cơ chế tín dụng ưu đãi để đẩy mạnh xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có thể thu hồi vốn.

Phát huy kết quả thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, Chính phủ sẽ bổ sung thêm vốn đầu tư, tập trung cho những xã đặc biệt khó khăn để xây dựng kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đồng thời nhân rộng những cách làm tốt để sử dụng nguồn vốn này đúng mục đích và có hiệu quả.

Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn được phân cấp cho chính quyền địa phương và phải sử dụng tối đa nhân công tại chỗ. Ban hành quy chế bảo đảm vai trò của Hội đồng nhân dân trong quyết định đầu tư, giám sát việc thực hiện và công khai cho dân kiểm tra. Cấp tỉnh, huyện tăng cường hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra và phát huy vai trò chủ động của chính quyền xã để sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước, kết hợp với huy động sức dân trong xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng.

2. TIẾP TỤC THÁO GỠ KHÓ KHĂN VÀ TẠO THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH.

2.1. Tạo điều kiện phát triển cho mọi loại hình doanh nghiệp.

- Tiếp tục *thi hành nghiêm Luật Doanh nghiệp*, bãi bỏ tiếp các giấy phép trái Luật và không cần thiết, ban hành các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc thành lập và quản lý doanh nghiệp ; đồng thời rà soát lại các thể chế, chính sách đối với doanh nghiệp, xóa bỏ những trở ngại, bổ sung những quy định mới có tác dụng khuyến khích mạnh hơn nữa sản xuất kinh doanh và tiến đến một cơ chế chung cho các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Trước mắt, rà soát, loại bỏ những quy định bất hợp lý làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh. Kiểm tra, xử lý nghiêm những cơ quan nhà nước

Digitized by Google

và cán bộ làm sai pháp luật, cố tình gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp.

Sơ kết việc thi hành Nghị định về *khuyến khích đầu tư trong nước*, bổ sung những quy định cần thiết và tăng cường chỉ đạo để bảo đảm hiệu lực thực hiện. Hoàn chỉnh và ban hành Nghị định về *doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Chính phủ đã trình Quốc hội dự thảo *sửa đổi một số điều của Luật Đất đai* theo hướng phân cấp mạnh hơn cho chính quyền địa phương về thẩm quyền giao đất và cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, định giá đất, giảm bớt các thủ tục về giao đất, cho thuê đất.

- *Khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu* là một hướng ưu tiên trong điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2001. Cùng với việc chỉ đạo thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005, Chính phủ sẽ sửa đổi quy định nhằm khuyến khích các doanh nghiệp được xuất khẩu các loại hàng hóa mà pháp luật không cấm, không phụ thuộc vào ngành, nghề đăng ký kinh doanh. Bổ sung các quy định và triển khai thực hiện sớm cơ chế tín dụng ưu đãi và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, hỗ trợ bán hàng trả chậm qua Quỹ hỗ trợ phát triển ; cơ chế gửi bán hàng tại kho ngoại quan nước ngoài ; quy định hợp lý các hình thức hoa hồng trong giao dịch xuất khẩu ; cho phép các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu bằng nguyên liệu nhập khẩu được kéo dài thời hạn nộp thuế phù hợp với chu kỳ sản xuất ; hỗ trợ để sớm hình thành các Quỹ bảo hiểm xuất khẩu của các Hiệp hội ngành hàng.

Khắc phục tình trạng thiếu phối hợp giữa hải quan và các cơ quan chức năng quản lý hàng xuất, nhập khẩu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Hàng xuất khẩu theo hợp đồng không phải qua kiểm tra chất lượng ở cửa khẩu ; kiểm tra và xử lý nghiêm những hành vi sách nhiễu đối với hàng xuất khẩu trên đường vận chuyển. Bên cạnh việc thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, có chính sách hạn chế nhập khẩu những loại hàng hóa trong nước đã sản xuất được. Tiếp tục đẩy mạnh chống buôn lậu, gian lận thương mại, làm hàng giả ; chấn chỉnh việc nhập khẩu ô-tô, xe máy.

Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành có liên quan và các hiệp hội doanh nghiệp lập đề án huy động và tập trung các nỗ lực để duy trì và phát triển thị trường truyền thống, thâm nhập thị trường mới, tìm đối tác mới. Sử dụng Quỹ thưởng xuất khẩu để hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong hoạt động phát triển thị trường, xúc tiến thương mại ở nước ngoài. Bộ Ngoại giao tiến hành đàm phán với các nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam nhập cảnh và hoạt động ở thị trường nước ngoài. Tăng khả năng truy cập In-tơ-nét và giảm giá cước để mở rộng nhanh việc sử dụng của các doanh nghiệp. Phát huy vai trò của các hiệp hội, đặc biệt là về thông tin tiếp thị, bảo lãnh tín dụng.

- *Đổi mới cơ chế tín dụng cho doanh nghiệp*, tách biệt tín dụng thương mại với tín dụng theo chính sách ; nâng cao trách nhiệm và quyền tự chủ kinh doanh của ngân hàng thương mại, thực hiện cơ chế lãi suất tín dụng phù hợp với cung cầu về vốn trên thị trường, có tác dụng kích cầu đầu tư và tiêu dùng ; phát triển các hình thức bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tương tự như phương thức áp dụng đối với hộ nông dân. Đẩy nhanh việc chấn chỉnh tổ chức, nâng cao năng lực và mở rộng hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại, khắc phục cho được tình trạng doanh nghiệp và dân cư phải vay vốn ngoài ngân hàng với lãi suất rất cao trong khi các ngân hàng thừa vốn. Nhà nước hỗ trợ vốn để xử lý các khoản nợ không có khả năng hoàn trả do nguyên nhân khách quan, bổ sung các biện pháp cần thiết để làm lành mạnh tình hình tài chính của các ngân hàng thương mại. Kết hợp các giải pháp về chính sách tiền tệ để hạn chế thua thiệt và nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu ; huy động thêm vốn nhàn rỗi (cả nội tệ và ngoại tệ) và đưa được nhiều hơn vào đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Trong năm nay, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cùng các bộ quản lý sản xuất phải tổng kết các mô hình liên kết khoa học, công nghệ với các cơ sở sản xuất, chú ý kinh nghiệm của các doanh nghiệp có sản phẩm chất lượng cao được người tiêu dùng bình chọn ; qua đó có biện pháp thiết thực thúc đẩy việc đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất và quản lý, nâng cao năng lực cạnh

Digitized by Google

tranh của doanh nghiệp gắn với nâng cao năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ.

Tiếp tục chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp vẫn là một yêu cầu bức xúc. Đi đôi với việc chỉ đạo thực hiện Nghị định ban hành năm 1999 về cải tiến một bước công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã giao Văn phòng Chính phủ cùng với Tổng Thanh tra Nhà nước nghiên cứu và tập hợp ý kiến rộng rãi để đề xuất các giải pháp cần thiết nhằm đổi mới căn bản công tác này và khắc phục tình trạng hình sự hóa các quan hệ dân sự trong hoạt động của doanh nghiệp, kể cả việc kiến nghị sửa đổi những quy định không còn phù hợp trong hệ thống pháp luật.

Sắp tới, Thủ tướng Chính phủ sẽ tổ chức đối thoại với đại diện cộng đồng doanh nghiệp để thúc đẩy giải quyết cụ thể những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo môi trường thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tận lực phát triển sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

2.2. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Hoàn thiện đề án sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước để trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Tiếp tục chấn chỉnh và tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh ; ban hành Nghị định chuyển các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ; nghiên cứu đổi mới đồng bộ cơ chế tài chính doanh nghiệp ; trước mắt giảm tỷ lệ thu trên vốn nhà nước giao cho doanh nghiệp[3] để doanh nghiệp có thêm điều kiện đầu tư phát triển. Phê duyệt Chiến lược phát triển và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 của các Tổng công ty 90, 91, xử lý các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các tổng công ty đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng và vươn lên chi phối những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Rút kinh nghiệm và sửa đổi Nghị định 44, xử lý những vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn, đồng thời xây dựng cơ chế quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp loại nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ, không cổ phần hóa được ; bổ sung quy định về cho phá sản doanh nghiệp nhà nước để áp dụng với những doanh nghiệp bị thua lỗ kéo dài mà không xử lý được bằng các hình thức nêu trên.

2.3. Hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp theo kịp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Sự phát triển của nền kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp trong thời gian tới phải đặt trong điều kiện mới của tiến trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại đi đôi với tăng cường khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX.

Chính phủ tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường bên ngoài, theo kịp tiến trình thực hiện các cam kết song phương và đa phương về tự do hóa thương mại và đầu tư, trước hết là chuẩn bị tốt cho sự tham gia đầy đủ vào AFTA. Đồng thời, tích cực chuẩn bị và xúc tiến các vòng đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đối với Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, thái độ nhất quán của chúng ta là hiệp định này có lợi cho cả hai bên, cần được phê chuẩn sớm ; mọi sự trì hoãn và gắn kết với các vấn đề khác chỉ gây thiệt hại cho các doanh nghiệp và cho sự phát triển quan hệ bình thường giữa hai nước.

Xây dựng lộ trình hình thành mặt bằng chung về giá, phí và thuế cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Tiếp tục giảm dần chênh lệch, tiến tới áp dụng cơ chế giá chung cho đầu tư trong nước và nước ngoài. Trong năm 2001, xem xét giảm giá cước viễn thông, thống nhất một số loại giá và phí, như giá điện, nước, phí đăng kiểm phương tiện cơ giới, phí cảng biển... và cải tiến thủ tục hành chính nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng sức cạnh tranh. Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo sửa đổi Pháp lệnh về thuế thu nhập cao đối với cá nhân, nhằm tăng tính

(Xem tiếp trang 18)

(3) giảm từ 0,5%/tháng xuống 0,2 - 0,3%/tháng, áp dụng từ tháng 01 năm 2001

Digitized by Google

ĐẠI HỘI TRÍ TUỆ

VĂN TẠO *

Thành công của Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng là thành công của TRÍ TUỆ VIỆT NAM ở giữa hai thế kỷ, giữa hai thiên niên kỷ

Đại hội đã như "Một Diên Hồng lịch sử" trong thời đại mới, vừa *đúc kết những tinh hoa trí tuệ* của dân tộc và của Đảng lãnh đạo trong *thế kỷ XX* - thế kỷ của chiến đấu và chiến thắng, vừa *phát huy trí tuệ* để bước vào thế kỷ mới với tinh thần *"dân chủ, đoàn kết, đổi mới"*, vững bước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền **văn minh trí tuệ** trong thế kỷ XXI. Đúng như Báo cáo Chính trị tại Đại hội đã nêu rõ : "Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới" (1).

Đại hội là thành quả tổng hợp của trí tuệ toàn Đảng, toàn dân, biểu hiện trong hàng vạn ý kiến gửi lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Tiểu ban Văn kiện Đại hội cùng hàng triệu ý kiến, kể cả của nhân dân trong nước lẫn kiều bào ta ở nước ngoài, đăng trên các báo Đảng từ trung ương đến hơn 60 tỉnh, thành trong cả nước.

Trí tuệ của Đại hội thể hiện thành các chủ trương, đường lối được toàn thể Đại hội nhất trí và quyết tâm thực hiện. Trong các chủ trương đó, có chủ trương *từng bước phát triển kinh tế tri thức*, một chủ trương này có ý nghĩa đặc biệt, mang tính thời đại sâu sắc.

Chủ trương này thực tế đã được chuẩn bị từ những năm đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX. Nếu ở một số nước phát triển trên thế giới, nền kinh tế tri thức đã hình thành từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX, thì ở Việt Nam ngay từ những năm đầu của thập kỷ 90, tuy vừa thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta cũng đã quan tâm tới việc ứng dụng công nghệ thông tin để từng bước xây dựng kinh tế tri thức.

Từ các nhiệm kỳ Đại hội VII và Đại hội VIII, Đảng và Nhà nước đã chú ý đến vấn đề này. Ngày 4-8-1993, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 49/CP về : *"Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90"*. Ngày 30-7-1994, Hội nghị Trung ương 7 (khóa VII) đã đề ra : *"Ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến như công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu điện tử hóa và tri thức hóa nền kinh tế quốc dân"*. Đến Đại hội lần thứ VIII (tháng 6 năm 1996), Đảng đưa việc triển khai thực hiện nhiệm vụ này lên một mức độ cao hơn. Nghị quyết Đại hội nêu rõ : "Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lãnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả, hình thành mạng thông tin quốc gia, liên kết với một số mạng thông tin quốc tế.". Về "Mục tiêu xây dựng đất nước" phần "Phát triển khoa học, công nghệ", Đại hội nhấn mạnh : "Nắm bắt các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định" (2).

Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) lại cụ thể hóa hơn nhiệm vụ trên : "Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... Bước đầu xây dựng hai khu công nghệ cao tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh" (3).

---

* GS

(1) Báo *Nhân Dân*, ngày 21-4-2001, tr 4

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 105

(3) *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 66

Digitized by Google

Ngày 5-6-2000, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị quyết số 07/2000/NQCP, về *"Xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005"* chỉ rõ là cần nghiên cứu và thiết lập tại khu công nghệ cao Hòa Lạc ở Hà Nội, và khu công nghiệp phần mềm Quang Trung, thành phố Hồ Chí Minh *cổng nối* trực tiếp với hệ thống in-tơ-nét quốc tế để doanh nghiệp phần mềm có thể sử dụng đầy đủ và dễ dàng các dịch vụ in-tơ-nét có chất lượng cao theo giá cạnh tranh với các nước trong khu vực (4). Thủ tướng Chính phủ cũng duyệt y kế hoạch do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình lên là : trong kế hoạch 2001 - 2005 sẽ đào tạo được 25 000 nhân lực cho công nghệ thông tin và tạo ra sản phẩm phần mềm đạt giá trị 500 triệu USD.

Đặc biệt đến ngày 17-10-2000, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị số 58 CT/TU về **"Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa"**. Nội dung chính như sau : "Đến năm 2010, công nghệ thông tin Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực với một số mục tiêu cơ bản sau đây : - Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng. - Phát triển mạng thông tin quốc gia phủ trên cả nước, với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ ; tỷ lệ người sử dụng in-tơ-nét đạt mức trung bình thế giới. - Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hằng năm cao nhất so với các khu vực khác ; có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng tăng". Để thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, Bộ Chính trị chủ trương : "1/ Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là phương tiện chủ lực để *đi tắt đón đầu* (VT - nhấn mạnh), rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước. 2/ Mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng đều phải ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển. 3/ Mạng thông tin quốc gia là kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, phải tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, bảo đảm được tốc độ và chất lượng cao, giá cước rẻ. 4/ Phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. 5/ Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành một ngành kinh tế quan trọng, đặc biệt là phát triển công nghiệp phần mềm". Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp : "1/ Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ thông tin trong toàn xã hội. 2/ Tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghệ thông tin. 3/ Đẩy mạnh việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. 4/ Đẩy nhanh việc xây dựng mạng thông tin quốc tế, bao gồm hệ thống viễn thông và in-tơ-nét Việt Nam. 5/ Tăng cường, đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin". Ngày 20-11-2000, Chính phủ ban hành Quyết định số 128/QĐ-CP về một số chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư và phát triển công nghiệp phần mềm.

Những chủ trương, biện pháp kể trên của Đảng và Nhà nước thực sự đã *tác động mạnh mẽ đến lịch sử phát triển* của ngành công nghệ mũi nhọn này trên cả nước. Đại hội đảng bộ tất cả các tỉnh, thành trong cả nước đều quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước qua các văn kiện kể trên, nhất là *Chỉ thị* của *Bộ Chính trị ngày 17-10-2000* nhằm đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực. Đó cũng là sự chuẩn bị tích cực cho một trong những nội dung quan trọng của Đại hội IX của Đảng.

Thành công của Đại hội IX (19-22/4/2001) vừa qua đã như một **dấu son lịch sử** đánh dấu bước phát triển to lớn của dân tộc. Riêng về **kinh tế tri thức và công nghệ thông tin, Báo cáo Chính trị** tại Đại hội đã nêu rõ :

"Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, *đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học*, (VT nhấn mạnh) tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, *từng bước phát triển kinh tế tri thức* (VT nhấn mạnh). (4)

---

(4), Báo *Nhân Dân* ngay 21-4-2001, tr 2

Digitized by Google

Trong **Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005**, phần "Định hướng phát triển công nghiệp", Đại hội nêu cao quyết tâm : *"Phát triển mạnh* (VT nhấn mạnh) công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử". "Tập trung đầu tư và có chính sách để *phát triển mạnh công nghiệp phần mềm* (VT nhấn mạnh) phục vụ nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu, đưa giá trị sản phẩm phần mềm đạt trên 500 triệu USD vào năm 2005, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD" (5).

Hiện nay tất cả các tỉnh, thành, ngành, giới trong cả nước đều chăm lo đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo ra nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin. Đảng bộ và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tích cực đẩy mạnh tiến trình xây dựng và phát triển Công viên phần mềm Quang Trung. Lễ cắt băng khánh thành đã được tiến hành trọng thể ngày 16-3-2001. Khu Công nghệ cao Hòa Lạc ở Hà Nội được xây dựng theo Quyết định của Chính phủ, số 372/QĐ-TTg ngày 2-6-1997, nay cũng đang tích cực đi tới ngày khánh thành và khai trương hoạt động.

Điều quan trọng là công nghệ thông tin nói riêng và nền kinh tế tri thức nói chung sẽ cho ra đời lớp **công nhân tri thức** (Knowledge labour) gồm tất cả các lao động trong ngành này, từ các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý, các nhà sản xuất, bảo dưỡng sử dụng phần cứng, các lập trình viên phần mềm trong công nghệ thông tin. Đồng thời công nghệ thông tin cũng thâm nhập, thẩm thấu vào mọi ngành kinh tế, văn hóa, xã hội... tạo ra lớp lao động mới - lớp **công nhân tri thức** (knowledge labour) trong các ngành này. Công nhân tri thức là **một nhân tố mới trong giai cấp công nhân**, góp phần tích cực vào việc phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất trong quá trình đưa đất nước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội IX của Đảng thực sự là một ĐẠI HỘI TRÍ TUỆ. Các chủ trương, đường lối của Đại hội đều mang ý nghĩa dân tộc và thời đại sâu sắc, được cán bộ, nhân dân ta cùng nhiều đại biểu quốc tế dự Đại hội đánh giá cao. ❑

(5) Báo *Nhân Dân* ngày 23-4-2001, tr 3

PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH...

(Tiếp theo trang 15)

hợp lý trong chính sách điều tiết thu nhập, tạo thêm thuận lợi cho doanh nghiệp nước ngoài sử dụng lao động và chuyên gia Việt Nam.

Các cơ quan chức năng, trước hết là chính quyền địa phương, đi sát và tạo điều kiện hỗ trợ tốt cho các dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép và các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động triển khai công việc đầu tư, kinh doanh thuận lợi, có hiệu quả, thực hiện đúng pháp luật Việt Nam ; phát hiện và kiến nghị những vấn đề cần giải quyết để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sức thu hút mạnh hơn đầu tư nước ngoài.

Chính phủ dành thêm ngân sách và vốn tín dụng đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, nâng cấp các khu du lịch trọng điểm ; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư nước ngoài vào phát triển du lịch. Cải tiến thủ tục xuất nhập cảnh, hải quan, các dịch vụ vận tải, viễn thông, thiết lập quan hệ phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa ngành du lịch với các ngành liên quan và các địa phương có tiềm năng du lịch. Thực hiện cơ chế một giá đối với những dịch vụ chủ yếu cho khách du lịch trong nước và nước ngoài.

Bốn giải pháp mà Phó Thủ tướng trình bày tiếp theo là : **Đẩy mạnh đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và tín dụng nhà nước ; Một số vấn đề về đổi mới và phát triển lĩnh vực văn hóa, xã hội ; Một số vấn đề về cải cách hành chính ; Bảo đảm chất lượng và tiến độ xây dựng kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.**

Báo cáo kết luận : Nhiệm vụ thực hiện kế hoạch và ngân sách năm 2001 còn rất nặng nề. Chính phủ đề nghị Quốc hội và các vị đại biểu Quốc hội tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện, động viên nhân dân cả nước đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước với một khí thế mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2001, năm đầu tiên đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng vào cuộc sống vì mục tiêu độc lập dân tộc - chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

NGUYỄN THẾ NGHĨA *

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng của giai cấp vô sản được hình thành, phát triển trong quá trình Người tiếp thu bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế Việt Nam. Sớm ý thức được một cách sâu sắc vị trí, vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng, tầm quan trọng và ý nghĩa lớn lao của công tác xây dựng Đảng, Người cho rằng, từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, song phong trào yêu nước lại diễn ra sôi nổi và rộng khắp, thì chỉ có trên cơ sở kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước mới hình thành Đảng của giai cấp vô sản. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 là do yêu cầu nội tại của phong trào cách mạng Việt Nam khi đó, kết hợp với sự tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kết quả của quá trình hoạt động năng động, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng trong quan niệm của Người phải là đội tiền phong của giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng, được thể hiện ở chỗ được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội "hữu" khuynh và "tả" khuynh. Đảng không chỉ đại diện cho giai cấp công nhân, mà còn vì quyền lợi chung của nhân dân lao động. Để giữ vững vị trí và vai trò lãnh đạo cách mạng của mình, Đảng phải trở thành một tổ chức chính trị lớn mạnh, vững vàng, trong sạch và triệt để cách mạng. Đảng cầm quyền càng phải thường xuyên tiến hành công việc chỉnh đốn Đảng để đề phòng nguy cơ thoái hóa, biến chất trong đội ngũ. Mỗi đảng viên phải tâm niệm suốt đời làm người con trung thành với Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân, ra sức nâng cao năng lực, trí tuệ ngang tầm nhiệm vụ lịch sử, không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng, tăng cường mối quan hệ máu thịt với nhân dân. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và do vậy, Đảng chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình nếu biết tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận thống nhất rộng rãi, lấy liên minh công nông, lấy lợi ích của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế. Thực tiễn cho thấy, trong suốt quá trình lịch sử cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện luôn được nhân dân tín nhiệm, thể hiện rõ vai trò của một tổ chức chính trị tiên phong trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội của đất nước, góp phần vào sự tiến bộ chung của nhân loại.

Nói về bản chất giai cấp của Đảng, Người khẳng định : Đảng Cộng sản Việt Nam là *Đảng của giai cấp công nhân,* tập hợp trong hàng ngũ của mình những người thuộc giai cấp công nhân, thợ thủ công, nông dân nghèo, binh lính... Đảng phải thiết lập được mối liên hệ mật thiết với những người "bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp". Mục đích của Đảng là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". "Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản" (1).

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (2 - 1951), trong Báo cáo Chính trị, Người một lần nữa nhấn mạnh, nhiệm vụ của Đảng lúc này là đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, giành độc lập và thống nhất đất nước, lãnh đạo toàn dân thực hiện nền dân chủ mới, chuẩn bị điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, Đảng cần phải kết nạp những công nhân, nông dân, trí thức

* TS. Viện trưởng Viện khoa học xã hội tại TP.Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 5

Digitized by Google

thật sự hăng hái, thực sự giác ngộ cách mạng, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng lý luận, tổ chức theo chế độ tập trung dân chủ, "có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác", lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển.

Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở Đảng ta khi vận dụng đỉnh cao về lý luận cách mạng ấy phải sáng tạo, tránh giáo điều và không được xa rời các nguyên tắc cơ bản của nó ; đồng thời, ra sức làm giàu trí tuệ của Đảng bằng không ngừng học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ lý luận, học tập và kế thừa kinh nghiệm quý báu của các Đảng anh em ; phải thường xuyên tổng kết thực tiễn cách mạng và làm phong phú thêm kho tàng lý luận Mác - Lê-nin ; tích cực đấu tranh chống các luận điểm phản cách mạng, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thực hiện đoàn kết, thống nhất tư tưởng và góp phần xây dựng, củng cố sự lớn mạnh của phong trào cộng sản quốc tế theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Người luôn đề cao tầm quan trọng của sự *kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước*. Chính sự kết hợp chặt chẽ giữa ba yếu tố đó ở Việt Nam là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào năm 1930.

Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho việc ***xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh,*** tuân thủ và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng theo học thuyết về xây dựng Đảng kiểu mới của V.I. Lê-nin. Người coi nguyên tắc *tập trung dân chủ* là nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất. Tập trung trong Đảng có nghĩa là thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, tất cả đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng, "Đảng tuy đông người nhưng khi tiến hành chỉ như một người". Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, "phải thật sự *mở rộng dân chủ* để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình ; phải gom góp ý kiến của đảng viên để giúp đỡ Trung ương chuẩn bị Đại hội Đảng cho thật tốt" (2). Người coi tập trung và dân chủ là sự thống nhất biện chứng, tập trung không đối lập và tách rời dân chủ và ngược lại. Tập trung dân chủ, trong quan niệm của Người, còn là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Người khẳng định *phê bình và tự phê bình* là quy luật phát triển Đảng. Người ví việc thực hiện phê bình và tự phê bình trong sinh hoạt Đảng là "thang thuốc hay nhất" để Đảng ngày càng phát triển (3). "Mục đích của phê bình - cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ". Mục đích của phê và tự phê bình, còn nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết trong Đảng.

Tư cách đảng viên và *vấn đề cán bộ* là yếu tố quan trọng để có một đảng trong sạch, vững mạnh. Mỗi đảng viên phải có ý thức thường xuyên tự giáo dục và rèn luyện. Đảng cần hết sức quan tâm giáo dục, rèn luyện đội ngũ về mọi mặt, nhất là ý thức suốt đời phấn đấu cho quyền lợi của Đảng, của Tổ quốc. "Cái gốc của mọi công việc", "muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Yêu cầu đầu tiên cần phải có của người cán bộ là *đạo đức cách mạng*. Người cán bộ phải tuyệt đối trung thành với Đảng ; có năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, có trí tuệ, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ giỏi ; liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân ; luôn học hỏi lý luận Mác - Lê-nin, học tập đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hóa và khoa học - kỹ thuật để nâng cao trình độ chuyên môn và phải có phong cách công tác tốt. Người yêu cầu Đảng phải "hiểu và đánh giá đúng cán bộ", coi đó là yêu cầu xuất phát để tiến hành các công việc khác của công tác cán bộ ; phải "khéo dùng cán bộ", đặt người đúng việc, kết hợp cán bộ trẻ và cán bộ già ; chống bệnh địa phương cục bộ ; phải "chiêu hiền đãi sĩ", "cầu người hiền tài", "có gan cất nhắc cán bộ", phải coi việc "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết" (4).

Người luôn đề cao vai trò của việc *tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân*. Mỗi đảng viên phải thường xuyên đi sâu, đi sát, học hỏi, vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Đảng phải có trách nhiệm nâng cao dân trí, bồi dưỡng sức dân.

Theo Người, *xây dựng và chỉnh đốn Đảng phải gắn liền với nhau*. ***Chỉnh đốn lại Đảng*** là nâng tầm năng lực của mỗi đảng viên, mỗi chi bộ để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ mới. Muốn chỉnh đốn lại Đảng thì trước hết "mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", giữ gìn Đảng thật trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Chỉnh đốn lại Đảng "là một cuộc đấu tranh chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi". Để việc

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 118

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 261 - 262

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 498, 505

Digitized by Google

chỉnh đốn lại Đảng có kết quả, Đảng "cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân" (5).

Suốt bảy thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua bao gian nan thử thách, cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thành tựu đạt được trong mười lăm năm tiến hành công cuộc đổi mới vừa qua do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, một lần nữa chứng minh sự phát triển và trưởng thành của Đảng. Thế và lực của cách mạng nước ta ngày càng được tăng cường. Đó là thành tựu rất to lớn và rất đáng tự hào. Song, hiện nay "trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém : sự suy thoái về tư tưởng chính trị ; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới" (6). Để nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, khắc phục những yếu kém, nâng lên ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta đã chủ trương tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sâu rộng và thường xuyên. Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay" chỉ rõ : trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức mạnh của Đảng về mọi mặt, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn của toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

Sau Đại hội VI, với phương hướng "đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách công tác", các cấp ủy đảng và tổ chức đảng đã triển khai thực hiện sâu rộng nhiệm vụ xây dựng Đảng. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 04 về việc "làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội", Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết 05 về "Một số nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng". Từ Đại hội VII, Trung ương yêu cầu đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, bổ sung, phát triển và từng bước cụ thể hóa, hoàn thiện cương lĩnh, đường lối của Đảng. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) : *Về đổi mới chỉnh đốn Đảng* được quán triệt và thực hiện đã tạo ra bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng. Từ năm 1992 đến 1996, Đảng ta đã tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1975 - 1995, những kết quả thu được đã được đưa vào các văn kiện Đại hội VIII. Hội nghị Trung ương 3 và Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) đều đặc biệt chú trọng tới công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể nói, quyết định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, được toàn Đảng, toàn dân hưởng ứng. Kết quả bước đầu của cuộc vận động này đang tạo ra khí thế, kinh nghiệm và niềm tin mới trong toàn xã hội. Tổng kết công tác xây dựng xây dựng, chỉnh đốn Đảng những năm qua, Đại hội IX của Đảng đã quyết định : "Trong những năm tới, tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *mọi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, xây dựng lối sống lành mạnh.*

Việc tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng nhằm kiện toàn về tổ chức, đoàn kết thống nhất, nâng cao sức chiến đấu của Đảng và củng cố niềm tin của nhân dân. *Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ* là vấn đề trọng yếu bảo đảm sức mạnh đoàn kết, tính chiến đấu và uy tín của Đảng. Việc *tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân* phải được coi là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh của Đảng. Cùng với việc chăm lo *xây dựng đội ngũ,* phải đổi mới quan niệm và phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thực sự dân chủ, kết hợp với tập trung thống nhất theo một quy trình chặt chẽ.

Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, thực hiện tốt những vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) mà Đại hội IX của Đảng một lần nữa khẳng định chính là vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. ❑

---

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd.* t 12, tr 498, 505

(6) *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999, tr 24

Digitized by Google

CHỮ "ĐỒNG" TRONG QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

PHẠM NGỌC QUANG *

Từ thực tế lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận : "Sử ta dạy cho ta bài học này : Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"(1).

Khả năng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tùy thuộc một cách quyết định vào việc giải quyết một loạt các mối quan hệ : cá nhân và tập thể, gia đình và xã hội, bộ phận và toàn thể, giai cấp và dân tộc, vô thần và hữu thần, dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, quá khứ và hiện tại, quốc gia và quốc tế... Giữa những cặp quan hệ trên đây, bên cạnh yếu tố khác biệt và mâu thuẫn, luôn chứa đựng những yếu tố đồng nhất. Một vấn đề mang tính nguyên tắc trong tư tưởng biện chứng của Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân là phát huy những yếu tố tương đồng, dùng cái tương đồng để loại bỏ sự dị biệt, cố gắng tìm ra mẫu số chung của toàn dân tộc thay vì việc khoét sâu sự khác biệt. Nét đặc sắc trong tư tưởng biện chứng đó của Hồ Chí Minh là sự phát triển hợp quy luật những di sản căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về phép biện chứng nói chung, lý luận về mâu thuẫn nói riêng trong sự vận dụng vào thực tiễn chính trị ở Việt Nam.

*

Khi giải thích vì sao Mác và Ăng-ghen đã đưa ra được những đường lối chiến lược cách mạng đúng đắn cho phong trào vô sản quốc tế, Lê-nin luận chứng rằng chính là vì Mác và Ăng-ghen đã đặc biệt chú ý vận dụng phép biện chứng duy vật vào chính sách và sách lược của giai cấp công nhân. Lê-nin xem đó là cống hiến căn bản nhất và mới nhất của hai ông. Nói cách khác, vận dụng đầy đủ những yêu cầu của phép biện chứng duy vật là cơ sở để có đường lối, chủ trương, chính sách đúng. Khi đề cập tới vấn đề này, Lê-nin cũng viết : "Ở từng giai đoạn phát triển, trong từng lúc, sách lược của giai cấp vô sản phải tính đến *biện chứng khách quan*" (Do tôi nhấn mạnh - P.N.Q -) (2) của xã hội.

Trong phép biện chứng, *lý luận về sự thống nhất của các mặt đối lập là hạt nhân* của nó. Sự phát triển biện chứng của mọi sự vật và hiện tượng (trong đó có sự phát triển của xã hội) "diễn ra trong mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn". Nhận thức được những mâu thuẫn trong hiện thực của xã hội, tìm ra những phương hướng đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn cũng như tổ chức hoạt động để giải quyết các mâu thuẫn một cách thực tế, tạo thành thực chất của mọi quyết định chính trị và quá trình tổ chức thực hiện chúng trong quá trình cách mạng.

Xét dưới góc độ tổng quát, mọi "quyết định chính trị của Đảng"(*) đều được bắt đầu bằng việc khái quát tình hình thực tế. Ở đây, nội dung chủ yếu là nêu lên được những thành tựu cơ bản, những hạn chế chủ yếu trên từng lĩnh vực, từng vấn đề. Tiếp theo, phải làm rõ những *"tình huống có vấn đề"*, tức là những mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết. Để cập tới vấn đề này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là *có vấn đề*. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc *mâu thuẫn trong*

---

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 217

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1990, t 26

(*) Khái niệm "quyết định chính trị của Đảng", dùng ở đây để chỉ những chủ trương, nghị quyết của Đảng nói chung.

Digitized by Google

vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tích rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải *đề ra cách giải quyết*"(3).

Trên cơ sở phát hiện ra những mâu thuẫn, cần đi sâu phân tích chúng, xác định tính chất của mâu thuẫn, làm rõ phương hướng, biện pháp giải quyết mâu thuẫn. Cuối cùng, phải có những giải pháp về tổ chức thực hiện.

Giải quyết mâu thuẫn không phải bao giờ cũng là dùng mặt này để tiêu diệt mặt kia, mà là quá trình *chuyển hóa của các mặt đối lập*. Cơ sở của sự chuyển hóa đó bắt nguồn từ chỗ, xét về một số phương diện nào đó, trong một số quan hệ nhất định, giữa các mặt đối lập có một số yếu tố giống nhau, yếu tố đồng nhất. Liên quan tới vấn đề này, chúng ta lưu ý rằng chính Mác đã chỉ ra *sự đồng nhất về bản chất* giữa hai cực đối lập của thanh nam châm, của giới nam và giới nữ ; Lê-nin cũng xem "sự đồng nhất của các mặt đối lập" là "bản chất của phép biện chứng".

Thấm nhuần sâu sắc và phát triển tư tưởng về sự "đồng nhất của các mặt đối lập" trong sự vận dụng cụ thể vào quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng để đưa cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta tới thắng lợi, giữ vững thành quả cách mạng đã giành được, Hồ Chí Minh, một mặt, không xem nhẹ đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, mặt khác, đặt trọng tâm chú ý của mình vào việc tìm ra sự tương đồng, sự nhất trí giữa các tầng lớp, các giai cấp xã hội đặng làm cho họ ngày càng xích lại gần nhau để hoạt động vì lợi ích chung của toàn xã hội.

Cơ sở tạo thành sự tương đồng, sự nhất trí đó mang tính lịch sử. Trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, sự tương đồng đó được xuất phát từ những nhu cầu, lợi ích chung không giống nhau. Trước khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, lợi ích chung lớn nhất của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc. Chính lợi ích chung đó là cơ sở khách quan cố kết các giai cấp, tầng lớp khác nhau thành một chỉnh thể thống nhất, những khác biệt tạm thời trở thành cái thứ yếu. Biết phát huy cái đồng nhất ấy là tiêu chí nói lên tính nhạy bén, sự sắc sảo về mặt chính trị của chủ thể cách mạng. Chính vì vậy, nhân dịp Mặt trận Việt Minh được thành lập (19-5-1941), trong thư "Kính chào đồng bào", Hồ Chí Minh nêu rõ : "Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc, Việt gian đặng cứu giống nòi khỏi nước sôi lửa bỏng" (4).

Chính xuất phát từ quan điểm đó, Hồ Chí Minh đã khẳng định : "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước". Đề cao lợi ích dân tộc với nội dung nêu trên thành "chủ nghĩa dân tộc" không có nghĩa là hữu khuynh, xem nhẹ lợi ích giai cấp công nhân, lợi ích của nhân dân lao động. Trái lại, như sau này Hồ Chí Minh đã khẳng định, không đấu tranh giành được độc lập dân tộc thì mọi lợi ích khác của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động hàng ngàn vạn năm cũng không đạt được. Xét trên ý nghĩa đó, tư tưởng nêu trên của Hồ Chí Minh có liên quan chặt chẽ với tư tưởng sau đây của Mác - Ăng-ghen trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* : giai cấp vô sản mỗi nước trước hết "phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc". Để tránh có sự hiểu lầm tư tưởng đó của mình, hai ông nhấn mạnh thêm : "tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu". Chúng ta cũng không thể hiểu "chủ nghĩa dân tộc" trong luận điểm : "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước" của Hồ Chí Minh theo nghĩa tiêu cực (dân tộc cực đoan, bỏ qua vấn đề giai cấp...).

Trong những ngày đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trong lúc chúng ta phải đối phó với đủ thứ "thù trong, giặc ngoài" nhằm giữ vững chính quyền cách mạng trong tay nhân dân, Hồ Chí Minh đã đề ra nhiều chủ trương và biện pháp nêu cao chữ "đồng", nhằm đoàn kết dân tộc, thu phục nhân tài, sử dụng nhân sĩ, trí thức phục vụ kháng chiến kiến quốc. Nhiều nhân sĩ, trí thức được Hồ Chí Minh mời tham gia vào bộ máy hành chính và các cơ quan chuyên môn các cấp, đặc biệt là cấp trung ương.

Năm 1945 - 1946, trên đất nước ta có nhiều đảng phái chính trị chống đối quyết liệt cách mạng Việt Nam. Các đảng Việt quốc, Việt cách dựa vào lực lượng của Tưởng Giới Thạch để chống Việt Minh, chống Đảng Cộng sản và lật đổ Chính phủ cách mạng do Hồ Chí Minh đứng đầu. Vấn đề sống còn lúc này là loại trừ sự chia rẽ, nêu cao chữ "đồng" để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Do vậy, Hồ Chí Minh đã nhiều lần gặp gỡ, bàn bạc với Tiêu Văn về việc các đảng nói trên phải đoàn kết với Việt Minh, với Chính phủ cách mạng lâm thời, đình chỉ việc công kích nhau, cùng tham gia Tổng tuyển cử để lập nên một nhà nước hợp hiến.

---

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 302 (Người trích nhấn mạnh)

(4) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 131

Digitized by Google

Chính phủ liên hiệp lâm thời được thành lập vào ngày 1-1-1946. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 đã lập nên Quốc hội đầu tiên của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Quốc hội khóa I đã dành cho Việt quốc, Việt cách 70 ghế đại biểu không qua bầu cử và giữ một số chức vụ cao trong Chính phủ. Nghiêm Kế Tổ, người thuộc đảng Việt quốc - một trong số 70 đại biểu Quốc hội không qua bầu cử - đã nhận xét : Mọi phản ứng, mọi bất mãn của các lực lượng đối lập đều bị dẹp sau khi Hồ Chí Minh đã thực hiện các chủ trương sách lược nhân nhượng, hòa giải. Đang từ tư tưởng phản đối hoàn toàn, các đảng phái đối lập bỗng nhiên chịu nửa phần trách nhiệm về việc ký kết với người Pháp... Chính trị khôn khéo của Việt Minh thật là vô bờ bến khiến cho đang phản đối chuyển ra đồng tình.

Khi đất nước tạm thời chia làm hai miền, nhiệm vụ chính trị số một và cũng là niềm mong ước chung của mọi người Việt Nam yêu nước là đất nước được hòa bình, thống nhất, độc lập. Để cao chữ "đồng" đó, Hồ Chí Minh viết : "Từ Nam đến Bắc, ai là người tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì chúng ta sẵn sàng đoàn kết với họ, thật thà hợp tác với họ, thật sự đoàn kết với họ, dù từ trước tới nay họ đã theo phe phái nào" (5).

Đối với các tầng lớp trung gian, việc nêu cao chữ "đồng" đã khiến Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc loại bỏ mọi thành kiến, mặc cảm ; khơi gợi, cổ vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, chân thành hợp tác và trọng dụng. Người nhiều lần tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào. Chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân, vì nước.

Trong việc xử lý những quan hệ hằng ngày giữa người với người, Hồ Chí Minh cũng luôn nhắc nhở cán bộ phải tìm ra những cái chung, cái đồng nhất giữa những cá nhân để cố kết họ lại vì lợi ích của đại cục. Về vấn đề này, Hồ Chí Minh viết : "Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi tổ tiên ta... Đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng ít hay nhiều có lòng ái quốc".

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo ; chỉ tính riêng 6 tôn giáo lớn, số tín đồ đã chiếm gần 1/3 dân số cả nước. Từ thực tế phát triển của xã hội Việt Nam hàng ngàn năm, Hồ Chí Minh thấy rõ rằng, xã hội Việt Nam nói chung, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta nói riêng sẽ không thể tiến lên được, nếu không quy tụ được sức mạnh của toàn dân tộc, dù là lương hay giáo. Muốn vậy, mấu chốt của vấn đề vẫn là tìm thấy sự tương đồng giữa mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta với những niềm tin, lý tưởng lành mạnh của tôn giáo, kiên quyết loại trừ mọi sự đối đầu giữa hai loại đó. Bởi vậy, từ năm 1947, trong một bức thư gửi cho Giá mục Lê Hữu Từ, Hồ Chí Minh viết : Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, rõ ràng là thế nhưng cũng không phải vì vậy mà bài xích, nghi kỵ, đối đầu nhau.

Thấm nhuần phép biện chứng về sự đồng nhất của các mặt đối lập, Hồ Chí Minh đã nói khá nhiều về tính tương đồng giữa lý tưởng tôn giáo lớn, chân chính, chưa bị kẻ địch lợi dụng và xuyên tạc với lý tưởng cộng sản. Dưới bình diện chung nhất, sự tương đồng đó biểu hiện ở sự thống nhất về cơ bản trong mục tiêu giải phóng con người. Điều đó biểu hiện ở chỗ, cả lý tưởng cộng sản và các học thuyết tôn giáo chân chính đều muốn xóa bỏ mọi tình trạng áp bức, bóc lột, bất công ; mọi người được sống trong hòa bình, hữu nghị của một thế giới đại đồng, không có chế độ người bóc lột người ; cả học thuyết tôn giáo chân chính và học thuyết cách mạng thực sự trong thời đại ngày nay đều có vai trò lớn trong việc hoàn thiện con người.

Tính tương đồng giữa mục tiêu của những lý thuyết tôn giáo chân chính và chủ nghĩa xã hội là cơ sở để đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết giáo dân theo những tôn giáo khác nhau cũng như đoàn kết giữa người cộng sản và người theo tôn giáo. Liên quan tới vấn đề này, trong một tài liệu của linh mục Trần Tam Tỉnh có nêu một câu sau đây của Hồ Chí Minh :

"Đường lối và mục đích của chính phủ nhằm ba mục tiêu sau đây :

1 - Giải phóng nhân dân khỏi đói, khỏi rét (khổ sở) và khỏi dốt

2 - Đem lại cho nhân dân sự tự do, tự do sống, tự do tín ngưỡng

3 - Bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Nếu cộng sản thực hiện những điều trên đây, tôi tin chắc rằng mọi người sẽ chấp nhận thứ cộng sản đó" (6).

Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, khi nhiệm vụ chính trị trọng đại là đấu tranh cho độc lập dân tộc,

---

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 49

(6) Trích theo : Trần Tam Tỉnh : Thập giá và lưỡi gươm, Nxb Trẻ TP Hồ Chí Minh, 1988, tr 73 - 74

Digitized by Google

thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh thấy sự tương đồng giữa lý tưởng cách mạng của chúng ta với mục tiêu của tôn giáo chân chính được thể hiện ở chỗ : đất nước không được độc lập, tôn giáo nói chung, các tín đồ tôn giáo nói riêng cũng không có tự do. Đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc là nguyện vọng thiết tha của mọi người dân, kể cả các tín đồ. Bởi vì, giành được độc lập dân tộc là điều kiện để có độc lập, tự do cho tôn giáo, cho mọi giáo dân.

Qua phân tích trên, có thể thấy Hồ Chí Minh đã thấm nhuần sâu sắc tư tưởng "Lục hòa" nhằm tạo ra sự hòa hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm của toàn thể mọi người nhằm đạt tới mục đích chung, cao đẹp : thân hòa đồng trụ ; ngôn hòa đồng nghiệp ; giới hòa đồng tu ; kiến hòa đồng giải ; lợi hòa đồng quân. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, cải biến tư tưởng đó để thành những nguyên tắc, phương pháp xây dựng lực lượng cách mạng hết sức khoa học.

Nhận xét chiều sâu và sức mạnh của việc đề cao chữ "đồng" trong tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh, giáo sư người Đức - Wilfried Lulei của Trường đại học Hăm-buốc - đã viết : "Ở đây tôi thấy lý do chính là sự định hướng trọn đời của ông cho độc lập, dân chủ, hòa bình và thống nhất. Sự định hướng đó không bao giờ là sách lược tạm thời mà là sự biểu hiện của một tư tưởng nhân văn sâu sắc. Đó là lý do giải thích vì sao đối với ông, thống nhất không chỉ có ý nghĩa lãnh thổ. Mục đích của ông là sự chung lưng đấu cật của mọi người tự đáy lòng yêu thiết tha quê hương mình, không dành riêng hay thiên vị sắc tộc, hay vùng quê, không phân biệt địa vị xã hội, tín ngưỡng, xu hướng chính trị, gạt sang bên những gì họ đã vấp phải trong quá khứ" (7).

Song, cần lưu ý rằng trong khi nhấn mạnh chữ "đồng", Hồ Chí Minh cũng không xem nhẹ việc loại trừ sự khác biệt và đối lập. Người kiên quyết chống cả bệnh "tả" khuynh lẫn bệnh hữu khuynh. Người viết : chúng ta luôn phải "đấu tranh trên hai mặt trận chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được ; đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh...".

*
* *

Chính nhờ nắm được cái hồn của phép biện chứng về mâu thuẫn trong sự vận dụng cụ thể vào cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh đã hòa giải một cách khôn ngoan những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định, nêu cao sự tương đồng để tập trung cao nhất mọi lực lượng, mọi trí tuệ cho lợi ích toàn cục. Phát huy chữ "đồng" để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân đã trở thành tư tưởng thường trực và là bí quyết thành công của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sớm tiên lượng được điều đó, Hồ Chí Minh đã viết :

"Biết đồng sức
Biết đồng lòng
Việc gì khó
Làm cũng xong".

Chúng ta đang tiến hành sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội với những thắng lợi ban đầu rất quan trọng. Mặt khác, cách mạng Việt Nam vẫn đang đứng trước không ít nguy cơ và thách thức. Để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới tiến lên, chỉ bằng sự nỗ lực của bản thân Đảng ta, của giai cấp công nhân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng là hoàn toàn không đủ. Chính vì thế, trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các Văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã khẳng định :

"Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, các thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lớp tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức". ❑

---

(7) Wilfried Lulei. Hồ Chí Minh and question of nationl unity. Paper for conference on Hồ Chí Minh and the Development of Communism Việt Nam, Passau University, 21 - 29 Junne 1990

Digitized by Google

CÔNG TÁC NGOẠI GIAO PHỤC VỤ KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LÂM ĐÌNH NGỌC *

HOẠT động ngoại giao của một quốc gia độc lập thường nhằm phục vụ ba mục tiêu cơ bản là : a) góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia ; b) tranh thủ và tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để phát triển đất nước ; c) nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Ba mục tiêu ấy liên quan mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một thể thống nhất nhằm làm cho đất nước hùng mạnh, phát triển, trong đó sức mạnh kinh tế đóng vai trò rất quan trọng. Những mục tiêu trên luôn không thay đổi, song nội dung cụ thể, nhất là phương pháp tiến hành để đạt tới mục tiêu không phải lúc nào cũng bất biến, mà chuyển hóa theo thời gian, tùy thuộc vào diễn biến của tình hình quốc tế, hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia.

Trong bối cảnh thế giới hiện nay, công tác ngoại giao nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước có tầm quan trọng hơn bao giờ hết. Nội dung này không chỉ thể hiện ở chỗ xây dựng, duy trì mối quan hệ quốc tế ổn định, thuận lợi cả về mặt chính trị lẫn kinh tế và an ninh, mà còn ở chỗ tìm kiếm được nhiều đối tác, tiếp thị và mở rộng thị trường. Yêu cầu về mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác ngày nay đã trở thành một nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động ngoại giao. Thậm chí một số nước quyết định việc lập cơ quan đại diện ngoại giao tùy thuộc vào nước sở tại có phải là "đối tác sáng giá" hay không. Yêu cầu này càng trở nên cấp bách khi cuộc chạy đua về kinh tế, cuộc cạnh tranh về đối tác và thị trường đang diễn ra quyết liệt hơn bao giờ hết. Hiện nay tất cả các nước, phát triển cũng như đang phát triển, đều đứng trước thách thức về tụt hậu. Do đó, mọi nước đều đặt ưu tiên cho phát triển kinh tế và hoạt động ngoại giao phải phục vụ ưu tiên này.

Ngành ngoại giao của ta đã luôn nhận thức, quán triệt và bám sát những chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong từng thời kỳ, kịp thời hướng hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế được chính thức xác định là nhiệm vụ chính của ngành từ năm 1985. Nội dung kinh tế trong hoạt động ngoại giao, qua những hoạt động thực tiễn của ngành nhất là trong thời kỳ đổi mới đến nay đã quyện chặt với công tác chính trị. Công tác ngoại giao phục vụ kinh tế được coi là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu.

Triển khai Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Hội nghị cán bộ ngành tháng 8 -1996 đã bàn sâu về "Ngoại giao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế" trong thời kỳ đất nước bước vào thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020. Tiếp theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 1 (11-1996) về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 1996 - 2000, tháng 12-1996, Bộ Ngoại giao đã ban hành "Quyết định về một số vấn đề kinh tế của ngành", xác định các nội dung hoạt động và chức năng của các đơn vị trong và ngoài nước về công tác này. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (12-1997) cũng nêu nhiệm vụ "tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan ngoại giao trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại". Qua hoạt động thực tế, những năm gần đây nhận thức của ngành về ngoại giao phục vụ kinh tế đã được nâng cao thêm một bước, đặc biệt là về tính cấp bách của công tác này cũng như nội dung, phương hướng của hoạt động ngoại giao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay. Do đó, việc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cũng phải là nhiệm vụ trọng tâm của mọi ngành nói chung, ngành ngoại giao nói riêng. Ngành ngoại giao có thể và cần phải phục vụ phát triển kinh tế của đất nước. Công tác ngoại giao phục vụ kinh tế được xác định là nhiệm vụ hàng đầu quan trọng nhất của ngành. Kết quả về công tác này là một tiêu chí quan trọng để đánh giá thành tích công tác của các đơn vị trong và ngoài nước. Cùng với việc triển khai hội nhập khu vực và thế giới về kinh tế trong những năm qua và do sự tác động của khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á vừa qua, tính cấp bách của công tác này được nhận thức

* Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

rõ ràng và sâu sắc hơn, nhất là về yêu cầu tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường cho hàng xuất khẩu và lao động của ta, thông tin cho lãnh đạo về kinh nghiệm của các nước trong việc điều hành nền kinh tế và xử lý những vấn đề kinh tế nổi cộm. Ngành đã bước đầu xác định một số phương châm thực hiện công tác này là :

- Nắm vững chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn. Trong đó từ nay cho đến năm 2020, nổi bật lên yêu cầu phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong tình hình hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng và cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt.

- Phát huy ưu thế, đặc điểm của ngành ngoại giao để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế. Không làm thay và không dẫm chân lên các ngành khác. Cần luôn luôn từ góc độ chính trị ngoại giao để xem xét, xử lý vấn đề.

- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các cơ quan đại diện, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, phục vụ và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, làm chỗ dựa vững chắc cho các doanh nghiệp trong nước trong quan hệ làm ăn với nước ngoài.

Hiện nay hoạt động ngoại giao hướng mạnh vào mục tiêu rất quan trọng là : đi đôi với việc phát huy nội lực phải mở rộng hợp tác kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế một cách có hiệu quả, tận dụng tiềm năng của sự hợp tác quốc tế bình đẳng và cùng có lợi, nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó, mục tiêu tổng quát của hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế là tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế của đất nước, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư với nước ngoài, phục vụ thiết thực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế phải đáp ứng những yêu cầu sau :

1 - Đóng góp vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong điều hành nền kinh tế đất nước, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Đây là nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, chỉ đạo sát sao và yêu cầu ngành ngoại giao phải phát huy những ưu thế của ngành, cố gắng thực hiện tốt chức năng làm tai mắt cho lãnh đạo. Ngành ngoại giao có nhiệm vụ nắm tình hình bên ngoài, dự báo đúng động thái và chiều hướng của tình hình thế giới, tình hình khu vực, nghiên cứu kinh nghiệm của các nước ở tầm vĩ mô và vi mô, kinh nghiệm của các nước thành công và bài học của các nước không thành công, cung cấp những thông tin có giá trị cho việc hoạch định và điều hành nền kinh tế đất nước.

2 - Góp phần xây dựng thể chế pháp lý cho quan hệ giữa nước ta và các nước, hình thành một hệ thống đồng bộ các thỏa thuận, cũng như các hiệp định làm nền tảng cho quan hệ hợp tác quốc tế. Cụ thể là : tham gia và hỗ trợ việc chuẩn bị, đàm phán ký kết các hiệp định, thỏa thuận cấp chính phủ giữa nước ta với các nước, cũng như thực hiện tốt việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các thỏa thuận, hiệp định đã được ký kết, cả phía ta và phía bạn. Góp phần xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế của ta cho phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành và phát triển các luật lệ, quy định quốc tế, nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích của đất nước và công dân ta trong quan hệ quốc tế. Phát huy vai trò tích cực trong các ủy ban hỗn hợp và các cơ chế song phương về hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước ; kịp thời phát hiện, kiến nghị và phối hợp giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế ; bảo vệ chủ quyền kinh tế và lợi ích kinh tế của Việt Nam trên trường quốc tế.

3 - Tham gia triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế, đặc biệt là về kinh tế đối ngoại, hỗ trợ và làm chỗ dựa vững chắc cho các doanh nghiệp trong nước trong hợp tác, làm ăn với nước ngoài. Nhiệm vụ hàng đầu của hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế hiện nay là làm thật tốt công tác tiếp thị, tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư, ra sức tìm kiếm, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác. Với lợi thế, đặc điểm của ngành, cần nắm vững chính sách, luật lệ của nước sở tại, cung cấp nhanh và chính xác những thông tin quan trọng về thị trường, đối tác, nắm bắt kịp thời những nhân tố thuận lợi hoặc không thuận lợi, tăng cường giới thiệu về tiềm năng kinh tế, chính sách, luật lệ và nhu cầu của ta cho các đối tác nước ngoài. Ngành ngoại giao phải là chỗ dựa vững chắc cho các doanh nghiệp trong nước, tạo thuận lợi và hỗ trợ giúp đỡ họ khi ra nước ngoài làm ăn. Ngành ngoại giao thực hiện công việc này trong sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, các địa phương, cũng như các doanh nghiệp.

Để đạt được mục đích và đáp ứng những yêu cầu trên của công tác ngoại giao phục vụ kinh tế, ngành ngoại giao có thể và cần thực hiện tốt những nội dung công việc cụ thể sau :

1 - Nghiên cứu kinh tế các nước, kinh tế thế giới, khu vực, các tổ chức kinh tế quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế ; nghiên cứu kinh tế Việt Nam để góp phần hoạch định các chủ trương, chính sách kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Trong bối cảnh mới, đặc biệt là trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, của việc hội nhập nền kinh tế nước ta với khu vực và thế giới, công tác này cần

Digitized by Google

được tăng cường với chất lượng cao hơn để có những đề xuất tham mưu có giá trị cao với Đảng và Chính phủ. Trước mắt, tập trung đóng góp tốt vào các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế đối ngoại mà Đại hội IX của Đảng đề ra ; thông tin về kinh nghiệm của các nước trong việc điều hành nền kinh tế, xử lý những vấn đề nổi cộm phát sinh.

2 - Tìm hiểu nhu cầu, khả năng về các mặt của các đối tượng, các nước và các tổ chức quốc tế, khả năng và nhu cầu của các bộ, ngành trong nước để đề xuất kiến nghị với Chính phủ có chủ trương, chính sách làm ăn với từng nước. Hiện nay và trong thời gian tới cần tập trung vào các mặt, các lĩnh vực như : đóng góp vào quá trình đưa nền kinh tế nước ta hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới ; xúc tiến thương mại, trong đó đặc biệt là tìm kiếm những thị trường mới, mở rộng thị trường để tăng cường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và xuất khẩu lao động của Việt Nam ; thu hút FDI và các hình thức đầu tư quốc tế khác ; vận động ODA, các hình thức viện trợ khác và hỗ trợ kỹ thuật của cộng đồng quốc tế, và xử lý nợ nước ngoài ; thúc đẩy du lịch và chuyển giao công nghệ... ; tranh thủ sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cho sự nghiệp phát triển đất nước ; quảng bá văn hóa mang bản sắc dân tộc Việt Nam trên thế giới.

3 - Trực tiếp chuẩn bị và đàm phán hoặc tham gia đàm phán ký kết các loại hiệp định, thỏa thuận chính phủ (song phương, đa phương) giữa ta với các nước làm nền tảng pháp lý cho quan hệ hợp tác quốc tế phát triển ; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết. Hiện nay và tới đây, ngoài việc thúc đẩy việc phê chuẩn và thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, đàm phán gia nhập WTO, tiếp tục đóng góp vào các hoạt động trong khuôn khổ ASEAN/AFTA/AIA, APEC, ASEM cũng như các tổ chức kinh tế quốc tế khác, cần quan tâm nghiên cứu, đóng góp vào khả năng ký kết các hiệp định song phương và đa phương khác nhằm hình thành một hệ thống đồng bộ các thỏa thuận và hiệp định về tất cả các mặt biên giới lãnh thổ, lãnh sự, hỗ trợ tư pháp, hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - công nghệ...

4 - Hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp trong việc móc nối, thẩm tra các đối tác, tìm kiếm và mở rộng thị trường ; giúp đỡ các doanh nghiệp làm ăn ở nước ngoài. Trong thời gian tới cần :

- Tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường quốc tế cho xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, người lao động và đầu tư của Việt Nam ;

- Đẩy mạnh hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp trong việc tìm nguồn tài trợ, nguồn vốn vay hoặc nguồn đầu tư chung từ các nước và các tổ chức quốc tế cho các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết lập và mở rộng các hình thức hợp tác với các địa phương hoặc đối tác ở nước ngoài. Giúp đỡ các địa phương, doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi kinh tế ở nước ngoài ;

- Giúp các cơ quan và các doanh nghiệp trong nước tìm nguồn hàng, công nghệ, giống vật nuôi và cây trồng mới, tìm đối tác ở ngoài nước, kiểm tra đối tác. Hỗ trợ giải quyết các vấn đề nảy sinh trong giao dịch kinh tế giữa trong nước và các đối tác nước ngoài ;

- Giúp tư vấn hoặc tìm chuyên gia tư vấn về các vấn đề chuyên môn cho các cơ quan, địa phương và doanh nghiệp trong nước ;

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong các việc đi khảo sát, nghiên cứu thị trường nước ngoài, làm tiếp thị, tham gia triển lãm, hội chợ, hội thảo, hội nghị, ký kết hợp đồng với nước ngoài, tham gia đấu thầu quốc tế, đầu tư ở bên ngoài, đòi nợ ở nước ngoài, giải quyết tranh chấp với các đối tác nước ngoài ; quảng cáo ra bên ngoài ; cử nhân viên đi đào tạo tại nước ngoài...;

- Cung cấp ngày càng tốt hơn các thông tin kinh tế vĩ mô và vi mô của các nước, đặc biệt là những thông tin cụ thể cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ;

- Tăng cường hỗ trợ du lịch quốc tế ở Việt Nam thông qua việc phổ biến thông tin du lịch và tạo điều kiện thuận lợi về việc cấp thị thực nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài và Việt kiều ;

- Phối hợp, góp phần vào việc đào tạo, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao hiểu biết cho cán bộ và doanh nhân của ta hiểu biết về hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế và năng lực thực hiện các công tác, nhiệm vụ đặt ra trong quá trình này.

5 - Tham gia xây dựng khung pháp lý, các văn bản pháp quy về kinh tế vĩ mô nói chung và văn bản chuyên ngành, đặc biệt là việc thông tin về kinh nghiệm của các nước. Tăng cường đóng góp vào việc xây dựng, đổi mới hệ thống pháp luật kinh tế của ta cho phù hợp với yêu cầu của đường lối đổi mới, chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần xây dựng hệ thống luật pháp kinh tế của ta phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế mà ta tham gia. Trong khi tham gia ý kiến với các cơ quan hữu quan trong nước đối với các dự thảo văn bản pháp quy về kinh tế cần chú ý việc thông tin kinh nghiệm của các nước, còn đối với các văn bản liên quan đến hợp tác quốc tế thì chú trọng tới các khía cạnh pháp lý và quan hệ đối ngoại.

6 - Công tác thông tin, tuyên truyền kinh tế nhằm cung cấp những thông tin cần thiết, chính xác cho những hoạt động kinh tế cụ thể của các cơ quan nhà

Digitized by Google

nước và doanh nghiệp. Nhờ có điều kiện tiếp cận với khối lượng thông tin rộng rãi trên thế giới, có mạng lưới các cơ quan đại diện ở nhiều nước trên các châu lục, ngành ngoại giao có thể là một trung tâm cung cấp những thông tin hữu ích cho các cơ quan kinh tế và các doanh nghiệp. Công tác thông tin của ngành cần tập trung vào các nội dung chủ yếu như phân tích, đánh giá về tình hình, các xu hướng phát triển của kinh tế quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế, chiến lược phát triển của các nước ; thông tin về thị trường, đối tác, tiến bộ của khoa học - công nghệ, cơ chế vận hành, luật lệ, chính sách của các nước và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kinh tế ; kinh nghiệm giải quyết các vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế của các nước... Giới thiệu đường lối, chính sách, luật pháp của Việt Nam ; đất nước, con người và những thông tin cần thiết về Việt Nam cho các đối tác kinh tế và du khách nước ngoài, góp phần mở rộng quan hệ hợp tác và cơ hội làm ăn, thúc đẩy du lịch giữa ta với các nước. Đây là một công tác mà ngoại giao cần quan tâm thường xuyên và làm tốt hơn.

7 - Tham gia quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại, ngành ngoại giao cần : tích cực và chủ động đóng góp vào việc tạo dựng, duy trì và củng cố môi trường quốc tế hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Trước hết, cần tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác nhiều mặt, chú trọng đặc biệt tới quan hệ kinh tế, với các nước, các khu vực và tổ chức quốc tế theo phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa ; tăng cường theo dõi, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại ; làm tốt hơn chức năng đầu mối, kịp thời phát hiện, kiến nghị và phối hợp giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ kinh tế giữa ta với các đối tác ; thúc đẩy việc củng cố, nâng cao hiệu quả của Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế và các cơ chế hợp tác song phương khác giữa Việt Nam với các nước ; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành hữu quan, cải tiến các thủ tục xuất nhập cảnh, lưu trú đi lại giữa các nhà doanh nghiệp và các thủ tục lãnh sự khác một cách thuận lợi nhất ; quan tâm nhiều hơn tới công tác bảo hộ công dân và các doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ; đặc biệt tăng cường công tác vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để những người Việt Nam ở nước ngoài về thăm, làm ăn kinh doanh ở trong nước, hoặc đóng góp dưới mọi hình thức cho sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước. ❑

NÂNG CAO HƠN NỮA...

(Tiếp theo trang 6)

đồng chí lập quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển đội ngũ những người làm công tác tư tưởng - văn hóa, có kế hoạch khoa học và thiết thực thực hiện nó, để trong 3 - 5 năm tới, Đảng có được một lực lượng kế cận tốt nhất, đủ sức gánh vác trách nhiệm nặng nề trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

Lúc này, đội ngũ làm công tác tư tưởng - văn hóa phải tổ chức và bồi dưỡng lực lượng, để tham gia tích cực, có hiệu quả trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ hơn những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn, đấu tranh sắc bén, có sức thuyết phục với những khuynh hướng tư tưởng sai trái, đồng thời nhạy cảm về chính trị và có tri thức, kinh nghiệm để tác chiến trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa trong hoạt động thường xuyên, hằng ngày. Toàn bộ hoạt động tư tưởng - văn hóa phải tập trung hướng về cơ sở, góp phần có hiệu quả vào giải quyết đúng đắn những vấn đề cấp thiết đang đặt ra ở cơ sở, tạo được sự chuyển biến thật sự về chất ở cơ sở, xây dựng được các phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở, đặc biệt ở những vùng trọng điểm về chính trị, kinh tế, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn... Cần tăng cường chất lượng của thông tin hai chiều, tăng cường đối thoại, phát huy dân chủ ở cơ sở để nhân dân thể hiện nguyện vọng, quan điểm, đóng góp của mình vào toàn bộ các lĩnh vực của đời sống đất nước, tham gia giám sát cán bộ, đảng viên, công chức.

Trên đây là một số vấn đề tôi muốn trao đổi với các đồng chí nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta.

Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, hoàn thành xuất sắc trách nhiệm to lớn, nặng nề, xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng, của cách mạng nước ta. ❑

Digitized by Google

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA BỐN BÀI HỌC SAU 15 NĂM ĐỔI MỚI

NHỊ LÊ

Nhìn lại 15 năm đổi mới toàn diện, qua mỗi chặng đường lịch sử được ghi dấu bằng một Đại hội, Đảng ta đều nghiền ngẫm, rút kinh nghiệm qua những bài học, để tiếp tục đổi mới, đẩy tới một bước sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc. Nếu Đại hội VI (1986), nêu lên *bốn* bài học, Đại hội VII (1991) *năm* bài học và Đại hội VIII (1996) *sáu* bài học thì lần này, Đại hội IX, kết luận rằng "những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn giá trị lớn", trong đó nhấn mạnh *bốn* bài học chủ yếu sau đây : *một là,* trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; *hai là,* đổi mới phải dựa vào nhân dân, phù hợp và thực tiễn, luôn luôn sáng tạo ; *ba là,* đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; *bốn là,* đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Có thể nói, đó là quá trình tìm tòi, thâu hóa và khẳng định những vấn đề cốt tử nhất, có ý nghĩa cơ bản và quan trọng nhất ; đồng thời, cũng chính là những quan điểm chỉ đạo tiến trình đổi mới thắng lợi 15 năm qua.

Từ thực tiễn 15 năm đổi mới, trên cơ sở nghiền ngẫm bốn bài học của Đại hội IX trong những bài học qua các kỳ Đại hội của Đảng, nổi bật mấy vấn đề sau :

Một : Nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về đất nước mình và về thời đại.

Việt Nam bước vào thời kỳ quá độ xây dựng CNXH từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, đã giành được độc lập và trải qua chế độ dân chủ nhân dân. Đó là một thực tế lịch sử mới mẻ chưa đặt ra đối với C.Mác và cả V.I. Lê-nin. Nghĩa là, *điểm xuất phát* của Việt Nam còn thấp xa so với yêu cầu cần phải đạt của mục tiêu xã hội chủ nghĩa (XHCN). Đó là nét *đặc thù lớn nhất* của bước quá độ lên CNXH, không qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Hơn nữa, lâu nay người ta thường quan niệm rằng, chỉ có xây dựng CNXH trong điều kiện hòa bình, nhưng Việt Nam thì trái lại, phải xây dựng CNXH ở miền Bắc trong điều kiện vẫn phải đồng thời làm cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Mặt khác, sau này dù trong điều kiện cả nước thống nhất, công cuộc xây dựng CNXH tiếp tục tiến hành trong bối cảnh hết sức đặc biệt : vừa bị bao vây cấm vận, vừa bị đe dọa bởi những mầm họa chiến tranh đủ loại ; vừa giải quyết gánh nặng do hậu quả mấy chục năm chiến tranh để lại, vừa phải đương đầu với những chấn động sâu sắc và to lớn của cuộc khủng hoảng và sụp đổ của các nước XHCN ở Liên Xô và Đông Âu... Trong khi đó, thực lực đất nước lại luôn tiềm tàng những khó khăn to lớn, với những mâu thuẫn gay gắt giữa "nhiệm vụ vĩ đại với sự nghèo nàn về văn hóa và vật chất", "giữa tiền đề chính trị rất cao và trình độ dân trí còn thấp".

Do tất cả thực trạng đó, cộng với những sai lầm chủ quan của chúng ta trong quản lý, đất nước lâm vào một giai đoạn khó khăn, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, ngay từ cuối những năm 70 tới cuối những năm 80. Và một trong những đòi hỏi cơ bản và cấp bách đặt ra trước Đảng là phải đưa nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra bước phát triển mới trong một thời kỳ mới.

Có thể nói, những nhiệm vụ mà công cuộc đổi mới phải trực tiếp giải quyết ở nước ta, thuộc

Digitized by Google

"trường hợp sinh đẻ đặc biệt khó khăn", khiến cho bước *quá độ gián tiếp* của chúng ta "trở nên đau đớn hơn và lâu hơn". Cuộc sinh thành và phát triển của CNXH ở nước ta, vì thế, có phần chông gai hơn, không phải là con đường thẳng tắp, đầy hoa thơm cỏ lạ.

Bên cạnh những thuận lợi, chúng ta cũng phải đối đầu với không ít nguy cơ, thách thức to lớn, thậm chí có *ý nghĩa sinh tử :*

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quốc tế gay gắt, khốc liệt.

Nguy cơ chệch hướng XHCN, nếu không khắc phục kịp thời những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện.

Nguy cơ về nạn tham nhũng và quan liêu, sự suy thoái về phẩm chất đạo đức trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ; về những tệ nạn khác : như ma túy, buôn lậu... có chiều hướng ngày càng gia tăng.

Nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Đó thực sự là những nguy cơ liên kết biện chứng, đan xen và tác động lẫn nhau, thường xuyên đe dọa sự sống còn của Đảng và của chế độ chúng ta.

Mặc dù vậy, trên hành trình đổi mới đất nước theo định hướng XHCN, Việt Nam cũng *đang đứng trước những vận hội mới, những thuận lợi* khá cơ bản.

Việt Nam xây dựng xã hội XHCN *trong một không gian mới,* có thể coi là không gian tương đối hòa bình của thế giới hiện nay rất thuận lợi cho việc đối thoại và hợp tác tuy vẫn hàm chứa nhiều bất trắc. Thế giới đang nổi bật lên những *xu hướng mới :* Đa cực hóa trật tự thế giới, liên kết khu vực ; xu hướng các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, vừa hợp tác vừa đấu tranh ; xu hướng thế giới ngày càng đi sâu vào quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa nhiều mặt, nhất là về kinh tế, sự phát triển của kinh tế tri thức cả về quy mô và tính chất kéo theo sự phân công mới và hợp tác mới ; và sự phục hồi và phát triển của phong trào cộng sản ở các nước, sau cơn khủng hoảng của CNXH đặc biệt là Liên Xô và Đông Âu. Việt Nam cũng đang đi lên trong một *bối cảnh mới của đời sống khu vực* năng động và phát triển, mặc dù vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây ra mất ổn định. Tiến lên trong không gian mới, xu hướng mới và bối cảnh mới đó, Việt Nam đang có một *vị thế mới và tương quan mới* trong các quan hệ với cộng đồng thế giới và khu vực.

Hai : Kiên định lập trường nguyên tắc XHCN và đổi mới sáng tạo.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về đất nước và thời đại, Đảng ta kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm *nền tảng tư tưởng,* kim chỉ nam của sự nghiệp cách mạng, vì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Nói cách khác, giữ vững định hướng XHCN là một nguyên tắc của công cuộc đổi mới, mà thực chất là kiên trì sự lựa chọn con đường phát triển XHCN, gắn liền độc lập dân tộc với CNXH của cách mạng nước ta, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhưng, xử lý như thế nào mối quan hệ giữa kiên định với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đổi mới sáng tạo, vì CNXH trong điều kiện lịch sử cụ thể ở Việt Nam ? Thực tế cho thấy, việc khắc phục những yếu kém, khuyết điểm có thể trở nên mất phương hướng, thậm chí chuốc lấy hậu quả nặng nề, nếu không đủ bản lĩnh chính trị vững vàng, như nhiều nước XHCN đã từng không đủ sức vượt qua khi tiến hành cải tổ.

Trước hết, *kiên định,* chính là giữ vững, kế thừa, bảo vệ các nguyên tắc và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh - những nguyên tắc đã trở thành chân lý phổ biến có giá trị bền vững ; đồng thời, nghiên cứu và sáng tạo giải quyết những vấn đề cụ thể trên cơ sở phương pháp luận mác xít và xuất phát từ thực tế đất nước. Phải không ngừng điều chỉnh, bổ sung, phát triển kho tàng lý luận mác xít bởi những kinh nghiệm và tri thức mới. Như vậy, kế thừa, bảo vệ và phát triển không phải là làm xơ cứng, triệt tiêu sức sống và làm trì trệ lý luận mác xít, lại càng không có ý nghĩa là tùy tiện làm biến dạng nó, gò theo ý muốn chủ quan và tước bỏ ở nó vũ khí phê phán, tách rời nó khỏi mảnh đất hiện thực thời đại và điều kiện cụ thể nước ta.

Digitized by Google

Đổi mới sáng tạo xuất phát và dựa trên sự kiên định ấy. Tức là, *đổi mới*, trước hết là đổi mới tư duy, phải nhằm trở lại nhận thức một cách đúng đắn những nguyên lý của lý luận mác xít, nhưng không giáo điều và càng không xét lại, mà vận dụng nó một cách sáng tạo, linh hoạt phù hợp với bối cảnh cụ thể của đất nước, làm cho nó có sức sống mới trong thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta. Cùng một hình thái kinh tế xã hội nhưng không hề có hai nước giống nhau - đó là cuộc sống. Chúng ta học C.Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin nhưng phải tìm những giải pháp cụ thể cho cách mạng nước ta. Do đó, đổi mới tuyệt nhiên không phải là thay đổi mục tiêu XHCN, xa rời các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng CNXH mà là xuất phát từ những quan niệm mác xít để hành động một cách đúng đắn theo mục tiêu gắn liền độc lập dân tộc với CNXH. Nói một cách hình ảnh, đổi mới chính là *một tiến trình thúc đẩy sự phát triển độc lập của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở trên mảnh đất hiện thực Việt Nam* một cách sáng tạo, phù hợp và hiệu quả, chứ không phải là sự giáo điều, rập khuôn hay thực dụng và cơ hội.

Nhìn lại 5 năm đổi mới kể từ Đại hội VI, tại Đại hội VII năm 1991, Đảng chỉ rõ : "Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin có nghĩa là nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng một cách đúng đắn, thích hợp với điều kiện nước ta, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sáng tạo" (1). Rõ ràng, không thể có đổi mới sáng tạo nếu không xuất phát từ sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Và đến lượt nó, sự kiên định, sẽ trở nên mất hết ý nghĩa, rơi vào chung chung, trừu tượng nếu không có sự đổi mới cụ thể và sáng tạo. Công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay chính là kết quả và là sự thể hiện hết sức sinh động và thuyết phục về sự kết hợp những phẩm chất đó. Đó cũng chính là *nguồn gốc*, là *cơ sở* quyết định quá trình hoạch định đường lối để Việt Nam từng bước đổi mới thắng lợi.

Ba : Mục tiêu, hướng đi chỉ có một nhưng hình thức, bước đi phải đa dạng và biện pháp phải phong phú, cụ thể ; coi trọng tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận ; phải xuất phát từ nhân dân và dựa hẳn vào nhân dân.

Từ sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã hoạch định ngày càng rõ đường lối đổi mới đúng đắn, xuất phát từ thực tiễn đất nước và phù hợp với thời đại. Nói cách khác, qua độc lập, sáng tạo trong đường lối đổi mới và kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, tham khảo một cách chọn lọc kinh nghiệm của các nước, Việt Nam đã tìm thấy hướng vượt qua thử thách hiểm nghèo, đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo nên bước phát triển mới. Trong mọi hoàn cảnh, trước mọi khó khăn, Đảng ta luôn giữ vững quan điểm chủ đạo : Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà là quan niệm đúng đắn hơn về CNXH và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Chính bởi vậy, các giải pháp đổi mới ở Việt Nam thể hiện hết sức rõ đặc điểm Việt Nam, mang tính hệ thống khá chặt chẽ, phù hợp và hiệu quả với bước đi và cách làm không chủ quan, nóng vội, nhưng cũng không do dự, cầu toàn, nhất là không ảo tưởng vào một mô thức tiên nghiệm hay sẵn có nào.

Bắt tay vào công cuộc đổi mới, Đảng ta xác định, cần xử lý đúng đắn các mối quan hệ rường cột hữu cơ giữa đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và đổi mới xã hội. Đảng ta ý thức rất rõ rằng, các quá trình này phải được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ nhưng trong lộ trình triển khai cụ thể, cần có bước đi phù hợp. Khởi động công cuộc đổi mới, Đảng ta mở khâu đột phá đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc khủng hoảng gay gắt, việc giải quyết những vấn đề kinh tế được coi là nhiệm vụ chính trị hàng đầu, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm nhằm trực tiếp khắc phục khủng hoảng kinh tế, tạo tiền đề vật chất để ổn định chính trị, xã hội. Và trên cơ sở những đòi hỏi của sự phát triển nền kinh tế, xã hội, phải đồng thời từng bước tiến hành đổi mới trong lĩnh vực chính trị một cách thận trọng và phù hợp, trước hết là đổi mới hình thức tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xã hội nước ta.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 127

Digitized by Google

Cứ như thế, qua mỗi giai đoạn, ở từng chặng đường, trên mỗi phương diện, Đảng ta hết sức chủ động vừa *nắm chắc quy luật* vừa *xuất phát từ yêu cầu đất nước* và *dựa vào nhân dân*, để lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới. Điều đặc biệt nhấn mạnh là, Đảng ta hết sức coi trọng gắn chặt việc nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn đổi mới nhằm bổ sung, điều chỉnh kịp thời đường lối đổi mới, đưa đất nước phát triển đúng hướng và đạt hiệu quả cao. Thực tiễn cho thấy, ở những lúc khó khăn nhất, nếu càng *kiên định mục tiêu XHCN càng bám sát* cuộc sống, lắng nghe, tiếp thu ý kiến của cơ sở và nhân dân thì chúng ta càng *độc lập và sáng tạo* trong việc tìm tòi, hoạch định đúng đắn những hình thức, phương pháp, bước đi giải quyết những nhiệm vụ của công cuộc đổi mới xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn lại quá trình 15 năm đổi mới, càng thấy rõ việc kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, sử dụng một cách chọn lọc mọi thành tựu và kinh nghiệm của thế giới trở thành một *nhân tố có ý nghĩa rất quan trọng*. Đổi mới, đó là kết quả tất yếu của sự hòa quyện giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với đòi hỏi bức bách của thực tiễn phát triển đất nước đặt trên cơ sở những di sản truyền thống quý giá của dân tộc, phù hợp với xu thế đi lên của thời đại. Trên thực tế, chúng ta hành động một cách thận trọng, đổi mới trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tăng cường khối *đại đoàn kết toàn dân* mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng lãnh đạo, nhân lên sức mạnh nội sinh dân tộc và những thành tựu mà cách mạng đã giành được.

Bốn : Độc lập, tự cường và hội nhập hiệu quả là động lực quan trọng góp phần đưa Việt Nam vững vàng tiến lên CNXH.

CNXH không phải là một thế giới tồn tại biệt lập, khép kín. Một đất nước phồn thịnh và phát triển không thể đi bằng một chân khập khiễng. Sự nghiệp đổi mới của Việt Nam không chỉ xuất phát từ đòi hỏi của đất nước, mà còn là sự đáp lại yêu cầu bức bách về phát triển trong thời đại mới. Cho nên, mở rộng không ngừng quan hệ đối ngoại, hội nhập với thế giới vì mục tiêu hòa bình, độc lập và phát triển đi đôi với giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường giữ vững bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trở nên tất yếu, như hai cái cánh của một con chim đẩy tới công cuộc đổi mới. Sức mạnh nội sinh của đất nước sẽ trở nên nhỏ hẹp, cục bộ và khiếm khuyết, nếu thiếu sự bổ sung, hoàn chỉnh có tính tổng lực bởi sức mạnh thời đại. Nhưng, nếu không có sức mạnh của dân tộc độc lập, tự chủ, tự cường thì khó có thể có sự hội nhập chủ động với cộng đồng quốc tế một cách đúng hướng và hiệu quả ; và ngược lại, để hội nhập một cách chủ động, không để đánh mất mình hay hòa tan mình vào cuộc hội nhập thì không thể không giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường.

Chính từ nhận thức rõ và chuẩn bị điều kiện để hành động như vậy, nên 15 năm đổi mới, chúng ta đã không ngừng mở rộng quan hệ ngoại giao một cách chủ động và trong tinh thần cởi mở với tất cả các nước trên thế giới, trên nhiều mặt kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hóa nghệ thuật, trực diện phá bỏ thế bị bao vây, cô lập, cấm vận, cải thiện quan hệ quốc tế, tham gia chủ động và tích cực vào đời sống của cộng đồng thế giới, nâng cao vị trí của đất nước trên trường quốc tế, tạo đà thuận lợi cho công cuộc đổi mới xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Chính từ đây, Việt Nam nhìn thấy rõ hơn những bước đi, những biện pháp nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội XHCN phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam và xu thế phát triển của thế giới.

Và cũng chính qua đây, đã cho thấy một cách thuyết phục sự gắn bó mật thiết giữa độc lập dân tộc và CNXH ; *độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc* trong xu thế toàn cầu hóa ngày càng tăng và tiềm tàng vừa những thời cơ vừa những nguy cơ của thế giới hôm nay.

Cuối cùng : Giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Giữ vững và nâng cao sự lãnh đạo của Đảng là một *biểu hiện cơ bản nhất, nổi bật nhất và tập trung nhất* của sự kiên định con đường đi lên CNXH.

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

BẢN LĨNH VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

HỒ SĨ VỊNH *

Văn hóa Việt Nam hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước, mà nền tảng của nó là hệ giá trị tinh thần bền vững, chìm sâu vào các lớp văn hóa. Bản lĩnh của một dân tộc là phẩm chất tự quyết định một cách độc lập thái độ, hành động của mình, không vì áp bức bên ngoài mà thay đổi thái độ, quan điểm, hành động. Bản lĩnh Việt Nam được thể hiện ở nhiều lĩnh vực, nhưng vùng hội tụ đậm đặc nhất ở đời sống tinh thần, ở bình diện văn hiến.

Để tiếp cận với vấn đề ***giá trị truyền thống Việt Nam và những thách thức của toàn cầu hóa,*** xin nêu mấy nội dung mà theo chúng tôi, còn có những tồn tại thách thức về mặt thực tiễn, còn những nhận thức khác biệt về mặt lý luận. Lại nữa, khi mà khái niệm toàn cầu hóa càng trở nên thông dụng, thì nó cũng gặp phải sự mơ hồ, hiện tượng nghịch lý, mơ hồ nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm của văn hóa. Các chuyên gia ở các lĩnh vực kinh tế, công nghiệp thông tin, truyền thông điện tử... là những người đầu tiên đề cập đến toàn cầu hóa và đưa ra một lý thuyết về tính toàn cầu. Trên thực tế xu thế này có đưa lại một số thành tựu : sự hợp tác kinh tế quốc tế và khu vực, sự bùng nổ thông tin, vấn đề dân chủ hóa các sản phẩm thông tin đại chúng, v.v.. Nhưng nguy cơ san bằng, đồng nhất hóa các chuẩn mực, các hệ giá trị của mỗi dân tộc mà loài người đang e ngại một *"mẫu hình văn hóa đồng phục"* là có thật. Những khuynh hướng ngạo mạn, coi thường nhân tố dân tộc, đề cao thế giới một cực, tăng bốc sức mạnh quân sự, quyền lực kinh tế của Mỹ để đi đến khẳng định một *"nền văn hóa có thiên hướng toàn thế giới"*, một lối sống toàn cầu theo mô hình "thế giới Mỹ" là không thể chấp nhận được.

Loài người đang cảnh giác ! Từ *"Tuyên bố Mê-hi-cô về chính sách văn hóa"* (1982) đến *"Hội nghị liên chính phủ về chính sách văn hóa vì sự phát triển"* (Stốc-khôm 1998), từ cuộc Hội thảo quốc tế *"Toàn cầu hóa và việc xây dựng các bản sắc cộng đồng"* (Am-stec-dam, 1996) đến *"Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng văn hóa các nước không liên kết"* (Cô-lôm-bô, 1997) v.v.. những nhà hoạt động văn hóa đều thừa nhận *tính khác biệt* và *tính đa dạng* của văn hóa các dân tộc. Hội nghị liên chính phủ và chính sách văn hóa ở Thụy Điển, ghi nhận 12 điểm cam kết, trong đó ở điểm thứ 11 nói rõ : Việc bảo vệ các nền văn hóa bản địa và khu vực bị đe dọa bởi quá trình toàn cầu hóa, không được biến các nền văn hóa thành các di tích và làm cho văn hóa bị tước đi sức sáng tạo của sự phát triển năng động của chính mình. Trong 5 mục tiêu chính sách khuyến nghị với các chính phủ, ở *Mục tiêu I*, điểm 7 nhấn mạnh : Hợp tác quốc tế và khu vực trong các hoạt động văn hóa nhằm vượt qua các thách thức của quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa và các thay đổi của khoa học công nghệ đang diễn ra. Xem vậy mới biết việc khơi dậy những giá trị truyền thống, phát huy chúng nhằm đối lập với những *phản giá trị*, phân biệt những *giá trị thật* và *giá trị mạo nhận* là vô cùng cấp bách, để sau cùng xây dựng một *hệ giá trị chuẩn* trước thực trạng *rối loạn giá trị, chuyển đổi giá trị* do sự ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa gây nên. Người ta nói toàn cầu hóa là con dao hai lưỡi, quả không sai.

* GS. TS

Digitized by Google

Bản sắc dân tộc và hội nhập thế giới là một nội dung rất rộng, mang tính lịch sử. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau có những bổ sung khác nhau, để phù hợp với xu thế phát triển và phép biện chứng giữa hai phạm trù nói trên. Bài này chỉ nói thêm hai điều. *Một là*, giữ gìn và phát huy các giá trị dân tộc đang đi vào đời sống từ chính sách vĩ mô cho đến công việc vi mô, nhất là vào 15 năm đổi mới. Chính sách văn hóa bao giờ cũng là một *thực thể động*. Làm thế nào để xác định hướng *cần* và *đủ* cho hoạt động văn hóa hôm nay ? Khi đề cập đến cấu trúc ba giai đoạn của văn hóa dân tộc : giai đoạn *cấu trúc ổn định* ; giai đoạn *giải cấu trúc* và giai đoạn *tái cấu trúc*, cần tính đến điểm xuất phát, tính bền vững của các giá trị, đồng thời phải có tầm nhìn văn hóa khoáng đạt và tính cởi mở để hội nhập và giao lưu. Hiện nay trong quá trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, nền văn hóa chúng ta đang ở giai đoạn hai : sự khơi dậy của những giá trị truyền thống song hành với sự tiếp biến các dòng chảy văn hóa ngoại lai ; mục tiêu định hướng Chân, Thiện, Mỹ trong sáng tạo văn hóa vấp phải sự tác động tiêu cực của cơ chế thị trường vào lối sống, lối suy nghĩ, cách làm ăn...

Vì vậy, cần ý thức sớm sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập trong hoạt động văn hóa : giữa bảo tồn văn hóa dân tộc và giao lưu ; giữa bản sắc dân tộc và yếu tố lạ ; giữa cái được và cái mất ; giữa tính định hướng và tình trạng hỗn độn của thị trường, nhất là thị trường văn hóa v.v.. ; cần khắc phục phương châm nặng về *nhận*, nhẹ về *cho* ; chỉ chú ý tới một số nước thuận giao lưu, nuôi hy vọng chỉ muốn *được* mà không muốn *mất*, chỉ thấy *cái hay* của người mà không thấy *cái dở, cái không phù hợp* với ta. Từ nhiều năm nay, công việc khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống đã có nhiều thành tựu lớn và đang đi vào đời sống một cách sôi động. Nhưng do sự yếu kém về tri thức quản lý, thiếu cơ chế đấu tranh chống phục cổ nệ cổ, gây nên làn sóng tự phát ồ ạt của một bộ phận dân chúng đối xử thô bạo đối với di sản văn hóa dân tộc. C. Mác đã cảnh báo rằng : *Văn hóa, nếu như nó phát triển một cách tự phát thì sẽ để lại phía sau một hoang mạc*. Kết quả là lễ hội bị thương mại hóa, chùa miếu trở thành nơi trú ẩn của những thân phận mê si, cuồng tín, đồ cổ quý giá hàng trăm năm trở thành hàng hóa của bọn bất lương v.v..

Hai là, trong quá trình giao lưu, việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của thế giới cần lưu ý : ưu tiên những tinh hoa phù hợp với tâm lý, thị hiếu của đại đa số dân chúng, tập quán của dân tộc ta. Không vậy, thì có khi lợi bất cập hại. Đọc một vài tiểu thuyết thuộc khuynh hướng hiện thực huyền ảo ở châu Mỹ, loại sách kinh dị của Stephen King của Edgar Poe (Mỹ) không phải ai ai cũng tiếp nhận một cách có lợi hoặc phân biệt cái hay và điều cần tránh như các nhà nghiên cứu. Làm công tác văn hóa mà không nghĩ tới điểm xuất phát, mặt bằng dân trí của số đông là nông dân, người buôn bán nhỏ là dễ phiêu lưu, xa thực tế. Có lần, trong một cuộc hội thảo bàn về chống văn hóa độc hại, nhiều nhà khoa học, nhà quản lý văn hóa đã nêu một thực trạng : hiện nay số đông các nhân viên hải quan, thuế, công an biên phòng... các cửa khẩu không phải ai cũng phân biệt được tranh của các danh họa thời kỳ Phục hưng, tranh - tượng của Rô-đanh, tranh vẽ đề tài phụ nữ của họa sĩ cộng sản I-ta-li-a Gút-tu-dô với tranh lõa thể đang bày bán la liệt ở các chợ trời nhiều nước. Đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại mà thiếu tri thức về đối tượng, thiếu bản lĩnh nghề nghiệp, nhất là thiếu cơ chế đồng bộ thì cuộc đấu tranh sẽ vô hiệu.

Khảo sát văn hóa Việt Nam từ cổ đại cho đến hiện đại, từ văn hóa dân gian cho đến văn hóa bác học, ta thấy ba đặc trưng nổi bật : *Dân tộc, hiện đại, nhân văn* được phản ánh ở mức độ *đậm - nhạt* khác nhau và tương đối ổn định qua các thời đại. Duy chỉ có vai trò của *cá nhân* và phẩm chất *dân chủ* là những phạm trù còn mờ nhạt, đó là những nội dung cần được bàn luận. Vì sao vậy ? Văn hóa nước ta từ cổ đại cho đến nay gắn chặt với thể chế chính trị. Nước không độc lập hay bị thống trị thì còn có thể nói gì đến văn hóa ? Vấn đề *tồn tại hay không tồn tại được đẩy lên hàng đầu* rồi mới nói đến *tồn tại như thế nào ?* Tính cộng sinh, cộng cảm cao của *cộng đồng làng xã* là biểu hiện xu thế hợp quần, đoàn kết, tôn trọng con người ; còn cá nhân, cá tính đối với văn nhân kẻ sĩ là khó hiểu và không phổ biến. Một trong nhiều giá trị hạt nhân của

Digitized by Google

truyền thống Việt Nam là tôn trọng người có đức độ, tài năng, ngưỡng mộ các bậc danh nho hiền tài, hiền triết mà phẩm chất nổi bật của họ là chữ *Nhân*, "nhân tâm thế đạo". Khi tiếp cận văn hóa bốn phương không nên dùng khuôn thước văn hóa "cá nhân" , "dân chủ" của một nước nào đó để đo đếm giá trị truyền thống, đó là việc quy chiếu áp đặt ít có hiệu quả.

Về *gia đình* Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa, có hai điều cần chú trọng :

Một là, thực trạng đánh mất thói quen đọc sách ở một bộ phận lớn thanh thiếu niên. Suốt ngày các em dán mắt vào màn ảnh nhỏ, vi-đi-ô, chơi trò chơi điện tử. Văn hóa nghe - nhìn đang lấn át văn hóa đọc. Làm thế nào để trả lại chức năng giáo dục của các sản phẩm văn hóa cho lớp trẻ ? Dùng truyền hình để giới thiệu sách, nhất là sách văn nghệ. Chương trình Télé 5 của Đài Truyền hình Pháp là một ví dụ về phục hưng văn hóa đọc. Ở Xin-ga-po, Chính phủ cảnh giác cao độ trước ảnh hưởng xấu của văn hóa phương Tây, cho rằng thanh thiếu niên là những người bị hại nhiều nhất về tư tưởng và lối sống sa đọa do ấn phẩm băng hình phương Tây mang lại. Ngay cả bộ phim Trung Quốc *Cao lương đỏ* cũng chỉ được phép chiếu khi đã cắt bớt một số cảnh. Khẩu hiệu "Già có nuôi, trẻ có dạy" được coi là tín điều xã hội của Xin-ga-po nhằm duy trì sự bền vững của quan hệ gia đình.

Hai là, ở nước ta không có hiện tượng tan rã gia đình, không có "lối sống gia đình không có hạt nhân" như ở phương Tây, nhưng lại có sự khủng hoảng giữa các thế hệ (Ông bà, cha mẹ, con cháu) có thể dẫn gia đình đến chỗ thiếu ổn định. Vấn đề gia phong, gia lễ bị chi phối bởi nhiều nhân tố : kinh tế, lối sống, chất lượng sống, vấn đề công danh, mưu sinh lập nghiệp, thị hiếu... Có sự mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình, đồng thời có những phương thức giải quyết thấu lý đạt tình, có sức thuyết phục, làm gương cho con cháu noi theo, có thể bắt đầu bằng việc giáo dục cho các bậc làm cha, làm mẹ. C. Mác nói : Những người giáo dục cũng cần được giáo dục ; thương yêu, tôn trọng, phê phán, nhắc nhở, răn đe là cần thiết, nhưng tuyệt đối không nên dùng bạo lực, lăng nhục đối với trẻ em.

Nói *tinh thần cộng đồng* phải nói đến một bộ phận đồng bào định cư ở nước ngoài. *Báo cáo Chính trị* tại Đại hội lần thứ IX của Đảng coi : *Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời với cộng đồng dân tộc*. Đây vừa là lôgích lịch sử, vừa là tình cảm lớn của Tổ quốc đối với kiều dân bắt nguồn từ chữ *Nghĩa - Nghĩa đồng bào*. Trong số vài ba triệu người ở khắp năm châu lục tại bảy mươi nước, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách để quan tâm tới tất cả. Hiện nay cần đặc biệt lưu ý là thế hệ trẻ sinh sau 1975 với mấy lẽ : đối với các em quê hương Việt Nam trong tâm tưởng chỉ còn tượng trưng qua lời kể của người lớn ; Tổ quốc Việt Nam không hoàn toàn là động lực thiêng liêng ; nhu cầu nói tiếng Việt, học chữ quốc ngữ đang là bức bách ; nguyện vọng muốn đóng góp cho đất nước ở các lĩnh vực tin học, kỹ thuật, quản lý doanh nghiệp là rất lớn ; một số cá nhân thành đạt có vốn trên 100 triệu USD ngày càng tăng. Trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật cũng nổi lên nhiều nghệ sĩ tên tuổi : một ngôi sao múa ba-lê Pháp như Eric Vũ An (cháu nội của lão nghệ sĩ Võ An Ninh), một Marie Xinh Nguyên (sống ở Ca-li-phooc-ni-a) được hãng quảng cáo mỹ phẩm Mỹ chọn làm "người đẹp không thể nào quên" [1] và hàng trăm nghệ sĩ trẻ khác đều là thành viên của cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Hòa bình là một giá trị lớn, lâu đời, bền vững của văn hóa Việt Nam. Tinh thần đó lan tỏa, thấm đẫm trong thơ văn Nguyễn Trãi, trong Bình Ngô Đại cáo. Nước Đại Việt là nước văn hiến, chưa bao giờ gây sự với ai, nhưng hễ giặc đến thì từ vua đến dân đều sẵn "trí phục thù, thức ngủ chẳng quên". Vậy mà khi giặc kiệt đường chờ chết bó tay thì chỉ dùng mưu "tâm công", không chiến mà cũng thắng. Và mục đích cao nhất của cuộc kháng chiến chống giặc Minh là cốt "để mở nền thái bình muôn thuở" [2]. Còn chính sách an dân, thì được thể hiện trong việc đặt lễ nhạc. Nguyễn Trãi thưa với vua : "Thời loạn thì dùng võ, thời bình thì dùng văn... Hòa bình là gốc của nhạc...".

(Xem tiếp trang 50)

(1) Dẫn theo : TS. Nguyễn Phúc : *Văn hóa phát triển và con người Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr 205

(2) Nguyễn Trãi : *Thơ và đời*, Nxb Văn học, 1997, tr 242 ; 249

Digitized by Google

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ

LƯƠNG VĂN TƯ *

TRONG hơn một thập kỷ qua, chúng ta đã có cơ hội chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của nông nghiệp thế giới. Xét từ góc độ sản xuất, nhờ sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật mà sản lượng nông sản trên quy mô toàn thế giới không ngừng tăng lên. Tuy nhiên, sự phát triển của nông nghiệp thế giới không đồng đều và có sự khác biệt đáng kể giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, cũng như giữa các châu lục. Từ góc độ thương mại, cùng với sự ra đời của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thương mại đối với nông sản đã được đưa vào khuôn khổ luật pháp quốc tế chặt chẽ. Trên 140 nước thành viên WTO (tính đến tháng 3-2001) đã đồng ý xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan, cắt giảm các hỗ trợ trong nông nghiệp mang tính bóp méo thương mại, cắt giảm tiến tới xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu. Hy vọng rằng một môi trường thương mại quốc tế bình đẳng hơn sẽ mang lại những cơ hội mới cho các nước đang phát triển xuất khẩu nông sản.

Ở nước ta, tuy sản xuất nông nghiệp chỉ đóng góp xấp xỉ 25% GDP, nhưng lại chiếm tới 70% lực lượng lao động. Điều này cho thấy mỗi chủ trương, chính sách liên quan đến nông nghiệp, đặc biệt là các chủ trương, chính sách về hội nhập kinh tế hiện nay sẽ có tác động rất lớn đến đời sống của đông đảo nhân dân. Điều đáng lưu ý là hội nhập kinh tế quốc tế sẽ giúp chúng ta có cơ hội "làm ăn" bình đẳng hơn theo các "luật chơi" chung của quốc tế hiện nay, giúp cho hàng nông sản Việt Nam có cơ hội tiếp cận thị trường toàn cầu dễ dàng và thuận lợi hơn. Nhưng mặt khác, các đối tác thương mại cũng đòi hỏi chúng ta phải mở cửa thị trường không có sự phân biệt đối xử với họ và hàng hóa của họ. Hơn thế nữa, những nhượng bộ của chúng ta phải được luật hóa thông qua các cam kết quốc tế. Chính sách phát triển nông nghiệp dài hạn, vì thế, phải cân nhắc đầy đủ tới các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, hoặc sẽ ký kết.

Lộ trình đã cam kết

Trong khuôn khổ mậu dịch tự do (AFTA), Việt Nam cam kết tới năm 2003, thuế suất thuế nhập khẩu với tất cả các mặt hàng không vượt quá 20%, đồng thời các hạn chế định lượng phải bị loại bỏ. Tới năm 2006, thuế suất không được vượt quá 5%. Tuy nhiên, 51 nông sản thuộc *Danh mục nông sản chưa chế biến nhạy cảm* (SEL) như gà giống, gạo, cam, quýt, chanh, bưởi, đường v.v... có thời hạn cắt giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan chậm hơn, trong đó đáng chú ý nhất là đường mía (2006), quả có múi, thịt và các bộ phận nội tạng của gia cầm (2005). Tới năm 2013, thuế suất đối với toàn bộ các nông sản chưa chế biến thuộc danh mục SEL sẽ không vượt quá 5%, đồng thời mọi hàng rào phi thuế quan phải bãi bỏ. Việt Nam có thể cấm hoặc hạn chế nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ nông sản thuộc *Danh mục loại trừ hoàn toàn* (GEL) bao gồm các loại cồn êtilic nồng độ dưới 80%, rượu mạnh, thuốc lá, xì gà và các chất thay thế có liên quan.

Như vậy về tổng thể, từ năm 2006, nông sản đã qua chế biến của các thành viên AFTA có thể tiếp cận thị trường Việt Nam một cách khá dễ dàng, nhưng phải tới năm 2010 trở đi, nhiều nông sản chưa chế biến mới có thể tiếp thị trường nước ta không bị cản trở bởi các hàng rào phi thuế và thuế suất cao.

Trong khi đó, các cam kết liên quan đến nông nghiệp của Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ tuy có thời hạn thực hiện dài hơn nhưng lại bao trùm hầu hết các nhóm hàng nông sản. Đôi khi, mức tự do hóa trong cam kết này lại cao hơn so với Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEFT) và AFTA. Cụ thể, nếu giả định Hiệp định

* Thứ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

được phê chuẩn trong năm 2001 thì Việt Nam có thể duy trì biện pháp hạn chế định lượng nhập khẩu đối với nhiều nông sản nhập khẩu từ Hoa Kỳ tới khoảng năm 2006 như thịt trâu, bò, thịt gia cầm, sữa, kem, quả có múi (họ chanh), ngô, nhiều loại dầu thực vật, rau quả chế biến, cà phê chế biến, một số loại rượu và đồ uống có men, chế phẩm dùng làm thức ăn cho động vật nuôi. Riêng với đường tinh luyện có thể bị áp dụng biện pháp hạn chế định lượng tới năm 2011, tương đương với mức cam kết trong CEFT/AFTA. Đồng thời, trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến 2006, các doanh nghiệp của Hoa Kỳ chưa được phép kinh doanh nhập khẩu và phân phối động vật sống, lúa gạo, thuốc lá các loại. Việt Nam cũng chưa cam kết về thời hạn cho phép các công ty của Hoa Kỳ kinh doanh, phân phối bột mì, đường, rượu, bia. Thuế suất thuế nhập khẩu đối với phần lớn nông sản trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ thấp hơn so với thuế suất hiện tại và thông thường ở mức 20 - 40%, thuế suất đối với bia làm từ lúa mạch là 80%.

Việt Nam cũng đã chấp thuận yêu cầu tự do hóa thương mại của IMF và WB theo hướng bỏ các hạn chế định lượng với AFTA trên cơ sở Quy chế Tối huệ quốc (MFN) vào năm 2003 đối với các nhóm hàng dầu thực vật, giấy các loại, bỏ đầu mối xuất khẩu gạo từ năm 2001. Đổi lại, Việt Nam có thể nâng thuế suất nhập khẩu để có thể không làm giảm mức bảo hộ sản xuất trong nước.

Như vậy, trừ các nông sản thuộc GEL và SEL (đặc biệt là rượu và đường), từ năm 2003, nước ta không còn khả năng áp dụng các biện pháp hạn chế định lượng để bảo hộ cho các ngành sản xuất nông sản trong nước.

Hiện nay, nước ta đang tích cực chuẩn bị phương án đàm phán gia nhập WTO. Cần phải mất vài năm đàm phán mới có thể đạt được những cam kết về điều kiện gia nhập mà cả Việt Nam và trên 140 thành viên WTO cùng thỏa mãn.

Về thuế quan. Việt Nam có thể phải cam kết ràng buộc về thuế quan đối với tất cả các hàng nông sản. Thuế suất trung bình đơn giản tại thời điểm gia nhập đối với tất cả các hàng nông sản sẽ thấp hơn mức 25% hiện nay. Vài năm sau khi gia nhập, thuế suất trung bình đơn giản đó có thể còn thấp hơn. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, bạn đã giảm thuế suất này từ 36,2% (năm 1992) xuống còn 17,4% (năm 1998) và dự kiến sẽ xuống 14,5% vào năm 2005. Chỉ có thể duy trì thuế suất nhập khẩu cao trên 40% cho một vài nông sản và sản phẩm nông sản. Thuế suất với rượu bia, dầu thực vật, giấy hay nước khoáng sẽ không thể cao như hiện nay, thậm chí có thể còn thấp hơn nhiều.

Về các hàng rào phi thuế quan. Tại thời điểm gia nhập, nước ta phải loại bỏ mọi biện pháp hạn chế định lượng như hạn ngạch hay giấy phép nhập khẩu nhằm hạn chế nhập khẩu. Có thể có những doanh nghiệp vẫn được chỉ định là đầu mối nhập khẩu một vài loại nông sản, nhưng những doanh nghiệp này không thể tùy tiện hạn chế nhập khẩu được. Hằng năm, nước ta phải thông báo với WTO về hoạt động của những doanh nghiệp này. Hơn thế nữa, các doanh nghiệp nước ngoài sẽ dần dần được phép tham gia kinh doanh phân phối các loại nông sản trên thị trường trong nước. Đáng lưu ý là biện pháp cấm nhập khẩu thuốc lá điếu hiện nay với lý do bảo vệ sức khỏe con người có thể phải xem xét lại cho phù hợp với nguyên tắc không phân biệt đối xử của WTO.

Về hỗ trợ trong nước. Do ngân sách nhà nước có hạn nên hiện nay mức hỗ trợ trong nước của Việt Nam rất thấp và hầu như không gây ra sự bóp méo thương mại nào. Theo quy định của WTO, các nước thành viên đang phát triển chỉ được phép hỗ trợ cho một ngành nông nghiệp nào đó không quá 10% tổng giá trị của ngành nông nghiệp đó.

Về trợ cấp xuất khẩu. Việt Nam có thể phải cam kết không trợ cấp xuất khẩu nông sản. Tuy nhiên, do là một nước đang phát triển nên theo quy định của WTO, chúng ta vẫn có thể trợ cấp xuất khẩu nông sản trong các khâu liên quan đến vận tải, đóng gói hay tiếp thị. Đây là những hình thức trợ cấp mà cho đến nay nước ta vẫn chưa áp dụng nên cần được nghiên cứu kỹ trong thời gian tới.

Về các biện pháp kiểm dịch động thực vật nuôi. Việt Nam phải cam kết tuân thủ hoàn toàn các quy định liên quan của WTO. Điều đó có nghĩa là ta rất khó có thể lợi dụng các biện pháp này để hạn chế nhập khẩu nông sản với mục tiêu bảo hộ sản xuất trong nước.

Digitized by Google

Nông nghiệp Việt Nam dưới tác động của hội nhập

Một điều dễ nhận thấy là những cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan tới thương mại sẽ không chỉ tác động trực tiếp và mạnh mẽ tới một số ngành sản xuất nông nghiệp mà cả tới những người nông dân xưa nay chỉ sống nhờ vào việc cung cấp đầu vào cho các ngành sản xuất này. Người nông dân sẽ rất thụ động nếu như các nhà máy tiêu thụ sản phẩm của họ gặp phải khó khăn lớn, thậm chí đi đến phá sản do không có sự nghiên cứu cần thiết, không có kế hoạch điều chỉnh cơ cấu sản xuất và đầu tư thích hợp, xác định rõ mức độ cạnh tranh với nông sản nhập khẩu và cơ cấu thị trường trong từng thời kỳ,... Nhiều vùng nông thôn sẽ trở nên khó khăn hơn nếu không có sự chuyển đổi thích hợp. Chẳng hạn, chỉ sau vài năm nữa là dầu thực vật tinh chế dạng lỏng sẽ được tự do nhập khẩu vào Việt Nam với thuế suất khá thấp. Trong khi đó, việc sản xuất các mặt hàng này của ta lại phụ thuộc chủ yếu vào nguyên liệu nhập khẩu, giá thành sản phẩm sản xuất trong nước lại cao hơn hàng nhập khẩu gần 30%. Liệu khi không còn được bảo hộ, các doanh nghiệp sản xuất dầu thực vật trong nước có thể giữ được thị phần nội địa 90% như hiện nay không ? Hiện nay, ngành dầu thực vật đang có kế hoạch mở rộng khu vực cung cấp nguyên liệu, trong khi đó, nguyên liệu dầu thô từ trước tới nay vẫn đang được nhập khẩu khá tự do với mức thuế suất 5%. Câu hỏi đặt ra ở đây là khi các vùng nguyên liệu đã được xây dựng nhưng Nhà nước không thể nâng mức bảo hộ cho dầu nguyên liệu trong nước thì liệu các nhà sản xuất sẽ chọn dầu nguyên liệu trong nước hay dầu nguyên liệu nhập khẩu với giá rẻ.

Chương trình một triệu tấn mía đường tính đến năm 2000 đã đạt được những thành công lớn. Hiện nay, cả nước đã có một hệ thống 44 nhà máy đường hoạt động với tổng công suất chế biến trên 78 000 tấn/ngày. Ngành mía đường cũng đã thu hút được trên 600 000 lao động nông thôn và trên 300 000 lao động công nghiệp. Tuy nhiên, xét trên khía cạnh thương mại thì sản xuất đường của ta hiện nay chưa mang tính cạnh tranh. Giá đường sản xuất trong nước cao hơn giá đường của một số nước khác từ 1,5 đến 2 lần. Vậy cùng với hội nhập, nông dân trồng mía, các lò đường thủ công và các nhà máy đường sẽ phải đối mặt với đường nhập khẩu chất lượng cao và giá thấp. Một thí dụ khác là ngành giấy, một ngành được bảo hộ bằng nhiều biện pháp như giấy phép nhập khẩu, giá nhập khẩu tối thiểu, thuế quan cao, sau vài năm nữa cũng phải đối mặt trực tiếp với giấy nhập khẩu chất lượng cao, giá rẻ. Không chỉ có các nhà máy giấy mà ngay cả những vùng rừng nguyên liệu cũng phải chịu ảnh hưởng lớn của tự do hóa thương mại.

Khó khăn không chỉ đến với những người dân và nhà máy sản xuất các mặt hàng chưa có lợi thế cạnh tranh và được Nhà nước bảo hộ. Ngay cả đối với những người dân sản xuất lúa gạo, cà phê, hạt điều, hạt tiêu hay rau quả, những mặt hàng mà chúng ta đã đạt được những vị trí nhất định trên thị trường quốc tế cũng sẽ phải đương đầu với không ít khó khăn. Một thực tế là giá nông sản thô trên thị trường thế giới biến động rất mạnh. Giá gạo, cà phê, hạt điều gần đây liên tục giảm. Điều đó lý giải vì sao được mùa mà nông dân lại không phấn khởi.

Khi giá nông sản nào đó có xu hướng tăng trên thị trường quốc tế, nông dân thường có xu hướng phá bỏ cây cũ, trồng loại cây mới được giá hơn. Người nông dân khó có thể tự bảo vệ mình trước sự biến động liên tục của giá cả quốc tế. Nhà nước, các ngành chế biến nông sản và bản thân nông dân đều có vai trò quan trọng trong việc tránh những tác động của quá trình toàn cầu hóa kinh tế đến những người nông dân trực tiếp sản xuất nông sản.

Một số giải pháp ở tầm vĩ mô

1. Các chính sách phát triển nông nghiệp nên hướng vào sản xuất những nông sản Việt Nam có lợi thế so sánh.

Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt với nông sản nhập khẩu chế biến cũng như chưa chế biến với chất lượng cao và giá tương đối rẻ sẽ khiến cho các nhà sản xuất trong nước mất dần thị phần với ngay cả những nông sản truyền thống và có thị trường trong nước cho đến nay vẫn tương đối ổn định. Chẳng hạn, cần phải tính nếu mở cửa thị trường hoàn toàn cho gạo nhập khẩu, khi đó gạo phẩm chất cao của Việt Nam có thể cạnh tranh với các loại gạo nhập khẩu tương tự của Thái Lan hay của Hoa Kỳ không ? Trong tương lai khi mức sống của một bộ phận đáng kể dân cư cao hơn nhiều so với hiện nay, người ta sẽ thích ăn cam của Ô-xtrây-li-a hay Hoa Kỳ hơn cam của Việt Nam. Nếu ngành

Digitized by Google

trồng cam của ta không thể cạnh tranh được với cam nhập khẩu, do cam kết quốc tế, Chính phủ cũng không thể can thiệp bằng cách hạn chế định lượng hay tăng thuế suất cam nhập khẩu. Nghĩa là ta hầu như không có cơ hội để bảo hộ những ngành sản xuất nông nghiệp không có lợi thế so sánh trên quy mô toàn cầu. Rõ ràng khi những công cụ thương mại góp phần bảo hộ sản xuất cho một nông sản nào đó không còn, cách tồn tại và phát triển tốt nhất là phải phát triển những ngành có lợi thế so sánh hoặc ngay từ bây giờ chúng ta đã phải tạo ra cái so sánh đủ để tồn tại và phát triển. Đã đến lúc khi quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp dài hạn phải cân nhắc kỹ càng hơn đến các cam kết quốc tế để tránh đầu tư vào những lĩnh vực mà sau một số năm lại đòi phải bảo hộ. Chẳng hạn, kinh nghiệm phát triển ngành mía đường sẽ là bài học nâng cao đối với ngành trồng bông, chăn nuôi bò sữa. Và cũng nhờ đó, người nông dân có thể tránh được các rủi ro ; tập trung vào sản xuất một mặt hàng được bảo hộ nhưng sau đó lại không thể tiêu thụ được nếu Nhà nước dỡ bỏ các rào cản hàng nhập khẩu theo yêu cầu của các cam kết quốc tế.

2. Coi trọng hơn nữa tới công nghiệp chế biến nông sản.

Phát triển công nghiệp chế biến vừa tạo ra giá trị gia tăng cao, vừa tạo đầu ra ổn định hơn cho các ngành trồng trọt và chăn nuôi. Hơn nữa việc chế biến nông sản để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang thay đổi của thế giới sẽ giúp ta giành được thị phần cho hàng hóa của mình trên thị trường quốc tế. Thí dụ như Thái Lan, kim ngạch xuất khẩu gạo năm 2000 vẫn đạt 6,61 triệu tấn so với 6,67 triệu tấn năm 1999, vì 28% gạo xuất khẩu của Thái Lan là gạo hấp đã qua chế biến có thị trường tiêu thụ ổn định nên họ chỉ phải chịu biến động về giá mà ít chịu biến động về số lượng hàng xuất khẩu như gạo của ta.

Ngoài ra các cam kết quốc tế cũng góp phần trực tiếp vào việc đầu tư cho công nghiệp chế biến. Thật vậy, các nhà chế biến nông sản trong nước sẽ yên tâm về nguyên liệu đầu vào do họ có thể tùy chọn giữa nguyên liệu trong nước và nguyên liệu nhập khẩu chất lượng cao, giá rẻ của thế giới. Chẳng hạn, hiện nay các nhà chế biến hạt điều chưa thể yên tâm về nguồn nguyên liệu đầu vào. Lý do để họ lo ngại có thể là nếu nông dân trồng điều gặp khó khăn, giá điều thô trong nước cao hơn nhiều so với giá thế giới, những nông dân này có thể gây áp lực buộc Chính phủ phải hạn chế nhập khẩu hạt điều thô.

Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế sẽ tạo cho các nhà chế biến nông sản cơ hội kinh doanh tốt hơn do có thể dự báo được các thông tin liên quan tới nông sản nguyên liệu đầu vào - nhân tố cực kỳ quan trọng đối với ngành công nghiệp chế biến nông sản.

3. Hệ thống chính sách và quản lý liên quan đến nông nghiệp cũng cần có những thay đổi kịp thời.

Vai trò của Chính phủ trong việc nghiên cứu, quy hoạch phát triển các ngành có lợi thế so sánh sẽ đóng vai trò quyết định trong việc phát triển nông nghiệp trong tương lai. Chính phủ cũng có trách nhiệm lớn hơn trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp như tạo ra các giống cây, giống con tốt, các dịch vụ khuyến nông, phòng chống dịch bệnh hay bảo hiểm mùa màng, v.v... cho nông dân. Không những thế, Chính phủ cần tính đến việc cân đối lợi ích giữa các ngành, các khu vực để bảo đảm cho nông dân được tiếp cận với các đầu vào quan trọng như thủy lợi, điện, phân bón với chất lượng cao, giá thành thấp.

Việc thực hiện các cam kết quốc tế sẽ thúc đẩy sản xuất nông sản hàng hóa phát triển trên quy mô lớn. Bởi vậy, việc tiếp cận nhanh chóng và chính xác thông tin thị trường nông sản toàn cầu có tầm quan trọng đặc biệt mà nước ta phải quan tâm hơn. Ngoài việc đầu tư nhiều hơn nữa vào hệ thống thông tin từ cấp quốc gia tới tận người nông dân, nước ta cũng sẽ phải chủ động hội nhập tham gia các hiệp hội sản xuất và thị trường bán buôn lớn trên thế giới như Hiệp hội sản xuất cà phê quốc tế, Hiệp hội cao su...

Hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và việc thực hiện các cam kết thương mại quốc tế sẽ tác động sâu sắc, toàn diện tới sự phát triển nông nghiệp, các doanh nghiệp lớn chế biến nông sản và nông dân nước ta. Bởi thế, tăng cường phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về hội nhập kinh tế, chủ động tìm hiểu các cam kết quốc tế sẽ giúp các nhà sản xuất nắm bắt được những thuận lợi do hội nhập kinh tế mang lại và tránh được những mặt trái của quá trình này. Có như vậy chúng ta mới có thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định. ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở ĐẮK LẮK

NGUYỄN VĂN LẠNG *

NHỚ lại những ngày đầu mới giải phóng, Đắk Lắk cùng cả nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp. Nền kinh tế và trình độ sản xuất nông nghiệp lạc hậu, cơ sở hạ tầng yếu kém, công nghiệp hầu như không có. Hậu quả sau 30 năm chiến tranh để lại rất nặng nề. Hàng vạn người sống nheo nhóc trong các khu tập trung, hoặc du canh, du cư ; hàng vạn thanh niên không có việc làm ; nạn đói, bệnh tật, mù chữ là phổ biến trong đồng bào các dân tộc. Các loại phản động, nhất là bọn phản động Fulrô chống phá cách mạng quyết liệt. Bên cạnh đó, chiến tranh biên giới Tây Nam làm cho tình hình an ninh chính trị cực kỳ phức tạp, chính quyền ta phải tốn nhiều thời gian, công sức và tiền của để đối phó. Trong khi đó, bộ máy chính quyền cách mạng non trẻ, đội ngũ cán bộ của ta vừa yếu, vừa thiếu ; cơ sở và thực lực chính trị còn mỏng. Tất cả đã đặt ra những thách thức gay gắt mà đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải vượt qua để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đối với một tỉnh miền núi, biên giới, có tới 43 dân tộc cùng chung sống, tập hợp từ mọi miền của đất nước đến lập nghiệp như Đắk Lắk thì thực hiện chính sách dân tộc có một vị trí hết sức quan trọng trong việc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược. Hai mươi sáu năm qua, đảng bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh đã hết sức coi trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc, đã đạt được những thành tựu to lớn. Nhiều vùng dân tộc thiểu số đã có những bước phát triển nhanh, nhất là về cơ sở hạ tầng : giao thông, điện, nước, trường, trạm... làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào ngày càng được nâng lên và cải thiện rõ rệt thông qua nhiều chương trình, dự án do nhà nước đầu tư, hỗ trợ như : Chương trình xóa đói, giảm nghèo, Chương trình định canh, định cư, Chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn và các chương trình khác của trung ương, của tỉnh...

Một trong những thành tựu lớn nhất đối với đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua là thực hiện tốt công cuộc vận động *định canh, định cư, xóa đói giảm nghèo*. Đây là một trong những nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm ý nghĩa về nhiều mặt cần đặc biệt quan tâm giải quyết ngay sau những ngày đầu mới giải phóng. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), nhiều vùng đã có thay đổi quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Nguồn vốn đầu tư cho chương trình này (cả của trung ương, của tỉnh và viện trợ quốc tế) trong những năm qua là 325 tỉ đồng, đầu tư cho 107 xã, 676 520 khẩu. Đến nay đã có 9 498 hộ, 56 879 khẩu định cư ổn định ; 31 800 hộ, 195 622 khẩu đang tiếp tục được đầu tư để cơ bản thực hiện định canh, định cư. Như vậy, 75% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc diện vận động định canh, định cư đã cơ bản thực hiện định canh, định cư. Đối với hàng nghìn hộ đồng bào các dân tộc thiểu số của các tỉnh phía Bắc di cư tự do đến trong những năm gần đây, đảng bộ và các cấp chính quyền trong tỉnh đã bố trí đất, đầu tư cơ sở hạ tầng, đưa đồng bào vào sống trong các vùng dự án để sớm ổn định đời sống và sản xuất.

Cùng với cuộc vận động định canh, định cư, công tác xóa đói, giảm nghèo cũng đạt nhiều kết quả tốt.

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Digitized by Google

Để tăng cường hiệu quả công tác này, song song với đầu tư hỗ trợ vốn sản xuất, tỉnh đã chú ý thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, bố trí cán bộ khoa học - kỹ thuật trực tiếp xuống cơ sở, nhất là các xã vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, xây dựng các mô hình, làm mẫu để hướng dẫn bà con dân tộc biết cách làm ăn. Các mặt hàng chính sách của Đảng, Nhà nước được cung ứng đầy đủ đến từng hộ gia đình. Nhờ đó, nạn đói kinh niên trong đồng bào dân tộc đã chấm dứt. Đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, số hộ đói nghèo giảm đáng kể (chỉ còn 8,62%), số hộ làm ăn khá giả và giàu tăng lên. Trong 5 năm (1996 - 2000), tỉnh đã giải quyết được 24 923 hộ thoát khỏi đói nghèo ; trong đó, số hộ đồng bào dân tộc tại chỗ thuộc diện đói nghèo chỉ còn 19 052 hộ, giảm 12 240 hộ. Đây là sự kiên trì nỗ lực phấn đấu rất lớn của đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với công tác xóa đói, giảm nghèo những năm qua và cũng là kết quả của sự chuyển biến rất quan trọng trong nhận thức, nếp nghĩ, cách làm của đồng bào từ sản xuất theo kiểu du canh, du cư, tự cung, tự cấp từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Việc chăm lo *giáo dục - đào tạo* đối với con em đồng bào các dân tộc thiểu số cũng được hết sức quan tâm. Tỉnh đã thực hiện nhiều chế độ, chính sách ưu tiên, ưu đãi nhằm tạo điều kiện cho các em đến trường từ bậc mẫu giáo, tiểu học đến bậc phổ thông trung học, như miễn giảm học phí, cấp không sách giáo khoa, vở viết, mua bảo hiểm y tế... Ngoài ra, học sinh là con em các dân tộc thiểu số khi theo học ở các trường dân tộc nội trú còn được cấp học bổng hằng tháng. Đến nay, toàn tỉnh đã có mạng lưới trường, lớp nội trú rộng khắp từ tỉnh đến 18 huyện, thành phố và có riêng một trường đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc. Cơ sở vật chất trường học được xây dựng ngày càng khang trang. Mỗi năm bình quân nhà nước và nhân dân đóng góp xây dựng được 890 phòng học, nhờ đó tuy là tỉnh miền núi đông dân nhưng đã được xóa lớp học 3 ca. Song song với việc gìn giữ bản sắc văn hóa các dân tộc, việc biên soạn và áp dụng giảng dạy song ngữ Êđê - Việt đã được đưa vào chương trình giáo dục cấp tiểu học, góp phần rất lớn vào việc xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho con em đồng bào các dân tộc tại chỗ. Vì vậy, từ tháng 9-1999 tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Hệ thống y tế phát triển nhanh và rộng khắp. Đến nay, tỉnh đã cơ bản xóa xã trắng về trạm y tế. Mạng lưới y tế đã mở rộng đến tận thôn, buôn ; các vùng III đều có cán bộ y tế và 70% số trạm y tế đã có bác sĩ, trong đó có 93 bác sĩ là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 13%. Các dịch bệnh vốn thường xuyên xảy ra trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số được ngăn chặn. Các bệnh xã hội như sốt rét, bướu cổ, phong... đã giảm đáng kể thông qua việc thực hiện các mục tiêu, chương trình y tế hằng năm.

Mức hưởng thụ *văn hóa tinh thần* của đồng bào các dân tộc thiểu số tăng lên rõ rệt. Phương tiện nghe, nhìn, nhất là các chương trình phát thanh, truyền hình bằng 2 thứ tiếng Êđê - Việt đã thu hút được nhiều người. Chương trình của Chính phủ cấp phát ra-đi-ô, ti-vi cho đồng bào vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn được nhân dân đồng tình phấn khởi, hoan nghênh. Hiện nay, toàn tỉnh có 20 đài, trạm phát lại truyền hình, phủ sóng truyền hình cho 91% số xã, bảo đảm đưa tiếng nói của Đảng, Chính phủ đến đông đảo đồng bào các dân tộc thiểu số. Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc được chú trọng. Các hoạt động lễ hội như : cồng chiêng ; thi hát dân gian ; dệt thổ cẩm ; đua voi ; điều tra, sưu tầm trường ca, sử thi. .. của từng dân tộc được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Nhu cầu *thông tin liên lạc và giao thông vận tải* của nhân dân được giải quyết tốt. Đến nay đã có 180/204 xã, phường trong tỉnh có điện thoại. Bình quân cứ 100 người dân có gần 2 máy điện thoại. Các đường quốc lộ đi qua tỉnh được nâng cấp ; các đường từ tỉnh đến các trung tâm huyện cơ bản đã nhựa hóa. Bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có cả sự đóng góp của nhân dân, tỉnh đã phát triển mạnh giao thông nông thôn, bảo đảm thông suốt quanh năm. Đến nay, đã có đường ô tô đến trung tâm 196 xã và 163 xã, phường có điện. Nhờ có mạng lưới thông tin, giao thông và điện phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhiều vùng nông thôn được nâng cao rõ rệt.

Vấn đề rất cơ bản trong thực hiện chính sách dân tộc là chăm lo phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Hiện nay, toàn tỉnh có 2 446 cán bộ,

Digitized by Google

công chức là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 10%) ; trong đó trình độ chuyên môn trên đại học có 2 người, đại học và cao đẳng có 245 người, trung cấp có 1 109 người, công nhân kỹ thuật có 1 111 người. Số cán bộ chủ chốt là người các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, huyện, thành phố và cấp xã, phường chiếm 29,9% ; trong đó, riêng cán bộ là người dân tộc Êđê chiếm 12,75%, M'nông chiếm 8,33%...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Đắk Lắk cũng còn không ít khuyết điểm và yếu kém, trong đó nổi lên những tồn tại lớn : Do điều kiện sống và trình độ dân trí của các vùng dân cư khác nhau, cộng thêm tác động nhiều mặt của kinh tế thị trường, nên đã và đang diễn ra tình trạng phân hóa giàu nghèo mạnh mẽ giữa các vùng, tạo nên những nguy cơ tiềm ẩn về các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Trong khi mức sống chung của nhân dân đã được nâng lên thì vẫn còn một bộ phận không nhỏ nhân dân, nhất là nhân dân các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và kinh tế mới, hằng năm vẫn phải nhận trợ cấp cứu đói lúc giáp hạt. Một số chương trình, dự án đầu tư của nhà nước phục vụ cho việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc hiệu quả thấp. Kỷ cương, kỷ luật thực thi chưa nghiêm ; dân chủ ở cơ sở tuy đã được chú ý phát huy nhưng chưa thực chất. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất gây mất lòng tin trong nhân dân ; hiện tượng tranh chấp đất đai, rừng bị phá trái phép vẫn diễn ra gay gắt. Các tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi cùng với những thiếu sót của bộ máy đảng, chính quyền các cấp, lại thêm những âm mưu chống phá nhiều mặt của các thế lực thù địch lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo làm cho tình hình có nhiều phức tạp.

Sự kiện bạo loạn chính trị những ngày tháng 2 và tháng 3 vừa qua ở Tây Nguyên, trong đó có Đắk Lắk, là sự kiện nghiêm trọng nằm trong âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để thực hiện ly khai ; chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ; chia cắt đất nước ; phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Những phần tử quá khích, được các thế lực phản động và thù địch bên ngoài nuôi dưỡng và giật dây đã lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của bộ phận đồng bào, lấy cớ những mâu thuẫn nội bộ chưa được xem xét giải quyết (như vấn đề đất đai, hoạt động Tin Lành...) để lôi kéo, dụ dỗ, kích động, hăm dọa đồng bào theo âm mưu của chúng ; đòi yêu sách và gây rối ở một số nơi ; công khai thực hiện âm mưu thành lập "Nhà nước Đê Ga độc lập" ở Tây Nguyên. Trước sự kiện trên, các cấp ủy đảng và chính quyền đã chủ động có những biện pháp kiên quyết xử lý kịp thời ; lập nhiều đoàn cán bộ đi xuống cơ sở tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, những thắc mắc của dân ; giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất chính đáng của dân và chỉ rõ âm mưu của kẻ địch muốn chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đối với những kẻ cố tình gây rối, chống phá, chúng ta đã có những biện pháp xử lý thích đáng. Đến nay, tình hình trật tự xã hội và mọi sinh hoạt, sản xuất của cộng đồng dân cư đã trở lại bình thường.

Kinh nghiệm và những bài học qua sự kiện gây rối, bạo loạn chính trị vừa qua, càng làm cho chúng ta thêm thấm nhuần tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ : "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Êđê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau" (1). Sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng là động lực to lớn làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Với tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ VIII đã nêu rõ trong phương hướng, mục tiêu của 5 năm 2001 - 2005 là : tiếp tục đẩy mạnh các chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống, xóa đói, giảm nghèo ; mở mang dân trí ; giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc. Đối với các thôn, buôn vùng II, hằng năm tỉnh dành một phần ngân sách nhất định để đầu tư nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các vùng. Tiến hành rà soát hiện trạng đất đai hiện nay, kể cả quỹ đất của các nông, lâm trường hiện đang quản lý để bố trí đất sản xuất ổn định cho đồng bào dân tộc tại chỗ. Thực hiện tốt việc cung

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 217

Digitized by Google

ứng các mặt hàng chính sách ; tăng cường hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao công nghệ sản xuất để từng bước nâng cao nhận thức và trình độ sản xuất của đồng bào ; phát hiện sớm và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong đồng bào dân tộc. Quan tâm đào tạo và bố trí công tác cho cán bộ người dân tộc thiểu số ; trước mắt giải quyết việc làm cho những học sinh đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Tổ chức tốt việc giáo dục và nuôi dưỡng học sinh dân tộc tại các trường nội trú và trường dạy nghề...

Đảng bộ và nhân dân Đắk Lắk phát huy những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, thực hiện mục tiêu tổng quát về kinh tế - xã hội năm 2001 - 2005 là : Đẩy mạnh phát triển kinh tế có tốc độ cao, trên cơ sở khai thác tốt các tiềm năng, nguồn lực nội tại đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, giữ vững và nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế ; cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh ; giữ vững an ninh chính trị ; trật tự an toàn xã hội. Đổi mới cơ bản cơ cấu đầu tư theo hướng thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tập trung vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế. Đổi mới và đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước, phát huy dân chủ, xây dựng chính quyền vững mạnh, trong sạch.

Bước vào năm đầu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, trong bối cảnh vừa có thuận lợi vừa khó khăn, nhưng dù trong hoàn cảnh nào, đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Lắk đều chủ động, sáng tạo tập trung sức lực, trí tuệ dựa vào sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đã đề ra, góp phần đưa Đắk Lắk trở thành một tỉnh giàu về kinh tế ; vững về quốc phòng và an ninh chính trị ; phong phú, đậm đà bản sắc văn hóa của các dân tộc, cùng cả nước vững bước tiến trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". ❑

NHỮNG VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 33)

Nhìn lại sự nghiệp đổi mới 15 năm qua, nhất là quá trình khắc phục cuộc khủng hoảng vừa qua, càng thấy nổi bật lên sự khẳng định đầy thuyết phục : Giữ vững, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng có ý nghĩa sống còn đối với đất nước, dân tộc và chế độ - một bảo đảm căn bản cho những thắng lợi của công cuộc đổi mới. Nhấn mạnh điều đó để thấy một cách rõ ràng và tỉnh táo rằng, các thế lực thù địch với CNXH luôn âm mưu phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng, phá hoại sự đoàn kết thống nhất của Đảng từ bên trong, làm cho Đảng suy yếu, tan rã ; và việc họ đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, mưu toan tiến tới tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng chính là nhằm mưu đồ xô đẩy dân tộc và chế độ ta vào thảm họa, bắt đầu từ sự tan rã của đội tiên phong lãnh đạo. Bài học xương máu từ sự sụp đổ của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô đã cảnh báo rõ các thủ đoạn hiểm ác đó.

Cố nhiên, việc giữ vững vai trò và sự lãnh đạo của Đảng ta không chỉ là vấn đề thuộc về *nguyên tắc* của lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là kết luận nóng hổi được rút ra từ *yêu cầu bức bách của cuộc sống, từ tình cảm và lý trí sáng suốt của nhân dân ta.*

Chính bởi vậy, Đảng ta đã luôn nỗ lực rèn luyện bản lĩnh chính trị, học tập và nâng cao toàn diện kiến thức, tự phê phán nghiêm khắc những mặt non kém ; đồng thời, lường trước và nhận diện những nguy cơ khiến cho Đảng tự đánh mất vị trí, vai trò lãnh đạo của mình và quyết tâm khắc phục chúng. Nghĩa là, với nhận thức Việt Nam sẽ không thể đi tới mục tiêu CNXH, trước mắt không thể đổi mới thắng lợi, nếu Đảng không tự vươn lên *xây dựng, chỉnh đốn* mình, *dựa hẳn vào nhân dân* để xây dựng Đảng nhằm ngăn chặn những mầm họa khủng hoảng từ trong Đảng. Trên thực tế, quan niệm đó đã biến thành hành động một cách chủ động, thận trọng và hiệu quả trong toàn Đảng, không ngừng tiếp tục tìm tòi những câu trả lời một cách nghiêm túc, đầy trách nhiệm trước lịch sử và trước nhân dân, dẫn dắt đất nước từng bước đổi mới thắng lợi. ❑

Digitized by Google

HỌC VIỆN HẬU CẦN VỮNG BƯỚC ĐI LÊN TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

PHẠM TUYẾN *

SAU chiến thắng Biên giới (thu đông 1950), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta bước sang giai đoạn phát triển mới, quân đội ta tiến lên nắm quyền chủ động tiến công địch trên các chiến trường chính, yêu cầu phải tăng cường xây dựng các lực lượng vũ trang, nhất là bộ đội chủ lực, và vì thế các đại đoàn chủ lực lần lượt được thành lập. Bộ đội ta tiến lên tác chiến tập trung quy mô lớn, lực lượng phát triển rất nhanh, đòi hỏi ngành cung cấp phải thay đổi về tổ chức và hình thức phục vụ. Để đáp ứng yêu cầu mới đó, Tổng cục Cung cấp được thành lập (11-7-1950), và hệ thống tổ chức cung cấp từng bước được hình thành từ cấp chiến lược tới đơn vị cơ sở.

Lúc này, việc xây dựng đội ngũ cán bộ *là vấn đề then chốt trong xây dựng quân đội* (1). Nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ cung cấp đặt ra càng cấp bách hơn vì thực trạng đội ngũ lúc này *không những kém về chất lượng mà còn thiếu nhiều về số lượng* (2). Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Tổng cục Cung cấp đặt trọng tâm công tác năm 1951 là đào tạo cán bộ, yêu cầu các cục, các đơn vị phải vận dụng nhiều hình thức để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Thực hiện quyết tâm đó, lớp huấn luyện cán bộ cung cấp đầu tiên được khai giảng vào tháng 5-1951 gồm 88 học viên, là lớp đầu tiên đồng thời có vinh dự được Bác Hồ gửi thư động viên, chỉ bảo những điều cụ thể, thiết thực, cơ bản đối với người cán bộ cung cấp. Lời dạy của Bác : "Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc ngoài mặt trận, cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo thì bộ đội mới đánh thắng trận" là phương châm hành động và tu dưỡng của mỗi cán bộ hậu cần mãi mãi về sau.

Rút kinh nghiệm sau 2 lớp huấn luyện cán bộ cung cấp (1951, 1952) và để đáp ứng yêu cầu cán bộ cung cấp trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, sang năm 1953, Tổng cục Cung cấp quyết định thành lập Trường Hậu cần có nhiệm vụ là tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn phục vụ kịp thời nhu cầu đơn vị.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, quân đội ta bước vào xây dựng chính quy và hiện đại cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH ở miền Bắc và hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo cán bộ hậu cần trong giai đoạn cách mạng mới, ngày 12-7-1957, Bộ Quốc phòng ra Quyết định thành lập Trường cán bộ Hậu cần trên cơ sở Trường Hậu cần. Đây là nhà trường chính quy của quân đội. Khi Nhà nước ban hành Luật sỹ quan quân đội, Trường cán bộ Hậu cần được đổi tên là Trường sỹ quan Hậu cần (10-1958). Trường có nhiệm vụ đào tạo cán bộ sơ cấp hậu cần và bổ túc cán bộ trung cấp hậu cần. Nhà trường bắt đầu tổ chức các khóa đào tạo cơ bản, dài hạn đầu tiên, đồng thời vẫn tiếp tục đào tạo, bổ túc ngắn hạn với quy mô và yêu cầu cao hơn. Khi đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam, mở cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân, nhà trường chuyển hướng đào tạo từ cơ bản, dài hạn sang ngắn hạn, cấp tốc với khối lượng lớn. Mặc dù phải sơ tán ở nhà dân, vừa huấn luyện, vừa sẵn sàng chiến đấu nhưng nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện và nhiều nhiệm vụ đột xuất khác.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn quyết định, để đáp ứng nhu cầu cán bộ hậu cần với chất lượng cao, đủ sức đảm đương nhiệm vụ, nhất là ở đơn vị cấp chiến dịch, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn, ngày 23-7-1974, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Học viện Hậu cần trên cơ sở Trường sỹ quan Hậu cần. Học viện có nhiệm vụ : đào tạo cán bộ hậu cần sơ cấp, trung cấp, cao cấp của ba quân chủng và ba

* PGS, TS, Giám đốc Học viện Hậu cần

(1) Xem : Báo cáo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Đại hội lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, 2-1951

(2) Xem : Báo cáo của đ/c Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp về công tác năm 1951

Digitized by Google

thứ quân ; tham gia tổng kết kinh nghiệm công tác hậu cần, nghiên cứu lý luận và biên soạn hệ thống tài liệu giáo khoa về hậu cần.

Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, Tổ quốc thống nhất, nhiệm vụ xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đặt ra yêu cầu mới cao hơn đối với Học viện Hậu cần. Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, Bộ Quốc phòng đã thành lập thêm cơ sở 2 của Học viện ở phía Nam để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hậu cần cho các đơn vị phía Nam, tách một bộ phận Học viện để thành lập Trường sỹ quan Hậu cần đảm nhiệm đào tạo cán bộ hậu cần sơ cấp, nhân viên trung cấp kỹ thuật hậu cần và cán bộ chính trị phân đội hậu cần.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Bộ Quốc phòng ra quyết định hợp nhất Trường sỹ quan Hậu cần và Học viện Hậu cần thành Học viện Hậu cần theo Quyết định số 257/QĐ-QP ngày 16-3-1996.

Học viện Hậu cần đang đổi mới để thực hiện nhiệm vụ trên giao với chất lượng ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo nguyện vọng của các thế hệ cán bộ, giáo viên, học viên, công nhân viên và chiến sỹ Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng đã ra *Quyết định công nhận ngày 15-6-1951* - ngày lớp cán bộ cung cấp đầu tiên - tiền thân của Học viện Hậu cần đón nhận thư Bác Hồ là ngày truyền thống của Học viện.

Trong suốt 50 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện Hậu cần luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị mà Đảng, nhân dân và quân đội giao cho, lúc chiến tranh cũng như hòa bình, đặc biệt là công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho nhiệm vụ đổi mới giáo dục - đào tạo, xây dựng Học viện Hậu cần thành một trung tâm nghiên cứu khoa học hậu cần - quân sự có uy tín. Kinh nghiệm được rút ra qua 50 năm hoạt động của Học viện là :

1- Luôn đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp huấn luyện một cách phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo :

Đổi mới nội dung giáo dục - đào tạo ở một nhà trường quân đội là việc làm hết sức khó khăn, lâu dài, vừa quán triệt các quan điểm giáo dục - đào tạo của Đảng, vừa nắm bắt những tiến bộ mới về khoa học, công nghệ nói chung, khoa học nghệ thuật quân sự nói riêng ; đồng thời kế thừa và phát huy tinh hoa của nền nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Đứng trước nhiệm vụ nặng nề, dường như vượt quá khả năng của mình, tập thể lãnh đạo, chỉ huy Học viện đã phát huy sức mạnh toàn Học viện, chọn khâu đột phá, tập trung giải quyết trước tiên là đổi mới chương trình huấn luyện, khẩn trương bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, coi đây là lực lượng nòng cốt xây dựng đề án đổi mới, đồng thời phải vượt lên mọi khó khăn để thực thi đề án đổi mới đó. Từ đổi mới chương trình, tiến hành đổi mới nội dung ; đổi mới phương pháp ; đổi mới công tác quản lý, điều hành theo một kế hoạch đồng bộ, trong đó vấn đề cơ bản là đổi mới nội dung giảng dạy. Để thực hiện đổi mới giáo dục - đào tạo, lãnh đạo, chỉ huy Học viện đề ra chủ trương và tìm nhiều biện pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, bảo đảm cho chương trình, nội dung, phương pháp huấn luyện mới có cơ sở khoa học vững chắc, tránh những sai lầm có thể xảy ra.

Chương trình đào tạo là vấn đề cơ bản, là "cương lĩnh" của một nhà trường. Có xây dựng được chương trình chính xác mới có cơ sở để đổi mới nội dung, phương pháp. Đầu những năm 80, quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị (khóa IV) về cải cách giáo dục và Nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy Quân sự trung ương về công tác nhà trường 5 năm (1981 - 1985), Học viện Hậu cần và Trường sỹ quan Hậu cần tiến hành đổi mới toàn bộ hệ thống chương trình đào tạo các ngành học, các bậc học theo mục tiêu đào tạo mới của từng trường.

Học viện Hậu cần tiến hành đổi mới chương trình cấp học viện sang chương trình đào tạo theo học vấn cấp chiến thuật - chiến dịch. Cách làm lúc này là tổ chức một bộ phận chuyên trách gồm các đồng chí cán bộ, giáo viên có năng lực, kinh nghiệm, đã được đào tạo cơ bản dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám đốc, có sự giúp đỡ của các chuyên gia nước bạn tiến hành nghiên cứu, xây dựng.

Bộ chương trình được xây dựng khá cơ bản, song nhà trường vẫn xác định đây là "chương trình thực nghiệm", phải được kiểm định, đánh giá trong thực tiễn. Sau khi đưa vào thực hiện, Học viện đã kịp thời phát hiện những bất hợp lý, chưa cân đối trong cơ cấu các khối kiến thức và những chỗ chưa sát thực tiễn Việt Nam. Từ đó tiến hành điều chỉnh, bổ sung để chương trình ngày càng gần với mục tiêu đào tạo hơn.

Khi Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định công nhận Học viện Hậu cần cùng các học viện, trường đại học quân sự là một bộ phận của hệ thống các trường đại học quốc gia (Quyết định ngày 26-12-1982), trong xây dựng hệ thống các chương trình thực nghiệm, Học viện đã xây dựng chương trình đào tạo sỹ quan chuyên ngành xăng

Digitized by Google

dầu và nhiên liệu đặc biệt cấp chiến thuật - chiến dịch đạt trình độ đại học (kỹ sư). Chương trình này đã được Bộ Quốc phòng chuẩn y cho phép thực hiện cùng các chương trình đào tạo, bổ túc cán bộ hậu cần cấp chiến thuật - chiến dịch khác. Đây là chương trình thí điểm đào tạo sỹ quan hậu cần cấp trung đoàn, sư đoàn đầu tiên đạt trình độ đại học, từ đây rút kinh nghiệm xây dựng các chương trình đào tạo khác đạt trình độ đại học sau này tốt hơn. Cũng trong thời gian này, Học viện xây dựng kế hoạch và tích cực chuẩn bị tài liệu, cơ sở vật chất, giáo viên hướng dẫn (có sự phối hợp của các học viện, trường đại học trong và ngoài quân đội), mạnh dạn mở lớp nghiên cứu sinh đầu tiên vào tháng 10-1983.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về giáo dục - đào tạo và Nghị quyết 93/ĐUQSTƯ của Thường vụ Đảng ủy QSTƯ (1994) về tiếp tục đổi mới công tác đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật và xây dựng nhà trường chính quy, một lần nữa, Học viện Hậu cần tập trung xây dựng chương trình đào tạo cử nhân hậu cần cấp phân đội làm chuẩn để cải tiến các chương trình khác thành hệ thống chương trình đào tạo liên thông ở 4 bậc học vấn (trung cấp kỹ thuật hậu cần, cử nhân hậu cần cấp phân đội, sỹ quan hậu cần cấp trung đoàn, sư đoàn có trình độ sau đại học và trên đại học về hậu cần quân sự). Đến nay, Học viện đã xây dựng mới 39 bộ chương trình cho các đối tượng sát mục tiêu đào tạo, cơ bản, hệ thống, thống nhất, chuyên sâu, thực sự là cơ sở để tiến hành đổi mới toàn diện nhiệm vụ đào tạo.

Từ hệ thống chương trình đã được chuẩn hóa, Học viện tiến hành đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện ; đổi mới công tác quản lý, điều hành, trong đó nhiệm vụ khó khăn nhất là đổi mới nội dung huấn luyện. Để thực hiện nhiệm vụ này, Học viện đã xây dựng kế hoạch dài hạn được lập từ bộ môn, lên khoa, lên học viện. Những nội dung lớn, quan hệ đến nhiều chuyên ngành, Học viện xác định thành đề tài khoa học và tổ chức đi sâu nghiên cứu làm rõ. Với tinh thần lao động liên tục và bền bỉ, Học viện đã từng bước xây dựng được một hệ thống giáo khoa, giáo trình và tài liệu giảng dạy cơ bản, bám sát quan điểm, đường lối của Đảng, những tiến bộ mới của khoa học, công nghệ nói chung, khoa học nghệ thuật quân sự nói riêng, thường xuyên cập nhật, bổ sung những nội dung mới. Cùng với đổi mới nội dung, Học viện tìm nhiều biện pháp đổi mới phương pháp dạy và học, vận dụng các phương pháp giảng dạy ở bậc đại học, hướng vào nâng cao khả năng độc lập, chủ động, sáng tạo của người học. Học viện coi trọng đổi mới công tác quản lý, điều hành huấn luyện theo hướng tập trung, thống nhất và hiện đại.

2. Đổi mới, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên :

Cùng với đào tạo, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ chính trị trung tâm của Học viện Hậu cần, hơn 20 năm qua, công tác này không ngừng được đổi mới, có tiến bộ về nhiều mặt và chất lượng ngày càng được nâng cao. Kết quả nổi bật là công tác nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ kịp thời cho đổi mới nội dung, chương trình huấn luyện. Các kết quả nghiên cứu biên soạn được đưa ngay vào phục vụ huấn luyện trong và ngoài Học viện. Trong 5 năm gần đây, Học viện đã biên soạn, xuất bản 25 bộ giáo trình, 530 tài liệu huấn luyện cơ bản phục vụ thiết thực cho việc đổi mới công tác giảng dạy, học tập của Học viện.

Hoạt động nghiên cứu khoa học từng bước được đẩy mạnh, mở rộng cả thể loại và phạm vi các đề tài, không những chú trọng các đề tài về nghệ thuật quân sự mà còn đẩy mạnh nghiên cứu các đề tài trong các lĩnh vực : khoa học - công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn quân sự... Chất lượng nghiên cứu ngày càng được nâng cao, các đề tài có giá trị lớn từng bước tăng thêm. Từ năm 1996 đến nay đã hoàn thành 4 đề tài cấp bộ, 25 đề tài cấp ngành và 185 đề tài cấp học viện và đều được đánh giá đạt loại khá, giỏi.

Học viện đặc biệt coi trọng công tác nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm bảo đảm hậu cần chiến đấu nên trong 5 năm qua đã xuất bản 17 cuốn sách tổng kết công tác bảo đảm hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ.

Để công tác nghiên cứu khoa học phát triển, Học viện coi trọng xây dựng tiềm lực khoa học vững mạnh, quan trọng nhất là đội ngũ cán bộ có học hàm, học vị. Hiện nay tuy lực lượng cán bộ khoa học còn mỏng, song đó là vốn quý để Học viện tập trung xây dựng trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học hậu cần - quân sự có uy tín.

Học viện đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ cán bộ, giáo viên, xem đây là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Học viện.

Nhờ vậy, từ lực lượng ban đầu rất mỏng, sau gần 20 năm vừa làm, vừa học đến nay Học viện đã có một đội ngũ giáo viên lớn mạnh, đáp ứng được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đạt được chỉ tiêu "đại học hóa" do Bộ Quốc phòng đề ra, riêng giáo viên

Digitized by Google

100% có trình độ đại học, 40% sau đại học, trong đó 7% là tiến sỹ.

Để có được đội ngũ cán bộ, giáo viên như ngày nay, liên tục trong nhiều năm Học viện luôn đặt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên là nhiệm vụ trung tâm, có nhiều hình thức, biện pháp đào tạo, bồi dưỡng linh hoạt, sáng tạo. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ dài hạn, từng năm có kế hoạch thực hiện cụ thể bồi dưỡng về chính trị, phẩm chất đạo đức, về hoạt động thực tiễn, về trình độ, năng lực thực hành và nghiệp vụ sư phạm.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên là lực lượng nòng cốt làm nên những thành tích vẻ vang và đáng tự hào của Học viện Hậu cần và chính đội ngũ này cũng là thành tựu nổi bật của lịch sử 50 năm qua, họ sẽ viết tiếp những trang sử vẻ vang của Học viện trong thế kỷ mới.

3- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, là nhân tố quyết định bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ và trưởng thành.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ là nhân tố quyết định bảo đảm chất lương giáo dục - đào tạo của Học viện. Vấn đề trọng tâm xuyên suốt là lãnh đạo quán triệt quan điểm mục tiêu, yêu cầu đào tạo, phương châm huấn luyện của Đảng, nhất là nội dung huấn luyện nghiệp vụ, kỹ thuật hậu cần. Suốt 50 năm qua, những lúc khó khăn, những khi chuyển hướng nhiệm vụ đào tạo hoặc biến động về tổ chức, Đảng bộ đã nhạy bén, kịp thời tổng kết rút ra những kinh nghiệm, phương pháp lãnh đạo phù hợp, đạt hiệu quả cao.

Trong xây dựng tổ chức đảng, Đảng bộ luôn coi công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ hàng đầu. Thành công nổi bật là Đảng bộ luôn phân tích, tìm ra quy luật tư tưởng phổ biến của từng thời kỳ, từng đối tượng, phát hiện những mặt tốt, những điển hình tiên tiến để phát huy, nhân rộng ; đồng thời nhận dạng đúng mặt tiêu cực, yếu kém để có biện pháp giải quyết, lúc mềm dẻo, lúc kiên quyết, lấy chi bộ, đơn vị cơ sở làm nơi đấu tranh chuyển biến tình hình. Những năm đổi mới, mở cửa, bên cạnh các thành tựu, mặt trái của cơ chế thị trường như chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, tư tưởng cơ hội trong một bộ phận cán bộ, chiến sỹ, đảng viên có chiều hướng phát triển. Đảng bộ không né tránh, đã phát hiện sớm, kịp thời vạch rõ và kiên quyết đấu tranh, bước đầu làm hạn chế tác hại của nó, giữ vững môi trường sư phạm lành mạnh.

Đi đôi với xây dựng về chính trị, tư tưởng, Đảng bộ luôn coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Bài học sâu sắc của Đảng bộ là tập trung xây dựng cơ sở đảng thực sự vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Đặc biệt coi trọng xây dựng Đảng ủy đoàn kết, thống nhất trong Thường vụ và chỉ huy Học viện.

Xây dựng Đảng bộ thông qua việc thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Đảng ủy cụ thể hóa nội dung, yêu cầu phấn đấu với từng loại chi bộ cơ sở, từng loại cán bộ, đảng viên và chỉ đạo chặt chẽ việc bình xét, phân loại tổ chức đảng và đảng viên. Làm rõ vị trí, chức năng, nội dung, phương pháp lãnh đạo của từng loại hình chi bộ trong Đảng bộ Học viện. Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm, nâng cao năng lực lãnh đạo của các chi bộ, từ đó viết thành tài liệu, thành sổ tay công tác làm tài liệu học tập cho học viên và bồi dưỡng bí thư, cấp ủy. Đảng bộ coi trọng bồi dưỡng thông qua hoạt động thực tiễn, làm điểm, hội nghị, thi bí thư giỏi, tổng kết kinh nghiệm... là hình thức thiết thực, có hiệu quả cao, nhất là với các cấp ủy cơ sở.

Nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là ĐUQSTƯ và Bộ Quốc phòng, Học viện Hậu cần luôn giữ vững và phát huy truyền thống vẻ vang của quân đội, truyền thống của ngành Hậu cần, luôn luôn nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Bằng sự phấn đấu hy sinh của nhiều thế hệ cán bộ, giáo viên, học viên, công nhân viên, chiến sỹ đã đúc kết nên truyền thống tốt đẹp - một tài sản tinh thần quý báu, niềm tự hào để các thế hệ kế thừa, bồi đắp và phát triển lên những tầm cao mới.

Tuyệt đối trung thành, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết chặt chẽ, vượt mọi khó khăn, không ngừng đổi mới, dạy tốt học tốt, gắn với chiến trường, hướng về đơn vị là truyền thống tốt đẹp của Học viện suốt 50 năm qua. Truyền thống ấy sẽ được tiếp tục phát triển với những yêu cầu mới cao hơn nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần quân đội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng bộ Học viện quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, ĐUQSTƯ về quốc phòng - an ninh, về giáo dục - đào tạo ; phát huy truyền thống 50 năm xây dựng và trưởng thành, phấn đấu tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học, đưa Học viện trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hậu cần - quân sự có uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao. ❑

Digitized by Google

BA NHIỀU, BA ÍT

MAI NINH

BÀN về đổi mới phong cách làm việc, Bí thư Tỉnh ủy Đ. T. nói rằng cán bộ ta có ba cái nhiều và ba cái ít. Ba cái nhiều là : hội họp nhiều, giấy tờ nhiều, chi tiêu nhiều. Ba cái ít là : đi cơ sở ít, học tập ít, đọc sách báo ít. Nhận xét thật độc đáo. Nói về chủ nghĩa quan liêu mà cứ như mô tả nó bằng xương bằng thịt. Bí thư nói về tình trạng cán bộ tỉnh và huyện trong tỉnh ông. Thật ra, đó không phải là cái tật mang tính địa phương, và chỉ có ở cấp huyện và cấp tỉnh. Vậy xin thử bàn.

Hội họp nhiều. Nói cho công bằng, hội họp là làm việc. Mà là làm việc với cường độ cao, nếu đúng với nghĩa hội họp để ra quyết định. Nhưng hội họp cũng có năm, bảy cách. Có hội nghị của cấp ủy, của Hội đồng nhân dân, của Ủy ban nhân dân, của các ngành, các đoàn thể. Có hội nghị định kỳ, cũng có hội nghị bất thường ; có hội nghị toàn thể trong phạm vi hẹp, lại có hội nghị mở rộng. Rồi hội nghị liên tịch, hội nghị liên ngành, liên cơ quan, liên đoàn thể. Đó là nói theo cách bổ ngang. Còn theo cách bổ dọc thì trong từng cấp ủy, từng ngành lại có các loại hội họp có tính chất khác nhau : họp để xem xét và giải quyết một vấn đề bằng cách ra nghị quyết ; họp để quán triệt và triển khai nghị quyết của cấp trên hoặc để phổ biến nghị quyết của chính mình cho cấp dưới, họp có tính chất hội thảo, thu thập ý kiến, họp để kỷ niệm ngày truyền thống hoặc đón nhận huân chương, v.v.. và v.v.. Cứ từng ấy cuộc họp cũng đã là nhiều. Nhưng nhiều ở đây được hiểu theo nghĩa là nhiều so với sự cần thiết, nhiều mà chỉ là hình thức, không có hiệu quả. Có những người, ở một cương vị nào đó, nhất là những người giữ nhiều chức trách, quanh năm suốt tháng, cứ liên miên đi họp, thậm chí có những cuộc họp chỉ có mặt để "thêm phần long trọng". Cũng có những đối tượng nhất định vừa dự một hội nghị ở cấp trên về, ngồi chưa nóng chỗ, đã lại nhận giấy mời dự một hội nghị khác cũng do chính cấp trên ấy triệu tập. Có người nói là đi hội thảo, thật ra chẳng có ý kiến gì để "thảo" cả mà chỉ "xin nghe để tiếp thu". Thành ra, có những cuộc họp, đối với nhiều người trở nên phù phiếm.

Giấy tờ nhiều. Giấy tờ ở đây là có ý nói đến những chỉ thị, nghị quyết, thông cáo, thông tri,... Những văn bản ấy tự nó không có tội tình gì, thậm chí còn rất cần thiết trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, nếu nội dung của nó là để giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra. Đã có một thời, ta nêu lên hiện tượng "chỉ thị đầy túi áo, thông cáo đầy túi quần" để phê phán lối làm việc giấy tờ của cấp trên, làm khổ cho cấp dưới. Bây giờ, tuy không ai để chỉ thị và thông cáo trong túi áo và túi quần nữa, nhưng cái hiện tượng giấy tờ nhiều thì vẫn còn nguyên, thậm chí nặng nề hơn. Cùng một vấn đề mà nghị quyết này chưa thực hiện xong đã lại có nghị quyết khác chồng lên. Thông cáo, chỉ thị cũng như vậy, có khi cái sau phủ định cái trước mà không rõ lý do, cái ở lĩnh vực này mâu thuẫn với cái ở lĩnh vực khác, khiến cho bên dưới không biết phải thi hành ra sao. Hội họp nhiều ắt phải giấy tờ nhiều ; giấy tờ nhiều mà không giải quyết được vấn đề ắt phải tăng thêm hội họp, đó là cái vòng luẩn quẩn.

Chi tiêu nhiều. Nếu chi tiêu nhiều cho xây dựng kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân mà không để lãng phí thì đã là cái phúc. Nói chi tiêu nhiều ở đây là nói đến tình trạng vung tay quá trán trong chi tiêu hành chính, chi cho việc xây dựng trụ sở và trang bị tiện nghi đắt tiền bất chấp tiêu chuẩn và chế độ, chi tràn lan cho các cuộc hội họp nghèo nàn về nội dung, chi cho những giấy tờ vô bổ, cho các cuộc tiếp đãi linh đình, cho những lễ lạc mang tính phô trương, hình thức, ... Có điều là tất cả các khoản chi tiêu ấy đều đập vào ngân sách nhà nước, mà

Digitized by Google

ngân sách nhà nước lại được tạo ra từ sự đóng góp của nhân dân.

Ba cái nhiều nói trên đã rõ ràng là đối lập với ba cái ít ở dưới.

Đi cơ sở ít. Cán bộ tỉnh, huyện, trước hết là cán bộ lãnh đạo, mà đi cơ sở ít thì làm sao phát hiện và giải quyết được những vấn đề từ cơ sở ? Có những cán bộ được phân công phụ trách một địa phương mà trong nhiều tháng liền, không thấy có mặt ở địa phương đó. Lý do : bận họp ! Cũng có cán bộ về công tác ở địa phương, hôm trước còn tin chắc rằng địa phương mình phụ trách là tốt, không có vấn đề gì, hôm sau, đã thấy hàng trăm đơn khiếu kiện. Người bị khiếu kiện lại chính là những cán bộ xã đã từng tiếp đãi trọng thể cán bộ cấp trên và báo cáo rằng ở xã đó, chẳng có vấn đề gì đáng bận tâm.

Học tập ít. Bên cạnh một số cán bộ chăm học, thậm chí có người còn chạy bằng giả, bằng rởm để đáp ứng việc "tiêu chuẩn hóa", có không ít người quanh năm suốt tháng chẳng có học hành gì, ngoài việc "tiếp thu" một vài nghị quyết. Kiểm tra trình độ, hết một nhiệm kỳ ba năm hay năm năm, có người trước sao sau vậy, không nhích lên được một bước, thậm chí còn tụt hậu, bởi lẽ, quần chúng chung quanh đã tiến lên còn mình thì đứng nguyên tại chỗ.

Đọc sách báo ít. Ở cơ sở, nhiều người nhận được báo sách thì đút vào ngăn kéo, không có thì giờ đọc hoặc không chịu đọc ; trong khi đó, nhiều người muốn đọc lại không có để đọc. Ở cấp trên cơ sở, cũng có hiện tượng như vậy. Nhiều người khoe là thường xuyên đọc báo Nhân Dân và Tạp chí Cộng sản, nhưng khi được hỏi là báo đã nói gì về chính cái vấn đề họ nêu lên thì họ ngẩn tò te...

Đối chiếu ba cái nhiều với ba cái ít mà Bí thư Tỉnh ủy Đ. T. nêu lên, nhiều người cho rằng nên thực hiện một sự chuyển hóa có tính cách mạng : biến ba cái nhiều thành ba cái ít và ngược lại. Nếu dành thì giờ để đi cơ sở nhiều, học tập nhiều và đọc sách báo nhiều thì chắc là sẽ hội họp ít, giấy tờ ít và chi tiêu ít đi. ❑

BẢN LĨNH VĂN HÓA...

(Tiếp theo trang 36)

Ở thời đại Quang Trung sau khi đại thắng quân Thanh, nhà vua và các quần thần xây dựng lại đất nước với chính sách đối ngoại hòa bình vừa kiên quyết vừa thực tế : đòi lại 7 châu xứ Hưng Hóa, bỏ lệ cống nộp người và vàng, mở cửa biên giới thông thương buôn bán... Chính sách hòa hiếu đó được ghi lại trong nhiều tác phẩm. Trong *Hịch Tây Sơn* được viết lúc quân Tây Sơn kéo ra kinh thành Thăng Long năm 1786 ; đến Bắc Hà lần này với mục đích làm cho dân yên ổn : "Sinh dân phải nuôi dân làm trước", khi ở phía Bắc "mấy thành tin nhạn chưa yên, bề cứu viện ngồi yên sao tiện ?". Nhưng khi đã "vỗ yên bốn phương" thì lấy chính sách an dân, "giữ chặt lòng người", "thuận ý trời" làm trọng. Âm hưởng chủ đạo của *Chiếu lên ngôi* là mong thần dân hãy yên chức nghiệp, người làm quan giữ đạo công liêm, người làm dân vui theo tục tốt... đi đến con đường chính luận đề văn hồi thời thịnh trị... để kéo dài phúc lành cho tôn miếu, xã tắc [3]. Trong 990 năm qua, kể từ ngày vua Lý Thái Tổ định đô ở Thăng Long, chúng ta đã có khoảng cách thời gian hòa bình : 200 năm từ khi đánh thắng quân Tống xâm lược lần thứ hai (1076 - 1257), hơn 350 năm kể từ khi xóa ách đô hộ nhà Minh (1427 - 1789), khoảng 100 năm kể từ đại phá quân Thanh (1789 - 1873) và khoảng 30 năm kể từ sau trận "Điện Biên Phủ trên không" ở Hà Nội (1973 - 2001) để xây dựng đất nước trong hòa bình. Trong hai cuộc chiến tranh chống đế quốc xâm lược, có nhiều thời cơ để nhân dân ta giành được hòa bình, nhưng đều bị kẻ thù từ chối trên thế mạnh. Kinh nghiệm Việt Nam, bản lĩnh Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống đế quốc chỉ ra rằng, mỗi lần bọn xâm lược Mỹ muốn "leo thang" thì họ trùm lên người họ "chiếc áo hòa bình". Không có thiện chí, muốn hòa bình thương lượng trên thế mạnh, nói hòa bình để lừa thế giới... là bản chất của kẻ xâm lược. Hòa bình của cha ông chúng ta cho đến con cháu ngày nay là Văn hóa hòa bình, một giá trị vĩnh hằng, vừa là cương lĩnh hành động, vừa là nguyện vọng tha thiết nghìn đời của dân tộc Việt Nam. ❑

(3) Xem : *Văn học Tây Sơn* do GS Nguyễn Lộc tuyển chọn 1986. Nxb Sở Văn hóa - Thông tin Nghĩa Bình

Digitized by Google

HỆ THỐNG PHÒNG THỦ TÊN LỬA QUỐC GIA - CANH BẠC LỚN ĐẦU THIÊN NIÊN KỶ

VÕ THỦ PHƯƠNG

Ngày 1-5-2001 mới đây, trong bài phát biểu tại Trường đại học quốc phòng, ông G. Bu-sơ đã cam kết quyết tâm xây dựng Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD). Vậy là 20 năm sau thất bại của Tổng thống Ri-gân trong kế hoạch xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa mang tên "Chiến tranh giữa các vì sao", thì ngày nay, nước Mỹ lại có một ông tổng thống nữa dấn thân vào vết xe đổ của người tiền nhiệm.

Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia : tác dụng và cơ cấu

Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia NMD (National Missile defence) thực chất là một "lá chắn" tên lửa, nhằm ngăn chặn các loại tên lửa tầm xa, tầm trung lẫn tên lửa tầm gần của đối phương. Hệ thống này sẽ bao quát toàn cầu bằng nhiều lớp, theo đó các thiết bị đánh chặn, vũ khí la de sẽ được bố trí trên không, trên mặt đất và trên biển để bảo vệ Mỹ cùng các nước đồng minh và các lực lượng của Mỹ đồn trú ở nước ngoài khỏi các cuộc tấn công của các lực lượng thù địch. Một số chuyên gia ước lượng rằng nếu kế hoạch NMD thực hiện được thì nó sẽ tiêu tốn khoảng từ 100 đến 200 tỉ USD.

Cơ cấu của hệ thống NMD bao gồm :

- *Trên mặt đất :* G. Bu-sơ muốn tiếp tục kế hoạch của cựu Tổng thống W.J. Clin-tơn, triển khai 100 thiết bị đánh chặn tại A-lát-xca để đối phó với tên lửa tầm xa. Người ta dự kiến sẽ cho triển khai các thiết bị đánh chặn đầu tiên vào năm 2007, đợt thử nghiệm lần thứ ba sẽ được tiến hành vào cuối tháng 5, đầu tháng 6 tới đây (hai lần thử nghiệm đầu đã thất bại). Ông G. Bu-sơ cũng chủ trương tăng cường các tuyến phòng thủ cuối cùng nhằm chặn đánh những tên lửa bắt đầu trở lại tầng khí quyển sau khi đã được phóng vào vũ trụ. Kế hoạch này còn có hệ thống PAC-3 và các hệ thống lớp trên của lục quân Mỹ nhằm bảo vệ bộ binh Mỹ trước các cuộc tấn công của tên lửa tầm trung và tầm gần.

- *Trên biển :* Ông G. Bu-sơ có thể cho phép hải quân Mỹ thay đổi kế hoạch triển khai hệ thống cục bộ hiện chỉ đối phó với tên lửa tầm trung và tầm gần, để lá chắn này có thể đối phó với cả tên lửa tầm xa. Các thiết bị đánh chặn của hệ thống trên biển, được lắp đặt trên những tuần dương hạm Aegis, sẽ có thể tiêu diệt tên lửa trong không gian. Hải quân Mỹ tuyên bố từ nay đến năm 2006 họ sẽ cải tạo được 6 tuần dương hạm với chi phí ước khoảng 6 tỉ USD.

- *Trên không :* Không quân Mỹ dự định sẽ tiến hành cuộc thử nghiệm đầu tiên cho hệ thống la de trên không vào năm 2003 và sau đó triển khai hệ thống này trên một máy bay phản lực vận tải Bô-ing 747 trước năm 2007. Theo dự kiến ban đầu, hệ thống la de này nhằm bảo vệ không quân trước các cuộc tiến công bằng tên lửa Scud tầm gần. Nếu muốn chặn đánh tên lửa tầm xa, máy bay Bô-ing 747 phải có đủ khả năng bay sát biên giới đối phương suốt 24 giờ/ngày.

Ông G. Bu-sơ không đề cập đến các hệ thống phòng thủ trong vũ trụ, vốn được coi là trung tâm của "Chiến tranh giữa các vì sao" thời Ri-gân.

Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia : sự cần thiết và mục tiêu chiến lược

Về sự cần thiết phải có của hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia, ông G. Bu-sơ đã giải thích rất rõ cho các thính giả trong bài phát biểu của mình :

"..., đây vẫn là một thế giới nguy hiểm, một thế giới kém chắc chắn và khó đoán biết hơn. Có

Digitized by Google

thêm nhiều quốc gia có vũ khí hạt nhân và còn nhiều nước nữa ôm mộng hạt nhân... Một số nước đã chế tạo được công nghệ tên lửa đạn đạo cho phép họ triển khai các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt tới những khoảng cách cực xa, với tốc độ không thể tin nổi...

Đáng lo ngại nhất là trong danh sách các nước đó (danh sách các nước có vũ khí hạt nhân - V.T.P) có cả một số quốc gia ít trách nhiệm nhất thế giới. Không giống như thời "chiến tranh lạnh", hiểm họa sát sườn giờ đây không xuất phát từ hàng ngàn tên lửa đạn đạo nằm trong tay Nga, mà lại là một số lượng nhỏ các loại tên lửa nằm trong tay những quốc gia mà với họ khủng bố và hăm dọa chính là phong cách".

Các quốc gia "ít trách nhiệm nhất thế giới", bất hảo, theo khái niệm của Mỹ, là một loạt nước như Bắc Triều Tiên, I rắc, I ran, những nước mà Mỹ cho rằng, có thể dùng vũ khí hạt nhân để giội cái chết lên đầu Mỹ và các nước đồng minh - một hành động giống như Mỹ đã làm đối với Nhật vào năm 1945 !.

Mục tiêu chiến lược, cốt lõi của học thuyết "Phòng thủ tên lửa" của G. Bu-sơ, trên thực tế không có gì mới, nó chỉ là sự nối tiếp những ý tưởng của các tổng thống Mỹ đi trước với một mức độ tập trung lực lượng cao hơn, nó chính là chủ nghĩa bá quyền được thể hiện trên lĩnh vực quân sự. Mục tiêu mà ông G. Bu-sơ cố gắng đạt tới là xây dựng một hệ thống phòng thủ tên lửa hoàn hảo, để có thể bảo vệ nước Mỹ khỏi mọi cuộc tấn công của đối phương. Từ vị thế quân sự này, nước Mỹ sẽ có thể "làm mưa, làm gió" trên hoàn cầu, có thể từ răn đe đến tấn công mọi nước bằng các loại vũ khí của mình mà không sợ bất cứ một phản kháng nào. Lúc ấy tất cả sẽ là... Mỹ !!!.

Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia : phản ứng của đồng minh và của thế giới

Chuẩn bị cho việc triển khai kế hoạch xây dựng hệ thống NMD, ông G. Bu-sơ đã phái một loạt thuộc hạ thân tín của mình tới châu Âu, châu Á, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, để như lời ông ta nói "thảo luận về trách nhiệm chung của chúng ta trong việc tạo ra một cơ chế mới cho an ninh và ổn định phản ánh thực tại thế giới ngày nay". Có thể thấy G. Bu-sơ khá thận trọng và hành động có bài bản trong quá trình tiến hành triển khai NMD (phải chăng Mỹ đã rút kinh nghiệm về hành động vội vã, dẫn đến xử lý sai lầm trong vụ "Hiệp định Ki-ô-tô"?). Tuy nhiên, dù Mỹ có thận trọng đến mức nào thì phản ứng của "phần còn lại của thế giới" đối với kế hoạch NMD cũng chẳng lấy gì làm tốt đẹp.

Ngày 3-5, các báo của Mỹ đã đăng tin nổi bật về phản ứng của dư luận thế giới với kế hoạch NMD của G. Bu-sơ. Nhật báo phố Uôn viết : "Một ngày sau khi Tổng thống Bu-sơ trình bày về việc xây dựng một lá chắn chống lại các cuộc tấn công bằng tên lửa đạn đạo, Oa-sinh-tơn đã vấp phải cái mà người ta coi là một "công việc thuyết phục khó khăn các đồng minh hoài nghi của Mỹ ở nước ngoài". Ngày 2-5, các nhà lãnh đạo trên thế giới đều bày tỏ sự lo ngại rằng, kế hoạch xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia sẽ như dầu đổ thêm vào ngọn lửa của cuộc chạy đua vũ trang toàn cầu mới.

Các nước đồng minh châu Âu của Mỹ tỏ ra cam chịu một cách thận trọng, nhưng không hề nhiệt tình ủng hộ kế hoạch này. Chẳng cần phải thông minh gì cũng có thể thấy ngay rằng Hệ thống phòng thủ tên lửa ngoài việc "bảo vệ" đồng minh như Tổng thống Bu-sơ tuyên bố, thì hẳn là nó cũng có khả năng kiềm chế các đồng minh của Mỹ - điều mà chẳng ai ham thích !. Ngày 9-5 hơn 100 nghị sĩ Anh đã ký vào một bản kiến nghị bày tỏ sự "lo ngại trước ý định hành động vượt quá giới hạn Hiệp định chống tên lửa đạn đạo (ABM)" của G. Bu-sơ trong việc xây dựng lá chắn phòng thủ tên lửa.

Ngày 10-5, sau cuộc họp với nhóm đặc phái viên của Mỹ, ông M. Xtây-nơ, cố vấn chính sách đối ngoại của Thủ tướng Đức, đã nói với báo chí : "Chúng tôi có một loạt câu hỏi cần được trả lời, và chúng tôi vẫn chưa có chúng. Đó chính là lý do tại sao Đức không trả lời "không" hay "có" ủng hộ những đề xuất của tổng thống Mỹ về hệ thống NMD"

Jang Sung Min, một nghị sĩ trong đảng cầm quyền của Hàn Quốc, nói "Hành động này của Oa-sinh-tơn có thể phá hoại bầu không khí hòa giải và gây ra một cuộc "chiến tranh lạnh" không chỉ ở bán đảo Triều Tiên mà còn ở Đông - Bắc Á".

Digitized by Google

Ngày 2-5, Tân Hoa Xã cảnh cáo : "Kế hoạch xây dựng hệ thống tên lửa quốc gia của Mỹ... sẽ phá hoại sự cân bằng của các lực lượng an ninh quốc tế và có thể gây một cuộc chạy đua vũ trang mới"

Báo Luy-ma-ni-tê (Pháp) ra ngày 3-5 cho rằng Học thuyết phòng thủ chống tên lửa của G. Bu-sơ muốn thủ tiêu thế cân bằng chiến lược trên thế giới. Bài báo viết : "Nội dung cốt lõi của Học thuyết phòng thủ chống tên lửa mới của Bu-sơ là tự bảo vệ để có thể yên tâm tấn công đối phương... Bằng tiềm lực quân sự của mình, Mỹ đã cố ý đưa cả đồng minh và đối thủ của họ vào một tình thế không cưỡng nổi là phải mở hầu bao mua sắm thiết bị quân sự và tiến hành những chương trình nghiên cứu hết sức tốn kém để tự bảo vệ".

Với Nga, Mỹ đã đơn phương tuyên bố "gạt bỏ sự gò ép của một hiệp định ABM" ký kết năm 1972. Ngày 19-5, trong bức thông điệp gửi cho G. Bu-sơ, Tổng thống Nga V. Pu-tin nhấn mạnh : "một trong những vấn đề khó khăn nhất trong quan hệ Nga -Mỹ là Mỹ có kế hoạch triển khai hệ thống NMD", và ông khẳng định : "Nếu hành động đơn phương thì không thể đối phó được những thách thức và đe dọa toàn cầu mới".

NMD sẽ đưa ông G. Bu-sơ tới đâu ?

Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia với mục tiêu rất tham vọng của ông G. Bu-sơ trước hết và đặc biệt nguy hiểm là nó sẽ khai mào một cuộc chạy đua vũ trang mới và vô cùng tốn kém trên phạm vi toàn cầu, điều mà hầu hết đồng minh của Mỹ và các cường quốc đều lo ngại. Cuộc chạy đua vũ trang này sẽ chỉ đem lại lợi nhuận lớn cho Mỹ, khó có đồng minh nào của Mỹ nhìn thấy mối lợi trong cuộc đua Ma-ra-tông kiệt sức này.

Bên cạnh nỗi ám ảnh về một cuộc chạy đua vũ trang là sự lo sợ về nguy cơ mất cân bằng an ninh, về sự đối đầu giữa Nga và Tây Âu do NMD tạo ra. Cùng với NMD là Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (TMD), mà theo một số nhà bình luận, Mỹ có thể triển khai ở Nhật và Đài Loan, nếu điều này trở thành sự thật thì nó có thể hình thành nên những thùng thuốc nổ nguy hiểm tại khu vực Đông - Bắc Á và không ai có thể lường nổi tác hại của chúng.

Với giả định rằng mọi trở ngại về mặt khoa học và kỹ thuật của chương trình NMD to tát này đều được các nhà khoa học Mỹ giải quyết, thì ông G. Bu-sơ vẫn phải đối đầu với các câu hỏi hết sức hóc búa :

1. Có những nguy cơ nào liên quan đến NMD ?

Liệu việc triển khai chương trình này có dần từng bước chia thế giới thành hai phần, mà một phần là Mỹ và phần kia là "thế giới còn lại" và Mỹ sẽ đối đầu với cả cái thế giới đó ? việc phân chia này có thể xảy ra theo nhiều giai đoạn và giai đoạn đầu là sự hình thành các liên minh và các khối chính trị - quân sự (như Nga - Trung, Nga - Trung - Ấn,..).

Liệu ông G. Bu-sơ có đoan chắc rằng khi Mỹ đã có NMD thì đối thủ của Mỹ không có một loại tên lửa nào xuyên thủng nổi cái lá chắn này hay không ? (cách đây 20 năm, khi ông R. Ri-gân thất bại cùng "Chiến tranh giữa các vì sao", thì một số nước đã bắt tay vào việc nghiên cứu loại vũ khí phá "tấm lá chắn hạt nhân" này, và đã có những tin đưa trên báo chí ám chỉ về một loại tên lửa có khả năng xuyên thủng "lá chắn" mà các chuyên gia vũ khí của Nga đã phát minh được). Và nếu sẽ có (hoặc đã có) một loại vũ khí như vậy thì Mỹ sẽ lao vào một cuộc chơi tiêu tốn rất nhiều tiền của để nhằm một cái đích quá nhỏ nhoi ! Thêm vào đó, NMD không thể đối phó với các loại vũ khí thông thường, và độ tinh xảo của loại vũ khí thông thường theo năm tháng sẽ không ngừng tăng lên, trong khi Mỹ chuẩn bị đánh chặn các loại tên lửa thì có gì bảo đảm được rằng Mỹ sẽ an toàn trước những đòn tấn công bằng vũ khí thông thường ?, loại vũ khí mà trong chiến tranh thế giới lần thứ hai đã cướp đi sinh mạng của hơn 37 triệu người.

2. Giữa nguy cơ và lợi ích mà NMD mang lại, cái nào sẽ lấn át cái nào ?

Tất cả các câu hỏi trên, ông G. Bu-sơ và các cộng sự của ông đều chưa trả lời được. Lao vào một canh bạc lớn, chưa nắm chắc phần hơn, với một điểm gở là người cầm quân chủ chốt dưới trướng ông Bu-sơ - ông D. Ram-xphen, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng lại là người đã cùng ông R. Ri-gân thua trong canh bạc tương tự cách đây 20 năm, liệu ông G. Bu-sơ có dám chắc mình sẽ thắng ?. ❑

Digitized by Google

SỰ TỰ PHỦ ĐỊNH CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN - XU HƯỚNG LỊCH SỬ TẤT YẾU *

MẶC dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tạm thời bị tan vỡ, nhưng thời đại hiện nay được mở đầu bằng cuộc Cách mạng XHCN Tháng Mười vĩ đại, vẫn là thời đại quá độ của nhân loại từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên CNXH. Tính chất quá độ của thời đại hiện nay được phản ánh một cách sâu sắc trong rất nhiều công trình, sách báo, bài viết mấy năm vừa qua của nhiều giáo sư, tiến sĩ, viện sĩ triết học nổi tiếng hàng đầu của nước Nga hiện nay, như V. A-gu-đốp, I. Plê-nhi-cốp, V. Cu-dơ-nhe-xốp, V. Xê-mê-nốp, I. Ô-lê-nhi-cốp, ... Khẳng định sự diệt vong tất yếu của CNTB, các nhà triết học Nga đã đề cập đến những chuyển biến không thể đảo ngược đang diễn ra ngay trong thế giới tư bản chủ nghĩa và xem những chuyển biến đó chính là nguyên nhân đẩy CNTB đi tới sự tự phủ định. Sau đây là một số ý kiến của các nhà triết học Nga về những chuyển biến đó.

1. Xã hội hóa tư bản.

Trong sách báo chính luận, xã hội hóa tư bản thường được luận giải như sự hội tụ của CNXH và CNTB. Nhà kinh tế và đồng thời là nhà xã hội học nổi tiếng người Mỹ, ông J. He-bơ-rây xuất phát từ quan niệm : CNXH và CNTB là 2 mô hình "xã hội công nghiệp mới" đã cho rằng sự hội tụ nói trên không phải là sự kết hợp của hai mô hình đó thành một thứ "chủ nghĩa tư bản xã hội chủ nghĩa", mà chỉ là sự bổ sung lẫn nhau của cả hai mô hình thông qua sự kết hợp về "kết cấu kỹ thuật". Từng mô hình vẫn duy trì tiềm năng phát triển độc lập của riêng mình. *Viện sĩ* A. Đ. Xa-kha-rốp thì lại quan niệm về sự hội tụ của CNTB và CNXH như một sự thống nhất những điểm tích cực của cả hai mô hình đó trong hệ thống các mối quan hệ xã hội. Theo *GS.TS.* I. Plê-nhi-cốp thì những nhận định trên hoàn toàn không có cơ sở khách quan. Xu hướng lịch sử của thời đại ngày nay không phải là sự thống nhất của CNTB và CNXH, mà là sự tự phủ định biện chứng của CNTB. Theo ông, nếu đứng trên lập trường duy vật biện chứng mà xem xét, thì không nên hiểu CNXH chỉ giản đơn là chống CNTB. Sẽ không có phát triển lịch sử nếu không có sự kế thừa lịch sử. Song, sự kế thừa đó không phải là một sự chiết trung mà là sự tiếp thụ một cách biện chứng. Xã hội hóa tư bản chính là một nguyên nhân dẫn đến sự ra đời một xã hội mới với những nét định hướng XHCN rõ rệt thông qua sự tự phủ định của CNTB.

Vậy, xã hội hóa tư bản trong xã hội phương Tây hiện đại được thể hiện ra như thế nào ? *GS.TS.* V. Cu-dơ-nhe-xốp cho rằng, nó được thể hiện chủ yếu ở hai khía cạnh : *Một là,* ở sự mở rộng tất cả các hình thức xã hội hóa theo quan niệm mác xít về thuật ngữ này. *Hai là,* ở sự tồn tại các hình thức sở hữu khác nhau về tư bản, cả sở hữu cá thể lẫn sở hữu tập thể. *GS.TS.* I. Plê-nhi-cốp đưa ra 4 hướng chủ yếu của xã hội hóa tư bản ở các nước tư bản phát triển : *Thứ nhất,* kế hoạch hóa (vay mượn từ CNXH) có mục đích và điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế. *Thứ hai,* phân phối lại thu nhập quốc dân có tính đến lợi ích của người lao động nhằm làm dịu bớt những căng thẳng và bùng nổ xã hội. *Thứ ba,* kinh doanh cá thể dựa trên sự hợp tác của các hoạt động kinh tế riêng biệt (hình thành các hợp tác xã trang trại, tín dụng, dịch vụ, sửa chữa máy móc - kỹ thuật...). *Thứ tư,* kinh doanh tập thể dựa trên cơ sở các hình thức khác nhau của chế độ sở hữu tập thể lao động.

2. Hình thành chế độ sở hữu tập thể lao động.

Các nhà triết học mác xít Nga đều đi tới kết luận : sự xuất hiện các hình thức sở hữu tập thể lao động khác nhau ở các nước tư bản phát triển có vai trò đặc biệt trong quá trình tự phủ định của CNTB.

* Nguồn : Tạp chí *"Đối thoại"* (Nga) Số 3, 5, 9-1999, Số 5, 7, 12-2000

Digitized by Google

Cuối thế kỷ XX, các hình thức sở hữu tập thể lao động khác nhau tại các nước tư bản phát triển chiếm gần 10% trong cơ cấu kinh tế quốc dân. Bên cạnh những hợp tác xã lao động đại diện cho nền sản xuất nhỏ, đã xuất hiện ngày càng nhiều các xí nghiệp sản xuất lớn và vừa trên cơ sở chế độ sở hữu tập thể lao động. Những xí nghiệp này mở ra nhiều triển vọng lớn trong việc áp dụng những thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ - kỹ thuật cao vào quá trình sản xuất. Nếu so sánh với các xí nghiệp tư bản tư nhân có cùng công nghệ, thì những xí nghiệp tập thể mới có năng suất lao động cao hơn 2 lần, lợi nhuận cao hơn 1,5 lần và tạo thêm chỗ làm việc nhiều hơn 3 lần. *GS. TS.* Plê-nhi-cốp đã tập trung phân tích hai hình thức mới của chế độ sở hữu tập thể lao động và kinh doanh tập thể lao động hiện nay là : Các liên đoàn, hiệp hội, liên hiệp hợp tác (ví dụ : Liên đoàn nổi tiếng thế giới *Madragona* của Tây Ban Nha hiện có khoảng 200 công ty và xí nghiệp hoạt động dưới sự quản lý của các tập thể lao động) và các công ty cổ phần của nhân viên (ví dụ : các công ty hoạt động trên cơ sở thiết lập kế hoạch quyền sở hữu cho người làm thuê gọi tắt là *ESOP* đang chính thức được thực hiện ở Mỹ, Anh, Ca-na-đa, Nhật Bản... Tính riêng ở Mỹ, trong hệ thống *ESOP* hiện nay có khoảng 500 xí nghiệp lớn và vừa hoàn toàn nằm dưới sự quản lý của các tập thể lao động). Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa thể lý tưởng hóa *Madragona* hay *ESOP*. Thế nhưng, điều không thể phủ định là trên thực tế đang diễn ra những chuyển biến trong quan hệ sở hữu có lợi đối với người lao động. Thực tế này, theo *GS.TS.* Plê-nhi-cốp, càng chứng minh tính đúng đắn trong kết luận sau đây của C. Mác, khi ông so sánh các HTX lao động (các nhà máy hợp tác của công nhân) với các xí nghiệp cổ phần thế hệ thứ nhất đã xuất hiện lúc đó : Cả các HTX lao động, cả các xí nghiệp cổ phần, dù ở mức độ khác nhau, đều là "điểm quá độ" dẫn đến việc chuyển tư bản thành sở hữu của những người sản xuất, "nhưng không phải với tư cách là sở hữu tư nhân của những người sản xuất riêng lẻ nữa, mà với tư cách là sở hữu của những người sản xuất liên hiệp, thành sở hữu xã hội trực tiếp" (1). *TS.* I. Ô-lê-nhi-cốp cho rằng lôgíc bên trong của sự phát triển lực lượng sản xuất dưới CNTB đã kích thích các quá trình xã hội hóa lao động và sản xuất, và đạt tới đỉnh cao của nó ở xã hội hóa tư bản. Với việc mở rộng các hình thức tập thể trong chiếm hữu, sử dụng và phân phối của cải xã hội, trong tổ chức và quản lý lao động, với việc phổ biến các hình thức đó trong những ngành và lĩnh vực sản xuất mới, với việc hình thành tổ chức xã hội tập thể mới thì rất nhiều triển vọng mới trong những hoạt động cải tạo mang tính XHCN cũng đang được mở dần ra.

3. Khủng hoảng lao động làm thuê.

Cuộc khủng hoảng này hiện là một trong những biểu hiện rõ rệt nhất của sự không phù hợp giữa phương thức chiếm hữu của CNTB với trình độ phát triển hiện nay của lực lượng sản xuất. Nhà triết học người Ba Lan A. Sap-phơ trong cuốn sách "Thế kỷ XX của tôi" được xuất bản bằng nhiều thứ tiếng ở châu Âu đã viết : "... lao động làm thuê như là hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại sẽ biến đi. Tuy chưa biết quá trình này diễn ra nhanh hay chậm, nhưng điều hiển nhiên là nó đã bắt đầu...". Đồng ý với nhận định trên, *GS.TS.* V. Xê-mê-nốp nhấn mạnh đến việc cần phân tích những chuyển biến trong lao động theo đúng quan điểm của Mác cả ở nghĩa hẹp, tức là chỉ nói đến bản thân giai cấp công nhân, giai cấp vô sản, và cả ở nghĩa rộng, tức là nói đến toàn bộ những người lao động làm thuê, mà theo Mác thì giới viên chức và trí thức cũng thuộc vào đội ngũ này. Xu hướng chủ yếu hiện nay là, một mặt, số lượng và tỷ trọng của toàn bộ đội ngũ những người làm thuê tiếp tục gia tăng và do đó con số những người thất nghiệp cũng lại tăng lên ; mặt khác, do hậu quả của các cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, thông tin và quản lý thì số lượng và tỷ trọng công nhân ở đa số các nước tư bản phát triển lại giảm xuống.

Sau khi phân tích thực trạng lao động làm thuê ở giai đoạn phát triển hiện nay của lực lượng sản xuất, *GS.TS.* I. Plê-nhi-cốp nhận xét : hiệu quả của lao động làm thuê rơi xuống cùng với sự mở rộng việc áp dụng những công nghệ mới nhất trong sản xuất. Ở người lao động làm thuê không có tương lai bởi lẽ tác nhân kích thích hoạt động sáng tạo - ý thức làm chủ trong anh ta đã bị đánh mất. Và nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự tự phủ định của CNTB cũng chính là ở đây.

(1) C. Mác - Ph-Ăngghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 25, ph 1, tr 668

Digitized by Google

Bản chất của những mối quan hệ xã hội được hình thành trong các nước tư bản trên cơ sở hạn chế và khắc phục lao động làm thuê là gì ? Để trả lời câu hỏi này, *GS. TS.* I. Plê-nhi-cốp cho rằng trước hết cần trở về với *Tư bản* của C. Mác. Nếu các hình thức liên hiệp cổ phần tồn tại dưới thời Mác là "điểm quá độ" tất yếu để tư bản trở thành chế độ công hữu trực tiếp của những người sản xuất liên hiệp, thì các HTX lao động (những nhà máy hợp tác của công nhân) không chỉ là "điểm quá độ", mà còn là "lỗ thủng đầu tiên" trong phương thức sản xuất của CNTB. Thực chất của lỗ thủng này, theo C. Mác, là ở việc loại bỏ một cách tích cực sự đối kháng giữa tư bản và lao động ở bên trong những nhà máy hợp tác đó, tức là bao hàm cả việc khắc phục những điều kiện nảy sinh lao động làm thuê. Những người lao động liên hiệp trở thành "nhà tư bản đối với chính bản thân mình". *T.S.* I. Ô-lê-nhi-cốp nhấn mạnh : chính sự tiến triển của các hình thức sở hữu mang tính hợp tác và cổ phần, tổ chức lao động và sản xuất hiện nay ở các nước tư bản đã khẳng định tính đúng đắn của kết luận mà Mác đưa ra : " ... đến một giai đoạn phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất và của những hình thái sản xuất xã hội tương ứng với những lực lượng sản xuất đó, thì tất nhiên là một phương thức sản xuất mới phải nảy ra và phát triển trên cơ sở một phương thức sản xuất cũ" (2).

Trở lại câu hỏi nêu trên, các nhà triết học Nga cho rằng, không thể coi những quan hệ xã hội được hình thành trên cơ sở chế độ sở hữu tập thể lao động là những quan hệ TBCN trong hình thức cổ điển của chúng. Song, những quan hệ đó cũng chưa phải là những quan hệ mang tính chất XHCN. Bởi chế độ sở hữu tập thể lao động là một thực tế xuất hiện trong lòng chế độ tư bản, do đó sự hoạt động và phát triển của nó vẫn bị phụ thuộc vào các quy luật của thị trường TBCN. Để những quan hệ đó hoàn toàn mang tính chất XHCN, theo *GS.TS.* I.Plê-nhi-cốp, cần có hai điều kiện : *Thứ nhất,* chính quyền nhà nước phải chuyển về tay giai cấp công nhân và những người lao động. *Thứ hai,* khẳng định chế độ sở hữu nhà nước đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu.

4. Nguy cơ thảm họa sinh thái.

Ngay từ Hội nghị bàn về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc diễn ra tại Ri-ô-đơ Gia-nêy-rô (1992) các đại biểu đã tập trung sự chú ý đến việc vạch ra những ý tưởng về sự phát triển bền vững và khẳng định chính chế độ tư hữu là trở lực lớn nhất đối với việc thực hiện ý tưởng này. Tổng thư ký Hội nghị, ông M. Stơ-rông (Ca-na-đa) đã phát biểu trong buổi lễ khai mạc Hội nghị như sau : "Các quá trình tăng trưởng kinh tế như hiện nay tạo ra mức dư dật và sức mạnh chưa từng có của thiểu số giàu có, nhưng đồng thời cũng mang đến những hiểm họa và mất cân đối cho cả nhân loại. Mô hình phát triển này không phải là mô hình bền vững đối với các nước giàu có và các nước nghèo không thể lặp lại mô hình này. Hậu quả của nó có thể sẽ đưa nền văn minh của chúng ta đến sụp đổ". *T S* Ca-na-va-nốp khái quát 2 đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay là sự phát triển của những tiến bộ khoa học - kỹ thuật và sự nảy sinh những vấn đề toàn cầu trong hệ thống các mối quan hệ "con người với tự nhiên" và "con người với con người". Theo ông, ngày hôm nay càng rõ thêm một điều là nguy cơ thảm họa chung không chỉ xuất phát từ những mâu thuẫn trong sự phát triển của mối quan hệ "con người với con người", mà còn chủ yếu bắt nguồn từ mâu thuẫn trong sự phát triển mối quan hệ "con người với tự nhiên". Bên cạnh hố ngăn cách "Bắc - Nam" ngày càng bị khoét sâu thêm, thì sức ép của những nhân tố chịu tác động của con người lên hệ sinh quyển cũng ngày càng lớn hơn. Trong bài *"Chủ nghĩa cộng sản nhân đạo - sự lựa chọn của thiên niên kỷ thứ ba", PGS. PTS.* Ma-lây-tren-cô đã viết : "CNTB phung phí một phần rất lớn các nguồn tài nguyên quan trọng cần cho sự sống nhưng không phải để phục vụ cuộc sống của của mọi người, mà để hủy hoại con người. Nó đã bước qua giới hạn khả năng tái tạo của hành tinh và đang đẩy hành tinh này nhanh chóng đi đến thảm họa... Các nước tư bản phát triển có số dân chỉ chiếm khoảng 20% dân số toàn cầu, nhưng lại tiêu thụ hơn một nửa số lượng nhiên liệu khai thác trên thế giới. Mức tiêu thụ như vậy đối với toàn bộ dân cư trên trái đất sẽ làm tăng lượng nhiên liệu bị đốt lên 6 lần và như vậy sẽ làm tăng thêm sức nặng đối với tự nhiên mà nó không thể gánh chịu nổi. Theo những dự báo mang tính lạc quan nhất, lượng nhiên liệu dự trữ tự

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen. *Sđd,* t 25, ph 1, tr 673

Digitized by Google

nhiên khai thác được có thể chỉ đủ dùng trong vòng 3 - 5 thập niên nữa. Tình hình cũng sẽ như vậy đối với nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng khác mà thiếu chúng thì không thể có các ngành công nghệ hiện đại". Phê phán quan điểm của nhà xã hội học người Mỹ Ph. Phu-cu-a-ma cho rằng dựa vào sự phát triển của công nghệ hiện đại, các dân tộc đều có thể cố gắng đạt được đến mức tiêu thụ lãng phí như các nước "tỷ phú vàng", *PGS.PTS* Ma-lây-tren-cô khẳng định : cố gắng ấy sẽ là con đường ngắn nhất dẫn tới thảm họa mang tính toàn cầu.

5. Sự lựa chọn của thế giới.

Vào những năm 70 của thế kỷ XX Đ.Mê-đô-u-dơ cùng nhóm nghiên cứu của ông đã đưa ra quan niệm "Giới hạn của sự tăng trưởng". Theo ông Mê-đô-u-dơ, chiến lược tăng trưởng kinh tế là một chiến lược mang tính tự sát đối với nhân loại. Hệ thống *xã hội - tự nhiên* chỉ có thể đạt được sự phát triển bền vững bằng việc phải ngừng ngay sự tăng trưởng kinh tế thế giới lại. Các nhà triết học mác xít Nga đã không đồng ý với kết luận đó. *GS.TS.* I. Plê-nhi-cốp đặt câu hỏi : Liệu có thể ngừng tăng trưởng kinh tế vào lúc này hay không, khi mà một phần tư dân số trên thế giới còn đang phải sống trong cảnh cùng quẫn tuyệt đối, và khi ở rất nhiều nước trên thế giới công cụ lao động duy nhất dùng trong sản xuất nông nghiệp vẫn còn chỉ là những cái cày, cái cuốc bằng gỗ ?. Câu trả lời đương nhiên là không thể. Để thế giới có thể phát triển một cách bền vững, theo ông, điều quan trọng mang tính nguyên tắc là các nước phải định ra được chiến lược cải biến thế giới. Chiến lược đó chí ít cũng phải gồm có những nhiệm vụ như sau : Ngăn chặn cuộc chạy đua vũ khí và sử dụng những tiềm năng vật chất và tinh thần to lớn gắn với cuộc chạy đua này vào mục đích phục vụ lợi ích của cả nhân loại, xóa bỏ hẳn mọi cảnh cùng quẫn và nghèo khổ ; sinh thái hóa mọi hoạt động công nghệ và triển khai nền sản xuất mang tính sinh thái, tức là sản xuất và tái sản xuất ra những điều kiện tự nhiên cần thiết cho hoạt động sống của con người ; thiết lập hệ thống y tế và giáo dục hoàn thiện và phục vụ cho mọi người dân ở tất cả các nước ; điều tiết những hoạt động về nhân khẩu... Tuy nhiên, những nhiệm vụ này sẽ không mang tính khả thi, nếu không tiến hành một sự cải biến tận gốc những mối quan hệ xã hội, mà trước hết là cải biến tận gốc chế độ tư hữu. Chính chế độ tư hữu đã đẩy nhân loại đến một sự lựa chọn duy nhất : hoặc là tấn công vào quyền tư hữu, hạn chế, khắc phục và triệt để thủ tiêu nó hoặc là sự diệt vong của toàn bộ nền văn minh nhân loại.

Ông Ô-xka La-phông-ten, Đảng XHDC Đức tại hội nghị khoa học : "Chủ nghĩa Mác trước thềm thế kỷ XXI", được tổ chức tại Thu-rin-ga (Đức) cuối năm 1998 đã nói : CNTB làm tiêu tan mọi sự bình đẳng, vì nó phá hủy cơ sở để lập các kế hoạch phục vụ cho đời sống của đại bộ phận các tầng lớp nhân dân", *GS. TS.* M. Vô-ây-cốp viết : "Giai cấp tư sản hiện đang say sưa với thành tích của nó và cho rằng lịch sử thế giới đã đạt tới nấc thang phát triển cuối cùng. Tuy nhiên, ngay tại điểm giáp ranh giữa hai thế kỷ CNTB hiện đại lại lún sâu vào một cơn khủng hoảng sâu sắc mới... "Kỳ tích Nhật Bản" sụp đổ tan tành. Tại các nước Đông Âu người ta đang chứng kiến một thái độ hoàn toàn thất vọng về các cuộc cải cách theo hướng tư bản chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng của CNTB hiện đại rõ ràng đến mức làm ngay cả các nhà kinh tế học theo chủ nghĩa tự do mới cũng phải lên tiếng..."

Kết thúc bài tổng thuật này xin dẫn lời của *TS.* I. Ô-lê-nhi-cốp : "Chủ nghĩa Mác đã chỉ rõ rằng : CNTB với những tính quy luật nội tại vốn có của nó đang tiến gần đến sự cáo chung không thể tránh khỏi của chính bản thân nó". "Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại tự nó gây ra cái phủ định bản thân nó với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên" (3). Thực tế lịch sử của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu, sự phát triển thành công của Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác ngày hôm nay khẳng định CNXH là con đường tiến bộ xã hội và văn minh đầy triển vọng, là công bằng và nhân đạo, đáp ứng được lợi ích và nhu cầu của tất cả các tầng lớp nhân dân và người lao động trên toàn thế giới".

NGUYỄN TIẾN NGHĨA

(Dịch và tổng thuật)

---

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen, *Sđd*, t 20, tr 191

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

VẤN ĐỀ "ĐỔI ĐIỀN, DỒN THỬA" RUỘNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Trong hai ngày 10 và 11 tháng 5 năm 2001 tại huyện Khoái Châu, Hưng Yên, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đã phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề "Chuyển đổi ruộng đất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn". Hội thảo đã có một số nhận định chung như sau :

Hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng : tỷ lệ tăng trưởng trong nông nghiệp tăng đều qua các năm và đạt tỷ lệ tương đối cao, bình quân từ 4 - 5%/năm ; sản lượng lương thực tăng 5,6%/năm, từ 18,2 triệu tấn năm 1986, đến năm 2000 đã đạt trên 35,5 triệu tấn. Mặc dầu tỷ lệ tăng dân số vẫn còn cao, nhưng lương thực bình quân đầu người liên tục tăng khá và đạt 414 kg. Đến năm 2000 đã có khoảng 30% số hộ nông dân sản xuất hàng hóa, gần 20% sản xuất hàng hóa quy mô lớn (các nông, lâm, ngư trại) với tỷ suất hàng hóa 60 - 85% sản phẩm làm ra.

Mặc dù vậy, đứng trước những yêu cầu mới của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng, cùng với xu thế hội nhập với các nền kinh tế thế giới, nền nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều vấn đề bức xúc : cơ sở hạ tầng nông thôn kém phát triển, cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn tự phát, chắp vá chưa đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của thị trường, đặc biệt là tình trạng ruộng đất manh mún... chưa tạo ra được tiền đề cần thiết để phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, có chất lượng đồng đều và hiệu quả kinh tế cao. Tính đến nay cả nước có khoảng 11 triệu hộ nông dân đang quản lý và sử dụng trên 80 triệu mảnh ruộng với diện tích rất khác nhau. Bình quân mỗi hộ có từ 5 đến 10 mảnh, cá biệt có hộ có tới 30 mảnh. Đó là thực trạng do lịch sử để lại kể từ khi thực hiện Nghị định 64/CP (ngày 27-9-1993) của Chính phủ về : "giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp", nhiều địa phương, nhất là các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng, như Hưng Yên, đã thực hiện chia ruộng bình quân : có tốt, có xấu, có xa, có gần và có cao, có thấp... Đến nay thực tế đó đã gây cản trở lớn quá trình phát triển nông nghiệp hàng hóa dựa trên thâm canh và áp dụng công nghệ canh tác ở trình độ cao, khó thực hiện cơ giới hóa, gây bất tiện và phát sinh nhiều chi phí vô lý trong quá trình canh tác, gây khó khăn cho quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp...

Trước thực tế đó, việc "đổi điền dồn thửa" là nhu cầu bức xúc và tất yếu của quá trình sản xuất nông nghiệp, nhưng đây là vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp, có liên quan đến lợi ích cụ thể của cán bộ địa phương và từng hộ nông dân. Vấn đề đặt ra là thực hiện như thế nào để vừa đạt được mục tiêu giảm tối đa số mảnh ruộng của mỗi hộ mà không gây mất ổn định sản xuất, vừa được sự đồng tình, tự nguyện của hàng chục triệu lao động nông nghiệp.

Nhiều địa phương đã tự mày mò làm thử để rút kinh nghiệm, nhưng kết quả đạt được chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra. Trong điều kiện đó, sự kết hợp giữa những nhà khoa học và lãnh đạo địa phương tổng kết rút kinh nghiệm từ đó nhân rộng các điển hình tiên tiến là rất có ý nghĩa. Tại Hội thảo, bên cạnh nhiều tham luận của các nhà khoa học, một số báo cáo của địa phương, đặc biệt là báo cáo kinh nghiệm thực tiễn "đổi điền dồn thửa" tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã gây sự chú ý của nhiều người...

Hội thảo đã thống nhất đề xuất một số kiến nghị sắp tới cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu các giải pháp cụ thể để thực hiện việc "đổi điền dồn thửa" cho các hộ nông dân. Kết hợp chuyển đổi ruộng đất giữa các hộ nông dân với công tác quy hoạch lại đồng ruộng và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển các ngành nghề khác ở từng xã, huyện cụ thể. Để thu được kết quả tốt cần đề cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, chính quyền và trách nhiệm của cán bộ cơ sở, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức của nông dân, các tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền vận động và phân tích thấu đáo cho nông dân hiểu rõ lợi ích nhiều mặt của việc "đổi điền dồn thửa". ❑

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN III

VINASHIP

Trụ sở chính : Số 01 Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng
Điện thoại : 842151, 823803, 822253
Fax : 842271, Telex 311214 VSHIP VT
E-mail : vinaship.hp@hn.vnn.vn

Chi nhánh :

* 5E Nguyễn Đình Chiểu, Quận I, TPHCM
Tel : 8293356/8222686, Fax : 8222682
E-mail : vnshcm@hcm.vnn.vn

* 26 Nguyễn Chí Thanh, TP Đà Nẵng
Tel : 822176
Fax : 894857

* 73 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long
Tel : 824616
Fax : 827546

Công ty vận tải biển III, tên giao dịch tiếng Anh : Vietnam Shipping Company (Vinaship) thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) được thành lập ngày 19-5-1984. Huân chương lao động hạng ba năm 1999.

* Các lĩnh vực hoạt động

- Kinh doanh vận tải biển
- Đại lý hàng hải, môi giới và thuê tàu
- Đại lý vận tải
- Khai thác dịch vụ bãi tổng hợp Container
- Liên doanh vận tải hàng công nghệ cao
- Nhà phân phối dầu nhờn Caltex và sơn Jotun.

* Hiện nay Công ty đang quản lý và khai thác 10 chiếc tầu biển vận tải hàng khô, với tổng trọng tải là 75.542 DWT, thực hiện vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước và hàng hóa xuất nhập khẩu giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Công ty tiếp tục đầu tư phát triển, trẻ hóa đội tàu nhằm không ngừng nâng cao năng lực, chất lượng vận tải.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG

HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH VỚI CÁC DỊCH VỤ SAU

– Nhận tiền gửi nội tệ, ngoại tệ có kỳ hạn và không kỳ hạn của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước, hình thức gửi tiền phong phú và đa dạng, lãi suất hợp lý.

– Cung ứng vốn nhanh, đáp ứng cho các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, kinh doanh tổng hợp, phát triển kỹ thuật với hình thức tín dụng ngắn hạn, trung hạn cho mọi thành phần kinh tế. Cho vay vốn trả góp, tiêu dùng.

– Thực hiện thanh toán nội địa. Đặc biệt chuyển tiền nhanh qua mạng vi tính ; Thanh toán quốc tế qua mạng SWIFT.

– Tiếp nhận vốn tài trợ, ủy thác của các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước.

– Kinh doanh ngoại tệ : Mua bán, chi trả kiều hối cho các cá nhân có thân nhân ở nước ngoài gửi tiền về nước qua các công ty : VINA-USA, TRANSAIGON, WESTERN UNION, VIETCOMBANK, VINAFAX.

– Thực hiện thanh toán thẻ điện tử, Mastercard.

Chúng tôi có mạng lưới các Chi nhánh trực thuộc trong tỉnh được tiếp nối với hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn toàn quốc. Chúng tôi có hệ thống phương tiện kỹ thuật tiên tiến với đội ngũ cán bộ công nhân viên có đủ năng lực, trình độ với tinh thần phục vụ nhiệt tình, chu đáo đáp ứng được yêu cầu trên lĩnh vực Ngân hàng cho quý khách.

HÃY ĐẾN VỚI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG VÌ SỰ THÀNH ĐẠT CỦA QUÝ KHÁCH, CHÚNG TÔI XIN SẴN SÀNG PHỤC VỤ.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lâm Đồng số 21B Trần Phú - Đà Lạt và các Chi nhánh trực thuộc trên toàn tỉnh.

Điện thoại : 063.822689 ; 063.828364 ; 063.828346 ***Fax : 063.821059***

Digitized by Google

HSCO2

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI 2

Hydraulic Construction Join Stock Company 2

Địa chỉ : xã Minh Tân - Huyện Sóc Sơn - TP. Hà Nội
Tel : (04) 8843559 - 8840217 - 8850187 / Fax : (84-4) 8840220



Chủ tịch HĐQT
Giám đốc điều hành
TRẦN HỮU HỶ

Công ty cổ phần Công ty Xây dựng thủy lợi 2 được thành lập theo Quyết định số 74/2000QĐ-TTG ngày 27/06/2000 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây dựng thủy lợi 2 thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. ĐKKD số 0103000190 ngày 19/12/2000 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp.

Với vốn Điều lệ của Công ty là : 15.500.000.000 đồng. (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)

Trong đó : - Vốn của các cổ đông chiếm : 74%

- Vốn Nhà Nước chiếm : 26%



Đập dâng - Ngôi Nhi, huyện Văn Chấn, Yên Bái
Công trình hoàn thành năm 2000

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU :

- Xây dựng các công trình thủy lợi : đê, đập, kè, hồ chứa nước hệ thống tưới tiêu ống dẫn nước.
- Xây dựng các công trình thủy công thuộc các công trình thủy điện, xây dựng đường dây điện và trạm biến áp đến 35KV.
- Xây dựng các công trình dân dụng và phần vỏ bao che công trình công nhóm B.
- Xây dựng đường bộ tới cấp 3 và cầu, cống trên đường bộ.
- Thi công xử lý nền móng công trình.
- Sửa chữa và nâng cấp các công trình giao thông và thủy lợi.
- Khai thác, vận tải vật liệu xây dựng.
- Nhập khẩu kinh doanh vật tư thiết bị chuyên dùng ngành thủy lợi.
- Kinh doanh khách sạn du lịch.



Công trình kè An Cảnh 2 - Hà Tây
Hoàn thành năm 2000

Với truyền thống trên 35 năm chuyên xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng và giao thông có đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề cùng với trang thiết bị đồng bộ và hiện đại Công ty có đủ điều kiện đáp ứng xây dựng các công trình xây dựng cơ bản hạ tầng lớn, nhỏ trong phạm vi cả nước và các nước trong khu vực.



Công trình hồ chứa nước Núi Cốc
Hoàn thành năm 1998

KHÁCH SẠN THỦY LỢI của Công ty được trang bị đầy đủ tiện nghi phục vụ cho khách trong nước và khách Quốc tế đến ăn, nghỉ và làm việc.

Địa chỉ : 166 - Trần Quang Khải - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.
Tel : (04) 8.266614 - 8244739 / Fax : (84-4) 8.245573



Trạm bơm Gia Viễn

Công ty thường xuyên bán buôn và bán lẻ vải địa kỹ thuật Geotextiles các loại từ TS10 đến TS80 của hãng Polyfelt.

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC TRƯỜNG THÀNH

(TRUONG THANH ENTERPRISE. CO.LDT)

Trụ sở : 225 Đường Vụ Bản - TP Nam Định
Điện thoại : 0350.846919 - Fax : 84.35.845330



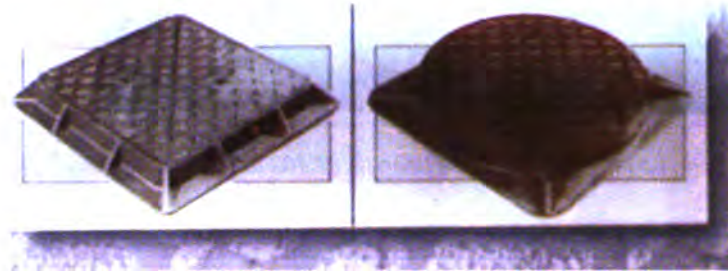


Ông : **Trần Mạnh Lưu**
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Công ty TNHH Trường Thành là một công ty hàng đầu ở Việt Nam chuyên sản xuất và mua bán các bếp nướng, sản phẩm gang đúc và sản phẩm làm bằng thép lá có phủ bề mặt sơn tĩnh điện sử dụng công nghệ hiện đại của Mỹ và Đức.

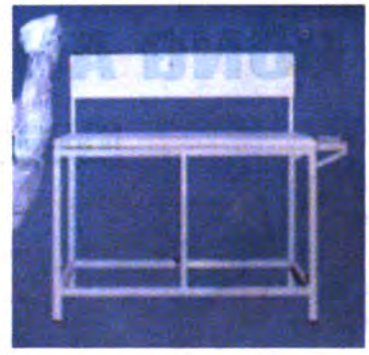
Sản phẩm của chúng tôi đã và đang được xuất khẩu sang các nước châu Âu, Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc và được xếp tầu đi các cảng chính châu Âu như : Bremerhaven, Hamburg, Dublin, Gothenburg, Felixstow, Amsterdam, Genoa, Oslo, Piraeus và Le Havre.

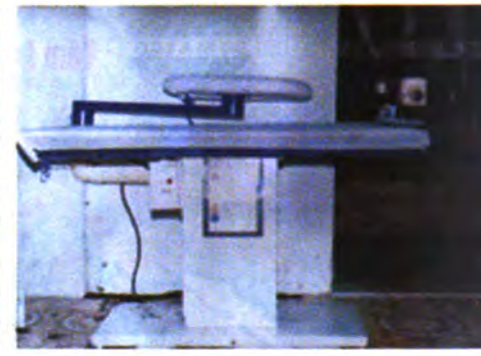
Công ty TNHH Trường Thành đã có hơn 40 năm kinh nghiệm làm hàng xuất khẩu. Do thành tích xuất khẩu, Cty chúng tôi đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động và bằng khen.



CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

* **Bếp nướng.**
* **Sản phẩm gang thép.**
* **Sản phẩm kim loại phủ sơn tĩnh điện.**









DOANH THU HÀNG NĂM CỦA CÔNG TY

* **Năm 1993 = 6.400 triệu**
* **Năm 1994 = 9.600 triệu**
* **Năm 1995 = 14.300 triệu**
* **Năm 1996 = 14.600 triệu**
* **Năm 1997 = 25.700 triệu**
* **Năm 1998 = 26.300 triệu**
* **Năm 1999 = 40.200 triệu**
* **Năm 2000 = 40.300 triệu**

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY I

VIET NAM PETROLEUM TRANSPORT COMPANY

PETROLIMEX

Địa chỉ : 37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng.
Tel : + 84 31 838607, 838835.
Fax : + 84 31 838033/839944
E-mail : Vietpetroco@hn.vnn.vn



Tàu chở dầu PETROLIMEX 03 trọng tải 27.402 tấn

Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I là doanh nghiệp Nhà nước thành lập năm 1980, trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty gồm:

*** KINH DOANH VẬN TẢI**

Vận tải các loại xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu bằng đường biển trong và ngoài nước với chất lượng tốt, giá cả hợp lý.

*** KINH DOANH XĂNG DẦU**

Bán buôn, bán lẻ các loại xăng, dầu, mỡ cho mọi đối tượng trong và ngoài nước có nhu cầu với chất lượng tốt và giá cả hợp lý trong khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh.

*** ĐẠI LÝ TÀU BIỂN VÀ MÔI GIỚI HÀNG HẢI**

Làm đại lý cho các chủ tàu hoặc người thuê tàu trong và ngoài nước có tàu hoạt động tại các Cảng biển Việt Nam với chất lượng dịch vụ tốt, đại lý viên luôn sẵn sàng, tận tụy, giá cả hợp lý.

Công ty có nhu cầu liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Giám đốc công ty
NGUYỄN ĐẠO THỊNH



Công ty đạt danh hiệu "ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH" 12 năm liên tục

- Tốc độ tăng trưởng bình quân 15%/năm

- Thực hiện thành công việc cổ phần hóa theo chủ trương của Đảng và nhà nước (1 trong những công ty cổ phần hóa thành công nhất ở Hà Nội).

- Các sản phẩm của công ty luôn đạt chất lượng cao, được sự tín nhiệm của người tiêu dùng

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng bình chọn là "HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO" ba năm liên tục 1999, 2000, 2001.

- Được Hội Bảo vệ người tiêu dùng Hà Nội chọn "99 SẢN PHẨM TIÊU BIỂU"

Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN

- **Địa chỉ : Đại lộ Nguyễn Tất Thành –TP. Phan Thiết**
- **ĐT : 062.822268 – Fax : 062.821968**

TRẠM GIAO DỊCH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

- **Số 2 bis Đinh Tiên Hoàng – P. Đakao – Quận I**
- **ĐT : 08.8244041 – Fax : 08.9100907**

Mời Quý khách tham dự Xổ Số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận

– Nhiều giải trúng – lãnh trọn tiền mặt một lần.

– Phục vụ tận tình chu đáo.

Rất mong sự ủng hộ của Quý khách và Quý đại lý

- Vé số Bình Thuận phát hành vào thứ năm hàng tuần, mở số lúc 16h20



Chúc các bạn gặp nhiều may mắn.

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO SU BÌNH THUẬN

- **ĐC : Đức Tài - Huyện Đức Linh - Tỉnh Bình Thuận**
- **ĐT : (062) 883759 - Giám đốc : Bùi Ngọc Quan**



Giám đốc Công ty :
Bùi Ngọc Quan



Là một đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cao su Việt Nam - Công ty cao su Bình Thuận được Tổng Công ty giao các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu trong năm 2001 như sau :

- Trồng mới : 1.000 ha cao su
- Khai hoang : 1.700 ha
  (trong đó khai hoang gối vụ năm 2002 : 800 ha)
- Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản : 2079 ha
- Sản lượng khai thác : 700 tấn cao su khô
- Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản : 24 tỉ đồng

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP KHATOKO KHÁNH HÒA

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

- Trụ sở chính : 84 Hùng Vương - Nha Trang - Khánh Hòa
- Điện thoại : 84.58.821074
  84.58.824046
- Fax : 84.58.823801
- E-mail : khatoco@dng.vnn.vn
- Tổng giám đốc :
  Nguyễn Xuân Hoàng
  Anh hùng lao động



Nhà máy dệt Tân Tiến (Tatex)

Bình Tân - Vĩnh Nguyên - Nha Trang - Khánh Hòa
ĐT : 84.58.881535, 882229, 882228, 882230
Fax : 84.58.882926
Email : khatoko@dng.vnn.vn



Nhà máy dệt Tân Tiến (Tatex) là một đơn vị thành viên của Khatoco - Khánh Hòa, được đầu tư xây dựng và đi vào sản xuất từ năm 1996, đến nay đã hoạt động ổn định. Được trang bị hệ thống máy móc kỹ thuật gồm các thiết bị của Nhật Bản và Hà Lan.

Chuyên sản xuất các loại mặt hàng chất lượng cao :

* Vải phi bóng in hoa (hay còn gọi là Satin crepe) với đặc trưng mặt vải bóng mềm, mượt, ít nhàu được in các loại hoa.
* Vải Chiffon Crepe mỏng, mềm, rũ, không nhăn, thoáng mát được in hoa với các họa tiết chọn lọc và nâng cao, bố cục hài hòa.
* Vải len lụa : Mềm, xốp, rũ, in hoa các họa tiết thổ cẩm, mô típ các đường nét thẳng và cong được sắp xếp theo ngẫu hứng của người họa sĩ tạo những vân hoa phối hợp trên nền màu theo kiểu vừa cổ điển vừa hiện đại với các gam màu nhã, dịu.
* Vải nhún nhuộm màu in hoa có đặc điểm vải dày, trọng lượng từ 300-400 g/m, khổ 1,4 m có độ đàn hồi, xốp được in các loại mẫu hoa thổ cẩm, wash, vân hoa đá, các gam màu nhẹ dịu.

Quý khách hàng có thể liên hệ mua sản phẩm trực tiếp tại Nhà máy hoặc mua tại các cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Khatoco :

- Tại Hà Nội : Số 27 Hàn Thuyên - Hà Nội. Tel : 84.4.9715768
- Tại Đà Nẵng : Số 117 Phan Chu Trinh - TP Đà Nẵng. Tel : 84.511.872752
- Tại Khánh Hòa : Số 221 Thống Nhất - TP Nha Trang. Tel : 84.58.827954
- Tại TP Hồ Chí Minh : Số 37 Hồ Tùng Mậu - Quận 1 - TP HCM. Tel: 84.8.8293176

Nhà máy dệt Tân Tiến mong muốn hợp tác với các doanh nghiệp và doanh nhân trong và ngoài nước để tìm đối tác xuất khẩu sản phẩm của mình ra nước ngoài.

Digitized by Google

Khoá Việt-Tiệp

VIET-TIEP LOCK COMPANY





No.HT 079.00.28

ISO-9002 REGISTERED FIRM
DNV Certification B.V., THE NETHERLANDS
CERTIFICATE No.RSQA-QSC-1060



2000

Vươn Tới Đỉnh Cao Của Chất Lượng !

Viet-Tiep Lock's Success in the Top of Quality

Địa chỉ : Công ty khóa Việt - Tiệp, thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Điện thoại : (04) 8833642 Fax : 84.4.8832201

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HÀNG VIỆT NAM 2000 CHẤT LƯỢNG CAO

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

LAM THAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY

ĐƠN VỊ 3 LẦN ANH HÙNG





Chào Thiên Niên Kỷ Mới

Xuân Tân Tỵ 2001



SẢN PHẨM :

- Supe Lân Lâm Thao - Sản xuất theo TCVN 4440 - 87	750.000t/năm
- NPK Lâm Thao (5.10.3), (10.10.5), (16.16.8),...	250.000t/năm
- Phân bón cho hoa và cây cảnh	500t/năm
- Axit Sunfric (H_2SO_4) kỹ thuật - sản xuất theo TCVN 5719 - 1993	260.000t/năm
- Axit Sunfuric (H_2SO_4) loại P, Pa - sản xuất theoTCVN 2718 - 78	120t/năm
- Axit Sunfuric (H_2SO_4) dùng cho ắc quy - sản xuất theo TCVN 138 - 64	100t/năm
- Natri silicoflorua (Na_2SiF_6) - sản xuất theo TCVN 1446 - 73	4.000t/năm
- Natri florua (Na_2SO_3)	50t/năm
- Natri florua (NaF) loại P	15t/năm
- Natri pyrosunfit ($Na_2S_2O_5$) loại Pa	5t/năm
- Phèn nhôm sun phát - sản xuất theo TCVN 25 - 88	5.000t/năm
- Phèn kép amoni nhôm sunphát	4.000t/năm
- Natri biunfit ($NaHSO_3$)	100t/năm
- Ôxy đóng chai	40.000 chai

ĐỊA CHỈ :
HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ
ĐT : 0210.825131 - 0210.825139
FAX : 0210.825126
CHI NHÁNH :
HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐT : 0320.786454 - FAX : 0320.786758

Bạn Của Nhà Nông

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 26 2001
CURRENT SERIALS

12
6-2001

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT MINH HẢI

BẠC LIÊU

Địa chỉ : 07. Hai Bà Trưng.
TX. Bạc Liêu. Tỉnh Bạc Liêu
ĐT : 0781. 822354 - 822328
Fax : 0781.821933
Trạm Thường trú số 166A.
Đường 3/2 - TP. Cần Thơ
ĐT : 071.839385



Giám đốc Công ty : **Nguyễn Ngọc Thúy**

- Mở số lúc 16h20' thứ 3 hàng tuần, trả thưởng nhanh, lẹ bằng tiền mặt, thủ tục đơn giản dễ dàng.
- Mua vé số tỉnh Bạc Liêu là góp phần :
- Xây dựng Chương trình phúc lợi xã hội, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa tại địa phương.
- Giúp đỡ người già, trẻ em nghèo, người tật nguyền có công ăn việc làm.
- Tham gia xổ số kiến thiết tỉnh Bạc Liêu là **Ích nước Lợi nhà.**

Năm 2000 Công ty đã chia cho người trúng thưởng vé số kiến thiết tỉnh Bạc Liêu 128 tỷ đồng. Nộp ngân sách nhà nước 55 tỉ đồng.

Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bạc Liêu kính chúc Quý khách nhiều may mắn.

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BAY MIỀN NAM

(Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích)

Theo Quyết định số 78/1998 QĐ-CHK ngày 05/06/1998 của Cục trưởng Cục hàng không dân dụng Việt Nam - V/v chuyển Trung tâm quản lý bay Hồ Chí Minh thành Trung tâm quản lý bay miền Nam.



TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ

Southern Region Air Traffice Services (SORATS)

* Địa chỉ : 58 Trường Sơn - Tân Bình - TP. HCM
* ĐT : 8.443.179 - 8.443.250 - 8.448.365
* Fax : (84-8) 8.443.705

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

* Cung cấp các dịch vụ không lưu và các dịch vụ phụ trợ cho tất cả các tàu bay dân dụng hoạt động tại các sân bay, trên vùng trời thuộc trách nhiệm điều hành được giao và vùng thông báo bay (FIR) Hồ Chí Minh
* Bảo đảm kỹ thuật trang thiết bị được giao
* Đầu tư mua sắm thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên ngành.

Cơ quan quản lý : TRUNG TÂM QUẢN LÝ BAY DÂN DỤNG VIỆT NAM
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 310666 - Do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP. HCM cấp ngày 05/09/1998

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 618 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

12
6-2001

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX	- Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	3
	- NÔNG ĐỨC MẠNH - Toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	4
ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	VŨ HIỀN - Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	7
	HỒNG LONG - Đại hội IX và thời điểm mở đầu thế kỷ mới của thế giới hiện đại	10
	TRẦN QUANG NHIẾP - Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng	14
	NGUYỄN THÚY ANH - Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	19
NHÂN KỶ NIỆM NGÀY BÁO CHÍ VIỆT NAM (21-6)	HÀ ĐĂNG - Viết về Đảng, trách nhiệm và vinh dự của người làm báo	24
	CHU THÁI THÀNH - Nhà báo trước những yêu cầu mới của Đảng	27
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VŨ ĐÌNH CỰ - "Chính quyền điện tử", yêu cầu của thời đại	31
	NGUYỄN VĂN THẢO - Soạn thảo, sửa đổi Hiến pháp và thực hiện bảo vệ Hiến pháp	33
	XUÂN HẢI - Đổi mới công tác cán bộ, thuận lợi và thách thức	36
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN SINH CÚC - Phát triển làng nghề ở nông thôn	40
	LÊ QUỐC HÙNG - Kế thừa và phát huy những mặt tích cực của hương ước cổ trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở xã	44
	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT - Giáo dục mầm non, thực trạng và kiến nghị	47
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	ĐẶNG MINH PHƯƠNG - Học từ quá khứ là trách nhiệm để đối phó với tương lai	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM QUỐC TRỤ - Quan niệm về an ninh quốc gia dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa	55

Bìa 1 : *Mùa vàng Tây Bắc* — *Ảnh :* **HOÀNG THẾ NIỆM**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

* Сообщение 2ого Пленума (IX^ого Созыва) Центрального Комитета КПВ. НОНГ ДЫК МАНЬ: Вся партия, весь народ единодушно сплочены, всемерно стараются за лучшее выполнение резолюций IX^ого Съезда Партии. ВУ ХИЕН: Национальная независимость тесно связана со социализмом. ХОНГ ЛОНГ: IX^ый Съезд и начальный момент нового века современного мира. ЧАН КУАНГ НЬЕП: О деле укрепления и переупорядочивания Партии. НГУЕН ТХУ АНЬ: Проявлять инициативу в международной экономической интеграции. ХА ДАНГ: Писать о Партии: ответственность и честь журналиста. ЧУ ТХАЙ ТХАНЬ: Журналист перед новыми требованиями Партии. ВУ ДИНЬ КЫ: "Электронное правление": потребность эпохи. НГУЕН ВАН ТХАО: Проектирование, введение поправок в Конституцию и обеспечение защиты Конституции. СУАН ХАЙ: Обновление кадровой работы: благоприятные условия и вызовы. ФАМ КУОК ЧУ: Концепция о государственной безопасности под воздействием тенденции глобализации.

CONTENTS

* Information of 2nd Plenum (9 tenure) of CPV Central Committee. NÔNG ĐỨC MẠNH: The whole Party and the whole people are unanimously united, striving to the utmost for the best fulfillment of IX National Party Congress' resolutions. VŨ HIỀN: National independence closely attached to socialism. HỒNG LONG: IX National Party Congress and starting moment of the new century of the modern World. TRẦN QUANG NHIẾP: Regarding the matter of Party's strengthening and realignment. NGUYỄN THÚY ANH: To display the initiative in World economic merging. HÀ ĐĂNG: Writing about Party – responsibility and honor of a reporter. CHU THÁI THÀNH: Reporters and Party's new demands. VŨ ĐÌNH CỰ: "Electronics goverment" – a requirement of the era. NGUYỄN VĂN THẢO: Drafting, amending of Constitution and defense of Constitution. XUÂN HẢI: Renovation of cadres' matter: favorable circumstances and challenges. PHẠM QUỐC TRỤ: Conception of state safety under effect of globalization trend.

SOMMAIRE

* Communiqué du 2e Plénum du IXe Congrès national du PCV. NÔNG ĐỨC MẠNH: Tout le Parti, tout le peuple s'unissent et s'efforcent de bien rèaliser les Résolutions du IXe Congrès national. VŨ HIỀN: L'indépendance nationale en étroite relation avec le socialisme. HỒNG LONG: Le IXe Congrès national et le moment de début d'un nouveau siècle du monde moderne. TRẦN QUANG NHIẾP: Sur l'édification et le remodelage du Parti. NGUYỄN THÚY ANH: Prendre l'initiative d'intégrer à l'économie internationale. HÀ ĐĂNG: Écrire sur le Parti – responsabilité et honneur des journalistes. CHU THÁI THÀNH: Les journalistes face aux nouvelles exigences du Parti. VŨ ĐÌNH CỰ: «Le gouvernement électronique», la demande de l'époque. NGUYỄN VĂN THẢO: L'élaboration, l'amendement de la Constitution et sa défense. XUÂN HẢI: Réformes du travail des cadres – conditions favorables et défis. PHẠM QUỐC TRỤ: Conception de la sécurité nationale sous l'impact de la globalisation.

SUMARIO

* El Comunicado del II Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (IX Legislatura). NÔNG ĐỨC MẠNH: Todo el Partido y pueblo estén unánimemente unidos y esforzados por cumplir bien las Resoluciones del IX Congreso del Partido. HỒNG LONG: El IX Congreso Nacional del Partido y el momento inicial del nuevo siglo del mundo moderno. TRẦN QUANG NHIẾP: Acerca del trabajo de rectificación y perfeccionamiento del Partido. NGUYỄN THÚY ANH: Tomar la iniciativa en la integración económica internacional. HÀ ĐĂNG: Escribir sobre el Partido, la responsabilidad y el honor del periodista. CHU THÁI THÀNH: El periodista ante las nuevas exigencias del Partido. VŨ ĐÌNH CỰ: "El poder electrónico", la exigencia de la época. NGUYỄN VĂN THẢO: La redacción, la modificación de la Constitución y el cumplimiento de la protección de la Constitución. XUÂN HẢI: Renovar el trabajo sobre los cuadros, facilidades y retos. PHẠM QUỐC TRỤ: El concepto sobre la seguridad nacional bajo el efecto de la tendencia de globalización.

目录

* 越共九届二中全会公报 • 农德孟: 全党全民团结一致, 努力奋斗切实落实"党九大决议 • 武贤: 民族独立与社会主义紧密相连 • 鸿龙: "党九大"与现代世界新世纪初的时刻 • 陈光摄: 关于建党整党工作 • 阮翠英: 主动融入国际经济 • 何登: 以党为题材是记者的责任和荣誉 • 朱泰成: 记者面对党的新要求 • 武亭臣: "电子政权"是时代的要求 • 阮文草: 宪法的编撰、修改和对宪法的捍卫遵守 • 春海: 干部工作的革新顺利和挑战 • 范国柱: 在全球化趋势影响下有关国家安全的观念.

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Thủ đô Hà Nội trong hai ngày 9 và 10-6-2001.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã đọc bài phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và nhất trí với đề nghị của đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng thôi giữ chức Chủ tịch Quốc hội và giới thiệu nhân sự để Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 9 xem xét bầu giữ chức Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe và thảo luận báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2001 ; về dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La và một số vấn đề khác.

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cao về những phương hướng và các giải pháp lớn để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững ; yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung sức chỉ đạo với nhiều biện pháp thiết thực, hiệu quả nhằm đưa nhanh Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống, tạo nên khí thế thi đua sôi nổi ở mọi cấp, mọi ngành và trong các tầng lớp nhân dân, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo.❑

Digitized by Google

TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG, NỖ LỰC PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN TỐT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư NÔNG ĐỨC MẠNH bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Sau hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã hoàn thành tốt nội dung chương trình đề ra. Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và quyết định việc giới thiệu nhân sự để Quốc hội xem xét, bầu vào chức vụ Chủ tịch Quốc hội ; đã nghe và thảo luận báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2001, về dự án Thủy điện Sơn La và về một số vấn đề khác. Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất cao trong việc giới thiệu nhân sự và đóng góp nhiều ý kiến vào các báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp thu ý kiến Trung ương đối với các vấn đề trên để tu chỉnh các báo cáo trình Quốc hội và lưu ý trong xây dựng chương trình làm việc và chỉ đạo thực hiện.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng hiện nay là phải nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội ngay từ năm 2001, năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Qua gần 6 tháng thực hiện kế hoạch năm 2001, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, sản xuất công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, các hoạt động dịch vụ có chuyển biến mới ; đầu tư trực tiếp nước ngoài được cải thiện, thu ngân sách đạt khá so với dự toán ; các hoạt động văn hóa - xã hội có những tiến bộ... Đây là kết quả của những nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, những cố gắng mới trong công tác quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành và các địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những việc làm được, những nhân tố tích cực cũng đã xuất hiện thêm những khó khăn mới tác động không thuận đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm nay và các năm sau. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp tăng về số lượng nhưng chi phí sản xuất cao, hiệu quả, chất lượng và khả năng cạnh tranh còn thấp. Sự sút giảm của kinh tế khu vực và thế giới đã ảnh hưởng xấu đến kinh tế nước ta ; thị trường xuất khẩu có những khó khăn và cạnh tranh ngày càng gay gắt ; giá cả nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới xuống tới mức rất thấp, giá gia công nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng cũng giảm làm cho việc tiêu

Digitized by Google

thụ sản phẩm, nhất là hàng nông sản rất khó khăn, gây nhiều trở ngại cho sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt đối với sản xuất nông nghiệp và đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nông dân ; vốn đầu tư toàn xã hội đạt thấp... Dự báo trong những tháng sắp tới, những khó khăn, những nhân tố không thuận có thể còn gay gắt hơn. Vì vậy, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, nhiệm vụ của các tháng còn lại là hết sức nặng nề, đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu rất cao của toàn Đảng, toàn dân ta.

Trung ương đã trao đổi và nhất trí cao với những giải pháp cần tập trung chỉ đạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 nêu trong báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ, đồng thời góp thêm nhiều ý kiến xác đáng. Những quan điểm cơ bản của các giải pháp đó là khai thác và phát huy tốt các nguồn nội lực, năng lực của các thành phần kinh tế, trong đó chú trọng việc đổi mới, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, các hợp tác xã ; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ ; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, hỗ trợ, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài ; kích cầu cả trong đầu tư và tiêu dùng, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa hướng vào giải quyết các vấn đề xã hội. Việc hỗ trợ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nông dân, miễn thuế sử dụng đất cho các hộ nghèo, giảm thuế đối với đất trồng lúa và cà phê, dành vốn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo... không chỉ nhằm giúp giảm bớt một phần khó khăn cho nông dân, giải quyết các vấn đề xã hội mà còn là những giải pháp kích cầu để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế... Với những quan điểm chỉ đạo như vậy, các giải pháp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001 cũng chính là việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn trong nước và quốc tế hiện nay. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp hiện nay là phải chỉ đạo, kiểm tra lại tình hình sản xuất, đầu tư, tiêu thụ sản phẩm ở từng ngành, từng địa phương, tìm giải pháp tháo gỡ những khó khăn để phát triển sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân, giữ gìn trật tự trị an, có phương án đối phó với thiên tai trong những tháng cuối năm thuộc phạm vi ngành, địa phương mình phụ trách.

Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La là một dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của quốc gia, không chỉ nhằm bảo đảm nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội, mà còn đáp ứng yêu cầu chống lũ, cấp nước cho vùng đồng bằng sông Hồng, có ảnh hưởng tới môi trường, giao thông, an ninh - quốc phòng, tới việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, bố trí lại dân cư và cuộc sống của đồng bào các dân tộc trên một vùng rộng lớn. Vì vậy, việc xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La đã được Đảng và Nhà nước giao cho các cơ quan nghiên cứu công phu và chuẩn bị từ gần 20 năm nay. Bộ Chính trị đã nhất trí về chủ trương xây dựng và yêu cầu đặc biệt lưu ý đến việc bảo đảm an toàn tuyệt đối của công trình ; tổ chức tốt việc di dân, tái định cư, giải quyết chính sách với đồng bào các dân tộc, coi đây cũng là nhiệm vụ quan trọng như bản thân việc xây dựng công trình ; xem xét kỹ khả năng huy động vốn và có biện pháp quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ; có phương án bảo đảm giao thông, bảo đảm an ninh - quốc phòng và bảo vệ môi trường...

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, Trung ương không trực tiếp bàn công tác xây dựng Đảng, song công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, là

Digitized by Google

khâu then chốt trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Bởi vậy, cùng với nhiệm vụ thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở cần hết sức quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, mà trước hết là tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 07-6-2001 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương ương 6 (lần 2) khóa VIII.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp cần đối chiếu với yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao cuộc vận động chưa đạt yêu cầu ; căn cứ Nghị quyết Đại hội IX của Đảng để bổ sung chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp mình, đơn vị mình ; xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sửa chữa khuyết điểm sau khi tự phê bình và phê bình, đồng thời tiến hành giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc của địa phương, ngành, đơn vị, cả những việc tồn đọng cũ và những việc mới phát sinh, xử lý kỷ luật những cán bộ có sai phạm. Căn cứ vào Quy định của Bộ Chính trị về những điều cán bộ, đảng viên không được làm, vào Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở..., các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định rõ những điều gì chưa làm được, để từ đó đề ra các biện pháp thực hiện có hiệu quả. Cán bộ, công chức phải thực hiện kê khai nhà, đất theo hướng dẫn quy định của Chính phủ. Những cán bộ được đề nghị bổ nhiệm hay giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể cũng phải kê khai nhà, đất, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ ; gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng cơ chế chính sách, sắp xếp, bố trí cán bộ. Các cấp ủy đảng cần duy trì sinh hoạt tự phê bình và phê bình có chất lượng, có chiều sâu, thành nền nếp, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới, bảo đảm công tác xây dựng Đảng thật sự trở thành khâu then chốt trong hoạt động lãnh đạo của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Chủ trương một, biện pháp phải mười, quyết tâm phải hai mươi. Bởi vậy, ngay sau Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, các đồng chí Ủy viên Trung ương, cấp ủy đảng các cấp, các ngành, các địa phương trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình cần nghiêm túc chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi các quyết định của Trung ương, khẩn trương triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo nên khí thế thi đua sôi nổi ở mọi cấp, mọi ngành, trong các tầng lớp nhân dân, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, tạo đà cho phát triển trong những năm tiếp theo.

Thời gian rất khẩn trương, nhiệm vụ hết sức nặng nề. Song chúng ta tin tưởng rằng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực, phát huy cao nhất tài năng, trí tuệ của con người Việt Nam, nhất định chúng ta sẽ vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta tiến lên phía trước.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, chúc các đồng chí Trung ương và toàn thể các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc.❑

Digitized by Google

ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VŨ HIỂN

Trong nhiều văn kiện của Đảng ta, vấn đề độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội luôn được khẳng định một cách mạnh mẽ và dứt khoát. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã nêu rõ : "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng của nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc". Và tại Đại hội IX của Đảng lần này, khi tổng kết những bài học chủ yếu của 15 năm đổi mới, Báo cáo Chính trị đã chỉ rõ bài học thứ nhất là : "Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Nhìn ra bên ngoài và nhìn lại lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XX vừa qua, chúng ta càng thấy rằng sự lựa chọn của Đảng ta, của nhân dân ta là hoàn toàn chính xác.

Như chúng ta đã biết, dân tộc ta có truyền thống yêu nước, anh dũng bất khuất, đã từng chiến thắng nhiều đế quốc phong kiến hung hãn. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phong trào yêu nước đã dấy lên hết sức mạnh mẽ. Liên tiếp nổ ra các cuộc nổi dậy trên khắp mọi miền đất nước thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, các bậc sĩ phu, kể cả một bộ phận quan lại phong kiến. Các phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế ; các phong trào Duy Tân, Đông Du, khởi nghĩa Yên Bái và hàng chục cuộc đấu tranh khác nữa đều bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp và thất bại. Điều đó chứng tỏ rằng, vẫn là nhân dân giàu lòng yêu nước, có truyền thống chống giặc ngoại xâm, sẵn sàng ủng hộ và tham gia các phong trào yêu nước ; còn các bậc sĩ phu, các nhà lãnh đạo các phong trào chống thực dân Pháp đều có thừa trí dũng, không thiếu quyết tâm nhưng họ, cả giai cấp phong kiến và đại diện cho chế độ phong kiến, cả giai cấp tư sản và đại diện cho thế lực tư sản khi đó đều không giải quyết được vấn đề độc lập dân tộc ở nước ta.

Trong bối cảnh đó, chưa bao giờ như lúc bấy giờ, độc lập dân tộc càng trở nên là yêu cầu cơ bản, khách quan của xã hội Việt Nam - xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam khi ấy ở trong "tình hình đen tối như không có đường ra". Bằng con đường nào và giai cấp nào có khả năng gánh vác sứ mệnh trọng đại đó ?

Nhưng rồi chính lịch sử lại có lời giải đáp. Chủ nghĩa Mác ra đời đã vạch ra cái tất yếu từng bị che lấp bởi màn sương mù trong lịch sử. Chủ nghĩa Mác khẳng định : chủ nghĩa tư bản nhất định bị thay thế bằng một chế độ tốt đẹp hơn - chế độ cộng sản chủ nghĩa không có người bóc lột người và người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản chính là giai cấp công nhân - sản phẩm của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đó là một tiếng sét trong lòng chủ nghĩa tư bản ở vào thời thịnh trị, sau khi nó chiến thắng các chế độ chuyên chế phong kiến, và đã bành trướng ra khắp thế giới. Các nước tư bản phát triển khi ấy đang trở thành "trung tâm vũ trụ", chi phối và làm mưa làm gió mọi mặt đời sống xã hội loài người.

Nhưng chính thời điểm mà chủ nghĩa tư bản tưởng như đang cực thịnh ấy, thì Cách mạng Tháng Mười đã nổ ra. Sự đột phá Tháng Mười mở đầu cho một xu thế phát triển mới của lịch sử thế giới. Nếu trước Cách mạng Tháng Mười, chế độ

Digitized by Google

tư bản chủ nghĩa phát triển đến mức người ta rêu rao như một "định mệnh", như một "trật tự vĩnh hằng", thì sau Tháng Mười - 1917, không ai không thấy, cái "then" hãm thế giới ấy đã bị bẻ gẫy, điều định mệnh ấy thành ảo tưởng, cái trật tự ấy bị lật nhào, tạo ra phản ứng dây chuyền của hàng loạt cuộc đấu tranh giải phóng có quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Rõ ràng, tới những năm 20 của thế kỷ XX với những biến động to lớn và sâu sắc, đặc biệt với Cách mạng Tháng Mười Nga "rung chuyển thế giới", đã làm cho tính chất thời đại thay đổi, giai cấp trung tâm của thời đại thay đổi, vai trò lãnh đạo cách mạng cũng thay đổi ; vì vậy con đường để giải quyết mâu thuẫn của xã hội, lực lượng cách mạng và phương pháp cách mạng cũng thay đổi.

Toàn bộ tình hình đó của thế giới, bằng nhiều con đường, dội vào và thấm sâu trong mảnh đất Việt Nam - nơi mà chính "sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi ; chủ nghĩa cộng sản chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt của công cuộc giải phóng nữa thôi". Hơn ai hết, chính Nguyễn Ái Quốc là người gieo hạt, gây mầm cách mạng Việt Nam. Người đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, bản lĩnh và tố chất đặc biệt Việt Nam đã "bắt gặp" chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nói như Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng - một cuộc gặp gỡ đẹp như cùng hẹn trước - đã chung đúc nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Với kỳ công của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam chuyển hóa thành một tất yếu đưa đến một sự kiện trọng đại : năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sự kiện này là *mốc son đánh dấu sự kết hợp các nhân tố dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong bản chất của Đảng*. Vừa ra đời, Đảng tuyên bố : "Chủ trương tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Lời tuyên bố ấy cũng đồng nghĩa với lời bác bỏ thẳng thừng chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa ; và nhìn rộng hơn, cũng bác bỏ bất cứ một thứ chủ nghĩa nào khác, bất cứ một con đường nào khác. Một cách tự nhiên là, ngay sau lời tuyên bố ấy của Đảng, chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu lựa chọn mà đã thực sự thúc đẩy lịch sử dân tộc Việt Nam chuyển mình, là con đường dân tộc Việt Nam đã và đang đi từ đó dọc thế kỷ XX, và tiếp tục đi cho tới đích cuối cùng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ ; chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc có một xã hội tốt lành gắn liền với tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no ; bảo đảm việc làm cho mọi người, tất cả vì niềm vui, hòa bình, hạnh phúc của con người.

Rõ ràng, sự lựa chọn *mục tiêu độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội* của Đảng và nhân dân ta, xét về *lôgíc* là một tất yếu khách quan ; xét về *lịch sử*, là hoàn toàn phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại ; xét về *nhu cầu*, là hoàn toàn xuất phát từ điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân Việt Nam ; và xét về mặt *xã hội*, đó là một hệ giá trị cơ bản nhất quyết định sự phát triển của đất nước Việt Nam ta hôm nay và mai sau.

Có thể khẳng định như vậy bởi vì việc giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo ý thức hệ phong kiến và tư sản, trong khuôn khổ của chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa không tránh khỏi những mâu thuẫn và những hạn chế bắt nguồn từ bản chất kinh tế và chính trị các chế độ ấy - những hình thái kinh tế - xã hội dựa trên các quan hệ tư hữu về tư liệu sản xuất và các quan hệ đối kháng giai cấp.

Vượt qua những mâu thuẫn và những hạn chế trong việc giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo lập trường phong kiến và tư sản *chỉ có thể là con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*, tức là giải quyết độc lập dân tộc theo lập trường của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là : Độc lập dân tộc thực sự phải là độc lập về chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại. Độc lập dân tộc thực sự đòi hỏi phải xóa bỏ tình trạng áp bức bóc lột và nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác về kinh tế, chính trị và tinh thần. Do đó, độc lập gắn liền với tự do và bình đẳng, công việc nội bộ quốc gia - dân tộc phải do

Digitized by Google

quốc gia - dân tộc đó giải quyết không có sự can thiệp từ bên ngoài.

Bản chất của chủ nghĩa xã hội là thực hiện triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chủ nghĩa xã hội sẽ xóa bỏ căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sinh ra. Nhờ đó, nó xóa bỏ cơ sở kinh tế sinh ra ách áp bức con người về chính trị và sự nô dịch con người về tinh thần, ý thức và tư tưởng.

Chủ nghĩa xã hội thực hiện độc lập dân tộc để mở đường đưa dân tộc tới sự phát triển phồn vinh về kinh tế, sự phát triển phong phú đa dạng về văn hóa, tinh thần, sự thực hiện đầy đủ nhất quyền lực của nhân dân. Chỉ với chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc mới đạt tới chân giá trị của nó ở chỗ nó hướng tới phục vụ lợi ích và quyền lực của mọi người lao động, làm cho mọi thành viên của cộng đồng dân tộc trở thành người chủ thực sự có cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ và cuộc sống tinh thần ngày càng phong phú. Chính điều đó làm cho nền tảng của sự độc lập tự chủ càng thêm vững chắc, khả năng bảo vệ nền độc lập dân tộc càng đầy đủ và mạnh mẽ.

Sự phát triển thực chất và bền vững của độc lập dân tộc được đo bằng những khả năng và điều kiện bảo đảm cho dân tộc thoát khỏi tình cảnh nô lệ, phụ thuộc, bị áp bức bóc lột và nô dịch. Nó cũng bảo đảm cho dân tộc vượt qua tình trạng đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu trong tương quan với các dân tộc khác trong thế giới và ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn để đạt tới sự bình đẳng trong các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng dân tộc này với cộng đồng dân tộc khác.

Toàn bộ khả năng và điều kiện bảo đảm đó chỉ có thể được tìm thấy và giải quyết bằng con đường phát triển chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành *hệ giá trị phát triển* của Việt Nam, dưới ngọn cờ của Đảng, trong thời đại ngày nay. Đó cũng chính là cái lôgíc phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam, 71 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, làm nên cốt cách Việt Nam, bản lĩnh Việt Nam và vị thế Việt Nam trước thế giới.

Nhận thức và hành động theo sự lựa chọn và theo hệ giá trị đó, Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, một điển hình trong các dân tộc thuộc địa, tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến hoàn toàn không cân sức với "hai đế quốc to", mở ra thời kỳ phi thực dân sau Việt Nam cho cả hệ thống thuộc địa và các nước phụ thuộc trên thế giới.

Qua nửa thế kỷ giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt 15 năm đổi mới, với hệ giá trị đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xứng đáng tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đã tỏ rõ tính độc lập tự chủ trong mọi đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, đưa đời sống nhân dân lên ngày một cao hơn, đưa đất nước và dân tộc lên vị thế mới trong khu vực và thế giới.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với Việt Nam không chỉ là *mục tiêu*, là *nhu cầu*, là *cương lĩnh hành động*, là *ngọn cờ hiệu triệu*, mà còn là *động lực*, là *niềm tin sắt son* của dân tộc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Như thế, đối với Việt Nam ta, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là sự gắn kết hai sức mạnh thành một sức bật mới ; là cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam hôm qua, hôm nay và mai sau.

Thế kỷ XXI mở đầu thiên niên kỷ thứ ba của một thế giới đầy biến động, cũng đồng thời mở ra một kỷ nguyên hội nhập, đua tranh gay gắt của cộng đồng quốc tế. Dù thời cuộc biến đổi xoay vần ra sao, dù phải đối mặt với xu thế toàn cầu hóa, với tất cả mặt tích cực và tiêu cực, bất trắc ; dù cho ai đó bị lóa mắt bởi những bộ áo cánh sặc sỡ của chủ nghĩa tư bản thì *hệ giá trị ấy - độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, trong ý thức và trong hành động vẫn là mục tiêu, lý tưởng, là *quốc bảo phù hợp xu thế thời đại*. Mãi mãi giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bước vào thế kỷ XXI, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa đất nước ta sánh vai cùng các nước trong khu vực và trên thế giới. ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỘI IX VÀ THỜI ĐIỂM MỞ ĐẦU THẾ KỶ MỚI CỦA THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

HỒNG LONG

THẾ kỷ mới được mở đầu với nhiều điều mới khẳng định bước đi lên của lịch sử.

Đại hội IX đã góp phần làm sáng tỏ điều ấy trong đó có những điều rối ren về hiểu biết và nhận thức sinh ra từ sự đổ vỡ ở Liên Xô Đông Âu.

LOÀI NGƯỜI NHẤT ĐỊNH SẼ TIẾN TỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đầu thập kỷ 90, sau khi Liên Xô sụp đổ, đã có nhận định không đúng : Sự chiến thắng của chủ nghĩa tư bản được thừa nhận và chủ nghĩa tư bản vẫn nguyên vẹn là một hệ tư tưởng thống nhất, không cần nói đến hướng đi lên của lịch sử, chỉ cần ghi nhận sự tăng nhanh những nhịp độ thay đổi của lịch sử. (1)

Vượt qua nhận định sai trái ấy, Đại hội VI, VII, VIII đã đưa ra những kết luận đúng đắn tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sự thật hiện thực lịch sử của thế kỷ XX đã chứng minh tính chính xác khoa học trong những phát hiện của Mác, Ăng-ghen về hướng đi lên của lịch sử, vượt qua tính giới hạn của chủ nghĩa tư bản để chuyển sang một chế độ xã hội cao hơn là chế độ xã hội chủ nghĩa mà Mác, Ăng-ghen đã lựa chọn khái niệm thích hợp hơn ở thời điểm của các ông là chế độ cộng sản chủ nghĩa, phân biệt với những xu hướng sai trái đương thời như chủ nghĩa xã hội phản động (chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội Đức hay "chủ nghĩa xã hội chân chính"), chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản, chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán và chủ nghĩa xã hội cộng sản không tưởng phê phán.

Năm 1913, khi chủ nghĩa tư bản phát triển sang giai đoạn của chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã phát triển luận điểm khoa học của Mác, Ăng-ghen vạch rõ hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc là giải phóng dân tộc và phát triển CNTB trói buộc các khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa trong sự khống chế của chủ nghĩa tư bản.

Thế giới hiện đại đang sôi động trong xu thế toàn cầu hóa với những bước phát triển mới của khoa học kỹ thuật của sức sản xuất xã hội từ cả hai khuynh hướng dân tộc như Lênin đã vạch ra.

Khuynh hướng thứ nhất, cũng là cái mới của thế giới hiện đại là sự thức tỉnh của thế giới loài người về vị trí của con người, của người lao động, của độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia dân tộc, từ những thành tựu vượt bậc về khoa học kỹ thuật và trí tuệ của con người phát triển đi lên trong hòa bình, ổn định, hợp tác.

Khuynh hướng thứ hai, các tập đoàn tư bản tài chính độc quyền chi phối các tổ chức độc quyền siêu quốc gia và xuyên quốc gia cố bám tham vọng bá quyền nô dịch các dân tộc, nuôi dưỡng, kích động, thúc đẩy các khuynh hướng dân tộc, tôn giáo cực đoan, các xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động khủng bố, can thiệp, lật đổ, gây ra các loại chiến tranh cục bộ... buộc loài người các quốc gia dân tộc đi theo sự chi phối của CNTB.

Mở đầu thế giới hiện đại đi vào thế kỷ và thiên niên kỷ mới không phải chỉ có sức mạnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại mà trước hết là sức mạnh mới của độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia dân tộc, là sự thức tỉnh của con người, của loài người về quyền làm chủ của con người, của người lao động, của các dân tộc, các quốc gia dân tộc làm nên lịch sử của mình từ chính những thành tựu của khoa học kỹ thuật, của trí tuệ,

(1) Mười vấn đề lớn về kinh tế hiện đại. - Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TƯ

Digitized by Google

của nền kinh tế trí thức, trong những quan hệ kinh tế, quan hệ hợp tác, quan hệ quốc tế vượt lên trên những hạn chế của các thế lực kinh tế, chính trị, xã hội cố bám lấy mộng tưởng lỗi thời nô dịch con người và các dân tộc.

Báo cáo chính trị tại Đại hội IX khẳng định : Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

NẮM BẮT CƠ HỘI, VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Trong điều kiện mới mở đầu thế kỷ, thế giới hiện đại có bước phát triển mới, trong đó mỗi quốc gia dân tộc đều có những thời cơ và thách thức xác định.

Đại hội IX của Đảng ta khẳng định lẽ phải như một tất yếu : Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới.

Thách thức có nhiều, song có thể đi sâu vào một điểm : nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt.

Ngay từ những năm 80 của thế kỷ XX, đã có quan điểm nêu lên hai thách thức lớn đối với các nước chậm phát triển. Một là có sức vươn lên thoát cảnh phụ thuộc ở nhiều mức độ khác nhau vào các thế lực vốn có sức mạnh kinh tế kỹ thuật. Hai là phải vay vốn để phát triển nhưng không kéo dài cảnh nợ nần chồng chất khó trả.

Bài học lớn ở thế kỷ trước : Trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, trong sự kìm kẹp, áp bức, thống trị của mọi thế lực có đầy đủ lực lượng vật chất và tinh thần, quân sự, kinh tế, văn hóa lớn hơn gấp bội, không có ý chí vươn lên, liên kết toàn dân tộc thành một khối thì không thể giành được thắng lợi. Bài học là thắng lợi lớn lao trong sự thức tỉnh của người lao động và các dân tộc làm nên giá trị đặc sắc của thế kỷ XX và của thế giới loài người.

Ngày nay, sự thách thức trong bước đi vì sự giầu mạnh, thắng được nghèo nàn lạc hậu còn lớn hơn nhiều, vì đó là bước đi tiếp của các dân tộc lên bước phát triển mới cao hơn, vì đó là sự thách thức không phải chỉ chủ yếu về chính trị và quân sự mà là toàn diện : kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh.

Ý chí vươn lên vượt qua thách thức không phải là duy ý chí, là thuần tư tưởng mà trước hết là sự hiểu biết khoa học và toàn diện về tiến trình của lịch sử, về quy luật phát triển tất yếu của lịch sử, không xem việc an bài của thế giới hiện đại là định mệnh khắc nghiệt, tước bỏ quyền được sống và làm chủ của mỗi người lao động, mỗi con người, mỗi dân tộc sinh ra từ chính những hiểu biết sai lầm về quyền vạn năng và vĩnh cửu của tư bản và chủ nghĩa tư bản, về quyền uy của thế giới đồng tiền.

Ý chí vươn lên ở đây vượt qua thách thức là sự hiểu biết khoa học về năng lực tổ chức hành động thực tiễn, về sức vươn lên các đỉnh cao khoa học kỹ thuật, đặc biệt là khi chính quyền đã thuộc về nhân dân và do nhân dân, do người lao động làm chủ, trải qua sự thử thách của chính chiều dài của thế kỷ đã qua cũng như truyền thống trong lao động sáng tạo của toàn dân tộc.

Ý chí vươn lên vượt qua thách thức ở đây là sự hiểu biết khoa học về điều kiện mới của lịch sử đã gần như đặt dấu chấm dứt thời kỳ đối đầu giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, giữa cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi toàn thế giới cũng như trên quy mô lớn trong nội bộ một quốc gia dân tộc, hoặc giữa các quốc gia dân tộc, sinh ra ở thời điểm mở đầu của thế kỷ XX trong lịch trình phát triển lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

Ý chí ở đây là sức vươn lên của các thế hệ nối tiếp nhau làm ra những giá trị và thành tựu của sự tiến hóa, của các cuộc cách mạng không phải chỉ để thay đổi những con người cai trị mà để đưa toàn xã hội lên trình độ phát triển cao hơn các chế độ thống trị và áp bức giai cấp, thay đổi lối sống "người với người là chó sói" tạo ra lối sống "người với người là bạn", có giao lưu tư bản theo con đường tư bản nhà nước trong điều kiện chính quyền đã thuộc về nhân dân, thuộc về người lao động hòa nhập trong tuần hoàn và lưu thông tư bản, hòa nhập không phải là hòa tan, không phải bị lôi cuốn trong sự nghiệt ngã của cái gọi là chân lý thuộc về kẻ mạnh, thuộc về những thế lực có quyền và có tiền, mà là sự phát triển tự nhiên, biện chứng, tất yếu của lịch sử, của lẽ phải, của quy luật vận động xã hội.

Trong hoạt động kinh tế, đối với các nước chậm phát triển, phải vay vốn để phát triển đi lên. Đó là điều bắt buộc, nhưng tuyệt nhiên không phải chịu bề bị ràng buộc một chiều với những điều kiện khắc nghiệt của sự thống trị tư bản

Digitized by Google

chủ nghĩa. Thực tế và những hoạt động kinh tế những thập kỷ vừa qua kết thúc thế kỷ XX và mở đầu thế kỷ XXI cho thấy đây là cuộc đấu tranh quyết liệt và không khoan nhượng trong hoạt động toàn cầu hóa sôi động với cả hai nội dung TBCN và năng lực của các quốc gia các dân tộc đứng lên xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia dân tộc và tiến bộ xã hội. Đây là bước đi mới của các quốc gia dân tộc chậm phát triển trên tất cả các phương diện về mục tiêu, hình thức và phương pháp thu hút vốn trong nước cũng như vốn nước ngoài nhưng chủ yếu là thu hút vốn nước ngoài trong những mối quan hệ kinh tế quốc tế khác nhau ở các nước khác nhau, trước hết với các cường quốc kinh tế, các công ty độc quyền siêu quốc gia và xuyên quốc gia (WB, IMF...). Đây là mối quan hệ mới của các nước chậm phát triển ở thế giới hiện đại trên cả hai phương diện hoạt động bình đẳng hai bên cùng có lợi và không bình đẳng trong chiều hướng chịu sự chi phối của các công ty độc quyền, của sức mạnh kinh tế, của các cường quốc trong điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia dân tộc. Bài học rút ra từ những biến động ở những con rồng châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po) cũng như cuộc khủng hoảng tài chính những năm 98-99 thức tỉnh loài người, trước hết là các nước chậm phát triển về sự mơ hồ đi theo con đường TBCN hoặc quá ỷ lại vào việc vay vốn, hoặc thuần túy tin tưởng vào những thần kỳ của việc vay vốn thực tế đang bị lôi cuốn vào quan hệ toàn cầu TBCN với bức tranh hiện thực đã được hình thành trong sự thống trị của CNTB là : Các nước công nghiệp phát triển hưởng 85% thu nhập thế giới, tiêu thụ 70% năng lượng, 75% kim loại, 85% gỗ, 80% lương thực còn các nước kém phát triển có con số tương ứng là 25%, 30%, 25%, 15%, 40%. Năm 1970, tổng nợ của các nước đang phát triển là 75 tỉ USD, năm 1980 là 610 tỉ (tăng 8 lần trong vòng 10 năm), năm 1995 lại là 2 068 tỉ, gấp 28 lần so với 1970. Trong mối quan hệ ấy, thực tế việc vay vốn và huy động vốn nước ngoài ở các nước chậm phát triển bị lôi cuốn vào các thị trường tài chính TBCN trong khi "các thị trường tài chính quốc tế ngày nay giống như một sòng bạc khổng lồ toàn cầu trong đó những con bạc cá cược vào sự dao động từng phút của thị trường tài chính chẳng chút liên quan gì tới các hoạt động kinh tế thực sự".(2) như nhiều học giả, nhà hoạt động chính trị đã khẳng định tại hội nghị "Chủ quyền kinh tế trong một thế giới đang toàn cầu hóa" tổ chức vào tháng 3-1999 ở Băng Cốc (Thái Lan).

Đối với các quốc gia dân tộc chậm phát triển trong đó có Việt Nam, vay vốn nước ngoài thật sự là một thách thức lớn của lịch sử. Ở các thế kỷ trước đây, trong quan hệ giai cấp áp bức và thống trị, trong quan hệ thống trị của CNTB, đó là nghịch lý trong vòng luẩn quẩn của người nghèo : không vay vốn, không có điều kiện phát triển kinh tế, mà vay vốn thì phải chấp nhận luật chơi khắt khe trong hoạt động tài chính tiền tệ TBCN. Ngày nay thách thức này là bắt buộc như một tất yếu lịch sử đối với các nước chậm phát triển đòi hỏi phải vượt qua và có thể vượt qua trong điều kiện của thế giới hiện đại đã có những quan hệ quốc gia và quốc tế mới với những giá trị ở thế kỷ XX từ sự thức tỉnh của con người, của người lao động, của các quốc gia dân tộc.

Thách thức này cũng là sự đối đầu nghiệt ngã chỉ có thể vượt qua không những từ ý chí quật cường của toàn dân, toàn dân tộc mà còn cả về năng lực hiểu biết trong hoạt động kinh tế cụ thể, trong hoạt động tài chính ngân hàng ở trình độ và quy mô mới của thế giới hiện đại, về năng lực tổ chức hành động thiết thực và có hiệu quả trong nhiều mối quan hệ quốc tế và quốc gia vô cùng phức tạp.

TÍNH NĂNG ĐỘNG MỚI MỞ ĐẦU THẾ KỶ

Nhận định từ sự mở đầu của thế kỷ thật đa dạng.

Dựa vào luận điểm của nền văn minh thứ ba, nền văn minh trí tuệ, nền văn minh hậu công nghiệp, Đê-lô-ca-rôp K.X., giáo sư, tiến sĩ triết học Nga, viết bài "Cơ sở thế giới quan của nền văn minh hiện đại và sự khủng hoảng toàn cầu của nó". (3)

Tạp chí "Thế giới năm 2001" đăng bài "Thời hoàng kim của kinh tế thế giới". Tác giả của bài báo đưa ra các luận điểm : Năm 2001, kinh tế

(2) Báo Nhân Dân 4-11-1998 Tạp chí Nghiên cứu quốc tế Bộ Ngoại giao

(3) Tạp chí Khoa học xã hội (Nga)

Digitized by Google

thế giới sẽ mất cân đối hơn, chứa đựng nhiều nguy cơ hơn, dù muốn hay không, thế giới vẫn phải phụ thuộc vào kinh tế Mỹ. (4)

Viết về "Triển vọng tình hình chính trị quốc tế đầu thế kỷ", tác giả nêu ra những luận điểm : tuy chiến tranh lạnh đã kết thúc gần 5 năm, song thế giới vẫn trong thời kỳ quá độ đa cực hóa, trật tự quốc tế mới chưa được thiết lập, khi hòa bình và phát triển trở thành hai chủ đề chính của thời đại, "vấn đề phát triển" ngày càng trở nên nổi bật... Quá trình thay đổi cục diện quốc tế, ở mức độ rất lớn, sẽ phụ thuộc vào sự phát triển không đồng đều của 5 nước Mỹ, Trung, Nhật, Đức và Nga. (5)

Nhưng những người cộng sản chân chính khẳng định những thành tựu đấu tranh cho sự ra đời của chế độ xã hội mới, của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa cộng sản, khẳng định những giá trị mới về sự thức tỉnh của con người, của người lao động, của các dân tộc, khẳng định những điều mới được mở ra với thế kỷ mới từ tính năng động của các quốc gia dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tiến bộ xã hội, vì chủ nghĩa xã hội, vì bước tiến của loài người đi lên chủ nghĩa xã hội.

Báo cáo chính trị tại Đại hội IX rút ra kết luận về loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội và khẳng định : Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển vững mạnh, đó là vấn đề sống còn của đất nước ta, dân tộc ta.

Trong sự khẳng định này, vấn đề sống còn vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội bao hàm cả ba nội dung khác nhau nhưng thống nhất với nhau. Phải nắm bắt được cơ hội mới tức những điều kiện mới của thế giới hiện đại, những giá trị đã được tạo ra với thế kỷ XX và được mở đầu với thế kỷ XXI như những điều kiện đã có, cần phải có để vượt qua thách thức và phát triển. Vượt qua những thách thức từ những điều kiện đã có và có thể tạo ra được trong tính năng động của con người, của người lao động, của cả dân tộc từ chính cơ hội mới để phát triển vững mạnh. Phát triển vững mạnh như thế là phải từ việc nắm bắt được cơ hội, vượt qua được thách thức để xây dựng được mục tiêu, bước đi và những biện pháp có hiệu lực để phát triển mạnh mẽ tạo ra được sự vững mạnh của đất nước, của dân tộc. Đó là cả quá trình đấu tranh và lao động sáng tạo trong tổ chức và hành động cụ thể của mỗi đơn vị kinh tế xã hội, mỗi đơn vị dân cư, mỗi người lao động, mỗi thành viên và công dân của đất nước. Và đó cũng là tính năng động mới mở đầu thế kỷ.

Đầu thế kỷ XX, trong đêm tối dưới sự thống trị của các thế lực thống trị áp bức giai cấp và dân tộc, những người cộng sản tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản, của chủ nghĩa xã hội đã làm nên những giá trị lịch sử của con người, của người lao động, của các dân tộc, làm nên cái đặc sắc của thế kỷ XX.

Thế kỷ XXI được mở ra với nhiều điều mới mẻ khẳng định bước đi lên của con người, của các dân tộc hứa hẹn bước tiến lên mạnh mẽ của loài người, của các dân tộc, của người lao động, của con người trên con đường làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân mình như Mác, Ăng-ghen đã dự đoán trong nhiều công trình nghiên cứu khoa học cũng như đã có những cống hiến lịch sử ở thời điểm của mình.

Tại Đại hội IX của Đảng ta, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Cu Ba phát biểu chân tình : Ngày nay Việt Nam chiếm một vị trí nổi bật trên trường quốc tế. Vị thế của Việt Nam ở khu vực châu Á, chính sách của Việt Nam muốn làm bạn với các nước, là một minh chứng về khả năng tiếp tục phát triển một khi tất cả các lực lượng trong nước đồng lòng hiệp sức tiến lên phía trước. Sự nghiệp mà các đồng chí khởi xướng sẽ không dừng bước, bởi lẽ nó được tiến hành bằng tình yêu lý trí và cả nhiệt huyết nhằm mang lại phồn vinh, hạnh phúc và văn minh cho toàn dân.

Trong điều kiện hiện thực của nước Nga, đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên bang Nga phát biểu : "Chúng tôi cho rằng trong bối cảnh trật tự thế giới mới và toàn cầu hóa, đang diễn ra các quá trình cực kỳ quan trọng có thể làm thay đổi thế giới một cách căn bản trong tương lai, có thể theo chiều hướng tốt lên cũng như xấu đi." Cũng có thể nói thêm là : điều đó phụ thuộc vào sức phấn đấu của mỗi quốc gia dân tộc. ❑

---

(4) Tham khảo đặc biệt của TTXVN, ngày 3-1-2001

(5) Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

TRẦN QUANG NHIẾP

Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã thành công tốt đẹp. Những văn kiện quan trọng được Đại hội thông qua thể hiện sự sáng suốt và thống nhất ý chí của toàn Đảng, toàn dân trong việc xác định đường lối, chiến lược phát triển của đất nước khi bước vào những năm đầu của thế kỷ XXI.

Trong các văn kiện của Đại hội, Báo cáo Chính trị bao gồm 10 vấn đề hết sức cơ bản, đánh giá một cách khách quan, khoa học những thành tựu nổi bật và những mặt còn yếu kém trong thời gian qua ; định hướng phát triển đất nước trong những năm đầu của thế kỷ mới. Tất cả những điều đó đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu, khuyết điểm của công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, Báo cáo Chính trị đã dành phần rất quan trọng, đúng với tầm cỡ của Đại hội, ***xác định rõ vai trò, những nội dung và trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn hiện nay.***

Đây là vấn đề rất cơ bản, có ý nghĩa quan trọng như những điều kiện, cơ sở, nền tảng bảo đảm cho các vấn đề khác được thực hiện thắng lợi.

1. Tính cấp thiết của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện hiện nay.

Từ khi ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng. Bài học sâu sắc được Đảng ta rút ra là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bao giờ cũng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Các Đại hội VI, VII, VIII đều đã đề cập rất toàn diện và sâu sắc vấn đề xây dựng Đảng. Toàn Đảng đã nỗ lực phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết của Đại hội và của Ban Chấp hành Trung ương ; tập trung tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; chấn chỉnh các khâu tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân ; tạo nên những chuyển biến, tiến bộ về lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại.

Tuy nhiên, tình hình đất nước vẫn còn đứng trước nhiều khó khăn, thử thách ; những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới chưa toàn diện ; sự chuyển biến trong công cuộc xây dựng chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra.

Để bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Báo cáo Chính trị Đại hội IX của Đảng xác định tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên ; khắc phục những hạn chế hiện nay.

Bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ, kết quả đã đạt được, công tác xây dựng Đảng cũng đang còn một số mặt yếu kém, khuyết điểm, trong đó Báo cáo Chính trị đặc biệt nhấn mạnh những khuyết điểm trong công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ

Digitized by Google

cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Trong Đảng còn có những cán bộ, đảng viên chưa giác ngộ sâu sắc, thậm chí dao động, thiếu vững vàng về mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thiếu thống nhất về tư tưởng nhận thức, quan điểm trong việc thực hiện một số chủ trương, chính sách ; chưa thực hiện nghiêm chỉnh việc nói và làm theo nghị quyết, Điều lệ của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, dẫn đến tình trạng nghị quyết, chính sách, pháp luật chậm vào cuộc sống ; hiện tượng quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sinh hoạt sa đọa, có lối sống xa lạ với cuộc sống của nhân dân vẫn còn khá phổ biến ở nhiều nơi.

Về mặt tổ chức của đảng, Báo cáo Chính trị cũng chỉ rõ : *"Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn : dân chủ bị vi phạm, kỷ luật kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết ; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút"*. Đây vừa là thực trạng, vừa là nguyên nhân dẫn đến những yếu kém khác. Chính vì các tổ chức đảng ở những nơi chưa được chỉnh đốn thực sự vững mạnh, dân chủ, kỷ luật, kỷ cương không được giữ vững nên chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút ; đảng viên suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống ; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều yếu kém. Việc xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, cốt lõi là xây dựng các tổ chức cơ sở đảng chặt chẽ, đưa mọi hoạt động của Đảng vào nền nếp như : nền nếp công tác chính trị tư tưởng ; nền nếp đấu tranh tự phê bình và phê bình ; nền nếp sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ; nền nếp lãnh đạo vận động quần chúng ; nền nếp bồi dưỡng kết hợp đảng viên mới ; nền nếp chỉ đạo triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết và bổ sung, điều chỉnh nghị quyết kịp thời khi cần thiết... Có như vậy mới thật sự giữ vững kỷ luật kỷ cương của Đảng ; khắc phục tình trạng lỏng lẻo, tăng cường ý thức Đảng của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Báo cáo Chính trị nhận định : "Công tác *tư tưởng*, công tác *lý luận* còn yếu kém, bất cập ; công tác *tổ chức, cán bộ* còn một số biểu hiện trì trệ. Việc đổi mới *phương thức lãnh đạo* của Đảng còn *lúng túng*, chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong *điều kiện đảng cầm quyền*, chưa phát huy đầy đủ *hiệu lực quản lý* của các cơ quan nhà nước, *tính tích cực* của các đoàn thể và *quyền làm chủ của nhân dân*. Tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu". Những nhận định, đánh giá này là rất xác đáng. Công tác tư tưởng và công tác lý luận chưa có được những biện pháp tích cực để làm rõ và tạo được sự thống nhất cao đối với một số quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Việc thực hiện Quy định 54 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chế độ học tập lý luận chính trị trong đảng chưa được ban hành hướng dẫn thực hiện cụ thể. Chưa định kỳ thông tin lý luận thời sự chính trị thường xuyên. Còn lúng túng trong biên soạn chương trình giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin cho các trường đại học, cao đẳng ; chậm đổi mới việc nghiên cứu triển khai nghị quyết của Đảng. Nhiều vấn đề lý luận nảy sinh từ thực tiễn khá bức xúc trước mắt nhưng cũng rất cơ bản lâu dài còn chưa được đề cập hoặc đã có chú ý nhưng chưa thật tập trung công sức, trí tuệ để nghiên cứu làm rõ. Vì thế, nhận thức quan điểm của cán bộ đảng viên còn có những điểm khác nhau về cách giải quyết đối với không ít những vấn đề phức tạp của thực tiễn cuộc sống đang đặt ra. Việc thực hiện chiến lược cán bộ chưa được quan tâm đúng mức nên có tình trạng hẫng hụt, thiếu cán bộ đã được chuẩn bị tốt các yêu cầu. Trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nhiều nơi chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ đổi mới. Phương thức lãnh đạo của Đảng ở nhiều địa phương, đơn vị còn chậm được đổi mới, một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và một số cán bộ lãnh đạo quản lý có những sai phạm gây ra những bất bình, mâu thuẫn với nhân dân nhưng lại lúng túng trong việc tìm hướng giải quyết. Việc tổ chức chỉ đạo triển khai và kiểm tra thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước thiếu cụ thể, buông xuôi nên hiệu lực, hiệu quả thực thi kém.

Digitized by Google

Những tồn tại nêu trên không chỉ làm hạn chế vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng mà còn làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Chính vì thế, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và bức thiết.

2. Những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình mới, để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, phát huy những kinh nghiệm đã có, khắc phục các yếu kém, khuyết điểm hiện nay, Báo cáo Chính trị chỉ rõ những nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng những năm tới như sau :

Một là, giáo dục tư tưởng, chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong những năm tới, Báo cáo Chính trị khẳng định : "Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh" ; thường xuyên cấp ủy, chi bộ có kế hoạch "định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Người về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng". Đảng ta coi việc học tập lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập Di chúc của Bác Hồ là biện pháp tích cực nâng cao trình độ tư tưởng, lý luận, nâng cao trí tuệ, nhận thức giúp cho mỗi người chiến thắng chủ nghĩa cá nhân, chiến thắng tư tưởng cơ hội, thực dụng, có quan điểm, thái độ đúng đắn trong đấu tranh tự phê bình và phê bình thường xuyên ; tạo ra sự thống nhất cao trong Đảng về lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; về nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về nội dung đường lối và quan điểm chính trị của Đại hội IX ; mở rộng phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo vào quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Báo cáo Chính trị cũng chỉ rõ các cấp ủy, chi bộ hướng dẫn, kiểm tra đảng viên thường xuyên "học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý". Củng cố và nâng cao niềm tin chính trị phát huy và cổ vũ, động viên tính tích cực chính trị, tinh thần cách mạng tiến công, khí thế thi đua yêu nước thúc đẩy hành động cách mạng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội IX. Các cấp các ngành "đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn ; từng bước cụ thể hóa bổ sung phát triển đường lối, chính sách của Đảng ; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái". Cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiền phong gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nghiêm khắc thi hành kỷ luật với những ai vi phạm về nguyên tắc, nhất là những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Cùng với đó, Báo cáo Chính trị cũng nêu lên một trong những nhiệm vụ bức bách phải giải quyết bằng được là : "Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ cán bộ đảng viên". Tham nhũng, quan liêu, là vấn đề nhạy cảm, được xã hội đặc biệt quan tâm và cũng là một nguy cơ lớn đối với Đảng, một thứ "giặc nội xâm" cần phải được triệt phá.

Hai là, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ.

Đảng ta luôn quán triệt quan điểm của Bác Hồ coi cán bộ là "gốc" của mọi công việc. Trong sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng, trình độ lý luận, văn hóa khoa học, chuyên môn nghiệp vụ cao.

Công tác cán bộ cần tập trung giải quyết tốt những vấn đề chủ yếu sau :

- Trước hết xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, vững về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Có được đội ngũ cán bộ các cấp như vậy mới thực sự đảm đương trọng trách lãnh đạo cách mạng nước ta vượt qua những thử thách, thực hiện các mục tiêu của Đại hội IX đã đề ra.

Digitized by Google

Đảng và Nhà nước có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; trọng dụng những người có đức, có tài. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, những chuyên gia đầu ngành của các lĩnh vực.

- Đánh giá và sử dụng cán bộ dựa trên tiêu chuẩn là hiệu quả công tác và sự tín nhiệm của nhân dân. Thực sự khoa học, công tâm, khách quan, dân chủ trong nhận định đánh giá, tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ. Kết hợp hài hòa các độ tuổi bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

- Thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương. Cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ, khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương. Công tác cán bộ là nhiệm vụ chiến lược của Đảng, nó bảo đảm cho mọi chủ trương đường lối, nghị quyết, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước được thực thi. Những vấn đề nêu trên đòi hỏi chúng ta phải đổi mới căn bản công tác cán bộ, từ việc định hướng xây dựng đội ngũ đến xác định cơ chế, chính sách ; tiêu chuẩn đánh giá ; quan điểm bố trí, sử dụng cán bộ sao cho phù hợp với tình hình mới.

Ba là, xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng.

Tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân chính trị, là trung tâm lãnh đạo ở cơ sở. Cơ sở là nơi tiếp thu, truyền bá và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống ; là nơi phản ánh những vấn đề của cuộc sống đang đặt ra, đưa cuộc sống vào nghị quyết, đường lối, chính sách, pháp luật. Vì vậy, tổ chức cơ sở đảng mạnh thì Đảng ta mạnh.

Báo cáo Chính trị chỉ rõ xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng nhằm vào những vấn đề trọng yếu sau :

- Các đảng bộ, chi bộ cơ sở nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo.

- Đối với những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, mất đoàn kết, những nơi khó khăn, miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, cấp ủy cấp trên tập trung chỉ đạo kịp thời, thường xuyên, tăng cường cán bộ cần thiết để củng cố, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phân công công tác kiểm tra quản lý đảng viên chấp hành nghị quyết, Điều lệ Đảng và phát huy vai trò tiền phong gương mẫu trong công tác, học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống, giữ vững mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

- Chăm lo công tác quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chú ý xây dựng các đoàn thể xã hội, bồi dưỡng những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, những người lao động thuộc các thành phần kinh tế để kết nạp những người đủ tiêu chuẩn vào Đảng, làm tăng thêm sức chiến đấu cho Đảng.

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh là thiết thực nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng. Cùng với những việc làm trên, cần khắc phục củng cố những cơ sở đảng yếu kém, mất đoàn kết, lúng túng trong phương thức hoạt động kéo dài dẫn đến thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh thể hiện ở chỗ thực hiện tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ; đề ra các chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ cơ sở đúng đắn và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả. Chi bộ đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng ; thường xuyên giáo dục rèn luyện và quản lý đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức năng lực công tác cho cán bộ,

Digitized by Google

đảng viên ; lãnh đạo xây dựng chính quyền các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch vững mạnh.

Bốn là, kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Để khắc phục những trì trệ, yếu kém làm hạn chế năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, khắc phục tình trạng bất cập hiện nay, cần kiện toàn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở cho phù hợp với tình hình mới.

- Trước hết, "phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị". Thực hiện vấn đề này tưởng như đơn giản nhưng thực chất không dễ dàng. Nó đòi hỏi phải khắc phục tư tưởng phong kiến, nông dân, tiểu tư sản đã ăn sâu vào một số người, nhưng được ngụy biện bằng những "quan điểm", "lập trường" sáo rỗng, hình thức, gắn với những quyền lực nhất định.

- Từng đảng bộ, chi bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng. Làm rõ đúng sai và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm kỷ luật, chuyên quyền, độc đoán, kéo bè cánh gây mất đoàn kết nội bộ. Đối với những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, mất đoàn kết kéo dài, không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì buộc phải giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo Điều lệ Đảng. Kiên quyết không vì nể nang hoặc thiếu biện pháp tích cực để tình trạng lình xình kéo dài, làm mất sức chiến đấu của Đảng, ảnh hưởng tiêu cực với nhân dân.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Đối với những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, tổ chức cán bộ... tập thể cấp ủy thảo luận dân chủ, biểu quyết, ra nghị quyết theo đa số. Thực hiện chế độ làm việc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của mọi người.

Cán bộ lãnh đạo thường xuyên bám sát cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của đảng viên và nhân dân ; định kỳ cấp ủy làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức quần chúng.

- Tăng cường và đổi mới nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra của các tổ chức đảng, nhà nước từ trung ương xuống cơ sở. Công tác kiểm tra các cấp tập trung vào những nội dung chủ yếu : "Thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc ; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên". Đây là những vấn đề cốt lõi của công tác xây dựng Đảng, bảo đảm giữ vững và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Công tác kiểm tra chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở về những vấn đề nêu trên là việc làm thường xuyên, liên tục, đồng bộ, nằm trong quy trình của hoạt động lãnh đạo của Đảng. Tuyệt nhiên không nên cho rằng chỉ khi nào xảy ra "sự cố", "có vấn đề" mới tiến hành kiểm tra, làm cho công tác kiểm tra trở nên nặng nề và không làm hết chức năng, nhiệm vụ. Khi có những vụ việc cần thiết, công tác kiểm tra của Đảng đương nhiên phải tập trung xem xét, kết luận làm sáng rõ bản chất vấn đề, giải quyết kịp thời, tại chỗ bảo đảm đoàn kết, thống nhất trong đảng.

Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, như Báo cáo Chính trị Đại hội IX nêu lên, là nhân tố quyết định làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, bảo đảm lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn mới thắng lợi, xứng đáng sự tin cậy và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.❑

Digitized by Google

CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN THÚY ANH

BÁO cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : *"... phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh chóng, có hiệu quả và bền vững..."*. Báo cáo còn nhấn mạnh : *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường" (1).

Như vậy, vấn đề chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đã được Đảng ta đề ra cả trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội cũng như trong chủ trương, nhiệm vụ mở rộng quan hệ đối ngoại về chính trị, kinh tế, văn hóa. Vì thế đây là vấn đề rất cần được làm rõ.

Dựa vào tầm nhìn chiến lược của Đại hội IX của Đảng để "trông bắc, trông nam, trông cả địa cầu", có thể thấy rằng, càng ngày loài người càng nhận thức đầy đủ hơn, toàn diện hơn xu thế toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế có liên quan chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Cùng với sự xuất hiện của thuật ngữ toàn cầu hóa kinh tế thì khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế cũng bắt đầu được sử dụng. Có thể hiểu toàn cầu hóa kinh tế là quá trình phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới vượt khỏi biên giới quốc gia, hướng tới phạm vi toàn cầu trên cơ sở lực lượng sản xuất cũng như trình độ khoa học - kỹ thuật phát triển mạnh mẽ và sự phân công quốc tế ngày càng sâu rộng, tính chất xã hội hóa của sản xuất ngày càng tăng. Gắn liền với toàn cầu hóa kinh tế là hội nhập kinh tế quốc tế với trọng tâm là mở cửa kinh tế, tham dự phân công hợp tác quốc tế, tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn lực trong nước với bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển, chiếm lĩnh vị trí phù hợp nhất có thể được trong quan hệ kinh tế quốc tế. Như vậy, sẽ không thể có toàn cầu hóa kinh tế nếu không có nhu cầu, không có sự tham gia ngày càng đông đảo của các quốc gia, vùng lãnh thổ với các trình độ phát triển kinh tế cùng với các thể chế và chế độ chính trị khác nhau.

Toàn cầu hóa kinh tế sở dĩ có sức mạnh khó cưỡng như vậy vì nó có bản chất khách quan, gắn liền với xu thế vận động phát triển khách quan của nền sản xuất xã hội, là kết quả tất yếu của sự phát triển của lực lượng sản xuất, của quá trình quốc tế hóa kinh tế. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận rằng toàn cầu hóa kinh tế như nó đang diễn ra hiện nay có tính chủ quan, bị chủ nghĩa tư bản, nhất là các nước tư bản phát triển chi phối, thao túng, lợi dụng, thúc đẩy, định hướng nó theo mục đích, chủ ý của mình. "Đối với Mỹ, toàn cầu hóa chỉ được chấp nhận và có thể chấp nhận được khi nó phục vụ sức mạnh của Mỹ. Toàn cầu hóa sẽ không còn được chấp nhận nữa khi nó có ý áp đặt lên trật tự pháp lý Mỹ một trật tự khác cao hơn" (2). "Mỹ muốn mở rộng tự do hóa thương mại trên toàn thế giới và làm cho xu thế này trở nên không thể đảo ngược, nhưng họ lại đòi cho mình rất nhiều ngoại lệ" (3).

---

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 9-2001, tr 19, 24

(2) *Toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 20

(3) *Vòng đàm phán thiên niên kỷ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 124

Digitized by Google

Bản chất hai mặt như vậy của toàn cầu hóa kinh tế đã gây nên những tác động hai chiều : cả thuận và cả nghịch đối với sự phát triển của thế giới nói chung và của các quốc gia nói riêng khi hội nhập kinh tế quốc tế. Một mặt, toàn cầu hóa kinh tế thúc đẩy nền kinh tế thế giới phát triển với tốc độ và quy mô chưa từng có, mức sống của người dân trên thế giới nói chung được nâng cao rõ rệt. Mặt khác, toàn cầu hóa kinh tế cũng đang đưa tới và đặt nhân loại trước những vấn đề mang tính toàn cầu như : nghèo đói, bất bình đẳng, ô nhiễm môi trường, tội phạm, tệ nạn xã hội... ; đặt các quốc gia, các nhóm nước, khu vực trước những thách thức gay gắt, những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích... Toàn cầu hóa kinh tế với lực lượng nòng cốt của nó là các công ty xuyên quốc gia hùng mạnh, có tham vọng bành trướng khắp toàn cầu, loại bỏ những cản trở trong quá trình mở rộng của nó đang làm lung lay cả những quan niệm truyền thống về nhà nước, vai trò chức năng của nhà nước ; ngay cả chủ quyền quốc gia, chủ quyền kinh tế của mỗi nước cũng bị đe dọa. Có những quan điểm cho rằng ngày nay "nhà nước chỉ còn là một không gian địa lý theo nghĩa một góc sân chơi. Đóng góp duy nhất của nhà nước chỉ còn là cùng với các nhà nước khác trên thế giới san phẳng sân chơi, có nghĩa là bảo đảm luật chơi công bằng cho các cầu thủ mà ở đây là các doanh nghiệp" (4). Hoặc trong cuốn "Hết thời lãnh thổ" của Nhà xuất bản Fayard, năm 1995 có viết "không gian ngày càng được cơ cấu lại theo chiến lược của các doanh nghiệp, theo các tuyến đường vận chuyển hàng hóa, theo các tuyến đi lại của con người". Việc xử lý mối quan hệ giữa độc lập tự chủ, chủ quyền kinh tế và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, vì thế, cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức mới.

Tính chất phức tạp và đầy mâu thuẫn của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế đã làm xuất hiện những thái độ, quan điểm và cả những hành động trái ngược nhau đối với quá trình này. Thế giới đang chứng kiến một thực tế là các cuộc biểu tình, các phong trào, diễn đàn với các quy mô khác nhau phản đối toàn cầu hóa kinh tế đang có xu hướng ngày càng lan rộng. Bởi thế đến nay, dù cho tự do hóa thương mại (cốt lõi của toàn cầu hóa kinh tế) được coi là tất yếu khách quan, được đẩy mạnh cả về bề rộng lẫn chiều sâu, nhưng hầu hết các nước, kể cả các nước phát triển cũng đều không tự do hóa vô điều kiện, mà ngược lại, hết sức thận trọng, tính toán thiệt hơn, tìm mọi cách để có thể bảo hộ càng lâu càng tốt những mặt hàng sẽ bị bất lợi nếu thực hiện tự do hóa, đồng thời đòi hỏi các nước khác phải nhanh chóng xóa bỏ các rào cản thương mại đối với những mặt hàng họ có lợi thế cạnh tranh.

Xuất phát từ tình hình thế giới và thực tiễn của đất nước, ngay từ Đại hội VI, Đảng ta đã đưa ra quan niệm sáng suốt : vừa phát triển mạnh mẽ nội lực, vừa đẩy mạnh quan hệ hợp tác với bên ngoài, tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Đến Đại hội IX, Đảng ta lại một lần nữa khẳng định và nhấn mạnh hơn là phải chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế không phải là mục tiêu mà là phương tiện để chúng ta lợi dụng các nguồn lực bên ngoài, nuôi dưỡng, phát huy nguồn lực trong nước, xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ, đáp ứng được yêu cầu của bản thân nước ta trong quá trình phát triển theo định hướng đã lựa chọn, đồng thời qua đó phát huy vai trò của nước ta trong sự hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.

Tư tưởng chủ động hội nhập mà Đại hội IX nêu ra hàm chứa không chỉ phương châm của hội nhập kinh tế quốc tế mà còn bao hàm cả những nội dung công việc cần làm để có thể chủ động hội nhập quốc tế theo chiều sâu. Tinh thần chủ động ở đây thể hiện cả sự tự tin, có đường đi, nước bước, không vội vàng hấp tấp để dễ bị vấp ngã, nhưng cũng không chậm chạp, chần chừ để lỡ thời cơ. Chủ động mang tính tích cực nhưng có bản lĩnh, thận trọng và quyết đoán. Chủ động hội nhập còn là sự nắm vững quy luật, hiểu rõ tất yếu khách quan, chủ động đón nhận, tận dụng khai thác, tạo ra cơ hội, chủ động phòng tránh những mặt trái, tiêu cực, chủ động lường trước đối phó, xử lý những khó khăn thách thức xuất hiện khi hội nhập kinh tế quốc tế.

---

(4) *Toàn cầu hóa. Sđd*, tr 34

Digitized by Google

Theo quan điểm của Đại hội IX, để bảo đảm cho việc hội nhập kinh tế quốc tế được chủ động, chúng ta cần phải "biết người, biết ta", chú trọng triển khai hai nhiệm vụ trọng yếu là : chuẩn bị tăng cường thế và lực trong nước ; hiểu rõ đối tượng, môi trường mà chúng ta hội nhập.

1. Về thế và lực của đất nước ta.

Đây là điều kiện quan trọng, có ý nghĩa quyết định để giữ được thế chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu không đạt được thế và lực nhất định, chúng ta hoặc sẽ e dè, chần chừ trong việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và như vậy nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, đứng ngoài lề của sự phát triển sẽ trở thành hiện thực, hoặc bị rơi vào một tình huống khác là chịu khuất phục trước sức mạnh kinh tế, sự áp đặt của các thế lực nước ngoài. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải đi vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế bằng trí tuệ và đôi chân của chúng ta, bằng sức mạnh của bản thân chúng ta. Những nội dung cần làm để có thể tạo lập và phát huy sức mạnh tổng hợp của nước ta là :

- Thống nhất được nhận thức về nhu cầu tất yếu phải hội nhập kinh tế quốc tế, coi hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những nhiệm vụ then chốt trong hoạt động kinh tế, nhằm phục vụ lợi ích chung của đất nước. Vấn đề thống nhất về nhận thức có ý nghĩa rất quan trọng, vì hội nhập kinh tế quốc tế với trọng tâm là mở cửa, thực hiện tự do hóa thương mại sẽ làm xuất hiện nhiều mâu thuẫn cục bộ. Chẳng hạn, mâu thuẫn giữa xu hướng bảo hộ với xu hướng tự do hóa ; nhiều doanh nghiệp còn yếu kém không đủ sức cạnh tranh, ngại phải thay đổi cách làm cũ, vẫn muốn được nhà nước tiếp tục bảo hộ ; mâu thuẫn giữa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng ; mâu thuẫn giữa tăng nguồn thu ngân sách qua thuế nhập khẩu với việc phải giảm dần các hàng rào thuế quan, phi thuế quan khi thực hiện tự do hóa sẽ làm giảm nguồn thu ngân sách... Những mâu thuẫn đó làm cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế vấp phải không ít trở ngại khi đi vào các vấn đề cụ thể. Thế nên, chỉ khi nào nhận thức thông suốt thì mới có đủ ý chí, bản lĩnh, quyết tâm và sức mạnh để thật sự đưa vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế vào cuộc sống, vào suy nghĩ, vào kế hoạch, chương trình hành động, chiến lược phát triển của Nhà nước, của các cấp, ngành, các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế ; đẩy mạnh được sự gắn kết, phối hợp đồng bộ về vấn đề này giữa các ban ngành, địa phương, các ban của Đảng với các cơ quan nhà nước, đoàn thể dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Có cơ sở vững vàng về chính trị, ổn định xã hội, phát huy nội lực, phát triển kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của cả nền kinh tế, của từng ngành và từng doanh nghiệp. Muốn vậy, chúng ta phải đánh giá lại tiềm lực kinh tế của đất nước trong mọi lĩnh vực, ngành hàng ; khai thác và phát huy tính linh hoạt và khả năng thích ứng của nền kinh tế nhiều thành phần ; nghiên cứu lợi thế so sánh : cả lợi thế so sánh tĩnh như tài nguyên thiên nhiên, sức lao động rẻ, vị trí địa lý... lẫn lợi thế so sánh động mà ta có thể chủ động tạo ra như trình độ công nghệ, tay nghề, kiến thức của người lao động, chiến lược phát triển, khả năng quản lý... Từ đó xây dựng cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa, hội nhập ; xây dựng chiến lược phát triển, mở rộng thị trường trong và ngoài nước ; xác định ngành mũi nhọn cần ưu tiên đầu tư phát triển...

Đồng thời với việc Nhà nước tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ; xây dựng hành lang pháp lý vừa chặt chẽ lại vừa thông thoáng ; xác định lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện các cam kết đã và sẽ ký kết, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh... thì các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước cần nâng cao tính chủ động, hiệu quả hoạt động, năng lực sản xuất, sức cạnh tranh vì lợi ích của bản thân từng doanh nghiệp cũng như vì lợi ích chung của nền kinh tế quốc dân. Doanh nghiệp nhà nước cùng với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế là chủ thể của quá trình hội nhập, là người trực tiếp tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế và là lực lượng quyết định trực tiếp đến sự thành bại của việc hội nhập này, cần gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở lợi ích của từng doanh nghiệp và lợi ích quốc gia, tạo nên sức mạnh chung của cả cộng đồng doanh nghiệp, tránh để các đối tác, công ty nước ngoài lợi dụng sự cạnh tranh trong nước để chia rẽ, gây mâu thuẫn, "đục nước, béo cò" thu lợi. Các

Digitized by Google

doanh nghiệp nhà nước - trụ cột của nền kinh tế cần được khẩn trương sắp xếp lại, hình thành những doanh nghiệp thực sự đủ mạnh, đủ sức cạnh tranh làm nòng cốt cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiếp cận, dần dần đi vào kinh tế tri thức. Nếu không có tri thức, không phát triển nguồn trí lực đủ tầm sẽ rất khó chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực cũng như trong quan hệ chung với thế giới hiện đại.

Nhân loại đang bước vào một giai đoạn phát triển rất cao của lực lượng sản xuất - giai đoạn "kinh tế tri thức". Trong kinh tế tri thức, yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế là tri thức và tiềm năng tạo ra tri thức. Theo định nghĩa của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), tri thức là thông tin, năng lực trí tuệ, sáng tạo và công nghệ mới như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới. Tri thức hiện đóng vai trò số một trong các nguồn lực phát triển kinh tế nên trên thế giới đang diễn ra một cuộc chạy đua gay gắt giữa các quốc gia để thu hút, chiếm hữu, sử dụng khai thác nguồn lực trí tuệ. Mặc dù các nước phát triển có ưu thế hơn hẳn trong cuộc cạnh tranh này, nhưng kinh tế tri thức cũng tạo ra những cơ hội cho các nước đang phát triển vươn lên rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển nếu biết nắm bắt, khai thác tiến bộ của khoa học - công nghệ, tri thức của nhân loại để phát huy nội lực, tăng cường sức mạnh của mình. Vì lẽ đó, một số nước như Ấn Độ, các nước công nghiệp mới (NICs) đều có chiến lược quốc gia phát triển công nghệ cao. Không chỉ tập trung dành nguồn vốn lớn cho nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, họ còn có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, gửi người ra nước ngoài học, đón các trí thức hồi hương, xây dựng các khu công nghệ cao cho các trí thức hồi hương, tạo điều kiện thuận lợi đón các sinh viên, trí thức khắp nơi trên thế giới đến học tập và làm việc...

Trong xu thế chung đó nếu phát huy được lợi thế sẵn có, tiếp cận dần và tìm được mũi nhọn đột phá vào kinh tế tri thức để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, chúng ta sẽ có thêm một điều kiện quan trọng nữa để có thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức, có năng lực và bản lĩnh vững vàng. Nhân tố con người là yếu tố quyết định nhất trong các khâu, các hoạt động phục vụ cho hội nhập kinh tế quốc tế. Để có một đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của việc hội nhập này cần phải giải quyết một số việc chủ yếu sau. *Một là,* có kế hoạch nâng cao trình độ kiến thức, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại. Nhanh chóng trang bị cho đội ngũ cán bộ doanh nghiệp, các doanh nhân những kiến thức về kinh tế thị trường, nội dung của các luật kinh tế của nước ta, những luật lệ cơ bản và những quy chế của các tổ chức kinh tế quốc tế, những thông lệ, quy trình, thủ tục trong giao lưu thương mại, xuất nhập khẩu... Nhanh chóng thông tin, nâng cao nhận thức của các nhà doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế về các cơ hội cũng như những thách thức mà hội nhập kinh tế quốc tế mang lại. *Hai là,* cùng với việc bồi dưỡng ngắn hạn, thường xuyên đối với cán bộ tại chức, cần có kế hoạch đào tạo cơ bản và có chiều sâu, đào tạo lý luận gắn với thực tiễn, phát triển năng lực cá nhân để có được đội ngũ doanh nhân giỏi, cán bộ khoa học - công nghệ, quản lý kinh doanh, đội ngũ lao động có trình độ cao, đội ngũ công chức thạo việc. *Ba là,* đào tạo cán bộ gắn liền với việc quy hoạch, sử dụng cán bộ có năng lực, sắp xếp đúng vị trí để họ có thể phát huy được sở trường của mình, khuyến khích đưa ra những sáng kiến trong công việc ; có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh, cơ chế khen thưởng, đãi ngộ rõ ràng, kịp thời ; kiên quyết phòng chống, ngăn chặn, đẩy lùi những hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng, hối lộ ; tăng cường công tác quản lý cán bộ, nhất là các cán bộ ở các "mũi nhọn" của kinh tế đối ngoại.

2. Hiểu rõ đối tượng thiết lập quan hệ kinh tế và môi trường mà chúng ta tham gia hội nhập.

Cùng với việc nâng cao năng lực và sức mạnh của bản thân nền kinh tế, giữ vững sự ổn định về chính trị, xã hội, thì việc hiểu rõ đối tượng để thiết lập quan hệ kinh tế và môi trường kinh tế quốc tế mà chúng ta hội nhập có vai trò rất quan trọng, giúp cho việc tham mưu, điều hành công tác kinh tế đối ngoại được thuận lợi, chủ động :

Digitized by Google

hạn chế và tránh được những rủi ro, bất trắc làm tổn hại, lãng phí nguồn lực trong nước, đồng thời đón nhận, tận dụng các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực, tạo thành sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế. Trong điều kiện hiện nay của nước ta, để làm tốt việc này cần chú trọng hơn nữa một số khía cạnh sau :

- Thu nhập, cập nhật thông tin về tình hình kinh tế, tài chính, thương mại thế giới, tìm hiểu kỹ thị trường thế giới, dự báo triển vọng, xu hướng biến động và phát triển của nó. Làm tốt điều này sẽ giúp chúng ta có cơ sở đưa ra được cơ cấu đầu tư hợp lý, xác định được ngành hàng cần tập trung đầu tư phát triển, đón trước cơ hội, tránh những rủi ro đáng tiếc. Đồng thời khi nội lực của đất nước đã đạt đến mức nhất định, thì những thông tin từ bên ngoài không chỉ giúp cho việc chủ động sản xuất mà còn chủ động thâm nhập, tạo cầu cho thị trường thế giới, qua đó chiếm giữ những vị trí tương đối ổn định.

- Nắm vững các văn kiện, thông lệ quốc tế, hệ thống luật pháp, các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế, các cam kết quốc tế... để có thể chủ động, tránh bị ép trong khi đàm phán, ký kết các cam kết ; không bỏ sót, bỏ lỡ mà có thể khai thác triệt để, tận dụng quyền lợi, những ưu tiên, ưu đãi dành cho các nước đang phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó tìm được tiếng nói chung về một vấn đề, một lĩnh vực nào đó để tranh thủ càng nhiều càng tốt sự ủng hộ, đồng tình, hợp tác của các đối tác cùng chung lợi ích.

Nghiên cứu kỹ các văn kiện, các cam kết quốc tế đã và sẽ ký kết còn giúp chúng ta chủ động xác định được lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó đưa ra các kế hoạch kinh tế cụ thể cho phù hợp. *Một mặt,* chủ động xác định thời gian, các bước cần tiến hành để tháo gỡ, dần dần xóa bỏ thuế quan và những công cụ hành chính mà cho đến nay chúng ta vẫn còn đang sử dụng để điều tiết hàng hóa xuất nhập khẩu nhưng lại thuộc đối tượng cần phải bãi bỏ khi các cam kết có hiệu lực, tránh gây những tiêu cực, hụt hẫng, bất ổn trong xã hội ; *mặt khác,* nghiên cứu, sử dụng những công cụ điều tiết mà các nước vẫn đang áp dụng, được thừa nhận hoặc không bị yêu cầu phải bãi bỏ để tránh bỏ lỡ cơ hội bảo vệ hàng trong nước.

- Tìm hiểu kỹ các đối tác, thông qua sự cạnh tranh giữa các đối tác, thế mạnh của mỗi đối tác để tạo ra lợi thế cho mình ; đồng thời không để cho quốc gia nào, tập đoàn kinh tế nước ngoài nào chiếm vị trí độc quyền ở bất cứ lĩnh vực nào trong nền kinh tế nước ta. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế là phương pháp hữu hiệu bảo đảm sự an toàn trong hội nhập, là nhân tố thích hợp để chúng ta có thể lợi dụng mâu thuẫn giữa các đối tác và tranh thủ sự ủng hộ của từng đối tác. Đây cũng là một điều kiện quan trọng để chúng ta có thể nâng cao được thế và lực của mình, giữ được thế chủ động, hợp tác một cách linh hoạt với các đối tác, nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển cũng như đảm bảo cho lợi ích của đất nước.

- Hiểu rõ các đối tác còn giúp thực hiện tốt phương châm hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ lợi ích quốc gia, không để bị ép buộc, áp đặt, đồng thời vẫn có thể chia sẻ lợi ích với các đối tác một cách hợp lý.

- Luôn đề cao cảnh giác, không xem nhẹ, coi thường, chủ quan trước âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng quan hệ kinh tế để xâm nhập, thực hiện "diễn biến hòa bình", phá hoại đất nước ta.

Trên đây chỉ là những suy nghĩ bước đầu về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là một vấn đề rất lớn và phức tạp nên trên bước đường phát triển đất nước, chúng ta sẽ còn vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Điều cốt yếu là, cùng với việc hết sức nhạy bén, năng động, sáng tạo, biết "chớp" thời cơ để tiến hành những công việc cần thiết vì lợi ích quốc gia, phải luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, luôn tỉnh táo, không để bị bất ngờ. Chúng ta tin tưởng rằng, nếu thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng đã được xác định rõ trong Đại hội lần thứ IX, việc hội nhập kinh tế quốc tế sẽ được thực hiện có hiệu quả và chủ động. Toàn Đảng, toàn dân ta sẽ đạt được những thành tựu ngày càng to lớn trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

VIẾT VỀ ĐẢNG, TRÁCH NHIỆM VÀ VINH DỰ CỦA NGƯỜI LÀM BÁO *

HÀ ĐĂNG

Tôi thật sự bối rối khi nhận viết về đề tài này : ***"Viết về Đảng, trách nhiệm và vinh dự của người làm báo"***. Không phải vì đề tài quá khó hay quá dễ trong việc thực hiện. Vấn đề là ở chỗ nhận thức nó như thế nào và phải làm gì để đưa được nhận thức ấy vào cuộc sống. Có nghĩa là làm thế nào để mỗi người làm báo chúng ta đều cảm thấy có vinh dự lớn lao được cầm bút viết về Đảng, và vì vinh dự ấy thấy trách nhiệm nặng nề khi cầm bút. Hơn thế nữa, khi trách nhiệm và vinh dự đã hòa quyện với nhau thành bản năng thì ngòi bút sẽ trở nên thanh thoát, phóng khoáng và sinh động ; viết về Đảng tức là viết về người lãnh đạo, về công việc lãnh đạo mà cứ như là viết về chính bản thân cuộc sống - cuộc sống của cách mạng, của nhân dân, và của chính mình.

Ai chẳng biết, đối với cuộc cách mạng của chúng ta, ngày nay là sự nghiệp đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội, mỗi người làm báo chúng ta đều vừa là chủ nhân vừa là chứng nhân. Là chủ nhân, cùng với nhân dân nói chung, chúng ta làm hết sức mình cho thắng lợi của cách mạng, không ngừng sáng tạo nên những giá trị vật chất và văn hóa. Là chứng nhân, chúng ta có trách nhiệm ghi chép và phản ánh một cách trung thực bức tranh về cuộc cách mạng mà nhân dân ta đang tiến hành, một bức tranh rạng rỡ hào quang nhưng không phải là không có những mảng tối, đậm đặc chiến công và thành tựu, nhưng không phải không có đan xen thất bại và khuyết điểm. Trong cái bức tranh chung đó, đã nổi bật vị trí trung tâm của nhân dân ta, cũng nổi bật lên người lãnh đạo sáng suốt, tài năng và quả cảm : Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vậy viết về Đảng là viết về cái gì ? Và nên viết như thế nào ?

Chắc chắn những câu hỏi ấy thường xuyên nung nấu trong lòng mỗi người chúng ta. Tôi nghĩ, viết về Đảng không chỉ là viết về những gì mà Đảng quan tâm trong công tác lãnh đạo của mình mà còn là, và trước hết là viết về những gì mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm đến Đảng, tức là quan tâm đến người lãnh đạo cuộc cách mạng, bởi lẽ, như Đảng ta thường nói : "Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta". Mối quan tâm của nhân dân đối với Đảng bao quát nhiều lĩnh vực, từ lịch sử ra đời cho đến hệ tư tưởng của Đảng ; từ quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của Đảng trong lãnh đạo cách mạng qua các thời kỳ cho đến những hoạt động thực tiễn hiện nay của Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ; từ đường lối, chủ trương, chính sách và các nghị quyết của Đảng cho đến phẩm chất và đạo đức người cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới. Với chủ đề cuộc

* Tham luận tại Hội thảo "Báo chí viết về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và công tác xây dựng Đảng", tổ chức tại Hà Nội ngày 12-5-2001

Digitized by Google

Hội thảo lần này, tôi bày tỏ sự đồng tình cao với những nội dung chính yếu nhất mà Báo cáo đề dẫn đã nêu lên về báo chí với Đảng và công tác xây dựng Đảng. Tôi cũng nhất trí với nhận định rằng : "Báo chí có vai trò rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng".

Nói đến công tác xây dựng Đảng, trước hết là nói đến việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về đổi mới phương thức và phong cách lãnh đạo của Đảng, về sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân... Từ trước đến nay, Đảng ta đã liên tục ra nhiều nghị quyết về xây dựng Đảng. Chỉ tính trong nhiệm kỳ Trung ương khóa VIII, đã có những nghị quyết quan trọng như : Nghị quyết Trung ương 3 về chiến lược cán bộ, Nghị quyết Trung ương 5 về xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết Trung ương 7 về một số vấn đề cấp thiết về tổ chức, sắp xếp bộ máy, v.v.. Và mới đây nhất là các văn kiện Đại hội IX, trong đó đã nổi bật lên vị trí trung tâm của nhiệm vụ phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vai trò then chốt của nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng ta thật sự ngang tầm lãnh đạo.

Về những nghị quyết nói trên, tôi thấy báo chí chúng ta, nhất là các báo chí đảng, đã có rất nhiều cố gắng để chuyển đạt tinh thần và nội dung của chúng đến đông đảo cán bộ và nhân dân, đồng thời cổ vũ việc thực hiện. Đã có nhiều tác phẩm báo chí về lĩnh vực này được giải thưởng.

Bản thân tôi, không phải là người chuyên viết về lĩnh vực xây dựng Đảng. Nhưng đối với các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là các nghị quyết về xây dựng Đảng, tôi đã nghiên cứu và viết với sự say mê, không chỉ vì trách nhiệm mà cả sự phấn hứng nội tâm.

Nghị quyết Trung ương 3 "Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" là một trong những nghị quyết hay nhất của Trung ương về lĩnh vực này. Nhưng điều còn ngờ trong dư luận xã hội là đây có thực sự là một chiến lược hay chỉ là một định hướng chiến lược ? Với bài "Chiến lược cán bộ" đăng trên Tạp chí Cộng sản số 17-1997, tôi đã tìm cách chứng minh rằng đó là một chiến lược thực sự, bởi nó hội đủ các yếu tố cơ bản của một chiến lược : một sự đánh giá có tính khái quát về thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ ; một hệ thống quan điểm chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ ; phương hướng cơ bản, mục tiêu chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ đến năm 2020 và tiêu chuẩn cán bộ cho thời kỳ mới và cuối cùng là hệ thống giải pháp và chính sách lớn nhằm mục tiêu chiến lược đề ra. Tôi cũng đã trình bày rằng, nếu phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt thì chiến lược cán bộ là "then chốt của then chốt" bởi lẽ, công tác cán bộ là then chốt của công tác xây dựng đảng. Nếu coi Nghị quyết Đại hội VIII là chiến lược tổng thể của Đảng ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thì chiến lược cán bộ chính là "chiến lược trong chiến lược" đó. Và nếu coi chiến lược cán bộ, như là một giải pháp của nhiều chiến lược kinh tế, chính trị, xã hội khác thì các giải pháp nêu trong chiến lược này chính là "giải pháp của giải pháp".

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) nêu lên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Cán bộ, đảng viên và quần chúng đông đảo hoan nghênh và đặt nhiều kỳ vọng vào kết quả cuộc vận động. Thế nhưng, vẫn còn không ít băn khoăn. Với bài "Vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng", đăng trên Tạp chí Cộng sản số 19 năm 1999 tôi đã cố gắng giải đáp 5 loại thắc mắc có tính phổ biến : 1) Xây dựng và chỉnh đốn Đảng có gì khác nhau, đâu là trọng tâm ? 2) Tự phê bình và phê bình, mặt nào là chính ? 3) Cấp cao và cấp thấp, cán bộ to và cán bộ bé, đối tượng nào là trọng điểm ? 4) Chỉ có chỉnh đốn về nhận thức và hành động hay có cả hình phạt ? 5) Có sự nói nhiều làm ít, đánh trống bỏ dùi không ?

Bài báo đã được giải A trong cuộc thi do Hội Nhà báo và Ban Tổ chức Trung ương tổ chức.

Digitized by Google

Cũng về Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đề cập vấn đề "Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng", tôi viết bài "Nghị quyết và cuộc sống", đăng Tạp chí Cộng sản số 9 tháng 5-1999 nói rõ rằng : Ra nghị quyết (hay xây dựng nghị quyết) và tổ chức thực hiện nghị quyết (hay đưa nghị quyết vào cuộc sống) là hai giai đoạn của cùng một quá trình lãnh đạo của Đảng, nói cách khác là hai công đoạn của cùng một quy trình công tác. Muốn đưa nghị quyết vào cuộc sống (giai đoạn 2) thì trước hết phải đưa cuộc sống vào nghị quyết (giai đoạn 1). Có nghĩa là các cấp ủy đảng phải bàn bạc, giải quyết và ra nghị quyết về những vấn đề do cuộc sống đặt ra chứ không phải là về những vấn đề do chủ quan mình nghĩ không dính dáng gì đến cuộc sống ; và nếu làm như vậy, thì nghị quyết nhất định sẽ chỉ tồn tại trên giấy, không thể đưa vào cuộc sống được.

Gần đây nhất, khi bản Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX được đưa cho các cấp ủy Đảng thảo luận, cũng có nhiều câu hỏi được đặt ra, chủ yếu là tìm hiểu xem cái gì là mới, hay Đại hội này cũng chỉ khẳng định lại những vấn đề cũ. Với bài "Cái mới trong Báo cáo Chính trị Đại hội IX" đăng Tạp chí Cộng sản số 18 năm 2000, tôi cố gắng đưa ra một nhận thức đúng về cái mới. Rằng : "Cái mới ở đây được hiểu là cái lần đầu được nêu lên, cũng có thể là cái đã từng được nói tới nhưng nay đề cập với tinh thần mới và nội dung mới, cũng có cái tưởng như cũ nhưng do đặt trong bối cảnh tình hình đã khác trước mà trở thành mới. Cái mới ở đây còn được hiểu là mới so với Nghị quyết Đại hội VIII, bao gồm cả những điều đã được phát triển qua các Hội nghị Trung ương tiếp theo nay được đúc kết lại". Chính trong tinh thần đó mà tôi đã nêu lên 15 cái mới trong Dự thảo Báo cáo Chính trị, trước hết là mới về chủ đề Đại hội. Cái chủ đề ấy nêu bật nhiệm vụ bao trùm nhất, trọng yếu nhất của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu để trong vài thập niên đầu thế kỷ đưa đất nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ bao trùm ấy bằng phương cách nào ? Bằng việc *tiếp tục đổi mới*, bởi lẽ đổi mới là chiếc chìa khóa mở ra thắng lợi to lớn vừa qua và cả sau này. Bằng sức mạnh gì ? Bằng *sức mạnh toàn dân tộc* chứ không phải sức mạnh của riêng một giai cấp hay tầng lớp xã hội nào. Nếu coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trận chiến lớn để đưa đất nước đi lên giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh thì tư tưởng cơ bản của chủ đề Đại hội có thể được hiểu là : "Vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, toàn dân tộc ra trận !".

Bài báo này, sau khi được Báo Nhân Dân đăng lại đã có tiếng vang và sự đồng tình khá rộng.

Tôi nêu một vài dẫn chứng nêu trên không nhằm tự đề cao, bởi lẽ chất lượng các bài báo tự nó còn chưa cho phép làm được điều đó. Cũng không nhằm giới thiệu một vài kinh nghiệm nghiệp vụ. Chỉ muốn chứng minh một điều như tôi đã nói trên là : Viết về Đảng, khi trách nhiệm và vinh dự hòa quyện vào nhau thành một cái gì đó như là bản năng thì ngòi bút trở nên phóng khoáng và sinh động hơn. Có người nói, sở dĩ tôi viết được những bài báo về xây dựng Đảng như vậy là nhờ có quá trình tham gia xây dựng các văn kiện của Đảng. Đó là sự thật và xin cảm ơn lời nhận xét ấy. Cũng xin bày tỏ một lần nữa sự đồng tình của mình về nhận định được nêu trong bản Báo cáo đề dẫn : "Chúng ta phải thừa nhận rằng, để có những tác phẩm báo chí hay viết về Đảng, nhà báo không thể hời hợt, nông cạn, cưỡi ngựa xem hoa, phải có khả năng chọn lọc, đánh giá nghiêm túc, khoa học các vấn đề". Và xin nói thêm một điều : Viết về các văn kiện Đảng, bao gồm cả các nghị quyết của Đảng, người làm báo tuyệt nhiên không thể dùng ngôn ngữ của văn kiện, tức là lặp lại nguyên xi các văn kiện mà là dùng ngôn ngữ báo chí để nói về các văn kiện ấy, tức phải nhìn nghị quyết từ cuộc sống, suy ngẫm và sáng tạo nhiều.❑

Digitized by Google

NHÀ BÁO TRƯỚC NHỮNG YÊU CẦU MỚI CỦA ĐẢNG

CHU THÁI THÀNH

Đại hội lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh đất nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, Đảng ta yêu cầu nhà báo : **làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương "người tốt, việc tốt", những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức sai lệch, đấu tranh với những quan điểm sai trái...** (1). Đây cũng là nhiệm vụ của nhà báo trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bước vào thời kỳ mới, cách mạng nước ta đứng trước thời cơ và vận hội lớn, nhưng cũng phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức lớn không thể xem thường. Nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức với tinh thần cách mạng tiến công đưa cách mạng Việt Nam tiến lên mạnh mẽ, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhà báo chúng ta có nhiệm vụ quan trọng tăng cường sự nhất trí tư tưởng của toàn Đảng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần của toàn dân ; nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" ; giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; đấu tranh chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội ; thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân... Sứ mệnh nặng nề đó của nhà báo được Đại hội lần thứ IX của Đảng chỉ rõ trên những vấn đề cơ bản, cấp thiết sau đây :

Làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã vạch ra phương hướng, chủ trương, chính sách đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì một nước Việt Nam, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vai trò của nhà báo ở đây là làm tốt chức năng tuyên truyền, giải thích các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho toàn Đảng, toàn dân quán triệt sâu sắc và nhất trí cao với đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng được thể hiện trong văn kiện Đại hội IX, trong các luật, Nghị định của Nhà nước, trong các chương trình, nhiệm vụ công tác của Trung ương Đảng và Chính phủ. Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các nhà báo phải tham gia vào việc động viên toàn xã hội phấn đấu thực hiện nghiêm chỉnh chính sách và biện pháp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Đảng ta đề ra. Quán triệt tư tưởng của Đảng coi đây là công việc của bản thân nhân dân ta, do sức ta làm là chính. Tuy nhiên, phải biết khai thác lợi thế của các nước đi sau, tận dụng yếu tố quốc tế để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương "người tốt, việc tốt", những điển hình tiên tiến. Đây là chức năng quan trọng của báo chí trong suốt quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Việc biểu dương của các nhà báo có vai trò to lớn cổ vũ toàn Đảng, toàn dân thi đua lao động, sáng tạo nhằm đạt tới những mục tiêu của Đảng ta đã đề ra. Bản chất của công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là cái mới và tiên tiến nhất. Nhà báo khi phản ánh hiện thực khách quan cần bám sát, khai

(1) Những chữ in đậm trong bài đều trích trong văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng

Digitized by Google

thác và lựa chọn cái mới, cái tiêu biểu. Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ : *coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới*. Phổ biến và nhân rộng những nhân tố mới, điển hình tiên tiến ra phạm vi toàn quốc. Lê-nin căn dặn các nhà báo : *phát hiện, khuyến khích tất cả những mầm non của cái mới*. Những mầm non của cái mới ấy không nhất thiết chỉ có trong những sự kiện phi thường mà nó tồn tại và nẩy nở trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, của công cuộc đổi mới và hiện đại hóa đất nước. Đảng ta khuyến khích nhà báo tích cực cổ vũ cho cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên ; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Biểu dương gương "người tốt, việc tốt", kinh nghiệm tốt để lôi cuốn số đông. Làm cho cái chân, thiện, mỹ lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội chúng ta.

Phê phán các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội. Tiêu cực và tệ nạn xã hội đang là một nguy cơ lớn đe dọa mọi thành quả cách mạng, hủy hoại nhân phẩm con người, đặc biệt làm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tàn phá công cuộc đổi mới đất nước. Tình trạng này đang trở thành một nguy cơ và thách thức lớn đối với chúng ta. Có lẽ không ai không thừa nhận thời gian qua cũng như hiện nay, các nhà báo đang là lực lượng xung kích trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Thông qua đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, nhà báo đã góp phần tích cực vào cuộc vận động làm trong sạch Đảng, bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chống tiêu cực hiện nay là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của các nhà báo nhằm dọn đường cho việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX và các Nghị quyết khác của Đảng, Nhà nước, làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Đấu tranh chống tiêu cực cũng nhằm góp phần xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, tình cảm, tri thức, nhân cách, đạo đức, lối sống, đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Nhà báo viết bài chống tiêu cực, xác định đúng trọng tâm và mục tiêu, viết với thái độ và động cơ trung thực, trong sáng, có trách nhiệm, đúng mức độ, không nói tràn lan, nêu vụ việc tiêu cực, chỉ rõ địa chỉ, tránh thổi phồng, nói chung chung, "vơ đũa cả nắm", gây mơ hồ, lẫn lộn trong dư luận. Thành công hay thất bại trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực có ý nghĩa quyết định thành công hay thất bại trong sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, sẽ là ảo tưởng, nếu cho rằng có thể khắc phục một cách cơ bản, loại bỏ mọi hành vi tiêu cực trong một thời gian ngắn, vì tiêu cực có căn nguyên từ điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội. Đây là một cuộc đấu tranh gian khổ, kiên trì, liên tục, đòi hỏi phải sử dụng tổng hợp các biện pháp, các lực lượng, trong đó nhà báo có vai trò xung kích rất quan trọng.

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái. Từ khi Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, các thế lực thù địch tăng cường chống phá, ráo riết thực hiện âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" trên nhiều lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Rõ ràng là, chúng ta chỉ có thể bảo vệ độc lập dân tộc và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở Đảng và Nhà nước ta cùng các đoàn thể chính trị - xã hội, trong đó có vai trò rất quan trọng của các nhà báo tiến hành có hiệu quả đấu tranh tư tưởng, lý luận, tuyên truyền, vạch trần các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, làm thất bại mọi âm mưu xóa bỏ Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa. Một trong những nội dung quan trọng của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là đấu tranh ngăn chặn, khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Nhà báo - những chiến sĩ xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, không thể đứng ngoài cuộc, hoặc đề cập hời hợt nội dung cuộc đấu tranh nóng bỏng trên mặt trận này. Nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng, lý luận có mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ giáo dục lý tưởng cách mạng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc. Nhà báo góp phần giáo dục thế giới quan, bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, cổ vũ truyền thống hào hùng của dân tộc ta, phân tích và khẳng định những thành tựu to lớn của sự nghiệp cách mạng, nhất là công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, làm rõ sự cần thiết tất yếu về vai trò lãnh đạo của Đảng, tạo ra sự nhận thức đúng đắn trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo nên sức đề kháng trước những luận điệu xuyên tạc, vu cáo của kẻ thù. Tăng cường đấu tranh chống những luận điểm sai trái, thù địch cũng là sự góp sức bồi dưỡng và củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tạo sự nhất trí cao giữa cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc thực

Digitized by Google

hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ mới.

Nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin. Khách quan, chân thật là bản chất của báo chí cách mạng. Lê-nin cho rằng, *sự thật là sức mạnh của báo chí chúng ta.* Bác Hồ dạy : "Không nên chỉ viết cái tốt mà *giấu cái xấu.* Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt thì phải có *chừng mực,* chớ phóng đại. Có thế nào nói thế ấy" (2). Nhà báo phản ánh sự thật - tức là bảo đảm sự chính xác tới từng chi tiết của các sự kiện, con số, con người có địa chỉ thật trong cuộc sống đời thường, trong quá trình phản ánh thực tế xã hội. Nâng cao tính chân thật còn thể hiện ở chỗ trước các sự kiện của hiện thực khách quan, nhà báo cần tìm tòi, khai thác, khám phá, phát hiện bản chất, mối liên hệ bên trong giữa chúng, trên cơ sở khoa học, chứ không chỉ dừng lại ở những hiện tượng bề ngoài của sự thật. Trong khi phản ánh sự thật, nhà báo còn phải cân nhắc ở chỗ những sự thật khách quan được phản ánh phải *đúng lúc* và *đúng dung lượng* cần thiết. Đảng ta nhấn mạnh đến phát triển sự nghiệp báo chí theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân. Bằng nhiều hình thức, nhà báo có thể chuyển tải tới dân cư không chỉ những tri thức cụ thể, trực tiếp mà còn tác động để nâng cao trình độ nhận thức, giúp con người hoàn thiện về văn hóa, lối sống. Là một nước nông nghiệp lạc hậu với đa số dân cư ở nông thôn, việc giáo dục, nâng cao dân trí không chỉ đơn thuần là trang bị những kiến thức phổ thông cụ thể. Vấn đề khó khăn của các nhà báo là làm sao để nhanh chóng nâng cao nhận thức của nhân dân, bắt kịp trình độ các nước phát triển, hình thành một nếp sống công nghiệp, hiện đại, kỷ cương. Nâng cao tính chiến đấu của thông tin cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hiện nay, nhân dân ta không còn thỏa mãn với cách đưa tin lạnh lùng, giản đơn, không lột tả được bản chất sự kiện. Nhà báo đưa tin gắn liền với sự kiện, nhưng sự kiện mới vẫn chưa đủ, mà quan trọng hơn là *thẩm định, lý giải, phân tích sự kiện,* giúp người tiếp nhận thông tin hiểu rõ bản chất của sự kiện và nhận thức đầy đủ, chính xác các hiện tượng của đời sống xã hội. Ngay như những vấn đề quốc tế, trong cuộc đấu tranh gay gắt trên chính trường và trên thị trường, trong sự đan xen của những thông tin trái ngược nhau, trong "hỏa mù" của những thông tin xuất phát từ lợi ích khác nhau, đối chọi, lật đổ nhau, xâm phạm không chỉ lợi ích cá nhân, bộ phận mà xâm phạm cả chủ quyền và lợi ích dân tộc nào đó, thì nhà báo phải khai thác được những thông tin chính xác, bản chất, đẩy lùi và hủy bỏ thông tin nhiễu, thông tin xấu, sai trái. Chân thực, khách quan là cốt lõi của thông tin. Chọn lọc để viết hay không viết, để công bố hay không công bố một thông tin, mức độ đến đâu là việc làm mà mỗi nhà báo phải cân nhắc, xuất phát từ lợi ích của giai cấp, dân tộc và Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí. Sự thật là thời gian qua có một số biểu hiện "thương mại hóa" báo chí. Một số cây bút đã bị cơn lốc của cơ chế thị trường lôi cuốn, coi nhẹ chức năng chính trị và chức năng giáo dục, chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận độc giả, thính giả, khán giả. Một số khác chỉ nặng phê phán tiêu cực, yếu kém, coi nhẹ việc biểu dương, cổ vũ nhân tố mới, "người tốt, việc tốt", tạo nên không khí nặng nề trên mặt báo và trong xã hội. Một số báo khai thác quá nhiều các đề tài có nội dung ly kỳ, giật gân, câu khách... xa rời tôn chỉ, mục đích và đối tượng phát hành. Thậm chí trên một số ít báo đã có những nội dung tin, bài, hình ảnh có nội dung tư tưởng, quan điểm sai trái. Không ít bài báo chưa đạt được yêu cầu của một sản phẩm văn hóa bổ ích. Đây là một khuynh hướng không lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không có lợi cho giáo dục truyền thống văn hóa, đạo đức, nhất là cho thế hệ trẻ. Để khắc phục khuynh hướng này, hoạt động của báo chí phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và trong khuôn khổ pháp luật. Báo chí phải luôn đi đầu trong nhiệm vụ bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chủ đề trung tâm của báo chí là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng trong hoạt động báo chí. Tiếp tục phát triển báo chí, nhưng phát triển phải đi đôi với quản lý tốt. Coi trọng chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, khoa học, nghề nghiệp, từng bước hiện đại hóa để đáp ứng nhu cầu thông tin kịp thời, phong phú của nhân dân trong thời kỳ mới. Có chính sách thỏa đáng cho hoạt động nhà báo. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ nhà báo vững vàng

(2) Hồ Chí Minh ; *Toàn tập,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 7, tr 118

Digitized by Google

về bản lĩnh chính trị, giỏi nghiệp vụ chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, xông xáo, lăn lộn với thực tiễn của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, *để làm tốt chức năng tuyên truyền do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra, yêu cầu đối với nhà báo ở đây thực sự bức xúc.* Làm sao để tập hợp được mọi tiềm năng, trí tuệ, mọi suy nghĩ của toàn Đảng, toàn xã hội vào giải quyết những vấn đề cơ bản, nóng bỏng nhất của đất nước. Làm sao để tác động đến mọi tầng lớp nhân dân, không chỉ ở thành thị, nông thôn mà cả ở vùng sâu, vùng xa về những thông tin trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, quốc tế... Trên những vấn đề phong phú, đa dạng và không ít phức tạp đó đòi hỏi nhà báo phải có kiến thức sắc sảo để nắm bắt chính xác mọi khía cạnh của các sự kiện, các hiện tượng của đời sống xã hội. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa yêu cầu nhà báo không ngừng rèn luyện, không chỉ nhanh mà còn phải nhạy, không chỉ khẩn trương, xông xáo mà còn phải sáng suốt. Ngoài những vấn đề tuân theo quy định của pháp luật, được phép hay không được phép nhà báo còn nhiều điều phải cân nhắc "nên hay không nên".

Trên chặng đường phát triển mới đòi hỏi nhà báo phải có phẩm chất và năng lực cần thiết để thực hiện trách nhiệm chính trị - xã hội. Mỗi giai đoạn có những yêu cầu cụ thể về phẩm chất đối với nhà báo, nhưng những yêu cầu chung, đòi hỏi chung nhất của xã hội đối với nhà báo hiện nay, đó là *bản lĩnh chính trị*. Bởi vì làm báo là hoạt động chính trị, xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Bản lĩnh chính trị của nhà báo thể hiện trong việc nhận thức sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng một cách tự giác, vững vàng trước những thử thách, xử lý những vấn đề mới nảy sinh với thái độ khoa học và cách mạng. Có được bản lĩnh chính trị, nhà báo phải qua rèn luyện thực tế nghiêm túc. Bản lĩnh chính trị của nhà báo trong chặng đường phát triển mới đòi hỏi thấm nhuần các quan điểm, mục tiêu, nội dung, đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở từng thời kỳ, cả giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài. Có như vậy nhà báo mới có thể tuyên truyền đầy đủ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo ra sức thuyết phục đối với toàn xã hội, chống lại những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, làm chậm trễ hoặc ngăn cản bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong giai đoạn hiện nay, với nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì *phẩm chất trung thành* của nhà báo càng đòi hỏi cao hơn mới đứng vững ở vị trí người lính xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Đất nước đang trên đường phát triển mới, nhà báo phải có *tri thức khoa học tổng hợp*. Bởi vì, nhà báo cần cả một hệ thống kiến thức để đánh giá đúng đắn về mọi phương diện kinh tế - xã hội trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao kiến thức cho nhân dân, nhất thiết đòi hỏi nhà báo phải có tri thức khoa học tổng hợp, trình độ tư duy sâu sắc. Nếu viết trên lĩnh vực kinh tế, nhà báo phải vừa là nhà kinh tế, vừa là nhà hoạt động khoa học xã hội và nhân văn. Muốn viết được nhiều bài báo hay, sát hợp với đối tượng cũng phải tư duy nghiên cứu như một đề tài khoa học, nhưng lại phải thể hiện nó bằng kỹ năng báo chí, bảo đảm tính thời sự để người đọc vận dụng kịp thời vào thực tiễn. Nhà báo phải biết kết hợp được giữa những vấn đề có tầm chiến lược, có tính khoa học, có chiều sâu tư duy với tính thời sự tác chiến hằng ngày. Nhà báo còn phải có *tính thích ứng cao* với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và các thách thức đặt ra liên tục của đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một tiến trình cách mạng mang tính đồng bộ, sâu sắc về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, là một đòi hỏi cao về tính năng động, tinh thần sáng tạo của các nhà báo để đáp ứng mọi yêu cầu thông tin của các tầng lớp nhân dân. Chúng ta mở rộng các quan hệ quốc tế và giao lưu văn hóa, thông tin báo chí với các nước, có nhiều nguồn tin xâm nhập vào nước ta (kể cả các kênh công khai hoặc lén lút), càng đòi hỏi nhà báo phải có tầm, đủ sức *chiếm lĩnh và hướng dẫn dư luận xã hội*, hạn chế các thông tin độc hại từ bên ngoài.

Yêu cầu bức xúc đối với các nhà báo trong giai đoạn hiện nay còn là *tính trung thực, khách quan và có cái tâm trong sáng*. Đây là đạo đức cao quý của người cầm bút thời nào cũng được coi là nguyên tắc nghề nghiệp phải tuân theo. Nhưng ở giai đoạn hiện nay nó càng đòi hỏi cao hơn. Nhà báo còn là con người của nền công nghiệp hiện đại, cần có suy nghĩ khoa học và tác phong công nghiệp trong mọi hoạt động xã hội. Nhà báo tiếp cận sớm và nhanh với tiến trình cải biến xã hội từ nông nghiệp lạc hậu thành công nghiệp hiện đại. Phản ánh quá trình cải biến này một cách trung thực, khách quan và tư duy khoa học là một yêu cầu nghiêm túc đối với nhà báo. ❑

Digitized by Google

"CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ", YÊU CẦU CỦA THỜI ĐẠI

VŨ ĐÌNH CỰ *

"Chính quyền điện tử" - dưới đây gọi tắt là E-CQ (tiếng Anh là electronic government hay là egovernment) - đang nổi lên như một bước phát triển tất yếu của công nghệ thông tin. Chính quyền được hiểu là hệ thống thiết chế lãnh đạo, điều hành xã hội theo những nguyên lý của nhà nước, nói cụ thể hơn đó là hệ thống quản lý nhà nước (quản lý ở tầm xã hội). E-CQ trình bày dưới đây là chính quyền hoạt động với sự trợ giúp của hệ thống (mạng) các trang thiết bị điện tử nhằm đạt hiệu quả cao, thể hiện ở chỗ tốc độ xử lý, giải quyết công vụ nhanh với chất lượng ngày càng tăng, đáp ứng yêu cầu của các thành viên trong xã hội, khắc phục từng bước mọi tiêu cực cố hữu của các chính quyền trước đó (trì trệ, quan liêu, tham nhũng...) Vì đặc điểm kỹ thuật có khi còn dùng thuật ngữ *"chính quyền số hóa"* (digital government) hoặc "chính quyền mọi nơi" (everywhere government).

Dưới đây, nói chi tiết hơn đặc điểm, cơ sở hạ tầng của E-CQ và một số suy nghĩ về việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến này vào nước ta.

1. Một số nhận xét chung về chính quyền điện tử.

Mỗi xã hội, tùy theo hình thái kinh tế - xã hội, trình độ phát triển kinh tế văn hóa, truyền thống lịch sử và các điều kiện cụ thể, có một chính quyền cụ thể được xác lập. Chính quyền đó có một cấu trúc xác định và vận hành theo một hệ thống pháp luật cùng các phong tục, tập quán đặc thù của dân tộc. E-CQ rõ ràng là, ít nhất trong giai đoạn ban đầu, phải giúp thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ chiến lược và hàng ngày của chính quyền hiện thời. Như vậy, ở giai đoạn này cấu trúc của E-CQ phải theo cấu trúc của chính quyền khi chưa điện tử hóa, chỉ có khác là nó thực hiện các nhiệm vụ công quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và cung ứng các dịch vụ công với chất lượng cao hơn hẳn trước đó. Sự nhảy vọt về chất lượng thể hiện ở chỗ tốc độ thực hiện công vụ (bao gồm nhiệm vụ công quyền và dịch vụ công) rất cao làm cho nhịp độ xã hội thay đổi phù hợp với nhịp độ của lực lượng sản xuất tiên tiến ; thậm chí phần lớn công vụ phải tiến dần đến mức được giải quyết trực tuyến (on-line) và một cửa tự động. Chất lượng cao của E-CQ còn thể hiện ở tính chính xác, đúng pháp luật, lệ phí phí thấp. Hiển nhiên trong giai đoạn tiếp theo, nhu cầu tối ưu hóa sẽ dẫn đến việc thay đổi cấu trúc của chính quyền cũng như hệ thống pháp luật phải được tu chỉnh, sao cho các mục tiêu cơ bản của xã hội được bảo đảm thực hiện có hiệu quả hơn và sớm hơn.

E-CQ có mục đích là phục vụ tốt nhất mọi người dân theo quy định của pháp luật, do đó không chỉ là công cụ làm việc của chính quyền mà trước hết nó phải là công cụ của mỗi người dân dùng để đòi hỏi được phục vụ những nhu cầu hợp pháp với thuận lợi tối đa, đồng thời cũng là công cụ để giám sát việc tuân thủ pháp luật của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào của chính quyền và của mọi thành viên khác trong xã hội. Đó chính là mơ ước mà thời đại đã đặt ra là tính minh bạch, tính dân chủ thực sự và chủ yếu là dân chủ trực tiếp phải là tiêu chí để đánh giá chính quyền.

Tuy nhiên không nên ngộ nhận rằng E-CQ có thể vượt ra khỏi sự kiểm soát của người hoặc là có thể làm thay đổi được bản chất của chế độ xã hội (tức là tính giai cấp của nhà nước). Bởi vậy, việc có khai thác được các ưu việt của E-CQ hay không lại phụ thuộc chủ yếu vào bản chất giai cấp của

* GS. Phó chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

chính quyền. Việc một nhà nước ứng dụng thành tựu về E-CQ, lại tỏ ra không thể phát huy hết khả năng của nó, chỉ chứng tỏ rằng bản chất của nhà nước ấy không còn phù hợp với yêu cầu phát triển của thời đại nữa.

2. Nguyên lý hoạt động của mạng truyền thông điện tử trong cơ sở hạ tầng của chính quyền điện tử.

Ý tưởng về việc xây dựng E-CQ chỉ nảy sinh sau khi xuất hiện liên mạng máy tính mà thường gọi là In-tơ-net. Đó là mạng nối liền các máy tính (hoặc các mạng con các máy tính) mà sự giao tiếp giữa bất kỳ hai máy tính nào đều có thể thực hiện được bằng một giao thức đặc biệt gọi là giao thức liên mạng viết tắt là IP (Internet Protocol), nó khác hẳn cách giao tiếp trong mạng điện thoại. Mạng In-tơ-net như vậy gồm một tập hợp các địa chỉ mạng còn gọi là oép-xai (website) liên thông với nhau. Mỗi oép-xai là một cơ sở dữ liệu có thể cung cấp những thông tin của nó cho bất kỳ máy tính nào đã truy cập (nối vào mạng theo thủ tục quy định).

Bây giờ giả sử muốn ra quyết định về việc V mà theo quy định phải có thông tin i_1, i_2,... i_n được gọi từ các oép-xai S_1, S_2,... S_n tương ứng. Các thông tin i_1,... i_n sẽ được xử lý bằng các phần mềm công cụ, phản ánh các quy định pháp luật và mối tương quan giữa chúng, đưa ra một số phương án để chọn v_1,... v_r. Người có trách nhiệm ra quyết định có thể lựa chọn một trong các phương án đó mà người ấy cho là phù hợp nhất. Đây chính là thao tác cơ bản của hoạt động trong cơ sở hạ tầng là mạng In-tơ-nét để hình thành E-CQ. Như vậy, chúng ta thấy ngay là các điều kiện chính của cơ sở hạ tầng cho E-CQ phải bao gồm :

a) Mọi thông tin cần thiết cho hoạt động chính quyền phải được chuẩn hóa thành cơ sở dữ liệu ;

b) Các cơ sở dữ liệu này phải là các oép-xai của mạng In-tơ-nét ;

c) Mỗi loại công vụ của chính quyền phải được chuẩn hóa để xây dựng tương ứng một gói các phần mềm công cụ, nhằm lựa chọn các phương án khả dĩ để ra quyết định về công vụ đó, tùy thuộc các điều kiện cụ thể phản ánh thông tin từ các oép-xai. Gói các phần mềm công cụ nói trên, về thực chất là phản ánh nội dung của các quy định pháp luật có liên quan đến việc ra quyết định cho loại công vụ tương ứng. Những điều kiện trên đảm bảo cho việc giải quyết các công vụ bằng một cửa, nhanh chóng và chính xác, khách quan. Hiển nhiên tính chính xác, trung thực phụ thuộc vào chất lượng của cơ sở dữ liệu và các phần mềm công cụ.

Việc xây dựng hoàn chỉnh các cơ sở dữ liệu và việc cập nhật thường xuyên chúng là một trong những khó khăn lớn nhất trong việc hình thành E-CQ. Các cơ sở dữ liệu đó thường tỏ ra không đồng bộ, phản ánh tình trạng thiếu tính nhất quán, tính tích hợp của các cơ quan công quyền. Sự chồng chéo trách nhiệm, sự khác biệt về cách xử lý v.v. của các cơ quan chính quyền thường là vấn nạn của mọi chính quyền. Ví dụ, muốn mở một cửa hiệu giặt khô - là hơi ở bang Tếch-dát (Texas) thì phải xin đủ 5 giấy phép cấp bang, ngoài ra còn phải chịu sự hậu kiểm của 3 cơ quan cấp liên bang.

Một khó khăn khác có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc xây dựng E-CQ là an ninh mạng, cả sự tấn công từ bên ngoài với sự phá hoại từ bên trong. Đây là lĩnh vực đòi hỏi trình độ cao (mã, khóa, mật khẩu, xác thực, nhận dạng, hàng rào, tường lửa,...), tốn kém, pháp luật hoàn chỉnh. Kinh nghiệm thực tế của các tổ chức quản lý mạng In-tơ-nét cho thấy rằng, việc giải quyết an ninh trên mạng toàn cầu có các định hướng sau :

- An ninh phải tin cậy, nhưng càng đơn giản càng tốt vì đỡ tốn kém và dễ điều hành ;
- Phát triển đủ các chính sách, quy chế và các chế tài trừng phạt trong an ninh mạng, tránh khe hở ;
- Tổ chức tốt công việc huấn luyện, bảo đảm thường xuyên cảnh giác, am hiểu các tình huống an ninh ;
- Chỉ dùng các sản phẩm về an ninh mạng đã được kiểm tra, có hồ sơ chuẩn và các tài liệu sử dụng ;
- Phân vùng, phân loại dựa trên yêu cầu đối với tài sản thông tin và khách hàng thông tin (người truy cập) ;
- Đề ra các mục tiêu cụ thể cho cơ quan quản trị an ninh mạng trong từng thời kỳ ;
- Thường kỳ và đột xuất trắc nghiệm, kiểm toán, kiểm tra và thanh tra hệ thống an ninh mạng.

Hiển nhiên mạng In-tơ-nét hiện nay không đáp ứng yêu cầu của E-CQ. Phải xây dựng In-tơ-nét thế hệ II với tốc độ vận chuyển thông tin và mật độ dòng thông tin trên mạng tăng 100 - 1000 lần.

(Xem tiếp trang 39)

Digitized by Google

SOẠN THẢO, SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP VÀ THỰC HIỆN BẢO VỆ HIẾN PHÁP

NGUYỄN VĂN THẢO *

Cùng với việc chuẩn bị các văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ IX, các cơ quan của Quốc hội đã bước đầu nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp 1992 cho phù hợp với các quan điểm, phương hướng và chủ trương đổi mới của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Gần mười năm thực hiện Hiến pháp 1992, thực tiễn phát triển của đất nước đang đặt ra những vấn đề khá bức xúc mà trước đây chưa xuất hiện. Trong Nghị quyết của Đại hội IX của Đảng cũng ghi rõ sự cần thiết phải sửa đổi Hiến pháp và tiếp tục hoàn thiện các thể chế, đổi mới việc xây dựng thể chế.

Hiến pháp là một văn kiện thể chế lớn, trong đó chứa đựng hầu hết các thể chế cơ bản như thể chế kinh tế, thể chế dân sự, thể chế hành chính, thể chế hình sự, thể chế lao động v.v.. Quyền lập hiến là quyền gốc, quyền thiết lập nên các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Sửa đổi Hiến pháp cần chú trọng cả hai mặt : sửa đổi nội dung cho phù hợp với quan điểm, chủ trương mới và sửa về phương pháp để huy động trí tuệ của toàn xã hội. Hoạt động lập hiến khác nhiều so với hoạt động lập pháp về cách thức soạn thảo, về sửa đổi Hiến pháp, cơ chế bảo vệ Hiến pháp.

Về soạn thảo Hiến pháp :

Thực tiễn nước ta có hai công thức soạn thảo :

+ Ban soạn thảo Hiến pháp + trưng cầu dân ý (Hiến pháp 1946)

+ Ban soạn thảo Hiến pháp + hỏi ý kiến nhân dân (Hiến pháp 1959, 1980, 1992).

Trong hai công thức trên, tổ chức trưng cầu dân ý là một thành tựu về phát huy dân chủ trực tiếp, thực chất là để từng công dân tham gia trực tiếp vào việc thông qua Hiến pháp.

Công thức thành lập Ủy ban soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến nhân dân rồi trình lên Quốc hội thông qua thì việc lấy ý kiến nhân dân khác căn bản với trưng cầu ý dân. Tập hợp ý kiến của nhân dân để chỉnh lý bản dự thảo Hiến pháp, công dân không được tỏ thái độ trực tiếp với dự thảo Hiến pháp, không tham gia việc thông qua Hiến pháp.

Về sửa đổi Hiến pháp :

Các quy định sửa đổi Hiến pháp được trực tiếp ghi trong Hiến pháp :

- Ai có quyền sửa đổi Hiến pháp ? Hiến pháp 1946 ở nước ta quy định 2/3 tổng số nghị viên yêu cầu. Trong Hiến pháp 1959, 1980, 1992 không quy định điều này.

- Quyền thông qua và phê chuẩn những điều sửa đổi : Hiến pháp 1946 quy định những điều sửa đổi khi đã được Nghị viện phê chuẩn thì phải được toàn dân phúc quyết (trưng cầu dân ý). Hiến pháp 1959 thì quy định 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành ; Hiến pháp 1980, 1992 cũng quy định 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Về cơ chế bảo vệ Hiến pháp :

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp thể hiện trình độ quản lý nhà nước bằng pháp luật ; mức độ phát huy dân chủ trong xã hội ; sự tôn trọng các quyền công dân ; nghệ thuật tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước ; mối quan hệ bình đẳng giữa nhà nước và công dân.

Ở một số nước người ta quan niệm rằng xây dựng cơ chế kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật và các văn bản hành chính là một bộ phận quan trọng của cơ chế bảo vệ Hiến pháp. Cơ chế kiểm tra gồm có : cơ quan có quyền kiểm tra ; kiểm tra trước khi ban hành các đạo luật ; kiểm tra sau khi ban hành các đạo luật ; kiểm tra tính hợp hiến của các hành vi hành chính.

+ Cơ quan có quyền kiểm tra gồm hai loại :

- Cơ quan có tính chất tư vấn, đặt bên cạnh Quốc hội hoặc nguyên thủ quốc gia, sau khi xem xét một đạo luật có hợp hiến hay không sẽ đưa ra những kết luận có tính giám định để Quốc hội biểu quyết. Thủ tục biểu quyết do Quốc hội quy định.

- Cơ quan có tính chất tài phán, được thành lập và hoạt động độc lập, có quyền phán quyết (xét xử) các văn bản không hợp hiến. Các văn bản đó có hiệu lực bắt buộc. Có nước người ta gọi cơ quan này là Tòa án Hiến pháp hoặc Ủy ban Hiến pháp.

---

* Luật sư

Digitized by Google

+ Kiểm tra trước (a priori)

Dự luật trước khi Quốc hội thông qua, hoặc trước khi nguyên thủ quốc gia công bố được đưa đến cơ quan kiểm tra tính hợp hiến để xem xét. Việc xem xét tập trung vào : tính hợp hiến của dự luật ; tính hợp lý của dự luật ; Dự luật có điểm nào không thích đáng không, tức là nó không phù hợp với lẽ phải, lẽ công bằng ; Dự luật có điểm nào không có khả năng thực thi ? Tức là nó chưa có điều kiện, chưa có cơ sở thực hiện được mặc dù nó không trái với Hiến pháp ; toàn bộ dự luật hoặc từng điều khoản của dự luật không có lý do cần thiết phải ban hành hoặc lý do chưa xác thực ; không có thẩm quyền, có điều khoản nào đó của dự luật, lẽ ra phải là quy định của Hiến pháp chứ không phải của luật (bổ sung một quyền hoặc nghĩa vụ công dân, giao thêm hoặc bớt quyền của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ...)

Trong sáu điểm kể trên thì điểm thứ nhất được gọi là *trái Hiến pháp*, năm điểm dưới gọi là *trái với tinh thần của Hiến pháp*. Tất cả những điểm phát hiện đều gửi về Quốc hội để cơ quan có thẩm quyền phân tích, tiếp thu, chỉnh lý trước khi ban hành.

+ Kiểm tra sau (a posteriori)

Các đạo luật đã được thông qua, được công bố nhưng trong quá trình thực hiện có thể phát hiện ra những văn bản, hành vi không hợp hiến. Kiểm tra sau tập trung chủ yếu vào tính hợp hiến của đạo luật, không đi vào những tính hợp lý, tính thích đáng, tính thực thi hoặc tính cần thiết, không cần thiết của một đạo luật. Mục đích của kiểm tra trước là để hoàn thiện dự luật, bảo đảm tính hợp hiến của dự luật được thông qua. Mục đích của kiểm tra sau là để xử lý các điểm vi hiến khi phát hiện ra trong quá trình thi hành Hiến pháp.

+ Kiểm tra tính hợp hiến của các hành vi hành chính

Các cơ quan hành chính, dù là ở cơ quan cấp cao ở trung ương hay cấp thấp ở xã, mọi hoạt động của họ đều phải dựa trên cơ sở pháp luật. Hoạt động trên cơ sở pháp luật có nghĩa là cơ quan hành chính không thể sáng tạo ra pháp luật. Nó có hai thẩm quyền chủ yếu :

Thứ nhất, thẩm quyền lập quy. Thẩm quyền lập quy là những quy định chi tiết, những hướng dẫn thực hiện pháp luật, những quy định phù hợp với từng đặc điểm từng lĩnh vực, từng lãnh thổ nhưng không trái với Hiến pháp và luật.

Hiện nay, thẩm quyền lập quy chỉ hạn chế ở Chính phủ, các bộ trưởng, các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp huyện, cấp xã về cơ bản không có thẩm quyền lập quy. (Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu).

Thứ hai, thẩm quyền ra quyết định hành chính cá biệt. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng, phức tạp có quan hệ đến từng công dân, tài sản, danh dự, cuộc sống, sự bình đẳng. Thẩm quyền ra các quyết định hành chính cá biệt quan hệ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống công dân : quyền kinh doanh ; quyền sống ; quyền tự do đi lại, quyền ra nước ngoài ; quyền bất khả xâm phạm ; quyền đi tìm việc làm ở bất cứ đâu ; quyền ngôn luận ; quyền tỏ thái độ ; và nhiều quyền khác.

Vấn đề đặt ra là *có cách nào kiểm soát* các cơ quan hành chính hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật.

Ở nước ta hiện nay đã có nhiều cách kiểm soát hành vi hành chính của các cơ quan hành chính :

- Kiểm soát của công dân
- Kiểm soát chính trị
- Kiểm soát của cơ quan hành chính cấp trên đối với cơ quan hành chính cấp dưới
- Kiểm soát của cơ quan tài phán

1. Quyền kiểm soát của công dân

Công dân có quyền khiếu kiện các cơ quan hành chính nếu họ nhận thấy cơ quan ra những quy định hành chính hoặc những văn bản cá biệt trái Hiến pháp và pháp luật. Đối với những quy định hành chính, công dân có quyền kiện tất cả các quy định. Đối với văn bản cá biệt hành chính, họ chỉ có quyền kiện các văn bản có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Các tổ chức cũng có quyền khiếu kiện cơ quan hành chính.

2. Quyền kiểm soát chính trị bao gồm

- Kiểm tra của cơ quan đảng
- Giám sát của cơ quan lập pháp
- Kiểm soát của các đoàn thể nhân dân
- Kiểm soát của công luận

Vai trò kiểm soát chính trị của các tổ chức nói trên rất có hiệu quả đến hoạt động của cơ quan hành chính, không những nó góp phần thay đổi các hành vi hành chính trong tương lai cải cách hành chính mà còn có tác dụng phán quyết các tranh chấp đang xảy ra giữa công dân với cơ quan hành chính.

Việc giám sát của Quốc hội và các cơ quan dân cử đối với các cơ quan hành chính là một quyền kiểm soát về chính trị có ý nghĩa lớn trong bộ máy nhà nước.

Digitized by Google

Pháp luật quan niệm sự giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan hành chính có hai mặt. Một mặt là sự chất vấn, yêu cầu của cơ quan hành chính phải giải thích hành động của mình, phải trình bày thực trạng tình hình đất nước trước cơ quan dân cử. Mặt khác, Quốc hội có quyền đánh giá, sửa đổi, bãi bỏ các văn bản của cơ quan hành chính nếu thấy nó trái Hiến pháp, pháp luật, đồng thời nó có thể tỏ thái độ tín nhiệm hay không tín nhiệm cơ quan hành chính.

3. Kiểm soát của cơ quan hành chính cấp trên đối với cơ quan hành chính cấp dưới

Kiểm soát của cơ quan hành chính cấp trên đối với cơ quan hành chính cấp dưới chủ yếu trên hai mặt. Một mặt, là sự chỉ đạo thường xuyên về tiến hành công tác, hướng dẫn, phối hợp, uốn nắn, đôn đốc và điều hòa công việc, mặt khác là đánh giá, sửa đổi, bãi bỏ các văn bản của cơ quan hành chính cấp dưới nếu thấy nó không thích đáng.

4. Kiểm soát của cơ quan tài phán

Hoạt động tài phán hành chính là một hoạt động xem xét các khiếu nại của công dân đối với các quyết định của cơ quan hành chính.

Định chế tài phán hành chính là một định chế đem lại hiệu quả cao trong việc kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các quyết định của cơ quan hành chính, giúp cho công dân tham gia kiểm soát hoạt động của cơ quan hành chính qua việc ra các quyết định cá biệt liên quan đến đời sống công dân và các tổ chức.

Năm 1995, Quốc hội đã lập Tòa hành chính trong hệ thống tòa án nhân dân, giao cho Tòa hành chính thẩm quyền 7 loại việc. Vận hành trong 5 năm, nhiều vụ kiện của dân đến tòa hành chính không thuộc 7 loại việc trên, cũng không thuộc tòa dân sự, lao động, kinh tế hoặc hôn nhân - gia đình. Quy định thẩm quyền như thế là chưa đáp ứng được yêu cầu của công dân, tổ chức khi có tranh chấp với cơ quan hành chính. Đơn cử như trong quý IV năm 2000, ở Quảng Bình có hai lần công an tịch thu tiền đô la Mỹ của công dân đi trên xe ô tô. Người bị tịch thu kiện đến Tòa hành chính. Tòa thấy đúng là một vụ kiện hành chính, có hỏi ngân hàng thì ngân hàng trả lời không có quy định gì về tịch thu ngoại tệ của dân mang ở trong nước. Các vụ kiện cơ quan hành chính về đất đai, nhà cửa chiếm phần lớn nhưng tòa hành chính vẫn không có quyền giải quyết. Các vụ kiện về chính sách cấp dưỡng đối với thương binh cũng vậy. Năm 1998, Quốc hội đã bổ sung một số thẩm quyền cho tòa hành chính nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu khiếu kiện.

Chúng ta nghiêng về cách giải quyết tranh chấp giữa công dân với cơ quan hành chính bằng phương pháp hành chính (xét khiếu tố), còn ít dùng phương pháp tư pháp (tài phán), rút cục công việc chạy vòng vo, hết cấp này cấp khác, cuối cùng kiện đến các cơ quan lãnh đạo cao nhất, lập các đoàn kiểm tra cấp cao của Chính phủ vẫn không giải quyết được vụ kiện. Đã đến lúc nên sử dụng nhiều hơn cơ chế "tài phán" để giải quyết tranh chấp giữa công dân với cơ quan hành chính.

Hơn 3 năm thực hiện cơ chế tài phán hành chính với khoảng hơn 500 vụ kiện trước tòa hành chính có thể thấy định chế tài phán hành chính có nhiều lợi thế hơn so với định chế xét khiếu nại, tố cáo. Đương nhiên, định chế xét khiếu nại, tố cáo vẫn rất cần thiết, nhiều tác dụng nếu được bổ sung bằng định chế tài phán hành chính thì tình hình khiếu kiện có thể được giải quyết nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật và dứt điểm. Mỗi định chế đều có lợi thế và yếu thế.

Những lợi thế của định chế tài phán hành chính so với định chế xét khiếu nại, tố cáo như sau :

- Công dân kiện cơ quan hành chính ra tòa thì bên kiện (công dân), bên bị kiện (cơ quan hành chính) đều bình đẳng, ngang quyền.

- Kiện ra tòa là đưa vấn đề ra công khai, phải mở phiên tòa, mọi người đều biết, đều đánh giá được phán quyết của tòa. Kiện theo con đường khiếu nại, tố cáo thì người công dân không rõ cách giải quyết, chỉ nhận được một câu trả lời là đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền, có trách nhiệm.

- Kiện ra tòa là phải tranh luận. Sự tranh luận của hai bên trước tòa thường làm sáng tỏ chân lý cụ thể.

- Các vụ việc mà Pháp lệnh khiếu nại tố cáo cho phép được kiện thuộc 7 lĩnh vực, gần đây có bổ sung thêm song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của nhân dân. Hiện nay nhân dân vẫn còn nhiều vướng mắc với các cơ quan hộ tịch, hộ khẩu, trợ cấp thương binh, gia đình liệt sĩ, quản lý thị trường, cảnh sát, quản lý nhà cửa, đất đai...

Cách tổ chức tòa án hành chính hiện nay nằm trong hệ thống tòa án nhân dân không phù hợp với địa vị của tòa án hành chính. "Dân kiện quan" phải là một cơ chế khác với "dân kiện dân" (kiện dân sự), nhà kinh doanh kiện nhà kinh doanh (kiện kinh tế), chủ và thợ kiện nhau (kiện lao động). Đã đến lúc cần hoàn thiện hệ thống thể chế tài phán hành chính. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ, THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC

XUÂN HẢI

CHIẾN lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, được Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp ngày 18-6-1997 thông qua. Kể từ đó cho đến nay, đã gần bốn năm, các cấp ủy đảng đã và đang tổ chức thực hiện chiến lược đó một cách nghiêm túc, có hiệu quả. Nhờ có chiến lược mà công tác cán bộ có những đổi mới về nhận thức, bộ máy, cơ chế chính sách, quy trình và phương pháp. Do đó đã thực sự tạo ra những chuyển biến tích cực, rõ nét về công tác cán bộ. Giờ đây, trước sự biến đổi của tình hình, trước sự phát triển với nhịp độ nhanh của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác cán bộ đang đứng trước những thuận lợi và thách thức mới.

1. Trong những năm đổi mới vừa qua, nhất là từ Đại hội VIII đến nay, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển nhanh : Văn hóa, xã hội có những tiến bộ mới, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, ổn định. Chính trị - xã hội, quốc phòng và an ninh quốc gia được giữ vững. Quan hệ đối ngoại mở rộng thêm, việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đạt kết quả tốt. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Tất cả những thành tựu ấy đã tạo thêm điều kiện để nước ta tiến nhanh vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, và cho ta nhiều thuận lợi để tiến hành công tác cán bộ. Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh một số thuận lợi nổi trội có tính trực tiếp và quyết định đến công tác cán bộ.

- *Một là* : Công tác cán bộ trong những năm đổi mới, đặc biệt là trong bốn năm vừa qua có những đổi mới đáng kể và đạt kết quả không nhỏ. Nó đã đem lại những kinh nghiệm quý báu, nổi lên là những kinh nghiệm : phải luôn luôn giữ vững quan điểm giai cấp công nhân trong công tác cán bộ. Xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp từ trung ương đến cơ sở, nhất là cán bộ đứng đầu. Có quan điểm và phương pháp đánh giá, sử dụng cán bộ một cách khoa học, khách quan, công tâm. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ phải được thể chế hóa một cách cụ thể. Phải luôn luôn chú ý tới hệ thống chính sách cán bộ.

Từ những kinh nghiệm quý báu đó, Đảng ta đã xây dựng chiến lược cán bộ thời kỳ mới và đặc biệt đã bổ sung, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ với những nội dung xác thực và khoa học để chỉ đạo thực tiễn công tác cán bộ. Có thể tóm tắt hệ thống quan điểm đó là : phải xuất phát từ yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; phải quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc ; phải gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách ; phải thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ ; Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các thành viên trong hệ thống chính trị.

Trong những năm qua, Đảng ta đã đào tạo và bồi dưỡng hàng vạn cán bộ cả về lý luận chính trị, quân sự, về quan điểm, đường lối của Đảng, về quản lý hành chính, quản lý kinh tế, khoa học, luật pháp, văn hóa, nghệ thuật. Đội ngũ này là tài sản vô cùng quý báu của Đảng và dân tộc. Đội ngũ này được rèn luyện, thử thách trong đổi mới và ngày càng phát huy tài năng, sức lực của mình cho sự nghiệp phát triển đất nước. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn. Đội ngũ này năng động, sáng tạo,

Digitized by Google

hăng hái thực hiện đường lối đổi mới ; trình độ, kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng được nâng cao. Đại bộ phận giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng, lối sống lành mạnh và giản dị, gắn bó với nhân dân.

Hai là : Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, hệ thống chính trị được đổi mới.

Nối tiếp truyền thống của các thời kỳ cách mạng, những năm đổi mới vừa qua Đảng ta luôn luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn công tác cán bộ với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tiến hành toàn diện ở tất cả các lĩnh vực tư tưởng, tổ chức, kiểm tra và đồng bộ trong tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Từ sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đến nay, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có những chuyển biến tích cực. Qua tự phê bình và phê bình, nhận thức về nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã được nâng cao thêm nhiều. Các cấp ủy từ cơ sở đến trung ương đã nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất trong việc vận dụng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương và cơ sở, đặc biệt trong việc xử lý những vấn đề nổi cộm và bức xúc, tạo cơ sở cho việc hoạch định phương hướng phát triển, kế hoạch và chương trình hành động của cấp ủy. Kịp thời cảnh tỉnh, răn đe, ngăn chặn bước đầu có hiệu quả những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, lối sống. Đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao trách nhiệm tập thể và cá nhân, củng cố đoàn kết nội bộ, làm rõ quy chế, phương thức hoạt động và lề lối làm việc của các cấp ủy. Đặc biệt việc chỉnh đốn những tư tưởng lệch lạc, những hành vi đạo đức và lối sống xuống cấp của một số cán bộ, đảng viên kết hợp với các hình thức kỷ luật nghiêm khắc với những người vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm pháp luật rất được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, góp phần củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân với Đảng.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách và hoàn thiện nhà nước, bảo đảm Nhà nước của ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, bảo đảm nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Những năm đổi mới vừa qua Nhà nước ta thực hiện nhiều biện pháp cải cách và hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo, tăng cường pháp chế, giữ vững kỷ cương xã hội, phát huy dân chủ, quyết tâm chống quan liêu, tham nhũng và tiêu cực. Tăng cường và nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Nhà nước. Có khá nhiều cải cách thể chế và tổ chức bộ máy theo nguyên tắc thống nhất quyền lực, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên trong mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng đã không ngừng đổi mới để thực sự là nơi tập hợp, đoàn kết nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thuận lợi trên tạo cho chúng ta những cơ sở khoa học, lý luận, thực tiễn rất quan trọng để tiếp tục thực hiện công tác cán bộ trong thời gian tới.

2. Tuy nhiên, do sự phát triển của tình hình quốc tế và trong nước, do yêu cầu đẩy nhanh nhịp độ phát triển đất nước, công tác cán bộ đang đứng trước những thách thức mới.

Một là : Trước những vận hội lớn và nguy cơ lớn, trước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặt ra những yêu cầu rất cao về cán bộ và công tác cán bộ. Đó là những yêu cầu trí tuệ hóa, chuyên gia hóa, văn hóa hóa đội ngũ cán bộ. Yêu cầu cao về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Yêu cầu đồng bộ hóa và tiêu chuẩn hóa từng loại cán bộ.

Hai là : Công tác cán bộ trong những năm đổi mới vừa qua và sắp tới sẽ phải tiến hành trong hoàn cảnh xã hội có khá nhiều biến đổi sâu sắc, phức tạp và mau lẹ. Đất nước chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước ta, xã hội ta thực hiện mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế. Những yếu tố tích cực, lành mạnh và cả những yếu tố tiêu cực của sự biến đổi đó đã tác động mạnh mẽ vào công tác cán bộ. Cùng với sự biến đổi kinh tế - xã hội, đội ngũ cán bộ của ta cũng có nhiều biến đổi. Có sự chuyển

Digitized by Google

giao lớn giữa các thế hệ cán bộ trước khi bước sang thế kỷ mới. Đại bộ phận cán bộ trưởng thành trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đã hoặc sắp tới tuổi nghỉ hưu. Một số mặc dù còn tuổi lao động, có kỹ thuật được đào tạo nhưng do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đã loại ra khỏi biên chế, không có việc làm. Một số mặc dù có hoàn cảnh công tác thuận lợi, nhưng để có thêm cơ hội thăng tiến và thu nhập cao đã chuyển sang làm việc ở các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Ngoài ra, còn có sự chuyển đổi cán bộ giữa các ngành và đơn vị, giữa các đơn vị với nhau, giữa trung ương và địa phương. Không ít công chức được đào tạo trong chế độ cũ và đã từng làm việc cho bộ máy chính quyền Sài Gòn trước đây được tuyển dụng. Một số cán bộ bị địch bắt giam, hoặc thất lạc đơn vị, nay trở về được bố trí vào các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, trong đó có trường hợp giữ cương vị chủ chốt ở cơ sở. Trong quan hệ công tác, quan hệ xã hội (bạn bè, gia đình, quan hệ với người nước ngoài, các tổ chức xã hội chính trị, các tổ chức tôn giáo, từ thiện), quan hệ sinh hoạt, cũng có nhiều biến đổi, dẫn đến những biến đổi về tư tưởng chính trị.

Tất cả các hiện tượng trên, gây không ít khó khăn cho công tác cán bộ, nhất là công tác quản lý, theo dõi tư tưởng, hồ sơ, quan hệ cán bộ, dẫn đến các khả năng xấu về đánh giá và sử dụng cán bộ. Thủ trưởng và cấp ủy không nắm đầy đủ thông tin về cán bộ dưới quyền của mình.

Những biến đổi về kinh tế - xã hội cũng khiến cho việc hoạch định cơ chế và chính sách quản lý cán bộ, đãi ngộ cán bộ gặp nhiều khó khăn, nó luôn luôn bị lạc hậu so với sự phát triển và đòi hỏi của thực tiễn. Do vậy, Đảng và Nhà nước phải luôn luôn điều chỉnh. Nhưng khi điều chỉnh lại vấp phải những ngáng trở từ các điều kiện khách quan và chủ quan. Ví dụ như : cơ chế luân chuyển cán bộ, quy hoạch cán bộ hay chính sách tiền lương, nhà ở chẳng hạn.

Ba là : Công tác cán bộ đang chịu sự tác động rất lớn của các nguy cơ, trong đó phải nhấn mạnh tới hai nguy cơ : diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch và tình trạng tham nhũng, tiêu cực, tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi.

Các thế lực thù địch đã và đang thực hiện "diễn biến hòa bình" để đánh phá vào cán bộ ta, làm suy yếu đội ngũ cán bộ ta. Chúng dùng nhiều thủ đoạn để tấn công, mua chuộc cán bộ theo phương châm mưa phùn, thấm dần. Trong khi đó tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội lại chưa được ngăn chặn. Tình trạng thiếu kỷ luật, kém kỷ cương trong bộ máy đảng và nhà nước từ trên xuống dưới chưa được khắc phục. Những điều đó làm cho đội ngũ cán bộ của ta không ít người bị thoái hóa, phân hóa và tha hóa. Biểu hiện nguy hiểm nhất, đáng lưu ý nhất của thoái hóa là sự thoái hóa về tư tưởng, là sự dao động về lý tưởng, mơ hồ về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội, giảm sút niềm tin, kỷ luật kém, ý thức tự phê bình và phê bình giảm sút. Biểu hiện phân hóa nguy hiểm nhất chính là bệnh bè phái, chia rẽ nội bộ, mất đoàn kết, vô trách nhiệm, công thần, địa vị, cục bộ địa phương, coi thường quần chúng. Biểu hiện nguy hiểm nhất của sự tha hóa chính là sự đục khoét, tư túi, tham nhũng, hối lộ một cách nhẫn tâm.

Bốn là : Hệ thống tổ chức chuyên trách làm công tác cán bộ của ta hiện nay chưa mạnh, không ít các bộ phận làm công tác cán bộ có trình độ thấp hơn các bộ phận khác. Hệ thống làm công tác cán bộ vẫn phân tán, chồng chéo và không nắm vững cán bộ mình quản lý. Chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ của các cơ quan làm công tác cán bộ chưa được xác định rõ. Nhiều người làm công tác cán bộ chưa thực sự coi công tác cán bộ là một khoa học đặc biệt về con người, nên chưa có sự tuyển chọn, đào tạo dài hạn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ một cách cơ bản và thường xuyên.

Những thách thức trên, xuất hiện từ nhiều năm qua, nó hằng ngày hằng giờ gây không ít khó khăn cho công tác cán bộ.

3. Cán bộ và công tác cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Đứng trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, thấy hết những thuận lợi và thách thức của công tác cán bộ, Đại hội lần thứ IX của Đảng quyết định phải tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác cán bộ.

Digitized by Google

Trên nền tảng nắm vững và quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ, việc đổi mới công tác cán bộ cần được thực hiện một cách toàn diện, triệt để ở tất cả các cấp, các ngành trong toàn bộ hệ thống chính trị. Nhằm đổi mới có trọng điểm, chắc chắn, từng bước, Nghị quyết Đại hội IX lưu ý và nhấn mạnh một số vấn đề quan trọng sau :

- Mục tiêu của đổi mới công tác cán bộ sắp tới là xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, sáng tạo, gắn bó với nhân dân.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; trọng dụng những người có đức, có tài.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

- Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu.

- Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

- Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường, trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình lý luận cao cấp và có kiến thức, trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

Đường lối chính trị bao giờ cũng quyết định đường lối tổ chức và cán bộ. Công tác cán bộ phải luôn luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và phục vụ nhiệm vụ chính trị. Có một đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực xây dựng đường lối chính trị đúng đắn và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó là vấn đề cốt tử của lãnh đạo, là sinh mệnh của Đảng ta. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta phải tiếp tục đổi mới công tác cán bộ theo đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội IX đã đề ra. ❑

"CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ"

(Tiếp theo trang 32)

3. Một số vấn đề về việc phát triển E-CQ ở nước ta.

Phải thấy ngay rằng, E-CQ rất phù hợp với định hướng XHCN ở nước ta, có tác động rất tích cực cho việc thực hiện *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*, là vũ khí cực kỳ lợi hại để chống quan liêu, tham nhũng, là cơ sở kỹ thuật vững mạnh của cải cách hành chính. Mặt khác, việc xây dựng E-CQ có một tác động đột phá cho sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) để tiến vào kinh tế tri thức của thời đại.

Tuy nhiên, đối với nước ta hiện nay, trình độ phát triển kinh tế còn thấp kém, năng lực quản lý xã hội yếu kém, sự phát triển văn hóa giáo dục, khoa học và công nghệ ở mức thấp là những khó khăn to lớn để xây dựng E-CQ. Do đó, điều kiện thực tế để xây dựng E-CQ ở nước ta, như nói ở trên, đưa đến sự lựa chọn bước đi, có thể là :

a) Sớm có chính sách phát huy năng lực hiện có về CNTT tiếp thu và nghiên cứu về các vấn đề mà việc xây dựng E-CQ ở nước ta đặt ra ;

b) Lựa chọn lĩnh vực công vụ và địa bàn thích hợp cho các thử nghiệm bước đầu ;

c) Đẩy mạnh đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở dữ liệu phần mềm xử lý công vụ, nâng cấp mạng In-tơ-nét, tăng cường an ninh mạng ;

d) Tích cực phát huy các chương trình hợp tác quốc tế về E-CQ, ví dụ trong chương trình E - ASEAN v.v.

Có thể hình thành một dự án quốc gia về E-CQ bao gồm nhiều dự án địa phương, coi đây là mũi đột phá về ứng dụng CNTT theo sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Trên thế giới hiện nay E-CQ cũng đang còn ở bước ban đầu, chưa có mô hình cụ thể. Tuy nhiên, đây là một xu thế lớn của thời đại, mở rộng sự phát triển của lực lượng sản xuất trong mối quan hệ giữa hạ tầng kinh tế với kiến trúc thượng tầng. E-CQ có liên quan với toàn cầu hóa nhưng không phải là hệ quả tất yếu của toàn cầu hóa. Việc sớm phát triển E-CQ ở nước ta có ý nghĩa là sự tranh thủ thời cơ, đi tắt đón đầu, sớm phát triển kinh tế tri thức, đồng thời củng cố mạnh mẽ nhà nước theo định hướng XHCN như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ Ở NÔNG THÔN

NGUYỄN SINH CÚC *

Từ lâu ở nước ta có những làng nghề truyền thống, không ít những làng nghề nổi tiếng đã tồn tại hằng trăm năm. Các làng nghề phát triển mạnh mẽ lân sang các làng bên cạnh và trở thành xã nghề rộng lớn hơn. Cùng với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, các nghề mới, làng nghề mới cũng xuất hiện. Vì vậy, hiện nay khi nói đến làng nghề thường bao gồm cả làng nghề truyền thống và làng nghề mới. Để nhận dạng làng nghề người ta thường sử dụng hai tiêu chí : tỷ trọng số hộ làm nghề trong làng ; tỷ trọng thu nhập từ nghề trong tổng thu nhập của làng. Từ đó, chúng ta có thể quan niệm làng nghề là một cụm dân cư sinh sống trong một làng cùng với một nghề tiểu thủ công (có số hộ chiếm tỷ trọng trên 50% tổng số hộ trong làng) và các hộ có thể sinh sống bằng nghề đó (tỷ trọng thu nhập từ nghề chiếm 50% tổng thu nhập của làng).

Từ năm 1993 lại đây, sau khi có Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, các làng nghề đã bắt đầu khôi phục và khởi sắc do chuyển hướng sản xuất và khai thông thị trường với các nước và lãnh thổ : Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công, Thái Lan, Xin-ga-po... Các làng nghề mở rộng sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng gốm, chạm khắc gỗ, sơn mài, cói, ... Năm 1997, giá trị xuất khẩu đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp đạt 2.8 triệu USD, mây tre đan đạt 30 ngàn USD, thêu ren đạt 100 ngàn USD, may xuất khẩu đạt 300 ngàn USD, gia công hàng len đạt 1,5 triệu USD. Các cơ sở dệt Tương Giang (Bắc Ninh) chuyên sản xuất khăn mặt, gạc y tế cho thị trường trong nước, ngoài ra còn mở rộng xuất khẩu sang các nước châu Á và một số nước châu Âu. Làng khảm trai Chuyên Mỹ (Hà Tây) chuyên sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp. Sản phẩm của người thợ ở đây là tác phẩm nghệ thuật vì người sản xuất không chỉ thao tác các quá trình công nghệ mà còn sáng tạo nữa. Những sản phẩm như hộp, khay, đĩa, tẩu thuốc được xuất khẩu sang một số nước như Pháp, Nhật Bản và các nước châu Á. Một số làng nghề nhờ năng động sản xuất đã có hiệu quả, tích lũy, đã mạnh dạn đầu tư mua sắm các trang thiết bị máy móc. Tiêu biểu là các làng nghề dệt Phương La, Vạn Phúc, Hòa Xá, Duy Trinh, Triều Khúc (Hà Tây), Tương Giang (Bắc Ninh) phần lớn các gia đình đã dệt bằng máy. Ở làng nghề mộc mỹ nghệ cao cấp Đồng Kỵ, những công việc chính, nặng nhọc như xẻ, rọc, cắt, đục, bào đã được làm bằng máy. Làng sắt Đa Hội đã trang bị 66 máy cán, 140 máy đột dập, trên 100 máy hàn các loại để sản xuất thép xây dựng, thép hình trang trí...

Các hình thức tổ chức sản xuất trong một số làng nghề đang phát triển đa dạng. Từ các hộ tư nhân, một số hộ đã tập hợp để hình thành các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất nhằm tăng cường năng lực sản xuất, trang thiết bị máy móc. Một số hộ có vốn, có kỹ năng sản xuất, có kinh nghiệm đã thành lập các xí nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, ... đã làm cho các hình thức tổ chức trong các làng nghề phong phú, chẳng hạn làng nghề giấy Dương Ổ có 10 doanh nghiệp tư nhân, 10 hợp tác xã cổ phần và 36 hộ sản xuất. Làng nghề mộc mỹ nghệ Đồng Kỵ có 5 công ty trách nhiệm hữu hạn, 2 doanh nghiệp tư nhân, 11 hợp tác xã và 1 520 hộ sản xuất. Làng nghề đúc

* PGS, TS

Digitized by Google

đồng Đại Bái có 26 tổ hợp sản xuất và 276 hộ sản xuất. Giữa các hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề đã có mối quan hệ hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Tác dụng to lớn của các làng nghề là tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Các làng nghề ở đồng bằng sông Hồng, hằng năm đã thu hút khoảng gần 600 ngàn lao động vào làm các nghề phi nông nghiệp, chẳng những thu hút lao động của bản thân các hộ nghề, mà còn thu hút thêm lao động tại địa phương và lao động từ các địa phương khác đến. Đáng chú ý là làng nghề gốm sứ Bát Tràng hằng ngày thu hút thêm 3 000 - 5 000 lao động từ các vùng khác đến làm thuê. Làng nghề mộc mỹ nghệ cao cấp Đồng Kỵ có 1 550 hộ sản xuất với trên 3 000 lao động, ngoài ra còn thuê thêm hơn 1 500 lao động từ các vùng khác đến. Sản phẩm của Đồng Kỵ như xa-lông Âu, Á, tủ khảm trai các loại, giường, sập gụ, tranh khảm, tượng gỗ, ... các sản phẩm này đã có mặt tại các thị trường : Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Công, Đài Loan, Xin-ga-po, Ô-xtrây-li-a, Ma-lai-xi-a, Pháp, Mỹ, ... Làng nghề cói Kim Sơn đã sử dụng một lượng lớn lao động, trong đó có 2 000 lao động sản xuất nguyên liệu và 9 679 lao động sản xuất các mặt hàng cói. Làng nghề dệt Vạn Phúc (Hà Tây) có 1 650 lao động, chiếm 72,3% lực lượng lao động của làng, làng nghề thêu ren Hạ Mỗ có 1 600 lao động, chiếm 69,57% lao động làm nghề thêu ren.

Chung cả nước các hoạt động làng nghề đã thu hút khoảng 29,5% lực lượng lao động nông thôn, một tỷ lệ, tuy chưa cao, nhưng đã chiếm vị trí đáng kể về tạo việc làm cho người lao động. Hoạt động ngành nghề đã phát triển mạnh trong khuôn khổ hộ gia đình, đến nay cả nước đã có khoảng 1 326 000 hộ nông dân phát triển ngành nghề phi nông nghiệp (hộ kiêm nghề). Hoạt động ngành nghề mang lại thu nhập lớn gấp 2 đến 3 lần so với nông nghiệp, đặc biệt là với chi phí về lao động và diện tích sử dụng thấp hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp. Bình quân thu nhập của một người trong hộ chuyên nghề phi nông nghiệp là 430 000 - 450 000 đồng/tháng, hộ kiêm nghề từ 190 000 đến 240 000 đồng/tháng, trong đó thu nhập từ ngành nghề chiếm khoảng từ 40 - 75% tổng thu nhập của gia đình. Ở nhiều hộ thu nhập từ ngành nghề đã là nguồn tích lũy và làm giàu trong bước đi ban đầu từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa. Đối với họ ngành nghề đã trở thành biểu tượng của thịnh vượng và sự phát triển trong tương lai. Đáng lưu ý là từ sự phát triển ngành nghề đã hình thành khoảng 24 000 doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn (có đăng ký kinh doanh và hoạt động theo pháp luật), trong đó, doanh nghiệp nhà nước (14,2%), hợp tác xã (5,8%), còn lại là doanh nghiệp tư nhân (80,0%). Các doanh nghiệp này đã tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn trong các lĩnh vực sau : chế biến nông, lâm, thủy sản : 17,3% ; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, xây dựng : 32,5% ; dịch vụ - thương mại nông thôn : 50,2%.

Tùy theo nghề và mức độ phát triển từng loại nghề mà mức thu nhập giữa chúng có sự chênh lệch đáng kể. Một số nghề như gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội), mộc mỹ nghệ Đồng Kỵ, nghề sắt Đa Hội có những hộ thu nhập tới 100 triệu đồng hằng năm, trong lúc đó một số nghề khác, như thêu ren chỉ đạt 4 - 5 triệu đồng/năm. Theo số liệu điều tra thu nhập của Viện kinh tế học ở làng nghề gốm sứ Bát Tràng (năm 1998) cho thấy : có 35% số hộ có mức giá trị sản xuất trên 100 triệu đồng/năm và có thu nhập từ 25 - 35 triệu đồng. 36,6% số hộ có mức giá trị sản xuất từ 60 - 100 triệu đồng/năm và mức thu nhập từ 20 - 25 triệu đồng. 28,34% số hộ có mức giá trị sản xuất dưới 60 triệu đồng và thu nhập từ 10 - 20 triệu đồng.

Nhờ tạo thêm việc làm nên thu nhập của người lao động tăng lên. Tiền công hằng tháng của người lao động kỹ thuật nghề gốm sứ, chạm khắc gỗ, rèn đúc có thể đạt từ 800 ngàn đến 1 triệu đồng, những thợ thủ công, dệt đũi, thêu ren, hằng tháng đạt từ 180 - 200 ngàn đồng. Thợ khai thác đá có thu nhập giao động khoảng 20 - 70 ngàn đồng/ngày tùy theo trình độ tay nghề, bậc thợ.

Nhờ có thêm việc làm và tăng thu nhập nên đời sống của người dân những nơi có phát triển trong làng nghề được cải thiện rõ nét hơn so với những địa phương khác. Ở làng nghề gốm sứ Bát Tràng chẳng hạn, 100% số hộ gia đình có nhà mái bằng, mái ngói, trong đó có 40% số hộ có nhà hai tầng trở lên, 60% số hộ có xe gắn máy, xe ô tô,

Digitized by Google

90% số hộ có ti vi trong đó chủ yếu là ti vi màu, 5% số hộ có điện thoại.

Sự phát triển nghề và làng nghề đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn và dịch vụ nông thôn. Điều đáng chú ý là tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp theo hướng "ly nông bất ly hương".

Các làng nghề góp phần đáng kể vào sự gia tăng giá trị sản phẩm cho các địa phương. Cho đến nay mặc dù chưa có số liệu tổng hợp hệ thống cho toàn vùng, nhưng qua số liệu tổng hợp từng tỉnh đã thể hiện rõ điều đó. Ở tỉnh Bắc Ninh, năm 1997 giá trị sản xuất các làng nghề đạt 193,31 tỉ đồng ; năm 1998 tăng lên 210 tỉ đồng, chiếm 75% tổng giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh. Riêng làng nghề mộc mỹ nghệ Đồng Ky đạt trên 25 tỉ đồng, làng nghề sắt Đa Hội đạt 30 tỉ đồng. Ở Ninh Bình, chỉ riêng làng nghề chiếu cói Kim Sơn năm 1998 đã đạt mức doanh thu 46 tỉ đồng, làng nghề thêu ren Ninh Hải đạt 16 tỉ đồng, làng nghề đá mỹ nghệ Hệ Dưỡng đạt trên 800 triệu đồng.

Phát triển làng nghề là một bộ phận của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn những năm đầu thế kỷ XXI. Giải pháp cho vấn đề quan trọng này phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và có tính khả thi, bởi vậy trước mắt cũng như lâu dài cần :

Một là, đổi mới nhận thức về làng nghề phù hợp với quan điểm của Đảng ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nếu trước đây, làng nghề chỉ được xem là kinh tế phụ của nông dân, để tận dụng thời gian lao động nông nhàn và tăng thu nhập "phụ" cho nông dân thì ngày nay cần nhận thức lại làng nghề là một nội dung quan trọng, một bộ phận chủ yếu trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Do vậy, khôi phục và phát triển làng nghề thực chất cũng là một trong những nhiệm vụ trung tâm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta. Làng nghề gắn với trung tâm cụm xã, có các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp và tạo ra thu nhập chính ở nông thôn. Làng nghề còn là trung tâm tạo việc làm mới, thu hút lao động dư thừa trong nông nghiệp, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn. Từ đó, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và đầu tư thỏa đáng để khắc phục tình trạng tự phát, manh mún hiện nay, biến các làng nghề thành những mắt xích quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Hai là, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch các làng nghề làm căn cứ cho công tác kế hoạch, đầu tư và thị trường. Để quy hoạch, điều trước hết cần làm là điều tra, khảo sát toàn bộ làng nghề hiện có ở nông thôn, bao gồm cả làng nghề truyền thống và làng nghề mới theo các tiêu chí rõ ràng, cụ thể được thu thập và xử lý công phu và có thể định lượng được. Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát toàn diện và chính xác, các ngành chức năng và các địa phương tính toán lại năng lực sản xuất hiện tại và tiềm năng của mỗi loại làng nghề gắn với các ngành nghề và sản phẩm làm căn cứ cho công tác kế hoạch 5 năm và hằng năm. Quy hoạch và kế hoạch sản xuất nhất thiết phải gắn với nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước hiện tại và tương lai theo nguyên tắc : lấy thị trường làm căn cứ. Quy hoạch và kế hoạch phát triển làng nghề ở nông thôn nhất thiết phải gắn với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng địa phương, nhất là quy hoạch nông thôn, quy hoạch giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục, các vùng sản xuất nguyên liệu, đào tạo và đào tạo lại, phân công và sử dụng lao động, bảo vệ môi trường...

Ba là, giải quyết tốt vấn đề vốn cho các làng nghề dựa trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch đã được duyệt. Nhà nước cần hỗ trợ các làng nghề về vốn theo các hướng : ưu tiên đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn vùng có làng nghề, theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, xây dựng các cơ sở chế biến nông sản, lâm sản và thủy sản gắn với vùng nguyên liệu, xây dựng các trung tâm cụm xã, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho các làng nghề, áp dụng chính sách tín dụng ưu đãi đối với các làng nghề, trong đó khuyến khích cho vay đổi mới máy móc thiết bị và áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất để nâng

Digitized by Google

cao sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề. Giải pháp về vốn là rất quan trọng bởi vì muốn phát triển các làng nghề theo hướng công nghiệp hóa các hộ gia đình và tổ hợp tác ngành nghề ở nông thôn rất cần vốn để đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu, cả vốn cố định và vốn lưu động.

Bốn là, ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào các làng nghề. Để khôi phục và phát triển làng nghề theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhất thiết phải đổi mới máy móc thiết bị và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Vì vậy, vai trò của khoa học - công nghệ trong các làng nghề, kể cả truyền thống và mới có ý nghĩa quyết định. Bài học rút ra từ các làng nghề truyền thống như Đồng Ky, Đa Hội, Phong Khê (Bắc Ninh), Dương Liễu, Vạn Phúc (Hà Tây), Trại Trang (Hưng Yên), Bát Tràng (Hà Nội) là khoa học - công nghệ phải đi trước một bước trong quá trình khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giải pháp cho vấn đề này là lựa chọn đúng những máy móc, thiết bị mới và công nghệ tiên tiến phù hợp với yêu cầu sản xuất các sản phẩm của các làng nghề. Về trình độ kỹ thuật và công nghệ, cần có sự kết hợp hài hòa, đan xen giữa hai yếu tố : truyền thống và hiện đại trên cơ sở khai thác hợp lý tiềm năng và lợi thế của các làng nghề truyền thống với công cụ và công nghệ hiện đại nhằm mục tiêu tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm của các làng nghề.

Năm là, tăng cường đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề cho các làng nghề đi đôi với việc bảo tồn và nâng cao trình độ của các nghệ nhân, các "bàn tay vàng" để họ có thể sáng tạo ra nhiều sản phẩm mới. Sự kết hợp giữa các thế hệ lao động trong các làng nghề nhằm mục đích khôi phục và phát triển làng nghề theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng vẫn duy trì và phát huy tính truyền thống, vai trò của các nghệ nhân. Sản phẩm của sự kết hợp đó là những di sản văn hóa, sản phẩm điêu khắc, nghệ thuật, các công trình kiến trúc và cả những sản phẩm phục vụ đời sống hằng ngày của con người... được sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và thế giới.

Giải pháp cho vấn đề đào tạo bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho người lao động cũng như bảo vệ các bàn tay vàng chỉ có thể thực hiện bằng sự hỗ trợ của Nhà nước kết hợp với sự tham gia của các làng nghề, chính quyền cấp xã và cấp huyện. Trong chương trình đào tạo hằng năm của Tổng cục dạy nghề cần bổ sung nội dung dạy nghề tại các làng nghề, xã nghề, trước hết ở vùng đồng bằng sông Hồng - "cái nôi" của các làng nghề truyền thống.

Sáu là, mở rộng thị trường. Yêu cầu cơ bản của quá trình khôi phục và phát triển làng nghề là phải có thị trường ổn định và giá cả hợp lý. Để đáp ứng yêu cầu đó, trách nhiệm của nhà nước, của các ngành, các cấp và của các làng nghề là mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm của làng nghề. Trong điều kiện của nước ta hiện nay, giải quyết vấn đề này có thể tiến hành theo các hướng sau :

- Tạo điều kiện cho các địa phương và các làng nghề khôi phục lại thị trường Đông Âu và Nga vì đó là thị trường truyền thống, đã quen với các sản phẩm làng nghề Việt Nam.

- Mở rộng thị trường Tây Âu và Bắc Mỹ thông qua hội chợ quốc tế, tiếp thị.

- Cho phép các nghệ nhân, các làng nghề truyền thống tham gia gia công cho các doanh nghiệp ở đô thị, khu công nghiệp tập trung để tạo điều kiện cho họ quảng cáo các sản phẩm làng nghề tại các đô thị lớn, trung tâm công nghiệp lớn.

- Hình thành hệ thống chợ làng tại các làng nghề kết hợp với xây dựng trung tâm cụm xã, để thúc đẩy sự giao lưu hàng hóa của các làng nghề. Tổ chức hội chợ làng nghề tại các trung tâm vùng có làng nghề truyền thống để tạo điều kiện cho các làng nghề tiếp cận khách hàng từ đó tiếp nhận và xử lý các thông tin có liên quan đến sản phẩm của làng nghề, nhất là làng nghề truyền thống.

Sáu giải pháp trên, nếu thực hiện tốt sẽ tạo ra những bước đột phá mới cho việc khôi phục và phát triển làng nghề ở nông thôn nước ta. Điều kiện để thực hiện các giải pháp trên là tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đi đôi với việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của các làng nghề và chính quyền các cấp ở những vùng có nhiều làng nghề truyền thống. ❑

Digitized by Google

KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY NHỮNG MẶT TÍCH CỰC CỦA HƯƠNG ƯỚC CỔ TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở XÃ

LÊ QUỐC HÙNG *

HƯƠNG ước, lệ làng đã xuất hiện trong lịch sử phát triển của dân tộc ta cách đây trên sáu thế kỷ và tồn tại đến tận ngày nay, bởi nó hàm chứa nhiều nội dung tốt, ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội ở thôn, bản. Mỗi điều khoản của hương ước đều nhằm những mục đích cụ thể. Chẳng hạn điều quy định về hôn lễ phục vụ cho việc cưới xin tiến bộ ; điều quy định về khuyến học nhằm mở mang dân trí, phát triển xã hội văn minh ; điều quy định về việc giữ gìn hòa khí trong cộng đồng, nhằm bảo đảm cuộc sống ở nông thôn yên vui trong tình làng nghĩa xóm ; điều quy định việc đãi ngộ vật chất, tinh thần cho những người có công để khuyến khích mọi người luôn luôn lo thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng nhất của công dân là bảo vệ cộng đồng, bảo vệ Tổ quốc.

Hương ước lệ làng đề cao tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ của cộng đồng làng xóm : "Trong làng có khoán ước cũng như nhà nước có luật lệ" (Hương ước làng An Hòa nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội), "Làng là gốc của nước, làng có mạnh thì nước mới giàu" (Hương ước làng Tây Mỗ, huyện Từ Liêm). Tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ cao của cư dân các làng xã khi tổng hợp lại trong phạm vi cả nước sẽ chuyển hóa thành tinh thần kiên quyết bảo vệ nền độc lập, quyền tự quyết của dân tộc. Có yêu quý nền độc lập, tự do của Tổ quốc, mới có tinh thần tự giác, tự nguyện, tự quản, tự chủ trong hành động hằng ngày của mỗi người để làm cho làng, xã trở nên giàu mạnh.

Hương ước, lệ làng đề cao nếp sống dân chủ trong sinh hoạt của cộng đồng làng xã. Làng xã nước ta ở đồng bằng có đình Trung ; ở miền núi có nhà Làng hoặc nhà Rông, là nơi gặp mặt chung của dân làng khi cần hội họp. Đình làng là nơi cả làng họp để bàn việc làng ; là nơi hội họp của Hội đồng tộc biểu, là nơi làm việc của lý dịch trong làng thời phong kiến ; là nơi dân làng đến để hỏi han công việc, khiếu nại, tố cáo ; là nơi để dân làng sinh hoạt văn hóa, vui chơi và cũng là nơi người dân đến nhận ruộng, nhận các quyền lợi khác, hoặc tham dự phần khao vọng, tế lễ...

Đình làng, nhà Rông là nơi người dân nhận được thông tin hai chiều, nơi họ đối thoại với nhau, và thực hiện nếp sống dân chủ trực tiếp. Chỉ riêng sự tồn tại của đình làng với tác dụng như thế đã minh chứng rằng trong lịch sử cộng đồng làng xã Việt Nam, mọi việc liên quan đến đời sống của người dân, với mức độ nhất định, đều có sự bàn bạc dân chủ chứ không phải áp đặt một chiều. Nếp sống dân chủ, người dân làm chủ, thể hiện trong các hương ước bằng các cụm từ như : làng cấp cho, làng ghi công, làng miễn cho, làng phạt, làng cấm... chứ không nói chánh, phó hương hội cho phép hoặc lý trưởng quyết định. Rõ ràng chủ thể trong mọi công việc ở làng là "Làng", là tập thể dân làng chứ không phải một cá nhân nào. Người nông dân Việt Nam thường dùng thuật ngữ "làng ta" để diễn đạt vị trí người đối thoại. Tinh thần dân chủ ở làng xã còn thể hiện : những người được dân làng cử là những người được dân cư trong làng tuyệt đối tin tưởng và hễ ai vi phạm hương ước, lập tức bị dân làng họp quyết định bãi miễn.

Hương ước, lệ làng đã nêu cao tinh thần đoàn kết của người Việt Nam. Để đấu tranh chống bão lụt, bão, chống giặc ngoại xâm, người nông dân Việt Nam đã sớm biết đoàn kết lại, từng gia đình nông dân đều tìm thấy sức mạnh trong khối

* Giảng viên, Chủ nhiệm ngành tư vấn pháp luật kinh tế, Trường đại học Đông Đô

Digitized by Google

đoàn kết cả làng. Họ tâm niệm "sống nhờ làng, chết giữa làng". Nếu bị dân làng cô lập, xa lánh, đuổi ra khỏi làng thì đó là hình phạt nhục nhã nhất, đau xót nhất đối với mỗi người dân. Họ sống trong tình làng nghĩa xóm, vì tình làng nghĩa xóm. Mời nhau ăn một miếng trầu, uống với nhau một bát chè xanh, chung nhau một điếu thuốc lào... là đủ và lấy làm quý hơn trả giá cho nhau bằng tiền bạc. Mọi người đều tôn trọng những quy định của hương ước về giữ gìn, bảo vệ lợi ích của cộng đồng. Sức mạnh của làng xã chính là sức mạnh đoàn kết trong đó có sự đóng góp của các Hương ước đã đề ra và được mọi người trong làng tuân thủ.

Hầu hết các hương ước làng xã đều nhấn mạnh việc hướng thiện "cốt làm cho dân làng được thịnh giàu, phong tục được thuần mỹ", hướng tới cái hay, cái đẹp ; xa lánh các thói hủ lậu, kệch cỡm. Ví dụ Hương ước làng Đông Ngạc (Từ Liêm, Hà Nội) quy định : "Tang là sự buồn rầu, đau đớn nhà người ta, cứ theo thói quen mà mời khách ăn uống thật là không tiện, nay dân bỏ lệ ấy đi". Các hương ước quy định rất rõ về việc khen thưởng người tốt, việc tốt, xử phạt nghiêm khắc người xấu, việc xấu, dựng bia ở đình làng để ghi tên những người có công với làng hoặc làm bất cứ việc gì đem lại vinh dự cho làng. Với các hương ước cổ, lòng hướng về chữ nhân, chữ nhượng, chữ tâm, chữ đức, chữ thiện, chữ mỹ - trở thành xu thế phát triển đi lên trong lối sống của dân làng người Việt Nam.

Hương ước cũng đề ra hình thức xử phạt đối với bất cứ ai vi phạm hương ước hoặc trong lối sống có những điều không ngay thẳng. Khi xử phạt, hương ước không miễn trừ ai.

Như vậy, các quy tắc xử sự mang tính hướng thiện trong các hương ước có tác dụng to lớn đối với việc hình thành và duy trì các nếp sống tốt đẹp của người Việt Nam.

Tuy nhiên, một số điều quy định của các hương ước lệ làng cổ đã không còn phù hợp với đời sống hiện nay. Xét về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời và mục đích tác dụng, nội dung hàm chứa thì sự hình thành, phát triển của hương ước là phù hợp với quy luật phát triển của xã hội. Hương ước không mâu thuẫn với pháp luật của Nhà nước. Nếu chỉ dựa vào câu nói : "phép vua thua lệ làng", một hiện tượng có thật trong đời sống nông thôn để phủ nhận tính tích cực của hương ước là định kiến sai lệch. Trong thời kỳ thuộc địa, chính quyền thực dân Pháp đã có mưu đồ xóa bỏ hương ước, nhưng chúng không thực hiện được, bởi vì hương ước là sản phẩm của lịch sử phát triển của dân tộc, đã biến thành máu thịt của người dân. Hương ước cổ do hạn chế lịch sử nên đã lồng vào đó khá nhiều yếu tố tiêu cực như tệ mua quan bán tước ; tệ đặt lệ khao vọng ; tệ đặt ra nhiều ngôi thứ ở chốn đình làng và đặt lệ biếu xén ; tệ đặt ra việc tế tự quanh năm ngày tháng. Những tục tệ xấu này đã tạo ra trong làng xóm nạn chè chén say sưa. Nó làm cho nhiều gia đình "khuynh gia bại sản" vì chạy theo danh hão, vì tranh nhau một chỗ ngồi cao hơn tại chốn đình Trung. Nó làm cho làng xóm đang yên bình, đoàn kết trở nên hiềm khích làm hại lẫn nhau, đem điều dữ về xóm làng, thậm chí có kẻ bán mình cho bọn thực dân thống trị, làm tay sai cho chúng.

Hương ước cổ đã phát triển trong một xã hội thuần nông. Tuy vậy một số bài học bổ ích mang đậm tính thời sự vẫn có thể ứng dụng rộng rãi vào xã hội Việt Nam trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay.

Trước hết, cần khẳng định người Việt Nam sớm phát hiện và kiên trì thực hiện quy tắc của xã hội văn minh - xã hội được xây dựng theo nguyên tắc bao trùm "sống và hành động theo pháp luật". Việt Nam có nền văn hiến lâu đời, là một trong những quốc gia sớm có pháp luật thành văn, gồm hai hình thái tồn tại song song : luật pháp do Nhà nước ban hành dùng để điều chỉnh các quan hệ trong phạm vi cả nước và các quy ước cộng đồng do nhân dân tự thông qua để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong phạm vi nông thôn. Hai hình thức pháp luật này không phủ định lẫn nhau mà liên quan chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau để điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội trong đời sống hằng ngày. Pháp luật của Nhà nước dù đầy đủ đến đâu cũng không thể bao quát được mọi trường hợp chi tiết, cụ thể phải giải quyết. Hương ước đã bù đắp được lỗ hổng đó của pháp luật. Xã hội nông thôn có kỷ cương phép nước nghiêm minh, đời sống ổn định, đoàn kết và trở thành nền tảng vững chắc của đất nước, một phần cũng do có hương ước tạo nên.

Hai là, nội dung của pháp luật xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, đáp ứng được nguyện vọng, lợi ích của người chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Văn phong pháp luật dễ hiểu, rõ ràng, chính xác, mạch lạc, đơn nghĩa cụ thể. Hoàn thiện hệ thống pháp luật của dân, do dân và vì dân. Quy chế thực hiện

Digitized by Google

dân chủ ở xã phải thâm nhập sâu vào cuộc sống ở xã, có nội dung thiết thực, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của người dân.

Ba là, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho dân, làm cho dân nhớ luật, hiểu luật, từ đó làm đúng theo luật. Ngày trước hương ước được đọc cho cả làng nghe, sao ra mỗi xóm một bản. Cho đến nay nhiều cụ già nói rằng ngày xưa họ thuộc lòng lệ làng là do vậy.

Chủ trương xây dựng hương ước, quy ước làng xã đã được Đảng và Nhà nước ta khẳng định. Sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (ngày 10-6-1993) về khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, phong trào soạn thảo và ban hành hương ước đã được tiến hành trong phạm vi cả nước. Nét nổi bật về tác dụng của hương ước, quy ước là khơi dậy và khẳng định vai trò chủ động, tính tự giác, tự quản của nhân dân trong phát triển sản xuất, bảo vệ an ninh xã hội ở nông thôn. Ngành nghề từ đó phát triển góp phần xóa đói giảm nghèo, tệ nạn phá rừng từng bước được ngăn chặn...

Qua nghiên cứu một số hương ước của các địa phương, vấn đề nổi cộm đáng quan tâm là :

- Nhiều quy ước làng xã hiện nay chỉ nói đến trách nhiệm, nghĩa vụ và hầu như không quy định rõ về quyền lợi của người dân. Người dân thụ động tuân theo và bị quá nhiều cấm kỵ như cấm họp chợ, cấm thả rông súc vật, cấm không cho phương tiện cơ giới đi vào đường làng, cấm soi ếch v.v. Thậm chí có thôn tự cho mình quyền ban bố lệnh giới nghiêm, quyền quy định lệ phí phương tiện vận tải đi qua làng v.v...

- Một số nơi còn xây dựng và áp dụng quy ước dòng họ. Nếu loại quy ước này có mục đích kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp về nhân văn, giúp nhau phát triển kinh tế, thì đó cũng là một biện pháp tốt để phát triển tính tự quản, tự giác của làng xã, nhưng trong thực tế ở nhiều nơi quy ước dòng họ làm tăng thêm khoản đóng góp nặng nề của người dân.

- Nhiều nơi chủ trương của Đảng về phát huy hương ước chưa được quán triệt đầy đủ, có người bác bỏ việc xây dựng hương ước, cho rằng hương ước xuất hiện trở lại sẽ tiếp tục giam hãm dân chúng sau lũy tre làng chật hẹp, là sự dung túng các tệ nạn địa phương, cục bộ, là sự phá vỡ nền pháp chế thống nhất. Có người băn khoăn, không nhiệt tình hưởng ứng chủ trương này của Đảng, với lý do làng xã ngày nay thay đổi nhanh chóng và sâu sắc, xu thế đô thị hóa quá nhanh, xóa bỏ tính chất thuần nông trước đây và cơ cấu dân cư đã khác trước, vừa tăng về số lượng, vừa là nơi tụ hội quần cư dân chúng khắp bốn phương với những phong tục khác nhau, cho nên hương ước không còn đủ mạnh để điều chỉnh các quan hệ xã hội ở nông thôn. Vì vậy biện pháp duy nhất là dùng pháp luật thống nhất do Nhà nước ban hành. Lại có người cho rằng hương ước mới là công cụ hữu hiệu và có thể sử dụng để xác lập sự kiểm tra chặt chẽ và xử phạt của chính quyền đối với các hiện tượng tiêu cực, vừa góp phần đấu tranh chống lại các hiện tượng dân chủ cực đoan, dân chủ thiếu tổ chức để dẫn dắt một xã hội đã một thời bị buông lỏng quản lý đi vào quỹ đạo của một xã hội có kỷ cương, pháp chế chặt chẽ. Từ quan niệm này dẫn đến một số điều quy định sai lệch xuất hiện trong các hương ước mới : những điều cấm kỵ vô lý, những quy định xử phạt vượt quá thẩm quyền như xử phạt trốn thuế, xử phạt kinh doanh không có giấy phép, xử phạt buôn bán hàng cấm, vi phạm luật lệ giao thông...

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong vấn đề soạn thảo, ban hành hương ước, quy ước mới nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn hiện nay cần có sự uốn nắn kịp thời những quan điểm và cách làm không đúng như đã xảy ra. Trước hết quán triệt và thống nhất quan điểm của Đảng nêu trong Nghị quyết Đại hội VIII về mục đích, ý nghĩa của việc ban hành và áp dụng hương ước mới. Đó là để thực hiện cơ chế "làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với pháp luật của Nhà nước" (1).

Việc soạn thảo, ban hành và áp dụng hương ước, quy ước mới là một trong những biện pháp nhằm phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Nội dung của hương ước, quy ước mới bao gồm tất cả những vấn

(Xem tiếp trang 54)

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 127

Digitized by Google

GIÁO DỤC MẦM NON THỰC TAẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

LÊ THỊ ÁNH TUYẾT *

1 - VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC GIÁO DỤC MẦM NON (GDMN) :

"Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai" đã là một khẩu hiệu, một tuyên bố đầy sức mạnh thể hiện trách nhiệm của cả dân tộc đối với thế hệ tương lai. Đảng ta, trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX đã xác định : "Chăm lo phát triển giáo dục mầm non". Đó là sự tiếp tục một sự nghiệp được xác định qua nhiều văn kiện, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, một sự nghiệp lớn được kế tục một cách nhất quán qua nhiều thế hệ kể từ tháng 9-1945. Việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa chủ yếu vào sự phát triển trí tuệ của người Việt Nam, thể hiện cụ thể trong mức độ phát triển dân trí và các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đào tạo. Đến nay, về trình độ dân trí, ta đã có những thành tích đáng tự hào. Tỷ lệ người biết chữ đạt 94%. Hơn 95% trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường. Nhưng để đất nước phát triển mạnh hơn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần xuất phát từ nhận thức đầy đủ hơn và có những chính sách cụ thể hơn, mạnh dạn hơn cho phát triển giáo dục ở bậc mầm non.

Trên thực tế, GDMN có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn lực con người, phát triển trí tuệ của người Việt Nam. Nhà giáo dục Nga lỗi lạc A.X. Ma-ca-ren-cô đã từng nói : "Những cơ sở căn bản của việc giáo dục trẻ đã được hình thành từ trước tuổi lên 5. Những điều dạy cho trẻ trong thời kỳ đó chiếm tới 90% tiến trình giáo dục trẻ. Về sau việc giáo dục, đào tạo con người vẫn tiếp tục, nhưng đó là lúc bắt đầu nếm quả, còn những nụ hoa thì đã được vun trồng trong 5 năm đầu tiên".

Trong cuốn sách *Cách mạng học tập* (XB 1996), những người nghiên cứu đã có thể chứng minh qua hàng loạt thử nghiệm rằng : "Năng lực học tập sẽ được phát triển đến mức tuyệt đối trong 4 năm đầu là hơn 50% (54%) trong 4 đến 8 tuổi là ngoài 30% (32%) còn đến tuổi trưởng thành chỉ còn ngoài 20%" (1).

Những tuyên bố trên đã dựa trên cơ sở thực tế về đặc điểm phát triển sinh học và phát triển xã hội của trẻ. Những thập kỷ gần đây, sự phát triển về kích thước cơ thể, sự trưởng thành, khả năng trí tuệ của trẻ em so với 40 năm trước đã có những tiến bộ rõ rệt. Biểu hiện đáng chú ý nhất là ở độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Có thể dẫn ra một ví dụ về hiện tượng phát triển về chiều cao và trọng lượng cơ thể.

		Từ 1 đến 3 tuổi	Từ 4 đến 6 tuổi
Tăng trọng	Thế giới	4 - 6 kg/năm	2 kg/năm
	Việt Nam	1,5 kg	1 - 1,5 kg
Tăng cao	Thế giới	8 - 10 cm/năm	5 - 8 cm/năm
	Việt Nam	8 - 10 cm	4 - 6 cm

Sự phát triển trí tuệ của trẻ em cũng sớm hơn. Trẻ em ngày nay khôn sớm, có thể vì nhiều nguyên nhân : chế độ dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em đã được cải thiện ; cùng với nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu được mở rộng, phương pháp, hình thức giáo dục được đổi mới ; đặc biệt là với những trẻ em sớm tiếp xúc với các phương tiện nghe nghìn và In-tơ-nét. Đối với trẻ em mẫu giáo, tốc độ tăng trọng của não nhanh nhất là ở độ tuổi 0 đến 3 tuổi (sơ sinh 350 - 400 Gr ; 1 tuổi : 800 Gr, 3 tuổi : 1170 Gr, trưởng thành 1400 Gr). Đây

* TS. Vụ trưởng Vụ giáo dục mầm non, Bộ Giáo dục - Đào tạo

(1) Trích theo *Cách mạng học tập*, nhóm tác giả cộng tác, Nxb Thượng Hải, 1996, tr 207, Chương 7 (tiếng Trung)

Digitized by Google

cũng là thời kỳ hoàn chỉnh hóa hệ thần kinh về hình thái và chức năng. Kết quả các nghiên cứu đã cho thấy vỏ đại não có tới 100 tỉ nơ ron (tế bào thần kinh) mỗi nơ ron có thể có tới 10 000 xinap (diện tiếp hợp giữa các nơ ron). Chính trong những năm đầu tiên đại não sẽ tạo thành con đường học tập chủ yếu. Mỗi ngày học tập ở đồ vật xung quanh đều tạo thành vốn từ và sự phát triển trí khôn sẽ là cơ sở của con đường học tập sau này. Người ta đã chứng minh trong mấy năm đầu tốc độ phát triển mãnh liệt đến mức kinh ngạc. Chính do nhu cầu hoạt động và các hoạt động của trẻ (từ lúc còn trong thai) đã làm tăng trưởng liên tục tế bào thần kinh để tạo nên 2 bán cầu não với 300 000 000 tế bào thần kinh tương hỗ liên hệ và đó là con đường tạo thành năng lực học tập. Theo cái nhìn về sinh học, không có hoạt động, xuất phát từ sự sản sinh của tế bào thần kinh đại não, đứa trẻ sẽ không có khả năng điều tiết sự phát triển của 2 bán cầu não và như thế năng lực học tập trong tương lai của trẻ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng (2). Điều đó phù hợp với số liệu nghiên cứu của các nhà khoa học : Ca-rey (1977) Đơ-la-ghan (1985) cho biết trẻ 18 tháng mới biết khoảng 50 từ nhưng 5 - 6 tuổi có thể biết hết 8 000 đến 14 000 từ (3). Những nghiên cứu và các con số đã chứng minh *giai đoạn phát triển trí năng của trẻ em từ 0 - 6 tuổi là giai đoạn trọng tâm, mấu chốt có tính quyết định để tạo thành năng lực học tập, năng lực phát triển trí tuệ cho tương lai.* Như vậy, nếu chúng ta sớm có chính sách cụ thể đối với giáo dục mầm non, chúng tôi nghĩ rằng sự phát triển trí tuệ người Việt Nam trong tương lai sẽ có những bước tăng tốc.

2 - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG THÀNH QUẢ GDMN TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY.

1. Những năm đầu của thời kỳ đổi mới, GDMN vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường có định hướng. Hậu quả chủ yếu của quá trình này là số trẻ đến trường, lớp nhà trẻ, mẫu giáo giảm nghiêm trọng, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ không tốt, cơ sở vật chất tan rã hoặc xuống cấp. Sau khi có Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII và tiếp theo Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII, với sự nỗ lực chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với sự quan tâm của cấp ủy đảng và chính quyền địa phương các cấp và sự đóng góp của nhân dân, GDMN đã dần được củng cố và phát triển. Từ năm 1994 đến nay số lượng trẻ tới nhà trẻ ổn định, số trẻ tới trường mẫu giáo tiếp tục tăng lên. Những năm gần đây chất lượng chăm sóc trẻ ngày càng tốt. Một bộ phận cơ sở GDMN phát triển thành các trường trọng điểm có chất lượng cao. Kết quả thực hiện các mục tiêu năm 1999 - 2000 đều duy trì và giữ vững chỉ tiêu đề ra : 12,85% trẻ đi nhà trẻ / tổng số trẻ trong độ tuổi, 44,5% số trẻ đi mẫu giáo / tổng số trẻ trong độ tuổi, trong đó trẻ đi mẫu giáo 5 tuổi đạt 75,65% / tổng số trẻ trong độ tuổi (số liệu của Vụ GDMN - Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Đó cũng là kết quả của việc phát triển đa dạng các loại hình GDMN (công lập, dân lập, bán công, tư thục), sự phối hợp các ban, ngành cùng chăm lo cho GDMN như : Y tế, Phụ nữ, Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Văn hóa - Thông tin... từ cấp trung ương đến địa phương. Việc triển khai có hiệu quả các chương trình, mục tiêu của ngành giáo dục (chương trình tăng cường cơ sở vật chất, chương trình xây dựng đội ngũ giáo viên và các trường sư phạm), chương trình viện trợ của các tổ chức quốc tế : UNICEF, UNESCO và các tổ chức NGO đã tạo ra những sinh lực mới cho GDMN. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và cán bộ quản lý của ngành đã bền bỉ vượt qua khó khăn, tìm tòi cách làm mới, bồi dưỡng những nhân tố mới trong từng vùng, *đã góp phần vực dậy và khẳng định vị trí một ngành học.* Đến nay, GDMN đã được khẳng định rõ ràng về pháp lý trong Luật Giáo dục được Quốc hội thông qua vào tháng 12-1998.

2. Tuy nhiên, trước mắt GDMN còn đang đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức.

---

(2), (3) Trích theo nguồn *Cách mạng học tập* (tiếng Trung) Nxb Thượng Hải, tr 223

Digitized by Google

Cơ sở vật chất, trang thiết bị thiếu về số lượng, xuống cấp về chất lượng. Nhất là khu vực GDMN ngoài công lập, cơ sở vật chất thiếu thốn, nghèo nàn và lạc hậu do Nhà nước không đầu tư, quỹ công ích của hợp tác xã không còn, những đóng góp của nhân dân và phụ huynh có hạn. Tình trạng phổ biến trường, lớp không đủ sức thu hút các bậc cha mẹ cho con em đến học tập. Ước tính trên toàn quốc chỉ có gần 1/4 là đạt yêu cầu chuẩn về nhà cửa, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học. Còn lại nhiều nơi chỉ là tranh tre nứa lá, dột nát, không đủ ánh sáng... ảnh hưởng nhiều đến việc cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ em.

Đội ngũ giáo viên thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, nhất là khu vực ngoài công lập. So với chuẩn định mức cứ 7 trẻ ở độ tuổi từ 0 - 2 tuổi có 1 cô giáo và 25 trẻ ở độ tuổi mẫu giáo có từ 1 - 1,5 cô giáo, thì hiện nay còn thiếu xấp xỉ 20 000 giáo viên. Giáo viên chưa qua đào tạo hoặc đào tạo cấp tốc ngắn hạn (dưới 3 tháng) còn chiếm gần 30%, chủ yếu ở khu vực nông thôn. Trình độ của giáo viên hiện nay là : đại học, cao đẳng gần 2% ; trung học gần 40% ; sơ học hơn 30%.

Đội ngũ giáo viên ở nông thôn hầu hết ngoài biên chế và về chính sách gần như thả nổi từ nhiều năm nay, đời sống rất khó khăn. Có khoảng 86 979 giáo viên trong khu vực nông nghiệp, trong đó 70 889 cô ngoài biên chế. Theo điều tra của Công đoàn giáo dục Việt Nam (tháng 3-1996) có tới 50% giáo viên mầm non nông thôn thu nhập hằng tháng dưới mức lương tối thiểu, bình quân 50 000đ - 100 000đ. Số tiền này ở nhiều nơi do dân đóng góp bằng hiện vật.

Sự phát triển của GDMN không đồng đều. Ở phần lớn khu vực thành phố, thị xã, vùng ven đô và vùng đồng bằng sông Hồng, GDMN phát triển ; ở các vùng khác, nhất là vùng núi cao, vùng sâu sông nước đồng bằng sông Cửu Long GDMN phát triển khó khăn (12 tỉnh chỉ có 229 584 trẻ ra lớp), trong lúc đó riêng đồng bằng sông Hồng có 743 976 trẻ ra lớp, chiếm 27,5% so với cả 61 tỉnh và thành phố).

Mặc dầu có nhiều nỗ lực, nhưng bản thân ngành GDMN chưa có được một chất lượng như mong muốn ở tất cả các địa bàn. Do các yếu tố kể trên, người dân chưa thấy được lợi ích thiết thực của việc đưa trẻ đến trường, trong khi đa số thu nhập thấp, chi phí cho sinh hoạt chật vật. Kết quả là trẻ em phải chịu thiệt thòi trong khi nhu cầu cần giao tiếp, cần hiểu biết chưa được thỏa mãn, chưa tương ứng với khả năng phát triển trí tuệ của chúng.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự yếu kém về GDMN là :

Ngân sách nhà nước đầu tư cho GDMN trong nhiều năm rất hạn chế, chưa có sự bình đẳng giữa các bậc học và các loại hình. Ngân sách hằng năm cho GDMN chỉ tập trung cho khu vực công lập. Nhưng ở khu vực này, ngân sách chi cho các trường chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu chi thiết yếu. Tỷ lệ chi ngân sách cho GDMN chỉ chiếm 3,2 - 5,6% ngân sách chi cho giáo dục hằng năm tại các địa phương, trong khi tỷ lệ giáo viên được biên chế so với tổng số giáo viên được biên chế phổ thông là 13,8% và tỷ lệ học sinh mầm non công lập / số học sinh công lập phổ thông là 16%.

Nghịch lý là những nơi thuận lợi, thu nhập cao như thành phố, thị xã lại được Nhà nước đầu tư. Ngân sách hằng năm phân bổ cho nhà trẻ là 600 000 - 700 000đ/cháu/năm, mẫu giáo là 300 000 - 400 000đ/cháu/năm. Đương nhiên như trên cho thấy, số này vẫn không đủ nhu cầu chi. Trái lại khu vực nông thôn có nhiều khó khăn và chiếm gần 60% số cháu đến lớp lại không được hưởng sự giúp đỡ từ phía nhà nước.

Bảng : Tỷ trọng chi cho giáo dục mầm non trong ngân sách giáo dục phổ thông

Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998
Ngân sách Nhà nước cấp (tỉ đồng)	61,4	65,5	128,3	227,3	290,5	323,9	556,9	635,0
So tổng chi GD (%)	4,9	3,2	3,7	4,5	4,2	4,4	5,6	5,4
Tiểu học (%)	37,8	40,0	32,6	26,6	32,3	32,3	34,5	35,3
Trung học cơ sở (%)	15,3	14,8	17,6	17,7	19,6	19,1	19,1	19,4

Nguồn : Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

3 - YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định mục tiêu của giáo dục mầm non đến năm 2000 là : "Phát triển bậc học mầm non phù hợp với điều kiện và yêu cầu của từng nơi. Bảo đảm hầu hết trẻ 5 tuổi được học chương trình mẫu giáo lớn chuẩn bị vào lớp 1" và đưa ra mục tiêu đến năm 2020 là : "Xây dựng hoàn chỉnh và phát triển bậc học mầm non cho hầu hết trẻ em trong độ tuổi. Phổ cập kiến thức nuôi dạy trẻ cho các gia đình".

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nêu : "Chăm lo phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt là ở nông thôn và những vùng có khó khăn".

Đồng thời Chính phủ cũng đã đưa ra Nghị quyết 90/CP về xã hội hóa y tế, giáo dục và văn hóa. Tất cả các chủ trương mới của Đảng về phát triển GDMN đều dựa trên quan điểm chiến lược là : Phát triển GDMN đặt nền tảng cho phát triển nhân cách thông qua hệ thống giáo dục ; là tiền đề thực hiện phổ cập tiểu học và giáo dục tiểu học có chất lượng. Trong GDMN thực hiện giáo dục toàn diện : Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe ; phát triển trí tuệ, tình cảm ; rèn luyện thói quen tốt. Về phương thức phát triển GDMN : GDMN là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. GDMN phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình, thu hút thêm nhiều nguồn lực để phát triển nguồn nhân lực trong tương lai.

Những mục tiêu cần đạt của GDMN

Trong những năm tới, cần hướng tới mục tiêu chung cho toàn ngành là nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trên cơ sở xây dựng một đội ngũ cán bộ, giáo viên giỏi, tâm huyết với nghề và một hệ thống trường lớp trang thiết bị được cải thiện dần theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh đối với công lập và ngoài công lập ; tiến hành phổ biến kiến thức đến các gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thể lực, tình cảm, trí tuệ, đặt nền móng hình thành nhân cách trẻ và làm cơ sở vững chắc cho tiến trình giáo dục trẻ của các bậc học kế tiếp theo định hướng về phát triển GDMN trong thời kỳ mới. Mục tiêu cụ thể về các mặt :

Về số lượng : Nâng tỷ lệ trẻ đến nhà trẻ được chăm sóc - giáo dục dưới mọi hình thức lên 12% năm 2005 và 14% năm 2010, tỷ lệ trẻ đi học mẫu giáo lên 48% năm 2005 và 58% năm 2010. Trong đó riêng tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 85% năm 2005 và 90% năm 2010.

Về chất lượng : Thứ nhất tiến hành mở rộng việc thử nghiệm đổi mới các hình thức tổ chức hoạt động trong lớp mẫu giáo tiến tới hoàn thiện nội dung và phương pháp mới về GDMN theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, phát huy cao độ tính tích cực, chủ động của trẻ. Đổi mới hình thức, phương pháp GDMN dựa trên nguyên tắc giáo dục mới : trẻ là chủ thể tích cực của quá trình học và phát triển của bản thân trẻ ; trẻ được phát triển toàn diện theo cách tích hợp ; có sự liên kết giáo dục của gia đình và cộng đồng và thông qua các mối quan hệ qua lại với con người, nơi chốn, thế giới đồ vật để trẻ phát triển. Với hình thức tổ chức học theo nhóm, học theo chủ đề cùng các biện pháp phù hợp với cách tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm, *việc đổi mới phương pháp là khâu đột phá trong việc đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp GDMN thế kỷ XXI.* Việc đổi mới này đã tạo tiền đề cho việc xây dựng chương trình chăm sóc - giáo dục mới cho trẻ. Việc thử nghiệm đổi mới hình thức, phương pháp đã được thực hiện ở các trường mầm non trọng điểm cấp tỉnh, cấp huyện ở tất cả 61 tỉnh, thành trong cả nước. Đây là công việc mấu chốt trong mục tiêu phát triển về chất lượng.

Thứ hai, về chất lượng chăm sóc sức khỏe, mục tiêu cần đạt được là hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 20% trong các cơ sở GDMN, góp phần để hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng chung quốc gia xuống dưới 20% phục vụ cho mục tiêu nâng cao chất lượng dân số.

Về các giải pháp : Để có được mục tiêu trên cần có các chính sách và biện pháp phát triển GDMN. Trước tiên cần tiếp tục sắp xếp, củng cố

Digitized by Google

mạng lưới trường lớp mầm non theo hướng có đủ, thuận tiện và linh hoạt cho trẻ vui chơi và học tập theo nhu cầu của nhân dân ở các địa bàn dân cư. Cải tiến mục tiêu, nội dung, phương pháp mới phù hợp với từng vùng miền. Coi biện pháp xây dựng đội ngũ giáo viên, thực hiện các chính sách tạo động lực cho người dạy và người học là khâu then chốt. Xúc tiến xây dựng cơ chế xã hội hóa, xem đây là giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao nguồn lực tài chính cho GDMN. Cuối cùng là đổi mới công tác quản lý giáo dục, chỉ đạo phát triển giáo dục theo các dự án phù hợp với **từng vùng miền**. Trong đó chú trọng xây dựng và chỉ đạo các dự án về phát triển mầm non nông thôn vùng núi và phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ đến các gia đình.

4 - NHỮNG KIẾN NGHỊ

Để phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả GDMN, xin kiến nghị một số vấn đề sau :

a. Nghiên cứu, bổ sung chính sách đồng bộ để chuyển một phần GDMN công lập sang bán công theo từng năm cụ thể, kèm theo cần hỗ trợ mầm non công lập ở miền núi, vùng sâu.

b. Thực hiện việc phân bổ ngân sách cho trẻ mầm non ngoài công lập để khuyến khích nguồn lực từ nhân dân, cộng đồng cho GDMN.

Cần xem xét lại việc phân bổ ngân sách cho GDMN theo tinh thần xã hội hóa GDMN, trong đó Nhà nước thể hiện trách nhiệm là vai trò chủ đạo như đã đề cập tại các điều 11, 12 của Luật Giáo dục.

Đối với các trường công lập còn lại, Nhà nước đầu tư 60 - 70% ngân sách cho trường giữ vững vai trò chủ đạo, nòng cốt ; trước mắt, chi 50% cho các trường bán công ; đồng thời xúc tiến việc phân bổ ngân sách cho bán công - dân lập từ 10 - 15% định mức chi cho trẻ công lập nhằm tạo nguồn cho giáo viên nâng cao trình độ và có thể thu hút thêm được nguồn lực từ nhân dân.

c. Xây dựng khung chính sách hỗ trợ giáo viên, nếu Nhà nước trung ương không thể lo được, cho phép chính quyền tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ và được đưa vào mục lục ngân sách nhà nước để chi thường xuyên.

Thực hiện việc hợp đồng lao động cho giáo viên mầm non ngoài biên chế, tạo điều kiện để cho giáo viên mầm non ngoài biên chế có chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ.

d. Thực hiện việc đưa vào giá thành một số chi phí hoạt động cho các trường mầm non ở các xí nghiệp, công ty sản xuất - kinh doanh như Luật Giáo dục đã quy định để hỗ trợ các trường mầm non ở đây tiếp tục phát triển.

Một bộ phận các trường mầm non trong các cơ sở này là thành quả của nhiều năm xây dựng, quyền lợi đó của người lao động đã được quy định tại Luật Lao động. Tại điều 61 Luật Giáo dục được Quốc hội thông qua cũng đã chỉ rõ điều đó, việc cụ thể hóa các điều luật chưa kịp thời và Nghị định về xã hội hóa giáo dục để thực hiện Nghị quyết 90/CP của Chính phủ chưa được ban hành làm nảy sinh những cách hiểu rất khác nhau, hậu quả là làm suy giảm trách nhiệm của các xí nghiệp sản xuất kinh doanh đối với giáo dục.

đ. Khuyến khích rộng rãi hơn nữa cho mầm non tư thục phát triển.

Khuyến khích và tạo điều kiện dễ dàng cho trường mầm non tư thục phát triển bằng các biện pháp khả thi :

- Thể chế hóa việc hỗ trợ về phương tiện và thiết bị cho trường mầm non tư thục như : Cấp đất hoặc cho thuê đất dài hạn với lãi suất thấp ; cho vay vốn với lãi suất thấp để họ có thể đầu tư xây dựng trường và mua sắm thiết bị.

- Trước mắt miễn các loại thuế thu nhập đến khi tư nhân hoàn vốn.

- Hiệu trưởng có thể sử dụng chương trình với sự linh hoạt trong mức độ cho phép, để thể hiện những triết lý giáo dục riêng trong chăm sóc giáo dục trẻ.

- Giáo viên làm việc ở các trường này được hưởng những quyền lợi về bảo hiểm và những danh hiệu tôn vinh nghề nghiệp của Nhà nước.

- Cho phép tư nhân tự thỏa thuận nguồn thu đối với cha mẹ trẻ trên cơ sở sự đầu tư và chất lượng dịch vụ chăm sóc giáo dục trẻ của họ.

- Thực hiện bồi thường rủi ro cho các chủ tư nhân khi đầu tư vào giáo dục mầm non. ❑

Digitized by Google

Học từ quá khứ là trách nhiệm để đối phó với tương lai

ĐẶNG MINH PHƯƠNG

Nhân thế kỷ XX kết thúc, nhiều tờ báo, tạp chí lớn trên thế giới đã bầu, chọn những nhân vật xuất sắc của thế kỷ thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, văn nghệ, khoa học, thể thao... Cuốn niên lịch 2000 của tạp chí Time, tờ báo loại lớn hàng đầu của Mỹ và thế giới, đã lựa chọn 100 nhân vật có ảnh hưởng nhất của thế kỷ XX, trong đó có 20 lãnh tụ và nhà cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh được chọn là một trong 20 vị lãnh tụ ấy, có đăng tên tuổi và hình ảnh.

Nhà sử học Mỹ Xtan-ly Các-nâu, người lãnh trách nhiệm viết chân dung đã định vị lịch sử cho lãnh tụ Hồ Chí Minh với mấy từ ngắn ngủi : *người du kích cộng sản,* và vài nét giới thiệu rất ngắn gọn như sau : *"Ông đã nuôi dưỡng một hình ảnh Bác Hồ khiêm tốn và hòa nhã nhưng ông là một nhà cách mạng lão luyện, một người yêu nước nồng nàn bị lôi cuốn bởi một mục tiêu duy nhất là nền độc lập cho đất nước ông".*

Sự lựa chọn của tạp chí Time và những dòng giới thiệu ngắn ngủi của Các-nâu đã gây sự chú ý rộng rãi trên thế giới về ảnh hưởng lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thế kỷ XX. Nhân đó, nhiều bài báo đã bình luận và nhắc lại lịch sử Việt Nam, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta để giải phóng hoàn toàn đất nước và thống nhất Tổ quốc. Có người khen ông Các-nâu, chỉ với mấy dòng, ngắn ngủi "đã khéo léo gói gọn hình ảnh, đức độ, tài ba và mục tiêu chiến đấu suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nền độc lập của Việt Nam. Các-nâu là người Mỹ sau đúng một phần tư thế kỷ Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam và hơn nửa thế kỷ Mỹ dính líu ở Việt Nam, đã "sáng suốt chính thức nhận ra rằng vị lãnh tụ cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh, là một người cộng sản yêu nước nồng nàn, suốt đời chỉ có một ước vọng, một hoài bão duy nhất là sự nghiệp giải phóng dân tộc".

Cũng trong dịp này, dư luận nhắc đến một người Mỹ đầu tiên trong chính quyền Hoa Kỳ - ông Mắc Na-ma-ra, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ dưới hai triều Tổng thống Mỹ, Ken-nơ-đi và Giôn-xơn, sau ba mươi năm vật lộn, đã tìm ra chân lý cuộc chiến đấu của dân tộc Việt Nam là để giành độc lập dân tộc. Ông Mắc Na-ma-ra đề nghị người Mỹ cần rút những bài học kinh nghiệm của mình ở Việt Nam để tránh sai lầm, thất bại.

Nhắc đến ông Mắc Na-ma-ra và 11 bài học mà ông nêu lên trong tập hồi ký nổi tiếng *"Hồi tưởng, tấn thảm kịch và những bài học Việt Nam"*, tôi bỗng nhớ lại lời phát biểu của Tổng thống Mỹ WJ Clin-tơn trong cuộc hội kiến với Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, chiều 18-11-2000. Tổng thống Mỹ nói : *"Về cuộc chiến tranh ở Việt Nam, nhiều người ở Hoa Kỳ đã không nhất trí với nhau về chính sách của chính phủ Hoa Kỳ và về bản chất của cuộc chiến tranh. Nhiều người, trong đó có đại sứ của chúng tôi, ông Pê-tec-xơn đã tưởng rằng họ sang chiến đấu để giúp cho người Việt Nam được tự do và tự quyết..."*. Nghĩa là, đã có sự hiểu lầm rằng đánh Việt Nam là để giúp cho người Việt Nam được tự do và tự quyết ! Tổng thống đã tránh nhìn thẳng vào nguyên nhân của cuộc chiến tranh là do Mỹ can thiệp và xâm lược.

Do đó Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu thấy cần thiết phải nói lại rõ ràng với ông : "Tôi đồng ý với ngài rằng chúng ta không quên quá khứ, không làm lại được quá khứ. Vấn đề quan trọng là hiểu cho đúng quá khứ ấy. Cụ thể là hiểu cho đúng thực chất cuộc kháng chiến chống xâm lược mà chúng tôi đã tiến hành. Căn nguyên cuộc kháng chiến chống xâm lược của chúng tôi là từ đâu ? Sâu xa là từ khi chủ nghĩa đế quốc đi đánh chiếm thuộc địa. Nước Việt Nam có đem quân đánh Hoa Kỳ đâu mà Hoa Kỳ lại đem quân đánh Việt Nam... cho nên đối với chúng tôi quá khứ không phải là trang sử đen tối, đau buồn và bất hạnh. Nói về

Digitized by Google

trách nhiệm đối với quá khứ thì không thể đánh đồng, vì nó đã để lại hậu quả nặng nề cho nhân dân và đất nước Việt Nam. Về bài học của quá khứ, điều quan trọng là những người có trách nhiệm đừng để lặp lại những việc như đã làm trong quá khứ. Đối với chúng tôi, quá khứ là gốc rễ, là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại và tương lai... Chúng ta phải có trách nhiệm đúng đắn với quá khứ. Ngài Mắc Na-ma-ra trong một cuộc hội thảo cũng nói rằng cần phải rút kinh nghiệm".

Thiết tưởng nói như vậy là thẳng thắn, rõ ràng, rành mạch.

Nhân Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nêu lại lời ông Mắc Na-ma-ra "cần phải rút kinh nghiệm", xin được nhắc lại đôi điều trong những lời phát biểu thẳng thắn của vị cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ. Năm năm trước khi Tổng thống WJ Clin-tơn đọc diễn văn ở Việt Nam, ông Mắc Na-ma-ra, một trong những người chịu trách nhiệm chính của cuộc chiến tranh đã thừa nhận rằng : "Chúng tôi (chính quyền Mỹ thời các Tổng thống Ken-nơ-đi và Giôn-xơn) đã sai lầm khủng khiếp. Chúng tôi mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại sai lầm như vậy... Tôi muốn người dân Mỹ hiểu tại sao chúng tôi phạm những sai lầm như thế và rút ra những bài học sai lầm đó. Tôi mong được nói rằng : Đây là cái có ích mà chúng ta có thể rút ra từ cuộc chiến tranh Việt Nam có thể vận dụng cho thế giới hôm nay và mai sau. Đó là cách duy nhất để dân tộc ta có thể hy vọng đẩy quá khứ về phía sau. Nhà viết kịch Hy Lạp cổ đại A-ex-si-lux (Aeschylus) có viết : *"Phần thưởng cho nỗi khổ đau là kinh nghiệm"*. Hãy để cho điều đó trở thành di sản lâu dài của cuộc chiến tranh [1].

Hai năm sau khi cho công bố tập hồi ký của mình, ông Mắc Na-ma-ra đến Hà Nội nhân cuộc hội thảo Việt - Mỹ (tháng 6-1997) để tìm hiểu thêm về Việt Nam. Ông đã có cuộc gặp gỡ với đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đại tướng đã nói rất thẳng thắn rằng : "Mỹ xâm lược Việt Nam là sai lầm. Mỹ không hiểu Việt Nam, chúng tôi là một dân tộc có tinh thần bất khuất hàng nghìn năm chống giặc ngoại xâm nhưng rất mong muốn hòa bình. Thế kỷ XV, sau khi thắng quân Minh, đã từng có những lời tuyên ngôn trong các áng văn bất hủ "Bình Ngô đại cáo" và "Phú Chí Linh" của Nguyễn Trãi.

"Đem lại thái bình muôn thuở
Tất muôn đời chiến tranh".

Biết ông Mắc Na-ma-ra đã dũng cảm nhận sai lầm, trong cuộc gặp, đại tướng Võ Nguyên Giáp bắt tay ông, nói : *"Bắt tay một con người dũng cảm và có thiện chí"* [2].

Ông Mắc Na-ma-ra đã thẳng thắn nhận trách nhiệm về mình và những bạn đồng sự của mình. Trước ông, đã có nhà báo Mỹ En-xbớc phanh phui sự thật về việc Mỹ gây chiến tranh xâm lược Việt Nam qua việc công bố "Tài liệu mật của Lầu Năm góc". Và năm 1988, Nây Sin-hen, một người Mỹ lúc đầu rất hăng hái đến Việt Nam để phục vụ cuộc chiến tranh của Mỹ nhưng khi hiểu rõ sự thật, ông đã viết một cuốn sách có tên là *"Sự lừa dối hào nhoáng"*. Cuốn sách đã gây dư luận xôn xao ở Mỹ và trên thế giới, được nhiều tờ báo đánh giá là "cuốn sách viết hay nhất về chiến tranh Việt Nam". Trả lời báo Giải phóng (Libération) Pháp ngày 10-6-1990, Nây Sin-hen nói : "Tôi muốn rằng thông qua cuốn sách, người Mỹ sẽ đối mặt với chiến tranh, họ sẽ đọc về cuộc chiến tranh này và thông qua cuộc đời một con người (Giôn Pôn Van, nhân vật chính trong sách). Tác động của cuộc chiến tranh này rất lớn và vẫn chưa chấm dứt. Nó đã thiêu đốt chúng tôi. Thật là khó khăn khi phải thừa nhận rằng mình đã làm một cuộc chiến tranh phi nghĩa" [3].

Việc Nây Sin-hen phát hiện thực chất của cuộc chiến tranh *"cho người Mỹ ngây thơ thấy rõ sự thực"* và sự dũng cảm nhận sai lầm của ông đã khiến cho hàng trăm người đọc viết thư cảm ơn ông đã làm cho họ "lần đầu hiểu được cuộc chiến tranh này, một cuộc chiến tranh chẳng có nghĩa gì cả nhưng chúng tôi không hiểu vì sao" [4].

Mới đây, những ngày đầu tháng 5-2001, cựu thượng nghị sĩ Mỹ Bốp Ke-ry, sau 32 năm im lặng, đã thú nhận là năm 1969, ông ta chỉ huy một trung đội lính Mỹ đã tàn sát 20 dân thường phần lớn là đàn bà, trẻ em ở làng Thạnh Phong, tỉnh Bến Tre. Dư luận Mỹ đòi hỏi chính phủ Mỹ điều tra về vụ thảm sát này, Mỹ không được rũ bỏ trách nhiệm của mình trong việc tìm ra sự thật và công lý. Báo *Toàn cảnh Phơ-răng-phuốc*

(1) Hồi ký của Mắc Na-ma-ra, Nxb Chính trị quốc gia, 1995

(2) Tạp chí Xưa và Nay tháng 6-1997

(3) (4) "Sự lừa dối hào nhoáng", Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1990

Digitized by Google

(Đức) ngày 10-5-2001, nêu rõ : *"Ở Mỹ người ta tự hỏi phải làm gì với lời thú nhận muộn màng của Ke-ri, 32 năm là thời gian không chỉ đủ cho những ký ức mà còn cả góc nhìn phải thay đổi".*

Cũng như vụ thảm sát hơn 500 dân thường ở Mỹ Lai, tỉnh Quảng Ngãi, vụ thảm sát ở Thạnh Phong và bao nhiệm vụ thảm sát ở miền Nam Việt Nam còn bị Mỹ che dấu, một vấn đề hết sức bức xúc, cần thiết phải đặt ra là phải nhìn thật rõ sự thật của cuộc chiến tranh xâm lược đẫm máu do Mỹ tiến hành ở Việt Nam để có biện pháp ngăn ngừa có hiệu quả thảm họa có thể xảy ra cho toàn nhân loại do những tham vọng đế quốc chủ nghĩa gây nên.

Từ việc tạp chí Time công nhận ảnh hưởng lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với toàn thế giới trong thế kỷ XX đến việc những người Mỹ từng thảm gia cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam đã dũng cảm nhận sai lầm, mà cho đến nay vẫn còn nhiều người có trách nhiệm trong chính quyền Mỹ còn né tránh, phải chăng chúng ta, những người Việt Nam - nạn nhân của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, chịu biết bao đau thương tang tóc, chúng ta có trách nhiệm tiếp tục góp phần làm cho mọi người nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn nguyên nhân thực sự của chiến tranh và những vết thương của nó chưa được hoàn toàn hàn gắn. Đó là việc làm cần thiết không phải chỉ trong lĩnh vực nghiên cứu, sáng tác ra tác phẩm lý luận, văn học, nghệ thuật mà cả trong các cuộc tiếp xúc, trao đổi ý kiến, đối thoại, hoạt động ngoại giao. Đồng thời chúng ta cũng nói lên lòng biết ơn đối với nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới đã ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta chống xâm lược, giành độc lập.

Có người ngại "nói thật mất lòng". Nhân dân ta có câu "mất lòng trước, được lòng sau". Chúng ta biết rằng chính quyền phát xít Đức Hít-le đã tàn sát người Do Thái trong chiến tranh thế giới thứ hai, ba mươi năm sau, trước sức ép của dư luận đòi phanh phui sự thật, Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức những năm 60 đã công khai xin lỗi người Do Thái về việc làm sai trái của chính quyền nước Đức trước kia. Chính phủ Nhật, sau bốn thập kỷ chiến tranh Trung - Nhật chấm dứt, cũng đã làm như vậy đối với nhân dân Trung Quốc.

Đó là nghiêm túc rút ra những bài học của quá khứ, như nhà triết học Mỹ, gốc Tây Ban Nha, Gióc-giơ San-ta-ya-na đã từng viết : "Những ai không đếm xỉa đến lịch sử chắc chắn sẽ đi lại theo vết bánh xe cũ. Học từ quá khứ của chúng ta là con đường trách nhiệm duy nhất để đối phó với tương lai, nhất là khi cái quá khứ ấy là một chứng tích thất bại to lớn". ❑

KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 46)

đề nhằm phát huy đầy đủ sức mạnh của cộng đồng dân cư trong bảo vệ, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên ; duy trì và phát huy ngành nghề truyền thống của làng xã ; hướng dẫn phát triển ngành nghề mới ; khôi phục truyền thống văn hóa dân gian ; tạo điều kiện để nhân dân bảo vệ và tôn tạo danh lam thắng cảnh của quê hương mình. Tổ chức các phong trào thể dục, thể thao thu hút thanh thiếu niên vui chơi lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Trong quá trình soạn thảo hương ước, quy ước mới, nhân dân dân chủ bàn bạc, thảo luận phát huy trí tuệ tập thể vào việc thể chế hóa nếp sống văn minh, xây dựng nông thôn mới. Nội dung của hương ước, quy ước mới càng được nhân dân trực tiếp thảo luận, càng nâng cao sự hiểu biết và tính tự giác tuân thủ của mọi thành viên trong cộng đồng. Chính vì vậy Điều 6 khoản 3 Quy chế thực hiện dân chủ ở xã đã quy định : "Nhân dân xã, thôn, làng, bản bàn và quyết định trực tiếp xây dựng hương ước, quy ước làng, làng văn hóa, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội"[2]. Khoản 4 Điều 14 của Quy chế còn quy định về hội nghị thôn, làng, ấp, bản ; xây dựng hương ước, quy ước ; cử các ban nhóm tự quản, ủy viên thanh tra nhân dân [3].

Thực tế cho thấy, việc xây dựng, ban hành hương ước, quy ước được tiến hành tốt, theo đúng quan điểm của Đảng, thì ngoài những tác dụng đã nêu trên còn có ý nghĩa góp phần làm cho bộ máy nhà nước gọn nhẹ, năng động hiệu quả hơn, chi phí cho bộ máy nhà nước cũng tiết kiệm hơn. ❑

(2) (3) Xem Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, ban hành kèm theo Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 của Chính phủ

Digitized by Google

QUAN NIỆM VỀ AN NINH QUỐC GIA DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

PHẠM QUỐC TRỤ *

AN ninh luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà nước, bởi lẽ đây là vấn đề tồn vong của chính các chủ thể chính trị cấu thành hệ thống quốc tế. Quan niệm về an ninh đối với các xã hội khác nhau và ở những giai đoạn lịch sử khác nhau không luôn luôn đồng nhất, mà trái lại có thể khác nhau về nội dung và bản chất. Từ chỗ vốn được quan niệm một cách truyền thống gắn với chiến tranh, hòa bình, độc lập, chủ quyền quốc gia hoặc sự tồn tại của hệ thống chính trị, gần đây dưới tác động chủ yếu của quá trình toàn cầu hóa, dần dần khái niệm an ninh ngày càng được hiểu một cách tổng thể hơn, bao quát cả những bình diện mang bản chất phi quân sự. Cùng với những thay đổi trong quan niệm về an ninh quốc gia, tư duy chiến lược của các nước cũng đang thay đổi về cơ bản.

I. Khái lược các quan niệm về an ninh quốc gia và tư duy chiến lược

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về an ninh quốc gia, nhưng tựu trung có thể phân thành hai loại : loại quan niệm cổ điển và loại quan niệm tổng thể.

Loại quan niệm cổ điển (hay còn gọi là quan niệm truyền thống) gắn an ninh quốc gia với tình trạng đất nước không bị lâm nguy trước sự đe dọa, tiến công quân sự hoặc xâm lăng từ bên ngoài, không phải hy sinh những "giá trị cơ bản" của mình để đổi lấy hòa bình, hoặc trong trường hợp buộc phải đối đầu với chiến tranh thì có thể chiến thắng. Cách quan niệm này khá phổ biến trong giới học giả và chính khách phương Tây. Theo đó, vấn đề an ninh quốc gia nằm trong chính mối quan hệ giữa các nhà nước với nhau và mang bản chất quân sự. Quốc gia vừa là chủ thể vừa là khách thể của an ninh. Cách quan niệm như vậy bị phê phán là phiến diện, không bao quát được các khía cạnh phi quân sự và không chú ý đến đặc tính xung đột nội bộ trong các quốc gia, nên không thấy được an ninh quốc gia bị đe dọa bởi các hiểm họa rất đa dạng xuất phát không chỉ từ bên ngoài mà cả từ bên trong mỗi quốc gia.

Loại quan niệm tổng thể (còn gọi là quan niệm an ninh đa diện hoặc toàn diện) không giới hạn an ninh quốc gia ở bình diện quan hệ đối ngoại thuần túy giữa các nhà nước, mà đặt nó trong mối quan hệ tổng thể bao quát cả những mối quan hệ trong nội bộ mỗi quốc gia, kể cả quân sự và không quân sự. Theo đó, an ninh của mỗi quốc gia không chỉ là vấn đề tồn tại với tư cách là một chủ thể chính trị độc lập, có chủ quyền trong hệ thống quốc tế, mà còn được hiểu là quốc gia đó được bảo vệ khỏi những đe dọa, sự tiến công, xâm lược, những hiểm họa cả từ bên ngoài lẫn từ bên trong mỗi quốc gia. Các mối hiểm họa hay đe dọa rất đa dạng và mang bản chất khác nhau : có thể thuộc loại chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường... Do vậy, người ta phân loại an ninh thành nhiều dạng, chủ yếu tùy thuộc vào bản chất của các mối đe dọa và đối tượng cụ thể mà các mối đe dọa đó nhằm tới. Nhìn chung, quan niệm an ninh quốc gia một cách tổng thể khá phổ biến trong các nước đang phát triển. Từ sau "chiến tranh lạnh", loại quan niệm này phát triển trên thế giới và mang nội dung mở rộng hơn. An ninh quốc gia ngày càng được nhìn nhận như là một tổng thể của các an ninh lĩnh vực, chủ yếu gồm an ninh quân sự, an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh môi trường, an ninh con người. Tuy nhiên, các nước đặt trọng tâm vào các nội dung của an ninh tổng thể không giống nhau. Sự khác biệt này có thể thấy khá rõ ở hai nhóm nước phát triển và đang phát triển. Nhìn chung, các nước phát triển quan niệm an ninh quốc gia thiên về hướng ngoại hơn là

* TSKH, Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

hướng nội. Một số học giả giải thích rằng, sở dĩ như vậy chủ yếu là vì các nước phát triển đã trải qua một thời kỳ xây dựng nhà nước hiện đại khá dài (vài thế kỷ) đủ để làm hài hòa lợi ích của các cá nhân và nhà nước, hoàn thiện quá trình hòa nhập dân tộc và làm cho nhà nước ở đây được thừa nhận cả ở trong nước lẫn trên trường quốc tế. Do vậy, các nhà nước này ít phải đương đầu với những vấn đề bên trong thách thức. Cũng bởi vậy mà khả năng dễ bị tổn thương của các nhà nước này trước các mối đe dọa từ nội bộ quốc gia là thấp, do đó họ tập trung nhiều hơn vào các quan hệ bên ngoài nhằm bảo đảm môi trường đó thuận lợi cho sự sống còn cũng như bảo vệ các giá trị cơ bản của mình. Trong khi đó, hầu hết các nước đang phát triển đều mới giành được độc lập từ tay thực dân, quá trình xây dựng nhà nước hiện đại cũng chỉ mới được vài thập niên, nhiều trường hợp chưa đủ độ chín muồi cần thiết. Do vậy, không ít trong số này thường bị thách thức về tính chính đáng cả ở trong nước lẫn trên thế giới. Trong nước, họ phải đương đầu với hàng loạt vấn đề có thể đe dọa an ninh quốc gia : chẳng hạn như thiếu sự hài hòa lợi ích giữa các cá nhân, cộng đồng và nhà nước, khủng hoảng về tính chính đáng của chế độ, thiếu sự hòa nhập dân tộc, kinh tế kém phát triển, v.v. Do vậy, ở các nước này người ta thường quan niệm an ninh quốc gia thiên về hướng nội, đặt lợi ích tồn tại của chế độ ở vị trí trung tâm của các nội dung an ninh, bên cạnh an ninh quân sự.

Những quan niệm về an ninh quốc gia như trên là cơ sở cho các tư duy chiến lược về an ninh quốc gia. Những chiến lược chủ yếu mà các nước sử dụng về cơ bản có thể được chia thành ba loại, căn cứ theo bản chất của các biện pháp được dùng để đối phó với các mối đe dọa : chiến lược quân sự, chiến lược phi quân sự và chiến lược tổng hợp.

Nhìn từ góc độ nguồn gốc của các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia ở các nước đang phát triển, có thể thấy chiến lược chủ yếu được sử dụng khá phổ biến để bảo đảm an ninh đối nội tập trung vào hai nội dung sau :

- *Tăng cường nội lực và khả năng đối phó của nhà nước đối với các đe dọa.* Đây là một loại chiến lược tổng hợp nhằm khắc phục sự yếu kém, dễ bị tổn thương của nhà nước và giảm thiểu các mối đe dọa từ bên trong cũng như các cơ hội can thiệp từ bên ngoài vào công việc nội bộ của quốc gia. Chiến lược này lấy phát triển kinh tế là công cụ chính để tăng cường nội lực, cải thiện đời sống, an dân và nâng cao khả năng hòa nhập các nhóm cộng đồng dân tộc, qua đó khẳng định tính chính đáng và sự tin cậy đối với chế độ.

- *Trấn áp các lực lượng đối lập.* Phương thức này có công hiệu đặc biệt trong những hoàn cảnh nhất định, nhưng có thể lại là một "con dao hai lưỡi". Về lâu dài, nó chỉ là loại thuốc cấp cứu nhất thời, không thể xem là "thần dược" đối với an ninh quốc gia.

Xem xét ở góc độ an ninh đối ngoại, các chiến lược được các nước vận dụng rất đa dạng. Có thể liệt kê ra những phương thức chủ yếu như sau :

- *Chiến lược an ninh bằng sức mạnh quân sự.* Những người theo đuổi chiến lược này chủ trương phát triển một lực lượng và tiềm lực quân sự mạnh làm công cụ răn đe, kiềm chế đối phương và cho phép có thể đương đầu một cách hiệu quả đối với các mối đe dọa chiến tranh, tiến công, xâm lược từ phía đối phương. Đây là chiến lược nhiều nước sử dụng.

- *Chiến lược an ninh thông qua các liên minh quân sự,* nhằm tạo một sức mạnh tổng hợp của nhiều nước để đối phó với một kẻ thù chung, hoặc sử dụng cân bằng so sánh lực lượng để ngăn ngừa chiến tranh. Từ xưa tới nay, các nước áp dụng phổ biến chính sách này. Thời kỳ "chiến tranh lạnh" được đánh dấu bằng việc ra đời của một loạt liên minh quân sự như Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO), Khối quân sự Đông - Nam Á (SEATO), Khối quân sự Ô-xtrây-li-a - Niu Di-lân - Mỹ (ANZUS), Khối quân sự Trung Á (CENTO), Khối hiệp ước Vác-xa-va (VARSAW)... Bên cạnh các tổ chức phòng thủ chung đó, còn tồn tại khá phổ biến các hình thức hiệp ước an ninh song phương.

- *An ninh tập thể* là chiến lược an ninh dựa trên nguyên tắc cam kết chung của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế không sử dụng vũ lực và cùng nhau đoàn kết hỗ trợ nạn nhân của sự xâm lược. Hội Quốc Liên được thành lập sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất là một nỗ lực áp dụng chiến lược này trên phạm vi toàn cầu. Sau thất bại của Hội Quốc Liên, nhiều nước tiếp tục theo đuổi chiến lược này trên phạm vi khu vực thể hiện thông qua việc thành lập các tổ chức khu vực như Tổ chức các nước châu Mỹ (OAS), Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU), Liên đoàn A-rập...

- *An ninh chung* là phương thức cùng bảo đảm an ninh cho nhau dựa trên nguyên tắc "không làm cho an ninh riêng của một nước đe dọa an ninh của nước khác" thông qua một loạt các biện pháp xây dựng lòng tin, giải trừ quân bị, hạn chế lực lượng

Digitized by Google

quân sự, trao đổi thông tin quân sự... và một cơ chế hợp tác chung. Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu (CSCE) là một mô hình cụ thể của chiến lược an ninh chung.

- *An ninh thông qua liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu* là chiến lược dựa trên nguyên lý sự tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế và "thói quen hợp tác" trước hết trong lĩnh vực kinh tế và sau đó là các lĩnh vực khác sẽ giúp hạn chế cách ứng xử độc lập của mỗi quốc gia và buộc họ tuân thủ "luật chơi chung". Như vậy sẽ có thể tránh, hoặc ít nhất là giảm thiểu, khả năng xung đột và chiến tranh giữa các thành viên trong tổ chức. Chiến lược này đã được áp dụng rất phổ biến và khá thành công từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai trở lại đây. Hiện nay, trên thế giới có hàng trăm thể chế liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.

Ngoài các hình thức chiến lược an ninh chủ yếu nêu trên, các nước cũng sử dụng nhiều phương thức khác để bảo đảm an ninh của mình : chẳng hạn như theo đuổi quy chế trung lập (Thụy Sĩ, Thụy Điển), tham gia Phong trào Không liên kết, sử dụng cơ chế Liên hợp quốc, tham gia các hiệp ước, công ước quốc tế chống phổ biến và sử dụng vũ khí hạt nhân, ký các hiệp định về giải trừ quân bị, cam kết không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế, sử dụng đàm phán hòa bình để giải quyết các vấn đề tranh chấp v.v.. Những năm gần đây, xuất hiện một số hình thức tiếp cận mới đối với vấn đề an ninh khu vực với những khái niệm như "an ninh hợp tác", "ngoại giao phòng ngừa", "đối thoại an ninh" (chẳng hạn như Diễn đàn ARF hiện nay). Tóm lại, các chiến lược an ninh được các nước sử dụng rất đa dạng. Khuynh hướng chung từ khi kết thúc "chiến tranh lạnh" trở lại đây là coi trọng nhiều hơn các biện pháp phi quân sự, đặc biệt là an ninh kinh tế, thúc đẩy các cơ chế hợp tác đa phương, trong đó lấy liên kết kinh tế quốc tế trên cơ sở tự do hóa thương mại làm nền tảng.

II. Tác động của xu thế toàn cầu hóa đối với quan niệm về an ninh và tư duy chiến lược

Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, xu thế hòa bình hợp tác để phát triển và vai trò to lớn của các công ty xuyên quốc gia, quá trình toàn cầu hóa ngày nay đã đạt đến một đỉnh cao mới và trở thành một xu thế bao trùm trong quan hệ quốc tế. Tình hình này có tác động sâu rộng tới mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội trong các nước cũng như quan hệ giữa các quốc gia. An ninh của mỗi quốc gia và an ninh quốc tế đứng trước những biến chuyển mới bao gồm cả cơ hội và thách thức.

Về cơ hội, nhiều nhà phân tích nêu lên rằng, quá trình toàn cầu hóa làm ra đời và củng cố mạng lưới dày đặc các thiết chế quốc tế, nhất là các tổ chức quốc tế trong mọi lĩnh vực. Vai trò ngày càng tăng của các tổ chức quốc tế trong quan hệ quốc tế góp phần hạn chế và giúp giải quyết xung đột giữa các nước, duy trì và củng cố hòa bình, an ninh quốc tế. Thông qua các thiết chế và tổ chức quốc tế này, các nước, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ, có khả năng bảo vệ tốt hơn lợi ích quốc gia cũng như an ninh của mình và có vị thế ít bất lợi hơn trong quan hệ với các nước lớn. Bên cạnh đó, xu thế toàn cầu hóa cũng tạo ra những cơ hội quan trọng (thị trường, vốn, công nghệ, cạnh tranh nâng cao hiệu quả kinh tế,...) mà các nước có thể tận dụng để phát triển kinh tế - xã hội, tạo cơ sở để bảo đảm an ninh quốc gia.

Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa cũng đặt các nước trước rất nhiều thách thức, đe dọa chính an ninh quốc gia của họ, nếu bản thân họ không kiểm soát và xử lý tốt các vấn đề nảy sinh. Những thách thức này rất đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực. Về kinh tế, thách thức lớn nhất là vấn đề cạnh tranh quốc tế. Làm thế nào để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước trước các đối thủ nước ngoài trong điều kiện toàn cầu hóa và mở cửa là một bài toán khó đối với các nước, nhất là các nước đang phát triển. Để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, các nước đều phải tiến hành các điều chỉnh và cải cách cần thiết từ cơ cấu kinh tế, đầu tư đến các chính sách kinh tế vĩ mô, hệ thống luật lệ và việc thực hiện các chính sách và luật lệ để tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho việc thu hút đầu tư và các hoạt động kinh tế, đồng thời phù hợp với "luật chơi" chung của thế giới. Đây là một quá trình đầy khó khăn mà mỗi nước phải đối mặt. Sự sai lầm trong bước đi và phương thức tiến hành có thể dẫn đến những hậu quả tai hại, thậm chí cả những đổ vỡ về kinh tế, xã hội. Về chính trị, quá trình toàn cầu hóa đặt ra những vấn đề phải xử lý liên quan đến độc lập chủ quyền, đến hệ thống chính trị và các thiết chế xã hội. Tính độc lập của mỗi quốc gia sẽ bị thách thức bởi sự gia tăng tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, sự hạn chế thẩm quyền và khả năng hành xử theo ý chí của riêng mỗi quốc gia.

Sự ổn định của hệ thống chính trị và các thiết chế xã hội sẽ luôn luôn chịu áp lực của đòi hỏi

Digitized by Google

đổi mới để phù hợp với quá trình tự do hóa thương mại và mở cửa. Sự lợi dụng, can thiệp của các thế lực bên ngoài vào các nước luôn luôn là vấn đề có thể xảy ra. Giải quyết vấn đề này cũng sẽ bao hàm việc giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa an ninh quốc phòng và yêu cầu mở cửa để phát triển kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế. Về mặt xã hội, những thách thức của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế mà các nước phải đối mặt thể hiện tính phức tạp, chứa đựng nhiều hiểm họa đối với sự ổn định cũ. Có thể nêu ra những hiểm họa chủ yếu như : nguy cơ gia tăng thất nghiệp và xáo trộn công ăn việc làm của một bộ phận người lao động trong xã hội do kết quả tất yếu của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cạnh tranh ; nguy cơ suy yếu của văn hóa truyền thống và bản sắc dân tộc ; nguy cơ phổ biến dễ dàng hơn các tệ nạn như khủng bố, ma túy, mại dâm ; nguy cơ gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất công trong xã hội...

Những đặc điểm gắn với quá trình toàn cầu hóa như trên đặt ra yêu cầu phải xem xét lại cách quan niệm truyền thống về an ninh vốn bị phê phán về tính phiến diện và không còn thích hợp với những phát triển mới của quan hệ quốc tế và những biến đổi trong các quốc gia. Xu hướng chung thừa nhận cần quan niệm an ninh một cách tổng thể. Tuy nhiên, về quan niệm này cũng còn nhiều vấn đề gây tranh cãi, đặc biệt liên quan đến nội dung của khái niệm an ninh là gì và nên giới hạn ở đâu ? Đối tượng trọng tâm của an ninh là quốc gia hay là con người ? Cách nhận thức của các nước cũng còn nhiều khác biệt và thậm chí có nhiều điểm bất cập trong chính quan niệm về an ninh tổng thể. Dưới đây, xin nêu một số điểm đáng chú ý nhất.

Thứ nhất, nhiều nước có quan niệm rất rộng về an ninh quốc gia, bao quát nhiều lĩnh vực từ chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường đến con người. Theo đó, một số vấn đề như đói nghèo, thất học, thất nghiệp, nhập cư trái phép, buôn bán và sử dụng ma túy, khủng bố, mại dâm, vi phạm nhân quyền, v.v. cũng được xem là những vấn đề thuộc an ninh quốc gia. Cách quan niệm này có nguy cơ làm cho khái niệm an ninh quốc gia trở thành một thứ "hổ lốn", và như vậy sẽ làm lu mờ trọng tâm của vấn đề. Do vậy, cần xác định phạm vi giới hạn của khái niệm an ninh quốc gia và nội dung trọng tâm của nó. Theo học giả Ba-ri Biu-đơn (1) phạm vi nội dung của khái niệm an ninh bao gồm các lĩnh vực được xác định như sau :

An ninh quân sự liên quan đến sự cảm nhận về tồn tại của các mối đe dọa, tấn công, xâm lược của các lực lượng quân sự đối địch làm tổn hại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia và khả năng của quốc gia có thể đối phó với các hiểm họa đó.

An ninh chính trị liên quan tới sự ổn định chính trị, sự tồn tại của các thiết chế chính trị, hệ thống nhà nước và các ý thức hệ là nền tảng tư tưởng của quốc gia.

An ninh kinh tế liên quan đến khả năng tiếp cận các nguồn lực, tài chính, thị trường cần thiết bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, phúc lợi của nhân dân và sức mạnh của Nhà nước, bảo đảm có thể ngăn ngừa và đối phó có hiệu quả với những biến động của môi trường trong nước và quốc tế, góp phần đắc lực giữ vững ổn định, an ninh chính trị - xã hội và tăng cường khả năng quốc phòng. An ninh kinh tế bao hàm cả an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh tài chính.

An ninh xã hội gắn với sự duy trì và bảo vệ hợp lý và phù hợp với tiến trình phát triển các giá trị cơ bản của cộng đồng các dân tộc trong mỗi quốc gia như ngôn ngữ, tôn giáo, truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc, phong tục tập quán.

An ninh môi trường liên quan đến việc duy trì và bảo vệ hệ thống sinh thái, môi trường bảo đảm cho con người có thể sống yên ổn và hoạt động bình thường.

An ninh con người liên quan đến sự bảo vệ các quyền của con người chống lại những vi phạm từ phía nhà nước hay xã hội.

Thứ hai, trong quá trình toàn cầu hóa có xu hướng thống nhất các thị trường quốc gia thành các thị trường khu vực và toàn cầu, làm cho sự phân công lao động quốc tế trở nên sâu rộng, do vậy làm cho các nước ngày càng tuỳ thuộc lẫn nhau ở mức cao hơn. Đặc biệt, sự phát triển của mạng lưới các công ty xuyên quốc gia trên khắp thế giới gắn kết chặt chẽ hơn nữa các nền kinh tế quốc gia với nhau như những mắt xích của một hệ thống. Thực tế hiện nay cho thấy không một nước nào có thể phát triển mà không cần đến thị trường, vốn và công nghệ của các nước khác. Sự phát triển và an ninh của tất cả các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào nhau. Khó có thể có sự phát triển bền vững và an ninh cho một hoặc một số quốc gia trên sự lụn bại về kinh tế và mất an ninh của các

(1) Theo : Barry Buzan. *Nhân dân, Nhà nước và nỗi sợ hãi : một chương trình nghị sự cho nghiên cứu an ninh quốc tế* (People, States and Fear : an agenda for international security studies), Boulder (USA), Lynne Rienner, 1992

Digitized by Google

quốc gia khác. Từ đó, vấn đề đặt ra là cần phải quan niệm lại vấn đề độc lập chủ quyền với tư cách là một nội dung của khái niệm an ninh quốc gia. Ngày nay, có nhiều nước, nhất là các nước phát triển, có xu hướng chấp nhận từ bỏ một số quyền lực thuộc chủ quyền quốc gia để trao cho một cơ quan cộng đồng. Ví dụ, các nước thành viên Liên hiệp châu Âu (EU) đã chuyển hầu hết thẩm quyền định đoạt các chính sách về thuế quan, tài chính, tiền tệ cho Ủy ban châu Âu. Cũng tương tự, các thành viên của nhiều tổ chức liên kết kinh tế quốc tế cũng phải chấp nhận hạn chế thẩm quyền riêng biệt của mình trong nhiều lĩnh vực và tuân thủ "luật chơi" chung. Điều này cho thấy đã và đang diễn ra sự thay đổi quan trọng trong tư duy về an ninh quốc gia, nhất là trong các nước phát triển, với khuynh hướng coi vấn đề độc lập, chủ quyền quốc gia tuy vẫn quan trọng nhưng không còn là nguyên tắc duy nhất trong các nội dung cơ bản của an ninh quốc gia.

Thứ ba, cùng với sự phát triển ngày càng cao của xu thế toàn cầu hóa và tri thức hóa kinh tế, ngày càng có nhiều người nhận thức rõ hơn rằng mối đe dọa lớn nhất đối với các nước bên cạnh sự tiến công, xâm lược về quân sự còn có sự tụt hậu về phát triển, nghèo đói và kém khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Nước nào có nền kinh tế phát triển bền vững, làm chủ được khoa học - công nghệ, có năng lực cạnh tranh quốc tế cao, hội nhập tốt với nền kinh tế thế giới và khu vực về cơ bản sẽ đạt được mức độ an ninh cao. Như vậy, trong tương lai, phát triển kinh tế là nền tảng và an ninh kinh tế là nội dung trụ cột của an ninh quốc gia trong một thế giới toàn cầu hóa và tri thức hóa. Trên thực tế, ngày nay hầu như tất cả các nước đều dành ưu tiên hàng đầu cho phát triển kinh tế và đặt vấn đề an ninh kinh tế là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của chiến lược an ninh quốc gia. Chiến lược an ninh của Hoa Kỳ năm 1994 xác định an ninh kinh tế là một trong ba trụ cột chính (bao gồm an ninh kinh tế, an ninh quân sự và "dân chủ hóa" toàn cầu) và trọng tâm của chiến lược này là thúc đẩy và duy trì sự phồn vinh kinh tế (2). Trung Quốc những năm gần đây cũng hết sức quan tâm tới an ninh kinh tế. Tháng 2-1998, khi đề cập tới vấn đề an ninh quốc gia, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nhấn mạnh cần tăng cường xây dựng sức mạnh kinh tế và xử lý đúng đắn toàn diện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa. Sau cuộc khủng hoảng tiền tệ Đông Á, Trung Quốc rút ra kết luận một trong những khâu quan trọng nhất để phát triển kinh tế là phải bảo đảm an ninh tiền tệ, vì an ninh tiền tệ có ảnh hưởng lớn đến an ninh kinh tế và qua đó ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Tuy nhiên, đối với nhiều nước đang phát triển, việc nhấn mạnh lấy phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, xuất phát từ chính quan niệm mang tính hướng nội về an ninh quốc gia. Bất cập lớn nhất là ở chỗ cùng với sự phát triển kinh tế, cũng xuất hiện những áp lực đối với sự ổn định của trật tự xã hội. Hơn nữa, trong điều kiện toàn cầu hóa, các nước đang phát triển không có cách nào khác là phải hội nhập để tận dụng các cơ hội và thuận lợi của quá trình này để phát triển kinh tế, và như vậy họ phải chịu lệ thuộc vào thị trường quốc tế và nguồn vốn nước ngoài. Đây lại chính là một nguy cơ có thể trở thành hiểm họa đối với an ninh kinh tế và chính trị nếu như bản thân các nước đang phát triển không thể chủ động kiểm soát được các mối quan hệ này.

Thứ tư, vấn đề văn hóa truyền thống và bản sắc dân tộc ngày càng trở thành mối quan tâm nhức nhối của các nước và có xu hướng được coi là một nội dung của khái niệm an ninh quốc gia. Quả vậy, quá trình toàn cầu hóa làm tăng giao lưu quốc tế và tính đồng nhất trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các nền kinh tế mạnh mẽ có ảnh hưởng nhiều hơn đến các nước khác. Nhiều giá trị vốn dĩ xuất phát từ một nước (thông thường là những nước lớn, có nền kinh tế mạnh) được thừa nhận và trở thành những giá trị gần như chung của các xã hội khác nhau. Nhiều giá trị riêng của các dân tộc bị xói mòn và mất dần ảnh hưởng. Cùng với quá trình toàn cầu hóa, nhiều nét riêng của mỗi nước bị mất dần đi đồng thời với việc chấp nhận những giá trị "chung". Nền văn hóa dân tộc của mỗi nước bị sự tiến công, gặm nhấm của các giá trị văn hoá bên ngoài. Khuynh hướng đồng nhất ở những góc độ nào đó cả về văn hóa (không nhất thiết trên cơ sở đồng hóa bởi một nền văn hóa mạnh, mà có thể là sự lai tạp nhiều giá trị của những nền văn hóa khác nhau) đã và đang hiện ra ngày càng rõ hơn. Trên thực tế, nền văn hóa của nhiều nước trên thế giới hiện nay bị ảnh hưởng không nhỏ bởi văn hóa Âu - Mỹ. Sự đe dọa về văn hóa này đã và đang khơi dậy mạnh mẽ ý thức bảo vệ và duy trì truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc trong nhiều nước trên thế giới hiện nay.

---

(2) Xem : tạp chí *Quân sự nước ngoài* (của Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng) số 5/1995

Digitized by Google

Tuy nhiên, việc tăng cường bảo vệ và duy trì truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc cũng lại đặt các quốc gia trước khó khăn của thế "tiến thoái lưỡng nan". Bởi lẽ, quá đề cao văn hóa dân tộc có nguy cơ dẫn đến chỗ bài ngoại, đóng cửa và sẽ bị tụt hậu so với các nước trên thế giới. Như vậy, sẽ lại vấp phải mối đe dọa lớn đối với an ninh quốc gia. Vấn đề đặt ra đối với mỗi nước khi hội nhập vào xu thế chung là xác định những nét đẹp, những đặc trưng hay của văn hóa dân tộc (bản sắc văn hóa dân tộc) cần gìn giữ, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những cái hay trong văn hóa của các dân tộc khác để làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần và các giá trị dân tộc từng nước.

Thứ năm, sự phát triển của toàn cầu hóa cũng khiến người ta phải quan tâm nhiều hơn đến vấn đề môi trường. Bởi lẽ, quá trình này có nguy cơ làm trầm trọng thêm vấn đề môi trường ở nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển. Sự phát triển kinh tế và công nghiệp hóa ở các nước này đã và đang làm cho các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, rừng bị tàn phá, không khí và các nguồn nước bị ô nhiễm... từ đó trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến tình trạng lũ lụt lớn trên diện rộng ở nhiều nơi, thiếu nước sinh hoạt, sa mạc hóa đất đai... Tình trạng này đe dọa an toàn cuộc sống của con người và ảnh hưởng xấu tới các hoạt động kinh tế - xã hội. Những năm gần đây, vấn đề an ninh môi trường được đặt ra một cách ráo riết. Ngày càng có nhiều nước đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên vị trí quan trọng trong chính sách và gắn an ninh môi trường với an ninh quốc gia, thậm chí coi đó là một bộ phận của an ninh quốc gia. Điều này sẽ có tác động rất cơ bản tới tư duy chiến lược, bởi vì "kẻ thù" bây giờ hoàn toàn khác, nó nằm trong chính môi trường tự nhiên và xã hội, gắn chặt với hoạt động kinh tế - xã hội của mỗi cộng đồng dân cư. Đối phó với những đe dọa môi trường rõ ràng cần đến những phương thức chiến lược hoàn toàn khác với những phương thức áp dụng để đối phó với những đe dọa quân sự, chính trị.

Thứ sáu, sự phát triển của xu thế toàn cầu hóa làm cho việc giao lưu giữa các quốc gia cũng như giữa các công dân của các nước với nhau ngày càng trở nên thuận tiện và chặt chẽ thông qua hệ thống các phương tiện truyền thông, thư tín, điện thoại, fax, Internet, du lịch, làm ăn, hội nghị, lễ hội... Điều này cùng với quá trình tự do hóa và phát triển kinh tế thị trường bên trong mỗi nước sẽ góp phần làm tăng nhận thức của mỗi cá nhân về thế giới và xã hội, đặc biệt là vấn đề dân chủ và quyền con người. Do vậy, các nước sẽ ngày càng phải đối mặt với áp lực của vấn đề này cùng với sự phát triển của quá trình toàn cầu hóa. Thực tế quốc tế những năm qua cho thấy vấn đề an ninh con người được quan tâm nhiều hơn, thậm chí có khuynh hướng cho rằng an ninh con người là mục tiêu hàng đầu và an ninh quốc gia suy cho cùng phải nhằm phục vụ an ninh con người. Quan điểm nhấn mạnh an ninh con người là dựa trên tư tưởng tôn trọng cá nhân, xem cá nhân là thành tố quan trọng nhất của xã hội. Đối với vấn đề này, có sự khác biệt lớn giữa các nước, đặc biệt là giữa Phương Tây và Phương Đông, giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Các nước Phương Tây ngày càng nhấn mạnh nhiều hơn đến an ninh con người và thường lợi dụng vấn đề này để chống lại hoặc can thiệp vào các nước khác. Cuộc chiến tranh ở Nam Tư là một minh chứng hùng hồn về sự can thiệp thô bạo của Mỹ và Tây Âu vào Nam Tư dưới danh nghĩa bảo đảm an ninh cho người An-ba-ni ở Cô-xô-vô.

Yêu cầu đổi mới quan niệm về an ninh quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế bao hàm cả đổi mới trong tư duy chiến lược. Sau "chiến tranh lạnh", trật tự thế giới cũ với hai hệ thống chính trị - xã hội đối kháng nhau không còn tồn tại. Dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa, an ninh của các quốc gia và an ninh quốc tế ngày càng là vấn đề chung của tất cả các quốc gia. Tuy vẫn cần các biện pháp quân sự để bảo đảm an ninh quốc gia và an ninh quốc tế, nhưng trong điều kiện toàn cầu hóa phát triển sâu rộng, các chiến lược quân sự sẽ phải thay đổi. Sức mạnh quân sự và khả năng tiến công đối phương sẽ không phải là chiến lược duy nhất để duy trì an ninh. Phát triển kinh tế bền vững và bảo đảm an ninh kinh tế trở thành trung tâm của các chính sách quốc gia và lợi ích kinh tế trở thành một trong những động lực chủ yếu nổi bật của các tập hợp lực lượng trên phạm vi toàn cầu và khu vực. Xu hướng phát triển các thể chế toàn cầu và khu vực như là một chiến lược để duy trì an ninh của các quốc gia và an ninh quốc tế được tiếp tục khẳng định về tính hợp lý và hữu hiệu trong một thế giới đang được toàn cầu hóa. Ngày càng có nhiều nước đặt vấn đề an ninh quốc gia như là một mục tiêu và thành tố của chiến lược phát triển tổng thể đất nước, gắn chặt vấn đề này với các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển con người. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT & ĐẦU TƯ PETEC

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG













HÀ NỘI

HẢI PHÒNG

ĐÀ NẴNG

LÂM ĐỒNG

TP. HỒ CHÍ MINH

VŨNG TÀU

LONG AN

CẦN THƠ

MOSCOW

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ CUNG CẤP CÁC LOẠI HÀNG HÓA :

- Sản phẩm dầu mỏ TCVN chất lượng cao: xăng A92. A83, dầu FO, DO, dầu hỏa, dầu mỡ nhờn...
- Hàng nông lâm sản : Cà phê, cao su, gạo, trà...
- Hàng thủy hải sản.
- Máy móc, phương tiện thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất .

ĐẦU TƯ LIÊN KẾT TRONG LĨNH VỰC :

- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải.
- Hệ thống bán lẻ xăng dầu.
- Chế biến hàng hóa xuất khẩu.

HÀNH, ,KHÁHÁC CHI NHÁNH, XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC PETEC

TRỤ SỞ CHÍNH :
194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA,
Quận 3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : (08) 9303299/9303633/9303984
9303524/9304136/9304438
Fax : (08) 9305686/9305991
E-mail : Petectonghon @ hcm.vnn.vn

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

20 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Địa chỉ : 98 Thụy Khuê - Tel : 8.457290



Nhà xuất bản Thống kê là đơn vị trực thuộc Tổng cục Thống kê, được thành lập ngày 20-1-1981. Nhiệm vụ chính là tổ chức biên soạn, biên tập và xuất bản các loại sách thông tin bằng số tình hình kinh tế - xã hội về đất nước; sách hướng dẫn công tác nghiên cứu khoa học về hạch toán và thống kê ; sách tin học và ứng dụng tin học trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật ; các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy về thống kê ; kế toán trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Ngoài ra, Nhà xuất bản còn có nhiệm vụ xuất bản và in ấn các loại biểu mẫu, chứng từ hạch toán, giấy tờ quản lý, các loại lịch phục vụ ngành Thống kê và xã hội nói chung.

Trong 20 năm qua, NXB đã xuất bản được 2000 đầu sách, với hơn 1000 triệu trang in, trong đó cơ cấu sách thống kê chiếm tỷ trọng lớn nhất : 439 đầu sách (21,95%) : Bộ Kế hoạch và Đầu tư chiếm 87 đầu sách (4,35%) : Bộ Thương mại 80 đầu sách (4,21%) : Bộ Tài chính 111 đầu sách (5,55%)... Đặc biệt, sách song ngữ chiếm tỷ trọng khá 200 đầu sách (10%). Đến nay, NXB có 46 CBCNV trong đó cán bộ biên tập có trình độ đại học chiếm 50%, 2 Tiến sĩ kinh tế và 1 Thạc sĩ. Tổ chức chi bộ Đảng có 13 Đảng viên, sinh hoạt trực thuộc Tổng cục Thống kê.



Qua 20 năm xây dựng và phát triển, NXB Thống kê đạt được những kết quả tốt trên cả 2 mặt : Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị là xuất bản các loại sách phục vụ ngành và phục vụ xã hội ; thông qua hoạt động kinh doanh đóng góp một phần nhỏ vào ngân sách Nhà nước, đảm bảo vốn cho hoạt động xuất bản và nâng cao đời sống của CBCNV.

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VIỆT NAM

TRƯỜNG CÔNG NHÂN BƯU ĐIỆN I

Địa chỉ : Thị xã Phủ Lý - Hà Nam

Điện thoại : (0351). 851186 Fax : (0351) - 851760

*** NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ**



HT. Hoàng Thị Lượng

Trường được thành lập ngày 1/10/1960, tiền thân của trường là 3 trường trung học, hai trường công nhân. Hiện nay, trường đào tạo công nhân BC-VT hệ chuẩn 18 tháng và hệ bổ túc, nâng cao cho ngành. Trường đã đào tạo : 22.650 hs chính qui, 25.766 lượt hs là công nhân bổ túc, nâng cao.

Trong mọi thời kỳ trường liên tục cố gắng, phấn đấu vươn lên. Trong cơ chế hiện nay, trường mạnh dạn, khẩn trương đổi mới và tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, giữ gìn tạo dựng nề nếp kỷ cương môi trường sư phạm lành mạnh, quan tâm đời sống vật chất tinh thần cho CB-CNV-GV-HS. Đặc biệt là chăm lo bồi dưỡng trình độ, năng lực cho đội ngũ. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hàng năm, kết quả học tập đạt 23-32% khá và giỏi ; 92-99% đạt yêu cầu. Đạo đức đạt 94-95% loại tốt.

Trường đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bằng khen : 9 huân chương lao động từ hạng 1 -3; 2 huân chương chiến công; Năm 1985 được phong tặng "Anh hùng lao động" ; Năm 1995 được tặng thưởng "Huân chương độc lập hạng 3" ; Năm 2000 được tặng thưởng "Huân chương độc lập hạng 2"

*** NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO :**

- CN doanh Thác bưu chính viễn thông bậc 1/5
- CN kỹ thuật cáp, đường dây thuê bao bậc 2/7
- CN kỹ thuật tổng đài bậc 2/7
- CN kỹ thuật truyền dẫn quang - viba bậc 2/7
- CN nguồn điện và điện lạnh bậc 2/7

Digitized by Google

TRUNG TÂM BẢO TỒN DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ

23 TỐNG DUY TÂN - HUẾ. TEL : 84 - 54 523759 - FAX : 84 - 54 526083



Ông THÁI CÔNG NGUYÊN
GĐ : TTBT Huế

HUẾ VỚI CÔNG CUỘC BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

Công cuộc bảo tồn di sản văn hóa luôn gắn kết với đời sống xã hội với mục tiêu phục vụ con người. Chính vì lẽ đó, TTBTDTCĐH đã tổ chức khai thác, phát huy mọi tiềm năng và giá trị của di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, không ngừng nâng cao chất lượng các công trình, du lịch, phục hồi nhà hát Hoàng cung và các bộ môn truyền thống như nhạc, tuồng, múa cung đình... vốn là hai mặt của một chỉnh thể di sản văn hóa Huế. Các ngành nghề truyền thống như sản xuất vật liệu, khảm chạm, nề ngõa, hội họa, lắp ghép sành sứ, sơn thếp truyền thống... được TT đặc biệt quan tâm, đầu tư, nghiên cứu, bảo tồn và phát triển nhằm mang lại sinh khí cho tổng thể di tích và tạo ra nhịp cầu nối giữa di tích và cuộc sống, quá khứ và hiện tại. Bằng sự cố gắng của mình cùng với sự quan tâm của cả nước, của Nhà nước, của Bộ Văn hóa, của nhân dân TTH, của các tổ chức thế giới Huế đang dần hồi sinh để trở thành **"một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị"**. Các đền đài, lăng tẩm, cảnh quan... hoang phế đã và đang được trả lại diện mạo ban đầu của một thời vàng son với những công trình kiến trúc hoành tráng, những kiệt tác điêu khắc khảm chạm tài hoa và một cảnh quan thiên nhiên hài hòa thơ mộng.



HIỂN LÂM CÁC

Để Huế được cả thế giới quan tâm, để những giá trị di sản của Huế thông qua sự khởi xướng của UNESCO có ý nghĩa như một tuyên ngôn về văn hóa Việt Nam, một sự khẳng định của quốc tế về văn hóa Việt Nam, để văn hóa Huế trở thành di sản của văn hóa nhân loại chính là nhờ có một chính sách hợp lý của Đảng. Đảng đã khơi thông dòng chảy lịch sử cho văn hóa truyền thống Huế hội nhập với cuộc sống đương đại, làm cho văn hóa Huế nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung nâng cao uy tín của tổ quốc Việt Nam trên trường quốc tế.



THÁP PHƯỚC DUYÊN CHÙA LINH MỤ

Hơn 20 năm triển khai cuộc vận động quốc tế, cũng là 20 năm phát huy tối đa nội lực của Đảng, Nhà nước và nhân dân, di sản văn hóa Huế đã bước qua giai đoạn cấp cứu để sang giai đoạn ổn định và phát triển. Bằng tất cả tâm huyết của mình, nhân dân Thừa Thiên Huế sẽ làm tất cả để Huế mãi là một trung tâm văn hóa du lịch hấp dẫn của cả nước và thế giới, để những giá trị văn hóa, nghệ thuật được tôn vinh.

Nhân dân TTH biết ơn và trân trọng những đánh giá, sự giúp đỡ, chăm sóc của nhân dân cả nước và bè bạn nhiều nước trên thế giới. Tin rằng bằng tình yêu Huế, Dự án quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ thành hiện thực, thỏa mãn sự tin tưởng, mong đợi của tất cả những người yêu quý di sản văn hóa Huế.

Xin cảm ơn UNESCO đã dành cho Huế vị trí xứng đáng đúng tầm của một di sản thế giới. Tin rằng thông qua cuộc vận động quốc tế của UNESCO trong giai đoạn mới sẽ mạnh mẽ hơn, sâu rộng hơn, hiệu quả hơn để **Huế luôn luôn mới.**

Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH TỔNG HỢP 3/2

Phú Yên

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH :

Quản lý, chăm sóc rừng, trồng rừng lâm sinh, rừng kinh doanh, Sản xuất nông lâm kết hợp

Các sản phẩm về gỗ : Gỗ tròn, Gỗ xẻ, Gia công chế biến đồ mộc dân dụng cao cấp

Vật liệu xây dựng : Đá các loại phục vụ xây dựng, xây dựng giao thông, thủy lợi...

Thi công các công trình giao thông, Thủy lợi, cầu cống, xây dựng dân dụng, công nghiệp...

Kinh doanh thương mại, dịch vụ du lịch

Trụ sở: **Cây số 11, QL I, Xuân Dục, An Phú, Tuy An**
ĐT: **860148, 860292**
Fax: **860148** ; ĐTDĐ: **090504102**
Văn phòng giao dịch:
193 Trần Hưng Đạo, TX. Tuy Hòa ; ĐT: 825015
Giám đốc: **Đỗ Hữu Minh Vinh**

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

Lâm trường Hà Đan :
Thị trấn La Hai, Đồng Xuân ĐT : 872260
XN Khai thác Chế biến Lâm sản :
Xuân Quang, Đồng Xuân ĐT : 872024
XN Khai thác Chế biến Kinh doanh Vật liệu xây dựng :
Cây số 11, Quốc lộ 1, An Phú, Tuy An
ĐT : 860151 ĐTDĐ : 091445110, 090504102
XN Xây dựng Giao thông Thủy lợi :
193 Trần Hưng Đạo, Thị Xã Tuy Hòa,
ĐT : 825015, 828778
Trung tâm thương mại, Dịch vụ du lịch 3/2 Sông Cầu :
Long Hải, Thị Trấn Sông Cầu
Phân xưởng xẻ gỗ Phú Lâm : ĐT : 851319
Đội 2 sản xuất đá VLXD :
Xuân Phương, Huyện Sông Cầu ĐT : 875074



Rất hân hạnh được liên doanh với các bạn

BỘ XÂY DỰNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

TRỤ SỞ 21 PHỐ KIM ĐỒNG - GIÁP BÁT - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI TEL : 04.8.647122 FAX : 04.8.647144



Trụ sở Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

là Tổng công ty nhà nước, có tên giao dịch quốc tế là HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT CORPORATION (HUD), hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển nhà và đô thị mới trong phạm vi cả nước.

Lập thành tích chào mừng thắng lợi của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Tổng công ty quyết tâm thực hiện kế hoạch xây dựng 10 vạn m^2 sàn nhà ở trong năm 2001. Ngày 31/3/2001 Tổng công ty đã khởi công xây dựng 10 nhà ở cao 11 tầng (tổng cộng 1.400 căn hộ) tại khu nhà ở bán đảo hồ Linh Đàm. Ngày 23/4/2001 khởi công xây dựng 2 nhà ở cao 11 tầng (gồm 350 căn hộ) tại Khu đô thị mới Định Công. Dự kiến cuối năm 2002 sẽ hoàn thành toàn bộ các căn hộ trên và bàn giao cho khách hàng đưa vào sử dụng.



Phối cảnh các khối nhà ở cao tầng trên trục trung tâm - bán đảo Linh Đàm (KCXD ngày 31/3/2001).



Trục trung tâm khu nhà ở cao tầng và công trình dịch vụ - BÁN ĐẢO HỒ LINH ĐÀM (sẽ khởi công xây dựng đầu năm 2001)



Phối cảnh nhà ở 12 tầng CT.2 (220 căn hộ) tại khu đô thị mới ***Định Công*** *(KCXD ngày 23/4/2001)*



Phối cảnh nhà ở 11 tầng CT.16 (130 căn hộ) tại khu đô thị mới ***Định Công (KCXD ngày 23/4/2001)***

Digitized by Google

5780

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước chủ đạo trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông. Tổng Công ty hiện có 96 đơn vị thành viên, hoạt động đa lĩnh vực : cung cấp dịch vụ Bưu chính Viễn thông ; sản xuất công nghiệp ; tư vấn, thiết kế, xây lắp ; đào tạo, giáo dục, y tế ; thương mại, bảo hiểm, tài chính, tiết kiệm bưu điện... Sự phát triển của Tổng Công ty duy trì cân đối giữa kinh doanh và phục vụ ; không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh gắn với các hoạt động công ích góp phần phát triển kinh tế - văn hóa nông thôn, góp phần giữ gìn an ninh quốc phòng. Kết quả phấn đấu của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong những năm vừa qua đã hội tụ đủ điều kiện của một tập đoàn kinh tế.



Bên cạnh việc đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Tổng Công ty đã tổ chức nhiều các hoạt động chào mừng Đại hội. Trong ảnh là các đồng chí Lãnh đạo Tổng cục Bưu điện, Lãnh đạo TP Hà Nội, lãnh đạo Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam ký và đóng dấu phát hành đặc biệt bộ Tem "Chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX"



Qua ba năm triển khai, đến nay Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã xây dựng được gần 5.000 Điểm Bưu Điện Văn hóa xã, đây vừa là nơi cung cấp các dịch vụ Bưu chính Viễn thông, vừa là nơi đọc sách báo miễn phí phục vụ nhân dân. Thực hiện chủ trương của Đảng, Tổng Công ty đã chuẩn bị các điều kiện tại các điểm bưu điện văn hóa xã để giúp nhân dân nghiên cứu và tham gia Báo cáo Chính trị trình Đại hội Đảng IX.



Công tác phát triển Đảng được Tổng Công ty đặc biệt quan tâm. Đảng bộ Tổng Công ty liên tục được Đảng ủy khối cơ quan kinh tế Trung ương công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Trong ảnh là Lễ phát thẻ đảng viên mới nhân dịp kỷ niệm 71 năm ngày thành lập Đảng.



Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là mô hình gắn kết giữa nghiên cứu - đào tạo - sản xuất, đã và đang góp phần xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao cung cấp cho Bưu chính Viễn thông Việt Nam, góp phần đào tạo đội ngũ kỹ sư tin học trẻ cung cấp cho chương trình phát triển công nghiệp phần mềm của đất nước.

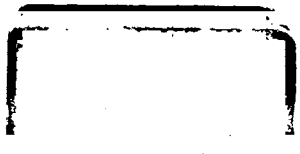
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5528





Digitized by Google

